

BAKIM

Trương Chính - Ông Văn Tùng
(dịch từ nguyên bản tiếng Trung)



Tuỳ Tưởng Lục

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ-THÔNG TIN - 1998



Rạng Đông xuất bản

Tác giả

B A K I M

Tuỳ Tưởng Lục

* * *

Người dịch:

Trương Chính

Ông Văn Tùng

* * *

Biên tập, hiệu đính: **Lê Thanh Minh**

Trình bày, vẽ bìa, tạo ebooks

Matthoigian2001@

Nguồn text: **Vũ Thư Hiên**

Rạng Đông xuất bản

Copyright © Rạng Đông giữ Bản quyền

BA KIM

Trương Chính - Ông Văn Tùng
(dịch từ nguyên bản tiếng Trung)

Tuỳ Tư Ưởng Lục



Rạng Đông
phát hành

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ-THÔNG TIN - 1998

MỤC LỤC

THÂN PHẬN TRÍ THỨC TRONG XÃ HỘI CỘNG SẢN

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

Nhà văn Ba Kim - Danh nhân văn hóa Trung Quốc

MƯỜI NĂM, MỘT GIẤC MỘNG

TÔI VÀ VĂN HỌC

TÊN CỦA TÔI

NGÔI NHÀ CŨ CỦA TÔI

NHỮNG CON ÁC MỘNG CỦA TÔI

HAI MƯƠI NĂM TRƯỚC

THƯƠNG NHỚ TIÊU SAN

LẠI NHỚ TIÊU SAN

LỜI LỄ HÙNG HỒN

TÊN BỌM NON

NHỚ ĐỒNG CHÍ PHƯƠNG CHI

NHỚ ĐỒNG CHÍ LÃO XÁ

CHIẾC GƯƠNG LỚN

CON "PHỐC" CON

TÌM TÔI

LẠI BÀN VỀ TÌM TÔI

TÌM TÔI, BÀI THỨ BA

TÌM TÔI, BÀI THỨ TƯ

TẮM MÙA XUÂN

NHỚ LÊ LIỆT VĂN

NHỒI SỢ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐT

TƯ TƯỞNG PHỨC TẠP

NÓI THẬT

"NGƯỜI ĐẾN TUỔI TRUNG NIÊN"

LẠI BÀN VỀ NÓI THẬT

VIẾT THẬT

LẠI NÓI VỀ TÊN BỌM NON

NHÀ VĂN

GIẤC MƠ NAGASAKI

NÓI VỀ MƠ

TÔI VÀ BẠN ĐỌC
NHỚ ĐỒNG CHÍ MAO THUẦN
NHỚ VỀ CHỊ CẢ PHƯƠNG LỆNH NHỮ
TƯỜNG NHỚ ÔNG PHONG
LỜI TỰA "CẬN DĨ TUYỂN TẬP"
BÉ ĐOAN ĐOAN
NHỚ THƯƠNG ANH MÃ
VỀ NÓI THẬT, BÀI THỨ BA
TƯỜNG NHỚ ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG MÂN ĐÀO
NÓI THẬT, BÀI THỨ TƯ
TỰ MỔ XÉ
"LỜI NGƯỜI ĐÁNG SỢ"
TẦNG LỚP TRÍ THỨC
NHẬT KÝ CỦA TÔI
THƯƠNG NHỚ HỒ PHONG
NĂM BỆNH
CHUÔNG BÒ
ĐỒNG CHÍ TRIỆU ĐAN
HOÀI NIỆM LỖ TẤN TIÊN SINH
KỶ NIỆM PHÙNG TUYẾT PHONG
LỜI NÓI SAU

THÂN PHẬN TRÍ THỨC TRONG XÃ HỘI CỘNG SẢN

Đọc “Tuỳ Tưởng Lục” của Ba Kim

Thường khi gặp được một cuốn sách hay là tôi phải đọc một lèo. Có khi thức trắng đêm đọc cho bằng xong. Chưa xong thì trong người cứ anh ách, ngủ không yên. Lâu ngày thành cái tật, sửa không được.

Cuốn *Tuỳ Tưởng Lục*¹ tôi đang có trong tay là của một bạn văn trong nước gửi cho. Anh biết chắc tôi sẽ thích món quà của anh.

Mà thích thật. Trước hết, đó là cảm giác gần gũi của thân phận tác giả với thân phận người đọc, của sự đồng cảm. Cứ đọc xong một bài, có khi chỉ một đoạn, lại phải đặt sách xuống, thờ người ra mà ngẫm nghĩ. Có chỗ, ứa nước mắt.

Thích thì thích, nhưng tôi đã không đọc nổi *Tuỳ Tưởng Lục* của Ba Kim một mạch. Chắc nó cũng có sức lôi cuốn tương tự với những ai từng sống trong xã hội cộng sản và có một chút trần trở về xã hội ấy (dù chỉ một chút thôi): nó thật sự là cái gì vậy? nó có xứng với ta, với con người, không? liệu nó còn tương lai không?

Tuỳ Tưởng Lục là lời tâm sự thật thà của một trí thức háo hức đi tìm chân trời mới, rồi lơ ngơ thế nào lại thấy mình rơi tõm xuống địa ngục. Trong *Tuỳ Tưởng Lục* có đủ nỗi nhục nhằn tinh thần và những mất mát làm trái tim suốt đời rỉ máu, không kể đến những đòn đau thân xác.

Tuỳ Tưởng Lục, bản tiếng Việt² là một tập những bài viết của Ba Kim trong tuổi trên 80, nghĩ gì viết nấy, không câu nệ thể loại, đề tài. Hai dịch giả danh tiếng - Trương Chính và Ông Văn Tùng – tự chọn các bài để dịch. Sự chọn lựa của hai ông rất khéo: vừa đủ để người đọc được biết về một thảm họa xảy ra ở nước láng giềng đã nhiều năm, nhưng vì bị bưng bít nên

không ai biết vận mòng nó ra làm sao, đồng thời cũng tránh được cơn giận dữ ở các bậc quyền cao chức trọng dễ chạnh lòng.

Tuỳ Tưởng Lục nguyên bản tiếng Hoa là một tác phẩm đồ sộ, gồm 5 tập, không rõ bao nhiêu trang, tập đầu in năm 1978, tập cuối in năm 1986. Những bài được chọn để dịch đều ít nhiều dính dáng tới cuộc “Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản” kéo dài mười năm - từ 1966 đến 1975. Người Việt nào từng chịu đựng cuộc Tiểu cách mạng văn hoá vô sản ở Việt Nam (nó không có tên gọi, kéo dài và âm thầm) sẽ tìm thấy trong *Tuỳ Tưởng Lục*³ những lý giải cho câu hỏi: vì sao nên nổi?

Những nghiên cứu khoa học cho ta biết trong trí nhớ của con người có một bộ lọc kỳ diệu. Nó thường xuyên xoá đi giúp ta những hình ảnh xấu, những kỷ niệm buồn. Không có cái bộ lọc ấy thì cuộc sống con người khổ nạn lắm. Thật vậy, tôi cũng thường quên những điều tồi tệ, chỉ những kỷ niệm đẹp mới được ghi lại. Tác giả *Tuỳ Tưởng Lục* chắc cũng không khác. Không thể, không sống nổi.

Vậy mà, với *Tuỳ Tưởng Lục* Ba Kim lại chống cái trí nhớ có lợi cho con người ấy. Trải qua những năm tháng bị đập vùi, ngấm lại thân phận mình và thân phận đồng bào trong cái xã hội “không thể tưởng tượng nổi”, ông kêu gọi mọi người không được quên cái Ác và tội của nó. Quên là chết. Nhớ thì đau đấy, khổ đấy, nhưng phải khắc cốt ghi xương, rằng nó đã có, cái Ác ấy, nó hằng có, lúc tiềm tàng, lúc hiện diện, cho nên phải luôn cảnh giác với nó, để mặc nó lộng hành thì con người không thể nào có được cuộc sống yên lành. Phải chặn đứng cái Ác khi còn chưa muộn, phải trói nó lại, cách ly nó khỏi đời sống, tìm mọi cách tiêu diệt nó. Không thể để lũ ác nhân cứ tự do hoành hành, tác yêu tác quái, rồi bất kể hậu quả là thế nào, chúng cứ nhờn nhờn lớn lối với bàn dân thiên hạ, coi như không có chuyện gì xảy ra, chỉ có mình chúng là duy nhất đúng đắn, là vô cùng sáng suốt: “Thành tích là căn bản, sai lầm là nhất thời”. Đối với lũ ác nhân đội lốt thiên thần đường

như cứ đạt được một thành tích nào đó, dù chỉ trong tưởng tượng, thì cái gì cũng được phép. Đánh người tùy thích. Giết người tha hồ.

Gần ba chục năm đã trôi qua kể từ hạo kiếp của Ba Kim kết thúc. Nhưng ông lúc nào cũng bị dẫn vật bởi câu hỏi: lấy gì bảo đảm rằng vào một lúc nào đó, lại không có một tên nào đó, hoặc vài ba tên nào đó, hoặc cả một lũ một lũ nào đó, sẽ lặp lại lần nữa, hoặc hơn một lần nữa, cái cuộc thiên hạ đại loạn từng đẩy ông, các bạn ông, và không biết bao nhiêu người Trung Quốc hiền lành vô tội khác, xuống địa ngục?

Trong một bài nói chuyện với giới văn hoá ở Nhật (trong bài không ghi rõ ngày tháng, nhưng chắc chắn là phải sau 1975), Ba Kim cảnh báo: “Mười năm đại hoạ đó là sự việc lớn trong lịch sử loài người, chẳng những dính líu đến chúng tôi, mà còn dính líu đến tất cả loài người”. Nếu Đại cách mạng văn hoá vô sản không xảy ra ở Trung Quốc ắt phải xảy ra ở một nước nào khác, ông nói thế.

Ba Kim đúng. Đúng ở chỗ ông đã nói ra. Nhưng ông cũng sai. Sai ở chỗ ông biết mà không nói hết.

Đúng là cuộc Đại cách mạng văn hoá vô sản không phải chỉ là bài học cho một nước. Nó là bài học chung cho cả loài người. Chưa kể những nơi mà nó khơi dậy những tiểu cách mạng văn hoá vô sản như ở Việt Nam và Cambodia. Ở đó những di hoạ khủng khiếp của nó không biết đến bao giờ mới tuyệt diệt. Cái hoạ này lớn hơn ta tưởng nhiều. Nó lớn ở chỗ người trong cuộc không nhận ra nó khủng khiếp tới mức nào, đừng nói gì người ngoài. Mà không phải chỉ ở những nơi nào nó diễn ra mới chịu hậu quả tai hại. Cứ xem châu Âu của truyền thống dân chủ và tự do trong thập niên 60 thế kỷ trước thì thấy. Hồi ấy đã có bao nhiêu trí thức châu Âu hoan hỉ chào mừng những cuộc “vận động” của những “mao-nhiều” Trung Quốc, cứ như thể dưới bóng lá cờ năm sao đang diễn ra một cuộc đổi đời thật sự, biến mọi sự xấu thành tốt. Đã có bao nhiêu người ở khắp thế giới này hướng về Thiên An Môn với hi vọng được thấy một thế giới mới sẽ từ đó toả ra khắp

năm châu bốn biển? Và cho tới hôm nay rải rác đâu đó vẫn còn những “mao ít” mang huy hiệu Mao Trạch Đông trên ngực, miệng hô: “Cái thế giới này phải cải tạo bằng khẩu súng trường”, tay trói du khách đem đi giấu để đòi tiền chuộc.

Ba Kim sai, ở chỗ nơi “Đông phương hồng, mặt trời lên, Trung Hoa chúng ta có Mao Trạch Đông” không phải chỉ có một cuộc Đại cách mạng văn hoá vô sản. Trước nó đã có hết cuộc “vận động” này đến cuộc “vận động” khác, và như một quy luật, cuộc “vận động” nào cũng kết thúc bằng một địa ngục, không phải cho người này thì người kia. Ai theo dõi tình hình Trung Quốc cận đại cũng biết rằng trước cái nạn Ba Kim và các trí thức đi theo đảng cộng sản bị hạ ngục, bị trấn áp, đã có biết bao nhiêu nạn nhân thuộc các thành phần khác: đảng viên Quốc dân đảng, viên chức chính quyền cũ, tư sản, địa chủ... và những người được gọi bằng cái tên chung “phản động”. Số người bất hạnh ấy là bao nhiêu không ai biết. Đảng cộng sản độc tôn cai trị không thống kê. Nhưng không phải vì thế mà Ba Kim quên những người ấy. Hoặc lờ họ đi. Họ cũng là người như ông chứ. Chẳng lẽ ông có thể phớt lờ một sự thật rành rành rằng ở Trung Quốc mọi cuộc “vận động” “xây” cái này, “chống” cái kia, bao giờ cũng đi kèm với trống rong cờ mở ban đầu và kết thúc bằng lợi với máu chảy, người chết. Lệ là thế. Không thể không phải là cách mạng. Theo lý thuyết của chủ tịch Mao.

Ba Kim được các nhà phê bình văn học bản địa coi là một trong bốn cây đại thụ của nền văn học Trung Quốc (ba người kia là Lỗ Tấn, Mao Thuần, Quách Mạt Nhược). Cách đánh giá của họ không có sự đồng thuận ở bên ngoài Trung Quốc. Nhưng đánh giá theo cách nào thì Ba Kim cũng là một nhà văn lớn. Ông tên thật là Lý Nghiêu Đường, tự Phế Cam, người tỉnh Tứ Xuyên, con nhà giàu có, từng du học Pháp. Năm 23 tuổi, khi còn là học sinh trường trung học La Fontaine ở thị trấn Chateau-Thierry, ông viết cuốn tiểu thuyết đầu tay Diệt Vong, được độc giả rất hoan nghênh. Từ năm 1930-1949 ông viết nhiều (Ái Tình Tam Bộ Khúc, Kịch Lưu Tam Bộ Khúc), dịch cũng nhiều.

Sau năm 1949, khi lục địa Trung Hoa đã hoàn toàn bị nhuộm đỏ, Ba Kim cũng như rất nhiều văn nghệ sĩ đã đi theo đảng cộng sản. Tự nguyện hoàn toàn. Một lòng một dạ. Với tất cả tâm hồn hướng thiện nồng cháy. Tuy nhiên, Ba Kim viết ít hơn hẳn so với trước. Nhà trí thức Ba Kim không theo kịp (hay đã cố gắng mà không sức nổi) những khẩu hiệu “Quán triệt phương hướng phục vụ công nông binh, phục vụ chủ nghĩa xã hội”, “thực hiện phương châm “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”, “Tiến hành phương pháp chủ nghĩa hiện thực cách mạng kết hợp với chủ nghĩa lãng mạn cách mạng”... Nào có phải chỉ có những khẩu hiệu rỗng rỗng mà thôi. Theo sau chúng là những cuộc đấu tranh có máu đổ, có người chết. Nào “Phê phán phim Vũ Huấn” (1951), “Phê phán cuốn “Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng” của Du Bình Bá”, “Phê phán quan điểm duy tâm của Hồ Thích” (1954), “Chống tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong” (1955), “Chống phái hữu trên mặt trận văn nghệ” (1957), “Chống “chủ nghĩa xét lại” (1959). Đây là chỉ nói về các cuộc “vận động” nhằm nện cho trí thức như tử. Chứ còn tư sản, địa chủ thì Mao chủ tịch và các đồng chí của ông ta đã quét sạch sành sanh.

Tất cả sự tàn nhẫn của đảng cộng sản đối với trí thức, xét cho cùng, chỉ có mục đích bắt họ phải khuất phục đảng vô điều kiện. Nhưng chưa phải thế đã đủ, những cuộc “vận động” kia hoá ra mới chỉ là khúc nhạc dạo cho một cuộc “cách mạng” còn tàn bạo và gớm ghiếc gấp bội.

Tên của nó là “Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản”.

Tháng 8 năm 1966, dùng một cái, Ba Kim rơi xuống địa ngục.

Ông tả lại: “... Tôi thật giống như một du hồn bị đưa đến “Thập điện Diêm Vương”. Mỗi chuyện tôi làm trong quá khứ đều bị nêu ra, từng cái một, để bỏ tôi vào vạc dầu mà tra tấn, mà thay xương đổi thịt! Mười bức vẽ đưa vong linh đi qua thập điện Diêm Vương, âm khí thâm thẳm, máu chảy đầm đìa, không biết mình là người hay là quỷ, là thú vật hay hồn ma, xuống âm ty hay đã xuống địa ngục rồi. Bấy giờ Tiêu San còn sống, sáng dậy tôi

mở mắt, nghe tiếng nàng, tôi gọi thì nàng nói: “Không sống nổi nữa!” (*Tuỳ Tưởng Lục*).

Nói dùng một cái, là vì Ba Kim đang sống yên lành, hơn nữa, còn hữu hảo lăm lăm với chính quyền cộng sản, vào thời điểm ấy ông còn là cán bộ cấp cao về văn nghệ nữa; ấy thế mà một hôm, vừa mới đi tiễn các nhà văn Á-Phi ở sân bay về đến nhà thì gặp người của cách mạng ập tới, túm lấy, trói tay giải đi. Úm ba la, Ba Kim – nhà văn cộng sản - trở thành “đối tượng của chuyên chính vô sản”. “Đối tượng”, chữ ấy thoát nghe có vẻ vô thường vô phạt, nhưng nghĩa của nó trong thực tiễn xã hội chủ nghĩa chỉ có người trong cuộc mới hiểu được nó là cái gì. Nó có nghĩa nôm na là “kẻ thù”. Không phải chỉ là kẻ thù giai cấp được định nghĩa trong các tác phẩm kinh điển mác-xít, được dùng nhiều nhất trong các trước tác của Stalin, Mao Trạch Đông, không phải thế. Ở cái xã hội được gọi là Xã hội Chủ nghĩa (viết hoa) ai cũng có thể trở thành “kẻ thù” hết. Mà đã là kẻ thù thì còn cái gì tốt đẹp, vui vẻ, chờ đợi họ trên con đường khổ ải đã trở thành quen thuộc chứ. Nhất là người dân ở nước Trung Hoa đỏ. Ở nước này ai cũng biết mỗi khi có một cuộc “vận động cách mạng” (lần thứ n trong lịch sử) là y như rằng các “đối tượng” của cách mạng (hay của chuyên chính vô sản thì cũng rửa) sẽ được “xử lý” như thế nào.

Nhà văn Ba Kim hiền lành không dám chống lại đảng cộng sản, thậm chí trong ý nghĩ. Thế mà dùng một cái ông bị đảng ném vào cái đồng lúc nhúc đủ mọi thứ “kẻ thù của cách mạng”. Ông bị mang đi đấu khắp nơi, từ thấp đến cao, lúc “bồi đấu”, lúc “dạo đấu”, lúc “chính đấu”, đủ kiểu. Nhà ở của ông bị lục lọi khám xét lanh tanh bành, đồ đạc bị cướp thả cửa..., bản thân bị đưa đi “học tập” (Ba Kim gọi là làm “bò”, bị bắt đi lao động cải tạo ở “trường 7.5”). Bởi vì Ba Kim có tội, theo quan niệm của cách mạng, của đảng cộng sản, hay nói cho đúng hơn, của một số “ông bà” cách mạng (than ôi, chẳng bao lâu sau những ông bà cách mạng này lại bị các ông bà cách mạng khác vạch mặt chỉ tên rằng đó là một “bè lũ” phản cách mạng). Tội của Ba Kim không được toà án nào tuyên. Mấy ông bà cách mạng năm

Đảng cộng sản lúc ấy chỉ cần phán: Ba Kim là “tên đại phản cách mạng”. Thế là đủ. Bói ra ma, quét nhà ra rác, những gì Ba Kim viết, trường hợp của ông cũng không khác gì của các nhà văn khác, tháng trước năm trước được khen, tháng sau năm sau bị chửi, là chuyện thường tình.

Trong các văn kiện nói về cuộc trấn áp rừng rợn này, đảng cộng sản Trung Quốc ra một khẩu hiệu sắt máu: “Đánh gục tại chỗ, lấy chân đạp xuống, suốt đời không cho ngóc đầu dậy!”.

Ở miền Bắc Việt Nam hồi ấy chẳng ai biết “Đại cách mạng văn hoá vô sản” là cái chi chi, trừ những bài ca ngợi nó, tí chữ to, in màu đỏ đậm, trên trang nhất tờ Nhân Dân. Trong những cuộc nói chuyện “nội bộ”, các lãnh tụ lớn lãnh tụ bé ra sức ca ngợi cuộc “Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản” do chính Mao chủ tịch vĩ đại đích thân chỉ đạo. Trong thời gian này bà vợ của Mao chủ tịch vĩ đại là đồng chí Giang Thanh hồi ấy sang Hà Nội theo lời mời của chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách khách riêng. Bà ta hồng lắm, là khách mà lại đòi xem trước những bài xã luận báo Nhân Dân, rồi tự mình sửa từng chữ từng câu. Chuyện này tôi không bịa – chính người làm báo Nhân Dân kể tôi nghe. Cầm trong tay những số báo ấy, người đọc giật mình thon thót, toát mồ hôi hột: liệu ở bên ta rồi có sẽ có cái “cách mạng” kiểu đó không? Máy ông kỉnh bên ta dám động cờn lên làm một cái gì đó theo chân các Con Trời lắm. Nước Tàu ở gần ta quá, mà các ông kỉnh của ta lại xính bắt chước. Cứ nghe các ông ấy nói thì cuộc “Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản” ở bên Tàu hay lắm, rằng cuộc sống sẽ ngày một tốt đẹp hơn là nhờ có nó. Cứ như thế không có cách mạng thì người ta ăn cám cả.

Ờ, người ta nói, có đấu tranh như thế thì cuộc sống sẽ tốt hơn thì... tốt thôi. Miễn đừng có khởi lên một cuộc đấu tranh “long trời lở đất” như cải cách ruộng đất. Kinh nghiệm sống trong các quốc gia xã hội chủ nghĩa cho người ta biết: phàm đã “đấu tranh” là y như rằng xã hội lộn tùng phèo, đầu chẳng phải phải tai, lành ít dữ nhiều, loạn xạ bát nháo, kinh lắm. Các lãnh tụ

quyền sinh quyền sát thì họ có lợi, chứ dân đen chỉ có nước chết, bị tóm cổ bắt đầu tranh mà không thể biết “tránh đâu”?

Nhưng những tin vĩa hè, bây giờ được dân gian gọi bằng một cái tên hiện đại, mà rất trúng, là Thông tấn xã nhân dân, cho biết ở bên Tàu chẳng có cách mạng cách miếc gì hết, mà đang có một cuộc “thiên hạ đại loạn” với những tiểu tướng Hồng vệ binh hung hăng đập phá, bắt bớ, và cả giết chóc nữa.

Bắc Kinh mà đã báo mưa thì vua quan ở Hà Nội đi ô, bà con hãy cẩn thận!

Nhưng than ôi, đã ở trong vòng kiểm toả của Đảng Cộng sản rồi thì có cẩn thận cũng bằng thừa.

Thật vậy, chẳng bao lâu sau sự khởi đầu “Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản”, Lê Duẩn - hoàng đế tân triều, ngồi trên ngai vàng vẫn còn quen tay bẻ ghi đường sắt, ra lệnh phát động ngay tắp lự một cuộc trấn áp bọn phản cách mạng, theo hình mẫu Trung Quốc, gọi là “bọn xét lại chống Đảng”. Cánh tay phải của Lê hoàng đế là Tế tướng giấu mặt Lê Đức Thọ và Đệ nhất đao phủ Trần Quốc Hoàn ra tay.

Thế là tôi vào tù. Cùng với vô số người khác.

Trong cuộc sống trong xà lim kín như bưng kéo dài hơn bốn năm, tôi không biết việc gì đang xảy ra bên ngoài bốn bức tường, nói gì đến những việc xảy ra ở tận bên Tàu. Đến lúc được đưa ra trại chung mới được nghe sơ sơ về cái cuộc cách mạng long trời lở đất ấy. Những người Trung Hoa từ đại lục chạy qua, bị bỏ tù bởi nước chư hầu, nước phen dậu của Thiên triều, tránh không kể kỹ. Không phải vì họ sợ, đã ở trong nhà tù Việt Nam rồi còn quái gì mà sợ, nhưng họ ngán nhắc tới những kỷ niệm hãi hùng. Còn tôi thì nghe cái sự kể sơ sơ ấy đã dựng tóc gáy. Còn khiếp hơn những chuyện kinh dị đọc trong sách nhiều. Mạng người như mạng ngoé. Dân thường còn thế, chắc trí thức Trung Quốc khốn khổ lắm. Đến những năm 1979-1980 khi cái rằng Trung Quốc dùng dùng cắn môi Việt Nam một cái rõ đau, các nhà cầm cân nảy mực Việt Nam coi Trung Quốc là kẻ thù rồi, tôi mới được đọc lác

đắc vài cuốn sách bơi xấu những nhà lãnh đạo một thời của Thiên triều, đại loại như Hồng Đô Nữ Hoàng (Giang Thanh), những chuyện thâm cung bí sử có liên quan tới Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Bành Chân, Diệp Kiếm Anh, Hạ Long, Bành Đức Hoài, Chu Ân Lai...

Nhưng mãi đến bây giờ, ba chục năm sau đó, qua *Tuỳ Tưởng Lục* tôi mới được biết cái ngày “hội cách mạng” ở Trung Quốc đã diễn ra với giới trí thức như thế nào?

Tôi tin Ba Kim kể thật những gì ông viết về “Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản”. Tôi tin ông không bịa, như thường thấy trong những hồi ký ba lảng nhảng thuộc dòng văn học tố khổ. Mặt khác, tôi còn tin rằng ông đã nói ít hơn những điều ông biết và có thể kể lại. Có thể cảm thông với ông, ông không dám nói đủ, nói hết, một phần do sợ hãi (sợ hãi là một thành tố của tính người xã hội chủ nghĩa, không có nó con người xã hội chủ nghĩa không thể tồn tại), phần khác do mặc cảm tội lỗi – xét cho cùng, ông đâu có hoàn toàn vô can trong những gì tồi tệ đã diễn ra?

“Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản”, theo lời tả của Ba Kim, bắt đầu một cách ào ạt, rầm rộ, với trống giong cờ mở, thanh la nã bạt; hào hùng lắm, khí thế lắm. Trong không khí sôi động ấy các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, họa sĩ..., nói tóm lại, tất tần tật các văn nghệ sĩ, các trí thức, lần lượt bị phái “tạo phản” (một tên gọi phái cực tả, là về sau kia) điểm mặt, lôi ra. Họ bị buộc đủ các thứ tội đối với cách mạng, từ khinh thị công nông, nói xấu lãnh tụ, xuyên tạc chủ nghĩa Mác, đến phản cách mạng, bán nước... Họ là đều là “hoa đại”, là “cỏ độc” hết, tuốt tuột. Phái “tạo phản” la hét đầu đường cuối phố: “Phải quét sạch, phải nhổ tận rễ mọi thứ hoa đại cỏ độc”. Quần chúng, như đàn cừu Panurge, ào ào theo sau, xông vào nhà những người bị đấu, lôi họ ra đường, bắt họ đội “mũ cao” (một hình thức nhục mạ), nhổ bọt vào mặt họ, ném đá vào người họ, hô to những khẩu hiệu đòi tiêu diệt họ. Và xung phong vào nhà bọn hoa đại cỏ độc mà ăn cướp, ăn cướp thực sự, theo nghĩa đen.

Ba Kim tả: “Tôi bỗng trở thành ác bá văn chương”, thành “yêu ma quỷ quái”, thường xuyên bị lôi ra phê đấu. Về sau do “lũ bốn tên”, qua quyết định của sáu người có trách nhiệm ở Thượng Hải là Vương Hồng Văn, Mã Thiên Thủy, Từ Cảnh Hiền... đánh tôi thành “tên phản cách mạng không đội mũ cao”. đuổi tôi ra khỏi giới văn nghệ”. Phái "tạo phản" và tay chân của “lũ bốn tên” dán lên mấy nghìn tờ báo chữ to (đại tự báo) về tôi, thậm chí còn dán biểu ngữ ngay trên đường cái nói tôi là “quân bán nước”, “phản cách mạng”, cho tôi là thối tha. Trương Xuân Kiêu tuyên bố công khai không cho tôi sáng tác nữa” (*Tôi Và Văn Học*). “Nghĩ lại những ngày ấy... tôi vẫn rung mình rợn gáy. Tôi cảm thấy rành rành rằng tấm lưới xung quanh tôi ngày càng thít lại, mỗi tuần lễ một ghê gớm hơn”... Nực cười là tôi cũng cho nhân quyền là thứ của giai cấp tư sản, còn hạng “yêu ma quỷ quái” như chúng tôi không có tư cách hưởng những thứ ấy. Lúc đó sống một ngày dài bằng cả năm, còn bụng dạ nào mà cười? (*Về Nói Thật. Bài Thứ Ba*). “Tôi không giấu là nhiều lần tôi bị phái "tạo phản" lôi lên bục bắt “ngồi máy bay phản lực”; tôi cúi đầu nhận tội, diễn đủ các trò hề! Có lần, tôi và một ông bạn nhà văn già phải quỳ trên sàn hội trường phân hội Liên hiệp các nhà văn để tiếp thu những lời phê phán “phần tử cuồng loạn” của bọn học sinh “cách mạng” (*Vô Đề*).

Không phải chỉ có Ba Kim bị nhục mạ. Vào thời kỳ đen tối ấy những công thần của cách mạng như Lưu Thiếu Kỳ, Trần Nghị, Đặng Tiểu Bình, Chu Đức, Trần Vân... cũng bị đấu, bị đội mũ cao giông phở trong tiếng hô đả đảo rầm trời, phải gục đầu quỳ gối trước các tiểu tướng Hồng vệ Binh.

Nhưng đó là những nhà chính trị. Trí thức không thế. Trí thức là những người da không dày. Họ rất mẫn cảm với mọi tác động từ bên ngoài. Cách mạng vô sản chưa kịp tiêu diệt thì nhiều người trong đám văn nghệ sĩ đã tự tiêu diệt rồi. Ba Kim kể: “Dĩ Quần là người thứ nhất. Nghe nói, anh nhảy lầu ngày mồng hai tháng tám, nhưng cho đến hôm nay tôi vẫn chưa biết rõ anh bị bức phải nhảy lầu như thế nào. Tôi chỉ biết anh bị người ta bức tử với tội “không cần có chứng cứ”... “Dĩ Quần chết một tuần rồi tôi mới hay

tin, còn như Lão Xá “vỡ ngọc” thì một thời gian lâu sau khi ông tự sát tôi mới biết”. Những người tự sát chưa chắc đã là những người hèn nhát. Phó Lô, một người bạn mà Ba Kim mến phục, giải thích cái chết của bạn bè, và của chính mình, bằng câu: “Kẻ sĩ, có thể giết, không thể làm nhục”. Sau Dĩ Quần, Lão Xá, Ba Kim được tin Trần Đồng Sinh, Kim Trọng Hoa... “họ ở rất gần nhà tôi, thế mà tôi không biết họ chết vào lúc nào. Kim Trọng Hoa lặng lẽ treo cổ trong phòng, bà mẹ tám mươi chỉ nghe tiếng ghế đổ... Trần Đồng Sinh, thì nghe nói chết nằm vắt trên bếp ga, do đó người ta đoán anh tự tử. Nhưng anh đang ở trong thời kỳ “cách ly kiểm tra” mà, làm sao có thể mở bếp ga được?” (*Hai Mươi Năm Trước*). Cù Bạch Âm chỉ vì một bài “Tự bạch về đi tìm cái mới” mà “chịu đủ mọi nỗi dày vò như ở địa ngục”, kết thúc bằng cái chết bi thảm (*Tìm Tòi*).

Ba Kim viết: “Trong Văn Cách, những trí thức bị chết oan đâu chỉ có hàng ngàn, hàng vạn. Họ nêu cao tấm gương phê phán cái triết lý “hãy cứu lấy mạng sống”. Tôi nhớ thời chống phá hội hữu, tôi có viết một bài báo bác lại luận điệu “không thể làm nhục” để đập tan bộ mặt kiểu cách của các nhà trí thức. Viết bài đó kỳ thực là tôi “cứu lấy mạng sống của tôi”. (*Hai Mươi Năm Trước*).

Những trí thức tìm đến cái chết nhiều phần vì không chịu bị làm nhục, bị dày vò quá sức chịu đựng về thể xác. Trong gia đình Ba Kim, chính ông bị bắt bắt quỳ hăng giờ trên sàn đấu, bắt “đi máy bay phản lực”, Tiêu San, vợ ông, bị bọn “tạo phản” quất dây da bịt đồng vào mặt, hành hạ bà đủ trò trước khi bà nhắm mắt vì bệnh ung thư (tháng 7.1972). Con cái Ba Kim bị đẩy đi công tác nông thôn, ở tít tắp những nơi gọi là vùng sâu vùng xa. Gia đình nào vướng vào vòng Đại cách mạng văn hoá vô sản thì số phận cũng tương tự như vậy. “Tôi nghe người con dâu đồng chí Chu Tín Phương kể lại: bà Chu trước khi mất thường bị bọn đầu gấu lôi ra làm quả bóng xô đi đẩy lại, đến nỗi mình mẩy mềm nhũn. Có người khuyên bà trốn đi, bà nói: “Tôi mà trốn đi thì chúng nó lại hành hạ ông nhà tôi như thế thôi mà” (*Thương Nhớ Tiêu San*). Nhà văn nổi tiếng Lão Xá cũng bị đánh đập,

thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Vợ Lão Xá kể: “Tôi không thể nào quên được trong đêm khuya đã tự mình lấy bông thấm nước, lau từng chút một những vết máu trên đầu, trên mình người thân của tôi như thế nào, mà không rõ chuyện này ở đâu, tại sao lại ra nông nổi ấy...” (Lão Xá).

Đến như thân sinh nhà văn Giả Bình Ao (mới nổi tiếng sau này), chỉ là một thầy giáo làng (một trí thức cấp thôn xã) thôi, không biết cứng đầu thế nào mà cũng bị trấn áp, gia đình tan nát. Giả Bình Ao cho một nhân vật của ông kể về những ngày ấy: “Ba năm trước, nổi lên một cơn gió, phải học tập Tiểu Cạn Trang, kéo hết người ở ngoài đồng về, suốt ngày môi đỏ răng trắng nói a, hát a. Anh nhà tôi cái kính nói trước hội nghị xã viên: “Nông dân mình bới đất kiếm cơm, khua môi múa mép làm gì? Ăn ngũ cốc không tiêu được hay sao mà bày ra cái trò vớ vẩn ấy”, hôm sau liền bị bắt. Trong trại giam họ đánh đập anh ấy, đánh gãy cả chân, vết thương bị nhiễm trùng, rồi anh ấy chết”. Trong chuyện, người vợ kiên trì minh oan cho chồng, rốt cuộc bị các quan cấp xã cấp huyện trù dập, bị xã trưởng hiếp, tự tử mà chết.

Đây là cái mà cách mạng vô sản làm ra cho trí thức, lớn cũng như bé. Sau này, mọi tội do Đảng cộng sản gây ra trong Đại cách mạng văn hoá vô sản đều được vắn cái đảng cộng sản ấy đổ tuột tuột vào cái thùng rác tiện lợi là phái “tạo phản”.

Nhưng không phải mọi trí thức đều tuần tiết. Phần lớn trí thức không làm thế. Không phải họ không có dũng khí. Cũng không phải họ không biết chán chường. Một trong những lý do khiến họ phải cố gắng sống sót là họ đã ăn phải “cháo lú” (tử của Ba Kim).

Ba Kim tâm sự: “Những ngày ấy, cuộc sống ấy, quan hệ ấy giữa con người và con người, thật là đen tối quá chừng, giống như đang chịu tội giữa địa ngục vậy. Tôi lấy làm lạ, bấy giờ tôi đã ăn cháo lú gì mà có thể giơ hai tay lên, hô to đả đảo mình, cam lòng nhận tội, để cho kẻ khác tước đoạt quyền làm người của mình”. “Không phải là tôi đang nói mê. Năm 1966 quả thực tôi đã làm thế. Cháo lú đã làm tôi mê suốt mười năm. Năm 1983,

nó lại định đưa tôi vào cảnh mộng một lần nữa, nhưng cái phép quỷ quái quen thuộc đã mất tác dụng làm cho tôi lú lẫn lần nữa” (*Hai Mươi Năm Trước*).

Sao mà giống những gì xảy ra ở Bắc Việt Nam đến thế! Hãy nhớ lại thời kỳ cải cách ruộng đất mà xem. Có phải là như thế không?

Nói cho đúng, sao mà Bắc Việt Nam giống Trung Quốc đến thế!

Ở Việt Nam, trong những cuộc chỉnh huấn bắt đầu từ năm 1950 (sau khi biên giới Việt Trung được khai thông) và kéo dài nhiều thập niên sau, cứ thỉnh thoảng lại nổi lên một đợt, hiện tượng ăn phải “cháo lú” y hệt ở Trung Quốc. Người ta tự hành hạ mình bằng cách tự kiểm thảo, không phải là nhìn lại quá khứ để rút kinh nghiệm, mà là tự kiểm thảo (trước Đảng, có nghĩa là trước cấp trên) theo cách biểu diễn, bằng một sự thành khẩn không tin được, tức là thổi phồng những khuyết điểm của mình càng lớn càng tốt, rồi tự xỉ vả bằng những lời lẽ xúc phạm nặng nề nhất, thậm chí bịa đặt ra những tội lỗi mình không hề có đối với cách mạng, tự mình dả đảo mình (giống như Ba Kim). Đi xem phim Bạch Mao Nữ⁴, người ta bắn lên màn ảnh khi thấy tên địa chủ xuất hiện. Đi xem kịch người ta ném đá vào diễn viên đóng vai cường hào. Tất cả những cái đó được nhập cảng ồ ạt từ Trung Quốc đỏ. Thứ “cháo lú” này tôi đã được thấy tác dụng của nó như thế nào. Khi một đám đông đã ăn phải “cháo lú” tức thì xuất hiện sự “lên đồng tập thể”. Con người bỗng chốc mất hết tính người, tính thú ào ào nổi lên. Cuộc tổng đàn áp, tổng giết chóc, không cần tới những người cộng sản nữa, dân chúng khắc tự giết lẫn nhau, là đủ.

Nhưng cũng lại phải nói cho công bằng, về đại thể, mức độ tàn bạo của những cuộc “vận động” cách mạng do đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo quả có thấp hơn ở Trung Quốc nhiều, quy mô quả có hẹp hơn nhiều. Đơn giản vì Bắc Việt Nam là nước nhỏ, cái gì ở đó cũng chỉ “tiểu” thôi, chứ không thể “đại” (ở Trung Quốc đã Nhảy Vọt rồi người ta cũng phải thêm Đại vào cơ, cho nó oách).

Khốn thay, số phận con người thì ai cũng như ai, cách mạng đại hay cách mạng tiểu thì cũng thế, mỗi con người chỉ có vồn vẹn một cuộc đời để mà sống. Người Trung Quốc cũng y như người Việt Nam, chẳng có gì khác nhau. Bi kịch cho một con người lớn chẳng kém bi kịch của số đông chút nào, có khi còn lớn hơn. Bởi một con người là cái cụ thể, cái thấy được, cái biết được, rõ ràng hơn bất kỳ con số thống kê nào. Có người sẽ bảo: dân Trung Quốc hơn một tỉ, Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản có làm chết đến mười triệu không mà rộ? Mà có chết vài mươi triệu hay hơn nữa thì cũng chưa tới một phần trăm cơ mà. Xin thưa: một con người ở trong con số một triệu, hay mười triệu, vẫn là một người như tôi với ông đây này, có vợ có con, có mẹ có cha, có bằng hữu, có thân thuộc, có niềm vui nỗi buồn, có đau thương, có hạnh phúc..., có tất cả những gì thuộc về con người “không xa lạ với tôi”, nói theo cách của Mác.

*

* *

Hồi trước, khi còn ở trong nước, cứ mỗi khi sơ kết hoặc tổng kết một đợt học tập do đảng chủ trương, thì cán bộ phải viết thu hoạch, tức là viết ra giấy những gì mình đã học được. Tôi bỗng nảy ra ý muốn viết ra cái thu hoạch của tôi sau khi đọc Tuỳ Tưởng Lục.

Vậy, tôi đã thu hoạch được gì?

Một là, xã hội cộng sản bao giờ cũng thù nghịch đối với trí tuệ. Mọi thứ trí tuệ khác, ngoài chính trị, chỉ có thể tồn tại với điều kiện làm tay sai trọn vẹn cho chính trị. Tay sai mà không trọn vẹn không được, nhất định phải loại trừ. Đảng chủ trương như thế, nhất quán là thế. Từ đây mà ra khẩu hiệu “chính trị là thống soái”. Tức là chính trị đứng trên tất cả, chỉ huy tất cả. Đằng sau cái khẩu hiệu về địa vị ấy là quyền lực thực sự của đảng cộng sản nói chung, của một lãnh tụ, hoặc của một nhóm lãnh tụ, nói riêng. Không một kẻ nào khác được phép len chân vào đấy. Trí tuệ không là cái gì hết. Đảng là ánh sáng soi đường, là lương tâm, là trí tuệ nhân loại. Đảng độc

tôn, độc đoán, mặc sức muốn làm gì thì làm. Không kẻ nào được cãi lại. Thậm chí không được rón rén phát biểu ý kiến khác với gì đảng đang nói (bởi vì lúc đảng nói A lúc đảng nói B, không thể biết đảng nào mà lần). Cứ nghển cổ lên mà đánh hơi, rồi gió chiều nào theo chiều ấy, tha hồ tự do phát biểu ý kiến. Trong một xã hội khép kín như thế, Đảng Cộng sản có làm điều gì sai đến mấy thì cả xã hội cũng phải chịu. Người dân không còn quyền gì khác ngoài quyền được cúi đầu vâng lệnh và xưng tụng công đức kẻ cai trị. Cũng từ đây mà ra cái sự tung hô Chủ nghĩa Mác-Lênin là vô địch, là bách chiến bách thắng, là chân lý vĩnh cửu, tồn tại muôn đời. Nền chuyên chế được thiết lập thì cũng là lúc lười gõ lên ngôi. Khi toàn bộ phương tiện truyền thông trong xã hội được vận dụng để phục vụ kẻ cai trị thì người dân ắt bị đẩy vào tình trạng mù mẫm.

Về tình hình này, Ba Kim tả: “Nhưng tôi năm 1970 và tôi năm 1967-1968 không còn là một người nữa. Từ tháng 9 năm 1966 trở về sau, dưới sự uy hiếp và lãnh đạo bằng roi da của phái "tạo phản", tôi hoàn toàn suy nghĩ bằng đầu óc người khác; người khác gào “Đả đảo Ba Kim!”, tôi cũng giơ tay hưởng ứng”. “Càng nghĩ càng thấy phái "tạo phản" nói phải, càng nghĩ càng thấy mình có tội. Nói tôi là “hứa tử hiến tôn” của giai cấp địa chủ, tôi nhận. Nói tôi viết Dòng Nước Xiết là “dựng bia, lập truyện” cho giai cấp địa chủ, tôi cũng nhận. Năm 1970, chúng tôi xuống lao động ở nông thôn 3 năm, bị lôi ra ruộng để cùng bị đấu với địa chủ ở đó, tôi cũng cúi đầu nhận tội. Năm 1967 trở đi, tinh thần và diện mạo tôi khác hẳn. Trong tâm linh tôi có cái gì tích lũy được từ trước tôi bỏ sạch. Tôi ưỡn ngực tiếp thu vô điều kiện mọi chỉ thị của phái "tạo phản". Về sau tôi tự phân tích nói là ăn phải bùa mê thuốc lú, tôi bị thôi miên, nên không hay biết gì nữa. Kỳ thực tôi chưa đào sâu đấy thôi. Trong khoảng hai năm ấy, những khi tôi thành khẩn bái mộ thần linh, bên tai tôi lúc nào cũng vang vang một tiếng nói nhân từ: “Tin thần linh thì cả nhà sẽ được cứu”. Nguyên thủy chung tôi vẫn giữ trong đầu cái triết lý “bảo toàn tính mạng” “Lúc ấy, tôi cho rằng mình có tội thì cách chuộc tội là thật sự cải tạo, cách cải tạo là cứ thực hiện đúng từng câu mọi huấn thị, mệnh lệnh, quyết nghị của phái "tạo phản" (*Mười Năm,*

Một Giấc Mơ). Món “cháo lú” được nấu kỹ theo đúng tinh thần “chính trị là thống soái” đem đến kết quả là thế. Một tình hình tương tự người Việt Nam đã được thấy trong cái cách ruộng đất, ở cuộc vận động trí thức và các thứ đám đông khác đánh “hội đồng” nhóm “Nhân văn - Giai phẩm”. Cái khác là nhóm “Nhân văn - Giai phẩm” còn dám nho nhoe đòi “trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ”, chứ Ba Kim và nhiều người bạn ông thì chưa kịp đòi gì. Trường hợp của Ba Kim chắc giống như trường hợp Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo... và một số trí thức khác ở miền Bắc. Không thuộc nhóm “Nhân văn - Giai phẩm” họ cũng bị trấn áp theo lối nhân thế.

Cái sự trấn áp bằng bất cứ phương tiện gì, bằng bất cứ giá nào, đối với những trí tuệ không giống mình, được gọi một cách miệt thị là ngoại lai, tạo ra bùa mê thuốc lú cho cả xã hội. Xét đến cội nguồn của nó ta thấy đó chính là sự sợ hãi của nền chuyên chế đối với trí tuệ. Nếu trí tuệ sống thì quyền lực độc tôn không thể tồn tại. “Kẻ nào suy nghĩ khác ta, kẻ đó chống lại ta”, đó là lời Lê Duẩn. Nhưng đó cũng là chủ trương của mọi chế độ độc tài chuyên chế, phát xít hay cộng sản thì cũng vậy. Mặc dầu bị ăn “cháo lú”, nhà văn Ba Kim có lúc cũng tỉnh ra. Ông viết: “Những người cho chúng tôi là nô lệ, cầm roi da huơ huơ trước mặt chúng tôi, thật ra chúng chẳng có cái quái gì hết! Chúng không biết ngày mai chúng sẽ ra sao nữa. Có lẽ có người thấy tôi nghĩ như thế cho là kỳ quặc. Thật ra cũng dễ lý giải thôi. Mấy mươi năm tôi viết sách làm văn, cuối cùng còn có được một chút “trí thức”; bây giờ thì tôi biết rõ vì sao “lũ bốn tên” hận thù “trí thức” làm vậy! Dù chỉ với một chút “trí thức”, “mày” cũng còn thấy được khe hở của “tao”, huống chi là “phần tử trí thức”, huống chi là kẻ có văn hoá!” (*Mười Năm, Một Giấc Mơ*). Có coi mọi người dưới quyền cai trị của mình là nô lệ thì mới có tình trạng “Trương Xuân Kiều tuyên bố công khai không cho tôi sáng tác nữa”, là Ba Kim hết được viết. Trương Xuân Kiều không cần phải là trí thức giỏi hơn, sáng suốt hơn Ba Kim. Trương Xuân Kiều chỉ cần là Đảng.

Trong *Tuỳ Tưởng Lục*, như nhận xét ở trên, Ba Kim còn chưa dám nói thẳng điều ông nghĩ. Ông ngần ngại, ông do dự. Bởi vì ông vẫn còn nằm

trong vòng kiềm toả của chế độ. Ông còn sợ, nói thẳng ra là như thế. Nhưng ta chỉ cần thay “lũ bốn tên” bằng “chế độ hiện hành” là bức tranh xã hội mà ông vẽ ra trong *Tuỳ Tưởng Lục* lập tức có đủ màu sắc chân thực, sinh động. Gần đây có tin nhà cầm quyền Trung Quốc định đúc tượng đồng của ông trong lúc ông còn sống. Phải chăng đó cũng là cách để cho Ba Kim ngậm miệng?

Nhà cầm quyền một xã hội như thế, bất kể ở nước nào, không chỉ sợ những “tư tưởng thù địch” hiện đại, mà cả những tư tưởng cổ xưa. Hãy xem báo Tiền Phong, số ra ngày 16.8.1973 tại Hà Nội (tức là trong lúc Đại cách mạng văn hoá vô sản còn đang hoành hành ở Trung Quốc) với bài: “Quét sạch những tàn dư tệ hại của Khổng giáo” thì thấy. Bài báo viết: “... cần phải khẳng định dứt khoát rằng: lễ giáo phong kiến, đặc biệt là lễ giáo Khổng tử, không có một chút nhân tố tích cực nào nữa... Chúng chỉ là những xiềng xích những độc hại... Là thế hệ thanh niên của thời đại Hồ Chí Minh, chúng ta đang sống, chiến đấu, lao động, học tập vì độc lập tự do của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải bảo vệ sự sáng tạo của chủ nghĩa Mác – Lênin. Chính vì thế mà chúng ta không thể dung hoà được với Khổng giáo cùng với hệ tư tưởng phản động và tư tưởng bảo thủ của nó. Vì sự nghiệp cách mạng, chúng ta phải kiên trì đấu tranh để quét sạch nó ra khỏi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như quét sạch những đồng rác vậy”. Tác giả Nguyễn Thanh Dương, tổng biên tập báo, dưới tên ký là Thanh Bình, đã viết đúng như thế. Khi có người hỏi tại sao ông ta lại đánh cả Khổng giáo, thì Nguyễn Thanh Dương trả lời: “Tôi viết theo chủ trương của trên. Tôi chỉ làm nhiệm vụ mở đầu, các báo và tạp chí khác đang được lệnh viết tiếp. Đây là một chiến dịch do trên chỉ đạo đấy...”.

“Trên” ở đây là Lê Duẩn, Lê Đức Thọ. “Trên” của “trên” là Quang Minh Nhật báo ở bên Tàu. Tờ này đăng một bài với nội dung y hệt, nhưng sớm hơn tờ Tiền Phong ở Việt Nam ít ngày.

Với những người cầm quyền như thế, chỉ có một tư tưởng được phép sống, được toàn quyền thống trị, là tư tưởng Mác-Lê, hay, lại nói cho đúng

hơn, tư tưởng Mao Trạch Đông, tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng Lê Duẩn, hoặc, lạy Chúa tôi, tư tưởng Nông Đức Mạnh...

Hai là, xã hội cộng sản là một xã hội trái tự nhiên. Bây giờ thì ai cũng biết rằng cái gọi là xã hội xã hội chủ nghĩa là một sản phẩm thuần túy tư biện, từ Mác. Nó không phải là một xã hội tự nhiên thành. Nói nôm, là một xã hội bịa đặt. Kể ra nghe cái luận điểm rằng loài người ngu tối trước kia chỉ biết cúi đầu chép sủ, nay đã đến lúc nó đứng dậy tự làm ra lịch sử cho mình, thì khoái cái con ráy lắm. Khốn nỗi, tự nhiên có quy luật của nó, không phải muốn thế nào cũng được. Nước thì phải chảy xuôi. Thứ sản phẩm bịa đặt muốn tồn tại được phải nhờ vào dối trá. Thành thử trong cái xã hội đó kẻ cầm quyền phải thay đổi mọi khái niệm thông thường vốn có của loài người, tạo ra một hệ khái niệm khác hẳn để biện minh cho việc làm của nó. Không thể lấy sự hiểu thông thường vốn dĩ có ở các xã hội thông thường để hiểu hẳn ta nói cái gì. Chẳng hạn, về tự do báo chí, theo cách hiểu của tổng bí thư Nông Đức Mạnh là: “Báo chí viết gì, nói gì, thông tin gì, bao giờ cũng phải vì lợi ích của cách mạng, của đất nước, của Đảng” (*Nói tại Thông tấn xã Việt Nam, tháng 6.2003*). Tổng thư ký Hội nhà báo Việt Nam Vũ Văn Hiến trước đó cũng đã nhấn mạnh với các hội viên của ông ta: “Nếu nói đến tự do báo chí ở Việt Nam thì cần hiểu đó là việc tự do hoạt động để phục vụ Đảng” (*báo Nhân Dân, 20.6.2002*).

Những lời nói như thế ở các xã hội thông thường chỉ có thể là những lời nói mê nói sảng. Trong một xã hội chuyên chế, mà xã hội Xã hội Chủ nghĩa là một xã hội như thế, những định chế của nó chỉ còn cái tên là giống với những định chế của các xã hội khác, chứ chúng, hoặc rỗng ruột, hoặc được thay thế bằng nội dung khác hẳn, thậm chí trái ngược.

Trải qua Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản, Ba Kim than thở: “Nước chúng ta có Hiến pháp 1954, quyền công dân của tôi đáng ra phải được Hiến pháp bảo vệ. Hiến pháp ấy đã được toàn thể đại biểu bỏ phiếu thông qua, trong đó có lá phiếu của tôi... Nhưng đến khi đáng ra phải phát huy tác dụng của nó thì chúng ta chẳng ai tìm thấy nó ở đâu cả, phảng phất như nó

chẳng hề tồn tại, hoặc giả là vô ích, không bằng báo chữ to. Hai mươi năm trước, tôi đã bị nhốt “chuồng bò” như thế đấy. Hiến pháp đã mất tăm mất tích, nhân quyền bị dày xéo. Tôi giơ cao quyền “sách đỏ”, đọc to “chỉ thị tối cao”, đang là người biến thành súc vật, mặc cho người ta phanh thây, xé xác”.

Tội nghiệp cho Ba Kim quá!

Ba là, xã hội cộng sản là một xã hội đầy bất trắc. Nhìn bề ngoài, đôi khi người ta nhầm: cái xã hội ấy có vẻ ổn định đáo đẽ. Lấy Bắc Hàn làm thí dụ. Ở đó không có lộn xộn – không đảo chính, không đình công, không biểu tình. Dân chúng im re, lúc nào cũng sẵn sàng rầm rập đồng ca những bài ca ngợi Kim tướng quân (tức là ông Kim Nhật Thành, Kim Bố), hoặc ca ngợi lãnh tụ vĩ đại (Kim Chính Nhật, Kim Con). Dân sống trong sự sáng tạo không ngừng, khi gần chết đói, họ phát hiện cỏ cho trâu bò ăn cũng muối dưa được, chẳng kém gì món Kim Chi. Cho đến khi hàng triệu người chết đói thực sự, xã hội Bắc Hàn vẫn “ổn định”. Khi thấy dân chúng Bắc Hàn không còn cái gì mà ăn nữa, có cơ nổi loạn vì đói quá hoá liều, thì lãnh tụ Kim Con bèn mang vũ khí nguyên tử ra dọa cả thế giới: “Chúng mày không viện trợ cái ăn cho nước ông thì ông cho nổ bom nguyên tử đây này”. Bom nguyên tử ở Bắc Hàn chưa chắc đã ném được ở đâu xa, điều chắc chắn là nó sẽ nổ được, ngay tại bộ phóng, ở trên đất Bắc Hàn. Nhưng như thế thì Nhật và Nam Hàn cũng đã lĩnh đủ tai họa phóng xạ. Trước lời đe dọa ấy chỉ có Trung Quốc là bình chân như vại, chắc còn tin ở lời dạy của Mao Xết Xáng: “Chiến tranh có thể làm chết vài chục triệu người Trung Quốc, nhưng bọn đế quốc rồi sẽ bại, Trung Quốc sẽ tất thắng”.

Xin đừng nghĩ rằng ở Bắc Hàn không có Hiến pháp, không có pháp luật. Có cả đấy, có hết. Chỉ thừa chứ không thiếu.

Cái gọi là ổn định xã hội ở các nước gọi là xã hội chủ nghĩa, được thực hiện bằng dùi cui, về cơ bản là nhà tù, trước hết, và trong nội dung của nó, là ổn định quyền lực. Để ổn định một thứ quyền lực không hình thành bởi sự lựa chọn của các thành viên của xã hội, tức là dân chúng, thì không thể

nào đặt ra được những định chế ổn định, mà phải thay đổi chúng xoành xoạch, đặng đối phó với mọi biến chuyển. Cái gọi là Hiến pháp mà Ba Kim tin rằng “đã được toàn thể đại biểu bỏ phiếu thông qua, trong đó có lá phiếu của tôi” thế tất chỉ có thể là bánh vẽ. Câu nói cửa miệng “chính quyền của dân, do dân, vì dân” của các quan cách mạng không bao giờ được nhân dân coi là lời nói thật. Khi nhà cầm quyền – lúc này là Đảng Cộng sản, lúc khác là một nhóm người cơ hội nhân danh đảng cộng sản – thấy cần phải thay đổi, hoặc giải thích xuyên tạc điều này điều nọ trong Hiến pháp, thì nó chỉ cần ra một nghị quyết là mọi cái lại lộn tùng phèo. Cho nên mới có hiện tượng hôm nay Lâm Bưu - người học trò của Mao chủ tịch, người kế vị xứng đáng của Mao chủ tịch – ra mọi chỉ thị bắt cả xã hội tuân theo, được ca ngợi rầm trời, mai đã trở thành kẻ cầm đầu “lũ bốn tên” bị nguyên rửa hết nước hết cái, rồi chết bất đắc kỳ tử trên đường chạy trốn. Chuyện Lưu Thiếu Kỳ, trong khi còn nguyên chức danh chủ tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, “yên tâm” nằm dài dài trong ngục cho đến khi biến thành một thây ma thối rữa, là chuyện bình thường ở cái xã hội đó, nói gì đến Ba Kim.

Tôi có kinh nghiệm cá nhân trong chuyện này. Một năm sau khi Mao Trạch Đông khởi lên Đại cách mạng văn hoá vô sản ở Trung Quốc, hoàng đế Lê Duẩn chưa tuyên bố Tiểu cách mạng văn hoá vô sản, tôi lúc ấy chưa kịp chống đảng cộng sản, chỉ mới tỏ ra khó chịu với nó mà thôi, thì đã bị nó bỏ tù rồi. Chắc hẳn nó bỏ tù tôi là vì trong khi không bằng lòng nó, tôi đã trót đại nói ra ở đâu đó, với ai đó, mà nó nghe thấy qua kẻ nào đó, nó được kẻ nào đó báo cáo, thế là chẳng cần đối chiếu việc làm (ở đây là lời nói) có vi phạm Hiến pháp và pháp luật hay không, nó cho tôi ở chín năm liền tù tù hết nhà tù này đến trại tập trung khác, không cần xét xử. Những bạn tù bị tội như tôi nhiều vô số kể. Nhiều người trong họ không về nhà nữa mà nằm lại trong các nghĩa trang lớn nhón gò đồng bên các trại.

Bây giờ, trong nước Việt Nam ổn định, những công dân dám nghĩ tới tình trạng tụt hậu hiện tại và tiền đồ đen tối của đất nước, dám phát biểu đôi

điều, đúng sai không cần biết, lập tức bị tổng giam, rồi giải toà, xử án kín, hoặc không cần xử án. Tên của họ là: Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sĩ, Nguyễn Văn Lý, Phan Văn Lợi, Nguyễn Hữu Giải, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Trần Dũng Tiến, Vũ Cao Quận, Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình ..., và rất nhiều người khác nữa.

Mà chẳng cứ những người có ý muốn hoặc đã có hành động đấu tranh cho dân chủ hoá cái xã hội trong đó mình đang sống mới phải nơm nớp lo sợ sự trấn áp có thể giáng xuống đầu mình bất cứ lúc nào. Ai cũng sợ. Không sợ là điếc không sợ súng. Hoặc ăn quá nhiều “cháo lú” nên tưởng tai vạ nào rồi cũng chừa mình ra. Bởi vì mình là người được đảng tin tưởng chẳng hạn. Ba Kim thú nhận ông đã từng có ý nghĩ như thế.

Đảng Cộng sản sợ dân chủ hơn sợ ma nhiều. Đảng thừa thông minh để biết rằng dân chủ hoá xã hội có nhiều cách, nhưng cách nào rồi cũng dẫn tới kết cục bi thảm cho những kẻ quen ăn trên ngồi trốc nơi “đỉnh cao trí tuệ”. Vì thế đảng cầm quyền phải tìm cách chống lại. Cách chống tốt nhất là cho các công dân biết họ chỉ là những tù nhân dự khuyết.

Nhiều người chỉ nhìn thấy sức mạnh bạo lực của Đảng cộng sản mà không nhìn thấy nỗi sợ hãi được giấu kín sau bức bình phong dữ tợn của nó. Nó sợ những tư tưởng dân chủ đến nỗi cấm người ta không được viết trên vòng hoa phúng điếu tướng Trần Độ, một công thần khai quốc của Đảng hai chữ “vô cùng”, trong dòng chữ “vô cùng thương tiếc” theo thông tục.

Dựa trên sức mạnh của bạo lực được trả lương để bảo vệ chế độ, nhà nước Xã hội Chủ nghĩa của Đảng Cộng sản sẽ còn tiếp tục đàn áp những công dân đòi dân chủ chừng nào nhà nước đó còn chưa trút hơi cuối cùng.

Một xã hội phi nhân bản không vì con người như thế không thể có tương lai.

Bây giờ nói đến xã hội xã hội chủ nghĩa có thể phát triển tốt là người ta dẫn Trung Quốc ra. Trung Quốc quả đang có những bước tiến rất dài trong phát triển kinh tế, chủ yếu dựa vào biện pháp khuyến khích phát triển tư doanh, là cái mà trước kia họ chống đến cùng. Điều đó chẳng hề có nghĩa là nhà cầm quyền Trung Quốc đang đi trên con đường xây dựng cái chủ nghĩa xã hội nọ. Vì chẳng ai nhìn thấy bóng dáng nó đâu ở chân trời tím tắp. Các ông Con Trời bèn khẳng định rằng đúng thế, ta chưa thấy được xã hội cộng sản bằng mắt thường, nhưng dưới sự lãnh đạo duy nhất đúng đắn và vô cùng sáng suốt của ban lãnh đạo đảng hiện tại, cái xã hội mơ ước ấy sẽ trở thành hiện thực sau... một thế kỷ. Tức là vào lúc chẳng có ai trong những người nói và những người nghe hôm nay còn sống. Bất cứ ông thầy bói tay mơ nào cũng có quyền phán một lời tiên đoán tương tự. Ấy là chưa kể ban lãnh đạo đảng hiện tại có bền vững lâu dài không, hay sẽ trở thành một “bè lũ ba tên” hoặc “bè lũ năm tên rưởi” vào một lúc nào đó. Ai dám nói chắc?

Cái mà chúng ta biết chắc là ở Liên Xô, chủ nghĩa xã hội đã tồn tại và phát triển đến mức cao nhất nó mà có thể đạt tới trong hơn hai phần ba thế kỷ, đã đưa Liên Xô trở thành một trong hai cường quốc lớn nhất thế giới, thế mà rồi sụm đổ như một “người khổng lồ chân đất sét”⁵. Cái xã hội bị các nhà Mác-xít coi là bất toàn hoá ra không phải là cái chứng minh cho sự tồn tại cái xã hội mà họ cho rằng hữu lý.

Con người là một sinh vật có tư duy. Cho dù có phỉnh nịnh, cưỡng bức nó ăn thứ “cháo lú” trộn lẫn với bạo lực, trước sau gì nó cũng sẽ suy nghĩ đến điều phải nghĩ ra.

Như Ba Kim đi đến kết luận cho cái xã hội mà ông đang phải sống:

“Chúng ta mở miệng ra là nói “xã hội mới”, nhưng cái xã hội mới ấy, chúng ta càng ngày càng không hiểu nó ra làm sao cả, càng ngày càng thấy nó dễ sợ. Bọn bè, người này tiếp người kia, bị quăng xuống vực thăm trước tôi”.

“Và cả sau tôi nữa!”. Ông có nói thêm lời tiên đoán như vậy cũng không sai.

Vũ Thư Hiên

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

Ba Kim tên thật là Lý Nghiêu Đường, tự Phê Cam, có nhiều bút danh, nhưng thường được biết với bút danh Ba Kim. Ông thuộc thế hệ sau Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược, Mao Thuần; nổi tiếng những năm ba mươi, cùng một lần với Lão Xá, Tào Ngu, Diệp Thánh Đào; hiện là chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc.

Ông người Tứ Xuyên, sinh năm 1904, tính đến nay đã ngoài 90. Gia đình ông vốn là một gia đình trưởng giả ở Thành Đô, cha mẹ đều mất sớm; năm 19 tuổi, ông rời Thành Đô, đến Nam Kinh học. Ba năm sau, ông du học Pháp, nhưng không bao lâu, bỏ học để theo đuổi nghiệp văn chương. Tác phẩm đầu tay của ông là cuốn tiểu thuyết *Diệt Vong*, đăng ở tạp chí *Tiểu thuyết Nguyệt báo*. Tác phẩm ấy, ông viết từ năm 1927, khi đang học ở trường Alliance Francaise⁶ ở Paris. Sách in ra⁷, được nhiều người biết tiếng; ông liền về nước, ở lại Thượng Hải, chuyên viết văn và dịch sách. Năm 1932, ông sang Nhật; mùa xuân năm 1934 lại trở về Trung Quốc, xuất bản tờ *Văn học Quý san* ở Bắc Kinh; năm 1935, trở lại Thượng Hải, mở nhà xuất bản *Văn hoá Sinh hoạt*. Trong chiến tranh chống Nhật, ông sống nhiều nơi, có trở lại Thành Đô, rồi đến Quế Lâm. Giai đoạn 1930-1949, ông sáng tác dồi dào, nhiều tác phẩm được xuất bản, trong đó có hai bộ tiểu thuyết trường giang: *Ái tình tam bộ khúc*,⁸ gồm ba tập: *Lộ*,⁹ *Vũ*,¹⁰ *Điện*.¹¹ Tiếp theo là *Kịch lưu tam bộ khúc* cũng gồm 3 tập *Gia*, *Xuân*, *Thu*.¹² Đã có *Ba Kim tuyển tập-1936*, *Ba Kim đại biểu tác-1940*. Sau giải phóng, có *Ba Kim tuyển tập-1951*, do Khai Minh, Bắc Kinh xuất bản. Ngoài những tác phẩm kể trên, ông dịch nhiều sách, phần lớn của các nhà văn Nga: Tourgueniev, Gorky... Đề tài chủ yếu của ông là nam nữ thanh niên trí thức, tình yêu và gia đình phong kiến.

Từ ngày Giải phóng, Ba Kim ít viết. Lý do là vì từ đó trở về sau, ở Trung quốc đã xảy ra nhiều cuộc đấu tranh tư tưởng cực kỳ quyết liệt, có lúc là đấu tranh chống Chủ nghĩa Cải lương, Chủ nghĩa Duy tâm, có lúc thì trực tiếp bảo vệ đường lối văn nghệ Mao Trạch Đông... dưới những khẩu hiệu: "Quán triệt phương hướng phục vụ Công, Nông, Binh, phục vụ Chủ nghĩa Xã hội", thực hiện phương châm "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", "Tiến hành phương pháp Chủ nghĩa Hiện thực Cách mạng kết hợp với Chủ nghĩa Lãng mạn Cách mạng".

Các cuộc đấu tranh ấy cứ kéo dài, liên lụy đến nhiều văn nghệ sĩ. Một là "Phê phán phim Vũ Huấn", năm 1951, hai là "Phê phán cuốn "Nghiên cứu Hồng lâu mộng" của Du Bình Bá", năm 1954; ba là "Phê phán quan điểm học thuật duy tâm của Hồ Thích", năm 1954; bốn là "Đấu tranh chống tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong", năm 1955; năm là "Đấu tranh chống phái hữu trên mặt trận văn nghệ", năm 1957; sáu là "Đấu tranh chống Chủ nghĩa Xét lại", năm 1959; bảy là "Phê phán Chủ nghĩa Giáo điều", năm 1960; tám là "Đại cách mạng Văn hoá", từ năm 1966 đến năm 1975.

Bảy cuộc đấu tranh trước, Ba Kim không dính, nhưng đến cuộc đấu tranh thứ tám, thì ông không tránh khỏi. Và, như ông nói, đang là "người", ông đã biến thành "bò", bị nhốt vào "chuồng bò" suốt mười năm. Đại cách mạng Văn hoá chấm dứt, ông mới từ "bò" trở lại làm "người". Bấy giờ ông lại cầm bút. Biết mình không còn sống được bao nhiêu nữa, ông tranh thủ viết để bù lại mười năm mất trắng. Đó là hoàn cảnh sáng tác *Tuỳ tưởng lục* mà chúng tôi trích dịch. Tác phẩm này có thể nói là cuối đời ông.

Tuỳ tưởng lục gồm 5 tập, tập đầu xuất bản 1978, tập cuối xuất bản năm 1986. Trong thời gian này, ông vào bệnh viện chữa trị hai lần, một lần ngã gãy chân, một lần mắc bệnh thần kinh, nằm hàng tháng trời. Mặc dù tuổi cao, sức yếu, bệnh tật liên miên, ông vẫn cố hoàn thành kế hoạch đặt lúc đầu, mỗi ngày viết một ít, xong bài nào, đăng báo bài ấy. Tập đầu không có

đề riêng, mà gọi là *Tùy tường lục tập một*; tập hai đề là *Chân thoại*¹³, tập ba đề là *Sách cầu*¹⁴, tập bốn đề là *Bệnh trung*¹⁵, tập năm là *Vô đề*. Đó là tên từng tập, thật ra, mỗi bài đều có tên riêng, nghĩ đến chuyện gì, viết chuyện đó, đúng như cái tên chung "Tùy tường". Phần lớn là những thiên hồi ký, hoặc có tính chất hồi ký.

Chọn dịch những bài này, chúng tôi cho là có nhiều ý nghĩa nhất, một là những bài cũng cho chúng ta biết đời sống văn học Trung Quốc trong hơn năm mươi năm, từ 1930 trở về sau, đặc biệt là giai đoạn 1926 đến 1975 qua cảm nghĩ của một nhà văn có tiếng là nhớ lâu, nhớ tỉ mỉ. Đủ thứ chuyện, chuyện của bản thân, chuyện của người khác, không sót chuyện nào. Một điểm nữa là những điều ông nói đều là những "lời nói thật", có gì nói nấy, không che giấu, không tô vẽ, nhất là khi nói về bản thân mình, khi phân tích thái độ, tình cảm, tâm trạng của mình trong các cuộc đấu tranh. Về *Tùy tường lục*, trong *Lời tựa chung*, tác giả nói một cách khiêm tốn rằng: "Những trang này chỉ ghi lại cảm nghĩ của tôi, tùy lúc, tùy nơi, không có hệ thống mà cũng chẳng cao siêu gì, nhưng cũng không ôn hòa, êm thấm, không bệnh mà rên, không đau, không ngứa". "Tôi không nói những điều mọi người nói. Nói như thế thì nói cũng bằng không nói; viết cũng như không viết". Báo chí Trung Quốc thì nhận định: "Đây là một tác phẩm lớn, chân thực, sinh động, nhiệt tình của tác giả thấm qua từng trang giấy".

Người dịch

Trương Chính và Ông Văn Tùng

Bính Tí, Tháng 5 năm 1996



Nhà văn Ba Kim (1904-2005)

Nhà văn Ba Kim - Danh nhân văn hóa Trung Quốc

Nhà văn Ba Kim – “Người thợ cả của văn học Trung Quốc”, nguyên Chủ tịch Hội Nhà văn, Phó Chủ tịch Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc - đã từ trần hồi 19h06 ngày 17-10-2005 tại Thượng Hải, thọ 101 tuổi. Ba Kim tên thật là Lý Nghiêu Đường, sinh tháng 11-1904 tại Thành Đô, Tứ Xuyên, có nhiều bút danh như Dư Nhất, Vương Văn Huệ...

Năm 1920 ông vào học Trường Ngoại ngữ Thành Đô, đến năm 1923 thì ông bỏ nhà, một gia đình phong kiến, ra đi rồi vào học các trường Trung học ở Nam Kinh, Thượng Hải. Năm 1927, ông sang Pháp du học. Tại đây ông đã xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tay “*Diệt vong*” dưới bút danh Ba Kim. Từ đó, không mấy người còn nhớ đến tên thật của ông nữa...

Năm 1928, Ba Kim quay trở lại Thượng Hải để sáng tác và làm phiên dịch. Từ 1929 đến 1937, ông đã viết rất nhiều sách, trong đó đáng chú ý nhất có “*Gia đình*”, “*Giấc mơ của biển*”, “*Ngày Thu giữa mùa Xuân*”, “*Manh nha*”, “*Tuyết*”, “*Cuộc đời mới*”, Bộ ba tiểu thuyết tình yêu “*Sương mù, Mưa, Điện*”; các tập truyện ngắn “*Phục thù*”, “*Tướng quân*”, “*Thần-Quý-Người*”; các tập tản văn: “*Hải hành tập ký*”, “*Nhớ lại*”, “*Đoản giản*”. Phong cách độc đáo và bút lực mạnh mẽ của Ba Kim đã khiến người ta kinh ngạc. Đại văn hào Lỗ Tấn đã ca ngợi Ba Kim là “Một nhà văn có nhiệt tình, có tư tưởng tiến bộ; một trong số ít nhà văn tốt có thể đếm được trên đầu ngón tay”.

Trong thời gian này, Ba Kim còn đảm nhiệm chức vụ Tổng biên tập Nhà xuất bản Đời sống văn hoá, làm chủ biên một loạt sách như “*Văn quý nguyệt san*”, “*Văn học tùng san*”. Sau khi cuộc chiến kháng Nhật bùng nổ, Ba Kim đã bôn ba khắp nơi tham gia kháng chiến và biên tập các báo “*Gào thét*”, “*Cứu vong Nhật báo*”, hoàn thành nốt hai tiểu thuyết “*Xuân*”, “*Thu*” trong bộ ba “*Gia đình*”, viết bộ ba tiểu thuyết “*Kháng chiến*” (còn gọi là *Lửa*), mấy tập truyện ngắn, mấy cuốn tản văn.

Thời kỳ cuối và sau khi kháng chiến thắng lợi, ông đã viết một loạt tiểu thuyết dài và vừa như “*Đêm lạnh*”, “*Phòng bệnh số 4*”... là những cú đòn chí tử giáng vào chế độ cũ sắp sụp đổ. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, Ba Kim đã được giao các chức vụ quan trọng như Phó chủ tịch Văn liên Trung Quốc, Chủ tịch Hiệp hội Tác gia Trung Quốc, Chủ tịch Trung tâm Bút hội, Phó Chủ tịch Hội nghị Chính Hiệp Nhân dân Toàn quốc các khoá 6,7,8,9. Ông là đại biểu Đại hội Nhân dân Trung Quốc các khóa 1,2,3,4,5 và là Phó Chủ tịch Quốc hội khoá 5.

Ông đã nhiều lần tham gia các đoàn đại biểu đi thăm nước ngoài và các cuộc giao lưu văn học Quốc tế. Trong “*Cách mạng Văn hóa*”, Ba Kim đã bị đấu tố. Ông chính là người đã đề xướng lập Trung Quốc Văn học quán, chủ biên các tạp chí “*Thu hoạch*”, “*Văn nghệ nguyệt báo*”, “*Thượng Hải văn học*”. Các tác phẩm của ông được xuất bản trong thời kỳ mới có: Các tập truyện ngắn “*Câu chuyện anh hùng*”, ký sự văn học “*Sống giữa những người anh hùng*”, tiểu thuyết tản văn “*Ba Kim cận tác*”, 5 tập tùy bút “*Tùy tưởng lục*”, “*Ba Kim 60 năm văn tuyển*”, “*Sáng tác hồi ức lục*”.

Về tiểu thuyết, Ba Kim thành công nhất ở mảng đề tài viết về sự tan vỡ của gia đình kiểu cũ và tâm lý phản kháng của lớp người trẻ. Bộ ba “*Gia đình*” là tác phẩm thành công nhất và có ảnh hưởng lớn lao nhất trong phương diện này. Với tài kể chuyện, bút pháp độc đáo, “*Gia đình*” đã chiếm trọn cảm tình của mấy thế hệ độc giả Trung Quốc. Có thể nói, “*Gia đình*” đã ấn định nên địa vị quan trọng của Ba Kim trong lịch sử văn học Trung Quốc hiện đại.

Để ghi nhận những công lao, cống hiến của ông với nền văn học Trung Quốc, tháng 11-2003, nhân dịp sinh nhật ông lần thứ 100, Quốc vụ viện Trung Quốc đã quyết định phong tặng ông danh hiệu “*Nhà văn Nhân dân*”. Ở Trung Quốc, Ba Kim chiếm trọn tình cảm của những người yêu văn học không chỉ bởi những tác phẩm đầy tính nhân văn mà còn bởi nhân cách, phẩm chất của ông. Người ta truyền tụng nhau câu chuyện về tình yêu thủy chung của ông với bà vợ và tìm đọc những câu nói của ông về mọi vấn đề từ văn học, lối sống, cách mạng văn hóa đến tình yêu, tình bạn.

Ba Kim có rất nhiều bạn văn. Trong bối cảnh phức tạp đầy biến động của các phong trào chính trị ở Trung Quốc hồi thế kỷ trước, nhiều nhà văn Trung Quốc đã không giữ nổi nhân cách... thế nhưng Ba Kim hầu như không có kẻ thù. “Tình bạn là ngọn đèn trong cuộc đời, tách rời nó thì cuộc đời tôi không có ánh sáng; rời khỏi nó thì cuộc đời tôi sẽ không đơm hoa kết trái. Tôi không nói về tình bạn bằng những ngôn từ sáo rỗng đẹp đẽ. Mặc dù cuộc đời tôi sẽ nhanh chóng trở về với cát bụi, trái tim rực lửa của tôi vẫn cháy trong lòng bạn bè. Tình bạn giữa chúng ta không bao giờ có hồi kết” Đó là tuyên ngôn của Ba Kim về tình bạn.

Cuộc hôn nhân của Ba Kim là câu chuyện đẹp về mối duyên trời định giữa nhà văn và người đọc. Năm 1936, ở tuổi 32, Ba Kim đã rất nổi tiếng và được rất nhiều người đẹp si mê, theo đuổi, trong số hàng chục bức thư tỏ tình ông nhận được mỗi ngày luôn có một lá của cô học sinh Trung học Tiêu San. Cô mạnh dạn hẹn gặp nhà văn trẻ và cuộc gặp này đã cuốn họ vào mối tình kéo dài 8 năm trời, cho đến khi làm lễ cưới đúng ngày 1-5-1944. Khi ấy Ba Kim 40 tuổi, còn Tiêu San thì 26. Họ đã có với nhau hai con, một trai một gái và sống bên nhau 28 năm hạnh phúc “không bao giờ nặng lời”.

Trong những năm tháng động loạn, Ba Kim đã không biết bao lần giấu vợ chuyện mình bị đối xử tàn tệ và bà cũng không ít lần đưa đầu ra hứng thay chồng những cú quật bằng dây lưng. Cho đến tháng 7-1972, bà phải lên bàn mổ bởi chứng ung thư tá tràng trong tiếng khóc thống thiết của Ba Kim bởi ông đã cảm nhận được điều xấu nhất đã đến...

Sau khi Tiêu San qua đời, Ba Kim đã đem hộp tro thi hài bà về đặt trong phòng ngủ bất chấp sự khuyên can của bạn bè và người thân.

Là người giản dị và đầy nhân ái, Ba Kim đã di chúc tặng hết sách của mình cho thư viện các trường, ông thường xuyên dành ra một khoản tiền để tặng cho các cây bút trẻ thành công nhưng lại từ chối đề nghị lập ra giải thưởng mang tên mình.

Thu Thủy

Việt Báo (Theo Tiền Phong)

TUỲ TƯỞNG LỤC

1.

Kể ra, tôi đã qua cửa ải tám mươi rồi. Người ta ở đời, sống đến tám mươi không phải chuyện dễ. Lúc chưa tám mươi, tôi thường nghĩ: qua tám mươi, chắc có thể "làm theo ý mình" chẳng! Theo cách tôi giải thích thì "làm theo ý mình" cũng chẳng qua là làm vài việc mình muốn làm. Với một ông già, nguyện vọng ấy đại khái không phải là yêu cầu quá đáng!

Có điều, ngay một nguyện vọng như thế cũng không thể thực hiện được. Người ta không ngớt tìm đến nhà; có người quen kẻ thuộc, mà cũng có những bạn đọc chưa hề biết mặt. Họ đến liên tiếp vì "những chuyện vui buồn" khác nhau, lôi kéo tôi đi làm anh đánh trống thổi kèn cho rôm rả. Họ muốn tôi viết chữ, đề từ cho các loại sách báo, yêu cầu tôi đảm nhiệm chức vụ danh dự này nọ. Tôi đã nhiều lần giải thích: nhà văn thì nên gặp bạn đọc qua tác phẩm là hơn, không thể tách rời tác phẩm ra mà khoa chân múa tay với bạn đọc được. Tôi lại nói tôi không có quyền giáo huấn bạn đọc, cũng không dám ra lệnh cho ai làm theo lời mình nói. Từ thuở nhỏ, tôi không hề luyện thư pháp, lớn lên lại không dụng công. Chữ tôi viết, chính tôi xem cũng không thuận mắt, trông giống như quỷ vẽ bùa. Bảo tôi đề mấy chữ, có khác gì đưa tôi ra làm trò cười cho thiên hạ. Việc ấy thì tôi chịu, Nhưng một vài người cứ nhất định ép tôi và đã kết luận về tôi, nói rằng: tôi chẳng qua là một cái xác rỗng tuếch, chỉ có cái tên mà thôi! Ngoài việc đem cái tên ra lừa bịp người hoặc hù dọa người, thì vô tích sự! Những vị tìm đến nhà yêu cầu tôi làm những việc như thế, thì họ quyết định: "Cái xác rỗng tuếch ấy sắp xuống lỗ rồi, không lợi dụng, sẽ bỏ mất cơ hội cuối cùng", cho nên họ

cứ lôi kéo tôi, không chịu thả ra. Còn tôi, tôi đành phải van xin họ: "Hãy để cho tôi viết vài bài văn thực lòng mình thôi! Giả sử chỉ vì cái tên mà sống thêm, thì chẳng còn có ý nghĩa gì nữa!". Quả thực, tôi không muốn như thế mà qua ngày đoạn tháng. Nhưng van xin, thoái thác, trốn tránh, có khi cũng không được. Tôi vẫn không thể không nhượng bộ, nêu tên mình chỗ này, ứng phó chỗ kia. Có kẻ cười tôi "không cam tâm yên lặng cho rồi!" Họ đâu có biết chính vì không được yên lặng mà phải khổ tâm... Có kẻ trách tôi "ôm đồm quá". Thật ra, ngoài viết *Tùy tưởng lục*, tôi chẳng làm việc gì nữa, vả lại, có làm cũng không làm được!

Đương nhiên, tôi cũng không cam tâm để bất cứ ai bài bố cho tôi. Tôi tuy già rồi, lại bệnh tật, thiếu ý chí chiến đấu, nhưng tôi còn có thể suy nghĩ độc lập, thế thì sao tôi lại không lợi dụng kinh nghiệm thất bại của mình, tự bảo vệ lấy mình? Mất tiền học, cũng phải học được chút gì chứ! Tám mươi tuổi rồi, lẽ nào còn phải dạ dạ vâng vâng, lấy lòng người, chiều ý người, mà mình thì chịu thiệt? Đã không thể "làm theo ý mình" thì tôi không ngại mỉm cười, rồi đóng cửa mà dưỡng thân! Đó là kiểu "đánh trường kỳ" của tôi. Cứ như vậy, tôi tranh thủ từng chút thời gian mà viết *Tùy tưởng lục*. Tôi còn định viết một ít những cái khác nữa, có lúc quả thực khao khát lắm. Như thế là vì sao? Tôi tự phân tích: nhắm mắt xuôi tay, là hết, còn lưu luyến gì nữa? Có đấy! Đó là Tổ quốc tôi, đồng bào tôi, tôi thật muốn moi trái tim tôi ra cho họ thấy!

Mấy chục năm qua, tôi sống không phải là uổng cơm! Tôi viết cả một chồng sách thế kia, không kể hay hay dở, rút cục tôi đã đem những điều mắt thấy tai nghe và những điều tôi cảm thụ viết ra, nhiều hay ít, tự tôi cũng không biết nữa. Người khác đã "kết luận" về tôi, tại sao tự tôi lại không làm một bản tổng kết? Có lẽ tôi không phải tham gia hội phê đấu nào nữa đâu, không ai có thể lại bắt tôi viết kiểm thảo. Tự tôi, tôi cũng không thể viết kiểm thảo nữa, tôi vốn đã viết những bản thảo hồ đồ rồi đó ư? Hãy vứt đi, quên đi là xong! Nhẹ nhõm biết bao! Nhưng nghĩ rằng tương lai sẽ có những bài bình luận, phê phán, nghiên cứu, sẽ có những lời đồn đại thất

thiệt, tôi lại không thể làm thình được. Nói thật tình, hai hôm trước đây, tôi lại nằm thấy một giấc mộng kỳ quái rất ghê sợ: mấy bộ mặt hung ác, dữ tợn, gần đây cứ quanh quẩn trước mặt tôi. Tôi biết hồi đó có một số người biến thành mãnh thú, sau đó, lại hoàn nguyên làm "người", mà lại xuất hiện với tư thế "nhà cách mạng"! Có thể đó là điều hay. Nhưng trong giấc mộng kỳ quái của tôi, những con người được hoàn nguyên làm "người" đó, khi làn "gió bất chính" nổi lên, càng ngày càng dữ dội, thì họ lại biến thành "mãnh thú". Tất nhiên, chúng ta không thể tin vào mộng mị, có điều hồi tưởng lại quá khứ, ghi lại một số kinh nghiệm, mặc dù không thành một bản tổng kết ra trò, đối với người sau, không phải không có ích. Tôi nhớ rất rõ câu nói nổi tiếng sau đây: "Người ơi! Người hãy cảnh giác!"

Chính vì vậy mà tôi phải sống tiếp và viết tiếp

2.

Tôi nhớ một chuyện khác. Tháng mười năm ngoái, ở Hương Cảng, tôi nhận học vị danh dự của trường Đại học Trung văn trao tặng. Mấy hôm sau, trên một tờ báo hàng ngày địa phương, thấy đăng một bài đề là "*Viết thật*". Tác giả bài báo không tán thành bài "diễn từ khen ngợi tôi" của trường Đại học Trung văn. Ông ta dùng những điều tôi nói mà phê phán tôi, chế giễu tôi, chứng minh rằng tôi chẳng "kiên cường", "dũng cảm" gì cả! Nghe không vui tai chút nào, nhất là sau bài "diễn từ khen ngợi" dài kia; nó giống như bị một xô nước lạnh dội vào đầu, khiến tôi thấy khó chịu! Nhưng liền đó, tôi lại cảm thấy đầu óc đang nóng bừng của tôi tỉnh táo lại. Bài báo kia nói những chuyện trong "*Văn cách*"¹⁶, tôi không bao giờ quên. Tôi vốn nghĩ như thế này: quá khứ thì không thể xoá đi được, nhưng tương lai thì chúng ta có thể tạo ra. Không "kiên cường", có thể biến thành "kiên cường", không có "dũng khí" cũng sẽ tìm ra "dũng khí". Tóm lại là "sự tại nhân vi", do người làm ra cả. Tôi mắc nợ nhưng không định chạy lòng; mắc nợ thì trả, trả xong sẽ chẳng nhẹ nhàng lắm sao! Tôi đề xướng nói thật, tranh thủ nói thật, chính vì sai mà phải nhận, nhận rồi thì sửa, cũng như có bệnh thì chữa, có chữa mới khỏi. Đúng là trên thế giới, cũng có người tự xưng "luôn luôn mình đúng". Họ nổi mụn nhọt, nhưng lại nói trên người họ nở hoa. Họ muốn kẻ khác nói những lời tốt đẹp. Tôi không muốn học theo họ... Nhưng năm ấy, tôi nhận được quá nhiều những lời giáo huấn thâm trầm. Những ngày dài dằng dặc trong "chuồng bò", tôi luôn luôn cảm thấy người ta đem quả tim tôi bỏ vào vạc dầu, nấu đi nấu lại. Tôi nhớ hồi bé, khi thân phụ tôi qua đời, trong nhà thiết linh đường, rước hoả thượng về tụng kinh. Tôi phảng phất lại thấy bức vẽ "Thập điện Diêm vương" treo ở giữa phòng lớn, Theo truyền thuyết dân gian ngày trước, người ta chết rồi phải vào "Thập điện Diêm vương", bị tra khảo, thậm chí phải đi qua "Nại hà kiều" lên núi đao, bỏ vạc dầu, chịu mọi thứ hình phạt thảm khốc.

Ở những nơi ấy, vong linh còn phải trải qua một lần nữa những điều gặp trong đời người, không phải là để "ôn lại giấc mộng cũ", mà là chịu thẩm tra nghiêm, làm rõ phải trái, ân đền, oán trả, sau đó mới "ăn cháo lú", cho quên hết mọi chuyện, rồi qua "Điện luân hồi", trở lại làm người! Tôi từng tin những điều nhảm nhí ấy, có điều chỉ trong một thời gian rất ngắn mà thôi! Bức vẽ "Diêm vương", do hoà thượng mang từ chùa tới, cất đi rồi thì tôi cũng quên luôn. Chẳng biết vì sao, sau 50 năm, tôi lại nhớ đến, nhưng lần này khác lần trước kia, tôi không thể không bước vào đó. Từ khi bị lừa vào "chuồng bò", các vị lãnh đạo, "quần chúng cách mạng", và cả tôi nữa, suốt ngày, ai ai cũng luôn miệng nói "trở lại làm người". Họ bắt tôi biến thành "bò", bắt tất cả những người sống giống như tôi biến thành "bò". Bây giờ, lại cần họ đến làm chức vụ Diêm vương, làm chức vụ đầu bò mặt ngựa!

Mười năm hạo kiếp, thì mấy năm đầu ghê sợ nhất. Tôi thật giống như một du hồn bị đưa đến "Thập điện Diêm vương". Mỗi chuyện tôi làm trong quá khứ đều bị nêu ra từng cái, từng cái một, để bỏ tôi vào vạc dầu mà tra tấn, mà thay xương đổi thịt! Mười bức vẽ đưa vong linh đi qua điện Diêm vương, âm khí thê thảm, máu chảy đầm đìa, tôi không biết mình là người hay quỷ, là thú vật hay hồn ma, xuống âm ty hay là đã xuống địa ngục rồi?.
Bấy giờ Tiêu San¹⁷ còn sống, sáng dậy tôi mở mắt, nghe tiếng cô ta, thì tôi gọi, cô ta nói: "Không sống nổi nữa!". Nếu phải nói thật suy nghĩ của tôi ra, thì như thế này: không còn hy vọng, không còn tiền đồ, tôi không chịu đựng nổi Diêm vương đầy dọa tôi thường kỳ như thế này nữa rồi! Tôi chưa đi đến bước đường cùng, chỉ vì tôi không muốn từ biệt Tiêu San. Trừ tình cảm đối với Tiêu San ra, tôi đã bị nạn "sùng bái cá nhân", ép như ép dầu, ép mỡ, rút kiệt khô, chẳng còn gì! Còn đâu lòng tin và lý tưởng của thời trung niên? Còn đâu "đạo đức, dũng khí" gì gì? Một tờ "lệnh cưỡng bức" đưa ra, thế là tôi cam tâm biến thành "bò", còn đâu là "chiến sĩ kiên cường" nữa? Nói khoác chẳng được việc gì, người ta không có cách nào thay đổi bộ mặt thật của mình được. Tôi cũng vậy, tôi không muốn bôi son trát phấn lên mặt tôi, mà cũng không cần phải bôi nhọ vào cho thêm dơ bẩn.

"Tự mình chửi mình không biết xấu hổ", không phải là điều đáng sỉ nhục; điều đáng sỉ nhục là tôi có nói thật hay không!

Nhưng mà cái thời phải trái không phân biệt, người và quỷ lẫn lộn đã qua rồi. Trong hạo kiếp máu và lửa, từng đốt xương của tôi bị ném vào vạc dầu sôi, hàng trăm hàng nghìn lần, rõ ràng tôi không "ngã nhào", mà cũng sẽ không thể "ngã nhào" nữa, điều tin tưởng ấy thì tôi vẫn giữ được. Tôi không giấu là nhiều lần tôi bị "phái tạo phản" lôi lên bục bắt "ngồi máy bay phản lực"; tôi cúi đầu nhận tội, diễn đủ các trò hề! Có lần, tôi và một ông bạn nhà văn già phải quỳ trên sàn hội trường phân hội Liên hiệp các Nhà văn để tiếp thu những lời phê phán "phần tử cuồng loạn", của bọn học sinh "cách mạng". Ông bạn Tây Ngạn lần ấy bị đánh gãy hai cái răng cửa. Tình cảnh lúc bấy giờ rõ ràng trước mắt tôi như vừa xảy ra hôm qua. Tôi không hề xấu hổ, cũng không thấy bị sỉ nhục, tôi chỉ nghĩ: "điều sỉ nhục to lớn kia có lẽ là một thứ trừng phạt, hoặc giả là một thứ thù lao, cho cái thói sùng bái cá nhân" của tôi hồi đó chẳng? Tôi bị tước quyền làm "người"; tôi làm, tôi chịu, còn nói năng gì nữa! Nhưng từ đó, tôi nghĩ ra điều này: Không thể để cho điều sỉ nhục to lớn kia lại đến với tôi một lần nữa. Bây giờ tôi chưa quên điều ấy. Rút cục, tôi có "dũng khí" hay không, có "kiên cường" hay không, hãy xem tôi có quyết tâm để cho bị kịch "Văn cách" tái diễn hay không? Tuyệt đối tôi không quỳ lần nữa trên sàn mà tiếp thu phê phán. Tôi định đem bài báo "*Viết thật*" làm tấm gương soi mình, nhưng tôi chẳng thấy được gì rõ ràng cả. Tác giả đem những người bị vũ nhục, bị "Văn cách" hãm hại và cả những người bị lừa trong cuộc lừa lớn "mê tín cá nhân" ra làm đối tượng công kích, phê phán, như người đứng bên này bờ sông nhìn lửa cháy bên kia sông, không chút quan tâm đến tấn đại bi kịch của Tổ quốc, của dân tộc mình. Cho dù ông ta không bị lừa vào "chuồng bò", không phải "ngồi tàu bay phản lực" thì chẳng phải là điều gì vinh quang! Văn chương của ông ta chỉ là vẽ rõ mặt mũi ông ta ra để cho thế hệ sau trông thấy mà thôi.

(Trích, Tập Vô Đề)

MƯỜI NĂM, MỘT GIẤC MỘNG

Hồi mười mấy tuổi, tôi có đọc cuốn tiểu thuyết *Anh*, do Lâm Cầm Nam dịch, có lẽ là cuốn *Anh hùng Thập tự quân*, trong đó có một câu tôi nhớ mãi: "Thân thể nô lệ thì đáng thương, tâm hồn nô lệ thì đáng鄙"; đó là lời một công chúa nói với một kỵ sĩ. Do hiểu nhầm, chữ kỵ sĩ ấy không phải là nô lệ, dù là thân thể hay tâm hồn. Cuối cùng, hình như hai người thành vợ chồng, "hữu tình nhân chung thành quyến thuộc".

Không phải cái kết cục ấy làm tôi thích thú, nhưng thật không ngờ một câu nói trong tiểu thuyết đã phản ánh đúng tâm trạng của tôi trong mười mấy năm hạo kiếp. Trải qua cuộc rèn luyện mười mấy năm ấy, tôi mới hiểu ý nghĩa từ "nô lệ". Những lúc hối hận quá, tôi từng nghĩ đến câu danh ngôn kia. Đối chiếu với tình cảnh của tôi lúc bấy giờ, tôi thấy rõ bản thân tôi hơn bao giờ hết. Trước kia, tôi cứ nghĩ mình thì có liên quan gì với hai chữ "nô lệ" chứ, nhưng rõ ràng tôi đã làm nô lệ suốt mười năm! Cuộc sống mười năm nô lệ ấy cũng hết sức phức tạp. Những người viết tiểu thuyết chúng tôi hay nói: "Sống với không sống, khác nhau xa lắm", Sự thật là như thế. Trước kia, hai nhóm từ "thân thể nô lệ" và "tâm hồn nô lệ", tôi hiểu qua loa, chỉ dừng lại ở mặt chữ. Thí dụ, khi viết cuốn *"Gia đình"*, tả U Hoàng nói về Giác Tuệ, U cầu khẩn: "Bà lớn có linh thiêng hãy che chở cho cậu ấy", tôi nghĩ bụng như thế là "tâm hồn nô lệ". Lại khi viết đoạn đối thoại giữa Minh Phượng và Giác Tuệ; Giác Tuệ nói muốn cưới cô ta làm vợ, cô ta nói không được, và không đồng ý, dù cô ta nguyện làm "a hoàn" hầu hạ cậu ta suốt đời; tôi cũng cho như thế là "tâm hồn nô lệ". Trong *"Văn cách"*, tôi bị phê dấu; một trong những tội của tôi là "xuyên tạc hình tượng nhân dân lao động". Có người đem U Hoàng và Minh Phượng ra làm ví dụ: đáng lẽ hai nhân vật kia phải đứng lên "tạo phản", đằng này tôi lại tả thành hai tên nô lệ trung thành, cúi đầu trước "kẻ thù giai cấp". Trước kia, tôi thường đọc lại và sửa chữa tác phẩm của tôi, đoạn tả hai nhân vật U Hoàng và Minh Phượng, tôi không thấy vấn đề gì to tát. Bỗng nghe phê phán, tôi cảm thấy có vấn đề,

quả là nghiêm trọng thật. Lúc bấy giờ đang bí không tìm ra lối thoát, tôi hoàn toàn bị cái luận điệu của "phái tạo phản" chi phối. Tôi nghĩ bụng: "Tôi lớn lên trong gia đình địa chủ quan liêu, chịu sự giáo dục đủ các kiểu của gia đình cũ, xã hội cũ, luôn tiếp xúc với người trong gia đình cũ, xã hội cũ, nên rất có khả năng tôi nhìn người, nhìn việc với con mắt của địa chủ phong kiến". Càng nghĩ càng thấy "phái tạo phản" nói phải, càng nghĩ càng thấy mình có tội. Nói tôi là "hứa tử hiền tôn" của giai cấp địa chủ, tôi thừa nhận. Nói tôi viết "*Dòng nước xiết*"¹⁸ là "dựng bia, lập truyện" cho giai cấp địa chủ, tôi cũng thừa nhận. Năm 1970, chúng tôi xuống lao động ba năm ở nông thôn, tôi bị lôi ra ruộng để cùng bị đấu với tên địa chủ ở đó, tôi cũng cúi đầu nhận tội. Tôi nghĩ: cho đến 23 tuổi, tôi vẫn dựa vào gia đình mà sống, tiền tôi mua bánh ăn hàng ngày là máu, mồ hôi của nông dân, bị phê bị đấu có gì không phải!

Nhưng tôi năm 1970 và tôi năm 67-68 không còn là một người nữa. Từ tháng 9 năm 1966 trở về sau, dưới sự uy hiếp và lãnh đạo (có thể nói là lãnh đạo bằng roi da) của "phái tạo phản", tôi hoàn toàn suy nghĩ bằng đầu óc người khác; người khác gào: "Đả đảo Ba Kim!", tôi cũng giơ tay hưởng ứng. Cừ chỉ ấy, nay nghĩ lại, tôi thấy không sao giải thích nổi. Nhưng hồi đó, không phải tôi giả vờ. Tôi thật lòng tỏ ý muốn người khác đả đảo tôi đến cùng, để tôi có thể làm lại từ đầu, trở lại làm người, làm một con người mới. Tôi quyết tâm chịu nhục để tự cải tạo. Thậm chí tôi đau khổ thật sự khi "phái tạo phản" không hiểu dụng tâm ấy của tôi. Tôi tự nhủ: "họ không tin mình, cũng chẳng sao, mình phải chịu đựng khảo nghiệm". Sau mỗi lần phê đấu, theo lệ thường "phái tạo phản" bảo tôi viết "thu hoạch". Bấy giờ đã mệt như người rồi, nhưng nghe bảo phải nạp lên ngay, thì tôi liền phấn chấn, nghiêm túc trình bày những điều tôi suy nghĩ và thừa nhận rằng: những lời người khác phê đấu tôi đã đánh trúng khuyết điểm nguy hại của tôi, rằng phê đấu thật sự cứu vớt tôi, rằng "phái tạo phản" là cứu tinh của tôi! Thời kỳ ấy, tôi chỉ suy nghĩ theo những khẩu hiệu "phái tạo phản" thường gào lên và cái "chân lý" họ tuyên truyền lặp đi lặp lại. Tôi có cách suy nghĩ riêng

của tôi. Nếu hỏi nữa, tôi chỉ còn có thể nói: "xin để cho tôi được sống". Sau năm 1969, tôi dần dần phát hiện ra rằng "chân lý" mà "phái tạo phản" bảo tôi tin, thì chính họ có tin đâu! Những điều họ nói bằng miệng không phải là những điều họ nghĩ trong bụng. Thật là kỳ quái: Ngày 23 tháng 5 năm 1969, học tập "bài nói" của Mao Chủ tịch, tôi viết "thu hoạch", được tên cầm đầu ban chỉ đạo tổ chúng tôi hết sức biểu dương, treo lên cho mọi người xem, với lời mào đầu nói rằng: Tôi "đã thành tâm nhận tội và xin đi theo nhân dân". Thế mà hai ba hôm sau, không rõ trên nói thế nào, họ lại lôi tôi ra phê đấu, nói: Tôi giả vờ để người ta thương hại. Tôi bắt đầu thấy ai thật ai giả. Tôi viết thu hoạch đúng thời gian quy định, vận dụng "chỉ thị tối cao" mà tự chửi rửa. Nhưng rồi tư tưởng của tôi âm thầm chuyển hướng. Dần dần tôi lại có một phát hiện mới nữa: Tôi là một tên "nô lệ tâm hồn", một tên nô lệ tinh thần hết lòng hết dạ.

Phát hiện ấy khiến tôi buồn bực, khó chịu. Tôi trần trở, quần quai. Tôi cảm thấy triết lý nô lệ như một sợi xích sắt quấn chặt người tôi. Tôi không còn là tôi nữa!

Không có những suy nghĩ riêng, không dùng đầu óc mình mà suy nghĩ, người ta giơ tay, mình cũng giơ tay, người ta nói gì, mình nói nấy, mà lại làm một cách hứng thú. Như thế chẳng phải là "nô lệ tâm hồn" là gì? Khác với U Hoàng, khác với Minh Phượng trong tiểu thuyết, mặc dù họ giác ngộ không cao, nhưng họ biết thế nào là phải, thế nào là trái, U Hoàng không chịu "ở chỗ nhơ bẩn", Minh Phượng không chịu làm lẽ Phùng Lạc Sơn. Họ không phải là "nô lệ tâm hồn". Cố nhiên, họ tin số mệnh, tin có trời, nhưng họ không chịu cúi đầu khuất phục, họ cũng không suy nghĩ theo lý luận của cụ cố họ Cao. Họ tin số mệnh, nhưng họ cũng chống lại số mệnh. Họ không giống tôi năm 1967-1968. Lúc bấy giờ tôi không có tư tưởng phản kháng. Không có chút nào!

Tôi không nhắc đến năm 1966. Tôi vào "chuồng bò" tháng 8 năm 1966, bị khám nhà ngày 10 tháng 9¹⁹. Đạo ấy, tôi bị giày vò quá thể. Nghe tiếng đập cửa là toàn thân run bắn. Nhưng tôi cứ hy vọng người ta không đối xử với tôi như thế; đối với tôi, chắc người ta cũng phải khoan dung hơn. Người ta uy hiếp tôi chỉ là bề ngoài đấy thôi! Tôi thường tự hỏi thầm: "Thật như thế này ư?" Tôi cố níu lấy cái hy vọng sắp tuột mất. Tôi không thể không nghĩ như thế này: tuy tôi "có tội", nhưng mấy mươi năm làm việc, ít nhiều tôi cũng có chút thành tích chứ! Tiếp theo, đến tháng Mười hai; tháng Mười hai ấy mới khủng khiếp làm sao. Một đòn rất nặng giáng vào đầu tôi, nó thôi thúc cho Tiêu San sớm ngã bệnh rồi không qua khỏi! Từng tốp, từng tốp Hồng vệ binh đến liên tiếp, trèo qua tường, xô cửa vào nhà, vật gì chưa niêm phong là tự ý lấy đi. Tối đến, ban ngày đến. Đêm khuya, tôi mệt mỏi quá rồi, phải nhẹ nhàng cầu xin chúng về đi cho. Ấy là không kể chuyện Tiêu San bị chúng quất dây da bịt đồng vào mặt! Tình cảnh như thế, phỏng tôi còn hy vọng nổi gì? Từ đó, tôi không suy nghĩ, ngược lại, tôi toàn tâm toàn ý làm một tên nô lệ.

Năm 1967 trở đi, tinh thần và diện mạo của tôi khác hẳn. Trong tâm linh tôi có cái gì tích lũy được từ trước, tôi bỏ sạch. Tôi ưỡn ngực tiếp thu vô điều kiện mọi chỉ thị của "phái tạo phản". Về sau, tôi tự phân tích nói là ăn phải bùa mê thuốc lú, tôi bị thôi miên, nên không hay biết gì nữa. Kỳ thực, tôi chưa đào sâu đấy thôi. Trong khoảng hai năm ấy, những khi tôi thành khẩn bái mộ "thần linh", bên tai tôi lúc nào cũng văng vẳng một tiếng nói nhân từ: "Tin thần linh thì cả nhà sẽ được cứu". Nguyên là thủy chung tôi vẫn giữ trong đầu óc cái triết lý "bảo toàn tính mạng". Từ sau 1969, tôi thường nghĩ đến U Hoàng, so sánh U với tôi. U là một người thật thà, họ Viên, chúng tôi gọi U là "U Viên Viên". Mấy năm trước khi tôi và anh Ba tôi rời Thành Đô, U chăm sóc chúng tôi. U rất mến chúng tôi. Chúng tôi ra khỏi Tứ Xuyên không bao lâu, U xin thôi việc để về nhà, nhưng vẫn thường đến hỏi thăm tin tức chúng tôi. Thủy chung U rất quan tâm đến chúng tôi. Đầu năm 1971, tôi trở về Thành Đô lần đầu thì U đã mất rồi. Tôi không biết hỏi ai phần mộ của U ở nơi nào, kỳ thực tôi cũng không đến được trước

phần mộ U, thấp nén hương cảm tạ U đã chăm sóc, quan tâm đến chúng tôi. Chỉ khi so sánh U với tôi, tôi mới biết tôi nợ U một tình thương sâu sắc bao nhiêu. U không phải là nô lệ, càng không phải là "nô lệ tâm hồn".

Năm ngoái, tôi cố viết một đoạn trong hồi ký, nhắc lại chuyện hai năm ấy, nhất trong "chuồng bò", tôi với đồng chí Vương Lỗ Ngạn, thái độ hai người khác nhau thế nào. Lúc ấy, tôi cho rằng mình có tội thì cách chuộc tội là thật sự cải tạo, cách cải tạo là cứ thực hiện đúng từng câu mọi huấn thị, mệnh lệnh, quyết nghị của "phái tạo phản". Lỗ Ngạn thì không phục. Ông ta luôn luôn tranh luận với người trong tổ giám đốc. Ông ta cho rằng có những sự sắp đặt không hợp tình lý, là có ý chinh người ta. Tôi thì lại cho rằng rèn luyện thì phải đau đớn, gian khổ, như thế càng có lợi cho cải tạo. Ngày nay nhìn lại mới thấy cách suy nghĩ của tôi thật là buồn cười! Tôi suy nghĩ theo những lời huấn thị của "phái tạo phản" nhưng lại đi đến kết cục của Đốtôiepski! Với "phái tạo phản", Đốt là một nhà văn "phản động", nhưng họ dùng mọi phương pháp, mọi thủ đoạn để bức bách tôi, cuối cùng cũng dẫn tôi theo con đường của Đốt. Điều đó cho thấy tư tưởng của mọi người rất hỗn loạn, chẳng ai đúng cả. Tôi nói thật đáng buồn cười, kỳ thực là đáng khóc. Tôi tự xưng là "trí thức", thì bị người ta cho là vì "phần tử trí thức" mà đối xử. Khi phê đấu, tôi vui lòng thừa nhận tôi là "quý tộc tinh thần", thực tế thì tôi là một tên "nô lệ tinh thần".

Đến năm 1969, tôi tìm ra một vài khe hở. Những người cho chúng tôi là nô lệ, cầm roi da huơ huơ trước mặt chúng tôi, thật ra chúng chẳng có cái quái gì hết! Chúng không biết ngày mai chúng sẽ ra sao nữa. Có lẽ có người thấy tôi nghĩ như thế cho là kỳ quặc. Thật ra cũng dễ lý giải thôi! Mấy mươi năm tôi viết sách làm văn, cuối cùng còn có được một chút "trí thức"; bây giờ thì tôi biết rõ vì sao "lũ bốn tên" hận thù "trí thức" làm vậy! Dù chỉ với một chút "trí thức", "mày" cũng thấy được khe hở của "tao", huống chi là "phần tử trí thức", huống chi là có văn hoá! "Mày" có vũ khí để đối phó với "tao" ư? Không được! Với "mày", không xiềng xích, không xong! Kỳ thực

vũ khí có thể giúp "mày" đấy, nhưng không, "tao" không yên tâm được. "Mày" có vũ khí thì "tao" không ngủ yên. Phải làm cho "trí thức" của "mày" bị gột rửa sạch trơn!

Trong hai năm 1967-1968, tôi muốn đào cho sạch trơn chút ít trí thức của tôi đi, như quét rác trong nhà vậy. Nhưng không sao được. Quả nhiên, sau năm 1969, chút ít "trí thức" của tôi bắt đầu tác quái. Bùa mê thuốc lú mất dần hiệu lực. Tư tưởng của tôi bắt đầu hoạt động. Ngoài "phái tạo phản", bọn "cách mạng tả phái", còn có đội "tuyên truyền công nhân", "đại biểu quân đội"... Họ rất thích nói. Mỗi lời họ nói, mỗi hành vi, cử chỉ của họ, mắt tôi thấy cả, tai tôi nghe cả, tâm trí tôi ghi nhớ cả. Tư tưởng của tôi thay đổi, thay đổi rất chậm nhưng mà đang thay đổi, thay đổi trong nội tâm. Từ đó, tôi không còn là "nô lệ tâm hồn" nữa. Tôi bắt đầu cảm thấy "nô lệ tâm hồn" đáng khinh bỉ biết bao!

Bề ngoài tôi vẫn như trước, tôi vẫn cúi đầu nhận tội. Nhưng tôi không thể nào suy nghĩ theo huấn thị của người khác nữa! Bỗng tôi phát hiện thấy xung quanh tôi là cả một cuộc lừa đảo to lớn. Tôi hoảng hốt, tôi đau khổ, tôi không tin. Tôi thấy ảo tưởng tiêu tan. Tôi đã lãng phí bao nhiêu thời gian quý báu. Nhưng tôi càng phải giữ gìn cẩn thận, bởi vì tôi sợ khi tôi thành tâm quỳ lạy trước sứ giả của "Thần linh" thì tôi tin tưởng, đến khi tôi thấy ra sự giả dối thì tôi lại hoảng sợ hơn. Bọn người hay nói những điều giả dối thì việc gì chúng cũng làm được! Dù thế nào tôi cũng phải bảo toàn lấy tính mạng mình. Tôi không tin rằng có thể cải tạo bằng khổ hạnh nữa. Trong trường hợp ấy, con đường của Đốtôiepski cũng không cứu nổi tôi. Tôi dần dần thoát khỏi tình trạng "tâm hồn nô lệ", trở lại tình trạng "thân thể nô lệ". Nói cách khác, tôi không phục tùng "đạo lý" nữa, tôi chỉ khuất phục trước quyền uy, cúi đầu trước vũ lực, nói những điều giả dối để được sống. Bây giờ tôi nhất định phải sống, để xem kết cục của chúng mày ra sao! Tôi lại nhớ năm 1966, tôi và Tiêu San, hai vợ chồng chúng tôi, nói câu này để cổ vũ nhau: "kiên trì rồi sẽ thắng".

Tiêu San không còn nữa, nhưng tôi được trông thấy "lũ bốn tên" bị diệt vong!

Đặt ra những điều giả dối, dùng những lời giả dối để lừa người, cũng dùng những lời giả dối để lừa mình, cuối cùng cũng bị người ta vạch mặt, bị toàn bộ nhân dân phỉ nhổ, bỏ rơi! "Lũ bốn tên" sụp đổ như vậy đó. Thời đại lấy "dã man" chinh phục "văn minh", dùng "vô tri" mà chiến thắng "trí thức", thời đại ấy cũng vĩnh viễn qua đi với "lũ bốn tên" rồi!

Năm 1969, tôi bắt đầu ghi chép, học thuộc "Thần khúc" của Đặng-tơ, bởi vì tôi nghĩ rằng "chuồng bò" chính là "địa ngục". Tôi gột rửa được triết lý nô lệ là bắt đầu từ ấy. Không có ai hướng dẫn, tôi tự mò mẫm. Tôi nghiêng rằng chịu đựng mọi thứ giày vò, không phải để chuộc tội nữa mà để tìm cho ra phải trái. Tôi lần từng bước, từng bước, không sợ quỷ ba đầu sáu tay, không sợ hồn ma đen thui, không sợ nữ quái đầu tóc là một bầy rắn độc, không sợ sa mạc nóng bỏng... Kinh qua mấy năm khảo nghiệm, tôi thu hồi lại được niềm hy vọng đã mất, cuối cùng ra khỏi "chuồng bò". Không nhất định là tôi nhìn rõ người khác, nhưng tôi nhìn rõ bản thân tôi. Mặc dù tôi đã già yếu rồi nhưng tôi vẫn có thể suy nghĩ bằng đầu óc của tôi. Tôi còn có thể nói những lời thật lòng, viết được văn chương của chính mình. Tôi không còn là "tâm hồn nô lệ", cũng không còn là "thân thể nô lệ" nữa. Tôi thật sự là tôi. Tôi trở về với thân thể tôi.

Mười năm hạo kiếp ấy là một giấc mộng dài khủng khiếp làm sao!

Trung tuần tháng 6-1983

TÔI VÀ VĂN HỌC

Bài nói tại "Diễn đàn văn hoá" ở Tôkiô

Nhật Bản ngày 11-4

Tôi không thạo về khoa nói năng, lại cũng không quen diễn thuyết, cả đời tôi cũng chưa từng làm giảng viên. Lần này tới Nhật Bản, đến giảng đường Chiêu Nhật ở Tôkiô nói chuyện một lần về 50 năm đời sống văn học của tôi. Đó là một chuyện ngoại lệ, để đáp lại lòng tốt của các bạn đã mời tôi đến thăm. Tôi trước sau không bao giờ quên: trong Đại cách mạng Văn hoá, khi tôi bị liên quan đang bị phê phán, người quen ở trên đường gặp tôi cũng không dám nhận, các bạn Nhật lại đi khắp nơi nghe ngóng tin tức của tôi, đòi được gặp mặt tôi. Cũng có thể vì nhiều người hỏi đến tôi, nên "lũ bốn tên" mới không dám ra tay. Để các bạn Nhật hiểu biết tôi hơn nữa, tôi nói chuyện riêng của mình, cũng là để tự phanh phui.

Chính vì tôi không thạo nói năng, có tình cảm gì cũng không diễn đạt ra được, nên mới phải nhờ đến giấy bút, dùng những tình tiết trong tiểu thuyết để giải bày sự yêu ghét của mình, từ một người đọc mà trở thành nhà văn. Năm 1928, tôi ở bên Pháp, viết xong bộ tiểu thuyết đầu tiên là *"Diệt vong"*, gửi về nước, rồi các bạn tôi giới thiệu cho đăng trên một tạp chí có uy tín lúc bấy giờ là tờ *"Tiểu thuyết nguyệt báo"*, và bước lên văn đàn một cách dễ dàng.

Thế rồi sau đó khoảng một năm, tôi không còn phải tự mình viết xong lại gửi đi khắp nơi, Ban biên tập của Tạp chí đã tìm đến tôi để gom bài. Tôi chưa hề học qua văn học, sự rèn luyện về Trung văn cũng không nhiều, mặt mạnh duy nhất của tôi là đọc nhiều truyện. Các tác phẩm trong và ngoài nước, xưa và nay, hễ đến tay là đọc, đọc xong rồi cũng không quên hết. Trong óc tôi nhét đầy mọi thứ "tạp hoá".

Tôi sáng tác, một là không phải để kiếm ăn, hai là không phải để nổi tiếng, tuy rằng tôi cũng phải ăn cơm, nhưng mãi tới năm 40 tuổi tôi mới lấy vợ, một mình tiêu pha chẳng hết bao nhiêu. Tôi sáng tác là để chiến đấu với kẻ thù. Cái đồng "tạp hoá" kia có thể thành các loại vũ khí, khi tôi đánh nhau thì chẳng kể thứ vũ khí gì, hễ cứ dùng được, là tôi dùng liền.

Hai hôm trước có một nhà văn Nhật Bản²⁰ hỏi tôi, ông làm thế nào mà cùng lúc lại có thể yêu mến các tác giả và tác phẩm thuộc các trường phái khác nhau? Tôi nói, tôi không phải là nhà văn học, không thuộc bất cứ trường phái nào, cho nên tôi không bị hạn chế. Người bạn ấy lại hỏi: "Rõ ràng ông đã viết ra bao nhiêu tác phẩm, tại sao ông lại bảo ông không phải là nhà văn học". Tôi nói, vì chính không phải là nhà văn học, nên tôi mới không bị hạn chế bởi quy tắc văn học, tôi cũng không lo người khác đuổi tôi ra khỏi giới văn học. Kẻ thù của tôi là cái gì? Tôi đã nói: "Tất cả những quan niệm cổ truyền xưa cũ, tất cả mọi chế độ bất hợp lý cản trở sự tiến bộ xã hội và sự phát triển nhân tính, tất cả những cố gắng để huỷ hoại tình yêu, chúng đều là kẻ thù lớn nhất của tôi. Tất cả những tác phẩm của tôi đều viết ra để tố giác, để phơi bày, để công kích những kẻ thù đó.

Trong thời gian hai mươi năm, từ 1929 đến 1948, tôi viết rất nhanh và cũng viết được nhiều. Tôi cảm thấy như có một ngọn roi đang quất vào trái tim tôi, lại cảm thấy láng máng như có hồn ma, rồi lại cũng luôn luôn tuyệt vọng, gãi đầu bứt tóc.

Tôi nói tôi viết cũng như tôi sống, lại cũng nói cái tầm cao nhất của tác phẩm là sự đồng điệu giữa sáng tác và cuộc sống, là sự đồng điệu của nhà văn với con người, ý chính ở đây là không nói dối.

Gần đây tôi lại nói ở một nơi khác: Tầm cao nhất của nghệ thuật là không có kỹ xảo. Mấy chục năm trước, khi tranh luận với một người bạn, tôi đã từng nói: "Người sinh ra đã xinh đẹp thì chẳng cần phải tô son trát

phần, thế mà văn của tôi thì vốn như một người xấu như ma, xem ra không trang điểm, lại còn dễ coi hơn”. Ông bạn ấy bảo: "Nhưng tác phẩm lưu truyền lâu dài là nhờ vào kỹ xảo văn học, ai hơi đâu mà quan tâm đến lòng người, đến cuộc sống phản ánh trong tác phẩm và số phận của nhân vật. Đó cũng là sự chống lại với những lời lẽ ngon ngọt, ít xít ra nhiều, đảo lộn trắng đen. Tôi chúa ghét những lời giả mạo, lừa đời, bịp người.

Trong hai chục năm đầu, tôi viết, và sau đó biên tập thành 14 quyển, gồm truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn, trong đó có "*Tam bộ khúc Dòng nước xiết*", có "*Vườn nghỉ*" có "*Đêm lạnh*". Hai mươi năm lần thứ hai, nước Trung Quốc mới thành lập, mọi cái đều thay đổi, tôi muốn vứt bỏ cây bút cũ chuyên viết những gì đen tối, chuyển sang viết người mới việc mới, khốn nỗi vì không quen thuộc với cuộc sống mới, lại không dám thâm nhập, kết quả là tác phẩm viết ra đến ngay bản thân tôi cũng không hài lòng. Hơn nữa tôi lại thường xuyên tiêu phí phần lớn thời gian cho các hoạt động xã hội, cơ hội sáng tác lại càng ít.

Hết lần này đến lần khác, tôi vạch kế hoạch, kêu xin lên trên, muốn phần đầu để tranh thủ thời gian sáng tác. Thế nhưng kế hoạch đó chưa được thực hiện thì Đại cách mạng Văn hoá đến. Tôi bỗng trở thành "ác bá văn chương", "yêu ma quỷ quái", thường xuyên bị lôi ra phê đấu. về sau do "lũ bốn tên", qua quyết định của sáu người có trách nhiệm ở Thượng Hải là Vương Hồng Văn, Mả Thiên Thủy, Từ Cảnh Hiền v. v... đánh tôi thành tên "phản cách mạng không đội mũ cao", và đuổi ra khỏi giới văn nghệ. “Phái tạo phản” và tay chân của "lũ bốn tên" dán lên mấy nghìn tờ báo chữ to về tôi, thậm chí còn dán biểu ngữ ngay trên đường cái nói tôi là "quân bán nước", "phản cách mạng", cho tôi là thối tha. Trương Xuân Kiêu tuyên bố công khai; tôi không được sáng tác nữa. Thế nhưng bạn đọc có cách nhìn của bạn đọc. Dù có quyền lực lớn hơn nữa, Trương Xuân Kiêu cũng không moi được tôi ra khỏi trái tim của bạn đọc. Sự thực là như thế, sau khi "lũ bốn tên" sụp đổ, tôi vẫn được bạn đọc tin cậy. Tôi thường nói: "Sự trông đợi

của bạn đọc chính là sự thúc giục đối với tôi". Các bạn đọc muốn tôi sáng tác, thì không cần phải chờ quan trên phê chuẩn". "Lũ bốn tên" đồ rồi, sách của tôi tái bản, lại có nhiều bạn đọc hơn.

Tôi tuy có được "giải phóng lần thứ hai", nhưng rốt cuộc đã mất trắng gần mười năm thời gian, đúng là qua một cơn ác mộng, người đã hoá già nua. Năm nay tôi đã 76 tuổi, thời gian có thể làm việc được, không còn nhiều nữa. Tôi cần phải nắm chắc thời gian và cũng phải làm việc khẩn trương.

Tôi vạch ra kế hoạch năm năm, tuyên bố phải viết tám quyển sách (trong đó có hai bộ tiểu thuyết dài) dịch năm cuốn hồi ký của Ghécxen. Lẽ ra tác giả viết tác phẩm, không phải để tuyên truyền đi mọi nơi, cứ viết ra là được, mà tôi khoa chiêng dóng trống, gây dư luận lên như thế là mong người khác đừng quấy rầy, để tôi được ung dung cầm bút. Đây là lần cuối cùng tôi phấn đấu để giành thì giờ sáng tác.

Tôi phải cầm bút lên, viết thật nhiều. Nhưng rốt cuộc là viết những gì? Năm quyển "*Tuỳ tưởng lục*" sẽ là kết quả khám phá trong cuộc sống. Tôi phải suy nghĩ thật tử tế, căn cứ vào kinh nghiệm của mình, nói lên cách nhìn của mình đối với nhiều vấn đề trong đời sống văn học. Hai cuốn tiểu thuyết sẽ phản ánh cảnh ngộ của bản thân tôi trong Đại cách mạng văn hoá, không hẳn là sẽ không viết cả những chuyện có thể xảy ra.

Tôi cho rằng mười năm đại họa đó là một việc lớn trong lịch sử loài người, chẳng những dính líu đến chúng ta, theo tôi, còn dính líu đến tất cả loài người. Nếu như lúc đó không xảy ra ở Trung Quốc, thì về sau cũng sẽ xảy ra ở nơi khác. Tôi đã nói với một bạn Nhật Bản: "Chúng tôi gặp bước không may, thế nhưng bạn bè ở các nước khác lại tránh được một tai hoạ, chúng tôi cũng có thể được coi như một loại giáo viên phản diện". Tôi lại

nói, "về mặt này, chúng tôi cũng có thể lấy đó làm kiêu hãnh. Các nhà văn xưa và nay ở trong nước và nước ngoài; ai đã có một sự từng trải" đáng sợ mà lại nực cười; kỳ cục mà lại đau đớn như thế? Lúc đó, các nhà văn Trung Quốc lại không một ai bỏ trốn, mỗi người đều ra biểu diễn, từng chịu xấu xa, bị thương tật, thậm chí còn bỏ mạng, nhưng cũng chịu được thử thách. Bây giờ, ngoái nhìn lại những điều đã nghĩ, đã làm của bản thân, và của người khác trong 10 năm đó quả thật không thể hiểu nổi. Bản thân tôi phảng phất y như bị thôi miên, trở nên ấu trĩ đến thế, ngu xuẩn đến thế, thậm chí coi tàn khốc, hoang đường là sự nghiêm túc, đứng đắn. Tôi nghĩ thế này: nếu như tôi không làm một cuộc tổng kết với cuộc sống gian khổ mười năm đó, bắt đầu từ cuộc triệt để phanh phui mình, làm rõ những sự việc xảy ra lúc đó, vậy thì có một ngày chưa biết chừng tình hình thay đổi đi một cái, tôi lại trúng phải thuật thôi miên, vô duyên vô cớ biến thành một con người khác, thế thì đáng sợ quá. Đây là món nợ trong tâm linh, tôi cần sớm phải trả cho xong. Nó giống như một cây roi da quất vào tim tôi, phảng phất tôi lại gặp phải chuyện năm mươi năm trước. "Viết đi, viết đi!" Hình như có một tiếng gọi như thế luôn luôn vang bên tai tôi.

Thế là tôi nhớ đến lời hứa của tôi với bạn đọc. Năm 1944, tôi dùng tiếng nói của bạn đọc để nêu ra yêu cầu với nhà văn: "Các anh đã lòi trái tim mọi người ra, để mọi người hiểu biết lẫn nhau, các anh đã đưa than đến trong đêm rét, mang sự an ủi vỗ về tới, giữa lúc người ta đau khổ". Tôi phải viết, tôi phải viết bằng ngòi bút hăng hái. Trước hết, tôi phải làm cho mình trở nên "hiền lành hơn một chút, trong sạch hơn một chút, có ích cho người khác hơn một chút".

Tôi sắp bước tới đầu mút cuộc đời. Tôi không muốn xa rời nhân thế với hai bàn tay trắng, tôi phải viết, tôi quyết không dừng ngọn bút của tôi, để nó thấp cháy ngọn lửa, mạnh mẽ đốt cháy bản thân tôi, cho đến khi tôi thành tro bụi. Tình yêu của tôi, sự căm giận của tôi cũng không mất đi ở trên đời.

Viết xong 1 giờ sáng ngày 9 tháng 4 tại Osaka.

TÊN CỦA TÔI

Ở đây, tôi chỉ muốn nói đến bút danh của tôi, không phải cái tên cha tôi đặt cho để đi học. Cái tên ấy, là tên thật, đã bị cái bút danh kia đánh đổ, thay thế rồi..., đó là điều lúc đầu tôi hoàn toàn không ngờ tới. Mấy mươi năm nay, có người hỏi "Quý tính là gì", tôi vẫn nói tôi họ Lý. Nhưng người ta cứ gọi tôi là "Anh Ba", "Ông Ba", "Cụ Ba".

Tháng 8 năm 1928, tôi viết xong cuốn tiểu thuyết "*Diệt vong*", trong phòng ăn trên tầng hai ký túc xá trường Trung học La Fontaine ở thị trấn Château-Thierry, nước Pháp. Bản thảo trong năm quyển vở học sinh chuẩn bị gửi về cho người bạn ở Thượng Hải, nhờ anh ta lo cho việc in ấn. Trước khi gói lại gửi bưu điện, tôi chợt nhớ ra rằng, mình không thể in tên thật của mình trên sách được. Để cho người ta biết tác giả là ai, tôi liền đề hai chữ "Ba Kim".

Tôi bắt đầu dùng bút danh "Ba Kim" như thế. Đã nhiều lần tôi phải giải thích về cái tên ấy, nói rõ ý nghĩ của tôi lúc bấy giờ. Tôi thấy không cần nói thêm gì nữa. Thật ra, có nói thêm nữa cũng chẳng ích gì, người không tin cũng cứ không tin. Ngày nay, có mấy người nước ngoài đã viết về cái bút danh ấy của tôi rồi.

Trước nay, tôi không phải là người hình thức chủ nghĩa. Tôi dùng bút danh là vì tôi giấu tên thật của tôi (cũng tức là con người thật của tôi). Tôi không thể hao phí tinh lực vào cái tên để biểu hiện mình. Kỳ thực, trước đó, năm 1922, tôi đã dùng một bút danh khác ký dưới những bài thơ và văn xuôi đăng báo. Có điều cái bút danh ấy, "*Bội Can*", dễ để lộ mình ra. Và lại, những cái đăng báo trước kia, tôi cũng không thích thú lắm. Hồi năm dưỡng bệnh ở Château-Thierry, tôi có gửi cho người bạn Hoa Kiều ở Cựu Kim

Sơn²¹ đăng trên tờ nguyệt san "*Bình đẳng*", một số tạp cảm và những bài văn ngắn, trong đó có một số bài ký "*Bội Can*". Nhưng sau khi "*Diệt vong*" ra đời, tôi không dùng bút danh ấy nữa.

Cuốn tiểu thuyết "*Diệt vong*" đăng trên tờ "*Tiểu thuyết nguyệt báo*", số tháng Giêng năm 1929, bốn kỳ liên tiếp, Nhưng bút danh Ba Kim lại xuất hiện lần đầu trên tờ *Đông Phương tạp chí* số 19, xuất bản tháng 10 năm 1928, Ở đây tôi phải kể về tôi một tí. Năm 1928, tôi nghỉ hè ở Château-Thierry, sau đó đến Paris sống một thời gian, Một hôm, anh bạn Hồ Dĩ Chi, đưa cho tôi xem cuốn "*Bàn về Tolstoi*", do Trosky viết, (bản dịch tiếng Pháp đăng trên tờ *Thế giới*). Anh muốn tôi dịch ra để đăng trên *Đông Phương tạp chí* nhân kỷ niệm lần thứ 100 năm sinh *Léon Tolstoi*. Vài ngày sau, tôi dịch xong, đưa cho Dĩ Chi gửi về, bỗng nhớ đến cái bút danh mới kia. Không suy nghĩ, tôi liền ký vào bản dịch. Khi "*Diệt vong*" in ra, bọn các anh Dĩ Chi mới biết tác giả là ai.

"*Diệt vong*" đăng liên tiếp, được độc giả hoan nghênh, tôi mới có dịp lục tục in các tác phẩm của tôi. Tôi bước vào con đường văn học tương đối thuận lợi, tôi không gặp phải rủi ro; chỉ một lần ban biên tập tạp chí trả lại bản nháp một truyện vừa mà thôi. Truyện vừa ấy, sau tôi chữa lại, cũng tìm được nơi xuất bản. Cái bút danh ấy, tôi vốn định chỉ dùng một hai lần, thế mà tôi đã dùng nó hết lần này lượt khác... Các ông trong Ban biên tập thích những bút danh quen thuộc, những bút danh độc giả thường gặp, "Ba Kim" nhận được nhiều thư độc giả các nơi gửi tới. Tôi dùng bút danh ấy kết giao với không ít bạn bè mới. Lúc đầu, tôi còn có thể nấp sau tên thật của tôi mà sống như người bình thường, về sau tên thật bị bút danh đào thải, dù ai đó thừa nhận tôi là họ Lý, tôi cũng không thể an tâm được. Tôi nghĩ hà tất phải thắc mắc làm gì, con người ta sống ở đời, dùng tên gì mà chẳng được? Cho đến cuối năm 1933, cuốn tiểu thuyết "*Manh nha*" bị cấm, bút danh của tôi, ở Thượng Hải người ta ký huý, tôi mới phải dùng một bút danh khác, lúc đầu là "Dư Nhất" sau là "Vương Văn Tuệ" và "Hoàng Thụ Huy", lại "Âu

Dương Kính Dung" nữa. Nhưng không bao lâu, ban kiểm duyệt sách báo Quốc dân đảng Thượng Hải bắt bỏ đi. Không biết bút danh "Ba Kim" từ đâu lại xuất hiện, nhưng phạm vi hoạt động bị thu hẹp trong vòng sách báo, do đó người nhận ra Ba Kim, không nhiều lắm.

Trong mười bảy năm, sau ngày *Giải phóng*, tôi tham gia hoạt động xã hội tương đối nhiều, không có cách nào nấp sau cái tên thật của mình mà sống thanh nhàn một chút. Chính bản thân tôi cơ hồ cũng quên là mình có một cái tên thật. Cái tên thật ấy chỉ dùng để ghi trong hộ khẩu mà thôi. Những năm này, tôi viết ít, nhưng người biết tôi ngày càng nhiều. Thông qua bút danh, người gắn liền với tác phẩm, Tôi đi đâu, người ta cũng nhận ra tôi là tác giả tác phẩm này, tác phẩm nọ, có kẻ khen, có người chê. Tôi cảm thấy mình bị gò bó, phảng phất như ba bề bốn bên con mắt người ta đang nhòm ngó từng cử chỉ, từng hành động của mình. Họ dùng những câu tôi viết trong sách mà đánh giá lời lẽ, hành vi của tôi. Nói thật lòng, có một thời gian, tôi muốn thay đổi tên đi, để cho người ta không nhớ đến mình nữa.

Thế rồi, phong trào "Văn cách" nổi dậy. Bây giờ, nhắc lại những ngày ấy, tôi không rét mà cứ run lên. Tôi cũng không thể nói cho rõ tôi đã làm thế nào mà sống được. Thượng tuần tháng tám năm 1966, tôi ở Thượng Hải tiếp mấy vị khách nước ngoài đến dự Hội nghị Á Phi họp khẩn cấp ở Bắc Kinh về. Khi trở lại cơ quan để học tập cảm thấy có một sự thay bậc đổi ngôi, đang là vị khách ở trên nhà trên biển thành thẳng tù ngồi dưới thềm. Lại nhìn thấy tờ báo chữ to phê phán tôi: Trước mặt là biển cả, sau lưng lính tráng đang đuổi theo, trên đầu treo lơ lửng một thanh kiếm sắc sắp rơi. Tôi chỉ muốn cứu lấy cái mạng của tôi, nhưng không biết thoát ra bằng lối nào. Lúc đó, tôi nhận được một bức thư độc giả gửi tới, nói rằng "không cần đến cái bút danh của tôi nữa", "tôi cũ rích, tôi là đồ cổ", "tôi sùng bái nước ngoài, phải đập cho nát ra". Tôi hãi quá, vội trả lời, tỏ ý đồng tình; từ nay về sau nhất thiết không dùng nữa. Tôi hoàn toàn không thể suy nghĩ độc lập

được, trong đầu óc chỉ có bốn chữ "Tội ác sâu nặng". Có lẽ đầu óc tôi đơn giản, cho rằng cái tên có một tác dụng ghê gớm, Tôi tính toán làm sao cho được như ý muốn, nên nghĩ rằng bỏ quách cái áo khoác nhà văn đi thì có thể trở lại làm người! Điều vô ích! "Phái Văn cách", "phái tạo phản" cần cái tên đen của tôi làm tấm bia cho mũi tên hòn đạn của chúng. Chúng không chịu gạt bỏ đi, trái lại, đi đâu chúng cũng tuyên truyền cho nó, những việc tôi làm, những lời tôi nói, dán khắp khẩu hiệu đả đảo tôi. Trên đường phố thì dựng một tấm bảng lớn chuyên phê phán tôi, ở xưởng máy và nhà trường thì mở hội "du đấu"²² tôi. Ở hội nghị phê đấu, sát khí đằng đằng, người ta muốn "đạp nát" cái đầu "chó" Ba Kim. Bản thân tôi cũng theo mọi người, giơ tay lên, hô to khẩu hiệu "Đả đảo Ba Kim".

Hết tháng này sang tháng khác, hết năm này qua năm khác, tôi không ngừng viết "kiểm thảo", viết "trình bày tư tưởng", cứ lặp đi lặp lại những câu như nhau. Tôi chán quá, không suy nghĩ nữa, mặc kệ nó muốn ra sao thì ra...

Mười năm qua đi, tôi vẫn là Ba Kim, không thay đổi được bút danh, cũng không thể gác bút được. Xem ra, tôi không cần phải phí sức vì nó nhiều hơn nữa. Hôm nay, tôi đón năm tôi lên tám mươi ở trong bệnh viện. Không còn dài ngày nữa thì tôi càng nên quý trọng gấp bội. Viết thêm được chữ nào thì lưu lại được chữ ấy, là "bò" hay là "người", họ Ba hay họ Lý, hãy để cho người đời sau bàn luận.

Ngày 29 tháng 11 năm 1983

NGÔI NHÀ CŨ CỦA TÔI

Tháng chín năm ngoái, nhà văn Nhật Bản, ông Thủy Thượng Miễn sau khi tham quan Thành Đô về, có ghé qua Thượng Hải. Tôi tiếp ông ở nhà riêng. Ông nói với tôi là ông có đến xem ngôi nhà cũ của tôi, chỉ thấy một gốc cây khô và một khoảnh vườn trống. Ông không rõ cây ấy là cây gì. Ông vỗ nhẹ vào vỏ cây sần sùi, tưởng tượng những gì đã xảy ra.

Ông Thủy Thượng là bạn tôi. Đúng như ông nói: sức mạnh văn nghệ đã gắn bó hai chúng tôi. Năm 1963, tôi đến nhà ông ở Đông Kinh, thăm ông, chúng tôi hứng thú nói chuyện về vị Tổ thứ sáu Nam Tông, Huệ Năng²³. Năm 1979, tôi lên Bắc Kinh dự hội nghị, nghe nói ông và Tịch Thượng Tịnh sang tham quan, rồi liền đến khách sạn Bắc Kinh, thăm hai ông. Tôi nói cho ông biết tình hình sau khi hai chúng tôi từ biệt nhau năm xưa. Năm 1980, tôi sang Đông Kinh lần thứ Tư. Một buổi sáng mùa xuân trong trẻo, chúng tôi ngồi ở khoảnh vườn nho nhỏ còn giữ phong vị Nhật Bản, ở khách sạn Tân Đại Cốc, nói chuyện về đời sống văn học, và quan niệm nghệ thuật, suốt cả buổi sang. Cái hộp đựng các bức ảnh để trên giá sách của tôi bốn năm nay thường làm tôi nghĩ tới tình bạn của nhà văn Nhật Bản ấy.

Ông Thủy Thượng về nước không bao lâu thì Hội Liên hiệp giao lưu văn hoá Trung - Nhật gọi cho tôi bài "*Thăm ngôi nhà cũ của Ba Kim*". Đọc bài ông, tôi phảng phất như trở về cố hương mà tôi đã từ biệt năm 1929. Con mắt ông nhìn thấy những gì tôi muốn biết, kể cả con phố rộng thênh thang, ngôi nhà lâu ngay ngắn...

Lại cả gốc cây khô "trơ trụi lá" ấy nữa. Trong ký ức tôi, không hề có cây khô ấy. Ngày trước, ở cái thiên tình nhỏ ở cổng hoặc ở căn phòng bọn đầy tớ ở, không có cây. Có thể sau khi tôi đi rồi, người ta mới trồng. Tôi xa nhà

đã sáu mươi năm nay, mấy tháng trước, chú em tôi đi công tác Thành Đô, tranh thủ đi qua "ngôi nhà cũ", có trông thấy hai cây ngân hạnh lớn. Tựa hồ chú ấy có nhận ra phòng đầy tớ ở ngày cũ, nhưng chú ấy cũng không nhớ có hai cây ngân hạnh. Hồi tôi vào nằm viện lần thứ hai, có người đưa cho con gái tôi mang vào tờ "Phú Xuân giang hoạ báo" của tỉnh Triết Giang vừa xuất bản, trong đó, chọn in một số tranh sơn dầu của các hoạ sĩ Tứ Xuyên. Có một bức đề là "Nhà cũ Ba Kim" của đồng chí Hạ Đức Hoa. Trong bức tranh này, đúng là có gốc cây già trơ trụi lá. Nó không giống gốc cây khô, to bằng bắp vế mà ông Thuỷ Thượng trông thấy. Có lẽ đó là một trong hai cây ngân hạnh mà chú em tôi thấy chẳng. Trong đầu óc, tôi không có một ấn tượng nào, nên không phán đoán được. Nhưng tôi muốn được sờ đám đất ở đó mọc lên gốc cây to kia biết bao nhiêu! Tôi muốn được như ông Thuỷ Thượng vỗ vỗ thân cây thô tháp, xù xì kia biết bao nhiêu!

Nằm trong bệnh viện, nghe nói nữ sĩ Tả Đằng Thuần Tử cùng sang Trung Quốc tham quan với ông Thuỷ Thượng, có đến Thượng Hải, tôi nhờ người đi tìm, yêu cầu nữ sĩ đưa bức tranh kia lại cho ông Thuỷ Thượng. Sau đó, tôi lại nhận được bài thứ hai của ông Thuỷ Thượng "Tìm thăm nhà cũ" cắt ở bức hoạ báo, do nữ sĩ Tả Đằng chuyển.

Tôi theo bước chân ông Thuỷ Thượng trở về ngôi nhà cũ ở Thành Đô, nhưng không thấy những nơi và những cảnh vật quen thuộc. Tôi nhớ, tháng 4 năm 1980, ở Đông Kinh, gặp ông Tri Điền Chính Hùng, người cùng đoàn du lịch từ Thành Đô về. Ông ta cho tôi một xấp ảnh chụp ngôi nhà cũ của tôi. Những bức ảnh này sau đăng trên tạp chí "*Dã thảo*". Trong ảnh, tôi thấy, có cái giếng đó là có thực, và là "dấu vết cũ" duy nhất mà ông Tri Điền chụp. Tôi nhớ cái giếng ấy, vì trong cuốn tiểu thuyết "*Thu*" của tôi, Thục Trinh nhảy giếng tự tử, chính là cái giếng này. Năm 1958, trong bài "Bàn về sáng tác cuốn *Thu*", tôi có viết như sau: "Ngày nay nó còn ở nguyên chỗ cũ. Tháng 12 năm kia, tôi có về đó một lần. Tôi từ biệt cái giếng ấy đã 33 năm, nó vẫn cũ kỹ như trước kia. Cạnh bờ giếng có một cây

tùng, trên thân cây có một cành cụt, xù xì, ấy là chỗ người đầy tớ nhà tôi ra gánh nước thường mắc đòn gánh. Cây tùng giống như một người bạn cũ trung thành, ngày nay vất ở cạnh bờ giếng. Nhưng trong tấm ảnh ông Trì Điền chụp chỉ có cái giếng trơ trọi, chẳng hay cây tùng đã bị dẫn đi lúc nào? Ông Thuỷ Thượng không trông thấy cái giếng, có lẽ người ta không dẫn ông đến xem, hay là giếng bị lấp rồi. Dù sao, quá khứ vẫn là quá khứ, thời cũ và những di vật của nó, thì hãy chôn hết vào lãng quên cho rồi!

Nhưng tôi còn muốn nói về ngôi nhà cũ của tôi.

Tháng 5 năm 1923, tôi từ biệt ra đi, năm ấy ngôi nhà chưa có gì thay đổi. Đôi ang to tướng trước thềm ở cổng, thanh gỗ ngang bọc sắt ở bậc cửa, câu đối gỗ chữ đen trên nền đỏ ở tường: "Quốc ân gia khánh", "Nhân thọ niên phong". Tôi đã đưa tất cả những cái đó vào cuốn tiểu thuyết *"Gia đình"* của tôi. Cái công quán họ Cao trong bộ tiểu thuyết ba tập *"Dòng nước xiết"*, tôi cũng tả ngôi nhà cũ của tôi. Cả hai "vị thần giữ cửa, tay cầm đại đao, đầu đội trời, chân đạp đất, sơn xanh đỏ" trước cổng lớn ngôi nhà tôi. Khoảng năm 1924, khi tôi ở Nam Kinh, thì Thành Đô mở đường lớn, cổng nhà tôi phải lùi vào; kết quả: không còn đôi ang đá, sư tử đá, câu đối gỗ nữa. Mặt cổng mới, tôi chỉ thấy một tấm ảnh lờ mờ không rõ. Nghe nói hai bên, còn có hiệu buôn, trong ảnh, cũng không thấy.

Tôi bắt đầu viết bộ *"Dòng nước xiết"* năm 1931, lúc đầu không có kế hoạch gì to tát, nghĩ gì viết nấy, không ngờ đã tả công quán họ Cao giống như ngôi nhà của chúng tôi, lại là ngôi nhà tôi đã nhìn quen, trước khi xây cổng mới. Từ cổng đi vào, qua vòm cổng, qua thiên tỉnh, đến cổng thứ hai, lại qua thiên tỉnh, lên đại sảnh, đi vòng cửa ngách, lại qua thiên tỉnh trong, lên nhà chính và đi vào các phòng. Qua mé nhà bên trái, qua con đường tắt là đến phòng của Giác Tân; đi vào phía trong, một bên là vườn hoa, một bên là phòng nơi đầy tớ ở và bếp, rồi mới đến phòng của Khắc Minh. Men theo cửa sổ phòng thứ ba, đi qua một cửa nhỏ là Quế đường, sau Quế

đường là vườn trúc. Tất cả những cái ấy đều tả theo sự thực. Trong tiểu thuyết chỉ có vườn hoa là tôi tưởng tượng ra thôi. Bây giờ tôi lấy công quán của chúng tôi làm bối cảnh, chẳng phải là có ý tuyên truyền cho nó, mà chỉ là vì tôi không vạch kế hoạch tỉ mỉ. Nếu như trong trí óc không có một mô hình nào, thì thế nào cũng tả trước quên sau, trái ngược lung tung, độc giả chẳng biết đâu mà lần. Về vườn hoa, nhà cũ của chúng tôi chỉ có đoạn tả cảnh phía ngoài cửa sổ, thì có thể thấy cái giếng và cây tùng. Vườn hoa của chúng tôi nhỏ thôi. Phần lớn các bộ phận khác ở phía cổng trong, cảnh vật đều thực, tôi cũng miêu tả trong một cuốn tiểu thuyết khác "*Tức viên*" vườn nghỉ, Cho nên gần đây tôi có nói với ông bạn Nhật Bản, Thông Khẩu đi tham quan Thành Đô rằng: "Đến Thành Đô, ông chẳng nên tìm nhà cũ của tôi làm gì, ông cứ lấy các phòng tả trong "*Gia đình*" và cái vườn hoa tả trong "*Tức viên*" ghép lại, là ngôi nhà cũ của tôi đó".

Tôi xa nhà, mười tám năm sau mới trở lại Thành Đô lần đầu. Một buổi chiều, tôi đi trên con đường quen thuộc tìm dấu vết của tôi, bạn lứa ngày trước, chẳng biết họ tản mát đâu hết cả. Một bức tường cao vút vô tình chắn ngang trước mặt tôi. Người gác cổng ra nhìn tôi, với cặp mắt hoài nghi. Cạnh cổng lớn vừa mở ra, tôi thấy trên tường trắng xoá có một bức vẽ hình tròn, trên khảm bốn đại tự chữ triện đỏ chói: "Trường nghi tử tôn". Bức tường ấy vốn có mười tám năm trước. Tôi không làm sao xem lại những cái khác được nữa. Nghe nói nơi này là nhà ở của Lưu Triệu Lê, Trương Bảo an đương thời. Bức tường ở cổng có đề hai chữ đại tự "Lê các". Tôi đi qua trước cổng "Lê các" mấy lần, nhớ lại những chuyện ngày trước. Về sau, tôi viết thiên tản văn "*Ánh đèn Ai - Nhi - Khắc*". Đó là đầu năm 1941.

Năm 1942, tôi về Thành Đô chữa răng, ở lại khoảng ba tháng, không đến đường Chính Thông Thuận lần nào, nghĩ bụng từ nay về sau mình không nên đến đó làm gì nữa!.

Tháng 12 năm 1956, sau Giải phóng, tôi trở về Thành Đô lần thứ ba. Nghe nói ngôi nhà cũ của tôi bỏ trống, chẳng ai ở cả. Một hôm, ngồi chuyện gẫu với đồng chí Lý Tông Lâm, bấy giờ ông giữ chức Thị trưởng Thành Đô. Ông ta hỏi tôi: "Ông có muốn đến đó xem một chút không? Tôi nói: "Xem lại một chút cũng hay". Ngày hôm sau, ông ta đưa xe hơi đến Chiêu đãi sở, bảo tôi đi đến đường Chính Thông Thuận. Hôm ấy, có cô cháu gái đang cùng tôi ngồi nói chuyện, cùng đi.

Vẫn là cái cổng có hai chữ "Lê Các". Phía trong cổng có cửa lắp kính màu, không còn thấy bức vẽ "Trường nghi tử tôn" đâu nữa. Cũng không thấy vườn hoa. Cổng trong vẫn còn. Đại sảnh vẫn còn. Cửa giữa vẫn còn. Nhà chính vẫn còn. Các phòng nhỏ vẫn còn. Phòng của anh Cả vẫn còn. Quế đường ở phía sau vẫn còn. vẫn còn hai cây quế, cả cây hương xuân. Vườn trúc ở sau Quế đường hình như vẫn giống hồi tôi ra đi. Sau đó tôi đi qua cái cửa nhỏ cũng trở ra, đi qua cửa sổ phòng chị Ba, đi qua con đường hẹp đến tam cấp lên phòng anh Cả, đến căn nhà nhỏ cửa sổ lắp kính. Cái nhà nhỏ lắp kính, trong *Dòng nước xiết* không có. Ngôi nhà cũ của tôi, không hề có căn nhà đó. Tôi còn nhớ năm anh Cả tôi cưới vợ, thầy tôi cho chữa cái chái bên trái căn phòng chúng tôi thường gọi là "phòng đóng dấu" thành ba phòng nhỏ, có hai phòng mở ra con hẻm ra vườn, để cho anh Cả ở, có một gian rất gần cửa ngách mở về phía thiên tình trong, để cho anh Ba tôi và tôi ở. Hai ba năm trước, khi tôi ra đi, anh Cả tôi đã có con, không đủ chỗ ở, thầy tôi lại lấy hai khoảng đất nhỏ bên phải, bên trái thêm ở cổng trong xây thành một gian nhà nhỏ, cửa sổ ô vuông, lắp kính cho anh Ba tôi và tôi ở bên trái, còn gian bên phải bỏ trống. Căn nhà là cánh cửa kính, đối diện là cửa bé của cổng trong cửa sổ con và mặt nữa là vườn hoa. Cổng trong là hành lang sang dãy nhà đối diện. Ngoài con đường đi vào cửa chính, còn có cửa bên phải, bên trái. Về cái cổng trong, trong cuốn tiểu thuyết "*Gia đình*", tả cảnh lễ mừng thọ cụ cố họ Cao, có đoạn như sau: Chỗ phía trong cổng trước, bố trí cái sân khấu rất đẹp để hát tuồng... Trên đại

sảnh, phía ngoài bọc cửa, lấy vải xanh che làm chỗ đào kép hóa trang", về sau, căn nhà nhỏ lấp kính chính là bên trái, bên phải sân khấu.

Tôi phảng phất như vừa qua một giấc mộng dài. Tôi đã trở về với ngôi nhà tôi ở khi mới mười mấy tuổi. Tôi còn nhớ đêm khuya, tôi ở đó nghe anh Cả trên đại sảnh lần mò đến cái kiệu, đánh vỡ cửa kính. Tôi thất vọng lấy bút viết mấy câu tỏ ý phẫn nộ, nắm tay chà đi xát lại trên bàn. Tôi thì phải trả thù chế độ phong kiến. Giống như anh Cả còn ở đó nói với tôi điều gì. Giống như ông nội vừa ho, từ phòng bên phải đi sang, qua nhà chính. Giống như dì em cầm tay đưa con nhỏ vừa khóc vừa chửi đi lên. Giống như bà nội không biết từ đâu đi ra, vừa đánh vừa mắng, và tiếng khóc của con Sen. Giống như thế là tiểu thuyết ba tập mười năm để viết ra hiện lên trước mắt tôi.

Đồng chí Lý Tông Lâm bảo người cùng đi theo, chụp cho tôi mấy pô ảnh. Tôi đứng dưới cửa sổ căn nhà nhỏ lấp kính; tôi đứng trước cửa sổ phòng ông tôi...; cùng họ trò chuyện; tôi đi qua mấy gian phòng trống rỗng; tôi đi qua thiên tỉnh. Tôi phảng phất nghe âm thanh của thời cũ, thấy lại hình bóng thời cũ. Trời tối dần. Tôi không dừng lại trước cửa chính, cũng không tìm ra nơi bọn đầy tớ ở, là nơi tôi thường lui tới thời còn thơ ấu. Tôi đi ra khỏi ngôi nhà cũ, ở đó chuyện thực và chuyện mộng, quá khứ và hiện thực trộn lẫn vào nhau. Tôi nghĩ bụng, sau này có trở về đây, nói thực lòng tôi không thể lưu luyến chốn ấy, đó là cái mồ chôn bao nhiêu điều tôi hồi ức. Tôi phải khai quật nó lên.

Nhưng muộn lắm rồi. Năm 1960, tôi trở về Thành Đô lần thứ Tư, lại đến đường Chính Thông Thuận ngay: cái "Lê các" cũng không thấy nữa. Lần này tôi lưu lại một thời gian khá lâu, sáng sớm thường đi tản bộ đến con đường này, đi đi lại lại trước nhà ở của một đoàn Văn công bộ đội, nghe nói xây trên nền ngôi nhà cũ của tôi. Không tìm ra dấu vết của ngày cũ, tôi cũng chẳng buồn. Cây khô đã bị đào gốc rồi, nhưng những lời tôi tố cáo chế

độ phong kiến và những cái đòi bại phong kiến để lại không thể cùng tồn tại với thời cũ, và cũng không hề tiêu vong cùng ngôi nhà cũ của tôi.

Ngày 6 tháng 2 năm 1984

NHỮNG CƠN ÁC MỘNG CỦA TÔI

Trong mười năm "Văn cách", tôi bỏ phí không biết bao nhiêu thời gian quý báu, lại mang di chứng vào người. Hai hôm nay, vừa sáng sớm, anh con rể tôi ở cùng tôi trong phòng bệnh đỡ dần tôi, nói: "Đêm qua, ông lại la hét". Nó đã ba lần nói như vậy, tức là ban đêm, tôi toàn thấy những cơn ác mộng.

Đời tôi, tôi nằm mộng luôn, nhưng thấy ác mộng thì nhiều nhất là thời "Văn cách", bây giờ nên nói thêm: và sau "Văn cách". Nói như vậy không phải là tôi không buông tha "Văn cách", mà trái lại "Văn cách" không buông tha tôi!

Trong một thiên "tùy tưởng" trước, tôi có kể tôi thấy đánh nhau với quỷ quái, lăn từ trên giường xuống đất như thế nào. Rồi lại kể chuyện tôi nhằm chiếc xe tôi tập bước với cái cối xay gió của Đông Kisốt như thế nào. Trong mộng tôi còn bị quỷ quái bao vây, tấn công, mà không sao kêu lên được. Đáng sợ hơn là tháng năm năm ngoái, tôi ra viện lần thứ nhất, về nhà, thì cảm sốt. Nửa đêm tỉnh dậy, nằm trên giường mà nhìn thấy cảnh mộng ở phía ngoài phòng. Vợ chồng con gái tôi ngủ ở hành lang gác hai để săn sóc tôi, nghe tiếng tôi la hét, hốt hoảng chạy vào, hỏi vì sao tôi gào lên như thế. Tôi ú ớ, như tỉnh mà cũng như mê. Tôi nhận ra chúng nó, mà lại giống như cách tuyệt với chúng nó, bốn phía có hàng rào bao vây, không sao gần chúng nó được. Tôi sợ chúng nó đi ra, sợ đèn tắt, sợ trong bóng tối lại nghe tiếng hổ gầm, sói rú. Tôi nói "trở mình", kỳ thực muốn nói "cứu với", nhưng phát âm không rõ. Hàng rào đao kiếm bốn bên liền biến mất. Tôi mệt nhoài, nhắm mắt lại, bọn con lại tắt đèn yên tâm để tôi nằm nghỉ.

Nửa đêm hôm sau, đang nằm trên giường tôi lại hét lên, thấy Hồng vệ binh trèo qua tường, đập phá cửa kính, xông vào nhà, lấy thắt lưng da quật! Máy ngày liền thấy đủ thứ ác mộng, những việc trước kia lại hiện lên trong giấc ngủ. Chuyện bi thảm của người khác lại cũng tập trung vào mình tôi!... May mà thuốc hiệu nghiệm, cơn sốt lui nhanh, mỗi ngày lại có thể ngủ yên ba bốn tiếng. Tôi cũng dần dần có hy vọng sức khoẻ hồi phục.

Nhưng đấu tranh với ác mộng, tôi chỉ thấy thất bại mà thôi, Không nói nằm mộng, ban ngày nghe tiếng động, tôi vẫn run lên. Có một thời gian, khoảng bốn năm năm, để phê đấu tôi, người ta lập ra các thứ tổ chuyên án, nào là "tổ phê Ba", "tổ đấu Ba", thành viên điều tới điều lui, cũng chỉ ba bốn người ấy, cứ thấy mặt là tôi đã chán ngấy rồi. Tôi than thở với Tiêu San. Trước mắt tôi, chúng cố ý tỏ ra như là loài "thú". Tôi cảm thấy ngày nào đó chúng nó sẽ nuốt sống tôi. Quả nhiên tôi nằm mộng thấy chúng mọc lông khắp người, há hốc mồm ra. Không phải bắt đầu từ đó tôi mới nằm thấy những cơn ác mộng, nhưng bắt đầu từ đó, những cơn ác mộng cứ luôn luôn đến trong giấc ngủ của tôi và càng ngày càng rùng rợn. Tôi thấy tôi chịu tội, tình dục còn đau khổ. Tôi thường nghĩ bụng: tôi đã bỏ khí giới đầu hàng, nhận hết các tội lỗi rồi, các ông hà tất phải sát khí đằng đằng, "ngược đãi tù binh" làm gì nữa? Để được sống, có lúc, tôi rất muốn cầu xin chúng ra ơn, không nên ngoảnh mặt đi, không nên gầm rú như lang sói, hổ báo như thế! Nhưng đứng trước mặt chúng, nghe chúng chửi bới lập tức tôi thấy trời xoay đất chuyển, cơ hồ muốn ngã nhào! Chúng giống như hổ báo, lang sói nhảy vào vồ lấy tôi, nhe răng nhọn hoắt cắn xé tôi. Tôi đâu phải bằng gang thép, chịu sao nổi? Vết thương của tôi do đó mà có, bệnh tình của tôi do đó mà phát sinh. Tôi giãy giụa nhưng không ăn thua. Tôi sống nhưng mang bệnh trong người.

Người sao lại biến thành thú? Người biến thành "thú" như thế nào? Tôi tìm hiểu mãi vẫn không rõ.

Nhưng chân gãy chưa lành, thần kinh suy nhược, tôi lại phải vào nằm viện.

Ngày 9 tháng 1 năm 1984

HAI MƯƠI NĂM TRƯỚC

T
rời nóng không thể làm việc được. Tôi thường ngồi trên ghế mây nghĩ ngợi lung tung. Đầu óc không chịu yên cho, chẳng làm sao được.

"Văn cách" phát động đến nay tròn hai mươi năm, đó là chuyện quan trọng nhất trong nửa sau đời tôi, quên làm sao được, không thể không để cho nó tràn qua trở lại. Cho nên mấy ngày nay trong đầu óc tôi toàn là chuyện hai mươi năm trước. Thời gian gần đây, nhớ lại cuộc sống của tôi lúc đầu vào nằm viện lần thứ hai, phảng phất như ôn lại giấc mộng cũ, lại như có người đứng trước tôi gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh. Giấc mộng cũ hay là tiếng chuông cảnh tỉnh cũng thế, vẫn đưa lại cảm giác đứng bờ bên này, nhìn đám cháy ở bờ bên kia. Chẳng khác chút nào với việc bị trói hàng dây trên pháp trường, người run lập cập, thấy nguy đến nơi, chỉ cầu lấy mạng sống, bảo vệ mình, không tiếc bán rẻ người khác, bán rẻ tất cả những gì tốt đẹp nhất. Những ngày ấy, cuộc sống ấy, quan hệ ấy giữa con người và con người, thật là đen tối quá chừng, giống như là đang chịu tội dưới địa ngục vậy. Tôi lấy làm lạ, bấy giờ tôi đã ăn cháo lú gì mà có thể giơ hai tay lên, hô to đả đảo mình, cam lòng nhận tội, để cho kẻ khác tước đoạt quyền làm người của mình.

Không phải là tôi đang nói mê. Năm 1966, quả thực tôi đã như thế. Cháo lú đã làm tôi mê mẩn suốt mười năm. Năm 1983, nó lại định đưa tôi vào cảnh mộng một lần nữa, nhưng cái phép quỷ quái quen thuộc ấy đã mất tác dụng không làm cho tôi lú lẫn nữa. Tôi nói: "Tôi phải giương to hai con mắt lên để xem nó trở lại như thế nào". Kết quả quá khứ cuối cùng vẫn không phải là quá khứ! Tôi mới hiểu ra rằng, người bảo vệ quyền lợi của chính mình thì không thể nào bị thần tiên, hoàng đế, hay là chúa cứu thế nuốt trôi được. Bởi vì trên thế, giới làm gì có thần tiên, hoàng đế và chúa

cứu thế. Chuyện như thế này: trước kia vào khoảng mười tuổi, tôi tin có ma quỷ, tôi sợ ma quỷ, nghe người ta kể chuyện ma quỷ, tôi nghĩ rằng con người chết rồi phải xuống thập điện Diêm vương, bị tra khảo, bị khổ hình, tôi sợ hết hồn vía. Không những tôi sợ mà người ta còn kể nhiều câu chuyện truyền thuyết, và đưa ra nhiều bức vẽ hù dọa tôi. Lúc đó, tôi sợ run lên, không ngừng đầu gối, có cảm giác người cứ rã rời ra. Về sau, không biết thế nào mà tôi dần dần nhận thấy những người đưa chuyện ma quỷ dọa tôi thì chính họ cũng không tin là có ma quỷ. Tôi không mê tín nữa, đến mười lăm tuổi, có thể nói tôi hoàn toàn không tin có ma quỷ. Mà nói ra cũng lạ, từ đó tôi không hề thấy ma quỷ nữa.

Hôm nay, hồi tưởng lại chuyện cũ hai mươi năm về trước, tôi không thể không đặt ra câu hỏi: "Giá thử hồi bấy giờ mình không ăn cháo lú thì sẽ ra làm sao?" Câu trả lời là: "Nếu mọi người chẳng ăn cháo lú, thì chúng ta đã tránh khỏi một tai họa trước nay chưa từng có". Còn nếu như chỉ một số ít người tỉnh ngộ, thì có thể tôi cũng đi vào con đường tử vong bi thảm như Diệp Dĩ Quần, Lão Xá, Phó Lôi mà thôi. Trong những người bị "Văn cách" hãm hại, tôi chỉ kể tên ba ông bạn đã quá cố, bởi vì trong cuộc gọi là "cách mạng" đó, các ông bạn ấy là những người đầu tiên giao phó sinh mệnh cho xã hội mà họ từng yêu mến. Mỗi người trong họ lưu lại không ít tác phẩm, để con cháu đời sau hiểu thế nào là yêu nước, yêu nhân dân chúng ta. Lúc bấy giờ, ai nấy đã như kẻ điên rồi, trông thấy một người quen từ trên lầu cao nhảy xuống, chẳng ai thương xót, trái lại mở hội phê đấu, hô to khẩu hiệu, dùng những lời nói đả kích người chết. Tôi nhớ lại những lời nói những việc làm của chính tôi. Tôi tham gia Đại hội phê phán do Hiệp hội Nhà văn triệu tập lần ấy. Đó là đầu tháng sáu, bởi vì dự Hội nghị khẩn cấp các nhà văn Á Phi ở Bắc Kinh và các nơi mất hai tháng. Cuối tháng Bảy, tôi mới từ Hàng Châu trở về Thượng Hải, đầu tháng Tám vừa tiễn khách nước ngoài đi, sau đó trở lại cơ quan tham gia "phong trào". Trước nay tôi chỉ ghi tên ở Phân hội, chứ không đến đó làm việc. Phong trào này gọi là "Đại Cách mạng", uy thế mãnh liệt vô cùng, xem tình hình tôi cũng biết mình

khó lòng tránh khỏi số kiếp, bởi các nhà văn Toàn quốc phần lớn đều bị đưa "ra rìa" cả. Các vị khách Á Phi đến Tây Hồ làm việc ba ngày, mà không thấy một nhà văn nào ở địa phương đến tiếp đãi. Mấy nhà văn quen biết, từ Bắc Kinh đến, lúc chia tay ở sân bay Thượng Hải đều nói bóng gió rằng không biết khi nào sẽ lại gặp nhau. Ngay Tào Ngụ cũng vậy. Nhìn họ bước lên máy bay, tôi bỗng cảm thấy mình hết sức trơ trọi. Tôi thấy mình đã đến bước đường cùng, trong lòng hãi quá.

Sau giải phóng, tuy trở lại học tập liên miên, phong trào này đến phong trào khác, không ngớt, nhưng lần này tôi chưa hề có chút kinh nghiệm nào. Trở về cơ quan, tôi mới biết là tôi phải học tập ở tổ sáng tác. Phong trào ở cơ quan do mấy người cầm đầu tiểu tổ, trên chỉ định. Thí dụ, tổ trưởng tổ sáng tác là một nhà văn công nhân, có ít nhiều tiếng tăm, trước đây gặp tôi thì chào hỏi lễ phép, nhưng nay mấy lần gặp mặt thì tỏ ra lạnh nhạt hết sức, khiến tôi cảm thấy giữa ông ta và tôi bị phân chia ranh giới rạch ròi, trong lòng thấy lo lắng. Có thể nói là tự mình đã bỏ vũ khí xuống rồi. Nơi chúng tôi khai hội, treo đầy báo chữ to, tờ nào cũng sát khí đằng đằng, tuyệt đại đa số nhắm vào hai người Diệp Dĩ Quần, Khổng La Tôn, hình như toàn là những lời lẽ phê phán. Cũng có mấy tờ phê phán tôi, nhắc đến bài phát biểu của tôi ở Hội nghị Nhà văn ở Thượng Hải lần thứ Hai năm 1962, lời lẽ thật độc ác, tôi không dám xem tiếp. Tôi bước vào Hội trường phảng phất như bước vào điện Diêm vương.

Sau khi tham gia học tập, ngày nào tôi cũng phải đến cơ quan, lúc đầu chỉ khi nào có thông báo mới đến, về sau thì đến theo giờ chính quyền, sau nữa thì ở lại cả ngày. Cuối cùng thì "cách ly thẩm tra", đang là người biến thành "bò". Đó là điều mà từ ngày đến cơ quan này tôi hoàn toàn không hề tưởng tượng được. Mười ngày học tập ở tổ, bảy ngày, cứ buổi chiều là tham gia Đại hội phê phán Dĩ Quần, chửi túi bụi, nói Dĩ Quần "cách tuyệt" với nhân dân rồi, nghe khẩu khí giống như là Dĩ Quần không còn ở trên trần gian này nữa. Thế nhưng cuối tháng trước, tôi còn thấy ông ngồi trong Hội

trường cúi đầu ghi ghi chép chép. Tóm lại, ông ta sống hay chết cũng mặc kệ. Ngay ông lớn chủ trì Đại hội cũng không hề giải thích điều gì về Dĩ Quần cả. Dù sao, mọi người cứ thuận phục giờ tay đồng tình một cách khẳng khái, hiên ngang. Tôi ngồi không dám nghĩ gì cả, thấy người ta giờ tay, tôi cũng giờ tay, và hô theo: "Đả đảo Diệt Dĩ Quần!". Tôi cố giữ không để ai thấy mình lo lắng, không để ai nhớ rằng Dĩ Quần là bạn của tôi. Đại hội rồi Tiểu hội họp suốt ba tiếng đồng hồ, khi giải tán có một chị quen biết nói vào tai tôi: "tin tức về Dĩ Quần chớ lộ ra ngoài". Tôi lạnh cả người. Chị là một nhà văn chuyên nghiệp, lại là đảng viên, gần đây ở lại Thượng Hải, nhất định chị biết tình hình thực tế.

Buổi tối, trước khi đi ngủ, tôi ghi vào nhật ký đoạn sau: "1 giờ rưỡi, cùng Tiêu San thuê xe ba bánh đến Hiệp hội; 2 giờ, mở Đại hội toàn thể ở Hội trường phê tội Dĩ Quần "phản Đảng, phản Chủ nghĩa Xã hội". Sau 4 giờ, nghỉ giải lao. Chia tổ họp, nhất trí biểu thị lòng phản nộ đối với hành vi phản đảng cuối cùng của Dĩ Quần. 5 giờ rưỡi giải tán". Tôi cầm bút viết, chẳng hề suy nghĩ, cũng chẳng chần chừ, lại không đặt mình vào cảnh ngộ của người bạn quá cố, nghĩ một chút về gia đình ông bạn... Tôi mệt mỏi, chỉ mong mình vượt qua cửa ải, bình an vô sự. Một tháng sau, một buổi chiều ngày nọ, tôi vừa đến cơ quan thì bị bọn tạo phản áp giải về nhà xem bọn chúng chấp hành "hành động cách mạng". Chúng lục soát mấy tiếng đồng hồ liền, mang đi mấy bao tải đồ vật trong đó có các cuốn nhật ký của tôi nhiều năm. Còn nhật ký để ở cơ quan gần mười một năm nay, không biết người nào đã gạch đổ lòn, nhưng cuối cùng cũng trở về tay tôi. Đầu là chữ tôi viết, để tìm những điều tôi ghi chép về cái chết của Dĩ Quần. Tôi lật từng trang, càng xem càng thấy vô vị, càng xem thương mình. Những năm ấy tôi luôn miệt mài nói "Tự cải tạo", rút cuộc cải tạo mình thành ra cái gì nào? Tôi không cần phải mất sức óc suy nghĩ; chỉ là theo người khác giờ tay lên, bỏ tay xuống, để bảo toàn lấy mạng mình, dù phải hy sinh bè bạn. Trước hết đã đảo người khác, sau đến tự đả đảo mình. Cho nên trong cái Hội trường này, không đầy hai tháng, tôi cũng đã theo người khác hô to:

"Đả đảo Ba Kim, phần tử phản Đảng, phản Chủ nghĩa Xã hội". Nghĩ mà buồn cười; kỳ thực là nhục nhã. Thậm chí, khi cam tâm phủ định triệt để mình. Tôi cũng có hai ba lần tự hỏi: "Truyền thống văn hoá của chúng ta đâu rồi?". Chúng ta còn có tình nghĩa bè bạn gì nữa hay không? Chúng ta có còn chân thực nữa hay không? Tại làm sao, trước hết, người ta không tìm ra đâu là phải, đâu là trái, rồi mới tỏ thái độ? Không cần phải nói, tôi không tìm được câu trả lời. Ngày nay tôi cũng thường hỏi: "Tại làm sao những năm ấy, có nhiều án oan, án giả, án sai đến thế?". Cũng chẳng ai trả lời cho tôi cả. Có điều, bây giờ đầu óc tôi tỉnh táo hơn rồi.

Thời "Văn cách" trong đám bạn bè tôi chết oan, Dĩ Quần là người thứ nhất. Nghe nói, anh nhảy lầu từ ngày mồng Hai tháng Tám, nhưng cho đến hôm nay, tôi vẫn chưa biết rõ anh bị bức phải nhảy lầu như thế nào. Tôi chủ trương tổ chức lễ truy điệu để chiêu tuyết cho anh, đọc một bài điệu văn. Tôi chỉ biết anh bị người ta bức tử với tội "không cần có chứng cứ". Nhưng tình hình cụ thể, chân thực như thế nào thì đáng lý ra phải có người nào đó chịu trách nhiệm. Tôi vẫn không biết rõ, mà có lẽ vĩnh viễn không thể biết rõ được. Bởi vì mọi người đều đã quen "nghe người ta nói" là được rồi, không yêu cầu biết sự thật ra làm sao. Dĩ Quần chết một tuần rồi tôi mới hay tin, còn như Lão Xá "vỡ ngọc"²⁴ thì một thời gian lâu sau khi ông tự sát. Đến như những trang tuyệt bút của Phó Lô, mười mấy năm sau, tôi mới thấy tâm linh lương thiện, chính trực của người trí thức Trung Quốc, thấy truyền thống văn hoá của chúng ta: "Kẻ sĩ, có thể giết, không thể làm nhục". Ngày nay, đọc những bức thư Phó Lô để lại, tôi còn cảm thấy chính khí tôn nghiêm hơn người của anh. Tôi thường dùng những hình dung từ, "thiện lương", "chân chính", để xưng tụng một số bạn bè của tôi. Những từ đó gần như tôi nói đã quen miệng rồi, nhưng dùng cho mỗi vị thì chúng lại toả ra một ánh sáng riêng. Trong "Văn cách", những người trí thức bị chết oan đâu chỉ hàng ngàn, hàng vạn. Họ nêu gương phê phán triết lý "cứu lấy mạng sống". Tôi nhớ thời chống phá hủ, tôi có viết một bài bác lại luận điệu "không thể làm nhục", chủ trương đập tan bộ mặt kiểu cách của các nhà trí thức. Viết bài đó kỳ thực là tôi "cứu lấy mạng sống của tôi". Bấy

giờ, tôi nghĩ rằng: Nếu như con người ta không chú ý đến sĩ diện thì khi gặp phải vấn đề sống hay chết cái gì người ta cũng làm. Ổn chúa, tôi chưa gặp phải tình huống ấy, các bạn bè tử vong, chết liên tục đánh lên hồi chuông cảnh tỉnh tôi.

Dĩ Quần chết rồi, việc phê phán La Tồn vẫn tiến hành như thường. Phái cách mạng trong cơ quan động viên tôi viết bài vạch trần La Tồn và những người khác. Người lãnh đạo tổ sáng tác cũng yêu cầu tôi viết báo chữ to. Tôi không thể bịa đặt ra, chỉ có thể viết về vài chuyện lặt vặt, không quan trọng, nên phái cách mạng không bằng lòng. Áp lực càng lan càng mạnh, báo chữ to đã kích tôi càng dần dần nhiều lên. Trong các nhà văn thì Vương Lỗ Ngạn bị ném ra đầu tiên, về sau ông nói: "Tôi tỉnh ra mới biết ông Thị trưởng điểm danh tôi là phản cách mạng". Rồi Ngô Cường và Ngụy Kim Chi, kẻ trước người sau bị đuổi ra khỏi tổ sáng tác. Tiếp theo, Sư Đà cũng bị ra rìa. Tôi đang giầy giụa. Buổi sáng hôm ấy, tôi đến cơ quan, tổ sáng tác chỉ còn ba người, Kha Linh, Bạch Ngụy và tôi. Có ai đó nói cho chúng tôi biết; những người khác bận việc, và bảo chúng tôi đến phòng tư liệu tìm chỗ mà tự học. Sau đó, ba người chúng tôi rời tổ sáng tác lên phòng tư liệu ở tầng hai mà tự học. Nói là tự học, chẳng qua là viết kiểm điểm, thú nhận tội mà thôi. Tình thế càng lâu càng căng thẳng. Tôi cũng thấy, đối với tôi, vòng vây thu hẹp dần, nhưng tôi vẫn tự an ủi rằng Tổ chức đối với tôi chắc khác với các ông Sư Đà. Họ học tập ở nhà ăn, hàng ngày phải làm một ít công việc lao động nhẹ. Nhưng được mấy ngày Kha Linh bị Xưởng Điện ảnh lôi đi. Chỉ còn lại Bạch Ngụy và tôi vẫn học tập ở phòng tư liệu. Đến đầu tháng 9, có người (một nhà văn công nhân) đến báo cho tôi biết rằng "thái độ của tôi chưa thành khẩn, quần chúng cách mạng sẽ có hành động đối với tôi". Thế là bắt đầu lục soát nhà lần thứ nhất. Lần ấy, lục soát từ sáng đến chiều, kể cả thời gian ăn trưa, đại khái, sáu, bảy tiếng đồng hồ (phái cách mạng cũng ăn cơm tại nhà tôi, cơm canh do Ban chấp hành mang tới), về sau, nghe người ta nói lần lục soát nhà là có tính chất bảo vệ, trên đưa xuống nhiều giấy để niêm phong. Số là còn có kiểu lục soát nhà có

tính chất huỷ hoại nữa, tức trong nhà có bình, chum, vại, đập hết, hoặc là đuổi anh ra khỏi nhà. Cơ quan chúng tôi sợ 62 người ngoài thừa cơ vào cướp bóc, hoặc giả tiến hành lục soát có tính chất huỷ hoại, bèn trước hết niêm phong toàn bộ các giá sách của tôi, mang đi tất cả những đồ vật quan trọng. Lúc ra về, phái cách mạng còn dán một tờ báo chữ to ở ngoài cửa vào hành lang vạch tội trạng của tôi. Một vị lãnh đạo uy hiếp tôi, nói: "Nếu ông không khai hết, chúng tôi sẽ dán báo chữ to trước cổng nhà, để xem ông còn cách nào sống nữa không?". Tôi hiểu ý ông ta, dán tờ báo chữ to trước cổng nhà thì người qua đường có thể vào nhà, muốn làm gì thì làm. Tôi nghĩ bụng, ngày đó sớm muộn rồi cũng đến, Tôi không còn hy vọng gì ở tôi nữa.

Nhưng tôi vẫn kéo dài cuộc sống ngày này sang ngày khác. Như người rơi xuống nước, tôi còn mong vớ được tấm ván nào đó mà bơi vào bờ. Kỳ thực, không bao lâu sau, tôi cùng với Khổng Tôn, Vương Lỗ Ngạn, Ngô Cường, Sư Đà, Ngụy Kim Chi cùng nhau học tập, cùng nhau lao động, cùng nhau phê đấu, không những chẳng khác gì họ, mà vấn đề của tôi càng ngày càng nghiêm trọng. Có một thời gian, giữa ban ngày, ở cơ quan, mấy lần tôi bị học sinh các nơi khác liên tục đến bắt tôi phải kể tội trạng của tôi trước mặt mọi người. Về nhà, tôi còn phải ứng phó với từng đoàn học sinh trung học, khẩn thiết xin họ đừng xé những tờ giấy niêm phong trên giá sách hoặc mang sạch các đồ vật khác đi... Có một thời gian, tôi bị lôi đến xưởng máy và về nông thôn, nhà trường đi mời đấu dạo. Lại một thời gian tôi bị đưa đi lao động ở trường Cải tạo cán bộ 7-5. Tôi và vô số phần tử trí thức đều bị nhốt vào "chuồng bò" bao nhiêu năm, cuối cùng bị sáu tên nanh vuốt của "lũ bốn tên" lấy danh nghĩa lũ này, đội cho cái mũ vô hình "phản cách mạng". Đó là cái trong văn kiện nói là: "Đánh gục tại chỗ, lấy chân đạp xuống, suốt đời không ngóc đầu dậy được". Nếu không bỗng xuất hiện kỳ tích, trong một đêm, bè lũ chúng nó, tên cầm cờ dẫn đầu, bị bắt giam vào ngục tối, thì vĩnh viễn quả thật tôi không còn thấy ánh sáng mặt trời nữa!

Không phải tôi đang viết tiểu thuyết, hoặc viết hồi ký, nên không định ghi lại đây thật nhiều tình tiết. Trong mười năm ấy, mọi người đều phải trải qua nhiều chuyện thảm khốc, kể không hết. Nói thảm khốc, còn là bình thường, đó quả là những hình phạt ghê gớm, chỉ Trung Quốc mới có: lên núi đao, bỏ vạc dầu và các cách làm vũ nhục, giày xéo, xúc phạm thân thể, xúc phạm tâm linh, mà con người không ai chịu nổi. Vì không chịu nổi, nên bao nhiêu người phải chết. Ngoài ra, nghĩ đến hai người bạn khác chết thời "Văn cách", Trần Đồng Sinh và Kim Trọng Hoa, hôm nay tôi vẫn còn thấy đau xót. Năm 1966 tôi dự Hội nghị các nhà văn Á Phi về đến Thượng Hải, còn nói chuyện với họ. Họ an ủi tôi và cổ lệ tôi. Cùng trong một thành phố, họ ở rất gần nhà tôi..., thế mà tôi không biết họ chết vào lúc nào. Kim Trọng Hoa lặng lẽ treo cổ trong phòng, bà mẹ tám mươi tuổi ở tầng dưới chỉ nghe tiếng ghế đổ. Trần Đồng Sinh, thì nghe nói chết nằm vắt trên bếp ga, do đó người ta đoán là anh tự tử. Nhưng anh đang ở thời kỳ "cách ly kiểm tra" mà, làm sao có thể mở bếp ga được? Và không bao lâu trước ngày chết, anh còn viết thư cho người quen nói rằng tuyệt đối anh không tự tử. Qua mười tám năm rồi, ngay một việc như thế mà cũng không điều tra ra, ngay vấn đề ấy cũng không được giải quyết. Nói là chiêu tuyết cho người chết, lẽ nào lại như thế? Chẳng phải là để cho vong linh họ ngậm hờn nơi chín suối? Thật may mắn cho tôi, tôi chịu đựng được mà qua khỏi. Tôi cũng đã từng nghĩ đến cái chết, và cũng từng cảm thấy khó mà sống nổi. Nhưng ở trong cõi đời, tôi có nhiều điều lưu luyến. Nhiều người hiểu việc lôi cuốn cảm tình của tôi. Tôi quyết đem hết khả năng mình mà sống tiếp, không thể nói là tranh thủ triệt để tự cải tạo, "thay xương đổi thịt, trở lại làm người". Trước kia, tôi nói có hơi phóng đại, "từ nhỏ tôi không thích chủ nghĩa hình thức". Tôi giơ tay lên hô to "Vạn vạn tuế"²⁵ cũng chỉ là để giữ cái mạng sống của tôi. Chúng ta mở miệng ra là nói "xã hội mới", nhưng xã hội mới ấy, chúng ta càng ngày càng không hiểu ra làm sao cả, càng ngày càng thấy dễ sợ. Bạn bè, người này tiếp người khác, bị quăng xuống vực thăm trước tôi. Tiêu San kém tôi mười ba tuổi, bị ung thư, không được đưa đến bệnh viện kịp thời để chữa chạy, phải cùng tôi chia tay, nước mắt lưng tròng.

Qua hai mươi năm tròn, tôi cũng sợ nhắc lại chuyện cũ mà đau lòng. Nhưng hai mươi năm nay, nhiều điều nghi vấn chưa rõ ràng. Tôi phải tìm cho ra một hai lời giải đáp. Nếu không, đến khi xuống cửu tuyền, gặp Tiêu San, tôi biết nói gì để an ủi nàng?

Cho nên, tôi phải suy nghĩ, suy nghĩ liên tục. Tôi phảng phất như bị bỏ vào vạc dầu. Dù đau khổ không chịu nổi, nhưng đối với tôi, bát cháo lú không còn có tác dụng nữa. Mặc dù ký ức tôi có suy giảm, nhưng đầu óc tôi chưa đến nỗi hồ đồ. Tôi còn nhớ rõ hai mươi năm trước trở về cơ quan tham gia "phong trào", lúc đó tôi còn là đại biểu Đại hội Nhân dân Toàn quốc. Nước chúng ta có Hiến pháp 1954, quyền công dân của tôi đáng ra phải được Hiến pháp bảo vệ. Hiến pháp ấy đã được toàn thể đại biểu bỏ phiếu thông qua, trong đó có lá phiếu của tôi. Trước khi bỏ phiếu thông qua Hiến pháp, nhân dân toàn quốc đã được thảo luận nhiều lần, sửa đổi nhiều lần rồi sau khi công bố lại được tuyên truyền rộng rãi, nói đó là luật pháp căn bản! Nhưng đến khi đáng phải phát huy tác dụng của nó thì chúng ta chẳng ai tìm thấy nó ở đâu cả, phảng phất như nó chẳng hề tồn tại, hoặc giả là vô ích, không bằng tờ báo chữ to. Hai mươi năm trước, tôi đã bị nhốt "chuồng bò" như thế đấy. Hiến pháp đã mất tăm mất tích, nhân quyền đã bị giày xéo. Tôi giơ cao quyền "sách đỏ", đọc to "chỉ thị tối cao", đang là người biến thành thú, mặc cho người ta phanh thây xé xác. Những năm ấy, tôi chịu hết mọi cách vũ nhục, giày vò. Nhưng tôi vẫn không thể không tự trách mình, tại làm sao không dùng đầu óc mình mà suy nghĩ. Là một phần tử trí thức, những điều hiểu biết của tôi thể hiện ở chỗ nào? "Lũ bốn tên" gọi tôi là "quyền uy học thuật phản động", tôi dạ dạ vâng vâng, quên khuấy học thuật đâu rồi!

Chuyện đã qua thì để cho qua luôn, có người không muốn nhắc lại làm gì nữa; nhưng có người không thể không nhắc đến. Tôi là người như vậy. Bởi vì nhớ bài học quá khứ, tôi mới không sợ lại mắc lừa lần nữa. Chỉ có thừa nhận quyền lợi của mỗi người công dân mới có thể lý trực khí tráng

bảo vệ mình được. Chẳng ai muốn lại có một cuộc Đại Cách mạng Văn hóa lần thứ hai, vậy thì để mọi người ngồi nhớ kỹ những chuyện to, chuyện nhỏ trong mười năm ấy, tôi cho cách tốt nhất là xây dựng một nhà bảo tàng "Văn cách".

19 tháng 6 năm 1986

THƯƠNG NHỚ TIÊU SAN

Hôm nay là ngày kỷ niệm sáu năm ngày Tiêu San tạ thế, quang cảnh sáu năm trước còn hiện ra rõ mồn một trước mắt tôi. Hôm ấy, tôi từ Đài hoá thân về nhà, lòng dạ cứ rối tung; phải hai ba ngày sau, tôi mới dần dần bình tĩnh lại được, một mình ngồi trước bàn viết một bài kỷ niệm nàng. Năm mươi năm trước, tôi vẫn có thói quen như vậy, mỗi lần có tình cảm gì đó mà không biết thổ lộ với ai, thì tôi thường gửi gắm vào trang giấy. Thế mà mấy ngày tháng 8 năm 1972 ấy, tôi ngồi ba bốn tiếng mỗi ngày trước trang giấy trắng, mà không viết được dòng nào. Tôi cay đắng nghĩ rằng lẽ nào bị nhốt trong "chuồng bò" mấy năm, mình đã biến thành "bò" thật sự rồi sao? Trên đầu hình như có một tảng đá đè nặng, mọi ý nghĩ cứ như đông cứng lại. Tôi dứt khoát bỏ bút xuống, nhất định không viết gì nữa.

Sáu năm trôi qua, Lâm Bưu, "lũ bốn tên" và bọn tay chân chúng nó thực sự muốn làm cho tôi dần dần như thú vật. Thế nhưng tôi vẫn sống, mà lại sống khoẻ mạnh là đằng khác, đầu óc cũng không mụ mẫm đi, đôi khi còn có thể viết văn được nữa kia. Gần đây, tôi thường đến Đài hoá thân dự lễ hoả táng mấy ông bạn già. Trong nhà lễ đường, tôi nhớ bao nhiêu chuyện vui buồn lẫn lộn.

Đứng trong lễ đường, tới dự chỉ vài ba chục người. Chúng tôi đang khóc cạnh thi hài "Tiêu San", để từ biệt lần cuối cùng, bỗng tôi sức nhớ đến câu nói của Giác Tân trong cuốn *Gia đình*²⁶ của tôi: "Cô ta chết, chắc cũng không biến thành ma quỷ đâu". Bốn mươi bảy năm trước, viết câu đó, tôi đâu có ngờ chính là tôi viết về mình hôm nay đây. Nước mắt tôi không chảy, nhưng tôi cảm thấy như vô vàn móng tay nhọn sắc cào xé lòng tôi. Tôi đứng bên thi hài Tiêu San, nhìn khuôn mặt trắng nhợt, đôi môi không nói ra được bao nhiêu điều muốn nói, phải nuốt đi. Tôi nghiến chặt răng, thầm gọi tên nàng. Tôi nghĩ, tôi lớn hơn nàng những mười ba tuổi, làm sao lại không

thể chết trước nàng, như thế này chẳng quá bất công hay sao? Rốt cuộc, nàng bị tội gì kia chứ? Nàng cũng bị nhốt "chuồng bò", đứng xếp hàng đeo băng "Quý bò, thần rắn", lại phải cầm chổi quét đường nữa. Rốt cuộc, vì sao vậy? Lý do rất đơn giản, nàng là vợ tôi. Nàng mắc bệnh mà không được chữa chạy, cũng vì nàng là vợ tôi. Nghĩ hết cách, cho đến ba tuần lễ trước ngày mất, bằng con đường cửa sau, nàng mới được vào bệnh viện. Nhưng ung thư đã di căn rồi, ung thư ruột thành ung thư gan!

Nàng không muốn chết, nàng muốn sống, muốn cải tạo tư tưởng, muốn trông thấy Chủ nghĩa Xã hội xây dựng thành công. Nguyên vọng ấy không thể nói là hoang đường của người u mê. Quả là nàng có thể sống được, nếu như nàng không phải là "con vợ tôi", của lão Kim đen này. Tóm lại là tôi liên lụy đến nàng, tôi đã hại nàng!

Trong thời gian tôi bị đưa "ra rìa", bị hành hạ về tinh thần, thì nàng cũng bị hành hạ như tôi. Có điều, tôi không bị đánh đập, còn nàng thì bị thắt lưng da bịt đồng của "Hồng vệ binh từ Bắc Kinh đến" quật vào người để lại bên mắt trái những vết tím bầm, phải mất bao nhiêu ngày mới tan. Nàng bị đánh chỉ vì nàng bảo vệ tôi. Thấy một bầy trẻ con nửa đêm xông vào nhà, sợ chúng nó lôi tôi đi, nàng bèn lên ra cổng chạy đến đồn công an phía trước, xin các đồng chí sang can thiệp. Ở đó chỉ có một người trực, không dám làm gì. Trước mặt, anh công an kia, chúng nó dùng thắt lưng bịt đồng đánh túi bụi, giải về, rồi chúng nó nhốt cả hai vợ chồng chúng tôi vào chuồng xí, khoá trái lại.

Không những nàng chia sẻ những nỗi đau khổ của tôi mà nàng còn an ủi động viên tôi rất nhiều. Lúc "lũ bốn tên" hoành hành, tôi vẫn ở cơ quan nguyên như trước (Hội liên hiệp các nhà văn Trung Quốc - Phân hội Thượng Hải), nhưng bị coi là "tội phạm", là "tiện dân". Cuộc sống thật nặng nề, khó chịu; có hôm chín, mười giờ đêm mới được về nhà. Qua cửa trông thấy gương mặt nàng thì những nỗi u uất trong lòng tôi tan biến cả. Bao

nhiều điều oan khuất, bao nhiêu chuyện bức bối, tôi có thể thổ lộ với nàng. Có một dạo, đêm nào trước khi đi ngủ, hai vợ chồng cũng phải nuốt vài viên thuốc an thần mới chợp mắt được, nhưng tờ mờ sáng hôm sau đã thức giấc rồi. Tôi gọi nàng, nàng cũng gọi tôi. Tôi đau khổ nói: "Như thế này thì không sống nổi", Nàng nhắc lại cũng đau khổ như thế: "Thật không sống nổi". Nhưng nói thêm: "phải kiên trì mới được!"; Hoặc: "kiên trì tức là thắng". Tôi nói "không sống nổi" là vì thời gian ấy, mỗi ngày, trong "chuồng bò", tôi phải lao động, học tập, viết kiểm thảo, viết thu hoạch tư tưởng. Bất cứ ai cũng có thể mắng mỏ, huấn thị, chỉ huy tôi. Những người ngoài "phân hội" đến liên tục, cũng tùy ý điểm danh, gọi tôi ra "thị chúng", lại còn bắt tôi tự nói "tội" của mình ra. Thời gian làm việc không hạn định, do tổ giám đốc "chuồng bò" tùy ý định đoạt. Bất cứ ai cũng có thể xộc vào nhà tôi, thích lấy cái gì thì lấy. Bấy giờ chưa có "đại hội phê đấu trước quần chúng" đại quy mô để quay phim, nhưng cũng sắp sửa đến nơi rồi.

Nàng nói "không sống nổi" là vì đã hai lần nàng bị lôi đến cơ quan, lao động tạp vụ, sau đó cũng thường tham gia "bồi đấu". Trên bức tường ở đường Hoài Hải, có một chỗ dành riêng cho "Mục đại phê phán", ở đó có dán tờ "báo chữ to" nêu tội trạng của tôi; tên tuổi cả nhà tôi đều trưng ra để "thị chúng". Không cần nói cũng biết đại danh của "con đàn bà thối" chiếm chỗ nổi bật nhất. Những hàng chữ ấy như một thứ trùng độc cắn rứt lòng nàng. Nàng bị bọn học sinh "phái cuồng vọng" ở Học viện kịch Thượng Hải đột nhiên công kích, lôi đến "Phân hội Nhà văn", trong lúc ấy thì trước cổng nhà tôi, chúng dán một tờ báo chữ to kể tội nàng. May mà đêm hôm ấy, con tôi xé quách đi, nếu không thì tờ báo chữ to kia có thể hại đến tính mệnh nàng.

Những cặp mắt trắng dã, những tiếng chế giễu, những câu nhục mạ găm nhấm lòng nàng, thân thể nàng. Tôi thấy sức khỏe nàng suy sụp dần. Vẻ bình tĩnh bề ngoài của nàng là giả tạo, còn trong lòng thì nàng đau khổ hết sức. Giống như một nồi nước sôi, làm sao nàng che đậy kín nổi? Làm sao

nàng có thể bình tĩnh được? Nàng luôn luôn an ủi tôi, tin tưởng tôi. Nhưng nàng thấy vấn đề của tôi ngày một nghiêm trọng, sức ép của cấp trên với tôi ngày một tăng, nàng lại càng lo lắng. Có lúc, tôi và nàng cùng đến cơ quan hoặc từ cơ quan về, hễ đến đầu ngõ Cự Lộc, gần "Phân hội", hoặc đến đầu ngõ Hồ Nam, gần nhà chúng tôi thì bao giờ nàng cũng cúi gục đầu xuống. Tôi hiểu nàng, thương nàng, và cũng hết sức lo lắng cho nàng không thể chịu đựng nổi nữa. Tôi nhớ có một hôm hết giờ làm việc, bình thường chúng tôi không bị giữ lại. Về đến nhà đã hơi mừng, nàng vào bếp làm thức ăn. Tôi mở báo ngày hôm ấy ra xem thì thấy trang ba, đăng bài của hai nhà văn công nhân, đầu não của "phân hội" lúc bấy giờ; *"Triệt để vạch bộ mặt thật phản cách mạng của Ba Kim"*. Thật là một đòn giáng vào đầu tôi. Tôi xem vài ba hàng rồi vội giấu đi, sợ nàng trông thấy. Nàng làm cơm xong, bưng ra nét vẫn tươi vui. Lúc ăn, nàng nói nói, cười cười. Cơm xong, nàng đòi xem báo, tôi cố ý làm cho nàng lảng sang chuyện khác. Nhưng vô ích, nàng đã tìm được tờ báo rồi. Về tươi vui trên khuôn mặt nàng liền biến mất. Đêm ấy, nàng không nói một lời nào cả, đi vào phòng ngủ rất sớm. Sau tôi mới biết nàng nằm trên giường khóc thầm. Thế là mất một đêm tưởng có thể yên tĩnh. Hôm nay, hồi tưởng lại tình cảnh lúc bấy giờ, tôi như còn thấy trước mắt gương mặt nàng ướt đầm. Tôi muốn lau khô những dòng nước mắt ấy biết chừng nào, để vẻ tươi vui lại hiện lên trên gương mặt nàng vốn đã tiêu tụy. Dù có phải giảm bớt mấy năm của tôi trên cõi đời để đổi lấy một đêm yên tĩnh trong gia đình, tôi cũng cam lòng!

Tôi nghe người con dâu của đồng chí Chu Tín Phương kể lại: bà Chu trước khi mất, thường bị bọn đầu gấu lôi ra làm quả bóng xô đi đẩy lại, đến nỗi mình mấy mềm nhũn. Có người khuyên bà trốn đi, bà nói: "Tôi trốn đi thì chúng nó lại đến hành hạ ông nhà tôi như thế thôi mà". Tiêu San không hề bị hành hạ về thể xác kiểu mới ấy, nhưng tinh thần thì cũng bị người ta dày vò khác gì quả bóng. Nàng suy nghĩ như thế này: về tinh thần, nàng có bị dày vò một chút, nhưng sức ép đối với tôi sẽ giảm nhẹ đi. Kỳ thực, cách suy nghĩ ấy đại đột quá, kết quả chỉ khổ nàng mà thôi. Tôi thấy nàng càng

ngày càng tiêu tụy, thấy sức sống của nàng ngấm ngấm tắt dần. Tôi đau lòng biết bao nhiêu. Tôi khuyên nàng, an ủi nàng. Tôi muốn vực nàng đứng thẳng lên, nhưng vô ích!

Nàng luôn luôn hỏi tôi: "Vấn đề của anh, bao giờ mới giải quyết xong?" Tôi cười cay đắng: "Rồi cũng xong thôi mà". Nàng thở dài: "Sợ em không đợi được đến lúc ấy nữa". Sau đó thì nàng ngã bệnh. Có người khuyên nàng quay điện thoại đến gọi tôi về. Không biết ai đã trả lời nàng, nói: "Ông ấy đang viết kiểm thảo, không nên làm ông ấy phân tán tư tưởng. Vấn đề của ông ấy đại khái cũng có thể giải quyết xong". Đến khi tôi ở Trường cán bộ Mông 7 tháng Năm được về nhà nghỉ phép, thì nàng đã nằm liệt trên giường rồi, không ngồi dậy được nữa. Nàng vẫn hỏi tôi: "Viết kiểm thảo ra sao! Có ổn được không". Đúng là bấy giờ tôi đang viết kiểm thảo, mà đã viết những mấy lần rồi. Họ bắt tôi viết đi viết lại, chỉ cốt cho tôi sụp đổ. Nhưng làm sao nàng có thể hiểu được?

Bấy giờ thì chỉ cách ngày nàng qua đời không đến hai tháng, ung thư đã di căn, nhưng chúng tôi không hề biết gì hết. Muốn tìm các bác sĩ kiểm tra lại cho chắc mà cũng không thể nào được. Ngày thường đến bệnh viện lấy sổ vào phòng khám, chờ mãi mãi mới thấy bóng bác sĩ hoặc sinh viên thực tập. Họ tùy tiện viết cho một cái đơn thuốc, thế là xong. Chỉ khi nào sốt 39 độ mới được ghi sổ cấp cứu, còn không thì cứ chen chúc với các bệnh nhân khác ở phòng đợi mà chờ suốt buổi. Hồi đó, đi đến bệnh viện khám mà tìm cho được phương tiện giao thông, cũng đã gay rồi. Thường thì anh con rể tôi mượn xe đạp đặt mẹ vợ ngồi lên xe, nó thông thả đẩy đi. Có lần, nàng thuê được một chiếc xe ba bánh con con đi khám, khám xong, không thuê được xe về nhà, đành để người bạn đưa nàng đi khám đi bộ về. Đi bộ một đoạn lại phải dừng lại nghỉ. Đến đầu phố, suýt nữa ngã, phải nhờ người qua đường đến nhà tin cho biết. May có cô cháu họ của nàng đến thăm, thế là cô ấy công về... Nàng muốn được chiếu X quang kiểm tra xem bệnh gì ở ruột, nhưng đành chịu. Sau nhờ một người bà con giúp đỡ, đi cửa sau, chiếu

được hai lần mới biết là ung thư ruột. Rồi lại phải nhờ bạn bè đi cửa sau, vào nằm viện. Nàng mừng lắm, cho là sẽ được cứu sống. Chỉ một mình nàng là không hề biết bệnh tình thực tế của mình mà thôi. Vào viện, nàng chỉ sống được ba tuần lễ.

Thời gian nghỉ phép về nhà đã hết hạn, tôi xin nghỉ hai lần nữa, ở nhà săn sóc nàng. Nhiều nhất cũng không hơn một tháng. Tôi thấy bệnh nàng ngày càng trầm trọng, quả thực không thể để mặc nàng mà đành lòng được. Tôi xin kéo dài thời gian nghỉ. Ông đội trưởng "Đội tuyên truyền công nhân" của cơ quan buộc ngày hôm sau tôi phải có mặt ở trường. Tôi trở về, nàng hỏi, tôi không giấu được. Nàng thở dài nói: "Anh cứ yên tâm mà đi". Nàng quay mặt sang chỗ khác, không để tôi nhìn thấy. Con gái tôi và anh con rể, trước tình cảnh ấy, chạy liều đến gõ cửa trình bày với ông đội trưởng kia, mong ông ta để tôi ở lại thành phố săn sóc người bệnh. Nhưng ông ta "giữ vững nguyên tắc", lắc đầu, lại còn nói: "Ông ấy không phải là bác sĩ, ở nhà, làm được cái quái gì!". Ở nhà không có lợi cho ông ấy cái tạo đâu. Hai đứa tức giận quay về, chỉ nói cơ quan không đồng ý, sau đó mới truyền đạt lại cho tôi câu "danh ngôn" kia. Tôi còn có thể nói gì nữa!. Ngày mai đành có mặt ở Trường cán bộ thôi!

Suốt đêm ấy, nàng không ngủ được, tôi cũng không chợp mắt được tí nào. Bất ngờ sáng sớm hôm sau, đứa con trai tôi, trước đây theo đội đến ở nơi nào đó, xa gia đình, bỗng xuất hiện trong phòng chúng tôi. Nó về từ khuya. Nhận được thư nhà, nó xin phép về thăm mẹ, nhưng nó đâu có ngờ bệnh tình mẹ nó đã đến nông nỗi này. Thấy mặt nó, tôi giao mẹ nó cho nó mà trở lại Trường. Ngồi trên xe lòng tôi rối như mớ bòng bong. Quả thực, tôi không sao hiểu nổi cơ sự lại như thế này. Tôi ở lại trường đã năm ngày, không có cách gì liên lạc được với gia đình. Tôi đoán bệnh tình nàng tồi tệ lắm, nhưng người ta không cho tôi hỏi thăm nàng. Năm ấy, tôi khổ sở biết nhường nào. Đến ngày thứ năm, lãnh đạo "phái tạo phản" của Trường thông tri cho tất cả chúng tôi biết sáng sớm hôm sau, về thành phố, họp. Do đó,

tôi mới được về nhà thăm vợ. Nhờ bạn bè giúp đỡ, nàng được vào phòng ung thư gan của bệnh viện Trung Sơn. Mọi thứ đã chuẩn bị sẵn sàng, hôm sau sẽ vào viện. Trước hôm vào viện, nàng mong mỗi được gặp tôi, thì cuối cùng tôi đã về đây. Đến tôi cũng không ngờ bệnh tình nàng lại phát triển nhanh như thế. Thấy mặt nhau, mà tôi không nói được lời nào. Nàng chỉ nói: "Rốt cuộc em đã vào viện được rồi". Tôi đáp: "Em cứ yên tâm mà chữa trị nhé". Ông cụ thân sinh nàng vào thăm, mắt cụ đã loà, chặt vật lắm mới vào được bệnh viện thăm con gái, có thể là để vĩnh biệt con gái mình.

Ăn trưa xong, tôi liền đi tham gia Đại hội đội mũ phản cách mạng cho người khác. Người bị phê phán, bị đội mũ khá đông, trong đó có một người tôi quen: đồng chí Vương Nhược Vọng, trước đây cũng là nhà văn, nhưng ít tuổi hơn tôi. Chúng tôi cùng bị nhốt chung một "chuồng bò" một thời gian. Tội của ông ta là "cắt mũ phái hữu" (Đồng chí Vương Nhược Vọng, năm 1957 bị qui sai là phái hữu, năm 1962 được cắt mũ, gần đây đã được cải chính, phục hồi danh dự). Ông ta không phục, không nghe. Ông ta nêu lên báo chữ to, thanh minh rằng ông ta tự giải phóng ông ta chứ. Do đó, tội ông ta càng to, không kể bị giam một thời gian, còn đội mũ phản cách mạng, đi lao động quản thúc. Ngồi trong hội trường, tôi như đắm chìm trong một giấc mộng ma quái. Hết xong về nhà, nhìn Tiêu San, tôi cảm thấy thân thiết vô cùng, tuồng như từ cõi âm trở lại nhân gian. Nhưng nàng mệt, không muốn nói chuyện, chỉ thỉnh thoảng nói nhát gừng vài câu. Tôi còn nhớ hai lần nàng nói: "Em không thấy"; Tôi liền hỏi nàng: "Không thấy cái gì"? Hồi lâu, nàng mới nói: "Em không thấy anh được giải phóng". Tôi còn biết nói như thế nào nữa!

Cậu con trai tôi đứng bên cạnh, gục đầu ủ rũ, mất tinh thần, cơm tối ăn chỉ lưng bát, như thế bị cảm. Bỗng, nàng đưa tay chỉ nó, hỏi khe khẽ: "Con thế nào?" Hồi đó, nó ở vùng nông thôn tỉnh An Huy đã ba năm rưỡi; về chính trị không ai quản, về đời sống, lao động không đủ ăn, vả lại, vì là con của tôi nên bị tước quyền công dân. Trước thì nó học cách im lặng, sau thì

nó học hút thuốc. Tôi nhìn nó mà xót xa trong lòng. Tôi hối hận là trước kia, mình không nên viết tiểu thuyết, càng không nên sinh con để cái làm gì. Tôi còn nhớ hai năm trước đây, lúc khổ nhục quá, không chịu nổi nữa, nàng nói: "Các con, chúng nó bảo ba làm hỏng việc hết, hại cả nhà". Thật như lấy dao cứa vào da thịt tôi. Tôi lặng thinh, âm thầm nuốt nước mắt. Nàng lịm đi được một giấc, tỉnh dậy, bỗng hỏi tôi: "Mai anh không đi à?". Tôi đáp: "Không đi". Ấy là vì ông đội trưởng "Đội tuyên truyền công nhân" báo cho biết hôm nay không phải đến trường, mà ở lại thành phố. Hắn còn hỏi tôi: "Ông có biết bà Tiêu San mắc bệnh gì không?". Tôi trả lời: "biết". Kỳ thực, người trong nhà giấu không cho tôi biết sự thật, qua câu hỏi của hắn, tôi đã đoán ra.

Sáng sớm hôm sau, nàng trở dậy đi bệnh viện. Một người bạn, cùng con gái, con rể tôi, đưa nàng đi. Thay quần áo xong, nàng ngồi chờ xe. Nàng có vẻ bồn chồn, lại có vẻ lưu luyến, nhìn khắp nơi. Có lẽ nàng đang nghĩ: Không biết còn trở lại đây mà nhìn những thứ này không?. Tôi ra tiễn nàng, lòng lại như đeo thêm một tảng đá nặng nữa.

Khoảng gần hai mươi hôm, hôm nào tôi cũng đến bệnh viện, ở lại với nàng suốt buổi, săn sóc nàng, ngồi cạnh giường bệnh, thỉnh thoảng cùng nàng nói vài câu ngắn ngủi. Bệnh tình nàng ngày càng nguy kịch, người càng suy nhược, bụng trướng dần, cử động khó khăn. Bây giờ, phòng bệnh không có ai trông nom. Ngoài ăn uống ra, mọi thứ trong sinh hoạt phải tự lo lấy. Sau này, nghe những bệnh nhân nằm cùng phòng, khen nàng "kiên cường", nói là ngày nào, buổi sáng hay ban đêm, nàng cũng lẳng lặng cố trở dậy đi vào nhà vệ sinh. Bác sĩ cho chúng tôi biết sức khỏe của nàng không chịu phẫu thuật được nữa, sợ nhất là ruột bị tắc, nếu không tắc thì có thể sống thêm một thời gian nữa. Nửa tháng sau khi nàng vào nằm viện, tức là từ tháng 8 năm 1966, có một thời gian ngắn ngủi, tôi vừa cảm thấy đau khổ, vừa cảm thấy hạnh phúc. Ấy là khoảng thời gian chúng tôi được sống yên tĩnh với nhau lần cuối cùng, cho đến bây giờ tôi không thể nào quên.

Nhưng sau đó nửa tháng, bệnh tình của nàng lại phát triển. Một hôm, sau bữa ăn trưa, bác sĩ bảo con tôi tìm tôi có chuyện cần bàn. Bác sĩ cho tôi biết: ruột bệnh nhân bị tắc rồi, phải mổ. Mổ không chắc đã thành công, có thể nửa chừng phát sinh chuyện, nhưng không mổ, hậu quả thế nào không đoán được. Ông ta muốn tôi quyết định, và muốn tôi khuyên nàng đồng ý. Tôi quyết định ngay, đồng thời vào phòng giải thích với nàng. Nghe xong, nàng chỉ nói mỗi câu; "Xem chừng chúng ta sắp xa nhau rồi". Nàng nhìn tôi, mắt ướt đẫm. Tôi nói: "Không thể như thế...". Giọng tôi nghẹn lại. Sau đó, chị y tá trưởng Lý đến an ủi nàng, nói: "Để tôi đỡ bà, không sao đâu...". Nàng nói: "Chị giúp tôi là tốt rồi". Thời gian gấp rút lắm. Bác sĩ, các y tá chuẩn bị nhanh chóng, rồi đưa nàng vào phòng mổ. Chúng tôi ở ngoài hành lang, đi đi lại lại mãi, suốt mấy tiếng đồng hồ, chờ đến khi nàng được đưa ra yên ổn. Rồi đưa con trai tôi đẩy xe đưa mẹ về phòng bệnh. Nó ở với mẹ canh chừng, thức trắng đêm, được hai ngày thì nó lăn ra ốm. Khám mới biết nó bị viêm gan. Từ khi nó ở nông thôn vùng An Huy về, chúng tôi vốn định giấu mẹ nó, nhưng vô ý thế nào, mẹ nó biết được. Nàng hỏi luôn miệng: "Con làm sao?".

Chính bản thân tôi cũng không biết nó làm sao cả, thì nói thế nào cho nàng yên tâm được. Tối đến về nhà, bước vào căn phòng trống trải, vắng ngắt, cơ hồ tôi muốn gào lên: "Mọi thứ tai họa, hãy giáng xuống đầu tôi hết đi. Tôi chịu đựng được tất".

Tôi phải cảm tạ chị y tá trưởng tốt bụng và nhiệt tình ấy. Thấy tình cảnh chúng tôi như thế, chị rất thông cảm, muốn tôi giao phó đứa con trai cho chị lo liệu giùm. Chị sắp xếp mọi việc, đưa nó đến phòng khám, khám bệnh, kiểm tra, dẫn nó vào phòng cách ly, Nằm ở phòng cách ly, nó mong chờ bệnh tình của mẹ nó chuyển biến tốt, đến là khổ sở. Còn mẹ nó thì nằm trên giường bệnh, chỉ thều thào nói được vài câu ngắn ngủi, cứ hỏi: "Đường Đường làm sao rồi?". Nhìn đôi mắt ướt đẫm của nàng, tôi biết nàng muốn nhìn thấy mặt đứa con yêu quý của nàng biết bao nhiêu!

Mỗi ngày phải tiếp máu, tiếp nước cho nàng. Thấy tôi đi ra, nàng hỗn hển hỏi: "Tiếp bao nhiêu (c.c) máu? làm thế nào bây giờ?". Tôi an ủi nàng "cứ yên tâm, không sao đâu, cốt lành bệnh". Nàng không chỉ nói một lần: "Chỉ khổ anh thôi". Tôi có khổ gì? Tôi có thể vì người thân yêu nhất của tôi mà làm mọi việc, dù là nhỏ nhặt đến đâu, cũng vui lòng. Sau đó, nàng suy sụp hẳn. Bác sĩ phải tiếp dưỡng khí, cắm ống vào mũi suốt ngày. Mấy lần nàng đòi dứt ra, biết nàng khó chịu. Nhưng nghe chúng tôi khuyên bảo, nàng đành cố gắng chịu đựng. Sau khi mổ, nàng chỉ sống được năm ngày nữa. Không ai ngờ nàng lại đi nhanh như vậy. Năm ngày ấy, tôi luôn túc trực bên nàng, lặng nhìn nàng đau quằn quại (bản thân tôi chưa hề phải chịu đựng như thế). Nhưng ngoài hai ba lần xin đưa bình dưỡng khí cồng kềnh kia đi chỗ khác, bốn lần tỏ ý lo tiếp máu nhiều không trả nổi phí tổn, nàng không ân hận điều gì cả. Mỗi khi trông thấy người quen thuộc đến thăm hỏi, nàng thường nói như thế này: "Xin tha lỗi. Tôi làm phiền ông (hay bà). Nàng nằm yên tĩnh lạ thường, nhưng cũng chưa phải hôn mê, vẫn mở to con mắt. Đôi mắt rất to, rất đẹp, rất trong. Tôi nhìn như nhìn một ngọn đuốc sắp tắt. Tôi muốn đôi mắt ấy cứ sáng mãi. Tôi sợ nàng sẽ bỏ tôi mà đi. Thậm chí vì mười bốn cuốn "tà thư"²⁷ của tôi mà tôi chịu bầm vằm, chỉ cầu cho nàng được sống.

Trước đây không lâu, tôi có đọc cuốn "Cuộc đời của Mác", Mai Lâm viết, có trích bức thư Mác viết cho con gái kể lúc bà Mác mất. Trong thư nói: "Mẹ con tắt thở rất nhanh, cái bệnh ấy làm cho người ta chết dần như người già suy nhược, đến nỗi những giờ cuối cùng cũng không vật vã, mà cứ lịm dần như nằm ngủ. Đôi mắt của mẹ con mở to, đẹp hơn, sáng hơn bao giờ hết". Vợ ông Mác chết vì bệnh ung thư. Tôi lặng lẽ nhìn đôi mắt to, càng đẹp, càng trong sáng của Tiêu San, nhớ đến đoạn trên, cũng được an ủi phần nào. Nghe nói quả là nàng cũng không vật vã lúc lâm chung, cũng lịm dần vào giấc ngủ. Tôi nói như thế là vì nàng rời khỏi thế gian này, tôi không ở bên cạnh nàng. Hôm ấy là ngày chủ nhật, vì phát hiện ở nhà tôi có người mắc bệnh viêm gan, trạm vệ sinh phòng dịch được nghỉ, nàng dặn chúng tôi ăn trưa xong sẽ vào thay. Không ngờ vừa bưng bát cơm lên tay thì điện

thoại gọi, bảo con gái tôi đến viện ngay, nói rằng mẹ nó "không xong rồi". Thật như tiếng sét giữa trời trong. Tôi và con gái, con rể vào bệnh viện liền. Giường nệm nàng nằm đã đưa đi đâu cả. Người ta cho biết đã chuyển nàng xuống nhà xác. Chúng tôi lại đến cầu thang gác để đến đó, thì gặp cô em họ trước cửa. Có lẽ là cô ta nhờ ai đó đưa người bệnh đang hấp hối xuống. Nàng không được đặt vào hòm ướp lạnh, nàng nằm trên băng ca khiêng đi, quấn trong tấm khăn trải giường, kín bưng, không nhìn thấy mặt mũi. Tôi chỉ nhìn thấy tên nàng ghi ở đó mà thôi. Tôi cúi xuống, vỗ vỗ mấy cái vào tấm vải trắng bao bọc có giống đôi chút hình người, vừa khóc vừa gọi tên nàng. Thời gian không quá mấy phút. Như vậy, có thể gọi là cáo biệt nhau được sao?

Theo cô em họ nói lại, nàng tắt thở, cô ta cũng không chứng kiến. Nàng vừa bảo cô ta gọi bác sĩ, bác sĩ đến nói chẳng sao cả. Sau đó thì nàng lịm dần. Cô ta cứ tưởng nàng đang ngủ thật. Một chị y tá đến tiêm thuốc, mới phát hiện tim nàng ngừng đập rồi. Tôi không được cùng nàng vĩnh quyết. Tôi có bao nhiêu điều chưa nói hết được với nàng. Nàng cũng không để lại lời trối trăng nào với tôi khi ra đi. Sau này, tôi thường nghĩ rằng, nàng bảo cô em họ "gọi bác sĩ" (Tiếng Trung Quốc là "trảo y sinh") rất có thể không phải là "trảo y sinh", mà là "trảo Lý tiên sinh" (gọi ông Lý). (Ba Kim vốn tên là Lý Nghiêm Đường). Ngày thường nàng vẫn gọi tôi như thế. Tại sao trưa hôm đó, tôi không có mặt trong phòng bệnh? Người trong nhà cũng không ai ở bên nàng cả. Nàng chết thật thảm thương!

Mọi việc đã kết thúc. Mấy hôm sau, tôi và con gái, con rể, đến Đài hóa thân nhận chiếc bình đựng tro, gửi lại ở phòng bảo tồn ba năm, hết hạn, thì đưa về nhà. Có người khuyên an táng nhưng tôi để nguyên bình tro ấy trong phòng ngủ của tôi, tôi cảm thấy nàng vẫn cùng tôi ở chung một chỗ.

* * *

Những ngày quái gở ấy rồi cũng qua đi. Sáu năm phảng phất như chớp mắt, đã lùi sâu vào quá khứ. Thật ra, đâu phải là một chớp mắt. Khoảng thời gian ấy, có biết bao nhiêu ngày đầm máu nước mắt. Không phải chỉ sáu năm mà thôi đâu. Từ khi bắt đầu viết bài này đến bây giờ cũng đã nửa năm. Nửa năm qua tôi thường vào đài hoá thân mặc niệm, dự lễ những ông bạn bị "lũ bốn tên" hãm hại đến chết. Cứ nghĩ rằng họ không còn đem trí tuệ và tài năng của họ cống hiến cho Tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa, tôi thương tiếc vô cùng. Mỗi lần mang băng đen, cầm hoa giấy, tôi lại nhớ đến người bạn thân thiết nhất của tôi, một người yêu văn nghệ bình thường, một người dịch thuật thành tích không lớn, một người tâm địa hiền lành. Nàng là phần sinh mệnh của tôi, trong nắm tro của nàng có máu, nước mắt của tôi. Nàng là một độc giả của tôi. Năm 1936, lần đầu tiên, tôi gặp nàng ở Thượng Hải. Năm 1938 và 1941, hai lần chúng tôi sống với nhau ở Quế Lâm. Năm 1941, chúng tôi kết hôn ở Quý Dương. Lúc tôi biết nàng, nàng chưa đến 20 tuổi. Tôi phải chịu trách nhiệm to lớn về sự trưởng thành của nàng. Nàng đọc tiểu thuyết của tôi, viết thư cho tôi, có tình cảm với tôi. Trước khi gặp tôi, nàng đang học ở trường Trung học, vì tham gia phong trào học sinh, nàng bị đuổi về quê một thời gian ngắn, rồi lại vào học ở một trường khác. Giả sử không vì tôi thì năm 1937-1938, nàng nhất định đã lên Diên An rồi. Chúng tôi yêu nhau 8 năm mới đến Quý Dương làm lễ cưới. Chỉ in thiệp cưới gửi đi, chứ không bày tiệc. Từ Quý Dương, chúng tôi kẻ trước người sau vào Trùng Khánh, ở một buồng nhỏ, bảy tám mét vuông, dưới gầm cầu thang Nhà xuất bản "Văn hóa sinh hoạt". Nàng nhờ người ta mua được bốn chiếc cốc pha lê, bắt đầu tổ chức một cái gia đình nho nhỏ. Nàng cùng tôi trải qua một cuộc sống đủ mọi thứ khó khăn. Thời kỳ chiến tranh chống Nhật căng thẳng, chúng tôi rời khỏi Quảng Châu, chỉ khoảng mười tiếng đồng hồ trước khi quân Nhật tiến vào thành phố. Từ Quảng Đông, chúng tôi sang Quảng Tây, từ Côn Minh lên Quế Lâm, từ Kim Hoa đến Ôn Châu, chia tay rồi lại đoàn tụ, đoàn tụ rồi lại chia tay. Trong cuốn *"Thông tin trên đường lữ thứ"*, hai tập, có nhiều trang tôi ghi lại quãng đời này. Bốn năm năm trước, có ông bạn cho rằng tôi không nên đưa những trang ấy vào sách làm gì, phê bình: "Không thể cho đó là văn chương được". Sau khi *"Văn tập"* của tôi

xuất bản, lại ông bạn khác cho rằng: tôi không nên đưa những trang ấy vào. Họ nói cũng có lý. Hai năm lại đây, không phải một lần, tôi đã nói với bạn bè, với độc giả rằng: tôi đã quyết định không tái bản *Văn tập* nữa. Nhưng bản thân tôi, tôi vẫn thường đưa hai tập ấy ra xem. Những năm tháng ấy, trong lúc tôi ở vào một tình cảnh khốn khổ, bạn bè đều khá lên cả, nàng vẫn thường âu yếm nói với tôi: "Anh đừng buồn, em không thể xa anh, em sẽ mãi mãi bên anh". Đúng như vậy, lần cuối cùng vào phòng mổ, nàng mới nói câu này: "Chúng mình phải xa nhau..."

Tôi sống cùng nàng hơn ba mươi năm, nhưng tôi chưa giúp gì được nhiều cho nàng. Nàng có năng khiếu hơn tôi, nhưng không chịu khó đào sâu suy nghĩ. Thấy nàng dịch Puskin và Tuốcghêniép tôi thường vui mừng, nhưng nàng dịch chưa hay lắm, chưa làm rõ được phong cách của Puskin và Tuốcghêniép. Những bản dịch của nàng cũng có ít nhiều sáng tạo, tôi đọc cũng thấy thú vị. Nàng thay đổi cuộc sống của mình, không muốn làm người nội trợ trong gia đình, nhưng lại không cần cù, nghiên cứu. Nàng nghe lời một người bạn khuyến khích, được đồng chí Diệp Dĩ Quân đồng ý (sau này Diệp Quân cũng bị "lũ bốn tên" hãm hại đến chết), đưa vào "lao động nghĩa vụ" ở tờ tạp chí *Văn học Thượng Hải*, cũng có làm được vài việc. Nhưng khi phong trào (Cách mạng Văn hoá) nổi lên, nàng lại bị phê phán, nói nàng chỉ lo bản thảo cho lão nhà văn già, lại nói nàng là do tôi phái đến để "do thám." Để cải tạo tư tưởng, nàng muốn đi con đường tắt, xin tham gia phong trào "tứ thanh", nhờ người đưa vào làm ở tổ công tác Xưởng đúc đồng nọ. Công tác bận rộn, khẩn trương, nhưng nàng rất vui. Nhưng đến khi tôi sắp bị đưa "ra rìa" thì người ta gọi nàng về "Phân hội Nhà văn Thượng Hải" để tham gia phong trào. Lần tham gia những cuộc đấu tranh phong ba bão táp như thế, lại với tư cách là người thân của nhân vật "quyền uy phản động", nàng không biết phải làm thế nào cho phải. Nàng lúng túng, đứng ngồi không yên. Lo cho tôi, lại lo cho tiền đồ của con cái. Nàng mong mỏi có ai giúp đỡ nàng một tay, nhưng bạn bè đều lánh xa hết, các "đồng sự" đưa nàng ra làm tấm bia để bắn, có người còn chinh nàng, qua đó để chinh tôi. Nàng không phải là nhân viên chính thức của

"Phân hội Nhà văn", hoặc của tạp chí nào, nhưng vẫn bị lệnh cưỡng chế lao động tập vụ, đeo băng, đã được thả về rồi lại bị lôi đến cơ quan. Sau một thời gian, nàng về nhà, thì "phái tạo phản" cơ quan tôi lại báo tin cho biết "Ủy ban" phạt nàng quét đường. Nàng sợ người ta trông thấy. Mỗi ngày, sáng tinh mơ, đã dậy cầm chổi đi, quét đến rã người, mới về nhà đóng cổng lại, thở dài. Đôi lúc nàng gặp bọn học sinh đi học, chúng nó còn chửi nàng là "con vợ thối của lão Ba Kim". Tình cờ trông thấy nàng cầm chổi trở về, tôi không dám nhìn thẳng nàng, tôi cảm thấy tôi mắc tội với nàng. Đối với nàng đây là một đòn chí mạng,

Không đầy hai tháng nàng ngã bệnh. Sau đó thì không ra quét đường nữa (cô em gái tôi quét thay một thời gian), nhưng sức khoẻ cũng không hồi phục được nữa. Mặc dù nàng chịu cả thấy bốn năm, nhưng cho đến chết, nàng cũng không thấy tôi được trả lại tự do. Ngày đó là ngày cuối cùng của nàng, nhưng quyết không phải đời nàng đã kết thúc. Đời nàng với đời tôi sẽ kết thúc một lần.

Tôi tuyệt đối không bi quan. Tôi muốn tranh thủ nói thật nhiều. Tôi muốn làm việc cho Tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa của chúng ta đến hơi thở cuối cùng. Tôi muốn khi nào hết khả năng làm việc, trên giường bệnh của tôi có những cuốn tiểu thuyết Tiêu San đã dịch. Rồi sau khi tôi vĩnh viễn nhắm mắt, thì hãy đem trộn lẫn tro tôi vào tro nàng đựng chung vào một bình!

LẠI NHỚ TIÊU SAN

Đêm qua nằm mộng thấy Tiêu San. Nàng nắm tay tôi, nói: "Anh làm sao ra nông nỗi này?". Tôi an ủi nàng: "Tôi không hề gì đâu mà!" Nàng khóc. Trong lòng tôi buồn lắm, rồi tỉnh dậy.

Trong phòng, ánh đèn mờ mờ. Đêm nào trước khi đi ngủ, con trai tôi hay là anh con rể vào trực, cũng để một ngọn đèn bật sáng dưới chân giường. Ban đêm, vẫn không yên tĩnh, gần đó có một công trường người ta làm việc suốt đêm. Hình như họ đang trộn xi măng. Ngoài ra tôi còn nghe thấy tiếng ve kêu. Tháng chín rồi, làm gì có ve nữa? Thì ra là tai tôi ù ù!

Đêm ấy cậu con tôi trực. Nó nằm yên trên chiếc giường vải bố kê sát tường. Một hồi lâu, nó mới trở mình.

Tôi tỉnh dậy, lắng nghe tiếng Tiêu San khóc. Tai tôi ù ù ghê quá. Rồi tôi gọi nhỏ tên nàng: "Uẩn Trân". Tôi nhắm mắt lại. Gian phòng biến đổi hẳn.

Trong phòng ngủ của chúng tôi ở tầng dưới, nàng nằm trên chiếc giường riêng đặt cạnh tôi. Nàng nói khe khẽ: "Anh có điều gì oan khuất, anh đừng giấu em. Không thể cứ để bụng mãi như thế!". Trong phòng bệnh viện Trung Sơn, tôi đứng cạnh giường, nàng nhìn tôi, mắt đầm lệ, nói: "Em không muốn xa anh. Không có em, ai săn sóc cho anh?".

Cũng ở bệnh viện Trung Sơn, trong nhà xác, một tấm vải trắng bọc một hình người, nằm trên băng ca, tôi cúi xuống vỗ vỗ, khóc gọi không thành tiếng: "Em Uẩn Trân, anh ở đây, anh ở đây...".

Tôi lấy chăn phủ lên mặt nàng. Tôi thật muốn kêu to lên hai tiếng. Tôi sắp nghẹt thở. "Tôi tìm nàng ở đâu?". Tôi tự hỏi tôi liên tiếp. Tôi lại trở về phòng bệnh viện Hoa Đông. Tai vẫn ù ù như trước. Đã quen rồi.

Nàng xa tôi đã mười hai năm. Mười hai năm đêm đêm ngày ngày dài dằng dặc. Mỗi lần tôi về đến nhà, bước vào cổng, đã thấy hiện lên một khuôn mặt tươi cười, một tiếng nói thân quen đón tôi. Nhưng vào đến sân chỉ thấy mấy cây xanh không hoa, cây cao, cây thấp. Bước lên thêm, tôi nhìn bốn xung quanh. Tình cảnh nàng đi ra khỏi nhà lần cuối cùng còn rõ rành rành trước mắt. Nàng ăn mặc chỉnh tề, hơi vội vàng, vẻ thương cảm, lại tựa hồ chứa chan hy vọng, ra đến cổng còn ngoảnh lại nhìn... Phảng phất hình như xe mới đi khỏi, cánh cửa lớn vừa khép lại. Không phải! Nàng không đi ra qua cái cửa hai cánh sơn xanh. Trước kia, chuông ở cửa cũng không kêu vui tai như bây giờ. Mười hai năm trước, đã làm gì có cô bé²⁸ mang cặp sách mở cửa đi vào sân. Tại làm sao khuôn mặt nàng lại không hiện lên ở chỗ ấy?

Tại làm sao lại không cho nàng được trông thấy bé Đoan Đoan nhanh nhẹn dễ thương thế kia?

Tôi phảng phất như đang đứng trên thềm chờ xe đi đến gần, chờ một người trở về. Chờ lâu lắm. Mười hai năm rồi. Thậm chí trong giấc mộng, tôi cũng không nghe thấy tiếng cười ròn tan của nàng. Tôi chỉ nhớ được tình cảnh mấy đứa con bưng cái hộp đựng năm tro nàng về nhà. Cái hộp đựng tro ấy, lúc đầu đặt trên cái tủ năm ngăn trước giường trong phòng ngủ của tôi. Về sau, khi "Văn cách" sụp đổ, phòng ngủ của nàng trên gác bị niêm phong suốt mười năm được mở ra, tôi lại lên tầng hai cùng với cái hộp tro. Nàng vẫn cạnh tôi. Trải qua không biết bao nhiêu đêm dài tôi không thể dứt ra khỏi những giấc mộng triền miên ấy. vẫn là đôi mắt ướt đầm, vẫn là vẻ mặt buồn rười rượi, da trán nhăn nheo, vẫn là những lời dạn dò đinh ninh lo lắng. Hình như tôi có bao nhiêu điều uẩn khúc trong lòng phải giấu nàng.

Hình như tôi bị rơi vào một hố bùn nhão nhoẹt không thể nào thoát ra được. Hình như tôi bị đánh ngã nằm dưới đất để người ta giẫm đạp... Đêm nào cũng vậy, tôi đều nghe tiếng nàng kêu khe khẽ, tiếng nàng khóc tí tê, từ cái hộp đựng tro ấy đưa ra.

Tại làm sao mà ngày nay, tôi vẫn nằm mộng thấy như thế? Tại làm sao đến bây giờ, tôi vẫn không thể nào cởi bỏ được những sợi dây xiềng xích tinh thần ấy được?... Bi thương nào có ích gì, tôi cần phải chấm dứt tất cả những cảnh mộng ấy. Tôi phải phấn chấn lên, cho dù là lần cuối cùng. Cái hộp đựng tro ấy còn để trong nhà tôi, vết mặt thân thương kia vẫn in rõ nét trong tâm khảm tôi. Nàng không thể rời xa tôi, và cũng chưa từng rời xa tôi. Làm con "quỷ bò" mười năm, tôi không hề cảm thấy cô đơn. Tôi còn đủ dũng khí tiến bước đến cái đích cuối cùng của tôi: "ấy là cái chết". Di vật của tôi sẽ xin hiến dâng cho quốc gia. Năm tro của tôi sẽ trộn lẫn với năm tro của nàng rồi rắc lên các khóm hoa trong vườn làm phân bón.

... Chuông đồng hồ reo. Nghe tiếng chuông, tôi mệt mỏi giương to mắt. Phải dậy. Cái đồng hồ chuông để trên tủ con cạnh giường, tôi mang từ nhà vào. Tôi làm việc, nghỉ ngơi theo thời tiết mùa đông. Sáu giờ rưỡi dậy. Con giúp tôi mặc áo quần, đỡ tôi xuống giường. Nó không biết đêm qua tôi vừa nằm mộng thấy gì, thức tỉnh bao nhiêu lần!

21 tháng Giêng năm 1984

LỜI LỄ HÙNG HỒN

Cho tới bài thứ 30 của *"Tùy tường lục"*, tôi đã dồn vào một tập, đồng thời ghi tiêu đề cho từng bài, sẽ phát hành trong năm 1979. Từ nay về sau, mỗi năm biên soạn một tập, cho đến năm 1984. Các bài từ thứ 31 trở đi (ba mươi hoặc bốn mươi bài) sẽ thu thập trong tập thứ hai.

Tôi đã viết, cho tập một bài lời kết rất ngắn, trong đó có một câu thế này: "Người xưa nói: Con người khi sắp chết, lời nói cũng lành". Trước đây tôi không hiểu câu nói ấy, đến giờ lại rất thích nó. Đó là ý nghĩ chân thực của tôi. Ý tôi không có gì ngoài việc muốn nói thời gian mà tôi có thể tận dụng không còn nhiều nữa, không thể tùy tiện lãng phí nó. Muốn nói chuyện thì phải nói thật, lời nói của mình, cho dù có nói đến tật xấu của mình cũng được. Có tật xấu thì nói ra, để mọi người biết, bàn bạc xem, nếu tự mình không sửa được thì nhờ người khác giúp đỡ. Đương nhiên là cái mũ mà người khác tùy tiện chụp cho, thì tự tôi cũng có thể bỏ nó xuống được. Những việc trước đây còn chưa làm rõ, tôi cũng muốn nói cho rõ.

Gần đây, chúng ta đang thảo luận vấn đề "ca ngợi" và "khuyến đức". Tôi đã nói với "phái ca ngợi" mấy lời không được kính trọng cho lắm. Tôi nói là có qua suy nghĩ, cân nhắc mới nên nói, bởi trước đây tôi đã từng là một người trong "phái ca ngợi". Gần đây, tôi xem lại bản in thử tập *"Ngọn đuốc"* của mình. Đây là một tuyển tập các bài tản văn của tôi ba mươi năm lại đây, tôi để cho con gái và con rể tôi chọn, những bài mà họ chọn không nhiều, nhưng khi tôi xem bản in thử, mới phát hiện ra nửa đầu tuyển tập đều là những bài "ca ngợi". Hơn nữa, trong bài văn lại đây những "lời lẽ hùng hồn". Hãy chỉ lấy riêng mấy cái tiêu đề: "Những ngày vui lớn", "Chúng ta xây dựng Thiên đường trên mặt đất", "Hạnh phúc lớn lao nhất", "Niềm quang vinh tuyệt vời"... Tôi không phải đang nói khoác, mà tình cảm của

tôi lúc đó là chân thật. Tôi đúng là được sống trong bầu không khí ấy. Hai mươi năm qua rồi. Mấy hôm trước, một cán bộ biên tập của Nhà xuất bản, khi đọc bản in thử đã viết thư hỏi tôi rằng có nên để câu cuối cùng đã dẫn ra trong một bài viết nào đó: "Bắt nước X... phải tụt hậu". Lúc đó, tôi đã dẫn ra câu này vì thấy "lời lẽ hùng hồn". Nhưng sau hai mươi năm, chúng ta vẫn còn ở phía sau cái nước X đó. Để tránh khỏi bị nghi ngờ là "bốc phét", tôi đành phải lược câu đó đi. Tôi đọc và hiệu chỉnh tuyển tập tản văn của tôi 30 năm nay, cảm thấy quả là nhiều thật. Lúc đầu đúng là tôi cho rằng "ca ngợi" có thể động viên mọi người tiến lên, nói nhiều đến thành tích có thể làm phấn chấn lòng người, mà không hề nghĩ rằng lời nói dễ nghe, nhiều đến quá mức thì không biết cư xử ra sao. Một khi đã thành thói quen thì dễ mắc nghiện, không nói dóc, lại thấy khó sống. Thí dụ lời lẽ hùng hồn mà tôi trích dẫn hai mươi năm trước: "Bắt gang thép phải nghe lời", "bắt nước X. phải tụt hậu", lúc ấy đúng là làm cho lòng tôi xúc động. Thế nhưng liệu nó có giúp gì trong việc "bắt nước X. phải tụt hậu" không? Kết quả thực tiễn đã chứng minh rằng nói dóc chẳng có ích lợi gì, nước X không hề tụt hậu. Nếu như muốn "nước X, tụt hậu" thật, thì phải tìm cách khác. Bất kể thế nào, lấy mơ ước thay cho sự thực; coi tương lai như hiện tại, dù nói dễ nghe, mơ thật nhiều mộng đẹp, bưng con mắt dậy, lại chẳng phải là mơ vẫn hoàn mơ hay sao?

Kỳ thực thì "Bắt nước X. tụt hậu", có gì mà không tốt? Miễn là anh có giỏi, có tài, có sự hăng hái, có biện pháp, có hành động, nói đến đâu, làm được đến đấy, thì cứ việc "bắt" đi, như vậy đương nhiên là tốt. "Ca ngợi" cũng thế, miễn là cắt cho đúng loại séc có thể đổi được ra tiền, thì cứ việc cắt. Đương nhiên là càng nhiều càng tốt, càng "ca" càng hay. Còn nếu tấm séc đến kỳ đổi chẳng ra tiền, thì gọi là séc khống, loại séc này cắt càng ít càng hay, cắt nhiều quá dễ bị ra toà, danh dự sẽ tiêu ma. Hai mươi năm trước, tôi viết văn thường hay dùng "lời lẽ hùng hồn" tôi cảm thấy chẳng có gì xấu, nhưng ngày nay, lại dùng những "lời lẽ hùng hồn" ấy, người khác sẽ bảo là "bốc phét".

Đầu những năm năm mươi, khi tôi còn đang ở phường Hoài Hải, bà giúp việc ở nhà tôi thấy có người vào ngõ phố mài dao, bèn mang hết dao trong nhà ra để thuê mài, rồi quay vào bếp chờ, chứ cũng không ra coi làm gì. Bà ta bảo: "Giải phóng rồi, ai người ta thèm lừa lấy mấy con dao? Thế nhưng rồi người mài dao biến mất, dao cũng chẳng còn con nào. Nửa tháng trước, có một người bà con ở dưới quê, mua một con gà mái, buổi tối đem đến cho nhà tôi, em gái tôi định để hai hôm nữa sẽ mổ. Bà giúp việc nhốt vào cái lồng tre, để ngoài sân. Chiều tối hôm sau, tôi cùng con gái tôi và đứa cháu ngoại đi dạo ngoài sân, vẫn còn nhìn thấy con gà trong cái lồng để dưới gốc cây. Chúng tôi cũng chẳng nghĩ rằng cần phải đem lồng gà vào trong bếp. Đại khái là chúng tôi cũng vì hay thảo luận với nhau nhiều về "ca ngợi", trong đầu óc còn mang nặng ảnh hưởng của phái "ca ngợi". Đêm ấy, tôi còn mơ một giấc mơ đẹp, giấc mơ "không có một gã trộm nào đến nhẹ nhàng gõ cửa", mà đã thực sự đến chốn "Đào nguyên" rồi, "thế giới ngày nay tốt đẹp như thế!" Tốt đẹp thật đấy! Khi tỉnh dậy trong lòng khoan khoái, xuống đến sân, chợt nghe nói gà bị người ta bắt mất rồi. Tôi đương nhiên là không tin chuyện đó, bởi tôi còn đang đắm say trong giấc mộng đẹp "Đào nguyên". Thế nhưng gà thì thật sự không trở về nữa. Gà bị bắt trộm mất. Tổn thất tuy không lớn, điều đáng tiếc là từ đó về sau, tôi thôi không còn dám ôm mộng đẹp nữa.

Mộng đúng là mộng đẹp, nhưng sau khi tỉnh mộng, tôi lại thấy trống trải. Bây giờ tôi mới thấy rõ: tốt hơn là đừng nói dóc, vui đầu vào mà làm thực sự thì hơn!

Ngày 12 tháng 9 năm 1979

TÊN BỌM NON

Mấy tháng trước đây, ở Thượng Hải xuất hiện một tên bom non. Khi bộ mặt thật của nó còn chưa bị người ta nhận ra, thì đúng là đã có một số người đứng sau hẳn như một cái đuôi, bởi vì, nghe nói nó là con trai một cán bộ cao cấp. Đợi đến lúc nó bị tóm cổ, mọi người mới oán trách nhau, hốt hơ hốt hải, bịa chuyện cười, loan tin linh tinh, càng loan càng rộng, cuối cùng đến mức độ hai tờ nhật báo của thành phố đều cho đăng phóng sự nhiều kỳ. Tạp chí ở Hồng Kông cũng đăng cả những bài như kiểu ký sự (đương nhiên là tin tức, phóng sự, ký sự chưa hẳn đã hoàn toàn đúng sự thực). Có người thì xấu hổ, có người thì hí hửng, có người thì tức giận. Tóm lại là, người ta bàn riêng với nhau rất sôi nổi. Sau đó, đoàn kịch cũng đã dựng kịch nói về tên bom này, nhưng kịch chỉ là để diễn nội bộ, bởi vì đối với vở kịch này đang còn nhiều ý kiến khác nhau: Có người cho rằng vở này có thể công diễn được, cũng có người một mực phản đối. Có người bảo người viết kịch vào hùa với tên bom non, có người bảo vở kịch này nói xấu cán bộ.

Tôi chưa được xem vở kịch, đương nhiên là không có quyền phát ngôn. Tôi chưa nhìn thấy tên bom non, nhưng khi nó được người ta coi là "con em cán bộ cấp cao", tôi đã được nghe người ta bàn tán về những việc làm của nó, mãi cho đến khi nó bị vạch mặt, mãi cho đến nay. Nghe nói lúc đã bị bắt, nó còn nói: "Tội danh duy nhất của tôi là tôi không phải là con ông X". Lại nghe nói, nó còn bảo: "Nếu như tôi là con ông X thật, thì đã làm sao?", Còn nghe nói, có người đồng tình với tên bom non này, thậm chí còn bày tỏ rằng sắp tới khi đưa ra toà xét xử, họ đồng ý sẽ làm người cãi hộ cho nó. Khỏi phải nói rằng, trên đây đều là những tin vịa hè, không đáng tin. Thế nhưng người đồng tình với tên bom già thì có. Song le, tôi chưa từng nghe nói có người nào đó đồng tình với tên bom non, tôi chỉ nghe có người phê bình họ là "bụng làm thì dạ chịu". Còn đối với tôi thì sao? Tôi rất thông

cảm với người bị hại. Đây không phải là kịch vui, đây là bi kịch. Điều đáng chê trách là lẽ thói của xã hội chúng ta. "Mọi người đều làm như thế, thì tôi còn có cách gì hơn, chẳng qua là số không may, vợ phải hàng dờm".

Tôi nghĩ tới vở kịch "Khâm sai đại thần" của Gô-gôn, một nhà văn Nga, viết 143 năm trước đây. Nhắc đến nhà văn Nga thế kỷ 19 ấy, có người đến nay còn cảm thấy đau đầu. Nhưng mà rất không may, cái roi của nhà văn Nga này lại đánh ngay vào lưng chúng ta. Nhất định có người không đồng ý với tôi, họ phản bác lại rằng: Gô-gôn đánh vào xã hội phong kiến, không liên quan chút nào đến xã hội Xã hội Chủ nghĩa, đến "Xã hội Chủ nghĩa tươi đẹp trên thế giới ngày nay". Họ nói đúng đấy: Không liên quan chút nào! Hơn nữa thời gian cách nhau 143 năm, tên bợm non lúc đó và tên bợm non ngày nay không thể có những chỗ giống nhau. Nhưng rất lạ là, ngày nay có rất nhiều người bám theo tên bợm non, y như thời Gô-gôn cũng có bao nhiêu người bám theo tên bợm non, chẳng phải là vì tư lợi hay sao? Cả hai tên bợm non đều suýt nữa thì lừa được vợ vào trong tay. Có khác nhau chỉ là tên bợm non của Gô-gôn láu cá hơn, nó đã xa chạy cao bay, lại còn viết thư cho bạn chửi cho kẻ mắc lừa một mẻ. Còn tên bợm non thời chúng ta thì bị tổng vào nhà đá, chờ xét xử. Cho rằng có như thế, thì tên bợm non ấy cũng không phải là thằng ngốc. Nó đã nêu ra cho chúng ta một vấn đề đáng được suy nghĩ sâu sắc, nói ra một câu rất có ý nghĩa. Đó là câu mà tôi đã dẫn ra ở trên kia: "Nếu như tôi là con ông X thật thì đã làm sao?" Câu nói đó làm cho tôi phải suy nghĩ rất lâu. Tôi không thể không thừa nhận, giá như nó là con ông X nào đó thật, thì sẽ chẳng có vấn đề gì nữa hết. Kết quả là sẽ làm một cuộc "sum họp lớn", mọi người đều vui vẻ cả. Có người mời nó ăn cơm, có người mời nó đi xem hát, có người cho nó mượn xe hơi, có người giới thiệu bạn gái cho nó, nó có thể chọn hoa khôi về làm vợ, nó có thể xin điều công tác cho vợ chưa cưới v.v.. và v.v.. Chẳng những mọi thứ kia đều là lẽ tự nhiên, thậm chí nó còn có thể đi thăm nước ngoài, có thể hưởng thụ vô vàn các thứ khác. Nói gọn lại một câu là, tất cả những gì là tội trạng của tên đại bợm đều sẽ là hợp pháp, đều có thể cho phép cả. Sẽ không

thể có người viết báo hay dựng kịch, cũng sẽ không có việc tranh luận về vấn đề nêu ra trong vở diễn. Sự thực thì những chuyện như thế này từ thượng cổ đến nay vẫn thường xuyên xảy ra. Người ta đã quá quen với nó, nhìn sự lạ mà không thấy lạ, đó là tại làm sao?

Một câu nói của thằng bọm non khiến tôi mất ngủ mấy tháng liền. Tôi cứ nghĩ đến một vấn đề thế này: Tại làm sao những con người kinh nghiệm sống khá dày dặn kia lại có thể hí hửng mừng vui mà chui vào tròng của tên bọm? Tôi càng nghĩ càng thấy buồn, bởi tôi không thể không thừa nhận rằng trong xã hội chúng ta vẫn tồn tại những thứ phi hiện đại, thậm chí vẫn còn những thứ mà năm 1836 Gô-gôn từng lên án, Mặc dù ba năm nay, chúng ta luôn nói, phải uốn nắn "thói xấu đi cửa sau". Thế nhưng cửa sau càng mở rộng. Có người không nhìn thấy cửa trước đâu cả, có công việc không cách gì giải quyết. Chỉ cần lắp một chiếc cửa sổ kính, cũng phải đợi cả năm cả tháng, họ đành phải tìm đường để đi cửa sau. Cuối cùng lọt vào vòng tay tên bọm non. Hồng việc, đó là điều có thể hiểu được. Một số cửa quan của chúng ta, tại sao không mở rộng ra, làm nhiều việc hơn nữa cho dân? Một số cán bộ của chúng ta, tại sao không nhìn xuống hơn một chút, bớt nhìn lên trên đi một chút?

Về vấn đề vở kịch có nên công diễn hay không, giá như phải trả lời, tôi sẽ bảo: Tôi không có quyền phát ngôn. Có điều, một kẻ nào đó lại bảo vở kịch đã bôi nhọ lên mặt cán bộ, bôi nhọ lên Chủ nghĩa Xã hội. Tôi thấy không phải thế. Sự xuất hiện những tên bọm non không chỉ riêng ở Thượng Hải mới có, tỉnh khác cũng có. Chả lẽ nó từ trên trời rơi xuống? Nếu như không có đất và khí hậu để nó nảy nở, thì nó không thể sinh ra được. Nếu như mọi lẽ thói xã hội ngày nay của chúng ta, không để nó chui được vào một kẽ hở nào, thì cũng chẳng có người bị lừa. Vạch mặt chúng nó ra, rồi lên án nó, đó là việc tốt, như thế cũng là trừ bỏ cái khí hậu đã nảy sinh ra nó, dọn sạch thứ đất đã nảy nở ra nó. Nếu có bệnh mà không chữa, có nhọt mà không bôi thuốc, ngay cả đến việc mở cửa sau, lên mặt cửa quyền v. v...

cũng trang điểm cho "tốt đẹp", rồi lấy câu "đừng vạch áo cho người xem lưng" cổ xưa làm cách ngôn xử thế. Không để người khác vạch những chỗ ung nhọt của mình ra, cứ thế mãi, chẳng những đẩy mới là bôi đen Chủ nghĩa Xã hội, mà còn là hành động, khoét chân tường Chủ nghĩa Xã hội nữa.

Ngày 28 tháng 9, viết trong lúc ốm

NHỚ ĐỒNG CHÍ PHƯƠNG CHI

Lần này, dự Đại hội Văn nghệ Toàn quốc lần thứ Tư tại Bắc Kinh, tôi đã gặp bạn bè từ Nam Kinh tới. Họ có nhắc đến chuyện đồng chí Phương Chi. Nghe nói đoàn đại biểu tỉnh Giang Tô, do bạn dự lễ truy điệu đồng chí Phương Chi, nên tới Bắc Kinh trễ hơn chúng tôi một ngày.

Trước ngày mở đầu cuộc vận động chống phái hữu không lâu, tôi có gặp đồng chí Phương Chi một lần. Về mặt của anh bây giờ tôi cố nhớ lại cũng không hình dung ra được. Tôi chỉ nhớ anh và đồng chí Lục Văn Phu cùng đến tìm tôi, bàn về dự định của họ thành lập một tổ chức gọi là "Người tìm tòi". Lúc đó, tôi mới chỉ đọc truyện ngắn "Bên suối" của Phương Chi và "Nơi sâu ngỏ nhỏ" của Lục Văn Phu, thấy truyện viết khá hay, cho rằng họ là những nhà văn trẻ có triển vọng. Họ muốn có nhiều cố gắng hơn nữa trong sáng tác, hẹn mấy tác giả nghiệp dư hợp nhau cùng "tìm tòi". Họ nói đã gặp ông A, ông B nói qua và được các đồng chí đó khích lệ. Tôi thông cảm với họ. Những năm ba mươi, chúng tôi đã từng nghĩ thế, làm thế. Về mặt sáng tác, hai nhà văn trẻ này hình như có lý tưởng và có những điều ấp ủ. Tôi đồng tình với họ, nhưng tôi cũng lo thay cho họ. Tôi cảm thấy họ hơi ngây thơ, bởi vì tôi đã nhận thấy không khí đang có sự thay đổi. Tôi đã khuyên họ đừng nên tổ chức "Người tìm tòi", không nên ra "Tạp chí Đồng nhân", hãy gác bỏ ý định "tìm tòi" của họ đi. Hiện nay, tôi không nhớ rõ họ đã ra lời tuyên bố cho "Người tìm tòi" hay chưa, hoặc là sau lần này mới công khai việc này ra. Song có một điều có thể khẳng định được là họ đã không hiểu lời tôi nói. Tôi cũng không nói ý của tôi. Đương nhiên là họ sẽ không làm theo ý tôi.

Sau đó mấy ngày, tôi lại đi Bắc Kinh dự hội nghị lần thứ tư của đại biểu Đại hội Nhân dân Toàn quốc khoá một. Tôi vừa đến Bắc Kinh thì cuộc vận

động chống phái hữu cũng bắt đầu. Rất nhiều người quen đều bị phê phán. Sau khi về đến Thượng Hải, tôi nghe nói, tất cả những "Người tìm tòi" đều bị chụp cho cái mũ "Phái hữu". Từ đó trở đi, không còn thấy ai nhắc đến cái tên Phương Chi nữa. Còn tên Lục Văn Phu thì về sau lại thấy xuất hiện trên báo "Văn nghệ", trước thì khen ngợi là sau khi được bỏ mũ đã viết nhiều tác phẩm tốt, về sau lại vì vậy mà bị phê phán, nói là biểu hiện của anh không tốt. Tóm lại là anh cũng bị đánh đổ. Cho mãi tới lúc có nhiều người mà tên tuổi bị chôn sống nhiều năm, lại dần dần xuất hiện trên mặt báo, tôi mới lại có dịp nghe thấy tiếng của hai "Người tìm tòi".

Phương Chi lần lượt cho ra mắt hai truyện ngắn "Trên lầu son" và "Nội gián" được người xem rất coi trọng. Tôi có đọc truyện thứ nhất, người khác kể tôi nghe nội dung của truyện thứ hai. Tôi lại nghe nói những người biên tập ở một số tờ báo không dám cho đăng tác phẩm của anh. Điều đó chứng tỏ rằng cảnh ngộ gặp phải hai mươi một năm không hề dập tắt được ngọn lửa trong tâm linh anh. Cho đến giờ, anh vẫn đang "tìm tòi", anh trước sau không hề quên rằng là một nhà văn thì anh có trách nhiệm như thế nào? Truyện ngắn của anh đúng là "một đám lửa, một lưỡi kiếm" như một người bạn của anh từng nói. Bây giờ đang cần những tác phẩm như vậy. Tôi đang trông đợi nhiều tác phẩm của anh hơn nữa, nhưng không ngờ anh đã để hơi sức cuối cùng của mình cho việc sáng lập tờ tạp chí "Thanh Xuân" ở Nam Kinh. Biết rằng sinh mạng của mình đã sắp tiêu hao hết, anh muốn trao ngọn đuốc cháy trong tay mình lại cho lớp trẻ. Anh muốn sáng lập một tờ tạp chí để đăng tác phẩm của những tác giả trẻ. Anh đã viết thư cho tôi nhờ viết bài cho số ra mắt của tạp chí "Thanh Xuân". Tôi có trả lời bằng một bức thư ngắn, nói tôi đang bị ốm không viết được, mong anh thông cảm. Đó là bức thư đầu tiên tôi viết cho anh và cũng là lá thư cuối cùng. Đến hôm nay tôi mới cảm nhận thấy lá thư đó đã đem lại sự thất vọng như thế nào? Nhưng đã quá muộn rồi.

Về thân thể của đồng chí Phương Chi, tôi biết rất ít. Năm cả nước được giải phóng, anh mới 19 tuổi. Anh cho ra mắt truyện ngắn vào năm 1956, lúc đó cũng mới chỉ 26 tuổi. Tôi cũng vào tuổi ấy mới bắt đầu viết truyện ngắn. Tác phẩm của anh chứng tỏ anh là người rất tài hoa. Bông hoa đẹp của anh vừa mới nở ra vào giữa tuổi thanh xuân đã bị cơn cuồng phong "mở rộng chống phái hữu" vô tình vùi dập. Việc anh mất sớm cũng là hậu quả của tình cảnh không may. Trong hai mươi năm bị đánh một cách tàn khốc như vậy, không chỉ mình đồng chí Phương Chi mà là cả một thế hệ thanh niên. Chuyện về lớp người này, tôi được nghe khá nhiều. Nhưng khiến cho lòng tôi đau đớn như hàng ngàn mũi kim châm, vẫn là chuyện đồng chí Phương Chi. Nghe nói, sau khi "lũ bốn tên" bị đập tan, Phương Chi về tới Nam Kinh thân thể đã bị giày vò tơi tẽ lắm rồi, anh đã đặt ra một kế hoạch năm năm, nói: "Tôi chuẩn bị lại chịu khổ bỏ sức ra năm năm nữa". Anh đã nghĩ xong hơn mười tác phẩm, chuẩn bị lần lượt viết ra. Sau này bệnh nặng quá phải vào nằm viện, anh đã nài nỉ với vợ mình: "Nói cho anh biết, anh còn sống được bao nhiêu lâu. Nếu còn sống được ba năm nữa thì anh sẽ tính toán cho ba năm. Giả thử như chỉ còn sống được một tháng nữa thì anh sẽ ra viện ngay, để làm cho xong những việc cần thiết nhất"...

Những lời nói đó, những kẻ không biết yêu quý thời gian của mình, và cũng không trân trọng thì giờ của người khác, thấy khó hiểu nổi. So với Phương Chi, tôi hạnh phúc hơn nhiều. Tôi đang còn có năm năm để viết. Phương Chi chết rồi, nhưng ngọn lửa trong tâm linh của anh còn vẫn cháy mãi, sự yêu ghét của anh vẫn đang kích động lòng người. Tác phẩm của anh chưa được viết ra, thật đáng tiếc! Nhưng những người viết lách chuyên cần ngày nay không thiếu. Tôi cũng muốn vung bút ra mà viết tiếp. Đương nhiên tôi không viết được tác phẩm như của anh, chẳng qua coi bút như một ngọn lửa, như một lưỡi kiếm, ca ngợi cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ; đả phá cái giả, cái xấu, cái ác, mong muốn đóng góp cho đất nước, cho nhân dân, cho xã hội bằng tác phẩm của mình. Lý tưởng như thế, niềm hy vọng như

thế và nỗi ước ao như thế trong tôi cũng có. Thế thì tại sao tôi lại không thực hiện chúng được?

Ngày 4 tháng 12

NHỚ ĐỒNG CHÍ LÃO XÁ

Trong bài của tôi viết về ngài Trung Đảo Kiện Tàng có nhắc tới chuyện chia tay ở sân bay Hồng Kiều ngày 2 tháng 9 năm 1977. Dời Thượng Hải về nước hôm ấy ngoài vợ chồng Trung Đảo còn có vợ chồng ngài Tỉnh Thượng Tĩnh và các bạn Nhật Bản khác. Buổi tối hôm trước đó, tôi đã nhận được sách của hai ngài Trung Đảo và Tỉnh Thượng Tĩnh gửi tặng, về đến nhà, 11h30 lên giường, không ngủ được bèn mở tập "Đào lý ký" của ngài Tỉnh Thượng ra đọc, trong đó có một bài tựa đề là "Chiếc ấm trà", nói đến câu chuyện giữa hai nhà văn Trung - Nhật (Lão Xá và Quảng Tân Hoà Lang). Tôi đã nằm trên giường đọc hết bài ấy. Trước mắt luôn hiện lên khuôn mặt của hai con người quen thuộc, đều là những con người hiền lành, nhất là Lão Xá. Rồi cảnh ngộ hết sức bất công của ông, kết cục vô cùng bi thảm của ông, làm tôi suốt đêm mơ thấy ông. Ông luôn mồm nói: "Hãy nói với bạn bè, tôi không sao cả!". Cuối cùng là tôi không ngủ được nữa. Sáng sớm hôm sau, tôi đến ngay khách sạn cùng ông Trung Đảo và phu nhân ra sân bay. Ở phòng đợi Quốc tế của sân bay, tôi đã kéo một phiên dịch trẻ tuổi ra gặp ngài Tỉnh Thượng nói mấy câu chuyện. Tôi nói tôi đã đọc "Chiếc ấm trà" của ngài. Bài viết kể lại câu chuyện "Ấm trà" mà Lão Xá đã kể.²⁹ Tôi nói: câu chuyện đó, tôi cũng từng được nghe. Chỉ có điều là phần kết của câu chuyện mà tôi nghe được khác hơn. Chiếc ấm mà người ta kể là loại xuyến nhỏ người Phúc Kiến dùng để hãm trà. Ông lão ăn mày không hề đập vỡ ấm, mà đã cùng lão nhà giàu kia, hàng ngày dùng nó để pha trà, cho mãi đến lúc chết. Lão Xá giàu tình cảm thâm lặng nên ông đã đưa ra một cách kết thúc khác đi. Tôi không biết Lão Xá đã chết như thế nào, nhưng tôi không tin rằng ông có thể ôm cái ấm mà nhảy lầu, mà ông cũng không đập vỡ cái ấm, ông sẽ để cái vật đẹp đẽ, quý giá đó cho người đời.

Hôm ấy, thời gian chúng tôi ngồi trong phòng đợi không lâu, người phiên dịch trẻ tuổi lại chưa đọc qua bài "Chiếc ấm", không hiểu được bài viết của ngài Tỉnh Thượng nói gì, không cách nào truyền đạt hết ý nói của tôi, Ngài Tỉnh Thượng đã trả lời tôi thế này: "Tôi bảo rằng ngài Lão Xá đã ôm "cái ấm" nhảy lầu. Ý có thể là Lão Xá không muốn đập vỡ cái ấm. Thế nhưng câu cuối cùng của nguyên văn là "ấm vỡ người chết", ấm vẫn bị đập vỡ đó thôi!

Có người đến mời khách lên máy bay, cuộc trao đổi của chúng tôi không có cách nào tiếp tục nữa, nhưng tình cảm xúc động của ngài Tỉnh Thượng đã để lại cho tôi một ấn tượng sâu sắc. Ngài đã nói với bà Tả Đằng cùng đi: "Ngài Ba Kim đã đọc "Cái ấm" rồi đấy". Lúc đó tôi không hiểu được tại sao ngài Tỉnh Thượng lại trịnh trọng nói với bà Tả Đằng như thế, coi việc tôi đọc bài văn của ngài là một việc lớn như thế. Nhưng rồi tôi đã rõ, tôi đã đọc bài tản văn "Hộp dế" của ngài Thủy Thượng Miền-1967 và truyện ngắn được giải "Ngọc nát"-1979 của ngài Khải Cao Kiện. Các bạn và các nhà văn Nhật Bản dường như coi trọng cái chết bi kịch của Lão Xá hơn cả chúng ta. Họ dường như xót xa, tiếc thương nỗi mất mát lớn lao này hơn cả chúng ta. Ở trong nước, được đọc những bài viết về thương nhớ Lão Xá mới chỉ là chuyện hai năm lại đây. Bài tản văn của ngài Tỉnh Thượng viết vào tháng 12 năm 1970, lúc bấy giờ, vong linh của đồng chí Lão Xá vẫn còn bị phê đấu như là một "quyền uy phản động". Lễ đặt hộp tro hài cốt minh oan cho đồng chí Lão Xá mãi tới tháng 6 năm 1978 mới được tiến hành, mà trong hộp tro hài cốt lại chẳng có tro hài cốt. Thậm chí, đến tận nửa đầu năm 1977 cũng chẳng có ai là người đứng ra công khai kêu oan cho người đã mất. Lần đầu tiên tôi nghe thấy tin buồn về đồng chí Lão Xá là vào cuối năm 1966. Đó là do bọn tạo phản nói ra để hăm dọa chúng tôi. Những lời nói lấp lửng của chúng lúc ấy, cũng chỉ có thể coi như tin "nồi chõ" mà thôi. Sau đó còn nghe thấy đôi ba lần nữa đều là những "con đường tắt", nội dung tương đối trái ngược nhau, bản thân người nói ra cũng không rõ, mà cũng không dám chịu trách nhiệm. Chỉ có trước buổi đưa tiễn

ở sân bay Hồng Kiều, tại khách sạn Hoành Sơn, từ miệng ngài Trung Đảo Kiện Tàng, lần đầu tiên tôi mới chính thức nghe tin về cái chết của đồng chí Lão Xá, ngài nói rằng một người có trách nhiệm của Hội hữu nghị Trung - Nhật, trong khi trao đổi rất thẳng thắn đã nói ra. Nhưng lần này cũng mới chỉ giải quyết vấn đề là "chết". Còn như chết như thế nào, và tình hình lúc đó ra sao, ngay ngài Trung Đảo cũng không biết. Tôi định sau này đi Bắc Kinh họp, thế nào tôi cũng có thể hỏi tường tận.

Khi nghe ngài Trung Đảo nhắc đến tên đồng chí Lão Xá, tôi nhớ lại hình ảnh gặp Lão Xá ở Nhân dân Đại lễ đường ngày 10 tháng 7 năm 1966. Buổi sáng hôm ấy, nhân dân thành phố Bắc Kinh họp mít tinh tại Nhân dân Đại lễ đường để ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, tôi và Lão Xá, ngoài ra còn có cả ngài Trung Đảo, đều tham gia Đoàn Chủ tịch cuộc mít tinh. Một số tình tiết tôi đã tả trong bài *"Giờ phút cuối cùng"*, thí dụ như ánh mắt kính mẩn của đồng chí Lão Xá đã nhìn thủ tướng Chu Ân Lai và đồng chí Trần Nghị, nói về họ với tấm lòng chan chứa tình cảm. Hôm ấy, khi tôi đến Nhân dân Đại lễ đường (không nhớ là ở phòng Tứ Xuyên hay phòng Hồ Nam) đã thấy Lão Xá đang ở đó nói chuyện với phó Thị trưởng Bắc Kinh là Vương Côn Luân. Gặp Lão Xá, tôi thấy bất ngờ. Tôi đến Bắc Kinh tham dự hội nghị khẩn cấp các nhà văn Á Phi hơn một tháng, không nghe thấy ai nhắc đến tên Lão Xá. Tôi đoán có lẽ đã xảy ra việc gì với ông, rất lo lắng cho ông. Hôm nay ngồi cạnh ông, nghe ông nói: "Xin hãy nói với bạn bè, tôi không sao cả...", tôi mừng hết sức. Được một lúc, ngài Trung Đảo cũng đến, thấy Lão Xá, ngài liền thân thiết bắt tay và hàn huyên. Mắt ngài Trung Đảo chợt sáng lên; nỗi mừng rỡ đó, ngay tôi ngồi bên cạnh cũng đã cảm nhận thấy. Tôi quả thực là đã nhìn thấy sự biểu lộ của một tình cảm vô cùng thoải mái và vui vẻ. Đó là lần cuối cùng ngài Trung Đảo gặp Lão Xá và cũng là lần gặp gỡ cuối cùng giữa tôi và Lão Xá. Tôi đâu có ngờ rằng chỉ hơn một tháng sau đó, tấn thảm kịch đã xảy ra ở Bắc Kinh, nếu không thì tôi đã kéo Lão Xá ra mà nói chuyện cả ngày, bảo ông tránh đi và để ông có sự chuẩn bị về mặt tinh thần. Nhưng có cách gì

đâu mà để cho ông khỏi bị lừa? Bản thân tôi sau này cũng đã chẳng từng thực thà ngoan ngoãn đi vào "chuồng bò" là gì? Tất cả những chuyện đó, ngài Trung Đảo hiểu khá rõ khi tiếp xúc với ngài hồi tháng 6 năm 1966. Tôi biết được ông đã có dự cảm điều này, thấy tôi còn sống khỏe mạnh ngài hết sức vui mừng và bất ngờ thấy Lão Xá cũng còn sống khỏe mạnh, ngài càng sung sướng. Quả thực ngài quan tâm đến chúng tôi hơn nhiều người khác. Ngay lúc đó, tôi đã cảm thấy rằng ngài đang lo lắng cho chúng tôi, lúc nào đó tai họa sẽ giáng xuống đầu. Ngài còn rõ hơn cả chúng tôi!

Đáng tiếc là tôi không còn dịp cùng với các bạn Nhật nói về tình hình đồng chí Lão Xá nữa. Họ rất yêu mến Lão Xá, họ kính trọng nhà văn có tài, có lương tâm, thẳng thắn và hiền lành này. Ở trong lòng họ, dưới ngòi bút họ, nhà văn đó đến nay vẫn còn sống... Bốn tháng trước đây, lần thứ hai tôi đến tiễn ngài Tỉnh Thượng ở sân bay Hồng Kiều tôi không nhắc lại chuyện "ấm võ". Lần trước tôi cố nói rằng đồng chí Lão Xá nhất định sẽ để ấm lại, bởi vì ông rất yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, ông tuy ngậm hờn mà chết, nhưng đã để lại cho đời nhiều thứ tốt đẹp, đó chính là những tác phẩm bất hủ của mình. Tôi chỉ cần nhắc đến mấy cái tên là đủ: "Trăng non", "Tường lạc đà" và "Quán trà", về mặt này, ngài Tỉnh Thượng đại để cũng nhất trí với tôi.

Nửa đầu năm nay, tôi lại được xem diễn xuất vở "Quán trà" lần nữa! Hay quá! Tác giả sao mà thông hiểu xã hội cũ, thông hiểu người Bắc Kinh cũ như thế! Đó là cuộc sống chân thực, vẹn vẹn trong hai ba tiếng đồng hồ, tôi được ôn lại giấc mộng cũ năm mươi năm. Khi vở kịch sắp đến lúc hạ màn, ba ông già (ông Vương chủ hiệu, cụ Tư Thường và cụ Hai Tần) cùng nói chuyện cũ, cười trong nước mắt, "sắp sẵn cho mình một ít tiền giấy", "lễ viếng cho chính mình", tôi giàn giụa nước mắt. Mấy năm nay chưa được xem vở kịch nào hay thế. Lễ nào đây chỉ là một khúc hát cầu hồn cho xã hội cũ? Tôi cảm thấy như có người cầm chổi đang quét sạch rác rưởi trong tâm

linh của tôi, nói thẳng ra, trong chúng ta, tâm linh ai mà chẳng dính bụi trần?

Bước ra khỏi nhà hát, trong đầu tôi vẫn còn văng câu nói của cụ Tư Thường: "Tôi yêu nước ta lắm chứ, thế nhưng ai yêu tôi?". Hoàn toàn không thể ngờ tới, một âm thanh quen thuộc đang đuổi theo tôi. Tôi nghe thấy tiếng của Lão Xá, ông đang nêu câu hỏi. Đó là lời di chúc của ông. Tôi biết trả lời như thế nào? Tôi từng nói với đồng chí Phương Ân: "Lão Xá mất đi, khiến người sống chúng ta hổ thẹn...". Đó là lời nói thực từ trong lòng tôi. Chúng ta không thể bảo vệ được Lão Xá, thì ăn nói với người sau thế nào? Không làm rõ được cái chết của Lão Xá, chúng ta biết ăn nói với người sau thế nào? Ngày 2 tháng 9 năm 1977, tại sân bay, ngài Tỉnh Thượng nói với những người cùng đi rằng tôi đã đọc bài "Chiếc ấm" của ngài, ngài đã bày tỏ với tôi niềm mong muốn của ngài: Không thể thờ ơ với cái chết của Lão Xá. Thế nhưng hai năm rồi, rốt cuộc tôi đã làm được những gì? Tôi không khỏi cảm thấy hổ thẹn. Đọc lại bài viết của ngài Tỉnh Thượng, hồi ức của ngài Thủy Thượng Miến, truyện ngắn của ngài Khải Cao Kiện, tôi cũng không thể không tự trách mình. Lão Xá là người bạn cũ mà tôi kết thân từ những năm Ba mươi. Trước khi chết hơn một tháng, ông nói với tôi: "Xin hãy nói với bạn bè, tôi không sao cả...". Tôi đã làm được những gì, viết được những gì để rửa sạch những vết nhơ bôi trên cái tên vẻ vang, đúng vậy, thực sự là vẻ vang ấy.

Xem "Quán trà" đã nửa năm rồi, tôi vẫn mãi mãi không quên được một câu dài từ: "Tôi yêu đất nước chúng ta, nhưng ai yêu tôi?". Đồng chí Lão Xá là một nhà yêu nước vĩ đại. Sau khi cả nước được giải phóng, từ nước ngoài, ông đã về nước tham gia xây dựng Xã hội Chủ nghĩa của Tổ quốc. Ông là một tấm gương lao động viết lách chuyên cần nhất, ông là "phái ca ngời" lớn nhất, nhiệt tình ca ngời nước Trung Quốc mới. Năm 1957, ông viết tác phẩm hay nhất của ông là "Quán trà". Ông là nhà văn dùng nghệ thuật phục vụ chính trị có thành tích nhất. Ông tham gia các hoạt động xã

hội và hoạt động đối ngoại. Có thể nói ông đã cống hiến toàn bộ hơi sức của cuộc đời mình cho Tổ quốc. Ông không hề có một chút gì suy nghĩ riêng tây. Thậm chí khi hồng vệ binh đã xuống đường, nguy cơ từ bốn phía, sát khí đằng đằng, ông còn cầm bản nháp nói chuyện đã chuẩn bị sẵn đến Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật thành phố Bắc Kinh để đọc, muốn lấy tư cách Chủ tịch của Hội, tham gia Đại Cách mạng Văn hoá. Nhưng chính ở đó, ông đã bị đánh đập, thương cẳng chân hạ cẳng tay, cộng với sự nhục mạ danh dự. Bản thân ông bỗng trở thành đối tượng của Chuyên chính Đại Cách mạng Văn hoá. Phu nhân của Lão Xá nhớ lại: "Tôi không thể nào quên được trong đêm khuya đã tự mình lấy bông thấm nước, lau từng chút một những vết máu trên đầu, trên mình người thân của tôi như thế nào, mà không rõ đã xảy ra chuyện này ở đâu, không rõ tại sao lại đến nông nổi ấy...".

Tôi mơ hồ như nhìn thấy ông già trên đầu đầy vết máu bắn, băng băng một mảnh lụa trắng im lìm nằm đó. Ông có bao nhiêu ý nghĩ sôi sục, bao nhiêu điều muốn thổ lộ. Ông không thể cứ thế này mà nhắm mắt xuôi tay, ông còn có bao nhiêu thứ tốt đẹp cần để lại. Nhưng một ngày sau, ông đã nằm ở bờ tây hồ Thái Bình, trên mình đắp một manh chiếu rách. Không thể đóng góp hết được những gì quý báu trong tâm linh mình, đồng chí Lão Xá đã nhắm mắt mang theo bao nhiêu điều nuối tiếc lớn lao. Điều đó chúng ta có thể hình dung được.

"Tại sao đến nông nổi ấy?" Ngày 3 tháng 6 năm ngoái, tham gia buổi lễ đặt hộp tro hài cốt của đồng chí Lão Xá ở lễ đường nghĩa trang Bát Bảo Sơn tại Bắc Kinh, khi cúi đầu mặc niệm, tôi nghĩ đến câu hỏi ấy của đồng chí Hồ Khiết Thanh. Tại sao vậy? Từ người chủ trì buổi lễ đặt hộp tro hài cốt cho đến tôi, ai cũng đều biết, đương nhiên là có thể trả lời. Nhưng đã quá muộn màng rồi. Đồng chí Lão Xá từ già xã hội mới mà đồng chí hăng yêu dấu này đã hai mươi năm rồi.

Một năm nữa lại qua đi. Hôm ấy khi tôi rời khỏi nghĩa trang Bát Bảo Sơn, tôi chợt nhớ đến một người nước ngoài gốc Hoa, một nữ văn sĩ có tiếng tăm. Bà nói: "Trí thức Trung Quốc rất giỏi. Họ đều là những nhà yêu nước chân chính. Trí thức phương Tây, nếu bị đối xử và bức hại như thời kỳ "lũ bốn tên", họ đã chạy hết từ lâu. Thế nhưng trí thức Trung Quốc thì bất kể là anh chuẩn bị cho họ điều kiện như thế nào, khi làm việc được là họ làm việc". Bà nhà văn này từng đặt chân khắp thiên hạ, nhìn rộng thấy nhiều, bà không thể gặp đâu nói vậy. Đồng chí Lão Xá là một điển hình tốt nhất của trí thức Trung Quốc. Không cứu được ông, tôi quả thực cảm thấy hổ thẹn, và cũng hổ thẹn thay cho cả lớp người chúng ta. Thế nhưng liệu chúng ta có rút ra được bài học gì từ cái chết bi thảm của nhà văn vĩ đại này không? Tuy rằng tro hài cốt của ông không biết bị rải rác đi những đâu, nhưng tác phẩm của ông thì lưu truyền khắp thế giới. Tiếng lòng của tầng lớp trí thức được ông nói to lên xin mọi người hãy lắng tai nghe: "Tôi yêu đất nước của chúng ta, nhưng ai yêu tôi".

Xin hãy quan tâm hơn tới họ, xin hãy yêu mến họ hơn chút nữa. Đừng nên để đến khi quá muộn.

Trở lại câu chuyện trên, tuy rằng cho đến nay, còn chưa làm rõ kết cục của đồng chí Lão Xá là tự sát hay bị người ta giết, là ngấm hờn nhảy xuống hồ, hay bị người bức hại đến chết, nhưng có một điều khẳng định được là người mất nhưng "cái ấm" thì còn. Ông đã để lại món của cải tốt đẹp nhất. Gần đây tôi đã dự Đại hội Văn nghệ Toàn quốc lần thứ tư tại Bắc Kinh, không thấy đồng chí Lão Xá, lòng tôi hết sức trống trải. Có một người tốt bụng bảo tôi: "Đừng quẩn quanh với quá khứ hãy nhìn về phía trước, chạy nhanh về phía trước!" Tôi cảm ơn lời khuyên đó, và tôi cũng bang lòng làm theo lời khuyên đó. Thế nhưng tôi không có cách gì biến mình thành "người máy kiểu 300" của "thế giới tương lai". Cái thứ người máy đó ngoài chức năng đi về phía trước, chẳng còn nhìn thấy gì nữa hết. Thật đáng tiếc, "lũ bốn tên" đã mở hết thứ máy móc của họ, cải tạo tôi mười năm trời, mà

trước sau vẫn không biến tôi thành người máy. Mọi chuyện cũ, tôi đều nhớ rất dai.

Khi đồng chí Lão Xá còn sống, lần nào về Bắc Kinh họp, tôi đều tới thăm ông, trò chuyện hồi lâu, theo lệ thường, ông lại bảo: "Chúng ta đi ăn quán đi!". Rồi vợ chồng ông lại dẫn tôi tới cái quán ăn nhỏ quen thuộc ở chợ Đông An. Vừa ăn cơm vừa nói chuyện thoải mái tới hai tiếng đồng hồ. Tôi không tin ma, cũng chẳng tin thần, thế nhưng tôi lại mong có một cái gọi là "cõi âm" thật. Ở đó, tôi có thể gặp lại bao nhiêu người mà tôi hằng quen biết. Giá như có một ngày nào đó, tôi gặp được Lão Xá thật, ông sẽ hẹn tôi đi ăn quán, sẽ hỏi tôi một số tình hình, thì tôi sẽ trả lời ông thế nào?... Tôi nghĩ đến một câu di chúc của ông: "Tôi yêu đất nước chúng ta, nhưng ai yêu tôi?". Tôi sẽ nắm chặt tay ông và nói với ông rằng: "Chúng tôi rất yêu ông, không có ai quên ông, ông sẽ sống mãi trong lòng nhân dân Trung Quốc!"

Ngày 15 tháng 12.

CHIẾC GƯƠNG LỚN

Trên tủ tường trong phòng của tôi, có gắn một chiếc gương lớn. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hoá, bọn tạo phản và Hồng vệ binh lần lượt đến nơi ở của tôi, nhiều lần khám nhà, đập phá khá nhiều thứ mà họ cho là "loại đồ cũ", thế nhưng lại không đập vào cái gương này nhát nào. Cho nên nó mới được giữ lại. Bởi thế, tôi mới luôn luôn được soi gương.

Nói thật lòng, đứng trước gương tôi không hề cảm thấy vui, bởi cái "tôn dung" ánh lên trong gương khiến tôi đâm lo: tiều tụy, già nua, nhăn nheo, môi thì khô héo... Có đẹp, có ưa nhìn hay không, tôi không quan tâm, nhưng điều tôi cảm thấy khó chịu là nó luôn nhắc nhở tôi; "Mi đang mon men tới cái chết". Vậy thì phải làm thế nào?

Đập quách ngay chiếc gương này đi, từ nay không tiếp xúc với những thứ như thế này nữa là xong. Những người tôi gặp thường bảo tôi: "Ông không thay đổi mấy, ông rất tươi tỉnh". Những lời nói đó xem ra rất dễ nghe, nó chẳng dính dáng gì đến cái chết cả. Nuôi dưỡng bằng những lời nói tốt, liệu càng nuôi càng tốt hơn lên được hay không, tôi không dám quả quyết. Nhưng cứ như thế này, ngày tháng trôi đi cũng không đến nỗi tồi. Tôi đã từng nghĩ như thế và cũng từng làm như thế. Có những thời kỳ, tôi thôi không soi gương nữa. Tôi không còn nhìn thấy "tôn dung" của mình, lại nghe những lời nói dễ nghe nên càng yên tâm. Chẳng những yên tâm, hơn thế, tự mình còn thêm dệt thêm những điều dễ nghe. Người khác bảo tôi "bỗng dưng trẻ lại". Tôi hoàn toàn tiếp nhận, thậm chí còn ảo tưởng thêm rằng mình đã "phản lão hoàn đồng". Giấy mời họp tới liên tục, thư đặt bài nhận luôn tay, tôi còn phải làm đủ các loại việc, làm đủ các loại công tác cho đủ các loại người. Nhiều thư từ như thế, nhiều bản thảo như thế, lại còn

các buổi đi thăm, các buổi nói chuyện. Hình như mọi người bảo tôi "xây dựng chí hướng lớn lao". Tôi cứ thế mà quên cả bản thân mình.

Thế là đến một ngày tôi phát hiện thấy mình hổng rồi. Cầm bút lên viết mà cũng thấy vất vả, lên xuống cầu thang thấy khớp xương đầu gối đau như. Hơi bị cảm là y như viêm phế quản, ho mãi không thôi... Lúc ấy, tôi mới lại nghĩ rằng nên soi gương, bèn đứng ra trước gương ngắm nghía. Đó là vào một buổi tối, vừa súc miệng xong, bỏ hàm răng giả ra, nên mình cũng chẳng nhận ra mình. Làm gì có cái vẻ "trẻ lại"? Y như vừa qua một giấc mơ. Tôi đã tỉnh lại rồi. Ở trong gương, tôi đã nhìn ra khuôn mặt thực của mình. Hôm kia nhìn thấy vẫn thế. Hôm qua nhìn thấy vẫn thế. Hôm nay nhìn thấy vẫn thế. Nhìn mình, nghĩ về mình, cảm giác của tôi, tình cảm của tôi... đều tương xứng với vẻ mặt của tôi, cũng có thể nói là phù hợp. Điều đó nói lên một sự thực: cái gương đã nói với tôi lời nói thật. Cho nên tôi không thể cân nhắc hiện thực một cách tử tế. Như thế, tôi mới vạch ra được một kế hoạch năm năm, tôi đã lập kế hoạch trên "nền móng tư tưởng" đó. Là nhà văn, thì phải dùng tác phẩm của mình để gặp gỡ bạn đọc. Trước khi đi khỏi thế giới này, thế nào tôi cũng để lại được một chút gì. Tôi không cần điều văn, tôi không muốn nghe người khác nói những câu dễ nghe trước hợp tro hài cốt của tôi. Gần đây thường có người đến tìm tôi nói chuyện riêng của tôi, họ muốn biết tình hình tư tưởng của tôi cũng như cách nhìn nhận của tôi về một vấn đề nào đó cách đây bốn năm chục năm trước, v.v...và v.v... Điều đó khiến tôi nhớ lại hồi bị điều tra vòng ngoài khi tôi bị "liên quan". Một sư phụ của đội tuyên truyền công nhân bảo tôi kể chuyện năm 1931 ở Tô Châu: Qua một người giới thiệu tôi đã gặp một người trẻ tuổi, lúc ấy tôi đã nói những gì với người bạn ấy. Tôi làm sao mà nói ra được? Ông ta lại lên lớp cho tôi một bài. Khỏi phải nói là ông ta có dụng ý. Bây giờ người đến tìm tôi nói chuyện thì không thế, mà là đến với dụng ý tốt họ muốn đến "cấp cứu tư liệu". Họ có lý của họ, Có người còn muốn giúp đỡ tôi nữa, đứng ra biện hộ hoặc nói vài lời công bằng cho những tác phẩm cũ của tôi. Tôi nói: "Ý tốt thì xin cảm ơn, cái gì đã qua rồi thì hãy để

cho nó qua đi, bây giờ chẳng đang kêu gọi chúng ta nhìn về phía trước là gì? Tôi cũng phải nhìn về phía trước".

Đúng! Tôi cũng phải nhìn về phía trước. Nếu không tại sao tôi còn vạch kế hoạch, tìm đủ mọi cách để chạy đây chạy đó, tranh thủ thời gian để viết tác phẩm. Kỳ thực, chẳng viết vẫn cứ sống đàn ông, chỉ cần mình luôn có tên trên mặt báo, hội nghị lớn, hội nghị nhỏ không vắng mặt, ở đây nói vài câu, ở kia viết vài dòng cảm tưởng. Như thế hầu như đã có đóng góp cho xã hội, đã có điều ăn nói với người đời sau, như thế làm gì chả được? Thế nhưng trong thư phòng của tôi lại vẫn còn sờ sờ cái gương lớn ấy. Mỗi lần đi ngang qua, tôi lại nhìn thấy "tôn dung" của mình, đã không oai vệ lại cũng chẳng có tướng tinh gì, đến quần áo còn luộm thuộm, đúng là tướng ù lì vốn có. Thôi thì cứ ngoan ngoãn ngồi nhà viết đi, viết đi! Đó là kết luận mà tôi tự rút ra cho mình.

Tôi cảm ơn chiếc gương trước mặt tôi. Khi đầu óc tôi nóng lên, chính là nó đã khiến tôi tỉnh táo lại. Tôi muốn nói một câu từ đáy lòng mình: "Xin hãy để cho tôi được yên tĩnh, tôi không là bậc lưu danh trong xã hội, tôi không phải là thứ tư liệu cần "cấp cứu", tôi chỉ là một nhà văn, một nhà văn cho đến chết cũng không rời tay cầm bút".

Ngày 23 tháng 12.

CON 'PHỐC' CON

Một tháng trước đây, tôi còn đang ở Bắc Kinh, nghe người ta kể chuyện về một nhà nghệ thuật. Tôi còn nhớ một trong những mẩu chuyện đó là chuyện nhà nghệ thuật ấy và một con chó. Nghe nói, ông ta ở một thành phố không lớn lắm, nhà hàng xóm có nuôi một con chó con, nó với nhà nghệ thuật nọ sống với nhau rất tốt. Ông ta thường đãi nó bằng thức ăn của mình. Trong thời gian Cách mạng Văn hoá, trong thành phố đã xảy ra cuộc "vô đầu" chưa từng thấy. Nhà nghệ thuật bỗng lo sợ, đành phải trốn đi nơi khác một thời gian. Sau đó ông lại trở về, mà hình như là bị người ta lôi về, nói rằng ông "câu kết với nước ngoài" là "phản cách mạng", rồi phê bình ông, đấu ông. Ông không thừa nhận, nên bị đánh đập, thương cả chân hạ cả tay, rồi roi vọt gây gộc, chẳng những sút đầu mẻ trán, mà còn bị gãy một bên chân. Đấu đã xong, ông không đi nổi. Đội chuyên chính liền kéo ông đi bêu phố, quần áo rách bươm, khắp mình là máu và bùn đất, miệng không ngừng rên rỉ. Những người quen thấy ông sống dở chết dở, đều quay mặt đi. Bỗng đâu, một con chó từ trong đám đông chạy số ra về phía ông, hết sức mừng rỡ. Nó sủa lên sung sướng rồi chồm đến trước mặt ông, ngửi khắp mình ông, lấy lưỡi liếm, lấy chân quờ, vuốt ve lên mình ông. Có người khác đuổi nó đi, lấy chân đá nó, lấy cây vọt cũng chẳng ích gì. Nó nhất định cứ ở lì bên cạnh người bạn của nó. Cuối cùng, đội chuyên chính đã dùng gậy vọt gãy chân sau con vật. Nó rú lên một hồi kinh hãi, rồi đau khổ lột cái thân tàn ra chỗ khác. Mặt đất in thêm những vết máu, trên tấm áo rách của nhà nghệ thuật để lại vết chân của con chó. Nhà nghệ thuật bị giam mấy năm sau mới được thả ra. Việc đầu tiên của ông là mua mấy cân thịt đi thăm con chó con đó. Hàng xóm bảo với ông rằng, hôm ấy sau khi con chó bị đánh què, về đến nhà, nó chẳng ăn uống gì, kêu rên lên ba ngày rồi chết.

Nghe xong câu chuyện này, tôi lại nghĩ tới con chó con tôi đã nuôi. Đúng vậy, tôi đã từng nuôi chó. Đó là chuyện năm 1959. Một người quen được điều đi công tác ở Bắc Kinh, phải chuyển cả gia đình lên, nên muốn để con chó nhà họ nuôi lại cho tôi, bởi nhà tôi có một mảnh đất trống, có điều kiện để nuôi chó. Tôi bằng lòng, con tôi cũng rất vui mừng. Chó được đưa đến! Đó là một con chó giống Nhật Bản lông vàng, rất sạch sẽ và có một cái tài là khi nó muốn một cái gì đó, nó biết đứng hai chân sau lên, chụm hai chân trước lại vái lia lia. Cái tài đó không phải do bạn tôi dạy nó. Nó còn có một chủ cũ người Thụy Điển. Tôi không biết chút gì về ông này. Ông ta rời Thượng Hải về nước, nên đã tặng con chó cho người tiếp nhận thuê nhà. Thế là con chó thuộc về người bạn của tôi. Khi con chó được đưa đến, nó có cái tên nước ngoài, phiên âm ra là "Xi-Phốc ti". Tôi giản đơn hóa cái tên này, gọi nó là con Phốc.

Phốc đã sống ở nhà tôi bảy năm, nó rất tốt với mọi người trong nhà tôi. Phốc không cắn ai, thấy người lạ, nó xô ra cửa sủa một hồi. Chúng tôi đi một tiếng, nó liền chạy đi chỗ khác. Đêm tối, bên ngoài hàng rào thường có người qua lại, nó nghe tiếng động đó, bèn xông ra bờ rào vừa chạy vừa sủa. Tiếng sủa đúng là hơi chói tai, nhưng nó cũng chỉ sủa lên mấy tiếng mà thôi. Thời gian nó ở trong sân hay trên mảnh đất hoang có vẻ nhiều hơn. Có lúc, chúng tôi tiếp khách hay ngồi nói chuyện phiếm với bạn bè ở phòng khách, nó cũng chạy vào đứng chân lên vái mấy cái kiếm kẹo ăn, làm cho khách cười ran. Các bạn Nhật càng thích nó, có một lần đại khái vào một ngày hè năm 1963 hay sau đó, một hãng Thông tấn Nhật Bản đến quay phim ở nhà tôi, họ quay cả những cảnh có con Phốc. Lại có một lần nữ văn sĩ Nhật Bản Do Khởi đến thăm Thượng Hải và đã đến thăm cả nhà tôi. Bà rất thích con chó giống Nhật. Bà nói ở Tôkiô bà cũng nuôi chó trong nhà mình. Hai năm sau, bà đến Bắc Kinh dự hội nghị khẩn cấp các nhà văn Á Phi, Gặp tôi bà hỏi ngay: "Con chó của ngài thế nào?". Nghe tôi nói Phốc rất khoẻ, bà cười!

Vợ tôi là Tiêu San cũng rất quý con Phốc. Trong thời gian ba năm khó khăn, mỗi lần chúng tôi đến ăn cơm ở Câu lạc bộ Văn hoá, Tiêu San thế nào cũng xin những người phục vụ một vài mẫu xương mang về cho con Phốc. Năm 1962 vợ chồng chúng tôi mang con đi Quảng Châu ăn Tết. Về tới Thượng Hải, nghe mấy cô em gái tôi bảo, khi chúng tôi ở Quảng Châu, phòng ngủ đóng chặt cửa, sáng nào con Phốc cũng đến đây từ sớm để đón chờ chúng tôi bước ra. Ngày nào cũng thế, không hề mệt mỏi chán nản. Khi thấy chúng tôi về, nhất là khi nhìn thấy Tiêu San, nó lắc đầu ngoáy đuôi liên tục. Cái dáng mừng rỡ, thân thiết của nó, đến bây giờ nghĩ lại, tôi vẫn thấy xúc động và phảng phất như còn nghe thấy tiếng của nữ văn sĩ Nhật Bản hỏi: "Con chó của ngài thế nào?".

"Con chó của ngài thế nào?". Giá như tôi còn gặp nữ văn sĩ Nhật Bản ấy lần nữa, thế nào bà cũng hỏi tôi một câu tương tự. Sự quan tâm của bà không bị giảm đi chút nào. Thế nhưng tôi đã không còn con chó ấy nữa.

Hạ tuần tháng 8 năm 1966, khi Hồng vệ binh bắt đầu ra phố để càn quét "loại đồ cũ", con Phốc bỗng trở thành "gánh nặng" cho gia đình tôi. Buổi tối, trẻ con ở các nhà xung quanh thường đập cửa hò hét âm ỉ, nói là sẽ giết con chó con. Nghe thấy tiếng con Phốc sủa lên chói tai, tôi lo thắt cả ruột, chỉ sợ tiếng sủa đó sẽ khiến cho bọn Hồng vệ binh đi càn quét "đồ cũ" có cớ kéo đến nhà tôi. Lúc đó tôi đã ở dạng bị "nửa liên quan". Xăm tối, chúng tôi ngồi hóng mát trong sân, các con tôi đều khuyên hãy đưa con Phốc đi. Tôi đã nhờ cô em gái lớn của tôi nghĩ cách. Nhưng vào thời buổi ấy, ai mà dám nhận thứ quà tặng này? Nghe nói chỉ có thể đưa đến bệnh viện để các cán bộ khoa học dùng làm thực nghiệm. Chúng tôi không bằng lòng. Trước đây nhìn thấy con Phốc vái, tôi muốn cười, mấy ngày ấy, tôi học tập ở cơ quan về nhà con Phốc vái tôi để xin thức ăn, tôi ngẫm rơi nước mắt.

Tình hình ngày thêm căng thẳng. Cạnh nhà tôi có một nhà công thương nghiệp tuổi đã cao, nguyên trước đây là ông chủ một nhà máy. Nhà ở do

ông tự xây, chỉ cách nhà tôi một hang rào tre. Đã có người tới nhà ông càn quét "đồ cũ" rồi. Nhà hàng xóm có động tĩnh gì, chúng tôi đều nghe rõ mồn một, qua kẽ hàng rào cũng có thể nhìn thấy một số tình hình. Tối hôm ấy, bọn trẻ con gần đấy mấy lần gõ cửa đòi bắt con chó, cũng may con Phốc không lần nào xô ra sủa như mọi ngày, cho nên cũng không bị bắt đi. Đó là hơn sáu mươi năm nay lần đầu tiên tôi mới thấy người ta sục sạo vào nhà, lấy thứ này thứ nọ, ra ra vào vào, có đứa còn luôn mồm chửi rủa, có đứa thì đập chum đập vại. Tình cảnh thật là đáng sợ. Có đến hơn chục ngày tôi không ngủ được, đến hôm ấy tôi lại càng suy nghĩ nhiều hơn, cùng Tiêu San bàn về việc con Phốc, Cuối cùng chúng tôi quyết định đưa nó đến bệnh viện, và để người em gái lớn của tôi đi lo việc này.

Đưa con Phốc đi rồi, tôi đi làm về, không nghe thấy tiếng chó sủa, không nhìn thấy con Phốc vái tôi, theo chân vào nhà, sao tôi cũng thấy nhẹ cả người, đúng như cảm giác của người trút được gánh nặng. Thế nhưng khi tôi đã uống hai viên thuốc ngủ, lên giường một lúc lâu vẫn không sao ngủ được, tôi bất giác lại nghĩ đến con Phốc. Nghĩ đi nghĩ lại, tôi lại cảm thấy không những không phải trút được cái gì, mà ngược lại còn khoác thêm một gánh nặng lớn hơn. Xuất hiện ở trước mắt tôi không phải là con Phốc lắc đầu ngoáy đuôi, vái liên tục mà là con Phốc nằm trên bàn mổ. Tôi nghĩ liên tiếp, chẳng những chỉ thấy mình con Phốc, mà tôi cũng bị mang ra mổ. Không thể giữ nổi một con chó, tôi đã cảm thấy xấu hổ và nhục nhã. Đưa con Phốc lên bàn mổ là vì tôi muốn được yên thân. Tôi có lỗi với chính mình, tôi không thể tha thứ cho mình! Và như thế, tôi nhục nhã bắt đầu cuộc sống khổ sở nhần nhục chịu đựng trong mười năm đại họa. Một mặt tôi trách mình, nhưng mặt khác lại muốn giữ yên cho mình, không để cho cả nhà sẽ phải theo mình rơi vào địa ngục, Rồi cuối cùng tôi cũng trở thành con Phốc thứ hai, mà không chết trên bàn mổ, là vận may cho tôi...

Vừa chẵn mười ba năm, năm tháng qua đi, tôi vẫn ở căn nhà gác ấy, mỗi sáng tôi đều đi dạo trong sân, dưới chân tôi là thảm cỏ già; hàng rào tre đã

thành tường xây kín mít. Trong nhà hàng xóm đã thêm mấy chủ hộ mới. Trên bức tường cao đã mở thêm hai cửa sổ, thỉnh thoảng từ đó còn đổ xuống một ít rác. Dàn nho dựng lên từ ngày đầu, bị mỗi một đã sập xuống và được quét đi, ngay đến gốc nho cũng bị đào đi mất. Ở góc bên phải lại xây thêm một cái bể phốt thật to, nó bị dời từ một chung cư năm tầng ngay sát đó sang. Mất hẳn đi mấy cây có hoa, lại thêm lên mấy gốc cây không có hoa. Tôi nhớ lại những người trước đây thường hay đi dạo với tôi. Vào những dịp cỏ xanh như nhung, nàng thường khom lưng, hoặc ngồi ngay trên mặt đất nhổ những cây cỏ tạp. Trước hoặc sau bữa cơm trưa, nàng thường đùa với con Phốc ở đây... Tôi như đang miên man trong giấc mộng. Những thương tích đầy rẫy trong vườn khiến cho trái tim tôi phảng phất như bị ai ném vào chảo dầu sôi mà rán. Và không bao giờ dừng lại, ngoại trừ tôi phải làm một cuộc tổng kết cho cuộc sống khổ cực mười năm trước đây của mình, rồi trả cho xong món nợ, của tâm linh. Nhưng đó tuyệt nhiên không phải là một việc dễ dàng. Vậy thì những năm tháng từ nay về sau không phải là dễ sống đâu. Nhưng mười năm đó tôi cũng đã sống được.

Ngay như trong thời kỳ "nói dóc thành mốt", đối với mình, người ta cũng không thể nói dối được, huống chi là ngày nay. Tôi không sợ mọi người chê cười, tôi phải nói rằng tôi rất nhớ con Phốc và tôi muốn tỏ lời xin lỗi nó.

Ngày 4 tháng 1 năm 1980.

TÌM TÒI

Trên một số "Đại công báo" gần đây, tôi đọc được một bài viết của ông bạn Bạch Kiệt Minh, trong đó có một câu, tôi rất tâm đắc: "Nếu muốn thực sự làm ra được một cái gì có tính mũi nhọn hoặc có ý nghĩa sáng tạo, không để cho người ta "tìm tòi" không xong".³⁰

Xung quanh tôi, có những người, khi nghe thấy hai tiếng "tìm tòi" đã hoài nghi, thậm chí còn lo lắng. Có một tờ tạp chí bí mật bị phê phán cũng chẳng có tên "tìm tòi" là gì? Tôi lại vẫn nói câu nói cũ: "Tôi chưa đọc loại tạp chí này, không có quyền phát ngôn". Điều tôi muốn nói là chuyện khác kia. Nhưng lại có người cảnh cáo nói: "Anh muốn tìm tòi, muốn sáng tạo, tức là không bằng lòng với hiện trạng, "Không bằng lòng với hiện trạng" thì hãy cẩn thận đấy!".

Không bằng lòng với hiện trạng, nói trúng rồi. Không bằng lòng với hiện trạng (cũng có nghĩa là không yên lòng với hiện trạng) có nhiều kiểu, nhiều loại: Có người không hài lòng với hiện trạng của mình, có người không hài lòng với hiện trạng của người khác; có người không hài lòng trong phạm vi hẹp; có người không hài lòng với hiện trạng ở phạm vi rộng hơn...

Nói đến hiện trạng của người khác, nói đến hiện trạng trong phạm vi rộng, vấn đề sẽ trở nên to lớn, bởi vì, người khác có thể thấy hiện trạng của họ rất tốt, sẽ cảm thấy hiện trạng trong phạm vi rộng là rất tốt, anh không đồng ý, đương nhiên sẽ xảy ra tranh luận. Ví như chúng tôi mỗi buổi sáng phải tự đi lấy sữa bò; lĩnh mấy đồng hoặc mười mấy đồng nhuận bút cũng phải tự mình ra bưu điện xếp hàng; một cái bưu kiện mấy cuốn sách cũng phải tự đi lĩnh về, việc gì cũng phải tự mình đi làm lấy. Tôi còn có con trai

và con rể đi làm giúp. Người bạn của tôi, tuổi đã qua mức "xưa nay hiếm" rồi, người bạn già của ông lại đang có bệnh, đi lại khó khăn, giải quyết những việc này, bỗng cảm thấy khổ sở. Lại như một người bạn khác của tôi dạy ở một trường đại học, chị nói có lúc chị phải tự đi chuyển lấy đồ dùng dạy học, tài liệu... Đối với những việc như thế này, mỗi người có một cách nhìn khác nhau. Có người cho rằng "ai phục vụ người ấy" là thành tích cải tạo với tầng lớp trí thức. Trước đây tôi cũng từng nghĩ như thế. Thế nhưng nghĩ đi nghĩ lại, đến nay lại có một cách nghĩ khác: Nếu thời gian tự phục vụ của một người càng nhiều thì thời gian phục vụ nhân dân của người đó càng ít. Những câu nói như thế, hai năm nay tôi nói ở khắp nơi, và nói đi nói lại (Thời gian "lũ bốn tên" hoành hành, tôi không có quyền nói) cũng có tác dụng. Tôi không hài lòng với những hiện trạng này, người khác lại không nhìn nhận như thế. Lại như có người nói xã hội chúng ta đã có hiện tượng: "trên đường của rơi không ai nhặt, đêm ngủ không cần đóng cửa", nhưng trên màn ảnh nhỏ, tôi lại thấy xét hỏi tội phạm cướp của giết người. Người khác lại bảo: đó không phải là phổ biến, anh ta đã nói đúng, nhưng trong cái "nỗi niềm" mà anh nói không thể gồm có cả cướp của giết người. Tranh luận với nhau là chuyện rất phiền phức, huống hồ tôi lại kém tài tranh cãi.

Cho nên tôi chỉ nói chuyện của mình thôi. Trước hết, nhớ lại quá khứ của mình, tôi còn nhớ lồm bồm chuyện ở trong nhà môn tri huyện của huyện Quảng Nguyên. Đó là sự hồi tưởng lớn nhất, lúc ấy tôi mới chỉ khoảng bốn năm tuổi. Người ta gọi tôi là "cậu ấm Tư" (tức là ông nhỏ Tư). Cha tôi đang xử án ở công đường, tôi thường đứng ở mé sau bên trái để nghe lỏm. Điều đó nói lên rằng tôi là một ông nhỏ địa chủ quan lại. Ngay từ nhỏ, tôi đã không hài lòng với hiện trạng này, cảm thấy được làm ông nhỏ cũng chẳng hay ho gì, nhưng lúc đó tôi lại không hề biết, cho rằng sinh ra trong nhà giàu có là "thành phần xấu", càng không nói đến chuyện lập chí để phản lại giai cấp của mình. Tôi chỉ chán ghét những thứ lễ tiết nặng nề, hơn nữa, không quen với cách "phân loại" chia người ta ra người lớp trên và

người lớp dưới, về lễ tiết, có một lần, ông tôi làm sinh nhật ở Thành Đô, cha mẹ tôi làm lễ mừng ở Quảng Nguyên, bảo tôi cúi đầu làm lễ. Tôi không nghe, nên bị một trận đòn. Cũng may mà cha mẹ tôi lúc đó còn không hiểu "thế nào là hết mức" đánh xong rồi cũng thôi, còn cho tôi suốt đời giữ thái độ chán ghét với lễ tiết và các loại hình thức chủ nghĩa.

Còn nói đến cách "phân loại" người, thì tôi không quen (hoặc có thể nói là không hài lòng) thể hiện ở chỗ tôi thích sống giữa những người "lớp dưới". Tôi kết bạn với họ, nghe họ kể chuyện, tôi cảm thấy so với những người gọi là "lớp trên" như các ông lớn, ông nhỏ, cụ lớn v.v... thì tâm địa họ đơn thuần hơn nhiều, hiền lành hơn nhiều. Lúc đó, tôi tuyệt nhiên không biết nghĩ thế nào là "thâm nhập cuộc sống", "cải tạo tư tưởng". Tôi thích vào chơi phòng của đám sai nha, hay tới chỗ nghỉ của mấy anh phu kiệu, chỉ bởi vì tôi yêu mến những con người đó. Đến lúc này, tôi đã là một đứa trẻ hơn mười tuổi rồi. Những người trong nhà tôi thì cho rằng đây là một cử chỉ "không cầu tiến", "làm mất danh giá". Thế nhưng không có người nào mách lẻo ông tôi. Cha mẹ tôi, chú tôi đều chẳng hay biết gì, cho nên cũng không ngăn cản. Tôi vẫn tới nhà canh, nhà ngựa chơi như cũ. Mãi cho đến sau khi ông tôi mất, tôi mới phát hiện ra cái thế giới bao la bên ngoài cửa lớn, thì thời gian tôi ở nhà bỗng ít đi. Không bao lâu sau, tôi thi được vào trường chuyên dạy tiếng nước ngoài.

Những điều ở trên chỉ nói lên, một là tôi chưa từng tiếp thu một nền giáo dục chính quy; hai là xưa nay tôi vốn không hài lòng với hiện trạng, chỉ muốn làm sao thay đổi hiện trạng của mình. Những "người bề trên" trong nhà tôi, từ ông tôi cho đến anh tôi (anh trai tôi đã chẳng có uy quyền gì đôi với tôi nữa) đều mong muốn tôi phải trở nên một con người làm "rạng rỡ thế gia", "có tiền có thế". Thế nhưng tôi lại không đi con đường có sẵn đó, tôi không chịu để cho họ xỏ mũi dắt đi.

Từ lúc tôi sinh ra làm người, chưa hề có ai ra lệnh cho tôi viết truyện. Tôi sang Pháp là muốn học lấy một môn học. Bản thân tôi cũng không nghĩ rằng tôi sẽ ở Paris học viết tiểu thuyết. Thế cho nên kết quả là trong hai năm, tôi chẳng học được cái gì. Sau khi về nước lại tìm được một cái nghề: viết văn. Những người trong nhà nhiều lần dăn dò khuyên răn tôi nên đi con đường gia đình đã sắp đặt, thế nhưng tôi cứ đi vào con đường mà chẳng ai sắp đặt cho cả! Mặc dù bản thảo của tôi còn nhiều chữ sai, hơn thế nữa, còn xuất hiện những câu lai Tây dài lê thê, nhưng tôi đã vừa viết, vừa học, vừa sửa. Kinh nghiệm mấy chục năm đã làm cho tôi rõ ra một lẽ: Người ta từ chỗ không có đường, đi mãi thành đường.

Mấy năm gần đây, tôi thường nghĩ, nếu như ban đầu tôi theo lời dăn của gia đình, không chịu động não mà cứ đi đường đã được chỉ dẫn thì không biết ngày nay tôi đã trở thành người như thế nào. Kết cục của tôi, tự tôi cũng có thể nghĩ tới, trong "Đêm lạnh" (Hàn dạ), tôi tả cái chết của một anh trí thức nhỏ (một người bị bệnh lao). Đó chính là cái kết cục có thể là của tôi. Bởi vì tôi đơn thuần, thẳng thắn, không hiểu nhân tình thế thái, không biết lấy lòng người, không biết mách mung, không biết dùng thủ đoạn. Tôi không thể đi con đường "rạng danh tiên tổ, nhẹ bước thang mây" được. Giá như cứ vâng vâng dạ dạ nghe theo người khác, ông tôi muốn tôi hãy yên với hiện trạng, cha tôi (người mất sớm, năm tôi 13 tuổi, tôi đã mồ côi cha) cũng muốn tôi yên với hiện trạng, anh cả tôi cũng muốn vậy tôi đành phải giả câm giả điếc cho qua ngày. Khi tôi 15 tuổi, ông tôi trở nên thần kinh thất thường rồi mắc bệnh và mất; khi 27 tuổi anh cả tôi cũng tự sát vì phá sản... thì tôi làm thế nào mà sống được?

Tôi từ bé vốn đã không chịu yên lòng với hiện trạng. Tôi luôn luôn muốn thay đổi hiện trạng của tôi, bởi vì tôi không muốn sống bằng ăn sẵn. Ngày nay tôi muốn viết thêm mấy bài, muốn hoàn thành thêm vài bộ tác phẩm, cũng vẫn là muốn làm thay đổi hiện trạng của tôi. Muốn làm được nhiều việc hơn, muốn làm được công việc tốt hơn, muốn động não suy nghĩ

nhiều hơn, trước đây tôi như thế, hiện nay tôi vẫn thế. Tuy thành tích của tôi còn rất nhỏ, tuy rằng tôi là "lão cừu thói" nên bị "lũ bốn tên" và tay chân của chúng đánh đập và bức hại, nhưng tôi vẫn cho rằng việc lựa chọn con đường văn nghệ là sự may mắn của tôi. Tôi có năm anh em ruột, cả anh em họ nữa là 23 người. Còn sống tới nay chưa tới một nửa. Tôi là cao tuổi nhất, mà còn cầm bút viết lách được, là niềm hạnh phúc lớn. Niềm hạnh phúc ấy có được do không an phận với hiện trạng. Khi còn trẻ, tôi thích dẫn ra một lời của một nhà Cách mạng Tư sản Pháp rằng: "Mạnh dạn, mạnh dạn, mãi mãi mạnh dạn!". Đến bây giờ tôi lại nghĩ đến câu nói ấy. Trong mười mấy năm nay, tôi đã nhìn thấy quá nhiều người nhát gan sợ việc! Có một thời kỳ tôi thành tâm thành ý muốn mình "lột xác thay xương làm lại cuộc đời", cải tạo mình trở nên một thứ người máy không có ý chí của mình nữa. Tại làm sao mà tôi lại thích thú với những người máy trong bộ phim "Thời hiện đại" mà trong bài viết của mình đã mấy lần nhắc đến "nó"? Chỉ bởi vì khi ở trong "chuồng bò", tôi thực sự đã trở thành người máy trăm phần trăm, ấy thế mà còn không cho là nhục, mang hết sức ra làm người máy. Sau này tôi mới phát hiện ra đó là một sự bịp bợm lớn, lòng tôi đã chết hẳn (người xưa bảo đau thương không bằng chết hẳn trong lòng), khi bước vào "chuồng bò" tôi đã nghĩ đến "Thần khúc" của Đấng-tơ nhà thơ Ý:

Qua chỗ ta đây bước tới thành của khổ đau.

Qua chỗ ta đây bước tới niềm khổ đau vĩnh hằng.

Điều đó nói nên rằng ngày xưa có một thời kỳ đúng là đã có người dùng "địa ngục" để trừng phạt với những người không yên phận với hiện trạng. Tôi tin rằng sẽ có một Đấng-tơ mới để viết "Thần khúc" mới.

Ông Bạch Kiệt Minh nói: "Muốn thực sự làm ra cái gì có ý nghĩa sáng tạo..." thì phải "để người ta tìm tòi". Đúng, phải "tìm tòi", mới "sáng tạo",

mới có thể làm ra một cái gì có tính mũi nhọn. Ý của ông rất rõ ràng: Muốn thực hiện bốn hiện đại, thì phải để cho người ta tìm tòi. Thế nhưng theo ý tôi, một chữ "để" còn chưa đủ, cần phải thêm một chữ nữa, một chữ quan trọng đó là chữ "dám". Trước đây không lâu, Ở Thượng Hải đã làm lễ truy điệu đồng chí Cù Bạch Âm. Đồng chí Bạch Âm đã chẳng phải vì viết bài "Tự bạch về đi tìm cái mới" mà chịu đủ mọi nỗi giày vò như địa ngục đó sao? Gần đây cũng lại có người "để" cho ông "tìm cái mới". Thế nhưng về sau không biết từ đâu chui ra một lũ thần linh. Thế là mọi thứ lại thay đổi. Về mặt này, tôi đã có khá nhiều kinh nghiệm và cũng từng phải trả bằng những cái giá đáng sợ. Tôi còn may mắn hơn đồng chí Bạch Âm, đến hôm nay còn được tìm tòi, còn được suy nghĩ, còn được sống, và không phải lần qua ngày nữa, ngay "tự bạch về đi tìm cái mới" cũng chẳng có. Năm 1962, tôi "vâng lệnh" phát huy dân chủ, trong bài phát biểu tại Đại hội các Nhà văn lần thứ Hai ở Thượng Hải, đã có mấy câu nói về mình, chẳng bao lâu, phong trào lan đến, ngay bản thân cũng thấy mình đã mắc sai lầm lớn, thời kỳ "Cách mạng Văn hoá", khi tôi đang ở "chuồng bò", bị lôi ra trước mọi người, tự báo tội ác, tôi không quên "báo" tội "phản đảng" trong "phát huy dân chủ". Đây chính là sự "tự giày vò" mà đồng chí Lưu Lang nói trong chú giải bài thơ "Giao thừa, đọc câu cũ"³¹. Sự giày vò này, đương nhiên là rất đau khổ, hiện nay tôi còn chưa quên được (chứ không phải không muốn quên).

Tôi nói những điều này chỉ là muốn nói rõ một vấn đề: Cho rằng anh có để cho người ta tìm tòi, người ta cũng không dám tìm tòi, không chịu tìm tòi, không dám đi tìm cái mới, không chịu đi tìm cái mới. Có người nói: "Căn cứ vào kinh nghiệm trước đây, vâng vâng dạ dạ lần cho qua ngày vẫn an toàn hơn, chúng ta thường chẳng dạy con em chúng ta rằng: Đứa trẻ biết vâng lời là đứa trẻ ngoan đó sao?

Bản thân tôi cũng trưởng thành lên trong giáo dục "vâng lời", tôi còn được cái máy "vâng lời" của "lũ bốn tên" gia công và cải tạo. Hiện nay, đã

đến lúc làm tổng kết cho mình rồi. Tôi có thể nói thế này: Tôi còn chưa phải là người máy, hơn nữa, e rằng mãi mãi không làm được người máy.

Cho nên tôi còn phải tiếp tục tìm tòi.

Ngày 9 tháng 2

LẠI BÀN VỀ TÌM TÒI

Trong một bài "tùy tưởng" trước, tôi đã nói tới "tìm tòi" và "tìm cái mới".

Tìm tòi... vấn đề không thể qua một bài viết vài ngàn chữ mà nói rõ ràng được. Mặc dù những chữ như thế này, có lúc không được người ta ưa chuộng, thậm chí còn phạm điều kiêng kỵ, ví như kẻ "tìm tòi" ở Nam Kinh hồi 1957, chính bởi vì "tìm tòi" (mới bắt đầu) mà lãnh đủ mọi cực khổ, hơn thế có người hầu như phải bỏ mạng, nhưng từ thượng cổ đến giờ, loài người luôn tìm tòi để tạo cái mới, chưa dừng lại bao giờ, đương nhiên cũng mãi mãi không bao giờ dừng lại. Ông Bạch Kiệt Minh nói: "Không để cho người ta tìm tòi không xong", lúc đầu tôi rất tâm đắc câu nói này, về sau ngâm nghĩ mãi, mới thấy nói như thế cũng gần như thừa. Bất kể ở thời nào, thế nào cũng có những người không vui vẻ, không bằng lòng thấy người khác tìm tòi, cũng có một số người không dám tìm tòi, mặc dù loài người luôn luôn tìm tòi để tiến lên. Tại sao ngày nay chúng ta không "ăn lông ở lỗ", không "nhai sống nuốt tươi"? Tại sao chúng ta không để người khác tụt quần ra vút roi vào mông rồi lại cúi đầu tạ ơn "ông lớn"? Thí dụ nhiều lắm, không kể hết. Đối với tôi, khó quên nhất là việc sau này; ông nội tôi chẳng những không con để lại dấu vết gì, ngay công quán mà người xây dựng, rồi cả những khuôn viên mà người từng bồi hồi dạo gót cũng tan hoang không còn mảnh góc. Gần đây lại thêm một việc nữa, đã có hai bạn nhà văn bảo tôi: "Các tạp chí Văn nghệ của tỉnh Giang Tô có nhiều khởi sắc, chỉ hai năm nữa, sẽ thành một điểm sáng, ở đây có một đội ngũ mạnh mẽ, đó chính là những người "tìm tòi" trước đây. Tôi mong rằng hai người bạn này nói đúng.

Ở trên tôi có nhắc đến ông nội tôi, có người đã hỏi: Ông đã chẳng nói rằng hồn ma của cụ Cao vẫn xuất hiện ở khắp nơi đó sao? Hỏi hay thật đấy! Nhưng hồn ma thì vẫn là hồn ma, chúng ta quyết không để nó mượn xác để hoàn hồn. Tại sao chúng ta lại không học tập tiến sĩ Chung Nam Sơn.

Bây giờ lại quay về chủ đề câu chuyện, chúng ta lại nói về tìm tòi.

Một người không hiểu gì về văn học như tôi mà lại bước lên con đường văn học, không thể là do "quan lớn" đào tạo ra, cũng không thể là có một con đường lớn mở ra trước mắt tôi, chân tôi bước lên đó, là có thể đến được lâu đài văn học. Trước đây, có một số người cứ tranh luận mãi là trong Lịch sử Văn học Hiện đại của Trung Quốc, có nên dành mấy trang giới thiệu về tôi. Tôi thấy như vậy là phí thì giờ, tôi không phải là nhà văn học.

Tôi cầm bút viết tiểu thuyết, chỉ là để tìm một con đường cứu người, cứu đời và cứu mình. Nói đến cứu người, cứu đời, không tránh khỏi có chút nông cuồng nhưng lúc đó tôi mới 23 tuổi, chỉ là một "gã hậu sinh" chưa tường nặng nhẹ nên đáng lượng thứ chứ! Còn nói đến tự cứu mình, thì quả là nói thật. Tôi có tình cảm không nơi thổ lộ, mang niềm yêu ghét chẳng có chốn giải bày, y như người rơi vào biển khổ vô biên, tìm không thấy bờ, một trái tim không biết đặt vào đâu, giá sử như không để cho lòng tôi bình tĩnh lại, thì tôi đã không thể sống được. Theo tôi được biết, trong số các nhà văn Nhật Bản, cũng có những trường hợp như vậy, nhưng họ đều là sau khi thành danh, vì không giải quyết được vấn đề tư tưởng, vấn đề nhân sinh nên đã huỷ hoại đời mình. Tôi không đi vào ngõ cụt, bởi vì tôi đã tìm được giấy và bút, hãy để cho những nỗi đau khổ của tôi hoá thành từng hàng chữ, nỗi nhức nhối trong lòng tôi đã được cởi bỏ, tôi đã được cứu thoát.

Tôi xuất phát từ tìm tòi nhân sinh mà bước vào con đường văn học. Hơn năm mươi năm nay, tôi cũng có những lúc lơ lửng Việc tìm tòi, nhưng tôi

chưa bao giờ xa rời văn học. Tôi có lúc viết nhiều hơn, viết hay hơn một chút. Có lúc cũng bước vào con đường người ta bảo sao thì làm vậy, không có khát vọng sáng tác, chỉ có quan niệm nhiệm vụ trong sáng tác những thứ viết ra, đều là những lời lẽ hùng hồn, chỉ cảm động mình mà không cảm động được người khác.

Ngày nay, tôi vẫn đang tiếp tục tìm tòi, bởi vì tôi lại cầm bút. Nếu ngừng tìm tòi, tôi không viết tiếp được tác phẩm nào nữa.

Tôi nói tôi viết tiểu thuyết là để được yên tĩnh cõi lòng mình, mong có một chút đóng góp với đất nước, với nhân dân, giúp đỡ được cho bạn đọc, đó đương nhiên chỉ là nguyện vọng chủ quan của tôi, tác phẩm của tôi cũng có thể sẽ sinh ra một hiệu quả xã hội ngược lại. Người ta có quyền phát ngôn nhất là người đọc, một tác phẩm, nếu như bị người đọc từ chối, thì sẽ chẳng gây nên tác dụng gì. Nhưng cũng có một số tác phẩm được một số người đọc đón nhận nhưng lại gây ảnh hưởng xấu trong số người này. Cho đến nay, tôi còn chưa mất vị trí nhà văn hàng đầu, tác phẩm của tôi còn không mất tăm mất tích trên thế giới, thì tôi cần phải cảm ơn sự bao dung của người đọc. Điều đó, cũng nói lên rằng ảnh hưởng xã hội của những tác phẩm này cũng không đến nỗi tồi, không đến nỗi có người đọc tác phẩm của tôi rồi tụ họp gây sự, lẫn công tiêu cực hay tham ô, trộm cắp. Về điểm này tôi rất yên tâm. Trong số lớn tác phẩm, tôi đã chỉ ra cho người đọc những lý tưởng cao đẹp, ca ngợi những tình cảm cao thượng, Nói cao đẹp, cao thượng, dễ gần với nói khoác, nhưng ít nhất thì cũng thấp hơn thế. Không xây đắp hạnh phúc của mình trên khổ đau của người khác: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chân lý, yêu chính nghĩa; hy sinh bản thân mình cho số đông. Con người không chỉ có nhờ ăn mà sống; Con người sống cũng không vì hưởng thụ cá nhân. Những gì tôi nói lên trong tác phẩm của tôi, chính là những tư tưởng ấy.

Làm người như thế nào? Làm một người tốt như thế nào? Những gì tôi muốn tìm tòi mấy chục năm nay, chính là vấn đề này. Tác phẩm của tôi tức là từng bản, từng bản "báo cáo tư tưởng". Chúng đều là những đáp án mà tôi tìm ra trong cuộc sống. Tôi không thể nói đáp án của tôi là chính xác, nhưng chúng là những thứ nghiêm túc. Tôi nhìn thấy gì, tôi lý giải ra sao, tôi đã viết ra sự thực. Tôi rất ít khi nói dối. Tôi xưa nay chưa hề nghĩ rằng sẽ dùng tác phẩm của mình để giáo huấn người khác, cải tạo người khác và dẫn đường cho người khác. Năm mươi năm trước, tôi đã từng nói: "Tôi không phải là kẻ thuyết giáo".

Năm 1934 tôi lại nói: "Những tiểu thuyết này sẽ không được đứng trong rừng văn học". Cố nhiên tôi mong tác phẩm của tôi sẽ gây được ảnh hưởng xã hội, mong mang lại cho người đọc sự giúp đỡ. Thế nhưng tôi cũng biết, một tác phẩm văn học, cho dù là tác phẩm có tính nghệ thuật cao không ai bằng, cũng khó có thể xỏ mũi người đọc mà lôi đi được. Những người có thể đọc sách được, trong cuộc sống, trong tinh thần, họ đều có những tích lũy nhất định, những tích lũy đó có thể giúp họ "tự tìm lấy cái họ cần", trong tác phẩm. Đầu óc của bất cứ một người đọc nào, đều không phải là một tờ giấy trắng, để cho người khác vẽ lên đó tùy thích. Dù cho chúng ta thiếu giấy đến đâu, nhưng ngày nay trong hiệu sách vẫn có rất nhiều tác phẩm văn học bày bán. Tiểu thuyết cho mượn ở thư viện lại càng nhiều. Một người đọc mấy chục mấy trăm cuốn sách, cuối cùng họ nghe theo tác giả cuốn nào, họ đều phải đoán định chứ! Như thế có nghĩa là lý trí của họ đang có tác dụng. Mỗi con người đều có lý trí, tôi nói như vậy, chắc là không sai chứ? Từ lúc 11, 12 tuổi, tôi đã đọc truyện, cho đến tận bây giờ tôi vẫn đọc những tác phẩm văn học, mặc dù, tôi đồng thời là nhà văn. Như thế, theo cách nói của một số người, trong óc tôi sẽ là một bãi chiến trường, không ngày nào ngơi nghỉ. Tôi đang dịch từng câu từng chữ một hồi ký của A. Ghécxen, thế nhưng tôi vẫn là tôi, tôi không hề biến thành Ghéc-xen. Cũng từ những năm 40, tôi bắt đầu dịch tiểu thuyết của Tuốc-ghe-ni-ép, dịch đi dịch lại mãi, đến năm 1974, mới buông tay. Như vậy tôi đã biến

thành Tuốc-ghe-ni-ép chưa? Không đâu! Không đâu! Nhưng tôi không thể nói tôi không chịu ảnh hưởng của họ. Đó là chuyện xảy ra lúc nào không biết. Thì ra đó chính là "sự chuyển hoá ngầm". Những ảnh hưởng của người khác, ảnh hưởng của sách vở, cũng như là thức ăn, phải qua miệng ta nhai rồi tiêu hoá mới có thể tiếp thu. Đừng nên sợ tác phẩm văn học xông pha ngang dọc, nó thế nào cũng phải qua ba cửa ải: giáo dục xã hội, giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường. Chỉ có những kẻ dốt nát ngu muội thì mới đọc một tác phẩm đã vội tiếp thu nguyên xi, bởi vì đầu óc họ trống rỗng, nhồi nhét được rất nhiều thứ. Nhưng hạng người này hiếm lắm. Vậy thì có bao nhiêu tội lỗi đều đổ hết lên đầu một tác phẩm, liệu có tránh khỏi mất công bằng hay không?

Cách đây không lâu có một số người tỏ ra không hài lòng với những tiểu thuyết loại "vết thương". Họ nói "văn học vết thương", là những tác phẩm tự vạch vết thương của mình ra để cho người khác thấy khuyết điểm của mình, thương tổn đến danh dự của nhà nước. Giáo sư Dương Chấn Vũ cũng đã từng bàn với tôi về vấn đề này. Hôm ấy, ông đến thăm, tôi đã nói với ông suy nghĩ của tôi trong bài "Tuỳ tưởng" số 23: "Mỗi người Trung Quốc đều có trách nhiệm xây dựng Trung Quốc thành nơi vui thú của trần gian". Ông bảo, ông tin rằng trên 95% người Hoa ở nước ngoài đều yêu Tổ quốc. Nhưng họ sẽ qua văn học vết thương, nhìn thấy những khuyết điểm của đất nước mà có phần lo ngại. Ý của ông thật rõ ràng: có bệnh thì phải chữa, chữa khỏi tức là hồi phục lại sức khoẻ. Tôi bảo rằng vết thương chưa chữa khỏi, còn ghê gớm hơn, đáng sợ hơn "văn học vết thương". Chúng ta cần nhìn thẳng vào sự thực, đừng có giấu bệnh mà không chữa.

Nhưng cho đến giờ còn có người cho rằng miễn là che kín vết thương, đừng nói ra, thì vết thương sẽ không chữa cũng lành. Bởi vậy họ không trách mình đang lên nhọt, mà trách người khác nói tầm bậy tầm bạ. Khi họ đang đặt mũi tên, kéo dây nổ đối với một tác phẩm, họ bỗng nâng tác dụng văn học lên rất cao. Vậy mà một nhà văn lão thành, viết tiền thuyết hai

mười năm, tiếp đó lại đi biên soạn "lịch sử trang phục Trung Quốc" hai mươi năm nữa, đến ngày nay, hai ông bà già vẫn chung nhau một cái bàn viết; đến một gian phòng làm việc cũng không có. Ở đây thì tác dụng của văn học lại giảm xuống rất nhiều.

Tại sao thế? Với một người tinh thông văn học thì có thể hết sức giản đơn. Xưa nay đều thế cả. Nhưng với người không hiểu văn học như tôi, thì càng nghĩ càng thêm lẩn thẩn. Đối với tôi, con đường văn học tức là con đường tìm tòi. Tôi vẫn cần tìm tòi tiếp. Năm mươi mấy năm tìm tòi bảo cho tôi biết rằng: Đường là do người đi mà thành.

Tôi cũng chẳng phải hối tiếc vì chưa chỉ được ra cho bạn đọc một con đường sáng sủa.

Ngày 15 tháng 2.

TÌM TÒI, BÀI THỨ BA

Thượng tuần tháng 5 năm ngoái, ở Paris, tôi đã được gặp hoạ sĩ nổi tiếng đương đại của nước Pháp, Jan Ê-li-ông, ông rất hứng thú với nước ta, muốn được sang thăm và mở phòng tranh tại các thành phố lớn nước ta. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất chan hoà. Ông cùng tuổi với tôi. Buổi chiều hôm mở cửa phòng tranh cá nhân vào dịp chúc mừng ngày sinh của ông tại Trung tâm Văn hoá Pông-pi-đu, vì lịch trình đã sắp xếp từ trước, nên tôi không thể nhận lời mời của ông được, cảm thấy rất tiếc. Gần đây, tôi nhận được thư bạn bè từ Paris cho hay rằng nguyên vọng của Ê-li-ông sắp thành hiện thực. Triển lãm tranh của ông sẽ được trưng bày tại hai thành phố Bắc Kinh và Thượng Hải vào mùa thu năm nay. Đó là một tin rất vui. Nếu được gặp ông già đó ở Thượng Hải để nghe ông nói về cảm nghĩ của ông khi thăm nước ta là điều tôi hết sức thích thú. Khởi phải nói cuộc triển lãm lần này cũng còn là một đóng góp lớn lao cho việc trao đổi văn hoá giữa hai nước.

Bạn bè của Ê-li-ông còn mong tôi đề tựa cho bản danh mục của triển lãm tranh. Đó là sự tín nhiệm và trọng thị đối với tôi. Tôi rất cảm ơn ý định tốt đó của các bạn. Nhưng cuối cùng tôi đã cảm tạ và từ chối, bởi vì khi tôi cầm bút chuẩn bị viết bài, chợt phát hiện ra mình chẳng hiểu chút gì về hội hoạ. Tôi yêu thích hội hoạ, nhưng tôi lại không hiểu mô tê gì.

Tôi cũng yêu thơ, và cũng lại không hiểu thơ. Bạn bè đưa thơ cho tôi xem, thơ cũ cũng vậy, thơ mới cũng vậy, xem xong còn có thể thuộc vài câu, nhưng ý kiến thì tôi chẳng nêu được câu nào.

Đối với tiểu thuyết, tản văn, cũng thế nốt.

Còn nhớ một buổi tối cách đây hơn hai mươi năm về trước, có một chàng trai đến nhà tôi, đưa ra một cái truyện ngắn, bảo tôi xem xong rồi cho anh ta ý kiến. Anh cho rằng truyện chỉ có mấy nghìn chữ, xem ra cũng nhẹ nhàng, nêu ý kiến càng dễ. Thế nhưng tôi lại bị ép gần chết. May sao con rể tôi đang ở nhà tôi, lúc ấy anh con rể đang làm cho tạp chí Văn nghệ, tôi nghĩ tới anh và gọi ra, giải vây cho tôi. Rất nhanh chóng, anh đã xem xong rồi góp ý kiến và tiễn khách về.

Có người không tin, nói rằng: "Ông đã chẳng từng biên tập các Tạp chí Văn học và các tủ sách Văn học đó sao?" Đúng là có chuyện đó thật. Thế nhưng những tạp chí Văn học ra định kỳ ấy đều do bạn tôi là Cận Dĩ chủ biên, tôi chỉ có cái tên ở đó, phụ giúp một tay đọc bản thảo. Còn biên soạn "tủ sách", thì tôi có làm mấy loại, nhưng cũng chỉ là cung cấp sách cho người đọc, xin người đọc bình xét, bản thân tôi rất ít phát biểu ý kiến.

Cho nên đến tận bây giờ, tôi vẫn là người ngoại đạo, không hiểu gì về văn học. Thế nhưng tác phẩm văn học, thì tôi lại viết hơn năm chục năm rồi, đó cũng là một sự thực. Đương nhiên, nhà bình luận cũng có thể bảo những thứ đó không phải là tác phẩm văn học, Năm 1967 đã có người (thậm chí có cả một số nhà văn) bảo chúng là "hàng đồng nát", trong khi đó, tôi đã nói đi nói lại rằng tôi tuyệt nhiên không phải muốn làm "nhà văn" mới cầm bút sáng tác. Tôi sáng tác, bởi vì tôi đang sống. Tiểu thuyết của tôi là kết quả tôi tìm tòi trong cuộc sống. Mỗi tác phẩm của tôi là một lần thu hoạch của tôi. Lúc đó tôi thấy gì, nghĩ thế nào, thì tôi viết thế ấy. Những khi không có tác phẩm ra đời, cũng chính là những lúc tôi ngừng tìm tòi.

Sự tìm tòi của tôi khác với sự tìm tòi của các nhà văn khác. Từ trước đến giờ, tôi chưa bao giờ nghĩ đến những vấn đề như phương pháp sáng tác, thủ pháp và kỹ xảo biểu hiện v.v... Tôi nghĩ đi nghĩ lại, chỉ có một vấn đề: làm sao sống cho tốt hơn, hoặc là làm người thế nào cho tốt hơn hoặc nữa là làm thế nào có phần đóng góp với đất nước, với xã hội, với nhân dân. Tóm

lại, tôi viết mỗi một bài văn đều là viết vì cái gì đó. Tôi xưa nay chưa từng có lúc nào không bệnh mà rên. Tôi cho đăng bài, cũng từng nghĩ tới nó sẽ mang lại hiệu quả xã hội như thế nào. Thế nhưng hiệu quả xã hội mà tôi hằng mong muốn với hiệu quả thực tế mà tác phẩm mang lại thường có chỗ khác nhau. Tôi chỉ biết một mặt làm hết sức mình, mặt khác xin để người đọc tự bình xét. Bản thân tác giả luôn luôn muốn giữ vững nguyên tắc: không nói dối.

Nhưng tôi có làm được như vậy không? Điều đó thật khó nói. Hồi tưởng lại, tôi cũng đã từng nói dối, mà không chỉ một lần. Đó là lúc tin vào lời nói của người khác mà không suy nghĩ thêm. Tôi còn nhớ một việc: Nửa đầu năm 1934, trên tạp chí "Học sinh trung học", với bút danh "Mã Cầm", tôi đã cho đăng bài "Quảng Châu", đó là bài ký "Ấn tượng về các địa phương" mà Ban biên tập đặt tôi viết. Trong bài có nhắc đến cầu Hải Chu có thể gấp lại được. Tôi đã viết, "nghe nói đây là một cây cầu cũ mua ở Thụy Sĩ". Một người bạn ở Quảng Đông bảo tôi như thế, tôi chẳng cần suy nghĩ gì thêm, bèn chép luôn lời ông vào bài. Câu nói không có chút gì căn cứ đó, người của chính quyền Quảng Châu đọc rồi đưa ra những tư liệu đáng tin cậy, can thiệp với hiệu sách Khai Minh phát hành tạp chí "Học sinh Trung học". Hiệu sách không nói được câu nào, đành phải đăng báo xin lỗi, chi phí cải chính tốn hơn hai triệu đồng. Việc tôi bán rao lời nói dối gây nên tai hoạ, có lẽ chỉ có lần ấy. Nhưng khi viết bài, lại không hề biết rằng đây là câu buột miệng "nói tùy tiện" của người bạn. Chuyện như thế, sau này cũng vẫn có, chỉ có điều là chưa gây tai hoạ mà thôi. Cho nên tôi cần phải nói thêm một câu: Kiên trì không nói dối, cũng rất khó.

Nhưng xưa nay chưa bao giờ tôi muốn lừa người đọc. Mà tôi lại muốn gặp gỡ người đọc với vẻ mặt vốn có của mình. Tôi nói là tôi dâng con tim cho người đọc, hoàn toàn không phải câu nói suông. Tôi không phải là người thành đạt trong văn học, cho nên tôi chẳng ngại ngần gì mà nói ngông rằng: "Tôi không chạy theo kỹ xảo". Nếu bảo rằng ngoài sự tìm tòi

trong cuộc sống, trong sáng tác cũng có tìm tòi, thì sự theo đuổi của tôi mấy chục năm nay là: giải bày tư tưởng mình cho sáng tạo hơn, thực thà chất phác hơn. Sáng tạo trong xã hội cũ, để đối phó với ông kiểm duyệt, tôi phải nghĩ nát óc ra, khôn khéo lựa lách, tránh sự chú ý của mấy ông này. Đó là điều bất đắc dĩ mà phải làm, nhưng đó tuyệt nhiên không phải là chạy theo kỹ xảo. Có người đặc chí khoe khoang kỹ xảo, họ có thể gặp may. Tôi thừa nhận tài hoa của người khác, bản thân tôi không có được viên ngọc quý giá lấp lánh muôn màu ấy. Nhưng tôi vẫn không thán phục, hâm mộ cái người ta gọi là kỹ xảo. Đương nhiên tôi cũng không sợ toẹt kỹ xảo, bởi vì tôi không có quyền can thiệp việc người khác để tỏ vẻ mình xinh đẹp. Mỗi một người đều có quyền trang điểm tùy thích. Nhưng đối với loại văn chương phòng mang trộn mắt, gặp đâu nói đấy, chết nói thành sống, đen nói ra đỏ... tôi hết sức khinh ghét. Mặc dù nó được dùng kỹ xảo "vũ trang đến tận chân răng", nó cũng chỉ là văn chương bịp bợm. Loại văn chương ấy, tôi chúa ghét.

Những năm Ba mươi ở Bắc Bình, tôi đã trao đổi với một người bạn về vấn đề kỹ xảo văn học. Giữa chúng tôi xảy ra một cuộc tranh luận nhỏ. Ông ấy bảo tác phẩm văn học hay có thể lưu truyền được mãi, chủ yếu là nhờ ở kỹ xảo. Ai hơi đâu quan tâm đến cuộc sống của người ta mấy trăm năm trước! Tôi thì cho rằng điều người đọc quan tâm là cuộc sống mà tác phẩm phản ánh và số phận của những nhân vật. Tôi nói, kỹ xảo phải phục vụ nội dung. Cái gì là kỹ xảo? Tôi nghĩ tới một câu tục ngữ "thành thực thì sinh khéo". Mỗi nhà văn đều có kinh nghiệm sáng tác của mình. Viết cho thành thực đi, rồi sẽ có cách che đậy, lấp liếm chỗ non kém của mình và làm nổi bật mặt mạnh của mình. Người bạn ấy của tôi viết văn, chọn từng chữ từng câu, rất có sắc thái riêng, đúng là thứ văn chương rất hay. Thế nhưng sau này ông chỉ một lòng một dạ, để hết hơi sức vào chữ nghĩa, xa rời cuộc sống mà chạy theo kỹ xảo, cuối cùng bế tắc như chuột chạy cùng sào. Đương nhiên là tôi không tán thành ý kiến của ông. Thậm chí tôi còn nói rằng đỉnh cao của nghệ thuật là chân thực, là tự nhiên, là không kỹ xảo. Tôi

còn nói, người sinh ra đã đẹp, chẳng cần phải tô son trát phấn. Văn chương của tôi như một con người sinh ra vốn đã xấu, không trang điểm, xem ra lại có vẻ dễ coi hơn. Tôi không thuyết phục nổi ông, ông cũng chẳng thuyết phục nổi tôi, hai chúng tôi đi hai con đường tìm tòi khác nhau.

Bốn mươi mấy năm qua đi, hai chúng tôi đều còn sống, ông đã phải vứt bỏ kỹ xảo văn học, chuyển sang nghề khác, lại đạt được một số thành tích. Thu hoạch của tôi cũng không lớn lắm, vì có một thời kỳ, tôi đã ngừng tìm tòi, để ngày tháng trôi đi vô ích. Tôi định năm cái nọ, năm cái kia nhưng chẳng năm được cái gì. Hôm nay ngồi trước bàn viết tính sổ lại, ngoài hồ thẹn ra, chẳng còn được gì hơn. Thời gian đã mất đi thì không cách gì lấy lại được. Thế nhưng tương lai chưa tuột khỏi tay tôi. Tôi phải nắm chặt lấy nó, tôi phải tận dụng nó cho thật tốt. Tôi phải tiếp tục tìm tòi trong cuộc sống của tôi, mãi cho đến lúc nào tôi gác bút.

Tôi không thể nói sự tìm tòi của tôi là chính xác, không, nhưng nó rất tử tế. Năm 1945, tôi mượn lời lẽ một nhân vật trong tiểu thuyết, nói lên mục tiêu tìm tòi của tôi: "Phải trở nên hiền lành hơn, thuần khiết hơn, có ích lợi với người khác hơn".

Vậy tôi đã làm được thế chưa? Chưa đâu? Còn xa lắm! Cho nên tôi vẫn còn tiếp tục nói: "Tôi không phải là một nhà văn học, tôi cũng không muốn làm một nhà nghệ thuật, tôi chỉ muốn làm một con người "hiền lành, thuần khiết hơn, có ích cho người khác hơn". Vì cái đó, tôi quyết không buông cây bút của tôi xuống!

Ngày 28 tháng 2.

TÌM TÒI, BÀI THỨ TƯ

Người ta ai cũng có chí của mình. Nếu như mọi người đều cùng tìm tòi, thì mục tiêu cũng không giống nhau cả. Anh muốn phô diễn kỹ xảo, tôi lại muốn đả động vào lòng người. Tôi nghĩ nên chẳng ta mở một cuộc thi, bạn đọc sẽ sẵn lòng làm trọng tài miễn phí.

Ở đây, tôi không nhắc tới quan trên, như vậy không có nghĩa là không tôn kính quan trên, chỉ bởi vì đối tượng của tác phẩm văn học là bạn đọc. Thí dụ tác phẩm của tôi là thứ viết cho quan trên xem, quan trên hiểu hơn tôi nhiều. Đương nhiên quan trên cũng có thể làm bạn đọc, cũng có quyền phát biểu ý kiến, nhưng tác giả lại có quyền tiếp nhận hay không tiếp nhận, bởi vì người đọc rất nhiều, quan trên chẳng qua chỉ là một trong số đó. Hơn nữa, tác giả sẽ tuân theo nguyên tắc "tự chịu trách nhiệm về văn của mình", chịu hoàn toàn trách nhiệm, họ không thể nào đẩy trách nhiệm sang cho quan trên. Bất kể người nào viết văn thì cũng nói bằng lời lẽ của mình để giải bày ý kiến riêng. Con người không như loài vẹt bắt chước, cũng không phải là cuốn băng ghi âm.

Có những lúc, người ta hay nói đến "ý chí quan trên", trong bài "*Tuỳ tưởng lục*" cho đăng báo năm ngoái, tôi cũng nói cách nhìn của tôi về "Ý chí quan trên". Tôi cho rằng quan trên đương nhiên là có ý chí của quan trên. Ý chí của quan trên cũng thường là chính xác. Quan trên cũng phải làm báo cáo, phát biểu văn chương. Những gì biểu hiện trong những báo cáo và văn chương ấy, chính là ý chí quan trên. Thế mà những thứ đó phần lớn lại là tài liệu để người ta học tập. Tôi không có lý do mù quáng phản đối ý chí của quan trên, nhưng tôi không có cách nào sáng tác theo ý chí của người khác, cho dù đó là ý chí của quan trên. Tôi đã có những sự từng trải oái oăm. Những năm năm mươi có bạn biên tập một tạp chí đến gom bài

của tôi, bảo tôi viết một bài đưa tin về một Chiến sĩ Thi đua. Người do Ban biên tập chỉ định là một cán bộ kỹ thuật. Ban biên tập cung cấp cho tôi một ít tài liệu, rồi lại dẫn tôi đi thăm anh ta một lần. Tôi viết xong bài, tự mình đọc lại, thấy cũng bình thường, chẳng có chỗ nào có thể dùng được, thế nhưng đã đến hạn nên không thể không gửi bản thảo đi. Kết quả là bài viết không thể đăng trên tạp chí được. Ban biên tập đành ngượng ngáp trả lại bản thảo. Tôi bèn chuyển sang gửi đăng ở một tờ nhật báo. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy rằng "ý chí" của Ban biên tập là không sai. Sai ở chỗ tôi đã sáng tác theo ý chỉ của người khác. Lúc đó, tôi cũng thấy rất đau khổ về chuyện này, nhưng tôi lại không thoát ra được khỏi nó. Tại sao vậy? Đại khái là kỹ xảo gom bài của các đồng chí làm biên tập đã chinh phục tôi chăng? Người này đi khỏi thì người khác tới, mà hình như những người đi gom bài, ai cũng là một nhà hùng biện, đã thế lại đều phục vụ cho một mục tiêu vĩ đại chung. Tôi không có cách nào từ chối yêu cầu của họ, cũng có thể là tư tưởng tôi không giải phóng. Tôi luôn cho rằng những việc mình nghĩ mình làm trước đây đều là phấn đấu cho cá nhân, cho bản thân mình, hiện nay được làm việc theo nhu cầu của Tạp chí, tức là bắt đầu phục vụ được nhân dân, Cách nghĩ đó, hiện nay tôi cảm thấy rất kỳ quặc, nhưng lúc ấy, đúng là tôi đã nghĩ như thế, làm như thế. Trong ba năm đầu "Cách mạng Văn hoá", thậm chí tôi còn cho rằng, để tôi được làm việc ở phòng Thường trực của Hội Nhà văn cũng là điểm phúc lắm rồi, nhưng bọn chân tay của "lũ bốn tên" lại bảo tôi "ngay cả làm công việc đó cũng không xứng". Bởi vậy tôi đành luôn luôn nhấm nháp thuộc lòng những bài thơ của Đảng-tơ, tưởng tượng ra mình đang đứng trên bờ sông Acheronte, chờ Caron tóc bạc chở tôi đi như "hồn ma tà ác". Thật là một cơn ác mộng kiểu Đảng-tơ.³²

Hiện nay, đã tỉnh cơn ác mộng, tôi không còn mong muốn sống những năm cuối đời thật hạnh phúc ở phòng Thường trực. Tôi vẫn muốn sáng tác hơn thế, còn muốn sáng tác chuyên cần. Khỏi phải bàn, tôi muốn nói những lời tận đáy lòng tôi bày tỏ ý chí của tôi. Có người khuyên tôi khi đặt bút phải hết sức cẩn thận, phải vươn dài cổ ra, phải dỏng tai lên, nghe ngóng

tình hình nhiều hơn chút nữa, nhìn hướng gió kỹ hơn chút nữa, nói rằng làm như thế thì đỡ gây nên điều thị phi, được sống yên ổn tới 80, 90 tuổi. Lòng tốt xin cảm ơn, để tôi sẽ thử xem, cũng coi như một dạng tìm tòi. Nhưng đó là con đường sắp đặt ra cho một người thông minh. Còn con người bất tài năng như tôi, liệu có theo được không?

Ngày 29 tháng 2

TÂM MÙA XUÂN

Tôi đã lăn lộn trên "văn đàn" Trung Quốc năm mươi mấy năm, xem chừng từ nay về sau vẫn còn phải tiếp tục lăn lộn nữa, mãi cho đến khi tôi "mở tiệc chia tay" với đời mới thôi. Ngay từ những năm 30, tôi đã nhiều lần nói rõ, tôi chỉ là một "khách qua đường", chuẩn bị sẵn sàng gác bút. Thế nhưng lời nói của tôi không thể đi đôi với việc làm, từ đầu đến cuối vẫn nắm chặt cây bút cùn không chịu rời ra. Không trách được sau này đã gây nên sự "công phẫn" của "lũ bốn tên" và tay chân của chúng, chúng đã mang tôi ra "đánh cho lăn ra đất, đập thêm một đập", muốn bắt tôi "suốt đời không ngóc đầu lên được". Đúng là chúng đã đuổi tôi ra khỏi văn đàn. Những việc mà tôi không làm được thì chúng đã làm, đó cũng là một việc làm hể hả lòng người. Nhưng tiếc thay, chẳng bao lâu sau "lũ bốn tên" và tay chân của chúng cũng mất tăm mất dạng, Tôi không biết chúng đã trốn ở đâu. Có điều tôi biết có khá nhiều người muốn nghiền thịt chúng ra từng miếng một.

Do sự bao dung của bạn đọc, tôi lại được trở lại văn đàn. Tôi lại cầm cây bút bị cướp đi mười năm nay, hơn thế, còn tham gia Đoàn đại biểu Nhà văn Trung Quốc đi thăm nước láng giềng hữu hảo cách biệt 17 năm nay. Với các bạn Nhật Bản, với bạn đọc Nhật Bản, tôi cũng nói tôi không phải là nhà văn học, tôi thiếu tu dưỡng về văn học, nhưng tôi có một trái tim chân thành, tôi đã moi trái tim của mình ra trao cho các bạn, trao cho bạn đọc. Tôi đã nói với một nhà văn Nhật Bản, tôi không phải là nhà văn học, cho nên tôi không cần biết những gì là qui tắc trong văn học. Miễn là bạn đọc tiếp nhận, là tác phẩm của tôi có thể đọc được. Sự nghiệp văn học là sự nghiệp của nhân dân, hơn thế, còn là sự nghiệp của nhân dân thế giới. Trong sự nghiệp đó cũng có một phần của tôi. Ngoại trừ tôi mãi mãi nhắm mắt, bất kể kẻ nào cũng không thể một lần nữa cướp đi cây bút của tôi.

Từ Nhật Bản về nước, đã có người lo ngại bảo tôi rằng "Thủ trưởng" X. đã báo cáo, "Thủ trưởng" X. đã nói chuyện. Có người e sợ hỏi tôi rằng: "Ông xem liệu có bị thu không?". Tôi chỉ cười. Quan trên nói chuyện rồi làm báo cáo, đều là việc bình thường. Rất kỳ cục là có một số nhà văn cứ thích vươn dài cổ ra mà xem hướng gió, hếch mũi lên mà ngửi xem trong không khí có mùi gì không, để căn cứ vào hướng gió và mùi vị để viết văn. Những nhà văn như thế, thực ra không phải là thứ đặc sản của đất nước chúng ta; nước khác cũng có. Chỉ có cách nghĩ của mỗi người là luôn luôn không giống nhau. Trong một nước Tư bản Chủ nghĩa thì tình hình có khác hơn. Viết văn không được động não của mình, mà lại dựa vào chỉ thị của cấp trên để hạ bút. Thực ra, việc như thế này, từ ngày xưa đã có, ít nhất là khi tôi còn nhỏ đã từng nhìn thấy. Khi cha tôi làm tri huyện Quảng Nguyên, ông đã cho người viết văn theo ý của ông, thí dụ như "chúc thọ" một thái phu nhân nào đó. Sau này Dân quốc thành lập, anh hai tôi ở nhà mở "Văn phòng Luật sư", đã mời một ông họ Trịnh làm bí thư (thời bấy giờ gọi là "thư ký"). Tôi thường thường đến văn phòng đánh cờ với ông này, tôi mới thấy anh Hai tôi đã giao cho ông này nhiệm vụ viết văn ứng đối, anh Hai nói sao thì ông ấy viết vậy. Ở phố Chính Thông Thuận của Thành Đô, có nhà cũ của tôi. Tháng 12 năm 1956, tôi về Thành Đô, do sự sắp xếp của người bạn vong niên là Thị trưởng Lý Tông Lâm, tôi đã quần quanh đến hơn 10 phút dưới cửa sổ căn phòng tôi ở năm mươi mấy tuổi. Đồng chí Lý Tông Lâm sau này, trong thời kỳ "Cách mạng Văn hoá" bị bức hại mà chết một cách thảm thương. Những nhà cửa có dính dáng đến tôi đại khái đã bị dỡ hết, nửa tháng trước ở Đông Kinh, tôi đã gặp một người Nhật, ông đã cho tôi một tệp ảnh dày mà ông chụp. Tôi chỉ nhận ra được một gốc cây và một cái giếng. Chính ở cái nhà cũ này, mấy chục năm trước, tôi đã đọc được tập "Tuý mặc sơn phòng cần tồn cao" đó là trước tác của cụ tôi để lại. Nếu tôi nhớ không nhầm, trong tập văn đó của cụ có mấy bài như "Thánh thọ lục tuần phú", "Từ mẫu Lý Thái Nghi nhân thọ tự" v. v... đều là những tác phẩm cụ viết hộ người khác hoặc viết theo ý của cấp trên của cụ. Lúc đó, tôi đọc xong bỗng có phản ứng và luôn giữ mãi một ý nghĩ thế này: sống vì miếng ăn, viết văn vì miếng ăn là điều bất hạnh. Thế nhưng cụ tôi không

phải là một nhà văn. Năm 1924, ở Paris tôi bắt đầu viết tiểu thuyết, thầy giáo vỡ lòng của tôi là Rut-xô, tác giả của "Sám hối lục". Đạo ấy một ngày mấy lần, tôi đến chân tượng đồng của ông. Điều tôi học được ở đó là: nói thật, nói lời nói từ trong tim mình. Gần đây, tôi đi thăm Nhật Bản với tư cách một nhà văn Trung Quốc; cùng trò chuyện với các bạn Nhật Bản, tôi cũng vẫn nói mấy câu đó. Các bạn Nhật Bản bảo tôi nói về đời sống văn học 50 năm của tôi. Kinh nghiệm của tôi rất đơn giản, rất bình thường, chỉ có một câu: "Không nói dối, trao trái tim cho bạn đọc".

Khi tôi bắt đầu viết tiểu thuyết, tôi là một học sinh Trung Quốc nghèo ở khu phố La Tinh của Paris, tôi không có quan trên, cũng chẳng có cấp trên. Ngày nay, sau khi tìm tòi năm chục năm trời, tuy thương tích đầy mình, nhưng vật mà tôi trao cho bạn đọc, vẫn là trái tim đang bùng cháy. Tôi chỉ có thể viết những lời từ trong tim mình, hơn thế nữa, là những lời nói ra sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng. Từ bé, tôi đã thích câu thơ của Lý Thương Ẩn: *"Tầm xuân đến chết, tơ mới hết"*. Có người khi trích dẫn đã sửa câu thơ thành *"Con tầm đến chết vẫn còn vương tơ"*, sửa đi cũng hay. Ở Quảng Nguyên, mẹ tôi cùng hai chị tôi nuôi tầm, tôi đã thấy kén tầm bị đun trong nồi, vẫn không ngừng nhả tơ, mới hay rằng con tầm đến chết tơ vẫn chưa hết. Bấy mươi năm nay, hình ảnh đó vẫn hiện ra trước mắt tôi. Lần trước đi thăm Nhật Bản, tôi ngủ rất muộn, nghĩ khá nhiều. Ở trong phòng khách hiện đại, tôi không mở máy thu hình, cũng không nghe nhạc, một mình im lặng ngồi trong ghế tựa suy ngẫm, tổng kết cho từng ngày. Khi chúng tôi nói chuyện tay đôi với nhau, nhà viết kịch Nhật Bản, ông Mộc Hạ Thuận Nhị nêu ra với tôi chuyện nghỉ hưu. Ông nói ở Nhật Bản, nhà văn tuổi tác nhu tôi, có thể gác bút về ở ẩn. Ông là người bạn cũ của tôi rất có thể một nửa là nói đùa, bởi vì mấy người bạn Nhật Bản mà tôi quen, gây cho tôi nhiều hồi ức. Trong khách sạn hào hoa xây lên từ Ôkinaoa đổ nát, tôi đã viết xong bản thảo bài nói chuyện thứ hai "Tôi và Văn học", tôi đã trả lời ông Mộc Hạ: "Tôi quyết không rời cây bút của tôi". Những lúc đó, tôi không trút bỏ được hình ảnh những cái kén tầm ở trong nồi. Tôi nói: "Tôi

sáng tác? một, không phải vì miếng ăn, hai, không vì để nổi tiếng". Điều tôi giấu trong lòng còn chưa nói ra là: Tôi là con tằm mùa xuân, ăn lá dâu thì phải nhả tơ, cho dù có phải cho vào nồi luộc, chết rồi tơ vẫn còn vương, để mang lại cho đời chút ấm áp.

Nhưng cho đến lúc này, con tằm chỉ có thể nhả ra tơ của nó, ngay như người nuôi tằm rất giỏi và với việc hiện đại hóa, anh ta cũng không làm cho con tằm nhả tơ thay cho anh ta được. Khoa học hiện đại đang phát triển mạnh mẽ, đúng là đường đi như trái độn gấm! Một con người, nếu như không suy nghĩ bằng cái đầu của mình, một nhà văn nếu không sáng tác bằng sự suy nghĩ của mình, không viết những lời từ trong tim mình, thì nhất định sẽ phải nhường chỗ cho người máy.

Ngày 28 tháng 4.

NHỚ LÊ LIỆT VĂN

Lâu lắm, lâu lắm rồi, tôi đã muốn viết một bài về một người bạn đã thầm lặng chết đi trong nghèo túng, gột rửa sạch những bùn nhơ dính trên mình anh. Thế nhưng mãi vẫn chưa cầm bút, bởi vì, một là tôi ngại phiền phức, hai là không có cách nào thoát ra khỏi cái thói quen "lần khân" của tôi. Thời gian như nước trôi đi từng năm từng năm một, mà tôi chưa viết được chữ nào. Hôm nay trời lại mưa, đã cuối xuân mà còn lạnh như thế này, tôi cũng ít thấy trong đời. Đêm đã khuya, tôi ngồi trước bàn viết, rung mình mấy cái liên, chân tê lạnh, tựa hồ như muốn đi ngủ lắm rồi. Tôi ngồi không nhúc nhích, vẫn đang định "lần khân". Chợt có một cái gì đó như đốt trong lòng, tôi đẩy cuốn sách mở sẵn ở trước mặt, cúi đầu tìm một cái gì trong ngăn kéo. Tôi tìm ra một mảnh báo cắt, đó là một bài viết được phôi tô copy ra: "Lễ tang ông Lê Liệt Văn...". Mấy chữ đó đập thẳng vào mắt tôi, tôi thấy đau một hồi. Thế nhưng rồi tôi tỉnh ra. Tài liệu này rành rành là tôi mượn của người khác. Tôi đã từng nghĩ rằng tôi rất muốn có nó, thế nhưng tôi đã để cho nó nằm ngủ trong ngăn kéo mấy tháng trời nay, chẳng dùng vào đâu, phảng phất như quên hẳn nó. Tôi cũng rất có thể để nó ngủ như thế lâu thêm nữa, cho đến lúc ném nó vào sọt giấy đưa tới trạm thu hồi phế liệu, nếu như không phải lúc đêm khuya khoắt này, tôi chợt tìm ra nó.

Trước đây tôi thường nói cuộc đời của tôi đầy những mâu thuẫn, đó không phải tôi tự tô vẽ cho mình. Quả thực là trong con người tôi đầy dẫy thiếu sót và lười biếng. Tôi từ bé đã quen "lần khân" rồi. Nếu như tôi không nghiến răng mà đấu tranh với mình, thì tôi chẳng làm được việc gì, đừng nói đến việc viết truyện. Vậy tại sao mà trong lúc đêm khuya, tôi lại tìm ra một tài liệu có liên quan đến người bạn đã khuất của tôi? Có thể lấy một câu tôi đã viết trong bài "*Tuỳ tưởng*" trước để giải thích: "Tôi học được ở các nhà văn, các bạn Nhật Bản cái đạo lý kết bạn và yêu mến bạn".

Lúc đầu, nói ra câu này, tôi hầu như cảm thấy nhẹ nhàng, nhưng sau khi về nước, nó không ngừng thiêu đốt tim tôi. Khi tôi tổng kết chuyến đi thăm Nhật Bản, lại chẳng hề nhắc đến một thu hoạch lớn như thế. Nhưng lúc yên tĩnh, tôi cứ suy nghĩ mãi xem rốt cuộc mình đã được những gì và phải bỏ ra những gì, tôi đã kết bạn thế nào, và đã yêu mến bạn ra sao. Nghĩ tiếp nữa, tôi càng cảm thấy lương tâm bị cắn rứt, ngồi đứng không yên. Thế là tôi đã tìm ra mâu thuẫn đó ở trong ngăn kéo.

Chuyện là thế này, tôi nhớ không rõ lắm nữa, rằng ở trong bài viết của một người nào đó, hay là trong phần chú thích của bài viết, hoặc trong phần chú giải ở trước tác của Lỗ Tấn, có người viết: "Lê Liệt Văn đã từng là bạn của Lỗ Tấn, sau này truy lạc trở thành "nhà văn phản động". Tôi ngẫu nhiên đọc được câu này và không đồng ý cách chụp mũ cho người khác tùy tiện như thế. Tôi tuy có biết đôi chút về sự ăn ở của ông với mọi người, cũng như tình hình của ông, nhưng trong tay tôi lại chẳng có tư liệu gì có thể nói cho rõ. Bởi thế, tôi cũng chưa từng đứng ra nói thay cho ông một lời công bằng (lúc ấy ông còn sống, đang là một giảng viên đại học ở Đài Loan). Như thế, tin đồn (tôi đành gọi đó là thứ tin đồn) cứ tiếp tục lan truyền đi, cho đến thời kỳ "lũ bốn tên" hoành hành dữ dội, khắp nơi đều cho in tuyển tập Lỗ Tấn, trong phần chú thích, thế nào cũng không thiếu một câu loại như "nhà văn phản động Lê Liệt Văn". Lúc đó, đến ý nghĩ "không đồng ý" tôi cũng không có. Bản thân cũng được chụp cho cái mũ "quyền uy học thuật phản động". Tôi nhìn thấy tuyển tập Lỗ Tấn mà thấp thỏm lo sợ, phảng phất như lại bị lôi ra cuộc mít tinh phê đấu, có người tóm lấy tóc tôi lôi ngược lên, để những người đứng đông đảo bên dưới có thể nhìn thấy rõ mặt tôi. Đó chính là hai kiểu "bêu riếu" mà tôi cho là sỉ nhục nhất. Đúng là họ đã để cho tôi nhận được sự giáo dục sâu sắc; chỉ có ở trong cảnh này mới hiểu được nỗi cay đắng ngọt bùi của nó. Bản thân tôi đã được nếm đủ mùi bị chụp mũ ra sao thì đối với việc có nên chụp mũ cho người khác hay không sẽ không thể không quan tâm được. Thân mình đã bị người ta ném bùn bắn vào thì không thể không nghĩ đến việc giúp bạn mình gột chỗ nước

bắn đi. Cho nên sau khi vấn đề của tôi được bước đầu giải quyết, có một lần "phụng mệnh" viết một tài liệu gì đó liên quan về ông Lỗ Tấn; nói đến Lê Liệt Văn, tôi bèn nói, "theo chỗ tôi biết thì Lê Liệt Văn không phải là "nhà văn phản động". Đầu mùa hè năm 1947, tôi có đến Đài Bắc, có ghé qua nhà ông, vợ ông và cả mấy người con vợ trước, đều là người quen biết với tôi. Lúc đó, ông chỉ là một giảng viên thông thường của trường đại học Đài Loan, cũng chưa được coi trọng lắm, cuộc sống cũng không lấy gì làm dư dật. Tôi ngồi nói chuyện với ông khá lâu, bà Vũ Điền (vợ ông) cũng tham gia buổi nói chuyện của chúng tôi. Ông cũng không hề phát biểu ý kiến gì là phản động. Sau khi kháng chiến thắng lợi, ông là người từ Phúc Kiến ra Đài Bắc để làm việc, mới đầu làm những công việc vặt ở một toà báo, sau vì không được lòng cấp trên, bị mất việc, mới đến Đại học Đài Loan. Bài vở không nhiều nên ngoài giờ vẫn dịch sách, giới thiệu tác phẩm của các nhà văn Pháp, trong đó có tập truyện ngắn của Mê-ri-mê đã trao cho tôi biên tập và đăng vào số tạp chí "Dịch văn tùng thư". Vũ Điền cũng dịch một số sách, thỉnh thoảng còn viết một vài truyện ngắn. Sau khi tôi rời Đài Bắc về Thượng Hải, Liệt Văn, Vũ Điền luôn luôn viết thư cho tôi. Đến khi Thượng Hải được giải phóng, việc thư từ giữa chúng tôi mới bị gián đoạn. Tôi còn nhớ đầu tháng Tư năm 1949, Mã Tôn Dung ốm chết ở Thượng Hải, từ Đài Bắc, Lê Liệt Văn còn gửi tới một bài thơ viếng, một bài thất ngôn bát cú thì phải, trong đó có một câu là "Vừa lúc trời Nam còn chưa ấm", ý thơ hết sức rõ ràng. Năm 1947, ông còn đến Thượng Hải, sau dịp tôi đi Đài Bắc, và đã ở Thượng Hải hơn nửa tháng, khi về, còn viết thư nói: "Lần này ở Thượng Hải, không phải lo nghĩ ba tuần lễ liền, lại được gặp rất nhiều bạn cũ, thật là vui vẻ". Ông cũng hay đến nhà tôi, chúng tôi nói chuyện không có gì gò bó, tôi thường nói đùa ông, nhưng chưa hề thấy ông giận bao giờ. Những năm 30, tôi và Cận Dĩ nói tới Liệt Văn; tôi đã nói chung sống với ông, không khó lắm, ông không che giấu khuyết điểm, không bao giờ tô vẽ cho mình, có ý định gì, có ý nghĩ gì đều bộc lộ hết ra. Thậm chí những chuyện xấu xa, ông cũng chẳng hề che giấu, phê bình ông, ông cũng chỉ mỉm cười. Ông là một con người như thế, trước sau tôi chưa hề thấy ông có

lời nói việc làm gì phản động, làm sao có thể tin hay đồng ý với cách nói cho rằng ông là nhà văn phản động kia chứ? Khỏi phải nói rằng: ý kiến của tôi lúc đó không hề được coi trọng, bởi vì trên mình tôi còn mang bùn bẩn, người khác ném vào. Và lại mình oan cho một con người, phục hồi danh dự cho họ, đúng như một câu chúng ta thường nói: "Cần phải có một quá trình", cũng có nghĩa là trước hết phải làm một số thủ tục, phải có được sự đồng ý của một số người. Thế nhưng ai là người đứng ra làm việc này?

Không lâu sau, tôi nghe tin Liệt Văn ốm chết, gia cảnh tiêu điều, nhưng cũng chỉ nghe nói mà thôi. Năm 1978 tôi đi Bắc Kinh họp gặp một người bạn làm việc ở toà soạn báo, nghe nói về tình hình của Vũ Điền, tôi mới biết, ngay từ tháng 11 năm 1972, Liệt Văn đã từ giã cõi đời này. Vũ Điền đeo bông các con, sống vô cùng gian khổ, nhưng tỏ ra hết sức cứng rắn. Tôi nhờ người bạn tìm cho tôi chút tư liệu có liên quan về họ, nhưng chẳng có kết quả gì. Sau này tình cờ tôi đọc được mấy tờ tạp chí xuất bản ở Hồng Kông, có bài viết giới thiệu của những nhà văn Đài Loan, họ đã nói đến "thầy giáo Lê Liệt Văn" của họ ở trường Đại học Đài Loan với giọng rất cung kính. Việc này đã gây cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc. Năm ngoái, có một nhà văn nữ Hoa Kiều trẻ tuổi đến thăm tôi, tôi nhắc đến tên ông, chị nói chị rất tôn kính ông, chị còn hứa sẽ gửi cho tôi một bài viết. Chị trở về Mỹ không lâu, quả nhiên là bài viết đã được gửi đến, tức là bài "Những điều thấy về lễ tang ông Lê Liệt Văn". Khi tôi nhận được, chưa đọc được kỹ thì đã bị công việc khác lôi cuốn, đành vội vàng nhét nó vào ngăn kéo, sau này nhớ đến, có lấy ra xem lại một lần, cũng có một ấn tượng khá sâu, nhưng vẫn chưa có cách nào giải thoát ra khỏi sự rầy rà của những công việc linh tinh. Qua vài ngày ấn tượng mờ nhạt đi, rồi bị rơi vào "quên lãng" rất nhanh. Trong khoảng thời gian mười mấy năm trước khi "lũ bốn tên" hoành hành, tôi thường thường đã "lần khân" và sống như thế, chẳng có gì lạ cả. Sau khi "lũ bốn tên" bị sụp đổ, lại "lần khân" như thế nữa, tôi dần dần cảm thấy khó chịu. Trong lòng tôi bắt đầu có sự phản kháng, nó không để cho tôi "lần khân" mãi như thế. Nét mặt của người bạn đã quá cố bị tôi quên

lãng lại xuất hiện trước mắt tôi. Thế là tôi mở ngăn kéo ra, không những chỉ mở ngăn kéo, mà còn là mở cả cõi lòng tôi ra nữa.

Tôi và Liệt Văn gặp nhau lần đầu là vào năm 1933, khi ông còn đang biên tập phụ trương "Bàn Tự do" của tờ "Thân Báo". Ông đã nhờ người đến nhắn tôi gửi bài, sau đó chúng tôi quen nhau. Nhưng chúng tôi trở thành bạn của nhau, lại vào cuối năm 1935, thời kỳ mà tôi mới ở Nhật Bản về, phụ trách biên tập ở Nhà xuất bản Đời sống văn hoá. Đến nửa cuối năm 1936, chúng tôi đã quen nhau tới mức không còn gì nói nữa. Lúc bấy giờ, mấy người thân quen đang biên tập Tạp chí Văn nghệ. Sau tờ "Tác gia" (Mạnh Tập Hoàn chủ biên), "Dịch văn" (Hoàng Nguyên chủ biên), "Văn quý nguyệt san" (Cận Dĩ chủ biên); tờ bán nguyệt san "Trung lưu", do Liệt Văn chủ biên, cũng ra đời. Cách nhìn về văn học và chính trị của những con người này không phải giống nhau, thế nhưng chúng tôi có một cảm tình chung, tức là lòng kính yêu đối với Lỗ Tấn. Liệt Văn và Hoàng Nguyên thường hay đến thăm Lỗ Tấn, họ đến thăm ông vào những thời điểm khác nhau, khi về thường kể với tôi về tình hình của Lỗ Tấn, tôi có chuyện gì cũng nhờ người thưa giùm với Lỗ Tấn. Theo tôi được biết, hai người lúc ấy, đều được Lỗ Tấn tín nhiệm, nhất là Liệt Văn. Lỗ Tấn xưa nay chưa hề quát nạt ai, cũng không lên mặt dạy ai, nhưng chúng tôi đều tôn trọng ý kiến của ông. Ông không tham gia "Hội liên hiệp các nhà văn, nghệ", chúng tôi cũng không tham gia, riêng tôi, còn có một lí do khác nữa: tôi không quen xuất đầu lộ diện, không muốn tham gia các hoạt động xã hội. "Hội liên hiệp các nhà văn nghệ" có ra một bản tuyên bố, không ít nhà văn đã ký tên. Lỗ Tấn lúc này không được khoẻ, không thể ra nói chuyện được, chúng tôi cũng chẳng có dịp công khai bày tỏ thái độ của chúng tôi về cuộc kháng Nhật cứu vong. Có một buổi chiều, Liệt Văn ngồi chuyện phiếm với tôi, cho rằng tốt nhất chúng ta cũng nên ra một bản tuyên bố, ông bảo tôi viết dự thảo, tôi đẩy cho ông chấp bút. Hôm sau chúng tôi gặp nhau, mỗi người lấy ra một bản nháp, hai bên khiêm nhường nhau một hồi, Liệt Văn liền mang cả hai bản thảo đến gặp Lỗ Tấn. Ở chỗ Lỗ Tấn, ông đã hợp nhất hai bản lại, mời

Lỗ Tấn ký tên vào, và thêm cái tiêu đề "Tuyên bố của những người làm công tác văn nghệ ở Trung Quốc", rồi ông lại chép ra mấy bản, lần lượt đưa đến các tạp chí có người quen chủ biên như "Tác gia", "Dịch văn", "Văn quý nguyệt san" để tìm người ký tên và cho đăng trên báo. Bởi thế số người và thứ tự ký tên trên các báo không giống nhau. Đó là quá trình mà Tuyên bố" được "ra lồng" (ngôn từ dùng trong thời kỳ "Cách mạng Văn hoá"), có thể nói, công việc này là do ông tạo dựng nên.

Được hơn ba tháng sau, Lỗ Tấn xa chúng ta, tôi và Liệt Văn có chân trong Ban tổ chức Lễ tang, cả ngày túc trực ở nhà quản Vạn Quốc. Buổi tối trước khi về nhà, thế nào chúng tôi cũng đứng trước linh cữu Lỗ Tấn một hồi, nhìn khuôn mặt quen thuộc của ông ở dưới lớp kính của nắp quan tài. Rồi hoặc là Liệt Văn, hoặc là một người bạn khác, không làm sao được, phải nói một câu: "Về thôi!". Tiếng nói ấy, tôi còn nhớ đến bây giờ. Sau đó, chúng tôi đã khiêng áo quan ra xe tang, chúng tôi lại khiêng áo quan ra huyệt, có người đã chụp ảnh, trong đó có cả tấm chụp tôi và Liệt Văn, có lẽ là tấm cùng chụp chung duy nhất của chúng tôi, mà cũng là hình ảnh tôi xem được trên báo chí lúc đó, cho đến bây giờ vẫn còn in rành rành trong óc tôi.

Chừng hai tháng sau nữa, khoảng mười ba tờ tạp chí định kỳ xuất bản ở Thượng Hải bị chính phủ Quốc dân đảng ra lệnh cấm, đình bản cùng một lúc. Trong đó có tờ "Tác gia" và "Văn quý nguyệt san". Tờ bán nguyệt san "Trung lưu" mới ra đời chưa lâu nên chưa bị búa rìu chặt chết, Liệt Văn vẫn cặm cụi, im lặng làm việc ở nhà mình, ngoài ra còn phải săn sóc đứa con vừa mất mẹ của mình. Tạp chí đang phát triển, người đọc cũng tăng lên, ngoài việc biên tập, ông còn làm thêm việc phiên dịch, tờ "Băng đảo Ngư Phủ" mới xuất bản không lâu cũng được mỗi ngày một nhiều người đọc chú ý. Thế nhưng chưa đầy một năm, "13 tháng 8" quân Nhật xâm chiếm Thượng Hải. Cuộc kháng chiến toàn diện nổ ra, tạp chí đình bản, ông cũng không thể ở lại được, chúng tôi cùng nhau biên tập được hai kỳ "Nội

Hám”³³ rồi ông mang con về quê nhà ở Hồ Nam. Tháng ba năm sau, Cận Dĩ và tôi qua Hồng Kông để đi Quảng Châu, còn ông đến Hương Cảng sum họp với chúng tôi hai ngày. Lần sau, tôi lại được gặp ông là mười năm sau đó, Cận Dĩ còn gặp ông ở Phúc Kiến, hơn thế còn bàn cả việc với ông, tức là biên soạn một loại tạp chí Văn nghệ cho Nhà xuất bản "Cải tiến" mà ông chủ trì. Bởi thế về sau, qua Cận Dĩ và các bạn khác, tôi biết được đôi chút tình hình về ông. Ông đã ra làm quan, nhưng không có vẻ quan, tư tưởng lại không phải là tư tưởng của nhà quan, tôi cũng đã từng cho đăng truyện ngắn trên tờ "Văn nghệ Hiện đại".

Liệt Văn cứ như thế mà ở mãi Phúc Kiến. Sau khi kháng chiến thắng lợi, Trần Nghi ra Đài Loan, ông cũng ra ngoài đó, làm việc ở Toà soạn báo. Ông tin đã là bạn học của Lỗ Tấn, lại làm Chủ tịch Quốc dân đảng tỉnh Phúc kiến, lại là trưởng ban Hành chính của tỉnh Đài Loan thì có thể yên tâm. Nhưng về sau, ông mất lòng cấp trên trong toà báo, mất cả chức, Trần Nghi cũng chẳng đoái hoài. Lòng đầy ảm ức, ông đã tới Đại học Đài Loan dạy mấy giờ, nhưng trong thư gửi cho chúng tôi, ông lại nói: "Tôi cũng nghèo lắm". Rồi lại nói: "Nỗi đau khổ mà tôi đã chịu đựng nửa năm nay ở Đài Bắc, nhất là về mặt tinh thần, lần này đã được nói thoải mái với Chu Tảo". Ông còn nói: "Tôi không thể một lúc rời Đài Bắc ngay được, đành đến Đoàn huấn luyện dạy vài tiết..." Sau đó, ông lại nói: "Đoàn huấn luyện cũng chó chết, đã không chuyển (thư) cho tôi, lại không trả lại bưu cục, cứ giữ mãi ở đấy". Đầu những năm Năm mươi, ngay cả Trần Nghi vì bất trung với Tưởng Giới Thạch mà bị xử bắn. Sau tôi lại nghe tin đồn rằng Lê Liệt Văn bị bắt, do có liên quan đến vụ án đòi dân chủ. Lại qua một số năm, tôi được nghe một tin khá tin cậy về ông: Ông đã ốm và chết.

Thế nhưng tôi làm thế nào để bỏ được cái mũ "nhà văn phản động" cho người bạn quá cố và gột rửa bùn đất đã bám trên mình ông.

Cám ơn nữ văn sĩ từ một phương trời xa, từ nước ngoài, bà đã gửi cho tôi những tài liệu cần thiết, một bài đăng trên một tạp chí ở Đài Bắc trước đây, một bài rất bình thường, tường thuật và nêu cảm nghĩ, chỉ vắn vắn có bốn trang. Không tô vẽ, không ca ngợi, và hầu như không có lời nào giả dối, nhưng những dòng chữ chất phác ấy khiến tôi nhớ lại con người mà tôi hằng quen biết. Tôi chép ra đây mấy đoạn đó:

"Mấy câu đối viếng ít ỏi và những vòng hoa, lẵng hoa cũng rất có hạn kia đều là của những người bạn cũ và học sinh đưa tới viếng."

"Ông nằm trong quan tài, vẻ mặt vàng vọt hình như chưa được trang điểm.³⁴ Chỉ có rất ít người đưa tang ra tới mộ, họ đã cùng với ngài Đài Tĩnh Nông vẻ đau buồn nói về sự tích của ông".

"Ông đã ra đi như thế, hàng ngày ông “vùi đầu vào viết lách, không mong gì tiếng tăm”. Sau khi chết, cũng “lặng lẽ bước lên quăng đường cuối cùng của mình”.

"... Sau khi tờ báo buổi chiều đưa tin ông bị ốm nặng, đã có vài cơ quan cử người đến nhà ông đưa tiền, nhưng bà vợ ông vốn biết tính ông ăn ở với mọi người, dù nói thế nào, cũng không nhận... Tôi nghĩ rằng đấy là tác phong mẫu mực của ông "không lấy thêm một tí chút gì không thuộc về mình".

Tôi phảng phất như cũng được đi đưa tang người bạn cũ, tôi phảng phất như thấy ông "lặng lẽ bước lên quăng đường cuối cùng của mình". Sự xa cách một thời gian dài không hề tạo nên một sự ngăn cách gì giữa chúng tôi, mãi cho đến khi chết, ông vẫn là Lê Liệt Văn mà tôi hằng quen biết.

"Vùi đầu viết lách, không mong gì tiếng tăm", đây có lẽ là một bài học mà ông rút ra trong đoạn đời ở Phúc Kiến, trong đoạn đời ông va chạm khi vừa mới ra Đài Loan, mới đầu tôi nghĩ thế, nhưng ngay sau đó, tôi lại nghĩ lại: Những năm Ba mươi ở Thượng Hải, ông đã chẳng từng như thế hay sao? Vậy thì tôi có thể nói thế này: Có một thời kỳ ông đã gác việc viết lách, kết quả là ông bị trừng phạt. Nhưng hai mươi mấy năm sau cùng, ông đã trung thành với mình, bởi vậy ở những nơi ông từng công tác, từng xuất hiện khá nhiều "bậc nhân sĩ giới văn hoá đã gián tiếp hoặc trực tiếp thu hoạch được nhiều thứ từ ông".

Không cần tôi bỏ mũ cho người đã khuất, không cần tôi gột giũ bùn bẩn bắn tứ tung trên mình người đã chết. Những ngày tháng các loại mũ bay lung tung đã qua đi không bao giờ trở lại nữa. Cái món nợ lẫm cẫm không ai tính nổi kia, hãy để cho nó bay vào lửa đi. Ở cái thời ấy, phải đội thêm cái mũ "phản động" là chuyện không may, nhưng không bị chụp mũ cũng chẳng phải là may mắn. Năm 1957, tôi đã từng phải đội mũ "phái hữu" đó sao, thế mà tôi đã viết ra bao nhiêu văn chương chống "phái hữu", tự mình cũng thấy đỏ mặt. Chẳng có ai ép tôi phải viết, thế nhưng trận tuyến đã rõ ràng, lại có người hẹn đi, hẹn lại gửi bài, làm sao mà có thể từ chối được! Thời kỳ "Cách mạng Văn hoá", tôi bị liên quan khá sớm, không có tư cách phê phán người khác, bởi thế hiện nay mắc nợ tương đối ít. Đương nhiên hiện còn có một hạng người khác, hôm nay chỉ đông, ngày mai chỉ tây, hôm nay lên mặt dạy người ta, ngày mai lại gật đầu mỉm cười, phảng phất như họ luôn luôn đúng, nhưng hình như họ nói chẳng bao giờ đáng tin. Người ta thường nói "khôn dại cũng chờ khi dậy áo quan", đến nay ngay cả câu nói cổ xưa ấy cũng không còn ai tin nữa. Có những người chịu oan bao nhiêu năm đến giờ mới được minh oan, thế nhưng năm xương tàn của họ thì không biết đã bị vứt đi những đâu. Có những người, hộp tro hài cốt được trịnh trọng đặt vào nghĩa trang Bát Bảo Sơn, vậy mà trong con mắt và cõi lòng của quần chúng, họ lại là một kẻ xấu không từ một việc tàn ác nào. Tôi không ngừng mổ xẻ mình, cũng không ngừng quan sát người khác, và thật

là không ngờ, tôi phát hiện thấy có nhiều người trẻ tuổi lại bị quan hơn tôi. Trong đầu óc họ, bị chụp mũ hay được bỏ mũ, bị vấy bẩn hay không vấy bẩn, cũng đều như nhau. Thật còn đáng buồn hơn cả "không có tín ngưỡng", "không có lý tưởng" nữa kia!

Tôi không thể không nghĩ đến người bạn vong niên chết ở phương trời xa. Tôi không được cúi chào trước thi thể ông, thế nhưng lời nói và hành động của ông in sâu mãi trong lòng tôi, "Vùi đầu viết lách, không mong gì tiếng tăm", "không lấy thêm một tí chút gì không thuộc về mình", phải chăng đó là lời di chúc của ông?

Chỉ cần có một lời nói hành động gì cụ thể, thì bất kể một lời lẽ màu mè khéo léo đến đâu cũng không thể làm tổn hại danh dự một con người tốt. Trắng với đen cuối cùng vẫn không lẫn lộn với nhau được.

Ngày 24 tháng 5.

NHỒI SỢ VÀ TUYÊN TRUYỀN (TÌM TÔI, BÀI THỨ NĂM)

Tôi nghe thấy những ý kiến khác nhau về một cuốn sách, về một bài thơ, hoặc một bài văn nào đó; cũng nghe thấy lời nói chuyện của một bậc nhân sĩ quyền uy nào đó, do một người nào đó truyền đạt lại. Rồi lại nghe thấy một số người thì thăm to nhỏ với nhau, lúc thì bảo quyển sách này đọc xong tinh thần không hăng hái, lúc khác lại phê bình cuốn tiểu thuyết kia nói gỡ tội cho nhân vật phản diện hoặc là tại cuốn tiểu thuyết này cách điệu không cao, hoặc tại quyển sách kia giọng điệu thấp kém. Lại còn có người gây dư luận nói sẽ phê phán tác phẩm này, tác phẩm nọ, khiến cho tác giả luôn luôn cảm thấy bị đe dọa.

Trước khi lên đường đi Nhật Bản, ở Bắc Kinh tôi đã lần lượt gặp hai nhà văn trẻ có lý tưởng, có tài hoa, tôi khuyên họ không nên lo lắng và bảo với họ rằng từ sau khi cho in cuốn "*Diệt vong*" năm 1929 tới giờ, tôi nhận được quả thực không ít lời trách mắng, nhưng tôi cũng chưa bị ai trách mắng mà chết.

Bất cứ một tác phẩm văn học nào, miễn là không phải dạng chết yếu, sớm nở tối tàn, thế nào cũng có một số người thích, một số người ghét. Sự yêu thích của con người cũng có nhiều loại. Nhưng những tác phẩm hay thì luôn chịu được sự thử thách của thời gian.

Một tác phẩm sẽ có nhiều bạn đọc, mỗi bạn đọc lại có một cách nhìn riêng, một người không thể nào thay thế cho đại đa số được, cũng không thể đại biểu cho đại đa số được, ngoại trừ anh thuyết phục được người ta, để cho người ta hoàn toàn tin vào anh, chịu sự chỉ huy của anh. Ngay như có làm được thế, anh cũng không thể đảm bảo rằng mạch suy nghĩ của họ hoàn toàn giống như mạch suy nghĩ của anh, cũng có nghĩa là tư tưởng của họ và

tư tưởng của anh luôn luôn ở cùng một quỹ đạo. Muốn áp đặt tư tưởng của mình cho một người, kết quả là: không bị thải ra, thì cũng bị biến dạng đi. Thời kỳ đầu "Cách mạng Văn hoá", tôi rất muốn nhồi vào óc con tôi tư tưởng của tôi. Những tư tưởng đó là thành quả của người khác trong các cuộc “phê đấu”, tôi đã bị thuyết phục, tôi bắt đầu tuyên truyền nó nhưng bị con tôi chống lại, bản thân tôi nói cũng không rõ nữa. Lúc đó vợ tôi còn ở bên cạnh phê bình con, nói: "Đối với cha, con phải lễ phép". Bây giờ hồi tưởng lại, tôi như bị thôi miên, điều đó nói rõ tôi chưa hẳn đã bị "thuyết phục" thật. Theo kinh nghiệm của tôi, hiệu quả của nhồi sọ, áp đặt, tuyên truyền v.v... không nhất định đều rất lớn lao, nhất là có những loại người tốt bụng kiểu này, luôn luôn quen "xuất phát từ nguyện vọng chủ quan", cho rằng "tôi" đã làm việc, "tôi" đã nói rồi, anh thế nào cũng bị thuyết phục, bất kể anh nghĩ thế nào, bất kể anh có hiểu lời "tôi" hay không, bất kể tình hình của anh ra sao. Tóm lại, "tôi" đã nói là anh phải làm theo. Mà kết quả thì sao? Rất ít người làm theo, hoặc là rất ít người làm theo được tử tế, hoặc cũng không ít người "ngoài nghe theo, trong làm ngược lại". Và cái "tôi" lúc đó, cũng đúng là "thấy kệ nó".

Tôi trước đây cũng thường hay muốn tác động người khác bằng tình cảm của mình, dùng tư tưởng của tôi để thuyết phục người khác. Tôi cũng đã từng làm cái việc nhồi sọ, tuyên truyền. Ít nhất tôi có ý nghĩ ấy, có điều phương thức của tôi khác với những gì vừa nói ở trên, vì tôi không có quyền có thể, nói ra không được coi trọng, muốn gây dư luận thì không có phương tiện. Biện pháp duy nhất của tôi là ở phía trước tác phẩm của mình. Tôi viết lời tựa, viết tiểu dẫn, viết lời nói đầu, phía sau sách thì viết lời nói sau, viết lời nói thêm, viết跋. Tôi chưa hề bỏ qua dịp nào để nói những điều ngoài tác phẩm, tôi nói nhiều lần, nhắc đi nhắc lại với người đọc dụng ý của tôi ở chỗ nào. Sau một thời kỳ khá dài, tôi bắt đầu nghi ngờ "nhồi sọ" như thế liệu có toi công hay không? Tôi chợt nghĩ đến những tác phẩm nổi tiếng trong nước và nước ngoài, ngoài bản thân tác phẩm ấy ra, thì những là lời nói đầu, lời nói cuối, chẳng còn một chút hình bóng gì trong đầu óc tôi.

Đến lúc đó, tôi mới phát hiện ra rằng, khi tôi đọc sách của người khác, tôi thường bỏ qua lời tựa, lời nói đầu. Cầm một tác phẩm văn học nổi tiếng của phương Tây, lại có kèm một bài tựa dài của người dịch hoặc một chuyên gia nào, tôi thường không muốn mất nhiều thì giờ vào những bài đó. Mà ngược lại, tôi phản ứng với nó: Lẽ nào bản thân tôi không biết tự mình suy nghĩ hay sao, mà cứ phải nhờ anh làm hộ? Sau này tôi còn thấy ra, rất nhiều người đều không đọc những lời tựa, lời nói sau ngoài tác phẩm (ngoại trừ những nhà nghiên cứu). Điều khiến tôi cảm thấy hài hước là một Nhà xuất bản, dịch và in tác phẩm "Hồng lâu mộng", phía trước thêm phần tựa hay thay lời tựa, có ý giúp người đọc nhìn nhận cho chính xác tác phẩm nổi tiếng này. Sau một số năm, sách được in lại, họ thay lời tựa khác, do một người khác viết, chửi cho người viết tựa trước một trận. Qua một số năm sau, sách lại được in lại, lại đổi lời tựa, người chửi người khác cũng lại sai, chỉ có mỗi Nhà xuất bản là không sai, bất kể là họ chỉ đông hay chỉ tây, thì mãi mãi đều là giúp cho người đọc "nhìn nhận đúng đắn" tác phẩm nổi tiếng trong nước và nước ngoài. Những việc tương tự như thế không phải là ít. Tôi lấy một ví dụ khác, tôi cho in ở một Nhà xuất bản khác cuốn sách ký sự về những sự tích anh hùng của Chí nguyện quân Nhân dân Trung Quốc tại Triều Tiên. Thời kỳ "Cách mạng Văn hoá" Nhà xuất bản này bị đập nát, cuốn sách đó bị cho là cổ độc tuyên truyền Hoà bình chủ nghĩa. Sau này Nhà xuất bản được khôi phục, kiểm tra lại những sách đã được xuất bản trước đây thấy cuốn sách ấy của tôi cũng bị liệt vào danh sách bị tiêu huỷ. Rốt cuộc nó có tuyên truyền Hoà bình chủ nghĩa hay không, cho đến giờ tôi cũng chưa rõ. Kỳ thực, chẳng những chỉ riêng cuốn sách đó, mà những bài báo, ký sự, tản văn đặc tả, tôi viết ở chiến trường Triều Tiên, những truyện ngắn phản ánh sinh hoạt của chiến sĩ tôi viết sau khi về nước, đều bị phê bình, nói rằng chúng tiêm nhiễm sự sợ hãi chiến tranh, cố ý để anh hùng phải chết, bảo chúng là "văn học chiến tranh phản động", hô hào cho Chủ nghĩa Hoà bình. Chủ trì cuộc phê phán là một người mặc đồ lính, người phát biểu cũng mặc đồ lính, họ là "đại biểu quân đội" chi viện cánh tả. Về vấn đề này, họ là quyền uy. Trọng điểm phê phán là tiểu thuyết "Đoàn viên"

và bộ phim "*Những người con anh hùng*" cải biên dựa theo tác phẩm này, thậm chí họ còn so nó với "Số phận một con người".

Nhớ lại "*Những người con anh hùng*", tôi thật cười cũng dở, khóc cũng dở. Tháng 11 năm 1966, sau khi bị khám nhà hơn hai tháng, vợ tôi, Tiêu San, được xem bộ phim này ở rạp chiếu bóng. Lúc đó hàng ngày tôi phải đến "chuồng bò" của Phân hội Nhà văn để học tập, lao động, đi sớm về muộn. Tiêu San biên tập không công mấy năm cho Ban biên tập của một tạp chí, cũng bị lôi về tham gia phong trào, nhưng ban đầu chỉ thuộc diện "nửa liên quan", một tuần lễ lao động hai ba lần, cho nên nàng có thể về sớm đi mua vé xem chiếu bóng được. Buổi tối tôi về nhà, Tiêu San mừng rỡ nói với tôi rằng trong phim vẫn còn để tên tôi, xem ra "vấn đề" không lớn lắm, và bảo tôi hãy kiểm điểm cho thành khẩn. Thế nhưng chỉ hai ba hôm sau, một đội chiến đấu của "phái tạo phản" ở Phân hội Nhà văn đã đem theo báo chữ to, khua chiêng đóng trống đến rạp chiếu bóng làm tạo phản với công ty phát hành phim. Báo chữ to dán ngay ngoài cửa, chụp cho bộ phim và cả cá nhân tôi cái mũ phản cách mạng. Bộ phim bị cấm, nét cười cuối cùng trên mặt Tiêu San cũng tắt hẳn. Sau đó, đại biểu phân đội chi viện cánh tả đến Phân hội Nhà văn, phê phán một hồi về "Văn học chiến tranh phản động". Phê phán vừa kết thúc "*Những người con anh hùng*" lại được coi là phim tốt chống Mỹ viện Triều, chiếu rộng rãi trong cả nước. Tất cả năm bộ phim được chiếu, nghe nói thủ tướng Chu Ân Lai trực tiếp tuyển chọn. Tôi đang ở trường cải tạo cán bộ, có người tìm tôi nói chuyện và bảo tôi cho biết cảm tưởng. Tôi chỉ nói phim ảnh là thành tích của biên kịch, đạo diễn và diễn viên, chẳng có liên quan gì đến tiểu thuyết của tôi, tiểu thuyết vẫn là cỏ độc. Tôi bày tỏ như thế, mà vẫn chưa được tha thứ. Lại còn có cả người viết hội báo về bảo tôi là "con đuôi", thế mà đại biểu quân đội lãnh đạo cuộc vận động ở trường cải tạo cán bộ nói với tôi "Ông đừng nghĩ rằng bộ phim lại được chiếu là không có khuyết điểm đâu, tôi thấy nó có vấn đề". Lúc đó tôi đã không ngoan ngoãn nữa rồi, tuy miệng không nói gì,

nhưng trong bụng lại nghĩ: "Tuỳ các người nói sao thì nói, có điều quyền ở trong tay các người, lời các người có lý".

Những kinh nghiệm như thế không phải ít, về sau, tôi còn có dịp nói đến, không muốn nói nhiều ở đây. Cái khoản nợ lẫn thẩn này, hầu như đến bây giờ vẫn chưa được làm rõ. Tôi không phải là người theo chủ nghĩa kinh nghiệm, nhưng hay nghĩ về quá khứ, luôn luôn quay đầu nhìn lại dấu chân ngày xưa. Tôi luôn lo lắng, liệu ngày mai đây có thể lại có người nhảy ra "giương cao cờ đỏ" phê phán "Hoà bình chủ nghĩa", khiển trách tôi đã sắp đặt kết cục chết chóc cho nhân vật anh hùng hay không. Tôi không thể nhịn được, nhiều lúc phải tự hỏi mình: "Con đường đã đi qua có phải đã được bịt chặt rồi không?", số còn chưa tính xong, phải trái chưa được nói rõ, anh dẫn kinh điển, tôi cũng nêu căn cứ, ai có quyền to thế lớn, người ấy được hò hét, ra lệnh. Chúng ta quen "hiếu biết để giữ mình", cho rằng nghe lời là rảnh việc nhất. Chúng ta quen với việc truyền đạt và nhồi sọ, mình và người khác tựa hồ như cái máy ghi âm, ghi vào cái gì thì phát ra cái ấy. Kinh nghiệm của tôi chừng ấy năm đủ đau khổ lắm rồi. Một nhà văn đến nỗi không có một sự nhìn nhận cá nhân nào đối với tác phẩm của mình, một nhà văn đến nỗi phải cam tâm làm một cái máy ghi âm, hơn thế, còn lấy đó làm vinh hạnh, trong con mắt người đọc thì đó là hạng nhà văn gì? Tôi sáng tác mấy chục năm trời, lại không được đánh giá một tí chút gì về tác phẩm của mình, mà lại phải cúi đầu dưới cái gậy của Diêu Văn Nguyên, thậm chí phải hứng lấy ý của bọn tạo phản, xưng Diêu Văn Nguyên làm "cây kim côn của giai cấp vô sản". Tại sao vậy? Tại sao vậy? Đến bây giờ nghĩ lại mới thấy nực cười và không thể hiểu nổi. Nghiền ngẫm mãi, tôi chợt tỉnh ra: "Đó chẳng lẽ lại không phải là kết quả của việc tin thần?".

Đúng, tôi đã nghĩ ra rồi. Cuối năm 1934, tôi ở nhà một người bạn tại Hoàn Tân, Nhật Bản, ông ta tin thần, tôi căn cứ những gì tai nghe mắt thấy của những ngày ấy, lấy ông ta làm mẫu mà viết truyện ngắn "*Thần*". Bây giờ đọc lại truyện ngắn đó, so sánh tôi ở thời kỳ đầu với nhân vật chính

trong câu chuyện, tôi thấy lạ là tại sao tôi hoàn toàn bắt chước ông ta! Càng lạ hơn là làm sao năm 1934 tôi lại đi viết truyện châm biếm ngay mình ở những năm về sau? Có phải chính tôi đó không? Tôi mà lại mê tín như thế, mà lại ngoan ngoãn như thế, mà lại ngu dốt như thế! Nó khiến tôi toát mồ hôi hột. Nhưng tôi cũng tự cảm ơn mình vô hình chung để lại một bức chân dung tự hoạ, để cho con cháu thấy cái vẻ xấu xa của tôi ở một thời kỳ nào đó. Gần đây nghe nói có người bảo tôi "tư tưởng phức tạp", tôi cho rằng đó là một lời khen ngợi. Kỳ thực tôi đã có những lúc "tư tưởng giản đơn", giá như tư tưởng có phức tạp, thì tôi lại chả đến nỗi thành kính cúi rạp trước mặt thần.

Theo tôi thì con người sống ở thế giới ngày nay, muốn đối phó với những cục diện phức tạp, thì tư tưởng phức tạp một chút vẫn hơn là tư tưởng quá đơn giản. Muốn xây dựng Trung Quốc mới thành một vườn hoa của trần gian, e rằng cũng phải dựa vào trí tuệ của một tập thể phức tạp, dựa vào chín trăm triệu nhân dân Trung Quốc. Ngày nay không phải là thời đại tin thần, không thể có chuyện một vài người thay mặt cho hàng ngàn hàng vạn người đọc kết luận cho một tác phẩm hay một bài văn, cũng chẳng có ai bằng lòng để người khác coi mình là cái máy ghi âm. Nếu như mọi người đều là máy ghi âm, thì chúng ta chẳng cần phải hoạt động tư duy phức tạp làm gì, bộ óc cũng trở nên thừa. Thế nhưng trước sau tôi vẫn tin rằng: Phương hướng phát triển của xã hội loài người luôn luôn từ đơn giản đến phức tạp, chứ không phải từ phức tạp đến giản đơn,

Phương hướng phát triển văn nghệ của chúng ta đương nhiên cũng là trăm hoa đua nở, chứ không phải chỉ có một hoa nở, càng không phải không có bông hoa nào nở.

Ngày 15 tháng 6.

SỐT

Tôi vốn định viết về việc chúng tôi đi thăm Trường Kỳ, nhưng bỗng nhiên bị cảm và sốt cao, đến bệnh viện khám và bị giữ lại. Tiêm kháng sinh, rồi truyền huyết thanh, thân nhiệt dần dần giảm xuống. Sốt đã lùi, và không thấy sốt lại. Chỉ vài ngày nữa là có thể ra viện về nhà.

Trong phòng bệnh khá yên tĩnh. Ba mươi năm nay, lần đầu tôi nằm viện, có vẻ không quen, buổi tối sau khi lên giường hay nghĩ ngợi lan man. Và nghĩ nhiều nhất là quanh chuyện bị sốt.

Người đầu tiên tôi nghĩ đến trước hết là anh trai tôi, Lý Nghiêu Lâm. Tháng 11 năm 1945, tôi từ Trùng Khánh về Thượng Hải ở tại lầu 3, nhà số 59, phường Hà Phi (phường Hoài Hải). Anh Lý Nghiêu Lâm ốm nằm trên giường, vì không có tiền nên không vào nằm bệnh viện được, mà do một người bạn hiểu biết y lý điều trị giúp. Buổi tối, tôi căng một chiếc giường bạt, nằm ngủ bên giường anh. Hàng ngày sáng dậy anh đều nằm trên giường và đo nhiệt độ. Buổi sớm nhiệt độ không cao, tôi ở bên cạnh nghe thấy anh vui mừng lắm bẩm một mình: "Đỡ một chút rồi, đỡ một chút rồi". Anh là giáo viên dạy tiếng Anh hay nói tiếng Anh. Đến chiều, thân nhiệt của anh dần dần tăng lên. Ngày nào cũng thế, thân nhiệt tăng lên, anh càng trở lên khó tính. Được mấy hôm sau, nhờ một người bạn giúp đỡ, anh đã vào nằm viện, Thế nhưng nằm viện, anh cũng chẳng sống được quá hai tuần lễ.

Người thứ hai tôi nghĩ đến là người vợ quá cố của tôi, Tiêu San, Đầu tháng 6 năm 1972, tôi từ trường cải tạo cán bộ "7-5" huyện Phụng Hiền về nhà nghỉ phép, phát hiện thấy Tiêu San nằm ốm trên giường. Không biết nàng mắc bệnh gì. Không phải là khám không ra, mà là không ai khám cho.

Lúc ấy là thời đại "lũ bốn tên" hoành hành, "thầy thuốc" ở phòng khám chưa chắc biết gì về y học, một người dân thường (còn chưa phải là "mụ già ma quỷ") sốt cao trên 39 độ, đến phòng khám của bệnh viện, hoặc là cấp cho tí thuốc rồi đuổi về, hoặc chờ ở "phòng theo dõi", truyền cho ít nước muối, sau nửa ngày, cũng cho về. Tiêu San bị ung thư ruột, tháng ba năm ấy định tìm người đi cửa sau, đến bệnh viện soi trực tràng, nhưng bệnh của nàng lại ở kết tràng, không soi được. Lúc bấy giờ, phim để chiếu X quang cũng rất khó khăn, chẳng những phải nhờ người giúp đỡ, mà hơn nữa còn phải đi rất nhiều đường vòng. Đến tháng 7 mới phát hiện được chứng ung thư của nàng. Cuối tháng 7, nàng vào nằm bệnh viện, tế bào ung thư đã di căn. Nàng chỉ sống được trong phòng bệnh có ba tuần lễ.

Trong khi sốt ruột chờ tìm ra căn bệnh, mỗi ngày bốn lần tôi lấy nhiệt độ cho Tiêu San (khi tôi về nhà thì con gái con rể tôi làm việc này). Sáng sớm, nhiệt độ thấp một chút, sau đó dần dần tăng cao, tăng lên khoảng 39 độ. Cả nhà đều lo lắng bồn chồn, chuẩn bị vào bệnh viện cấp cứu. Thừa biết rằng có đến khám chữa cũng chẳng giải quyết được gì, (trước ngày tìm ra căn bệnh mười hôm, bác sĩ phòng khám còn đoán định là nàng bị lao ruột kia mà!) song sốt cao như thế không đi cấp cứu một lần thì ai nỡ lòng nào!

Bây giờ nghĩ lại những ngày tháng ấy, tôi vẫn còn thấy rùng mình.

Cho nên tôi không thích cặp nhiệt độ. Một thời gian dài, tôi không mắc bệnh gì nặng, chưa từng phải nằm viện, luôn cho rằng mình khoẻ mạnh, bệnh tật gì cũng có thể đối phó được. Rõ ràng đã thấy trong người khó chịu, thân nhiệt tăng lên, lại không chịu thừa nhận, không đi khám bệnh, không cặp nhiệt độ, lại còn cho rằng cứ ưỡn ngực ra là có thể qua được hết. Lần này cũng vậy. Buổi sáng sớm trở dậy đã thấy người phát sốt, và khó chịu, thế nhưng lại không chịu cặp nhiệt độ. Tới bốn giờ chiều, quả thật không chống đỡ nổi, tôi mới xuống dưới nhà tìm thuốc uống. Cô em gái tôi kéo vào bắt cặp nhiệt độ: 38 độ 8. Con gái, con rể tôi bèn kéo đến bệnh viện

khám bệnh, lại cặp nhiệt độ: 39 độ 3, người đã thiếp đi. Hai ngày sau sốt mới lui.

Bây giờ tất cả đều bình thường rồi. Chưa tới mười ngày thì phải, mà cả thể xác lẫn tinh thần, tôi như vừa qua một trận ốm nặng.

Nằm trên giường bệnh, tổng kết sự lui sốt lần này, tôi không thể không cảm ơn cô em gái và con gái tôi. Họ nghi tôi ốm, kéo tôi đi khám bệnh, hầu như cố tình làm ra khó nghĩ với tôi. Lúc đầu tôi có hơi trách họ lắm chuyện. Sau này mới rõ, nếu như họ không ép tôi đo nhiệt độ, kéo tôi đi bệnh viện, rất có thể tôi sẽ cố gắng gượng từ lúc cảm mạo đến lúc viêm phổi, ốm nằm xuống vội vội vàng vàng là bỏ cuộc đời này. Đối với những người nào vốn ghét tôi, đại khái đó là một việc tốt. Nhưng đối với tôi, đó là chuyện không khỏi có điều quá ngu xuẩn.

Không thừa nhận mình sốt, lại không chịu tìm cách làm lui sốt, đó chẳng những là chuyện ngu ngốc, hơn thế, là một việc làm nguy hiểm. Từ nay về sau, tôi quyết không làm những điều như thế, cũng khuyên các bạn không nên làm như thế.

Ngày 11 tháng 7.

TƯ TƯỞNG PHỨC TẠP

Nằm trên giường bệnh, đọc bài "*Kinh hoa tiểu ký*" ngày 30-6 của ông Đường Quỳnh, tôi thấy ông có chút hiểu lầm về câu "tư tưởng phức tạp" của tôi. Có người bảo tôi "tư tưởng phức tạp", cũng không hẳn là đã kết luận sau khi đọc "*Tùy tưởng lục*" của tôi. Tôi biết một việc thế này: Có một người bạn trẻ hơn tôi bỗng nghĩ đến chuyện dựng bia viết truyện về tôi, được sự đồng ý của đơn vị, trước ông còn viết ngoài giờ, sau thì xin nghỉ phép để viết. Ông đã đọc không biết bao nhiêu tư liệu, tìm tôi hỏi chuyện mấy lần, thật là vất vả, viết xong một tác phẩm hơn 200 ngàn chữ. Tôi đã đọc hai chồng bản thảo mà ông gửi tới, tôi không đồng ý với cách nhìn nhận của ông ở một số chỗ, cũng chẳng biết là ông gửi cho tôi bản chép lẫn thứ mấy. Nhưng sự lao động cực nhọc của ông thì tôi có thể nhìn ra được. Tôi rất ngại là sẽ dội nước lạnh vào ông, không nêu ý kiến gì nữa, chỉ nêu ra một số chỗ không hợp với sự thực. Ông bảo tôi, có một Nhà xuất bản đồng ý nhận bản thảo của ông. Tôi có cảm giác: Ông tự tin khá lớn vào tác phẩm của ông. Vậy thì cứ để cho ông làm.

Nhưng hai tháng, trước ông viết thư cho con gái tôi, bảo rằng bản thảo bị trả lại. Nghe đâu trong Nhà xuất bản có người hoài nghi rằng viết truyện như thế này về một người đang sống liệu có thích hợp không, huống chi "tư tưởng" của tôi lại "phức tạp". Ông bạn tôi rất buồn, ủ rũ, ngán ngẫm, xem thư cũng đủ thấy.

Thật có lỗi với ông, tôi xem xong thư, lại thấy mừng. Một là sách chưa in ra, không có ai dựng bia viết truyện về mình, tôi lại thấy nhẹ cả người, khỏi phải mang cái "địu" trên lưng. Hai là bảo tôi tư tưởng phức tạp, tôi cho rằng đó là một sự tôn vinh cho tôi. Đương nhiên, người nói câu này cũng không có ý tâng bốc tôi, mà cái cụm từ "tư tưởng phức tạp" là có ý chê bôi.

Người có tư tưởng phức tạp thường nghĩ ngợi lung tung. Tư tưởng như có mắt, nghĩ nhiều, sẽ nhìn được ra những gì người ta cố ý che đậy, sẽ vạch được bộ mặt thật núp sau cái mặt nạ. Cho nên hồi "Cách mạng Văn hoá", người có tư tưởng giản đơn thì lại lên như diều.

Tư tưởng không giản đơn, thì làm sao mà sáng tác được "điệu múa chữ trung", làm sao nghĩ được ra trò "sớm thình thị, tối báo cáo", làm sao phát minh ra "kiểu phản lực"? Làm sao có thể liên tục tổ chức những cuộc phê đấu mở đầu bằng "giương cao" và kết thúc bằng "đả đảo".

Cuộc sống mười năm đại hoạ ấy nên được ghi chép lại tử tế. Đó là một kỳ tích trong lịch sử loài người. Hãy nghĩ mà xem, mười năm với tám vở kịch mẫu, của một tác giả, giản đơn đến mức như vậy! Mọi người đều xem kịch mẫu, trong óc mỗi người đều mang một "hình tượng anh hùng" đội trời đạp đất. Những người hay khuyếch đại tác dụng của văn học có thể cảm thấy kỳ cục: mấy trăm triệu người cùng xem kịch mẫu, làm sao mà không nảy sinh ra một tình thế cách mạng vĩ đại! Chúng ta quên mất rằng người ta không những chỉ xem kịch, mà họ còn muốn nhìn người, nhìn người cầm quyền ở bên trên. Trong mười năm, tư tưởng con người cũng dần dần phức tạp lên. Anh không làm trước, thì cũng chẳng ai nghe lời anh.

Tất cả đều có thể thay đổi, tất cả đều đang thay đổi. Tôi cũng đang thay đổi. Tư tưởng của tôi từ phức tạp biến thành giản đơn, rồi lại từ giản đơn biến thành phức tạp. Sau này còn thay đổi nữa, nhưng có một điều có thể khẳng định được, là tôi quyết không cúi đầu khom lưng để "tự báo tội ác" nữa.

Tháng tư năm nay, tôi đi thăm Nhật Bản lần thứ tư, thấy một thế giới vô cùng kỳ lạ, cách nhau 17 năm, thay đổi thật lớn lao, hầu như không thích nghi nổi. Xã hội Tư bản đương nhiên có thiếu sót của nó, nhưng cũng có

những chỗ đáng được chú ý. Thay đổi luôn là từ không đến có, từ cũ đến mới, từ phức tạp đến phức tạp hơn. Chúng ta thực hiện 4 Hiện đại hoá Xã hội Chủ nghĩa, cũng quyết không phải từ phức tạp đi đến giản đơn. Về vấn đề này, sau này tôi còn muốn bàn thêm. Thí dụ sự phát triển của chữ viết, cuối cùng là vì để nó giản đơn, dễ học, hay là để biểu thị chính xác hơn tư tưởng phức tạp của con người, tôi cũng có cách nhìn riêng. Bảo tôi "tư tưởng phức tạp", cũng chẳng có gì lạ.

Ngày 13 tháng 7

NÓI THẬT

Gần đây nghe nói báo "Tân dân buổi chiều" chuẩn bị ra lại. Có một hôm, tôi đã gặp chủ bút trước đây của báo này, tôi hỏi, ông ấy bảo: "Còn chưa kiếm được nhà", sau lại bảo: "Đến lúc ấy, sẽ nhờ ông viết cho một bài".

Tôi nói: "Tôi già rồi, đầu óc kém rồi, không viết được văn tức cảnh nữa!"

Ông bảo: "Tôi cũng chẳng ra đề, miễn là ông cứ nói thật cho, là được".

Tôi cũng chẳng nhận lời, nhưng tôi cũng không từ chối. Tôi nghĩ: Chẳng lẽ nói thật cũng khó khăn đến thế?

Mấy hôm sau, tôi đi dự chiêu đãi của Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật Toàn quốc. Vừa tan buổi chiêu đãi, tôi bước ra phòng họp phía đông ở tầng hai Nhân dân Đại lễ đường. Một người bạn cũ đã kéo lấy cánh tay bên trái tôi, cười bảo: "Nếu như tập *"Ngọn đuốc"* của ông không gom bài viết ấy thì đã tốt rồi". Tôi biết ông đang muốn nói đến bài *"Đi Đại Trại"*, tôi nói: "Tôi cố ý giữ lại đấy". Câu nói ấy lại nhắc nhở tôi: Nói thật thực ra không dễ!

Năm ngoái tôi xem bản in thử của tập *"Ngọn đuốc"*, mọi người đều đang bàn bạc về chuyện Đại Trại. Tôi đã từng cân nhắc đến việc có nên rút bài văn ấy của tôi không, sau mới quyết định cứ để yên nó đấy. Tôi nói thẳng thắn rằng, tôi chỉ muốn giữ một số tác phẩm, để chúng nói lên với người đọc rằng tôi đã đi qua con đường như thế nào. Nếu như bảo rằng *"Đi Đại Trại"* có sự giả dối trong đó, vậy thì những bài viết đặt trước nó, bao nhiêu lời lẽ hùng hồn ấy, chẳng lẽ đều là lời nói thật? Chính là lúc tôi tham

quan Đại Trại tháng 8 năm 1964, nhìn thấy từng xe, từng xe ca chở đầy cán bộ xã viên chạy đi chạy lại. Lại nghe nói hàng ngày có hàng mấy trăm người đến tham quan, học tập. Tôi nghi hoặc hỏi: một đại đội sản xuất bé tẻo teo thế này, gánh sao nổi? Tôi lúc đó quả thật là có nghĩ thế, nhưng trong bài văn lại viết một câu khác: "hiển nhiên là xem rất hài lòng". Lúc bấy giờ bí thư chi bộ của đại đội sản xuất còn chưa lên làm phó Thủ tướng, bốc phét còn chưa bốc đến mức, "trời hạn to, người làm to" và hàng năm báo khổng sản lượng. Trong những điều tai nghe mắt thấy của tôi cuối cùng vẫn còn có một chút sự thực. Cái kiểu viết lách như thế, nhiều năm lại đây, tôi đã quen như cơm bữa. Tôi chưa bao giờ nhắc xem những điều mình nghe được, những gì là thực, những gì là giả. Bây giờ nghĩ lại, tôi cũng rất khó nói ra bắt đầu từ lúc nào, có thể là sau năm 1957 thì phải. Tóm lại, chúng ta thường thường là thế này: bạn bè từ xa tới, vui mừng gặp gỡ, ngồi xuống với nhau thế nào cũng nói đến tình thế tốt đẹp và tiền đồ sáng sủa. Người ta nói mình cũng nói. Sau một hồi ca tụng công đức lẫn nhau, lúc ấy mới mở rộng lòng mình ra nói thật. Những năm ấy tôi rất ít viết truyện, nhưng thói quen khám phá lòng người lại chưa quên hẳn. Vận động hết đợt nọ đến đợt kia, liên tục. Sau mỗi đợt vận động tôi lại phát hiện ra lòng người lại co về phía sau một chút, tôi càng ngày càng không tiếp xúc được với lòng người khác, càng ngày càng không nghe được lời nói thật. Bản thân tôi cũng giấu lòng mình đi, mà giấu thật sâu, phảng phất như người đã bước tới bờ vực thẳm, chân đã đạp lên một lớp băng mỏng, run lẩy bẩy, chỉ nghĩ tới làm sao giữ được mình. "Mười năm đại hoạ" mới bắt đầu, để cho mình được an toàn và qua khỏi, một ông bạn cũ từng đi lại với tôi hơn ba mươi năm đã dám phịa ra một món nợ giả để vạch tội tôi. Trong 10 năm hoang đường mà đáng sợ đó, nghệ thuật nói dối đã đạt đến đỉnh cao nhất, lời nói dối trở thành chân lý, nói thật lại hoá ra mắc trọng tội. Tôi đã phải chịu mấy chục lần phê đấu, đã mất hết những câu nói dối đếm không xuể vào bụng. Lúc đầu tôi thực lòng nhận tội, phục tội, xử lý rất nghiêm túc. Sau này, tôi đành bảo sao làm vậy, vắt óc ngồi viết trên một trăm bản "báo cáo tư tưởng". Làm sao giữ mình, thực ra tôi chẳng quan tâm, điều mà tôi luôn nhớ không quên là vợ tôi, con tôi, tôi không thể để họ liên lụy. Đối với

họ, tôi luôn giữ tấm lòng chân thật. Trước mặt họ tôi còn có thể nói vài câu nói thật. Ở những cuộc phê phán, tôi dần dần nhìn ra bộ mặt của “bọn tạo phản”, họ đã bóc đi từng lớp cái mặt nạ của mình. Một buổi chiều mùa thu năm 1968, họ lôi tôi ra bờ ruộng để phê đấu, vạch tội của tôi trước nông dân. Một nhà thơ trẻ của phái tạo phản đã bước ra phát biểu, vạch tội tôi mỗi tháng lĩnh của Hội Nhà văn Thượng Hải một trăm đồng phụ cấp thuê phòng ở. Hẳn biết đó là lời nói dối, tôi cũng thừa biết hẳn đang nói láo, thế nhưng thấy hắn làm điệu làm bộ không hề đỏ mặt, trong lòng tôi thật rất khó chịu, Đó chính là "phái Tả của Cách mạng" mà khá nhiều bạn nước ngoài đã từng tin tưởng. Có một thời kỳ, tôi xuýt nữa cũng coi họ là niềm hy vọng của nước Trung Quốc mới. Họ đã dựa vào nói dối mà nên người. Tôi không hề trách họ, tự tôi cũng có trách nhiệm. Tôi đã từng tin lời nói dối, tôi truyền bá lời nói dối, tôi chưa từng đấu tranh với lời nói dối. Người khác "giương cao" thì tôi "theo sát"; Người khác khiêng "thần linh" ra, tôi gục đầu vái rạp. Cho rằng có gì nghi ngờ, có gì không vừa ý, tôi cũng nuốt hết xuống. Thậm chí tôi còn ngu xuẩn đến mức muốn chui vào cái hòm ảo thuật để diễn trò "thoát thai đổi cốt". Chính vì không ít người như tôi, nói dối mới có thị trường tiêu thụ, người nói dối mới từng bước từng bước được thăng tiến...

Bây giờ, những cái đó đều đã qua đi, đang qua đi, hoặc sẽ phải qua đi. Lần này tôi ở Bắc Kinh đã gặp gỡ khá nhiều bạn bè, ngồi lại với nhau, chúng tôi không nói những lời trống rỗng về tình thế tốt đẹp, chúng tôi nói đến khuyết điểm, nói đến tệ nạn, nói đến tiền đồ. Không ai sợ có báo cáo mật, không ai sợ bị phê đấu. Mọi người đều giải bày hết lòng mình. Chúng tôi lại có thể nhìn rõ trái tim của nhau rồi.

Ngày 20 tháng 9

"NGƯỜI ĐẾN TUỔI TRUNG NIÊN"

Mấy tháng trước đây, đứa cháu gái của tôi từ biên cương xa xôi gửi thư về nói: "Chúng cháu rất bận về công việc, nhiệm vụ thiết kế hết cái này đến cái khác. Là một nòng cốt trong kỹ thuật, cháu luôn muốn đem mọi thứ của mình đóng góp cho 4 Hiện đại hóa. Làm thêm ca, thêm giờ, thường xuyên làm việc tới đêm khuya. Về đến nhà, công việc nội trợ lại nặng nhọc, quả thật là có cảm giác mệt mỏi rã rời. Bác sĩ Lục trong *"Người đến tuổi trung niên"* ở tạp chí "Thu hoạch" số ra gần đây chính là hình ảnh lớp cán bộ kỹ thuật ở tuổi trung niên chúng cháu... Một số cán bộ cơ sở luôn luôn thích những người chỉ biết "vâng vâng dạ dạ", không làm nên trò trống gì", còn với bọn "sinh viên" chúng cháu, sao cứ thấy luôn không ăn nhập...",

"Người đến tuổi trung niên" là truyện vừa của đồng chí Thẩm Dung. Bác sĩ Lục, là Lục Văn Đình, bác sĩ khoa mắt, nhân vật chính của cuốn truyện. Hơn nửa năm nay, tôi nghe thấy khá nhiều người bàn luận về cuốn truyện này, có nhiều cách nhìn nhận khác nhau. Mới đầu còn nghe nói có một tờ Tạp chí Văn nghệ của tỉnh muốn phê phán nó. Sau này ngày càng có nhiều bạn đọc đã nói ra ý mình, ngày càng nhiều người đọc đã nhìn thấy hình bóng của mình trong câu chuyện đó. Đúng là ở đâu cũng có bác sĩ Lục, họ ở ngay quanh ta. Họ làm việc, chịu khổ, phấn đấu, tiến lên, hoặc là tạo ra thành tích, hoặc là tiêu tụy mà chết đi... Tiểu thuyết đã chân thực phản ánh lên cuộc sống hiện thực của chúng ta.

Ba mươi năm, với tất cả những gì ở quanh mình, tôi tuyệt nhiên không phải coi như không nhìn thấy, nhưng sau khi đọc xong *"Người đến tuổi trung niên"*, tôi mãi mãi không quên được một sự thực thế này: Những người hiện nay đang làm việc, phát huy tác dụng, chịu vất vả oan ức trong điều kiện khó khăn, cúc cung tận tụy trên mọi tuyến, phần lớn là lớp trí thức

được đào tạo sau giải phóng, cũng tức là "lão già thối" như Lục Văn Đình (tên gọi "lão già thối" cố nhiên hiện nay không dùng rồi, nhưng ở trong lòng một số người, nó đang được cất giấu rất kỹ, rất sâu, chuẩn bị đến một lúc nào đó, lại mang ra dùng). Chính là nhờ vào vô số những người ở tuổi trung niên cặm cui kiên trì công tác, đất nước chúng ta mới có thể tiến lên được. Muốn 4 Hiện đại hoá, cho dù là hiện đại hoá kiểu Trung Quốc, thì cũng không thể tách rời họ. Vậy thì nâng cao mức sống cho họ, cải thiện điều kiện làm việc của họ, để tâm tư họ được thoải mái, làm được nhiều công việc hơn, đóng góp nhiều hơn, có gì mà không tốt? Ngay cả khi như không làm được thế, mà viết tất cả những tình hình thực tế đó ra, để mọi người quan tâm đến họ hơn, yêu mến họ hơn, thì có gì mà không tốt?

Những người đã đọc xong cuốn truyện này, không ai là không đồng tình với cảnh ngộ của bác sĩ Lục; tôi càng kính phục "dũng khí và nghị lực" của chị, kính phục sự vô tư bình thường ở chị, thế giới tinh thần không bận chút bụi tinh thần của chị làm cho tôi muốn hướng tới, làm tôi cảm động. Có người nói tác giả không nên tả cảnh ngộ của bác sĩ Lục thâm trầm như thế, cũng không nên thổ lộ quá nhiều sự đồng tình của mình với người bác sĩ "chuồn ra ngoài" (Khương Á Phấn). Lại còn có người chê trách tác giả đã che lấp mây mù lên cuộc sống. Có người chất vấn: "Chẳng lẽ xã hội mới của chúng ta lại đối xử với tầng lớp trí thức như thế?", "chẳng lẽ những người chuồn ra ngoài lại có lòng yêu nước". Thế nhưng có nhiều người hơn và ngày càng nhiều hơn lại nói: "Tiểu thuyết đã nói lên ý nghĩ trong tim chúng tôi".

Chúng ta đã chịu đủ mọi thua thiệt bởi những lời nói dối, bây giờ là lúc nên nói thật nhiều hơn. Trong cuộc sống của chúng ta, rốt cuộc có lớp mây mù hay không, mọi người đều đã biết, khoác lác chẳng giải quyết được vấn đề gì. Tôi thích cuốn tiểu thuyết đó. Tôi có một thói quen thế này, đọc xong một tác phẩm hay, tôi cảm thấy tâm. linh mình được dồn chứa, tới chan chứa tình yêu cuộc sống. Tôi có một nguyện vọng muốn làm cho mình trở

nên hiền lành hơn, trong sạch hơn, có ích cho người khác hơn. "Người đến tuổi trung niên" viết lên những thiếu sót của xã hội chúng ta, nhưng nhân vật mà tác giả nhào nặn đều chan chứa tình cảm của Chủ nghĩa yêu nước; thứ tình cảm này không phải trống rỗng, giả dối, mà là sâu sắc và biểu thị bằng hành động. Tôi đã tiếp xúc được với trái tim của họ, tôi càng nghĩ đến "Bà Mẹ" mình đầy thương tích của tôi, tôi cảm thấy sâu sắc mối quan hệ máu thịt giữa tôi và Tổ quốc. Chính Người đã nuôi dạy tôi khôn lớn, chính Người đã khiến tôi cầm bút bước lên đường văn nghệ, tôi đã không ngừng hấp thụ chất sống của Người. Bà Mẹ bị thương, thì tất cả mọi người con của mẹ đều hiến tất cả sức mình ra để chữa trị, Bác sĩ Lục là con người như thế. Chị đã vô tư hiến dâng tất cả. Ở Trung Quốc, những người như họ đâu chỉ có muôn vàn. Cùng với họ, được tận lực cho Tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa, tôi cảm thấy tự hào, tôi thêm tin tưởng. Còn bác sĩ Khương Á Phấn, đối với chị và những người như chị, Mẹ Tổ quốc cũng sẽ dang rộng cánh tay đón nhận. Chả lẽ Hoa kiều ở nước ngoài đều không yêu Tổ quốc? Lẽ nào những người nước ngoài gốc Hoa lại không có chút cảm tình gì với Tổ quốc? Miễn là thay đổi điều kiện làm việc thì hiện tượng "chạy ra ngoài" sẽ trở thành "chuồn vào trong". Xây dựng Trung Quốc mới, ai ai cũng có trách nhiệm. Một công việc lớn lao nghiêm túc như vậy, quyết không thể một số nhỏ người có thể lũng đoạn được. Sự nghiệp văn học cũng như thế. Người trọng tài tốt nhất cho một tác phẩm, là đông đảo người đọc mà không phải vài vị quan trên. Trong tác phẩm của mình, rốt cuộc tác giả muốn nói thật, hay bán đạo lời nói khoác, các bạn đọc rõ hơn ai hết.

Ngày 22 tháng 9

LẠI BÀN VỀ NÓI THẬT

Những bài "Tùy tưởng" của tôi không có gì là "cao minh", hơn thế, quyết không phải là những tác phẩm truyền đời. Có điều bản thân tôi rất thích chúng, vì chúng đã nói thật. Tôi nghĩ thế nào, thì viết ra như thế, nói sai cũng không trốn nợ. Có người bảo tôi, một tạp chí nói³⁵ "Tùy tưởng lục" của tôi³⁶ đã bị "bao vây". Tôi bằng lòng nghe những ý kiến khác nhau, hãy cứ để cho mọi người châm lửa lên, đốt cháy "Tùy tưởng" của tôi đi! Nhưng dù thế nào thì lời nói thật lại không thể đốt được. Đương nhiên, có phải lời nói có thật hay không, không thể do một mình tôi nói rồi thôi, mà ít nhất nó cũng được sự thử thách của thời gian. Ba chục năm nay, tôi cũng viết ra khá nhiều phế phẩm. Thí dụ bài viết mà lần trước có nói đến, người Chiến sĩ Thi đua³⁷ lúc ấy bỗng trở thành quan trên, rất nhanh chóng bước sang phía phản diện của ông ta, đã không "lao động", cũng chẳng làm "gương mẫu"; nói dối, kiếm đặc quyền, làm chuyện xấu thì lại trở thành cơm bữa. Trước kia, tôi đã viết bao nhiêu lời lẽ hùng hồn, lúc ấy sao tôi hân hoan hào hứng đến thế. Bây giờ mới biết tôi đã mắc lừa, coi sự khoác lác thành lời nói thực. Thời gian vô tình sẽ không dung tha cho sự nói dối.

Rất lạ là cho đến nay vẫn có người đòi hỏi nhà văn ca ngợi "công" và "đức" thực ra không tồn tại. Tôi đã gặp những người mãi mãi đúng đắn, trước kia ở đâu cũng có. Họ lúc thì chỉ bên Đông, lúc thì chỉ bên Tây, để cho người khác liên tục mắc sai lầm, bản thân họ mãi mãi làm quan trọng tài. Hôm nay người ta khen người này là "người cực tốt", ngày mai lại chửi người kia là "phần tử xấu". Trước kia chửi bởi họ là "phản bội", ngày nay lại tôn kính họ là liệt sĩ. Bản thân nói ra xưa nay đều chẳng đâu vào đâu, người khác nói ra thì ghi lại từng câu một, đến một lúc nào đó lôi ra chỉnh liên hồi kỳ trận, mà bản thân họ không hề đỏ mặt chút nào. Họ biến thành một thứ máy, anh lắp vào đĩa hát gì, họ sẽ hát đúng điệu ấy, anh lắp vào

bằng ghi âm nào, họ sẽ hát lên bài hát ấy. Cái miệng của họ y như miệng con gà chỉ hướng gió trên nóc những nhà Tây thời trước, gió hướng nào, cái miệng nó sẽ hóng theo hướng đó.

Bạn bè nước ngoài có người đã phàn nàn với tôi, họ hữu hảo với Trung Quốc, đến thăm Trung Quốc, yêu cầu chúng ta giới thiệu tình hình chân thực, họ nói về nước sẽ tuyên truyền cho nhân dân của họ như chúng ta nói. Họ đã dũng cảm đứng ra làm người nói thay cho chúng ta, cứ tưởng rằng những điều mình nói đều là lời nói thực. Thế nhưng chẳng bao lâu sau đã phát hiện thấy mình ở trong cảnh hết sức sượng sùng: Trước sau mâu thuẫn, không thể tự làm tròn lời nói của mình, đối đi đối lại thậm chí tự vả vào mặt mình. Người nước ngoài coi trọng niềm tin, không thể nhảy qua nhảy lại, rồi bỗng dưng rẽ ngoặt về mặt tư tưởng. Anh nói dối thì anh phải chịu trách nhiệm, phải sạch cũng không phải được. Có một số bạn nước ngoài, chính vì nhập khẩu lời nói dối mà mất lòng tin, đến nay còn bị người ta bắt giam chưa chịu thả ra. Họ thua thiệt cũng bởi vì quá thật thà, không ngờ rằng ở đây chúng ta có kẻ sống bằng nghề nói dối. Khi "lũ bốn tên" bao vây An-tôn Nê-ô-ni, tôi đọc được trên tạp chí "Cánh tả" bài viết phê phán An-tôn Nê-ô-ni. Lúc đó tôi mới ở dạng nửa liên quan, nên có thể đến quầy báo chí của bưu điện chọn mua tạp chí "Cánh tả". Tôi sớm đã không tin ở lời lẽ quý quý của "lũ bốn tên". Tôi thấy nhân dân Trung Quốc càng ngày càng nghèo khổ, thế mà "lũ bốn tên" lại thổi phồng lên rằng "đang bước tới Chủ nghĩa Cộng sản". Sự tuyên truyền trên báo chí hoàn toàn khác với những điều tôi thấy, tôi nghe trong cuộc sống, những điều "lũ bốn tên" nói ra và những điều họ làm cũng hoàn toàn khác nhau. Cả ngày tôi không nghe được một lời nói thật, thỉnh thoảng có người đến nói chuyện về tư tưởng, tôi cũng không dám thật thà thổ lộ nỗi lòng. Tôi cảm thương cho sự ngây thơ khờ khạo của vị "cánh tả" I-ta-li nọ, sao mà ông ta dễ mắc lừa đến thế. Sự việc qua đi mấy năm rồi, tôi không biết đến giờ ông ta là tả hay là hữu, cũng có thể còn có người lôi ông ra không buông tha, đó là sự trừng phạt cho cái tội không chịu độc lập suy nghĩ đấy.

Kỳ thực thì tôi cũng có những bài học còn đau đớn hơn. Năm 1958, khi nổi lên trào lưu nói khoác, tôi chẳng những tin chắc vào các loại "lời lẽ hùng hồn", hơn thế, tôi còn theo người ta nói dối, bốc phét. Năm 1956 tôi đã từng viết bài, hô hào người khác "độc lập suy nghĩ", thế nhưng năm sau đó, đợt vận động đến, mấy người quen bị ngã lăn dưới đất, tôi cũng đành buông giáp, bỏ giáo quy hàng, luôn luôn coi những suy nghĩ vụn vặt đó là một tội ác không thể tha thứ, từ đó không thấy nói dối là đáng nhục nữa. Đương nhiên, trong khoảng thời gian đó cũng có những lần lặp đi lặp lại, tôi có đầu óc, tôi sẽ biết suy xét. Có lúc tôi cũng không nhận được phải thổ lộ những suy nghĩ của mình. Năm 1962, trong một lần hội họp của giới văn nghệ Thượng Hải, tôi đã phát biểu một bài nói chuyện "Dũng khí và tinh thần trách nhiệm của nhà văn". Tôi chỉ có một chút "dũng khí và tinh thần trách nhiệm" đó, tức là chỉ có ba mươi mấy câu nói thật, nó bỗng trở thành một gánh nặng tinh thần cho tôi. Vô khối người vác sẵn gậy chờ tôi, Diêu Văn Nguyên là một trong số đó. Quả nhiên "Đại Cách mạng Văn hoá" vừa bắt đầu, tôi còn đang ở Bắc Kinh tham gia hội nghị khẩn cấp các nhà văn Á Phi, thì ở phòng lớn Hội Nhà văn Thượng Hải đã dán đầy báo chữ lớn "Chấn hưng vô sản, tiêu diệt tư sản", vạch tội bài nói chuyện "phản đảng" ấy của tôi. Về đến Thượng Hải, tôi phải hốt hơ hốt hải đến Hội Nhà văn để học tập. Báo chí chữ to tờ nọ tiếp tờ kia, "ra lệnh" cho tôi thế này, "ra lệnh" cho tôi thế khác, dán chưa tới 10 tờ, quyền công dân của tôi bị tước đoạt sạch.

Đó là chuyện xảy ra hồi tháng 8 tháng 9 năm 1966, lòng tôi lúc ấy hết sức kỳ lạ. Sau này tôi nói tôi y như bị thôi miên, cũng hoàn toàn xác đáng. Trong đầu tôi hình như chỉ có một mớ bòng bong. Tôi đã không thể độc lập suy nghĩ được, tôi chỉ cảm thấy đeo một cái bọc "tôi" nặng nề trên lưng rồi rơi xuống nước. Tôi định cứu mình nhưng càng lún sâu. Trong óc không có quan niệm phải trái, thật giả, chỉ biết rằng mình có tội, hơn nữa tội danh càng ngày càng lớn. Cuối cùng tới mức mình không thể cứu được nữa rồi, phải chịu mọi thứ tai nạn, cực hình chỉ là vì để giải thoát, cứu vãn vợ tôi,

con gái tôi. Ở nơi phê đấu, “phái tạo phản” đã vạch ra, nặn ra tội ác của tôi, nhiều vô kể. Tôi hết sức lo sợ. Mới đầu tôi còn biện bạch vài câu, về sau tôi nhận tuốt. Lúc ấy tôi tin Thần, lễ Thần, cũng mê tín vào các loại phù chú. Khi bọn “tạo phản” phê đấu tôi, chúng thường nói một câu "Đừng hòng chết đuối vớ phải cọc". Tôi cứ bám chặt lấy câu duy nhất "cọc" tức là "cải tạo". Tôi chẳng những treo cái phù chú ấy ngay trên cửa, mà còn dán ở trong lòng tôi. Tôi quyết tâm cải tạo mình thật cẩn thận. Tôi còn nhớ khi tôi còn nhỏ, mỗi khi trong nhà có người chết, để "siêu độ vong linh", đã mời sư về tụng kinh, ở nhà khách hay những nơi khác đều treo tranh Thập điện diêm la. Trong những bức tranh đó, những vong hồn có tội, phải đi qua thập điện, chịu đủ mọi cực hình cuối cùng tái thế làm người. Đó là sự giáo dục tôi tiếp nhận được ở tuổi nhi đồng, mấy chục năm sau, lại có tác dụng ngay cho bản thân tôi. Ba tháng sau, nửa cuối năm 1966, tôi lý giải sự "cải tạo" như thế, tôi chuẩn bị sẽ "mổ bụng moi gan", "lên rừng gươm, xuống vạc dầu" chịu hết mọi sự trừng phạt, cuối cùng lên dương thế, làm lại cuộc đời. Bởi thế tôi đã quyết tâm, nghiêng rặng lại kiên trì đến cùng. Tuy giữa chừng có một thời kỳ rất ngắn, tôi đã nghĩ đến chuyện tự sát, cho rằng chỉ cần nhắm mắt lại là sẽ không biết gì nữa, bước vào giấc ngủ triền miên và yên tĩnh, những huỷ hoại về danh dự ở trên đời không hại gì đến tôi. Nhưng nghĩ đến tình cảnh những người trong nhà tôi từ nay về sau, tôi lại không nỡ vô tình bỏ qua. Nghĩ đi nghĩ lại mấy lần, cuối cùng tôi nhận thấy rằng tự sát là hành vi hèn nhát. Những gì mình không chịu đựng nổi lại đùn cho người thân gánh chịu, quả đáng do mình trông ra lại bắt vợ con phải ăn, xem ra có vẻ không công bằng. Hơn thế, lúc ấy có một câu nói rất phổ biến: "Ngã ở đâu thì lại đứng dậy ở đó". Tôi còn ngây ngô, hảo huyền định sẽ chịu mọi sự đau khổ, dưới sự thống trị của "lũ bốn tên", nhồm dậy ở ngay nơi mình ngã xuống.

Những lúc đó, những năm đó, tôi đã sống trong những lời nói dối, nghe nói dối, nói lời nói dối. Mới đầu, coi lời nói dối là chân lý, dần dần về sau nhận ra sự giả dối. Mới đầu là để "cải tạo" mình, về sau là để giữ yên cho

mình" Mới đầu lấy nói dối làm lời nói thật, sau này lấy lời nói dối để nói dối. Trong mười năm, tôi dần dần nhìn rõ những bức tranh thập toạ của Điện Diêm vương, tất cả đều là giả dối! "Cháo lú" cũng hết tác dụng, đầu óc tôi tỉnh táo, ngoái đầu nhìn con đường phía sau, tôi vẫn còn có thể phân biệt được những năm đó tôi đã đi như thế nào. Tôi dẫm dưới chân mình nhiều lời nói dối đến thế, những lời nói dối trang điểm bằng hoa tươi.

Cho dù có đắp lên hàng ngàn hàng vạn bông hoa, thì lời nói dối cũng không thể biến thành chân lý được. Một lẽ đời nông cạn đến như vậy, thế mà vì nó, tôi đã phải phí mất một khoảng thời gian rất dài, phải trả một cái giá quá cao.

Người ta, chỉ có nói thật, mới có thể sống thật sự được.

Ngày 2 tháng 10.

VIẾT THẬT

Bạn tôi là Vương Tây Ngạn gần đây đã cho đăng một bài viết trên tờ "Hoa Thành", nói về một số việc khi chúng tôi cùng ở trong "chuồng bò". Đầu đề bài viết là *"Lửa thánh trong luyện ngục"*, điều ấy chứng tỏ rằng ở trong "chuồng bò", hai người chúng tôi vẫn không quên thơ của Đặng-tơ. Có khác nhau là, tôi còn đang thuộc: "Các người bước vào đây, hãy vứt bỏ mọi điều hy vọng". Tôi còn đang quần quanh ở "địa ngục", thì anh đã đi tới "luyện ngục" rồi. Những ngày tháng trong "chuồng bò", cuộc sống hoang đường mà tàn khốc, nức cười mà đáng sợ, thật đáng ôn lại nhiều lần. Đọc bài viết của Tây Ngạn, tôi phảng phất như lại trở về thế giới của Đặng-tơ. Đúng như Tây Ngạn nói, tháng 8-1966, tôi vừa mới ở sân bay tiễn nhà văn các nước Á-Phi "liền bị coi là đối tượng chuyên chính, tống vào "chuồng bò". Anh lại là người đầu tiên bị nhốt vào "chuồng bò" của Hội Nhà văn Thượng Hải, nói như lời lẽ quen dùng lúc đó tức là, đợt đầu bị "ném ra". Bản thân anh thường nói: Anh ở nhà vừa ngủ dậy, nghe trong buổi phát thanh thấy có tên mình, mới biết trong cuộc họp hôm trước đó, Thị trưởng Thượng Hải đã chỉ tên anh, mang danh là "phần tử chống đảng phản cách mạng". Như thế là trong chốc lát anh biến thành "ngưu"³⁸. Chữ "ngưu" này xuất xứ từ một bài xã luận của "Nhân dân nhật báo" (khoảng tháng 6-1966 thì phải) nhan đề là "Quét sạch mọi ngưu quỷ xà thần" mà cái từ "ngưu quỷ xà thần" này nếu dịch ra tiếng nước ngoài thì phải dùng từ "yêu quái"³⁹. Tôi bị gọi là yêu quái, mới đầu tôi cũng chưa thông, thậm chí còn đau khổ, rõ ràng tôi là người lại chưa từng hoạt động "chống đảng", "phản cách mạng". Nhưng xem thấy báo chữ lớn "Chấn hưng vô sản, tiêu diệt tư sản", người ta bảo tôi là "quý tộc tinh thần" là "quyền uy phản động". Người ta phê phán tôi "yêu cầu tự do sáng tác". Người ta chủ trương "giai cấp vô sản sẽ thi hành chuyên chính toàn diện với giai cấp tư sản", tôi bèn dần dần nhận tội, phục tội.

Tôi thực lòng "nhận tội, phục tội", tôi khác với Tây Ngạn. Anh nghĩ mãi không thông và cũng liên tục cãi lại. Tội danh của anh vốn không lớn, nhưng vì "cãi" nên anh lại bị khổ thêm một ít nữa. Nếu như "lũ bốn tên" sụp đổ chậm đi vài tháng nữa, rất có thể anh cũng được chụp cho cái mũ "phản cách mạng". Năm 1967, trong "chuồng bò" của Hội Nhà văn ở đường Cự Lộc, giữa tôi và Tây Ngạn đã có sự chia rẽ. Chúng tôi không tiện tranh cãi, nhưng tôi ngấm ngấm tỏ ra không vừa lòng với anh. Lúc ấy, tôi cho rằng tôi có lý, qua hai năm, tôi mới rõ ràng, và bây giờ lại càng rõ ràng rằng: anh không hề sai. Sự chia rẽ của chúng tôi còn ở chỗ tôi mê tín Thần, anh lại không tin như thế. Lấy một thí dụ: Ở trong "chuồng bò", chúng tôi lao động, học tập, viết tự khai, hôm nào cũng từ sáng sớm bận đến tận sau 10 giờ, có hôm, sau bữa ăn trưa ngồi ngủ gà ngủ gật một chút, tổ giám thị cũng không cho. Tây Ngạn rất không hài lòng về việc này, cho rằng đây là cố tình đày đoạ người, khó có thể làm được, mà cũng không nên làm theo. Tôi bảo, đã "cải tạo" thực sự, thì không nên sợ khổ. Lúc ấy, lời nói và hành động của tôi còn ngu xuẩn hơn, nực cười hơn sự mô tả dưới ngòi bút của anh nhiều. Tôi không thể quên được cái vẻ khó coi của tôi lúc đó, tôi cũng nhớ cả những bộ mặt của kẻ khác. Tôi không tán thành ghi nợ, cũng không đồng ý báo thù. Thế nhưng tôi quyết không để mình lại mắc sai lầm.

Mười năm đại hoạ quyết không phải là giấc mộng kê vàng, cái tai nạn lớn này có quan hệ rất lớn đến cả nhân dân trên thế giới, nếu như chúng ta không làm cho hai năm rõ mười, một cuộc tổng kết có đủ sức thuyết phục, thì làm thế nào để ăn nói được với nhân dân nước khác! Rất tiếc chúng ta không có Đảng-tờ, nhưng thế nào cũng có người sẽ viết nên bản "Thần khúc" mới. Cho nên tôi thường thường khích lệ bạn bè: Nên viết, nên viết nhiều hơn!

Đương nhiên là viết sự thật.

Ngày 4 tháng 10

LẠI NÓI VỀ TÊN BỌM NON

Hai ba năm nay tôi thường cân nhắc một vấn đề: Giấu bệnh ngại chữa, rốt cuộc có tốt hay không? Tôi trả lời: không tốt. Thế nhưng sẽ có người không đồng ý với tôi. Họ cho rằng: anh có bệnh không nói ra chẳng ai biết đâu, thể trạng anh vốn rất tốt, có thể không cần chữa cũng khỏi, bệnh lớn sẽ thành nhỏ, bệnh nhỏ sẽ thành không bệnh.

Loại người này mà ốm đau thì làm thế nào? Chẳng lẽ họ không tìm thầy thuốc, không uống thuốc? Trước đây, tôi rất thật thà, hiện nay đầu óc tôi tương đối linh hoạt hơn một chút. Mặc dù có người bảo tôi thật lù, văn viết ra "văn phạm không lưu loát", thế nhưng tôi nhìn người, nhìn, việc lại sâu hơn một chút, thấu đáo hơn một chút, không dễ bị mắc lừa.

Cuối tháng 9 năm ngoái tôi có viết một bài "*Tùy tưởng*" về tên bom non. Lúc bấy giờ, tên bom non đã bị bắt, kịch nói đang diễn, mọi người phát biểu nhiều ý kiến khác nhau. Có người ra mặt trách vở kịch đồng tình với tên bom non, giải thoát cho nó, cho rằng loại tác phẩm này khuyến khích hành vi phạm tội cho lớp thanh niên, hiệu quả xã hội không tốt v.v... và v.v... Cứ theo như họ thì không để cho vở kịch được diễn, không cho phép đăng báo, đừng vạch áo để cho người xem lưng. Tôi chưa được xem kịch, nhưng tôi có được xem kịch bản. Tôi không những đồng tình tên bom non, mà cũng đồng tình cả với người bị lừa. Tôi cho rằng chỗ đáng chê trách là lẽ thói xã hội của chúng ta. Kịch nói tuy chưa thành thực, có thiếu sót, như "hoạt cảnh". Thế nhưng nó đã đánh vào thói xấu, phê phán tư tưởng đặc quyền, như một gáo nước lạnh dội lên cái đầu phát nóng, phát mù của mọi người. Việc công diễn nó ra sẽ gây nên tác dụng tốt. Tên của kịch bản là: "nếu như tôi là... thật", cách nhìn nhận của tôi luôn luôn là thế này: tôi chưa bao giờ che giấu quan điểm của tôi. Khi tham gia Đại hội đại biểu Văn nghệ

Toàn quốc lần thứ tư ở Bắc Kinh, tôi từng đề xuất với các đồng chí lãnh đạo, yêu cầu: Hãy để vở kịch này được diễn! Trong thời gian họp, vở kịch này được diễn mấy đêm, có một lần, trên xe con, tôi đã chuyện phiếm với đồng chí lái xe, anh bỗng nói rằng xem vở kịch này, anh thấy hay, có thể diễn tiếp.

Vở kịch tên bọm non, không hiểu đã diễn bao nhiêu đêm, tôi cũng không nhớ rõ. Tôi chỉ biết rằng sau này ở Bắc Kinh đã triệu tập một cuộc hội thảo có cả tác giả tham gia, để bàn về thiếu sót của vở kịch này. Lại nghe nói tác giả vở kịch lại viết thêm một vở kịch được người xem nhiệt liệt hoan nghênh, về sau không nghe thấy người nói về chuyện tên bọm non nữa. "Nếu như tôi là... thật" cũng bị người ta quên hẳn, mãi đến lúc tên bọm non lại ra mặt hoạt động.

Trong tờ *"Giải phóng nhật báo"* Thượng Hải số ra ngày 23-9 năm nay đã đăng một mẫu tin thế này: "Lại một tên bọm non lừa cho một số lãnh đạo chạy theo sau". Đương nhiên không phải tên bọm non họ Trương, tên họ Trương đã bị kết án rồi. Tên này họ Ngô, mạo nhận là "cháu một đồng chí lãnh đạo Thành uỷ", lại còn tự xưng là Trưởng phòng của Sở Du lịch thành phố Cáp Nhĩ Tân "mua chui được một số lớn thuốc lá thơm chuẩn bị đem bán ra tỉnh ngoài". Khi sự việc bại lộ, cái đuôi cáo đã bị tóm chặt rồi, tên bọm non họ Ngô còn nói: "Trong xã hội ngày nay, tư tưởng đặc quyền thịnh hành, nếu tôi không lấy những người ấy ra làm chiêu bài, thì họ không đời nào bán cho tôi nhiều thuốc lá thơm cao cấp thế này...".

Tên bọm non bị bắt nhưng chưa chắc nó đã chịu thua. Tôi nghĩ nó còn ma lanh hơn chúng ta. Khi chúng ta còn quần quanh trong những chuyện "sĩ diện", sự "xem lưng", sự "vết thương" v.v... nó đã nhìn ra cái gì bản chất. Không viết, không diễn thì không thể giải quyết được vấn đề.

Có người hỏi tôi, đằng sau chữ "bợm" thêm chữ "non" có phải có ý thu nhỏ tội của nó lại, để giải thoát cho nó không. Tôi nói: "Tuyệt nhiên không phải thế". Bợm thì có chia ra bợm già bợm non, tên họ Trương, họ Ngô... chúng chỉ là những tên bợm non. Bợm già đúng là có, hơn nữa còn có nhiều. Cái bọn bợm già tạo thần chiêu quỷ, gây nên án oan, báo khống sản lượng, ép chết người v.v... và v.v... sẽ không nhờn nhơ mãi được ở ngoài pháp luật. Mọi người đang trông đợi tin tức, tùy tội mà tuyên án, tôi cũng không ngoài số đó.

Ngày 9 tháng 10.

NHÀ VĂN

Hai hôm trước đây, tôi bất ngờ gặp một nhà văn trẻ. Cô xuống lao động ở đội sản xuất nông nghiệp chín năm, sau thi vào đại học. Gia đình bảo cô học vật lý, cô nói: "Tôi có cuộc sống chín năm, tôi có nhiều điều muốn nói, tôi phải viết ra, không thể cứ nuốt hết ở trong bụng". Tôi tìm hai cái truyện ngắn của cô, đọc một lượt, viết rất khá. Cô vừa dự Hội nghị Sáng tác trẻ của tỉnh nơi cô ở, cô nói: "Toàn những lời lẽ cũ rích, chúng cháu chịu không nổi, cháu bảo, ăn đã tốt rồi, ở tốt rồi, họp ở đây không nói thực, sao coi được!". Cô cùng mấy nhà văn trẻ đã đứng dậy, nổ pháo ngay.

Tôi dẫn ra đây không phải nguyên văn lời cô, nhưng đại ý thì không lầm. Tôi với cô nói chuyện với nhau không nhiều, nhưng cô để lại cho tôi ấn tượng khá sâu. Cô tràn đầy tự tin, hơn thế còn rất dũng cảm. Cô không phải viết để mà viết, cô coi khinh "lái buôn văn học", khinh những hạng "nhà văn" xem "tình hình", xem "hướng gió". Trong óc cô hoàn toàn không có những thứ như lý lịch, địa vị, danh vọng v.v... Trong mắt cô, tôi chẳng qua cũng chỉ là một ông già bé nhỏ. Họ là một lớp nhà văn mới, họ ngẩng cao đầu bước lên con đường văn nghệ, họ muốn ngồi đúng vào vai vế đáng có của mình. Họ thẳng thắn, chất phác, chân thành, không hề có quan niệm về đẳng cấp, cũng không biết vâng vâng dạ dạ". Họ chẳng cần ai bồi dưỡng, cuộc sống hiện thực đã bồi dưỡng cho họ. Có thể có người cho rằng họ "không hiểu phép lịch sự", thấy họ xông xáo y như muốn ép cho người ta phải nhường bước. Vậy mà, nói thật tình, tôi lại thích họ, có họ thay ca, tôi yên tâm. Hai chữ "thay ca" nói ở đây không xác đáng. Hoàn toàn không phải chúng tôi dè dặt họ, đỡ cho họ tiến từng bước; mà đúng ra là họ đã gạt chúng tôi ra, bỏ chúng tôi lại phía sau.

Tôi hoàn toàn không bi quan, từ xưa đến nay, sự phát triển của văn học, nghệ thuật đều là như thế. Tôi có thể chưa hiểu đầy đủ về lớp người mới

này, thế nhưng tôi hâm mộ họ. Đến lúc cần nhường chỗ, tôi quyết không hề "luyến tiếc". Có điều, người lính hay chết ở chiến trường, tại sao tôi lại không chết khi đang cầm bút? Nhà văn tồn tại bằng tác phẩm, không có tác phẩm không có nhà văn. Nhà văn và nhà nghệ thuật sống trong tác phẩm của mình, sống trong thực tiễn nghệ thuật của mình, chứ không sống trên đầu lưỡi của quan trên. Lý Bạch, Đỗ Phủ... không hề dựa vào cấp bậc hoặc tước phong gì mà sống mãi trong lòng nhân dân.

Những ngày này, mọi người đều bàn luận về "di chúc" của Triệu Đan. Đồng chí Triệu Đan khi ốm nặng sắp chết, nằm trên giường bệnh ôn lại công tác văn nghệ 30 năm nay, nêu ra một số vấn đề, phát biểu một số ý kiến. Đúng là ông đã moi cả trái tim mình ra. Những câu hỏi và những ý kiến ấy đáng được thảo luận nghiêm túc. Mong rằng từ nay về sau đừng có ai phải nói: "Đối với tôi, không còn có gì đáng sợ nữa rồi".

Có điều về điểm này, tôi lại rất lạc quan, bởi vì các nhà văn thế hệ mới này không như chúng tôi. Họ đã được tôi luyện ra từ máu và lửa.

Tôi thường nói: Nhà văn không phải là hoa trong nhà kính, cũng không phải họa sĩ của Viện Hàn lâm. Tác giả nên sống bằng tác phẩm của mình, nên sống bằng sự lao động cần mẫn của mình.

Nhà văn là chiến sĩ, là giáo viên, là kỹ sư, cũng là người đi dò đường. Họ không phải là quan, nhưng cũng quyết chẳng thấp hơn quan cấp nào.

Đó là cách nhìn của riêng tôi. Tôi nhìn nhận lớp người mới như thế đấy, tôi nhiệt thành đón đợi họ.

Ngày 17 tháng 7.

Đêm qua, tôi mơ thấy mình ở Nagasaki.

Tháng tư năm nay đi thăm Nhật Bản, tôi từng nêu yêu cầu được đi Hiroshima, lịch trình đi Nagasaki thì đã do phía chủ nhà sắp đặt, đương nhiên là tôi rất hài lòng. Toàn thế giới chỉ có hai thành phố bị bom nguyên tử phá hoại, tôi đều đã đi thăm rồi. Bộ mặt ngày nay của hai thành phố này, nhìn bằng chính đôi mắt của mình, đã tăng thêm lòng tin của tôi vào tiền đồ của nhân loại. Đối với tôi, đó là cần thiết. Trong óc tôi chứa đầy hình ảnh thê thảm của những em bé cõng em trên lưng đi tìm mẹ, những bóng người còn để lại trên bậc đá trước cửa nhà ngân hàng... cùng những câu chuyện đau lòng không ai đếm xuể... Tôi cần phải gạt bỏ chúng đi. Không cần phải nói dóc, sức sống mạnh mẽ của một thành phố hiện đại hoá xây dựng trên đổ nát đã giải đáp cho tôi một vấn đề: sức mạnh của nhân dân là vô cùng tận.

Một người bạn cùng đi hình như có cái nhìn khác. Ông hết sức cẩn thận. Đến Hiroshima và Nagasaki ông hết sức lo lắng, sợ rằng trong chúng tôi có ai đó nói thêm một câu sẽ làm méch lòng người khác. Tôi tôn trọng ý kiến của ông, cố gắng để ông khỏi thấy khó khăn, Tôi có thiện cảm với ông, khi tôi gặp vận hạn, ông đã quan tâm tới tôi. Sau khi "lũ bốn tên" sụp đổ được nửa năm, vấn đề của tôi còn chưa được giải quyết, ông đã đứng ra nói thay cho tôi, rằng một số bạn bè Nhật Bản muốn được gặp mặt tôi. Sau này, bài viết "*Giải phóng lần thứ hai*" của tôi được công bố, tháng 6-1977 ông đã tới Thượng Hải, muốn gặp tôi và hẹn tôi đến khách sạn Cẩm Giang gặp ông. Bởi vì tôi là "dân thường", người phụ trách lễ tân không cho tôi lên gác vào phòng của ông. Ông xuống can thiệp cũng vô ích, chúng tôi đành ở tầng trệt trao đổi với nhau một lát. Tôi chào ông ra về, ông như cảm thấy áy náy, ông

đã tiễn tôi ra tận ga xe điện. Tình bạn của ông khiến tôi cảm động. Quan niệm đẳng cấp chặt chẽ như thế trong xã hội chúng ta khiến tôi phát sợ.

Trong số bạn bè Nhật Bản nói ở phần trên, có ngài Thượng Chi Thiên Mạc đã ngoài 90 tuổi. Năm 1961, lần đầu tiên tôi đi thăm Nhật Bản, đã từng sống một buổi sáng thoải mái ở trong khu vườn chứa chan ánh nắng của cụ. Lần này đến Tokio, tôi liền xin được đến thăm cụ. Nghe nói cụ không được khoẻ lắm, không thể tiếp khách được. Không ngờ chúng tôi vừa đến Nagasaki, vừa mới vào đặt vòng hoa ở công viên Hoà bình, đến Hội quán Văn hóa Quốc tế thì nhận được điện từ Tokio báo cho biết cụ đã qua đời. Không được gặp cụ để bày tỏ tấm lòng cảm kích, không thể đến trước linh cữu cụ viếng một vòng hoa, tôi cảm thấy rất đáng tiếc. Phảng phất như có một tiếng nói trách móc tôi mãi: "Đến muộn rồi!" Trong cuộc đời tôi, những sự việc "đến muộn rồi!" thế này quả là khá nhiều. Tôi đã nói rằng tôi đến thăm Nhật Bản là để trả món nợ hữu nghị. Nagasaki là chặng cuối cùng của cuộc hành trình này, các bạn Nhật đã dẫn chúng tôi đi thăm 6 thành phố, ngày sum vầy với nhau càng về sau càng ngắn. Buổi tối, khi tĩnh lặng, tôi đau buồn khi nghĩ đến giờ phút chia tay sẽ đến. Tôi lại mắc thêm nhiều món nợ mới.

Về mặt này, tôi đồng cảm với người bạn ấy, nhưng ở Hiroshima, ở Nagasaki rồi cuộc tôi nghĩ những gì thì ông không hiểu rõ lắm đâu. Huống chi một đoàn chúng tôi những 12 người, 12 cái miệng sẽ có thể nói những điều khác nhau hay không ông cũng không dám chắc. Một điều kỳ cục nữa là trong giấc mơ đêm qua, trong giấc mơ đêm 19 tháng 10 năm 1980, 12 cái miệng cùng nói một điều như nhau.

Kỳ thực đó cũng chẳng có gì lạ cả. Trước đây chúng tôi đã từng nghĩ như thế, làm như thế. Chỉ có sau khi "giải phóng tư tưởng", ngày 18 tháng 4 năm nay, ngày thứ hai sau khi chúng tôi từ Nagasaki về đến Thượng Hải, tôi mới phát biểu ý kiến: Nếu như 12 nhà văn cũng nói một lời giống nhau,

phát ra cùng một tiếng nói, thì các bạn Nhật Bản sẽ nhìn nhận chúng ta như thế nào? Họ có ca ngợi tính "kỷ luật" của chúng ta không? Họ có ca ngợi công tác văn nghệ của chúng ta không? Theo tôi thì không đâu!

Mỗi một nhà văn có cảm thụ đời sống riêng của họ, có tư tưởng tình cảm riêng của họ. Ở Hiroshima và Nagasaki, tôi đã ôn lại những sự từng trải phức tạp trong một thời gian dài, cũng nghĩ đến con đường lâu dài đang bày ra trước mắt. Tôi vô cùng xót xa nuối tiếc quãng thời gian quý báu đã phí hoài vô ích. Nhân dân Nagasaki cũng như người dân ở Hiroshima đã bỏ ra khoảng thời gian hơn ba mươi năm, từ trên đồng hoang tàn đáng sợ đó, xây dựng một thành phố mới phồn vinh, tươi đẹp và sạch sẽ. Đặt chân đến đây, ai là người không xúc động. Lẽ nào tôi lại không nhớ tới Tổ quốc đang trong khó khăn của mình? Lẽ nào chúng ta lại không muốn xây dựng trên Tổ quốc ta những thành phố hiện đại không bị ô nhiễm và có bầu không khí trong lành? Giá như chúng ta cần nói chung một giọng điệu, thì đó là lý tưởng chung, nguyện vọng chung. Trước khi về nước, chúng tôi đã dự một bữa tiệc tối của Tổng hội Hoa kiều. Cùng với các kiều bào nâng cốc chúc bà mẹ Tổ quốc trường thọ, không những chỉ riêng tôi mà tôi thấy rất nhiều người, có kiều bào, có lưu học sinh, có thủy thủ từ bên nước sang, trong mắt mọi người đều sáng lên ngấn lệ mừng vui. Tôi mơ màng như thấy có hai cánh tay của mẹ đã ôm chặt chúng tôi vào lòng.

Trong giấc mơ, tôi cũng đến đặt hoa tại công viên Hoà bình, đến phòng trưng bày để xem các di vật. Tôi cũng ngồi ca-nô du lịch đi xem biển, nghỉ ngơi ở sân bay trên biển, bồi hồi dạo gót trong công viên... Tôi lặp lại những gì của nửa năm trước đó, mọi điều tai nghe mắt thấy chân thực hoàn toàn như nhau. Điểm khác nhau chỉ là bức tượng người bằng đồng cao 10 mét đã dời bộ bước ra, tay phải vốn chỉ lên trời, tay trái buông xuôi, nhưng giờ đây vươn cả hai cánh tay đồng lên trời cao, thét vang: "Ta không cho! Ta không cho!". Tượng đồng không cho cái gì? Tượng đồng chẳng nói ra. Nhưng tượng đồng chợt quay lại chỉ ra phía sau, phía sau lập tức xuất hiện

cơ man nào là trẻ em, chúng kêu gào thảm thiết, chúng chạy nhốn nháo. Rồi xuất hiện lùm mây hình nấm, một biển lửa, một cơn mưa đen... Một cánh tay cụt bị bứt trong pha lê đang nóng chảy bay đi bay lại trên không, tiếng con trẻ khóc và gọi: "Bố ơi! Mẹ ơi! Con cần nước! nước! nước!..." sau đó tượng đồng khổng lồ lại kêu lên một tiếng: "Ta không cho". Thế là mọi cảnh hãi hùng đều tiêu tan.

Tượng đồng lại trở về bệ cũ... Bốn bề im lặng, mình tôi đứng trước Suối Hoà bình, nghe tiếng suối reo, tôi đọc lại dòng chữ trên bia tưởng niệm: "Tôi rất khát, đi tìm nước. Trên mặt nước có thứ gì như dầu... Tôi rất muốn uống nước, liền uống luôn cả dầu vào miệng". Đó là lời của một cô bé chín tuổi. Suối Hoà Bình được dựng lên là để kỷ niệm một nạn nhân đã uống nước mà chết. Ngày ấy, ở gần trung tâm bùng nổ của bom nguyên tử, có một trường tiểu học, trong 1500 học sinh thì 1400 em bị chết. Tất cả những nạn nhân ấy đều tranh nhau đòi "uống nước, tìm thấy nước, mọi người đều tranh nhau uống, liền chết ngay bên bờ.

Cảm ơn sự khoan đãi ân cần của những người bạn Nhật Bản, hai ngày tai nghe mắt thấy ở Nagasaki đã in sâu trong lòng tôi, thậm chí ngay trong giấc mơ, tôi cũng còn ôn lại được sự thực. Từ Hiroshima và Nagasaki, tôi mang về được dũng khí và niềm tin. Kinh nghiệm lịch sử không thể không chú ý. Quên đi bài học cay đắng ngày xưa, nhất định sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Bi kịch Hiroshima và Nagasaki, của đại hoạ mười năm của chúng ta, mọi người đều phải nhớ kỹ trong lòng. Sợ cái gì? Chúng ta không có lý do để tránh chúng. Tôi không hề muốn lẩn tránh. Tôi còn chưa nói hết giấc mơ của tôi.

Trong mơ tôi bị ép đến nghẹt thở, ngay trước mặt bạn bè, tôi đã kêu lên: "Để tôi nói! Tôi phải nói với tất cả mọi người, quyết không để cho bi kịch Hiroshima và Nagasaki lại xảy ra! Quyết không để lần nữa xảy ra đại tai hoạ trong thời gian Cách mạng Văn hoá".

Nói hết những gì tôi muốn nói, tôi cũng tỉnh giấc mơ.

Ngày 21, 22 tháng 10

NÓI VỀ MƠ

Tôi còn nhớ bắt đầu từ năm bốn tuổi tôi đã nằm mơ, rồi từ trong mơ, khóc mà tỉnh dậy. Sau đó đêm nào tôi cũng nằm mơ. Có giấc mơ đẹp, có giấc mơ hãi hùng, nửa đêm tỉnh dậy, có lúc còn nhớ rõ rành rành, ngủ một giấc nữa, lại quên hết không còn gì.

Người ta bảo nằm mơ thì hại tinh thần, lại nói lúc nằm mơ, tinh thần không được nghỉ ngơi, cũng như là không ngủ. Thế nhưng ít ra tôi cũng nằm mơ tới 70 năm, đầu óc vẫn còn rất tỉnh táo, tinh thần hầu như không bị tổn thương. Theo tôi dự đoán, có lẽ đến chết tôi cũng không thể không nằm mơ. Đối với tôi, chỉ có chết mới thực sự là nghỉ ngơi. Trong đời tôi, chưa từng có giấc ngủ nào là không nằm mơ. Thế nhưng sự thực đó không hề trở ngại đến việc sáng tác của tôi.

Người ta còn thường nói rằng: "Ngày nghĩ sao, đêm chiêm bao làm vậy". Câu nói ấy có lúc thiêng, có lúc không thiêng. Hồi còn trẻ, tôi muốn đọc một cuốn truyện, chỉ tìm thấy phần cuối, đi mượn khắp nơi đều không có. Thế là trong mơ tôi lại có toàn bộ cuốn truyện, mừng hết chỗ nói, vừa mở ra xem, thì chợt tỉnh. Những giấc mơ như thế, tôi mơ đến mấy lần, Nhưng có một việc mà đến nay tôi vẫn chưa quên: Đầu tháng 7 năm 1938, tôi và Cận Dĩ từ Quảng Châu về Thượng Hải, ở lại khoảng hai tuần lễ, ở một khách sạn trên đường La-Phết (Phục Hưng đông lộ thì phải). Có một hôm, đêm đã khuya, tôi đang ngồi sửa "*Ái tình tam bộ khúc*" chuẩn bị đưa cho nhà sách Khai Minh ở Thượng Hải in lại, Cận Dĩ đi ngủ sớm, bỗng từ phòng trong đi ra, đứng ở ban công một lát rồi lại quay vào, đi qua chiếc bàn viết, nói một câu vu vơ: "Tớ mơ thấy cậu chết". Rồi anh lại vào phòng trong ngủ tiếp. Ngày hôm sau, tôi hỏi anh, anh chẳng biết gì hết. Tôi cũng chẳng có cách nào nghiên cứu với anh về giấc mơ đó.

Tôi nói năm mơ không hại tinh thần, thực ra cũng không hẳn thế, Có một thời kỳ, tôi đã từng bị những giấc mơ kỳ quái làm khổ, đó là thời kỳ giữa của mười năm đại hoạ; tức là những năm 1968, 1969, 1970 thì phải. Bắt đầu từ tháng 8 năm 1966, tôi lại chịu đủ nỗi giày vò về tinh thần và lãng nhục về xác thịt. Tuy rằng lúc ấy tôi tin Thần, lễ Phật, còn ảo tưởng là qua khổ hạnh để chuộc tội, nhưng cuối cùng tinh thần thì bị ức chế, tâm tư không lúc nào thoải mái. Tôi cúi đầu trầm mặc suốt ngày, đêm đến thường kêu thét trong mơ. "Phái tạo phản" luôn bảo tôi "trong lòng có ma". Đúng là trong mơ tôi luôn luôn phải đánh nhau với quỷ quái. Lũ quỷ quái ấy ba đầu sáu tay, hết sức đáng sợ, giương nanh múa vuốt xông vào tôi. Tôi vừa múa hai tay lên, vừa lớn tiếng la hét. Có một lần ở nhà, một mình tôi ngủ trong căn phòng nhỏ, không có ai đánh thức, tôi đập vỡ bóng đèn ngủ ở đầu giường. Ngày hôm sau tỉnh dậy, vẫn còn thấy đau; đương nhiên chẳng có ai thông cảm với tôi. Nhưng tôi vẫn thấy mình cũng còn tốt số. Năm 1970 khi tôi mới đến Trường Cải tạo cán bộ, những người đứng đầu của Đại biểu Quân đội, đội Tuyên truyền Công nhân và “phái tạo phản” chỉ định tôi nằm tầng giường trên, mà lại để cho "quần chúng cách mạng" sức dài vai rộng ở tầng dưới. Lúc ấy tôi đã 66 tuổi, leo lên leo xuống thật vất vả, nhưng tôi không có quyền nói. Sau năm sáu hôm, một đội viên Tuyên truyền Công nhân đã cao tuổi đến trường này, ông ta đã đề nghị cho tôi dọn xuống tầng dưới, tôi mới được dọn xuống. Giá như tôi cứ ngủ ở tầng trên, thế nào cũng có phen ngã thành tật. Lần gần đây là tháng 8-1978, tôi đi dự họp ở Bắc Kinh, ở khách sạn Tây Kinh, nửa đêm lại mơ thấy đánh nhau với ma quỷ, ngã xoài trên nền nhà trải thảm, tiếng kêu cũng không to lắm, cho nên không làm ai trong phòng thức giấc. Tôi lại bò dậy, trở lại phòng ngủ tiếp?

Cũng đã lâu lắm tôi mới lại có những giấc mơ lạ, nhưng tôi cũng không thể nói tôi mãi mãi không mơ thấy những giấc mơ lạ. Trong giấc mơ tôi đánh nhau với ma quỷ, nhưng thật ra tôi không phải là Thần Chung Quy⁴¹, ngay chiến sĩ cũng không phải, tôi có vung tay lên, cũng chỉ để giữ mình, lớn tiếng la hét cũng không có gì hơn là dọa cho ma quỷ lui ra. Tôi đào đầu

ra mãi linh hồn mình, rất muốn tìm ra một thứ gì quý báu, thế nhưng tôi moi ra chỉ toàn là rác rưởi, tại sao trong giấc mơ tôi không dám đứng dậy nắm chặt tay mà dấn vào ma quỷ? Trong những ngày đau khổ nhất, đúng như lời người bạn chê trách, tôi đã "cam chịu uống thuốc để cho trong sạch linh hồn mình"

Thế nhưng với tôi, những ngày tháng đó đã chấm hết rồi!

Ngày 22 tháng 10

TÔI VÀ BẠN ĐỌC

Trong một bài "Tuỳ tưởng" trước đây, tôi có nhắc đến chuyện mình tự nhận là cậu của người khác. Có người hỏi tôi và bảo tôi nói thêm một chút, và bảo là Cao Hành Kiện trong bài "Truyền kỳ" đăng ở "Hoa thành" số 6 cũng đã nói rồi. Cao Hành Kiện nghe được từ chỗ Tào Ngu, người biết rõ chuyện này, ngoài Tào Ngu còn có một người bạn nữa, nhưng họ cũng chẳng nói được tường tận. Kỳ thực chuyện rất giản đơn: tôi nhận được một bức thư dài của một bạn đọc từ Hàng Châu gửi tới nhờ giúp đỡ. Tôi đưa cho hai ba người bạn xem, họ không nêu ra được ý gì, còn nửa tin nửa ngờ lời lẽ trong thư. Tôi lại đưa thư cho vợ người bạn, hỏi ý kiến chị, chị giục tôi nên đi một chuyến. Tôi nghe lời vợ của bạn, trong tay vừa nhận được một khoản tiền nhuận bút, tôi bèn hẹn Lỗ Ngạn và Cận Dĩ cùng đi Tây Hồ.

Người viết thư là một cô gái, cô với người mẹ kế ăn ở với nhau không ra gì, bèn bỏ nhà ở An Huy ra tỉnh khác làm ăn. Do thất tình, cô định đi Hàng Châu để tự tử. Đến Tây Hồ, cô gặp một người bà con xa nên đã thay đổi ý định, cắt tóc đi tu. Mấy tháng sau, cô lại phát hiện người bà con xa đó có quan hệ với ông sư trên chùa. Ông sư đó có dã tâm với cô. Cô muốn thoát ra khỏi hang hùm, bèn viết thư nhờ tôi giúp đỡ. Ba người chúng tôi đến Hàng Châu, xếp đặt đâu đấy xong xuôi, ăn cơm trưa, đến bờ hồ thuê một chiếc thuyền, chèo tới gần ngôi chùa; chúng tôi lên bờ hẹn cô gái ra ngoài. Chúng tôi trò chuyện với nhau khoảng hai tiếng đồng hồ ở trên thuyền. Cô kể lại tình hình rất tỉ mỉ, khiến cho người khá lớn tuổi như Lỗ Ngạn cũng xúc động. Chúng tôi hẹn hôm sau lại đến chùa thăm cô. Cô có một người cậu ở Thượng Hải cùng họ với tôi, bèn để tôi tự nhận là cậu của cô. Tôi đã trả nợ thay cho cô hơn 80 đồng tiền cơm, tiền nhà, lại biếu cô một cái vé tàu lượt về của chúng tôi. Cô sẽ đi Thượng Hải chậm hơn chúng tôi một ngày. Tôi và Cận Dĩ ra ga Bắc đón, mời cô ăn cơm trưa, sau đó gọi một chiếc xe tay, đưa cô về nhà cậu mình ở Hồng Khẩu. Lúc đó "Nguyệt

san Văn Quý" của công ty sách Lương Hữu do Cận Dĩ biên tập còn chưa bị cấm, tôi thường gặp gỡ anh ở công ty Lương Hữu. Cô gái đến Thượng Hải, hai ngày sau đã cùng người cậu của cô đến công ty Lương Hữu gặp chúng tôi và tỏ lòng cảm ơn. Cô đã để lại cho chúng tôi địa chỉ. Lê Liệt Văn biết chuyện này, qua mấy tháng sau, vì biên tập tờ báo nguyệt san "Trung lưu", anh nhận được rất nhiều thư và bản thảo, không đọc xuể, bèn mời cô gái họ Vương đó đến làm việc ở toà soạn. Nhưng chưa được ba tháng, cuộc chiến "13-8" bùng nổ, tờ "Trung Lưu" bị đình bản, cô gái cùng cả nhà ông cậu đi Tứ Xuyên, từ Thành Đô có gửi về một bức thư. Sau đó tôi không được tin tức gì về cô nữa. Trong cuộc đại thẩm tra của mười năm đại hoạ, không thấy có ai đến Thượng Hải tìm tôi để "điều tra vòng ngoài" gì thêm.

Việc này lúc đó xem ra rất bình thường. Chúng tôi hai lần thuê thuyền đến chùa để thăm cô gái, trên thuyền, có lại kể tường tận về thân thế của mình. Người chở thuyền nghe hết, ông ta cũng biết đó là chuyện gì. Thời bấy giờ, du khách ở Tây Hồ rất ít, thuyền không nhiều, cho nên cả hai lần, đều ngồi trên thuyền của ông. Đến khi tôi là người cuối cũng rời thuyền và trả tiền thuê, người chở thuyền bỗng tha thiết nói: "Các vị là những người tốt". Ông ta không mách cho nhà sư biết, và cũng không gây khó khăn gì cho chúng tôi.

Có thể có người nghi ngờ, cô gái đã có cậu ở Thượng Hải, tại sao không cầu cứu ông này, lại đi tìm một người không quen biết nhờ giúp đỡ? Cô đã từng nói, lúc đầu cô chứa chan niềm tin rời bỏ gia đình, bất chấp cả mọi lời khuyên ngăn của người khác, cô không muốn để họ hàng biết tình cảnh khó khăn của cô ở Hàng Châu. Chúng ta cũng có thể phê bình cô là "ương ngạnh, sĩ diện hão" thậm chí là "thích hư vinh". Nhưng sống lâu trong xã hội cũ, chúng ta ai chẳng có cái tật như thế? Chúng tôi lúc đó chỉ còn biết giải thích là "bạn đọc tin ở nhà văn", thế là đủ.

Nghe nói người ta đến cuối đời hay ôn lại chuyện cũ. Giấc mộng của những năm ba mươi gần đây nhiều lần trở lại trong tôi. Lúc bấy giờ tôi còn ở Thượng Hải viết văn, làm tạp chí, biên soạn sách, cảm thấy mình có thừa tinh lực và thời gian. Thư của bạn đọc xa gần gửi tới, thường thường là 10 trang trở lên, chúng đều là nguồn sức mạnh của tôi. Bạn đọc đã coi nhà văn như người bạn đáng tin cậy, họ bằng lòng thổ lộ với nhà văn những lời tâm huyết. Trong những ngày sức sáng tác của tôi dồi dào thì những đau khổ, khó khăn, thành khẩn, nhiệt tình đó như một ngọn đèn sáng luôn đặt trên bàn viết của tôi. Tôi thấy được an ủi, tôi thấy hân diện, tôi không ngừng viết tiếp. Trong những năm ba mươi, những năm bốn mươi, tôi kết thân với nhiều bạn trẻ, tôi đã được chia sẻ biết bao nhiêu điều riêng tư của họ. Có người hỏi tôi với ý tốt: có phải chẳng anh có một chiếc chìa khoá, nếu không, anh làm sao mở được cánh cửa tâm hồn của lớp trẻ? Tôi làm gì có bí quyết! Tôi đã từng nói, tôi đã trao lòng mình cho người đọc, thế nhưng tôi lại quên nói, người đọc cũng trao trái tim của họ cho tôi. Trong cuộc đời tôi đã có những lúc rực lên ngàn tia lửa, trái tim tôi gắn liền với những trái tim trẻ. Họ đã chịu nói những điều chỉ nói cùng bố mẹ, không chịu nói ra với anh em, chị em, đem những những điều thầm kín tận đáy lòng, viết hết lên trang giấy gửi đến tận tay tôi. Tôi thường nói, nhà văn dựa vào bạn đọc để mà sống, không những chỉ vì bạn đọc mua sách, mà quan trọng hơn là họ mang cho ta sức sống tinh thần. Khi tôi viết được nhiều, cũng là lúc tôi liên hệ được với người đọc chặt chẽ nhất. Tôi không hề cho rằng tôi là một nhà văn hàng đầu, mà chỉ coi mình như một người bình thường, một người bạn trung thực.

Thế nhưng, sau này tôi dần dần xa cách người đọc. Tôi thiếu thời gian, cũng thiếu cả tinh lực, những vinh dự hàng đầu giành cho tôi càng nhiều, thời gian tôi viết lách càng ít đi, cuối cùng tôi trở thành một nhà văn không cần có tác phẩm. Tôi đã tiêu phí đời mình vào những việc vặt vãnh không quen thuộc, lại chỉ có thể chọn trong mười lá thư của bạn đọc, lấy ra hai lá để đọc, để trả lời. Tôi luôn luôn cảm thấy áy náy vì đã phụ lại lòng tốt của

bạn đọc. Nhưng lại cho là vì trong mười năm đại hoạ, thư từ của bạn đọc đã gây cho tôi quá nhiều phiền phức. Các nhà văn “phái tạo phản” thì phải để mắt nhìn lên “thủ trưởng”, làm sao có thể cho phép người ta hấp thụ nhựa sống ở người đọc? Nghe nói “Bí thư” Thượng Hải của “lũ bốn tên”, Từ Cảnh Hiền từng la lối: “Bây giờ vẫn còn người viết thư cho Ba Kim, đủ thấy phê phán bất lực, chưa phê cho hẵn thối lên!”. Kỳ thực thì bắt đầu từ quý tư năm 1967, tôi bị các ngành lôi đi “đấu” ba bốn năm liền. Trong cả mấy năm đó, tôi không hề nhận được lá thư nào. Có thể có người viết thư đến, nhưng bị “lãnh đạo” im đi, bởi vì “yêu ma quỷ quái” thì làm sao mà hưởng quyền lợi của con người.

Không ai ngờ sau khi mây đen được xua tan, những người bị đánh ngã dưới đất bỗng lại đứng lên được. Nhìn những thư tín xếp thành đống, tôi cảm thấy bó tay. Mười năm đại hoạ đã để lại trong lòng tôi vết thương không gì chữa trị được. Lời lẽ hùng hồn thế nào cũng không thể bù đắp được sức khoẻ đã bị cướp đi. Đối với những bạn đọc nhiệt tình quan tâm và trông đợi ân cần, tôi biết viết gì để trả lời? Tới cái lúc viết chữ cũng cảm thấy vất vả, tôi thường thường để những lá thư cần trả lời qua một bên, mấy hôm sau lại chẳng biết tìm chúng ở đâu nữa, đành ngán ngẩm ngồi nhìn căn phòng đầy sách vở và thư từ. Có những bức thư cần phải chuyển đến nơi khác, thế nhưng tôi chuyển đi chuyển lại, không có kết quả gì, có khi thậm chí nó lại quay về tay mình. Lại còn có người làm, coi cái vinh dự đứng hàng đầu thành cái chìa khoá để toả sáng, yêu cầu tôi mở cửa sau cho họ. Tôi đành trả lời bằng sự im lặng. Thế nhưng tôi cũng đau khổ về sự im lặng đó. Một mặt tôi không quên tôi còn mắc với bạn đọc món nợ mãi mãi không bao giờ trả xong, mặt khác trong óc tôi luôn luôn giữ một hình ảnh của mình như thế này: Một ông già ốm yếu cất bước chân khó khăn đi về phía những gì đã mất. Để cho bạn đọc quên tôi đi, đó là sở nguyện của tôi. Thế nhưng tôi mãi mãi không quên được bạn đọc.

Đó có phải là mâu thuẫn không? Đã muốn cho người ta quên mình đi, tại sao không chịu buông cây bút của mình ra?

Tôi từng nói, cuộc đời tôi đầy rẫy những mâu thuẫn. Xa rời bạn đọc, tôi cảm thấy suối nguồn khô cạn. Vinh dự hàng đầu càng nhiều, cũng không cách gì thấp sáng được ngọn đèn đã cạn dầu. Nhưng chỉ cần còn một chút hơi thở, thì ngọn lửa yếu ớt đó của tôi cũng không thể tắt. Rốt cuộc là thứ lửa gì? Đó là lòng yêu Tổ quốc, nhân dân. Đó cũng là mối liên hệ duy nhất giữa tôi và bạn đọc. Hôm nay giữa tôi và bạn đọc còn có những điểm chung nhau, bởi vậy tôi còn sống được, còn viết được.

Ngày 23 tháng 2.

NHỚ ĐỒNG CHÍ MAO THUẦN

Sau mười năm đại hoạ, tôi đi họp ở Bắc Kinh, nhìn thấy đồng chí Mao Thuần, tôi cảm thấy vô cùng thân thiết. Ông vẫn mang chí khí hiên ngang như thế, rất hay nói chuyện, không ra vẻ một ông già. Đó là ấn tượng ban đầu của tôi. Ông khiến tôi vô cùng sung sướng. Trong mấy năm nay, tôi gặp ông nhiều lần, lúc thì ở Nhân dân Đại lễ đường, không có dịp nói chuyện lâu; khi thì tôi đến nơi ông ở, không quấy rầy, chỉ nghe ông nói thao thao bất tuyệt, cơ hồ như trở lại những ngày tháng của những năm ba mươi, những năm bốn mươi. Mỗi lần tôi đều muốn ngồi thêm một chút, nhưng lại e rằng nói lâu khiến ông mệt mỏi, ảnh hưởng đến sức khoẻ của ông. Phút ra về, tôi luôn luôn cảm thấy còn nhiều điều chưa từng nói ra và nghĩ bụng: "Để lần sau sẽ nói". Trong khi gần gũi ông, tôi thấy ra rằng ông mỗi năm thêm già yếu, nhưng ngoài sự đi lại khó khăn ra, tôi cũng chưa thấy ở ông có điều gì khiến người ta phải thực sự lo lắng, huống hồ bản thân tôi giờ đây cũng mỗi năm mỗi kém. Bởi thế, tôi mãi không vứt bỏ được cái ý nghĩ "lần sau" đi, mà cứ luôn cho rằng dịp để tôi và ông trò chuyện vẫn còn nhiều. Gần đây có nhiều người đến bảo "ông Mao không được khoẻ, đã phải nằm viện rồi!". Tôi nghĩ, đến mùa đông thì người luống tuổi thế nào cũng có những chứng bệnh lặt vặt thế này thế khác, trời ấm lên là sẽ khỏi thôi, niềm tin "lần sau" ở trong tôi không hề suy xuyến. Nào ngờ, bỗng dưng có điện thoại đường dài, mãi mãi chấm dứt cái "lần sau" của tôi đi.

Đầu những năm hai mươi, "Tiểu thuyết nguyệt báo" của Thương vụ ấn thư quán ra lại, bắt đầu đăng những tác phẩm văn nghệ mới, đồng chí Mao Thuần làm biên tập nhiệm kỳ đầu tiên, lúc ấy tôi ở Thành Đô. Năm 1928, khi ông đăng tam bộ khúc "Thực" trên "Tiểu thuyết nguyệt san" với bút danh Mao Thuần, tôi đang ở bên Pháp. Những năm ba mươi, gặp ông ở Thượng Hải, tôi đã gọi ông bằng "Thẩm tiên sinh"; tôi tôn kính xưng hô với ông như thế mãi cho đến lần cuối cùng gặp mặt ông. Từ đầu đến cuối, tôi

luôn coi ông là một ông thầy. Mười mấy tuổi tôi đã đọc những luận văn văn học do ông viết và tác phẩm văn học do ông dịch, những năm ba mươi lại thích đọc những bài văn của ông bình luận tác giả và tác phẩm. Những năm ấy, ông đã đứng bên cạnh Lỗ Tấn chiến đấu bằng ngòi bút, giáo dục thanh niên bằng tác phẩm văn học. Tôi vẫn còn nhớ tình hình tốt đẹp khi tiểu thuyết dài "Nửa đêm" của ông được xuất bản năm 1932; đó lại là một thắng lợi lớn lao của Văn học Hiện đại nước ta từ sau "A. Q chính truyện". Thời kỳ ấy, ông còn liên tục cho đăng những kiệt tác về truyện ngắn Hiện thực Chủ nghĩa như "Lâm gia phố", "Tầm mùa xuân". Văn học Hiện đại của nước ta trước sau vẫn theo con đường Hiện thực Chủ nghĩa, "vị nhân sinh" mà lớn mạnh, trưởng thành, không thể thiếu mấy mươi năm tâm huyết của ông. Ông lại là một "người dọn vườn" chuyên cần trong vườn văn nước nhà, mấy chục năm như một ngày, tưới cây nhổ cỏ, nâng niu săn sóc cho mỗi một bông hoa đang phong nhụy hay vừa hé nở. Về mặt này ông cũng để nhiều áng văn đáng được trân trọng.

Tôi không phải là nhà nghệ thuật, chẳng qua tôi chỉ mượn giấy mực để bày tỏ sự yêu ghét của mình, ngõ hầu góp được chút sức lực nhỏ nhoi cho Tổ quốc và nhân dân, rồi do một dịp ngẫu nhiên tôi bước vào con đường văn nghệ, nên đành vừa học vừa đi. Trong mấy chục năm đó, tôi đã học được ở các nhà văn lớp trước rất nhiều đạo lý để làm văn và làm người, và cũng học được một ít tri thức về văn học. Tôi còn nhớ mấy lần họp mặt do Thượng Hải Văn học xã xếp đặt trong những năm ba mươi. Có lần Lỗ Tấn tiên sinh ngồi với đồng chí Mao Thuần. Trong căn phòng ở khách sạn không bị ai quấy rầy, nghe hai người nói về hiện trạng của giới văn học lúc đó và con đường tiến lên của chúng ta, tôi chỉ biết chú ý lắng nghe. Đến ngày nay, tôi vẫn nhớ đến dịp may học tập hiếm có ấy.

Tuy nhiên, tôi không phải là một trò ngoan, thiếu hẳn tinh thần khắc khổ đi sâu học tập. Bởi vậy mà mấy chục năm trôi qua, về văn học, tôi vẫn chưa có nhiều thành tựu lớn lao. Hồi tưởng lại, tôi luôn cảm thấy hổ thẹn. Thậm chí

một số việc nhỏ tự cho rằng mình nhớ rất kỹ, cũng luôn luôn không thể giữ vững mãi được. Năm 1937, cuộc kháng chiến "13 tháng 8" nổ ra, các tạp chí văn học phải đình bản, bốn tờ tạp chí "Văn học", "Trung lưu", "Dịch văn", "Văn tùng" gộp lại với nhau ra tờ tuần báo "Nột hám"⁴². Chúng tôi bàn bạc với nhau ở nhà Lê Liệt Văn, cùng tiến cử đồng chí Mao Thuần gánh vác việc biên tập cho tờ tạp chí nhỏ này. Tạp chí ra được hai số thì bị phòng tuần bố của Nhà cầm quyền Tô giới kiểm tra và cấm, sau phải đổi tên là "Phong Hoả" tiếp tục phát hành. Chúng tôi hẹn một thời gian, đưa bản thảo đến nhà đồng chí Mao Thuần. Không bao lâu sau, ông rời Thượng Hải, tôi phải làm thay công việc của ông. Lúc đó, tôi mới thấy những bản thảo được dùng mà ông đã xem qua, đều dùng bút đỏ sửa chữa rất rõ ràng và không để lại một chữ nào có nét bút khó nhận ra. Trước đây tôi cũng đã từng ra tạp chí, từng biên tập sách, nhưng chưa bao giờ phê bản thảo kỹ lưỡng tỉ mỉ như thế này. Nhìn những bản thảo của ông giao lại, tôi chỉ còn biết khâm phục, và tôi mới hiểu được rằng làm biên tập thực ra không phải việc dễ dàng. Mùa xuân năm sau, ông ở Hồng Kông biên tập tạp chí "Văn nghệ trận địa" và in ở Quảng Châu. Mỗi số báo, ông đều phải đến Quảng Châu xem bản in mẫu. Ông nghỉ tại khách sạn Ái Quần, lúc ấy tôi đang ở Quảng Châu. Đến khách sạn thăm ông, lần nào tôi cũng thấy ông đang chăm chú sửa từng chữ, từng chữ. Bản thân tôi có kinh nghiệm đối chiếu lâu năm, thế nhưng những sách báo mà tôi đã đối chiếu, vẫn thường còn lại những chữ sai. Còn nhớ cuối những năm bốn mươi, tôi biên tập một loạt sách, thu được một cuốn có tác phẩm của Tiêu Càn (đại khái là "Sáng tác từ thi" thì phải). Sau khi sách in ra, báo chí đăng bài bình luận ca ngợi tác giả, cuối cùng lại hạ một câu: "Sách thì hay đấy, đáng tiếc lỗi quá nhiều". Mỗi lần nghĩ lại sự qua loa đại khái của mình, sau phút ăn năn, trước mắt tôi lại hiện ra hình ảnh đồng chí Mao Thuần xem mẫu in ở khách sạn Ái Quần, Quảng Châu và những bản thảo mà ông phê sửa bằng bút đỏ. Ông làm bất kể công việc gì đều cẩn thận và có trách nhiệm, không bỏ qua một chi tiết nào, ngay đến cuối cùng khi viết "Hồi ký" cũng vẫn thế, Nằm trên giường bệnh, ông vẫn luôn nhớ đến tác phẩm của mình; lúc hôn mê, ông cũng vẫn

làm động tác đang viết. Cho đến lúc chết, ông vẫn không rời bút trong tay. Tôi tôn ông làm thầy, nhưng khoảng cách giữa tôi và ông còn xa quá. Xem ra tôi mãi mãi không đuổi kịp ông. Thế nhưng cho dù thời gian có để lại cho tôi có một năm, hai năm tôi cũng sẽ coi ông là tấm gương để học tập.

Người ta đến cuối đời, cách nhìn nhận về sống chết không còn rạch ròi, nhạy bén như xưa. Chia tay với người thân hoặc bạn bè cũng không đau đớn như người trẻ nữa, bởi lòng còn đang nghĩ: "Ta phải đuổi cho kịp". Nhưng nghe được tin dữ của đồng chí Mao Thuần, tôi vô cùng đau xót, nước mắt chảy vào trong, chỉ riêng mình tôi biết. Chúng tôi đã phí phạm bao nhiêu thì giờ, bây giờ đã đến giờ phút chót mất rồi! Ông là đại biểu và là tấm gương của lớp nhà văn chúng tôi. Ông để lại cho Tổ quốc và nhân dân rất nhiều của cải quý giá, ông không phải hối tiếc điều gì. Thế nhưng tôi thì sao? Tôi muốn kéo ông lại, để ông được sống, được viết hết tất cả những gì ông đang nghĩ.

Tháng ba năm ngoái, trước ngày đi Nhật Bản, tôi đến nhà riêng của đồng chí Mao Thuần thăm ông, ngồi trong gian thư phòng sạch sẽ và thoáng rộng đó, nói chuyện với ông gần một tiếng đồng hồ. Tôi cùng đi với đồng chí La Tôn. Nhưng người nói nhiều nhất vẫn là đồng chí Mao Thuần, ông nói về những ngày xưa của ông, nói về cảnh huyền ảo sau một lần bị ngã ở phòng ngủ gần đây, ông nói rất sinh động. Chúng tôi không muốn xa ông, nhưng không thể không để ông được nghỉ ngơi. Sau khi chúng tôi chào ông, người con dâu đã dìu ông về phòng nghỉ. Bước ra sân, tôi mang theo hình ảnh một ông già lẻ loi, buồn tẻ. Tôi nghĩ, cô đơn lạnh lẽo biết bao! Hai năm nay, trong óc tôi luôn có hình tượng một ông già cô đơn lạnh lẽo. Kỳ thực là tôi không hiểu ông. Hôm nay đọc di chúc của ông, tôi mới biết ông quyên hiến ra bao nhiêu là tiền nhuận bút để làm quỹ thưởng cho những truyện dài. Cho đến khi bệnh nặng, ông viết như sau: "Tôi thành tâm chúc cho sự nghiệp Văn học Xã hội Chủ nghĩa nước ta phồn vinh thịnh vượng". Trong lòng ông luôn mang theo sự nghiệp Văn học Xã hội Chủ nghĩa của

Tổ quốc. Ông đã cống hiến tinh lực cả một đời cho sự nghiệp đó. Như vậy thì làm sao ông cảm thấy cô đơn, lạnh lẽo được?

Ngày 29 tháng 3.

NHỚ VỀ CHỊ CẢ PHƯƠNG LỆNH NHỮ

Gần đây đi Hàng Châu sáu ngày, hầu như ngày nào cũng mưa, tôi không hay ra bên ngoài, cũng rất ít ngồi bên bàn viết. Tôi ở tầng hai của nhà khách, hoặc là đi dạo bên ngoài ban công, hoặc là ngồi trên xa lông nhắm mắt nghỉ ngơi, hoặc là đứng trước hành lang, hai tay tì vào lan can, qua Tây Hồ nhìn với sang Bạch đê⁴³. Bạch đê là nơi tôi rất quen, nhưng nhìn Bạch đê như thế này, với tôi có lẽ là lần đầu. Bao nhiêu là người đi đi lại lại, bước chân không dừng. Tôi mơ hồ như đang xem phim đèn chiếu. Những chiếc xe buýt màu sắc rực rỡ, màn dương liểu xanh non và màu phớt hồng của hoa đào đều hiện trên các phong lớn ở đó.

Tôi bỗng nhớ lại: mười sáu năm trước, cũng vào lúc này, tôi và Tiêu San đã mua vé xe lửa về Thượng Hải. Trước lúc ra ga, chúng tôi vội vội vàng vàng lên Bạch đê đi một đoạn dài, để xem cảnh đẹp của cây hoa đào và dương liễu. Hoa đào và dương liễu cao to hơn nhiều so với bây giờ. Cây đã bị đào đi mất, rồi lại trồng lại, chúng vẫn mọc và lớn lên tươi tốt. Thế nhưng Tiêu San thì không bao giờ bước lên Bạch đê nữa...

Tôi còn bụng dạ nào mà ngắm trời ngắm nước nữa? Ngắm trời ngắm nước là chuyện những năm ba mươi kia. Từ năm 1930 đến năm 1937 hầu như năm nào tôi cũng đến Hàng Châu. Chúng tôi có thói quen đi dạo Tây Hồ vào dịp trước hoặc sau Tết Thanh minh. Có một hai năm cả mùa xuân và mùa thu đều đi, mỗi lần không quá ba bốn hôm. Mọi người đều thích leo núi và đi bộ. Bất kể trời tạnh hay mưa, sáng sớm ra khỏi khách sạn ở bên hồ, thế nào cũng đi mãi tới chiều tối, chỉ mang theo một chút lương khô. Dọc đường kẻ nói người cười. Những người cùng đi thì luôn thay đổi, nhưng thói quen và hứng thú thì trước sau không hề đổi thay. Nam Cao phong, Bắc Cao phong, núi Ngọc Hoàng, núi Ngũ Vân, Giếng Ròng, Hồ

Báo, Lục Kiều, Tam Trúc, là những nơi hầu như không đi hết và cũng đi không chán. Lúc ấy, tôi đã hầu như có một tình cảm và tinh lực vô cùng tận. Tôi còn nhớ trên con đường nhỏ ngoằn ngoèo ven mười tám khe của Cừ Khê trở về bờ hồ, Lục Lãi, Lệ Ni và tôi trong khi cười nói đã quyết định một kế hoạch là ba người chia nhau dịch sáu bộ tiểu thuyết dài của Tuốc-ghe-ni-ép. Chúng tôi đều làm theo lời hứa hẹn, Lục Lãi giao bản dịch trước nhất, bản dịch của tôi xuất bản muộn nhất. Lục Lãi chết ở trong đội Hiến binh của quân xâm lược Nhật Bản. Lệ Ni thì đã giao tính mệnh cho đồng bào của mình. Nhà nghiên cứu văn học Pháp và nhà phiên dịch, Lê Liệt Văn, mà sau này nghèo khổ và chết ở Đài Bắc, tôi không bao giờ gặp lại họ nữa.

Trong những năm Sáu mươi, từ 1960 đến 1966, mỗi năm tôi đều đến Hàng Châu, nhưng tôi không còn hứng thú leo núi nữa. Tôi cũng không còn bụng dạ nào đi tìm dấu chân người xưa. Năm đầu tôi thường thuê thuyền chơi hồ một mình, hoặc pha một ấm trà ngồi bên hồ hai tiếng đồng hồ, ở Tây Hồ tôi bắt đầu cảm thấy buồn tẻ. Mấy năm sau này, tôi thường kéo cả Tiêu San cùng đi, có lúc còn có hai ba người bạn đồng hành; không còn phải là phong cảnh đẹp ở đây đã hấp dẫn tôi, mà chúng tôi đến chỉ là vì đáp lại tấm lòng của một người bạn. Mấy năm liền đều là chị Phương Lệnh Nhũ đón chúng tôi ở ga Hàng Châu. Sau bốn năm ngày, vẫn là chị đứng ở đường ke nhà ga vẫy tay tiễn chúng tôi về Thượng Hải. Mỗi năm trước sau tiết Thanh minh không đi Hàng Châu, tôi cứ thấy như thiếu một cái gì. Cùng sống với chị Phương Lệnh Nhũ, chúng tôi cũng chỉ hỏi những chuyện xảy ra gần đó của mỗi người, đi mấy nơi mà không chán (như Linh Ẩn, Hồ Báo, hoặc Cừ Khê) uống vài ấm trà hãm bằng nước khe. Rồi nói, rồi đi, rồi ngồi, rất là bình thản. Đến bây giờ nghĩ lại cũng chẳng có gì đáng nói, thế nhưng, tôi thực sự thấy được sự ấm áp của tình bạn.

Tình bạn cũng có nhiều loại, nhiều kiểu. Hai chữ "ấm áp" dùng nhiều quá rồi, nói không rõ là thứ cảm giác gì. Tôi lúc đó phảng phất thấy trong

lòng ấm rục như buổi sáng mùa đông được sưởi nắng không lo nghĩ, không gò bó, mà cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái. Tôi lại như đứng trước một người chị cả trong một gia đình hoà thuận, có thể nói tùy thích không giữ gìn gì hết. Đồng chí Lệnh Nhũ lớn hơn tôi tám tuổi, lớn hơn nhiều so với Tiêu San. Chúng tôi tuy tôn chị làm chị cả, nhưng tính con nít ở chị lại nhiều hơn tôi. Sự hiểu biết của tôi về chị ngày càng sâu sắc: chị là con người hết sức hiền lành...

Bây giờ tôi không nói được rõ tôi quen chị từ bao giờ. Tôi đọc văn của chị trước, trong tập thứ 7 của "Văn học Tùng san" mà tôi biên tập, có một cuốn bút kí của chị lấy tên là "Thư", do Cận Dĩ giới thiệu với tôi. Văn chương không để lại ấn tượng gì sâu sắc cho tôi. Tôi còn mang máng nhớ tác giả là một nhà thơ nữ rất hiền lành đang thổ lộ nỗi lòng mình, nàng buồn bực, bàng hoàng, khao khát. Nhưng khi tôi biết chị thì cái ấn tượng đó lại mờ nhạt đến không còn gì, một nhà giáo đã thay cho nhà thơ. Tôi gặp chị khỏi phải nói là ở nhà Cận Dĩ, chị cùng dạy ở trường Đại học Phúc Đán, cùng ở Hạ Bá của Bắc Bồi, Trùng Khánh. Tôi nói chuyện với chị không nhiều, chỉ thấy chị là một trí thức rất dễ gần. Chị với Cận Dĩ đã trở nên quá quen thuộc. Trong nhà họ Phương, chị là thứ chín, cháu trai cháu gái khá đông, người quen nói chung đều gọi chị là "cô Chín", Cận Dĩ cũng gọi chị như vậy. Tôi trở nên quen biết chị là chuyện sau ngày giải phóng. Quý 3 năm 1951, ba người gồm tôi, Cận Dĩ và chị Lệnh Nhũ tham gia vào Phân đoàn Hoa Đông tham quan căn cứ địa cũ. Cùng đi đến vùng núi Nghi Môn, sau đó chúng tôi lại cùng đến Dương Châu và Diên Thành vùng Tô Bắc, như thế nên tôi với chị trở nên thân thuộc. Thế nhưng về quá khứ của chị, tôi lại biết rất ít, xưa nay tôi vốn ít chú ý đến thân thế của bạn bè, điều tôi muốn tìm hiểu thường là thế giới tinh thần và tình cảm chân thật của mọi người. Chả trách mà trong thời kì "Cách mạng Văn hoá", tôi thường bị người "điều tra" tôi căn vặn: "Chơi với bạn mà không điều tra thành phần và xuất thân của người ta". Tôi không thể đáp ứng được yêu cầu của những người "điều tra" này, bởi vì tôi chỉ nói được những ấn tượng cá nhân. Với

chị Lệnh Nhũ, hầu như không có người nào tìm tôi để điều tra về chị. Giá như có người nào hỏi tôi, tôi sẽ nói: Sau giải phóng, chị không còn bàng hoàng, buồn bực nữa; tuy vất vả, nhưng trước sau chị vẫn dần dần tiến lên trên con đường cải tạo. Tôi còn nhớ, khi chúng tôi đi tham quan ở nông thôn Sơn Đông, chị và một nữ đồng chí nữa ở trong một gia đình nông thôn, bên cạnh đặt một cỗ quan tài để không, chị cũng vẫn vui vẻ ở được mấy ngày. Chúng tôi cùng hoạt động với nhau không đầy hai tháng, ấn tượng chị để lại cho tôi ngoài vẻ "hiền lành" ra, còn thêm một điều là "thẳng thắn", Từ đó về sau, tôi cũng quen đi, gọi chị bằng "Cô Chín" như Cận Dĩ thường gọi chị.

Về Thượng Hải, chúng tôi ít có dịp gặp nhau, mọi người hình như đều rất bận, lại rất căng thẳng, mà lại chẳng làm nên trò trống gì. Đi họp ở Bắc Kinh, tôi mới lại gặp chị mấy lần, bỗng nghe tin chị được điều đến Hàng Châu làm Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật tỉnh Triết Giang, chị không đủ quyết tâm đi. Tôi hỏi ngay chị, chị bảo là ở Đại học Phúc Đán, chị có nhiều người quen, ở Hàng Châu, ngoài con gái và con rể chị, ở đơn vị toàn là người lạ. Chủ tịch khoá trước của Hội lại là người phạm sai lầm, bị cách chức. Đổi một môi trường công tác mới, chị có điều e sợ. Tôi tin rằng chị sẽ đi Hàng Châu, chẳng cần tôi hà hơi tiếp sức. Tôi cũng chưa từng đến nhà ở tập thể của Đại học Phúc Đán thăm chị. Năm 1959, tôi và Tiêu San đi tham quan Tân An Giang. Đó là lần đầu tiên sau giải phóng, chúng tôi đi Hàng Châu, và ở đó chúng tôi đã cùng chị đoàn tụ, thật đúng như là được gặp người thân. Chị đã già thêm, người lại không được khoẻ, luôn luôn nhớ đến bạn bè ở Thượng Hải, và mấy lần chị nói đến nỗi buồn tẻ trống trải. Tháng 5 năm sau, tôi đi Hàng Châu, nhưng chị lại đi chữa bệnh ở Bắc Kinh, Lần này tôi đi Hàng Châu là để viết một bài phát biểu, khoảng hai tháng sau đó, Đại hội Nhà văn Toàn quốc lần thứ ba sẽ họp ở Bắc Kinh, các đồng chí ở Hội Nhà văn bảo tôi phát biểu trong Đại hội, Tôi chẳng biết là nên bắt đầu nói từ đâu, cầm bút lên, chẳng viết được chữ nào, đành phải núp ở Hàng Châu, ở Tây Hồ thì đúng chẳng ai quấy rầy, có thể nói không từng gặp mặt

người quen. Tuy có nhiều thì giờ như thế, nhưng tôi ngồi ở trước bàn, viết chưa được mười chữ lại xoá đi. Sau đó, cây bút máy bỗng nặng lên hàng tấn, tôi không cầm nổi nó nữa. Kinh nghiệm này những năm ấy tôi đã từng quen rồi. Có lúc viết lách thậm chí trở thành một cực hình, tôi luôn luôn nghĩ: mình "hết tài" rồi. Ngồi trong phòng, tôi thấy buồn bực, bèn dứt khoát bỏ ra ngoài đi lại, ngắm nghía một hồi, có lúc đi bên bờ hồ hai ba giờ liền, có lúc ngồi trong Trúc đình của công viên Tây Sơn cả một buổi sáng, chỉ nhìn cảnh trí quen thuộc của Tây Hồ, tôi không hề nghĩ gì khác. Tôi chuyển tới ba nhà khách, lại thêm một số ngày nữa, cuối cùng viết xong bài phát biểu đó ở Hoa Cảng, tiêu đề là "Văn học phải đi trước Thời đại". Khi tôi đọc bài phát biểu đó trên diễn đàn Đại hội, phảng phất như nó được viết ra trong một lúc, kỳ thực để có được những "lời lẽ hùng hồn" đó, tôi đã phải nghĩ khổ nghĩ sở không biết bao nhiêu ngày.

Năm 1961, thăm Nhật Bản trở về, đầu tháng 6 tôi lại đi Tây Hồ. Tôi cần phải giao bài văn thăm Nhật Bản đầu tiên. Ở Thượng Hải, đến thì giờ ngồi yên mà cầm bút cũng chẳng có, tôi đành lại phải trốn đi Hàng Châu và cũng hoàn thành nhiệm vụ ấy ở nhà khách Hoa Cảng. Tôi lại viết mấy bài bút kí, viết cả truyện ngắn nữa, bởi vì tôi có tình cảm chân thực và ham muốn được sáng tác, tôi đáng viết những tác phẩm mà tôi muốn viết. Lần này tôi ở lại ba tuần. Ở nhà khách còn có một người bạn nữa, anh đến trước tôi, cũng đến để viết. Hàng ngày ăn cơm tối xong, tôi và anh đi dạo, thường là đi tới tận đường vào mộ của cụ Cái Khiếu Thiên mới quay về, Trên đường hầu như không có người đi lại, ánh sáng rất êm dịu. Chúng tôi đi dưới bóng cây xanh, màn đêm buông xuống quanh chúng tôi. Tôi không quên được những cuộc đi dạo thoải mái như thế. Cụ Cái lúc đó vẫn còn sống, cụ đã mua cái sinh phần này khá nhiều năm rồi. Có một lần, thời giờ còn sớm, tới đường vào mộ, tôi bước lên từng bậc tới trước mộ. Chính bản thân cụ Cái đang ngồi trên ghế đá, khoẻ khoắn làm sao, mạnh mẽ làm sao, hài lòng làm sao khi ngắm nhìn bia mộ khắc dòng chữ đỏ ghi tên cụ, nhìn cảnh sắc ở dưới dốc, phảng phất như đây chính là nhà cụ: Cụ đã nói chuyện với tôi như

tiếp khách tại nhà mình. Chúng tôi cùng đi xuống, thân thiết bắt tay nhau chào tạm biệt. Đó cũng là lần cuối cùng tôi nói chuyện với cụ. Năm năm sau, tháng 7 năm 1966, tôi đến Tây Hồ tham gia buổi "Đại liên hoan trên hồ" của Hội Nhà văn Á Phi, nghe người ta nói cụ Cái cũng bắt đầu bị đấu tranh phê phán, tôi cũng không tiện hỏi thêm. Sau khi bản thân tôi cũng là tội nhân giam vào "chuồng bò", nghe thấy một tin nôi chõ: Cụ Cái bị bức hại đến chết. Đến cả cụ già 80 tuổi cũng bị cực hình, tôi chưa chịu tin. Một số năm sau mới biết rằng tình hình thực tế còn đáng sợ hơn nhiều so với tin đồn. Không nói đến chuyện cụ không còn cách nào nằm được vào khu mộ đã vất vả tu tạo nhiều năm, đến ngay đường vào mộ, ngay bệ bia, ngay sinh phần, ngay cả bàn đá, ghế đá... đều biến ra tro bụi. Tuy nhiên đôi câu đối khắc ở hai bên bệ bia là thường xuyên xuất hiện trước mắt tôi:

Anh danh cái thế đường ba ngả

Kiệt tác kinh thiên dốc bốn chiều.

Nền nghệ thuật ưu tú quyết không phải bạo lực nào cũng có thể xoá mờ đi được.

Tôi nhớ không rõ có phải Cô Chín cùng đi thăm sinh phần của cụ Cái với tôi không, lúc đó chị đã trở lại Hàng Châu, nhưng do trời nóng, chị rất ít khi ra ngoài. Tôi và người bạn ấy đã tới Bạch Lạc Kiều nơi ở vô cùng u tĩnh của chị. Trước cửa rì rào suối chảy, trong sân là một cây ngân hạnh cao to. Chúng tôi ngồi ở bậc thềm dưới cửa sổ nói chuyện rất chan hoà tới ba tiếng đồng hồ. Một buổi chiều khác, ba người chúng tôi ngồi ở đình hóng mát dưới đình Phi lai chùa Linh Ẩn cả một buổi. Chúng tôi nói rất ít, tay tôi cầm chén trà, cảm thấy thời gian từ từ trôi đi ở bên mình. Tôi có một cảm giác sung sướng, vô tư lự. Thế nhưng khi phải chia tay chị, bỗng tôi cảm thấy chị như vẫn muốn về Thượng Hải, vì ở đây chị thấy buồn tẻ. Tôi và người

bạn từ chùa Linh Ân tiễn chị về Bạch Lục Kiều. Chị liên tục vỗ tay cho chúng tôi, nét mặt cười hiền hậu biết bao, chân thành biết bao, mà cũng đơn côi buồn tẻ biết bao!

Đầu năm sau, năm sáu người chúng tôi từ Quảng Châu đi tham quan đảo Hải Nam. Ngồi trên một chiếc xe du lịch đi quanh đảo một vòng, Cô Chín cũng ở trong đoàn. Tiếp đó, chị lại về Quảng Châu ăn tết với gia đình tôi, rồi đi xem chợ hoa. Chị rất vui mừng viết thư ca ngợi những điều chị thấy lúc đó. Tôi còn nhớ, chúng tôi ở nhà khách của thành phố Hải Khẩu chờ máy bay về Trại Giang đã tới hai ngày rồi, mọi người đều thấy sốt ruột. Trong khi chuyện phiếm sau bữa cơm tối, chị đã nói về thân thế của chị hơn một tiếng đồng hồ. Không ngờ trên đường đời của chị lại lắm chông gai đến thế, chị đã phải khó khăn nhưng cương quyết vượt ra khỏi sự trói buộc của gia đình kiểu cũ, vứt bỏ cuộc sống hào hoa của một tiểu thư con nhà giàu để đi tìm trí thức, sống bằng sức lực của mình, muốn làm một việc như bản thân chị từng nói "sáng tạo một thế giới mới, một cuộc đời mới", làm "một con người chân thực". Những ngày tháng kiên trì đấu tranh đó, nếu như không được tự do, chị sẽ ốm và chết trong nhà. Chị không chịu khuất phục, cuối cùng đã ra khỏi được cái gia đình giàu có ấy. Chị nói rất giản dị, như nói những chuyện ở đâu đâu, rất xa rất xa. Mà quả thật là những chuyện nhiều năm trước rồi, nhưng chị không thể không xúc động. Chị nói rằng cách đó không lâu, trong một lần học tập, chị đã nói về quá khứ của mình. Sau buổi họp, có một đồng chí nói với chị, trước đây cứ nghĩ rằng chị là một phần tử trí thức cũ được săn sóc cung chiều, thuận buồm xuôi gió, đến giờ mới hay rằng chị cũng phải qua một cuộc đấu tranh gian khổ, cho nên càng hiểu thêm về chị hơn. Tôi nói đúng là như thế, trước đây tôi cũng nghe người ta bảo chị cô độc, thanh cao, hay mặc quần áo màu đen, một mình im ỉm trong nhà, không thì cũng cô đơn đi đi lại lại trong sân. Chị cười. Một con người như chị, ở trong xã hội cũ tránh sao không bị người ta hiểu lầm? Chị đâu có ưa gì cô độc? Trái tim cháy bỏng của chị cần sự ấm áp của cuộc đời biết bao!

Từ sau đó, sự đi lại giữa chị và cả nhà tôi ngày càng mật thiết hơn. Hai đứa con tôi rất quý chị. Chúng tôi đã sống với chị một thời gian ở Hoàng Sơn, lại cùng nhau tắm suối nước nóng ở Tùng Hoá. Trong một năm chúng tôi thế nào cũng phải thăm chị hai ba lần, thư từ qua lại càng nhiều hơn. Chị rất thích đọc thư của Tiêu San và cũng viết khá nhiều thư trả lời Tiêu San. Đầu năm 1966 chị tới Thượng Hải, tôi cùng với người thân và bạn bè ở Thượng Hải chúc mừng chị chẵn bảy mươi tuổi. Lần ấy, chúng tôi đã thoải mái sum vầy với chị mấy ngày liền. Kỳ thực nói là vô tư, cũng cần phải mở ngoặc đơn, vì các nhà văn ở Thượng Hải lúc này đã bắt đầu phải học bài: "phê bình vở kịch lịch sử Hải Thuy bãi quan" của Diêu Văn Nguyên. Chiều thứ bảy nào, tôi cũng phải đến Hội trường Văn nghệ để học tập. Có một lần, Diêu Văn Nguyên hí ha hí hửng khích lệ mọi người "nói cho bằng hết". Nhìn thấy hân phòng mang trộn mắt, hoa chân múa tay, tôi cảm thấy trên đầu tôi mây đen đang kéo đến, một trận bão táp sắp ập ngay xuống. Thời gian Cô Chín ở Thượng Hải không lâu, nhưng chị cứ khăng khăng đòi tham gia lớp học tập của chúng tôi. Tôi cười, khen chị "tích cực học tập", chị bảo chị đến để "rút kinh nghiệm", trở về có thể cũng sẽ phải làm cái việc học tập như vậy, qua đó tôi mới thấy rằng chị cũng hơi lo. Trước và sau Thanh minh năm ấy, tôi và Tiêu San không đi Tây Hồ thăm Cô Chín được. Chị đã cùng mấy người đồng sự vội vàng đi họp ở Bắc Kinh. Tình thế mỗi ngày một căng, ngay cả Tiêu San cũng tham gia đội công tác "tứ thanh" ở nhà máy đồng.

Cô Chín từ Bắc Kinh về, vẫn ghé qua Thượng Hải. Tôi còn nhớ chị ở lại nhà khách mấy ngày, rồi tôi còn nghe chị khen Tiêu San tham gia đội công tác có rất nhiều tiến bộ. Chị không hề nói đến tình hình đi họp ở Bắc Kinh. Thế nhưng đến cụ Quách⁴⁴ cũng công khai tuyên bố tác phẩm của cụ phải đốt hết, bản thân cụ cũng đồng ý lăn lộn vào đời sống. Bởi thế, một người bạn làm thơ cũng thành khẩn khuyên tôi nên tỏ thái độ. Ngay sau đó, tôi hoàn toàn phủ định mình, không hề cảm thấy đau đớn, ngược lại còn thấy nhẹ nhàng, nghĩ bụng thế nào rồi cũng qua được một thời gian. Hết cuộc

vận động này đến cuộc vận động khác, tưởng như mài dũa cho đầu óc người ta nhạy bén thêm, kì thực, ngược lại, nó chỉ mài cùn đi. Mấy tháng ấy, trạng thái tinh thần và tư tưởng, tình cảm của tôi là như thế. Tôi hình như rất sợ sệt, rồi lại tựa hồ chẳng để ý gì. Tôi đến ga Bắc tiến Cô Chín lên tàu, đưa tay vẫy mãi toa xe từ từ chuyển bánh để chào chị, chị có vẻ mặt hiền như người chị cả. Tôi không ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp chị. Nhưng tôi lại có một ý nghĩ: chúng ta không có gì để che mưa, làm sao có thể che nổi một trận mưa như trút nước có thể ập tới! "Chúng ta" đây không chỉ nói riêng tôi, không chỉ nói riêng Cô Chín, còn có rất nhiều người, chung số phận như nhau.

Khoảng hơn hai tháng sau, tôi bất ngờ lại tới Hàng Châu. Tôi đến để tham gia cuộc "Đại liên hoan trên hồ" của các nhà văn Á Phi vừa nói ở trên. Tôi từ Bắc Kinh, đến Vũ Hán. Sau chuyến đi Hàng Châu, các nhà văn Á Phi chia đi ba ngả để tham quan và hẹn gặp nhau ở Hàng Châu. Là phó Đoàn đại biểu của Trung Quốc, tôi và một số đồng chí cùng công tác đến Tây Hồ trước để liên hệ với các nhà văn ở địa phương. Tôi đinh ninh rằng Cô Chín thế nào cũng ra tiếp khách phương xa. Thế nhưng ở đây tôi đã không gặp dù một người quen nào của Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật hay hiệp hội nhà văn. Bảo rằng họ đều có vấn đề, đều không được ra đón. Tôi không dám hỏi thêm nữa, sợ sẽ phải nghe thêm những tin tức đáng sợ. Thôi thì một ông giám đốc Sở văn hoá của tỉnh có mặt cũng có thể biểu hiện được nền văn hoá xán lạn của chúng ta rồi! Trước hôm rời Hàng Châu, một nhà thơ người Philippin hỏi tôi: tại sao ở một nơi non xanh nước biếc, cảnh đẹp như tranh thế này mà lại không gặp một nhà thơ hay nhà văn nào? Tôi ấp a ấp úng, không trả lời được, về đến Thượng Hải, tiễn khách nước ngoài đi rồi, bản thân tôi cũng bị bao vây, không được đi đâu nữa.

Bây giờ tưởng nhớ lại, tôi vẫn còn có cảm giác như mơ như tỉnh. Lúc bấy giờ cũng thế, tôi cứ luôn cho rằng chuyện này không có thật. Thế nhưng sự việc cứ liên tục xảy ra, khám nhà, cưỡng bức lao động, chỉ trong

một đêm trở thành người có tội, v.v.. Con gái tôi không thể ở nhà được, nó cùng đi xâu chuỗi với bạn bè. Qua Hàng Châu, nó đã vào thăm Cô Chín. Cô Chín đã tiếp đãi nó và còn cho nó tiền tiêu vặt. Đó là chuyện xảy ra cuối tháng 11, Cô Chín tuy chỉ là liên quan, nên chưa bị cách ly thẩm tra, còn giữ con gái tôi ở lại Bạch Lạc Kiều một đêm. Nghe nói nhân viên phục vụ ở khách sạn Hoàng Sơn đã tố cáo chị tắm bằng sữa bò, Cô Chín vô cùng căm phẫn. Năm 1961, chúng tôi có nghỉ hè ở Hoàng Sơn, sau này Tiêu San cũng đưa các con tới nghỉ ở lầu Tử Vân lưng chừng núi. Khách sạn Hoàng Sơn ở ngay phía dưới lầu Tử Vân, hàng ngày chúng tôi đều đi thăm Cô Chín. Ở đó cũng chẳng có gì là hào hoa, sang trọng. Cô Chín cũng chẳng hề được đãi ngộ đặc biệt. Sáng sớm, chúng tôi thường uống sữa đậu nành, chẳng ai từng thấy sữa bò. Thế nhưng đối với những điều gọi là "tổ giác" trong vận động, chúng tôi đều thể nghiệm thấy rằng, bên trên cần cái gì, bên dưới có ngay cái đó. Khi còn ít tuổi xem truyện cũ, tôi cứ không hiểu tại sao chỉ có ba chữ "có lẽ có" mà cấu thành tội ác tày đình, đến bây giờ thì hoàn toàn rõ rồi! Mười năm đại họa làm một cuộc "Đại triển lãm văn vật phong kiến", mọi người đều "được bài học sâu sắc". Khoảng tháng 10 năm sau, tại trụ sở cũ của Phân hội Nhà văn Thượng Hải, "phái tạo phản" đã đấu tranh phê phán trưởng ban Tuyên huấn Thị uỷ Thạch Tây Dân. Tôi cũng bị lôi ra đấu theo. Hôm đó, "phái tạo phản" ở Hàng Châu đến phát biểu, đòi Thạch Tây Dân không được trực tiếp trả lời. Tôi lo thay cho Cô Chín. Thế nhưng về sau tôi cũng không nhận được tin gì không hay.

Tháng 5 năm 1974, con rể tôi đi công tác ở Hàng Châu. Tôi bảo cháu đến thăm Cô Chín. Cháu đã tìm được chị. Chị vẫn ở nguyên chỗ cũ, chỉ có điều nhà ở bị thu hẹp lại, chỉ còn một gian. Chị đã 78 tuổi, con rể chị đã chết, con gái cũng không được khỏe, rất ít người nhòm ngó đến chị. Chị rất cô đơn, lạnh vắng, có lúc mong con rể tôi đến để đánh bài tulokho. Chị có viết thư cho tôi, nhưng vấn đề của tôi còn chưa được giải quyết triệt để, không tiện thường xuyên viết thư cho chị. Lại một năm rưỡi nữa qua đi, tình hình của tôi hiển nhiên chưa có gì thay đổi, sinh mạng của tôi vẫn còn

đang ở trong bàn tay nanh vuốt của "lũ bốn tên". Con gái tôi cũng đi Hàng Châu. Nó cũng đến Bạch Lạc Kiều. Vợ chồng con gái tôi đã đem lại một chút ấm áp cho cuộc sống cô đơn, lạnh lẽo của một bà già 80 tuổi. Thế nhưng ngoài công tác và học tập, chúng cũng còn hoạt động của chúng, còn phải tham gia những cuộc phê này, phê nọ không bao giờ hết, làm sao có thể thường xuyên đến thăm chị?

Cuối tháng 9 năm 1976 con gái và con rể tôi về Thượng Hải dự Quốc khánh. Tôi hỏi chúng về tình hình Cô Chín. Con gái tôi bảo chị bị viêm phổi phải vào viện điều trị. Vợ chồng nó có đến thăm chị, chị đã không nhận ra được chúng. Sau Quốc khánh, vợ chồng con gái tôi về Hàng Châu đã cắt gửi cho tôi mảnh báo đưa tin về lễ truy điệu đồng chí Phương Lệnh Nhũ, thì ra, lúc chúng tôi đang chuyện trò về chị, chị đã không còn ở trên cõi đời này nữa!

Cô Chín sống 80 năm, không phải không thọ. Trong thời gian bị liên quan, chị còn lợi xuống ruộng lao động, chịu được thử thách, và cuối cùng chị đã được "giải phóng". Thế nhưng, chị không lợi dụng đầy đủ được sinh mệnh và tài hoa của chị. Chị không thể chết mà không hối tiếc. Điều khiến người ta tiếc hơn là chị còn thiếu có hơn chục ngày nữa, mà chị không được nhìn thấy "lũ bốn tên" tan rã.

Sau khi "lũ bốn tên" sụp đổ, tôi hai lần đến Tây Hồ, đều không mang hoa đến viếng mộ chị được, vì các mộ như thế không tồn tại. Tôi biết rằng có hộp tro hài cốt, nhưng hộp tro hài cốt sao có thể thay thế đàn ở trong tim người. Trong tim tôi, kỉ niệm về nhà thơ nữ chính trực, hiền lành ấy mãi mãi không phai mờ. Tôi hai lần ghé qua Bạch Lạc Kiều, nhưng chỉ ngồi trên xe chạy ào qua. Trước mắt tôi là một màu xanh, chẳng nhìn thấy rõ thứ gì nữa hết. Thế nhưng trong mắt tôi, có một bà cụ già chống gậy trúc tươi cười vẫy tay không ngớt.

Dời Hàng Châu, tôi đi Bắc Kinh tham dự Lễ truy điệu đồng chí Mao Thuần. Ở gian nghỉ của phòng Tân Cương tại Nhân dân Đại lễ đường, tôi ngồi bên đồng chí Đinh Linh. Bà bỗng dừng bảo tôi: "Tôi không thể quên được một con người - Phương Lệnh Nhữ. Trong thời gian tôi gặp khó khăn, chị ấy đã chủ động tìm đến tôi, tỏ lòng muốn giúp đỡ. Lúc đó tôi không dám tin chị ấy, chị ấy đến mấy lần, còn nói: "Tôi thực sự thông cảm với chị, kính trọng chị...". Chị ấy quả là con người tốt". Tôi cảm ơn đồng chí Đinh Linh đã nói những lời như vậy. Bản thân Cô Chín chưa hề nói đến câu chuyện những năm ba mươi.

Viết xong ngày 15 tháng 5.

TƯỜNG NHỚ ÔNG PHONG

Đồng chí Phong Nhất Ngâm gửi thư bảo tôi nói đôi điều về sự đi lại giữa tôi và ông thân sinh ra chị ấy. Tôi gần đây hay ốm vặt, động một tí lại cảm thấy mệt mỏi, nhưng công việc lại rất bận rộn, rất ít có thì giờ yên lặng để suy nghĩ. Thành phố mà tôi đang ở đây rất nhiều tiếng ồn, muốn cho đầu óc được yên tĩnh, quả thực là khó quá, luồng suy nghĩ vừa mới bước vào "quá khứ" thì lập tức có những tiếng động lục cục lôi nó trở lại. Quá khứ, hiện tại và tương lai luôn luôn trộn vào với nhau, muốn nhớ lại, suy nghĩ cho tử tế, không biết nên bắt đầu làm từ đâu.

Sau khi nhận được thư của đồng chí Nhất Ngâm, tôi cùng sơ sơ nghĩ qua mấy lần. Tôi thấy rằng giữa tôi và ông thân sinh của chị ấy, không có mối qua lại riêng tư. Tôi cũng thấy lạ. Đúng lý ra, chúng tôi phải trở nên bạn bè qua lại mật thiết. Thứ nhất, ông Tử Khải và tôi đều là tác giả ra sách khá nhiều ở hiệu sách Khai Minh; thứ hai, tuy trong những năm hai mươi, ba mươi, một số bạn của tôi thường nói tới ông Tử Khải bằng những lời lẽ rất thân thiết, hữu hảo, trong số họ, có người đã cùng với ông mở ra trường Lập Đạt, có người là học trò của trường này; Thứ ba tôi cho rằng ông là một nhà nhân đạo chủ nghĩa, mà trong tư tưởng của tôi cũng có mầm mống của chủ nghĩa nhân đạo; Thứ tư, không cần nêu thí dụ nữa... nghĩ tới nghĩ lui, nguyên nhân duy nhất đại khái là tính tôi cô độc, không thích nói chuyện, không khéo giao thiệp, không muốn gặp người lạ, có chuyện gì cũng chỉ để trong bụng, giấu trong lòng, có gì không giấu hết, thì nhờ vào giấy bút. Tôi ít được tham gia các hoạt động văn nghệ thời bấy giờ, và cũng rất ít lộ mặt trong những trường hợp công khai. Ngay từ những năm ba mươi, tôi đã có một ý nghĩ thế này: tên tuổi của nhà văn không thể tách rời tác phẩm của mình. Đến bây giờ tôi vẫn giữ vững chủ trương đó. Nhà văn mãi mãi không thể xa rời người đọc, mãi mãi không thể xa rời nhân dân. Là một người đọc, tôi không thể quên được ông Tử Khải.

Bây giờ, tôi hoàn toàn không thể nói được tôi đã gặp ông Phong lần đầu tiên vào lúc nào (sau này tôi cũng gọi ông Tử Khải theo thói quen như thế), cũng không nói rõ được tình hình lúc mới gặp nhau; Thế nhưng tôi còn nhớ khi còn đi học ở Nam Kinh, đó là năm 1924 thì phải, tôi đã thích những bức tranh vui của ông, xem những ý cảnh trong thơ cổ do ông vẽ, xem tâm linh và sự viễn tưởng của trẻ em mà ông vẽ, đối với tôi, là một thứ hưởng thụ rất khoan khoái, về sau này, cứ như thế mãi. Cuối năm 1928, từ nước Pháp trở về, tôi cùng ở với Sách Phi, ông ấy làm việc ở hiệu sách Khai Minh, cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi là *"Diệt vong"* cũng xuất bản ở hiệu sách Khai Minh. Sách Phi luôn luôn nói tới ông Phong, cũng không chỉ một lần ca ngợi ông "hiền lành", chất phác. Ông còn là một người lao động chuyên cần nữa. Tôi đã nhìn thấy từng tập, từng tập bản dịch và tranh vẽ của ông. Ông giới thiệu những hiểu biết cơ bản về nghệ thuật phương Tây. Ông kể chuyện về các nhà soạn nhạc phương Tây, ông giải thích lịch sử phát triển của Hội họa phương Tây, ông cổ động cho việc bảo vệ sinh vật, ông thăm dò thế giới tinh thần của trẻ em... Tôi chưa từng gặp ông, nhưng trong óc tôi có một hình ảnh của "ông Phong", một con người không tranh giành gì trên đời, nhưng lại yêu tất cả mọi thứ trên đời, một trái tim thơ ngây trong trắng, không vẩn đục. Tôi không hoàn toàn tán thành chủ trương của ông, nhưng tôi kính trọng cách ăn ở của ông với người khác. Tôi không chỉ yêu thích những bức tranh của ông mà tôi còn yêu chữ viết của ông. Năm 1930, sau khi dịch xong cuốn *"Tự truyện"* của Kiopothm, (1842-1921) tôi nhờ Sách Phi chuyển xin ông Phong đề chữ bìa giúp. Khỏi cần nói tôi mừng rỡ như thế nào khi nhận được bút tích của ông. Cuốn *"tự truyện"* với số in rất ít đó là một vật kỉ niệm duy nhất nối liền tôi với nhà nghệ thuật hiền lành chất phác ấy.

Tôi lục lọi trong trí nhớ của mình, có thể nói chẳng tìm được gì. Tôi đã không còn điều kiện để trầm tư mặc tưởng nữa.

Trước chiến tranh, qua Sách Phi, tôi luôn luôn biết được tình hình công việc và những chi tiết trong đời sống của ông Phong. Sau này tôi được đọc những bài văn của ông miêu tả một cách thân thiết cuộc sống sáng tác êm ả của ông ở quê hương. Rồi chiến tranh bùng nổ, quân xâm lược áp sát quê hương, ông cùng người nhà hốt hoảng lánh nạn. Từ đó, ông ở Triết Giang, đi Giang Tây, Hồ Nam, Quảng Tây rồi lại đi Tứ Xuyên. Trong thời gian này, tôi cũng đi rất nhiều nơi. Tôi không, nói được là do nguyên nhân gì, tôi với ông không hề có một mối liên hệ gì, thế nhưng dấu chân ông trước sau vẫn không hề mất đi trước mắt tôi. Những tùy bút mà ông đăng ở các nơi, cái nào kiếm được, tôi đều đọc hết. Khi đọc, tôi như gặp được người bạn cũ cảm thấy vui mừng thân thiết. Ông viết hết sức mộc mạc, vô cùng chân thành. Những vui buồn, những điều may hay không may của ông hút chặt lấy tim tôi. Thời gian kháng chiến, tôi có gặp ông ở hiệu sách Khai Minh tại Trùng Khánh, nói vài câu chuyện, sau đó mới nghĩ ra rằng đó là ông Phong. Một lần khác, tôi và một người bạn đến thăm ông tại chỗ ở mới của ông tại Sa Bình Bá. Không nhớ được chúng tôi đã nói những gì, thời gian cũng không dài lắm, nhưng tôi vẫn giữ được một ấn tượng rất tốt. Ông vẫn là con người như thế: một trái tim hiền lành, chất phác, một cuộc sống đơn sơ, giản dị, vẫn trước sau vui vẻ, cần mẫn với công việc của mình. Tháng 7 năm 1942, tại hiệu sách Khai Minh phố Từ Đường ở Thành Đô, tôi đã mua được bức tranh do chính tay ông vẽ tặng cho một người anh em họ của tôi, để khêu gợi tình cảm cao đẹp của họ.

Sau ngày Thượng Hải được giải phóng, tôi mấy lần gặp ông Phong và đồng chí Nhất Ngâm, nghe nói cuốn "Nguyên thị vật ngữ" nổi tiếng của Nhật Bản, ông bắt đầu tự học Nga văn và cho biết phải học xong Nga văn rồi mới đi Bắc Kinh. Tôi tin rằng ông đủ nghị lực để làm tốt hai việc đó. Quả nhiên năm 1959, ông đi Bắc Kinh tham dự cuộc họp của Ủy ban Chính trị Hiệp thương Toàn quốc: những tác phẩm văn học dịch từ Nga văn của ông cũng lần lượt được xuất bản (trước khi "lũ bốn tên" bị lật đổ, tôi nghe một người bạn cũ nói ông đang đọc toàn bộ bản thảo cuốn "Nguyên thị vật

ngữ" do Phong tiên sinh dịch). Ông liên tục làm việc không biết mệt mỏi. Chúng tôi có lúc cùng tham gia học tập, ông rất ít phát biểu. Hôm nay tôi còn nhớ lảng máng trong Đại hội Văn nghệ lần thứ Hai ở Thượng Hải năm 1962, ông chỉ phát biểu ngắn gọn. Ông ủng hộ phương châm văn nghệ: "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng". Ông phản đối biện pháp dùng cái kéo to cắt cây xanh mùa đông, ép buộc phải như nhau, ông yêu cầu phải để cho hoa nhỏ, hoa không tên cũng được nở thoải mái. Ba tháng sau, ông lại đăng bài tùy bút "A mi". Nhà nghệ thuật lão thành, "người gieo giống chuyên cần" này chẳng qua rất ôn hoà nói mấy câu tâm sự, ông chỉ nói về lạc thú trong cuộc sống, bàn về phương pháp làm việc. Ông nằm mơ cũng chưa từng nghĩ rằng mình sẽ "chống" cái gì, sẽ "tấn công" vào đâu. Thế nhưng không lâu sau, đông bão đã nổi lên, bài nói chuyện của ông, tranh châm biếm của ông (minh hoạ cho "A mi", "bác mèo ngồi lên gáy của quý khách") trong chốc lát đã biến thành cở độc "chống Chủ nghĩa Xã hội". Tôi cũng phải công trên lưng một cái đệm rất nặng. Trong Hội nghị Đại biểu Văn nghệ lần thứ Hai của Thượng Hải, tôi là người đầu tiên lên phát biểu, nói mạnh mẽ về "dũng khí và tinh thần trách nhiệm của nhà văn", tôi đi đầu "phát huy dân chủ". Căn cứ vào kinh nghiệm trước đây, lúc ấy tôi cũng hơi lo lắng, nhưng không ngờ được rằng gió lại chuyển hướng nhanh đến thế. Một mặt tôi cũng thăm trách mình thiếu bình tĩnh, nói cho sướng miệng, óc tôi cũng chuyển hướng theo với gió, một mặt khác, tôi chưa thông, tôi có ý kiến với cách gọi là "dẫn rắn ra hang". Nghe người ta phê bình "A mi" lúc đầu tôi cũng chẳng thấy làm sao, nhưng nghe nhiều lần rồi, tôi cũng dần dần tiếp thu cách nhìn của người khác, nghi ngờ tác giả có ác cảm với xã hội mới. Dù cho tôi chưa từng viết bài phê bình, cũng chưa công khai tỏ thái độ, nhưng hồi tưởng lại sự biến đổi về tư tưởng của mình trong thời kì ấy, tôi không thể không cảm thấy áy náy vì chưa làm tròn "tinh thần trách nhiệm của nhà văn". Trong khi bàn luận riêng với nhau, tôi chưa từng nói một câu nào công bằng cho "A mi". Kì thực tôi cũng không thể đòi hỏi mình ngặt nghèo, tôi cũng chưa từng nói một lời nào công bằng cho bài nói ấy của tôi. Lúc bấy giờ hình như có một thứ áp lực rất lớn nào đó làm đổ vỡ nốt cả một chút suy nghĩ độc lập còn lại của tôi. Trong mấy năm tiếp theo,

tôi mơ hồ, như đang bơi dưới biển, bờ thì còn xa, tôi thì đã cảm thấy không đủ hơi sức nữa, nhưng tôi vẫn cố bơi về phía trước.

Thế là "Đại Cách mạng Văn hoá" bắt đầu. Sau khi tôi tham dự Hội nghị khẩn cấp các nhà văn Á Phi ở Bắc Kinh về đến Thượng Hải, trước khi tiễn khách nước ngoài, tôi đã đến họp ở Phân hội của Hiệp hội các nhà văn. Trong phòng lớn đã treo báo chữ lớn: "xây dựng vô sản, triệt tiêu tư sản", phê phán bài nói chuyện của tôi. Người bị phê phán hôm ấy là một nhà phê bình văn học mà không lâu sau buộc phải nhảy lầu. Tôi được mời ngồi lên "ghế trên", ngược mắt lên là nhìn thấy tờ báo chữ to vạch "tội ác" của tôi treo ở trước mặt. Tôi thừa biết, sau khi tôi tiễn khách đi rồi, tai hoạ sẽ giáng xuống đầu tôi. Tôi còn làm ra vẻ không có chuyện gì xảy ra, kì thực trong lòng rất sợ. Tôi mong chờ xuất hiện một sự lạ: tôi được cứu vớt, cả nhà tôi được cứu vớt. Tự mình cũng thấy đó là hoang tưởng. Tôi bắt đầu thừa nhận rằng mình "có tội", bắt đầu dùng lời lẽ trên báo chữ to thay cho suy nghĩ của mình. Các bạn bè đã vạch ra giới hạn với tôi, kỳ thực một số rất lớn những người quen đã vào "chuồng bò" sớm hơn tôi, không cần thiết để tôi vạch giới hạn ra với họ. Ông Phong là một trong những người đó. Tôi chưa từng đến nhà ông, nhưng tôi biết ông ở trong một căn nhà tây nhỏ kiểu Tây Ban Nha ở đường Thiểm Tây Nam. Khi tôi đi làm, đi họp hay đi học tập ở Phân hội Hiệp hội các nhà văn phải đi qua ngõ phố vào nhà ông. Tôi hỏi thăm người ta, ngay từ hồi tháng 6, ông đã bị định tội là quyền uy "học thuật phản động" bị phê phán và giày vò rồi.

Tôi cũng bị chụp cho cái mũ "quyền uy học thuật phản động", đó chỉ là một trong mấy cái mũ liền, và tôi đã tiếp nhận một cách vô tư. Tôi nghĩ thôi thì đã liệt tôi vào cái hạng "quyền uy" rồi, tôi không là "phản động", lẽ nào lại là "Cách mạng", Tôi lại có thể cho rằng mình "nhận mà không hổ thẹn, mà còn không cảm thấy phẫn uất trước cảnh ngộ của ông Phong. Trong hai năm đầu, thậm chí tôi còn coi đời sống "chuồng bò" và sự giày vò trong "đấu tranh phê phán" là sự thử thách không thể thiếu được của một trí thức.

Tôi thực sự tin tưởng rằng nếu ngâm đấng nuốt cay qua được cái đận này chúng ta sẽ có thể bước lên con đường tươi sáng. Tôi bị phê đấu tương đối muộn, nhất vào "chuồng bò" một năm sau mới lòi ra bãi phê đấu. Tôi luôn luôn lo lắng cho mình có thể qua được cái đận này không. Tôi còn nhớ, có một hôm đến "chuồng bò" để làm việc, xuống xe ở ngã tư đường Hoài Hải và đường Thiểm Tây, thấy trên bức tường cạnh cửa hàng có dán bài báo phê phán Phong Tử Khải, trên đường Thiểm Tây cũng có. Xem những bài báo đó, tôi bỗng thấy run, nghĩ bụng sắp sửa đến lượt mình rồi chẳng? Lúc ấy, tư tưởng của tôi hình như rất phức tạp, thực ra lại hết sức đơn giản. Đáng buồn cười nhất là có một thời gian ngắn, tôi đã tập trộm cách cúi đầu khom lưng và tư thế tiếp thu phê phán. Điều đó nói lên rằng tôi tiếp thu phê bình rất tự nguyện, hơn nữa còn muốn có biểu hiện tốt ở chỗ phê đấu nữa. Sau này, tôi đã lên sàn phê đấu thật, chịu hết lần này đến lần khác. Quả thực là tôi đã được "giáo dục". Mọi người đều đang đóng kịch, tôi không phải là diễn viên, thì làm sao có thể diễn tốt được?

Sau khi phê đấu xong, tôi ra đường Thiểm Tây đạp xe điện về nhà. Nhìn thấy những nếp nhà Tây kiều Tây Ban Nha, tôi lại nhớ đến ông Phong, trong lòng rất buồn. Tôi còn không chịu nổi, một con người hiền lành, chất phác như ông thì làm thế nào? Một hôm tôi đã nhìn thấy ông. Ông không chống gậy, mà cắp một cái ô ở nách, vội vội vàng vàng đi qua trước mặt tôi, râu cũng không còn nữa. Không giống ông cái lần tôi gặp ông khi học tập ở Ủy ban Chính trị Hiệp thương thành phố. Vội vàng đi qua, ông hầu như không từng nhìn thấy tôi. Tôi cảm thấy ông có vẻ trẻ ra. Thấy thêm một người tốt nữa còn sống, tôi thấy rất mừng. Tôi những tưởng rằng ông qua được cái đận trước mắt này.

Nhưng sự việc lại không đơn giản thế. Không biết từ đâu lại có một trận cuồng phong thổi tới. Cái gọi là cuộc vận động "phê tranh đen" bắt đầu. "Bí thư Thành ủy" Từ Cảnh Hiền lúc đó đã đọc báo cáo khoa gậy lên tùy ý chỉ tên. Nhà nghệ thuật từng làm nhiều việc tốt cho dân lại vô duyên vô cớ bị

lôi ra làm bia đỡ đạn. Đến cả bức tranh cổ "Mãn sơn hồng diệp nữ lang tiêu" cũng bị coi là cò độc "chống lại ba ngọn cờ đỏ". Bóng hoa đào dưới nước của bức tranh "Trong thuyền ngắm cảnh xuân" cũng bị coi là chứng cứ tội ác "công kích công xã nhân dân". Những cuộc phê đấu, vô tình đã không có sức thuyết phục được ai nữa, nó chỉ có khiến tôi thấy ra rằng: ai có quyền, có thế, người ấy có lý. Từ đó trở đi, tôi bắt đầu hiểu được hiệu quả xã hội mà người ta bàn luận là cái gì. Tôi dần dần rõ ra sự phê bình lợi hại như một cây gậy luôn luôn phủ định sự phê bình. Gậy đập xuống càng nhiều càng bộc lộ mình ra. Lúc đầu quả thực tôi tin rằng phê đấu là để cứu vớt tôi. Nhưng sau khi chịu phê đấu nhiều lần rồi, tôi mới được rõ rằng những người lấy phê đấu làm vui là những người đập lên thầy người khác mà nhẹ bước thanh vân thẳng tiến. Tôi đã trở thành một tín đồ thành kính, chột phát hiện ra tất cả phù chú đều là tùy ý phía ra. Tôi không thể sống bằng những lời nói dối, cần phải tự động não. Mắt dần mở to, cái ba lô trên lưng cũng ngày một nhẹ đi. Tôi thôi không hoảng sợ, thôi không lo lắng, sợ sệt, thôi không còn cảm giác có tội nữa. Đầu óc hoạt động trở lại, ý nghĩ cũng nhiều lên, tôi nghĩ đến đến Nhạc Phi ở Hàng Châu bị phá huỷ cùng với bốn pho tượng sắt quỳ trước Nhạc mộ, tôi mơ hồ nhìn thấy một nguồn sáng mới. Đó chẳng phải là kết cục của những kẻ dùng cái tội danh "không dùng chứng cứ" để hại người đó sao?

Tôi không còn phải lo lắng cho ông Phong nữa. Hình ảnh một nhà nghệ thuật được nhân dân yêu mến không thể bị tổn hại. Tôi thôi không còn tin "lũ bốn tên" có thể hoành hành lâu dài được nữa, nhưng tôi không ngờ rằng chúng lại sụp đổ nhanh đến thế, càng không thể ngờ rằng ông Phong lại không được nhìn thấy sự diệt vong của chúng nó.

Trên thế giới ngày nay, các họa sĩ thường sống lâu, giá như không có những cuộc phê đấu, sỉ nhục và giày vò của bọn người kia, ông Phong nhất định sẽ còn sống đến ngày nay. Thế nhưng nghe nói năm 1975, ông chết trong phòng theo dõi khoa cấp cứu của một bệnh viện. Ở Thượng Hải tổ

chức hai lần lễ truy điệu cho ông, tôi đều không tham dự. Lần thứ nhất vào tháng 9-1975, tôi còn chưa được giải phóng, ông cũng còn chịu hàm oan. Lần thứ hai, vào tháng 6 năm 1976, tôi đi họp ở Bắc Kinh và cuối cùng cũng được minh oan xá tội. Không được đặt một vòng hoa trước linh cữu của ông, tôi luôn thấy hối tiếc. Nhà nghệ thuật ưu tú nhất định được người ta tưởng nhớ. Nhưng tôi không thể không nghĩ rằng, đối với những người như thế thì tưởng nhớ sau khi người ta chết rồi không bằng trước đó yêu mến họ, Hãy nhớ thật kỹ bài học đau đớn này!

Ngày 31 tháng 5.

LỜI TỰA "CẬN DĨ TUYỂN TẬP"

Hạo Tư biên tập tuyển tập gồm nhiều quyền của thân sinh chị, bảo tôi viết lời tựa, tôi chưa trả lời. Là người bạn cũ của Cận Dĩ, thấy tuyển tập nhiều quyền của ông đã biên tập xong, sắp sửa chào đời, tôi rất lấy làm mừng. Có thể góp chút gì, âu cũng là bốn phận của tôi. Tôi không muốn viết tựa, chỉ là vì tôi chưa có đủ điều kiện. Nếu như làm việc cho nghiêm túc, tôi cho rằng cần phải chặt chẽ hơn. Bài tựa của đồng chí Kha Linh cho "Tuyển tập kịch của Lý Kiến Ngô" là một tấm gương, ở đây tôi muốn chỉ thái độ sáng tác của ông. Ông đang nằm viện, để viết bài tựa này, ông nhờ người đi đủ mọi nơi mượn sách, bỏ ra hơn hai tháng trời, hầu như đã đọc hết mọi sáng tác về kịch nói của Lý Kiến Ngô.

Tôi rất muốn học Kha Linh, nếu trước đây 10 năm, tôi còn có khả năng đọc hết một lượt toàn bộ tác phẩm trong "Cận Dĩ tuyển tập", nhưng hiện nay không còn cả thời gian và hơi sức nữa. Ấn tượng xưa kia còn giữ lại cũng dần dần mờ nhạt, tôi không thể viết tùy tiện, cũng không thể dễ dãi với mình, cho nên hai lần tôi đều chối khéo, bởi vì tôi không thể viết được một bài tựa như Kha Linh từng viết.

Thời gian trôi nhanh ngoài ý nghĩ con người. Sức khỏe của tôi cũng tồi tệ đi với tốc độ như thế. Nhưng công việc biên tập của Hạo Tư thì đã hoàn thành. Hầu như chị cảm thấy đau khổ, không có người viết tựa cho "tuyển tập", cũng có thể vì tôi không nhận lời mà chị cảm thấy thất vọng. Tôi động viên Hạo Tư tự viết lấy lời tựa của người biên tập. Chị đã đọc thuộc từng bài trong tuyển tập, nhất định sẽ có nhiều điều muốn nói. Chị lại là người con được cha chị yêu quý nhất, viết ra những tình cảm chân thực, mộc mạc của chị là có thể làm rung động trái tim người đọc. Nhưng chị khiêm tốn, không chịu viết. Còn tôi, thì tôi biết cả nhà chị đã vất vả tới hai mươi năm trời cho việc xuất bản tuyển tập nhiều quyền của Cận Dĩ. Tôi không đành

lòng để cái tuyển tập này ra mắt người đọc với vài khoảng trống im lặng và lạnh lẽo. Sự im lặng làm cho tôi đau khổ cho dù trong tay tôi chỉ có một cây bút hết sức vụng về, cho dù tôi khó khăn lắm mới viết nổi một chữ. Tôi cũng day từng chữ từng chữ một viết ra tình cảm của mình lúc này.

Tôi với Cận Dĩ đến với văn học bằng hai con đường khác nhau, ông là sinh viên, còn tôi chưa từng học qua đại học. Tác phẩm của tôi được đăng sớm hơn ông một hai năm. Khi tôi biết ông, một số nào đó của "Tiểu thuyết nguyệt san" của Thương vụ ấn Thư quán đã cùng một lúc cho đăng truyện ngắn của hai người chúng tôi. Sau này, tôi đi Bắc Bình, ở trụ sở Ban biên tập Tạp chí "Văn học hàng quý", cùng biên tập với ông (và cả Chấn Đặc nữa), ông với tôi trở nên quen thân. Tôi luôn luôn nhớ tới cuộc sống ở Bắc Bình hồi nửa đầu năm 1934. Lúc đó, chúng tôi đều ở lô phía Bắc số nhà 14 phố lớn Tam Tòa Môn, mỗi người ở một căn phòng nhỏ, giữa có một phòng rộng để làm việc, Cận Dĩ và tôi ngồi hai bên một chiếc bàn viết lớn. Chúng tôi xem bản hiệu đính, xem bản thảo, viết thư và viết văn luôn ở đây. Ông viết rất thận trọng. Ông không giống tôi, cầm bút là viết, ông bao giờ cũng nghĩ đầu vào đầy rồi mới viết; Có lúc, ông cũng kể với tôi về tình tiết những câu chuyện trong tiểu thuyết của ông, kể rất hấp dẫn. Ông không mất nhiều công sức trong việc chọn câu chọn chữ, tôi rất ít thấy ông dừng bút để suy nghĩ. Tác phẩm của ông, tôi cũng được đọc nhiều, song thời gian lâu rồi, trí nhớ giảm sút, ngay những đoạn những chương trước đây yêu thích cũng dần dần chìm đi trong lãng quên. Chỉ có những truyện như "Chuyện của người khác", "Anh Tồn" là còn in đậm nét trong tôi. Tôi nghĩ đến ông, là trước mắt hiện ngay hình ảnh ông đang cầm cùi trên bàn viết. Tôi không biết ấn tượng của tôi có đúng hay không, tôi cho rằng ông là một nhà nghệ sĩ Nhân đạo Chủ nghĩa, có một trái tim giàu đồng cảm.

Sau này, tất sẽ có những người nghiên cứu con đường sáng tác của ông. Tác phẩm của ông có thể giúp cho chúng ta tìm hiểu được nhiều hơn về Trung Quốc cũ, và chúng cũng sẽ có thêm người đọc mới ngày càng nhiều

hơn. Có tác phẩm trước mặt, thì người đọc sẽ có thể đưa ngay ra được sự phán đoán của mình, không cần tôi phải nói nhiều lời ở đây. Tôi chỉ nói những điều tôi định nói. Thời kỳ tôi ở Bắc Bình khi cùng với Cận Dĩ đi Thượng Hải để biên tập "Văn học hàng quý" và "Văn tùng", chúng tôi ở với nhau, không còn chuyện gì không nói, và rất tâm đầu ý hợp. Về sau, chúng tôi từ nội địa trở về Thượng Hải, mãi đến tháng 10 năm 1959, khi ông vào bệnh viện lần cuối cùng, vẫn như thế. Đương nhiên, giữa chúng tôi cũng có sự khác nhau, sự bất đồng, nhưng rất ít khi xảy ra tranh chấp. Chưa hẳn ông đã hài lòng với những tác phẩm của tôi nhưng cũng ít nói ra những lời phê bình gay gắt.

Đối với loại như dạng "Hoa xanh" của ông, tôi cũng có ý kiến, nhưng sau này tôi biết thêm một số sự việc, thông cảm và hiểu thêm những vết thương trong quá khứ của ông, tôi không còn điều gì để nói nữa. Ông bước vào con đường văn nghệ, là phải trả một giá rất đắt. Ở vào thời đó, viết tiểu thuyết chưa hẳn được người ta tôn trọng. Mỗi tình đầu của ông bị thất bại, cũng chính vì ông không chịu bỏ sự nghiệp văn chương.

Ông chẳng những trọn đời giữ vững việc sáng tác, mà bắt đầu từ năm 1934 đã bắt tay làm công tác biên tập các tạp chí ra định kỳ, từ "Văn nghệ hàng quý", "Văn nghệ nguyệt san", "Văn tùng", "Văn học Hiện đại", "Tiểu thuyết nguyệt san" (Cùng biên tập với đồng chí Chu Nhi Phục) cho đến "Thu hoạch" (trong đó còn xen kẽ cả những phụ trương văn học của một số nhật báo). Ông đã bỏ ra không biết bao nhiêu là lao động cần cù. Cuối cùng, lúc ở trong phòng bệnh, ông còn duyệt bản thảo của Tạp chí "Thu hoạch". Cách nhìn của hai người chúng tôi với bản thảo văn học không hoàn toàn giống nhau, nhưng nhiều năm nay, tôi thấy ông cặm cụi miệt mài làm việc một cách thận trọng và đầy trách nhiệm, để đưa được từng tờ tạp chí một đến với mỗi người đọc, tôi cảm động rất sâu sắc. Tôi làm công việc biên tập thì còn thua kém ông nhiều. Tôi làm rất qua loa, ông là người biên tập tốt nhất mà tôi từng quen biết. Nếu như ông còn sống để biên tập tuyển tập của

chính mình, thì có phải tốt biết bao nhiêu? Song le, Hạo Tư rất hiểu người cha của chị, chị làm việc này cũng rất thận trọng và có trách nhiệm, đặt vào đây một tình cảm khá sâu, chị không muốn để cho người đọc của cha mình phải thất vọng.

Cận Dĩ chỉ sống có năm mươi năm. Mười năm sau cùng, ông viết không nhiều. Ông rất khiêm tốn, ngay những năm năm mươi, ông đã phủ định những tác phẩm trước đây của mình. Tôi còn nhớ, một lần, không phải là năm 1955 thì là năm 1956, chúng tôi đi họp ở Bắc Kinh, cùng ở một phòng, buổi tối, tôi đem bản in thử của tập *"Đêm lạnh"* ngồi dưới đèn hiệu chỉnh, ông thấy vậy đã phê bình tôi: "Tại sao anh còn cho in thứ sách này?". Lúc đó, tôi cũng còn thiếu khiêm tốn, nên chỉ cười cười không nói, vẫn ngồi xem bản mẫu như cũ. Sau này *"Đêm lạnh"* được xuất bản. Nhưng ba bốn năm sau, rồi bốn năm sau nữa tự bản thân tôi cũng thấy hối hận, cuối cùng đã phủ nhận nó triệt để.

Phủ định khẳng định, trở qua trở lại, tư tưởng của nhà văn cũng đang biến đổi. Cận Dĩ đã xa chúng ta 23 năm, tôi không có cách nào để biết được cách nhìn nhận của ông với tác phẩm của mình, nhưng tôi có thể nói ý kiến hôm nay của tôi. Nhà văn có quyền phủ nhận tác phẩm của mình, người đọc cũng có quyền khẳng định những tác phẩm mà nhà văn khẳng định, bởi vì, tác phẩm sau khi được in ra, nó sẽ không thuộc về cá nhân nhà văn nữa. Những tác phẩm văn học ưu tú đều là của cải tinh thần của nhân dân. Phàm là những tác phẩm phản ánh trung thực đời sống xã hội đương thời; phàm là những tác phẩm khích lệ mọi người tích cực ứng xử với cuộc sống, hoặc đem lại cho mọi người một tình cảm cao thượng, hoặc khiến người ta cảm thấy mối quan hệ khăng khít giữa mình với đồng bào mình; phàm là những tác phẩm khiến cho con người thêm yêu Tổ quốc và nhân dân, yêu chân lý và chính nghĩa, đều sẽ tồn tại lâu dài mãi, Tác phẩm của Cận Dĩ, chí ít là một phần tác phẩm, sẽ không phải là ngoại lệ.

Ngày 22 tháng 3.

BÉ ĐOAN ĐOAN

1.

Thành viên nhỏ tuổi nhất trong gia đình tôi là cô cháu ngoại bé xiu, tên là Đoan Đoan.

Đoan Đoan năm nay bảy tuổi rưỡi, học lớp hai. Nó sống giữa đám người lớn, lại thiếu bạn nhỏ tuổi, cho nên nói năng thường có "giọng bà cụ". Nó bảo trong nhà này nó là người bận rộn nhất, vất vả nhất, "còn vất vả hơn cả ông ngoại". Nó nói có thể có lý. Trong tám người lớn nhỏ của gia đình tôi, nó hàng ngày đi học phải ra khỏi nhà sớm nhất. Chiều tan học về nhà, nó lập tức phải lấy cái bàn con ra làm bài, thường thường là làm đến lúc ăn cơm tối. Có lúc phải đối phó với bài kiểm tra của ngày hôm sau, ăn cơm xong nó lại phải ôn bài, thế mà kết quả kiểm tra chưa hẳn đã tốt.

Tôi cảm thấy bài vở cho trẻ không nên quá nặng như thế. Thỉnh thoảng tôi nói với bố mẹ các cháu về cách nhìn của tôi, chúng bảo rằng có thể do trẻ mãi chơi, không chú ý nghe giảng, sức lý giải kém, làm bài lại làm chậm mà thường là sai rồi làm lại. Chúng nói có thể đúng. Có lúc mẹ của Đoan Đoan kèm con học Toán, thế nào cũng quát tháo mắng mỏ, con "đầu óc chậm hiểu". Tôi ở phòng bên cạnh nghe, không thể không lo thay cho trẻ.

Tôi biết mình không có quyền phát biểu, bởi vì về giáo dục nhi đồng, tôi chẳng hề nghiên cứu. Thế nhưng nhớ lại tuổi thơ của mình, nhớ lại những sự việc đã qua, tôi luôn thấy rằng nhồi nhét và quát nạt, thực ra không phải là cách tốt nhất. Tại sao không dùng cách "khêu gợi" và "dẫn dắt", để cho trẻ có thêm một chút thì giờ suy nghĩ, khích lệ chúng hãy chịu

khó suy nghĩ? Tôi nghĩ ra rồi: Khi tôi còn là trẻ con, phương pháp mà mọi người dạy tôi là mắng mỏ và nhồi nhét. Cách học của tôi cũng là "học thuộc lòng" và nhớ "y xì". Bấy mười năm qua rồi, cách chúng ta yêu cầu với Đoan Đoan, vẫn hình như là "học thuộc lòng" và nhớ "y xì", cách chúng ta dùng cũng vẫn là nhồi nhét và quát nạt. Chỉ có nội dung bài vở là khác xưa mà thôi. Đâu chỉ có khác nhau, mà còn khác nhau xa nữa. Thế nhưng gánh nặng bài vở của học trò, sự nghiêm khắc trong yêu cầu về kết quả thì lại vượt xa thời trước. Cha mẹ của Đoan Đoan luôn cảnh cáo con mình: "Số điểm kiểm tra, nếu dưới 90 điểm, là coi như không đạt. Tôi ở bên cạnh nghe thấy mà bỗng giật cả mình. Ngày đi học tôi sợ nhất là kiểm tra, bước vào phòng thi vô cùng căng thẳng, những cái "thuộc lòng" được và nhớ "y xì" được lúc này, một loáng quên sạch. Tôi còn nhớ thi môn Hoá ở bậc trung học tôi chỉ được có 30 điểm, đứng dưới cùng của lớp, cho nên trước khi thi lần thứ hai, tôi cố học gạo, nhớ y xì và đọc thuộc lòng, cuối cùng được 100 điểm, không thì tôi không tốt nghiệp rồi. Sau này tuy tốt nghiệp, nhưng môn Hoá học, tôi vẫn mù tịt, chẳng biết tí gì. Khi tôi còn trẻ, trí nhớ rất tốt, đọc vài ba lượt là có thể nắm lòng, nhưng chỉ nửa năm sau lại dần dần quên sạch. Đến lúc đứng tuổi, tôi mới hiểu, ép vào để nhớ chẳng lợi ích gì.

Mấy chục năm nay, tôi thường nghĩ cách để đánh giá thành tích học tập đầu sao cũng cần cải tiến. Không có ai giải đáp cho tôi vấn đề này. Cho đến năm 1968, bản thân tôi lại phải bước vào phòng thi để đánh giá thành tích học tập tư tưởng Mao Trạch Đông. Đó là lớp "quần chúng cách mạng" kiểm tra bọn "quyền uy phản động". Khỏi phải nói là thành tích của tôi rất tồi, gây nên trò cười. Thế nhưng ngoài ý nghĩ của tôi, Tiêu San, vợ tôi cũng bị "tróc nã" đến dự thi, rõ ràng là muốn bà ấy phải xấu hổ? Bà ấy cuống cả lên, chẳng trả lời được đề nào, nộp giấy trắng. Bà ấy giận đến nỗi cơm trưa cũng chẳng thèm ăn. Gặp bà ấy ở chân cầu thang, tôi thấy bà chẳng nói câu nào, mà chỉ thấy một khuôn mặt trắng bệch, đôi mắt để lộ ra vẻ tuyệt vọng và oán hận, cho đến giờ tôi vẫn chưa quên.

Tôi vẫn còn nhớ mang máng (trí nhớ của tôi đã suy thoái nhiều rồi) A. Ghécxen trong thời kỳ lưu vong ở Tây Âu, mơ thấy đang thi đại học, tỉnh lại cảm thấy nhẹ nhàng. Tôi không thể, tôi đến lúc sáu mươi mấy tuổi, còn bị đock vào phòng thi, thậm chí đến lúc tuổi già tám mươi, còn có người đến tìm tôi "viết văn theo đơn đặt hàng". Như vậy thì nỗi lo sợ về thi cử của tôi chắc đến chết mới hết!

Tôi thường nói chuyện với các bạn tôi về Đoan Đoan, cũng nói về việc kiểm tra thi cử trong nhà trường và gánh nặng bài vở của trẻ. Về thi cử, mỗi người có cách nhìn khác nhau, nhưng chúng tôi đều nhất trí cho rằng, giảm nhẹ gánh nặng tinh thần cho trẻ là một việc cần phải làm. Bạn bè cùng trao đổi kinh nghiệm với nhau, mọi người đều kêu khổ thay cho con em mình. Có người nói: "Học có được tí chút tiến bộ, thì lại hại đến sức khỏe". Có người lại nói: "Chúng ta không cần đào tạo ra lớp con cháu ngoan ngoãn chỉ biết dạ dạ vâng vâng...". Ý kiến rất nhiều, trong lòng ai cũng có cách tính toán. Ai cũng muốn cho con cháu mình "hoạt bát lên một chút". Mọi người đều cho rằng cần phải cải cách, đều mong muốn cải cách, cũng chẳng có ai phản đối cải cách. Thế nhưng trước sau vẫn không thấy cải cách. Mấy năm qua đi rồi, còn chờ đợi gì nữa? Từ trên xuống dưới, cả đất nước chúng ta, cả xã hội chúng ta đều coi con trẻ như những bông hoa, đều gửi gắm hy vọng vào con trẻ, vậy mà tại sao một vấn đề quan trọng như thế lại chưa được giải quyết, mà cứ phải kéo dài hết ngày này sang ngày khác.

"Kéo dài" là một cái tật xấu của xã hội chúng ta lúc này. Tôi không biết tôi có thể nói như thế được không, có điều đúng là tôi nghĩ như thế.

2.

Lại vẫn là chuyện của Đoan Đoan.

Có một buổi sáng, nhà trường của Đoan Đoan kiểm tra môn Toán, nộp bài xong, chín giờ sáng cùng với các bạn ra khỏi trường. Nó không về nhà, lại đến nhà bạn học khác chơi hai tiếng đồng hồ, 11 giờ mới về. Bà cô của nó ra mở cửa, hỏi nó tại sao về trễ thế. Nó nói ở trường còn làm vệ sinh. Bà cô của nó đã đến trường, biết được thời gian nó ra khỏi trường, cho nên chuyện nói dối của nó bị vạch trần. Trẻ bị trách mắng đã khóc lên, xin nhận lỗi. Bố nó bắt nó viết "kiểm điểm", nó không chối được, đành phải viết.

Bản kiểm điểm của nó rất ngắn, nhưng có một câu, tôi còn nhớ rõ: "Con cảm nhận sâu sắc rằng nói dối là rất xấu". Đó là do cháu tự viết ra. Lại là "giọng bà cụ", ai xem cũng phải bật cười. Tôi cũng từng cười lớn. Đoan Đoan đương nhiên không rõ nguyên nhân chúng tôi bật cười, nó cũng chẳng hiểu ý nghĩa mấy chữ "cảm nhận sâu sắc" là thế nào. Thế nhưng tôi có thể lý giải được không? Cười xong rồi, tôi mới thấy trống rỗng và có cảm giác như muốn khóc. Trong mười năm đại học, (thậm chí ngay trước đây thôi), tôi không biết đã viết, đã nói bao nhiêu lần "tôi cảm nhận sâu sắc rằng". Bây giờ nghĩ lại chẳng phải tôi đã có một thời kỳ đau khổ nghiền ngẫm, hoặc là "cảm nhận sâu sắc"? Từng ấy bản kiểm điểm của tôi chẳng phải cũng giống như bản kiểm thảo của một đứa trẻ bảy tuổi rưỡi, chỉ là đối phó cho qua chuyện thôi sao? Cố nhiên là mỗi lần tôi đều qua được thì mới sống được đến ngày nay. Nhưng thời gian quý giá đã mất đi, rốt cuộc liệu có lấy lại được hay không?

Nói suông, nói dóc cuối cùng vẫn là nói suông, nói dóc, cho dù có phổ cập tới miệng đứa trẻ lên bảy lên tám tuổi, cũng chẳng giải quyết được gì.

Lẽ nào chúng ta còn chưa nếm đủ nỗi khổ do nói suông, nói dóc mà cứ nhất định để con cháu chúng ta diễn lại tấn bi kịch của chúng ta.

Niềm hy vọng duy nhất của tôi là: Con cháu của chúng ta phải sáng suốt hơn chúng ta.

Ngày 20 tháng 1.

NHỚ THƯƠNG ANH MÃ

Mười một năm sau ngày La Thục (Thế Mỹ) tạ thế, chồng bà là Mã Tôn Dung cũng từ giã cõi đời. Theo phong tục của người Hồi, ông được làm theo nghi thức công táng và chôn ở công mộ của người Hồi. Tôn Dung chết vào thượng tuần tháng 4 năm 1949, đúng vào trước ngày Thượng Hải được giải phóng. Mọi người đều bận rất nhiều việc, không có người kéo tôi ngồi viết văn truy điệu. Hai con của anh ở trong nhà chúng tôi, có lúc tôi đã nói chuyện với chúng, bình tĩnh lại, trước mắt tôi xuất hiện cái bóng cao lớn của một người bạn giống như người anh cả. Tôi không chịu nổi sự chia ly này, tôi cũng không thể nói với các con anh nỗi đau khổ của tôi để cho lớp sóng tình cảm ở trong tim tôi bình lặng lại, tôi tự bảo mình: "Viết đi, viết ra những lời từ trái tim mình, ta thấy dễ chịu một chút". Một số những bài văn tưởng nhớ trước đây của tôi thường được viết ra trong tâm trạng như thế đấy. Thế nhưng lần này sao tôi không bình tâm lại được, mãi không viết ra. Những công việc bận rộn mới đến chiếm hết phần lớn thời gian của tôi, sự việc cũng nhiều lên, người ta không nghĩ đến việc nhớ lại cái gì nữa. Khoảng thời gian đó, tôi thường có cảm giác rất có trách nhiệm, tựa hồ như còn mắc với "anh cả Mã" một món nợ. Tôi muốn trả nợ, nhưng càng kéo dài, tôi càng thiếu sự dũng cảm cầm bút lên, bởi vì thời gian càng lâu, ấn tượng càng mờ nhạt, trí nhớ lại càng lơ mơ, hạ bút đâu có dễ dàng. Mặc dù cảm giác mắc nợ vẫn luôn luôn giày vò tôi, tôi đã quyết định gác bút không viết nữa.

Bây giờ là 11 giờ 15 phút, đêm khuya, lại là một đêm giá lạnh đầu tiên của mùa đông. Tôi ngồi trước bàn viết tay chân tê cóng. Xung quanh không có một tiếng động nào, tôi không muốn đứng dậy, cũng không muốn ngủ, tôi muốn cứ ngồi như thế mãi. Thế nhưng đầu óc tôi lại động ghê gớm, nó chạy đi chạy lại suốt mấy chục năm. Tôi nghe rõ rành rành tiếng những người quen đang nói chuyện, những người bạn vong niên xa cách bấy lâu

nay lần lượt xuất hiện trước mặt tôi. Tại sao? Tại sao?... Lẽ nào tôi đã đến tận cùng của cuộc đời, sắp phải đứng vào hàng ngũ của họ? Lẽ nào tôi thật không thể làm thêm bất kể một việc gì, cần phải rảnh tay mà đi sao? Không! Không! Tôi nghĩ ra rồi! Trong không ít những bài văn truy điệu đều có những câu tương tự thế này: "Tôi chẳng những mai táng người đã khuất, tôi cũng mai táng theo một phần của chính tôi. Tôi không thể nói dối trước mộ người bạn đã khuất, sau lưng tôi đã xây cất nên một ngôi mộ rất cao để chuẩn bị làm một cuộc tổng kết cho cuộc đời mình. Tôi đang đào ngôi mộ đó, đào quá khứ của mình, cũng là đào lên những di vật của người thân và bạn bè.

Tôi lại một lần nữa nhìn thấy anh Mã, nhìn thấy nét cười hết sức hiền hoà của anh. Anh nói: "Cậu mấy năm nay sao? Khoẻ chứ?" Anh ngồi xuống xô pha ở sau lưng tôi, rồi lại nói tiếp: "Bọn mình lo thay cho cậu đấy!". Ôi những âm thanh thân thiết biết bao. Tôi đứng dậy gọi lên một tiếng: "Anh Mã". Tôi quay đầu lại, trước mắt chỉ thấy đây một nhà sách báo và thư từ, ngay trên mặt xô pha cũng ngổn ngang những sách mới và báo chí. Trong phòng không có ai khác nữa, sự tưởng tượng của tôi đã đi quá xa. Làm thế nào bây giờ? Tự nhốt vào trong căn phòng của mình, nhìn những chồng sách cũ ở bốn phía tường, không có lò sưởi, không có khí nóng, tôi không thể bực bãi mình quá mức nữa, dứt khoát nới lỏng ra một chút, để cho sự tưởng tượng của tôi được tự do bay nhảy một chút, có điều chắc chắn là nó (hay chúng nó) không thể vọt ra khỏi căn phòng này. Thế là tôi cầm lấy bút, viết lại sự thương nhớ mà tôi "kéo dài" hơn ba chục năm nay.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy anh Mã là vào một buổi tối giữa mùa xuân và mùa hạ năm 1929. Lúc đó, tôi đã thuộc tên anh, trên tạp chí cũng đã từng được đọc những truyện ngắn của Pháp mà anh dịch, cũng nghe được mấy người bạn khác nói về cách cư xử của anh. Anh hào phóng, hiếu khách, quý sách như vàng, tính nóng nảy, hay can thiệp vào những chuyện bất bình. Tôi bất ngờ gặp anh ở nhà Sách Phi, nói với nhau vài câu chuyện, chúng tôi trở

nên bạn bè. Anh hẹn tôi đến nhà hát lớn ở Thượng Hải, cách nhà Sách Phi (tôi cũng ở đó) không xa lắm để xem phim "Phu xíc" của Đức. Xem phim xong anh lại mời tôi uống cà phê. Ở trong quán cà phê, anh đã thổ lộ điều bí mật trong lòng anh: anh đang theo đuổi em gái của một người bạn, một cô gái sắp tốt nghiệp trường Sư phạm. Người anh cô muốn tác thành cho hai người, nhưng anh lại không đoán được tâm tư của cô gái, đã lâu lắm không có tin tức gì từ Thành Đô. Trước đây một ngày cô gái đột nhiên gửi thư tới nhờ anh hỏi thăm tình hình gần đây của người anh cô đang công tác bên Pháp, mà lại là bức thư chứa chan hy vọng. Anh không có cách nào giấu nổi sự vui mừng của mình, nói không biết đến lúc nào hết, không để cho tôi còn có dịp nói xen vào. Tôi muốn chia tay, anh bảo hãy còn sớm, nín vai tôi bảo tôi ngồi xuống. Anh nói mãi, nói mãi, chúng tôi ngồi đến lúc khách đã về hết, cửa hàng cũng chuẩn bị đóng cửa, anh vẫn hình như chưa nói hết chuyện. Chúng tôi đúng là có thể nói mới gặp mà như quen đã lâu. Về tôi, anh chỉ mới đọc cuốn "*Tước đoạt bánh mì*"⁴⁵ mà tôi dịch, cũng như truyện "*Diệt vong*" đăng nhiều kỳ trên tờ "*Tiểu thuyết nguyệt báo*".

Sau đó không lâu, nghe nói anh về Tứ Xuyên. Tôi không trông đợi anh viết thư đến, anh là một người "lười viết thư" nổi tiếng. Thế nhưng tôi lại đợi tin mừng, tôi nghĩ rằng anh sẽ đạt được hạnh phúc. Tôi chờ đợi không lâu, một buổi chiều tối, hạ tuần tháng Chín quả nhiên anh dẫn cô gái đó tới ngõ Bảo Quang. Cô gái tướng mạo đoan trang, cử chỉ hào phóng, không nói nhiều nhưng luôn tươi cười. Cô chính là tác giả La Thục của truyện "Vợ đời" xuất hiện bảy năm sau đó. Xa nhau mấy tháng, anh trở nên nho nhã, khách sáo, gò bó. Anh muốn đến làm việc ở trường đại học Trung-Pháp Li-ông, cô gái sang Pháp tìm anh mình, hôm sau họ sẽ lên tàu, bởi vậy không nói được chuyện lâu ở đây. Tôi và người bạn là Sách Phi tiễn họ ra cửa, tôi bắt tay từ biệt họ. Vì bên cạnh có một cô gái, chúng tôi bỗng trở nên bớt thân thiết đi.

Tôi chưa từng nhận một lá thư nào từ Pháp gửi về, tôi gần như quên mất anh Mã. Tôi lại trở lại với cuộc sống bốn bề là nhà của mình, mang một cây bút máy chạy đi khắp nơi, chạy mệt rồi lại về Thượng Hải nghỉ ngơi. Đầu năm 1934 tôi từ Bắc Bình về Thượng Hải, lại gặp anh Mã. Lần này là cả nhà anh, anh và cô gái đó đã cưới nhau, sinh con gái. Tôi làm quen với La Thục, ở bên vợ chồng họ, tôi còn thấy một cô gái chỉ biết nói toàn tiếng Pháp.

Nửa năm cuối của năm 1935 sau khi thành lập Nhà xuất bản "Đời sống văn hoá", tôi đã định cư ở Thượng Hải. Lúc đó, vợ chồng anh ở ngõ Đôn Hòa, đường Ra đô (đường Tương Dương), tôi ở ngõ Mạch Gia đường Can Mét (đường Lật Dương) cách nhau không xa, chúng tôi luôn có dịp gặp nhau. Tôi và mấy người quen, mỗi tháng thế nào cũng đến nhà họ vài ba buổi tối tâm sự về văn học, đời sống và lý tưởng. Vì cuộc sống của gia đình, anh Mã đang dịch cho Uỷ ban Quỹ văn hoá Trung-Pháp một cuốn trước tác về Triết học bằng Pháp văn. Buổi tối là giờ làm việc của anh, anh thường hăm một bình cà phê mang lên gác ba, giam mình trên đấy, làm việc cho tới đêm khuya. Có lúc biết tôi đến, anh cũng phá lệ, vui vẻ xuống tán chuyện với chúng tôi, nói người nói việc, nói quá khứ cũng nói tương lai, đương nhiên là nói về hiện tại lúc ấy nhiều hơn. Chuyện trên trời dưới biển, đông bắc tây nam. Từ chuyện trái đất đến con ruồi, không còn chuyện gì không nói đến, nhưng những điều nói ra đều thật long. Đúng, có thể nói là mọi người đã giải bày hết tấm lòng mình, cũng chẳng có ai lo rằng sẽ bị người khác nghe được rồi đi "báo cáo nhỏ". Tình bạn của tôi với gia đình anh Mã là thứ tình bạn như thế.

Cuộc sống như thế cứ tiếp tục đến quý tư năm 1936 khi cả nhà anh Mã rời Thượng Hải. Trong thời gian đó đã xảy ra một chuyện. Tôi có một người bạn, từng công tác ở Công đoàn Hạ Môn, từng phải ngồi tù vì tham gia bãi công ở Công ty Nhà đèn, sau này đi Đông Bắc tham gia hoạt động "Nghĩa dũng quân". Có khi anh đến Thượng Hải không tìm thấy tôi, thì đến

hiệu sách Khai Minh thăm Sách Phi. Mùa đông năm 1935 ở Thượng Hải xảy ra vụ lính thủy Nhật Bản đi khám xét nhà cư dân Trung Quốc ở một phân khu Hồng Khẩu. Nơi ở của Sách Phi cũng ở trong phạm vi thể lực của Nhật Bản. Vợ chồng họ hết sức lo lắng, bà vợ chợt nghĩ đến cái hòm của người bạn để lại, nói là lần trước khi anh bạn mở hòm hình như để lộ ra công văn gì đó của "Nghĩa dũng quân". Thế là họ mở hòm ra xem. Quả nhiên trong hòm, ngoài giấy tờ còn có cả súng ngắn và một trăm viên đạn. Không còn cách nào, tôi phải ngồi xe tay mang theo chiếc hòm đó từ khu Hồng Khẩu do lính thủy đánh bộ Nhật bố trí canh gác đi đến "Tô giới Pháp", lúc bảy giờ. Anh Mã ra mở cửa cho tôi. Vợ chồng họ lúc lúc đầu ngạc nhiên, tưởng rằng tôi có chuyện gì xảy ra. Thế nhưng tôi vừa nói ra, họ đã rõ tất cả. Cái hòm để ở trên gác nhà họ mãi đến khi họ lên đường đi Quảng Tây.

Ở xã hội cũ, không có cái gì gọi là "bát cơm sắt". Anh cầm lá thư mời làm việc nửa năm ở Quế Lâm. Không biết nửa năm sau anh còn tiếp tục ở lại Đại học Quảng Tây nữa hay không, cũng chỉ có thể tính toán trong một thời gian ngắn. Anh bảo tôi dọn đến ở ngõ Đôn Hoà để trông nhà giúp anh luôn. Đến mùa hè, họ đã trở về đúng hẹn. Họ đã vạch sẵn một kế hoạch: La Thục ở lại Thượng Hải để sinh con, anh Mã tiếp tục đi dạy học ở Quế Lâm. Sau một thời gian, họ chuyển cả nhà đến Quế Lâm và định cư ở đó. Nhà ở ngõ Đôn Hoà, họ để lại cho người bạn khác, ngoài ra thuê một khu đất yên tĩnh làm nơi ở mới. Anh Mã lên đường đúng theo kế hoạch, La Thục định kỳ đến bệnh viện khám thai, mọi việc hầu như rất thuận lợi. Nhưng tiếng súng của sự kiện "13 tháng 8" năm 1937 đã làm rối loạn sự sắp xếp của họ. Anh Mã từ Hồ Nam đi Tứ Xuyên, La Thục mang theo con gái, rời Thượng Hải để gặp anh.

Tháng hai năm sau, con trai họ ra đời ở Thành Đô, thế nhưng chưa được hai chục ngày, người mẹ trẻ đó mắc chứng sốt hậu sản, chết trong bệnh viện. Đầu tháng 3, qua thư của bạn bè, tôi biết được tin không may đó. Chẳng

khác gì một cơn mê, tôi không muốn tin rằng một gia đình viên mãn như thế lại bị cái chết phá vỡ dễ dàng như thế. Tôi nhớ lại trong vòng mấy tháng trời, vợ chồng họ nào viết thư, nào đánh điện giục tôi sớm về Tứ Xuyên. Họ quan tâm đến sự an toàn của tôi ở Thượng Hải. Tôi nhớ lại một câu La Thục nói với tôi trước khi chia tay: "Lúc này, tôi nhất định phải đến ở bên anh Mã, giúp đỡ anh ấy. Anh ấy như một đứa trẻ mới lớn, tính nóng như lửa". Sau khi họ lấy nhau, chỉ có lần ấy họ xa nhau. Trong loạn lạc tới bờ, bất chấp nỗi nguy hiểm của máy bay bắn phá, chị đã đến với anh. Nào ngờ, đón chờ chị lại là cái chết, thời gian đoàn tụ của họ lại chỉ ngắn ngủi có thế. Tôi mất đi một người bạn đáng kính, nhưng tôi cũng không thể không nghĩ tới cái chết của La Thục là một nỗi đau đớn đến như thế nào đối với anh Mã. Lý tưởng trước đây bị dập tắt, kế hoạch cũng trở thành mây khói. Tác giả của "Vợ đời" còn để lại cả đồng bản thảo, người vợ hiền lành và đảm đang để lại một đứa con gái đang cần nuôi dạy và một đứa bé mới ra đời đang cần bú mớm. Đối với một người chỉ quen sống với sách vở như anh Mã, tôi thật không dám tưởng tượng đến sự đau khổ của anh. Tôi viết thư gửi đi. Thư cũng chẳng có ích lợi gì mấy. Ai mà dập tắt được ngọn lửa ấy bây giờ?

Không lâu sau, tôi rời Thượng Hải đi Quảng Châu, sống giữa những trận bắn phá, và cũng trong những trận bắn phá ấy, chạy đi khá nhiều nơi. Hơn hai năm sau, tôi đến Trùng Khánh, và ở lại Sa Bình Bá. Tôi đến Đại học Phúc Đán ở Bắc Bồi thăm bạn bè. Ở nhà anh Mã, chúng tôi nói chuyện đến tận đêm khuya, chỉ muốn làm sao một đêm nói được hết những chuyện gần ba năm xa nhau. Anh hình như già đi nhiều, và cũng không còn yêu sách như trước nữa, nhưng vẫn nhiệt tình như thế, hay nói chuyện như thế, nói không hề giấu giếm, không hề kiêng dè, anh rất có thể nói thoải mái với tôi hết đêm, nếu như không có sự khuyên can của người vợ kế. Vợ anh là người bạn mà La Thục quen biết khi ở Quảng Tây. Vì để nuôi những đứa con mà La Thục để lại, nên chị mới lấy Tôn Dung. Với những đứa con đó, chị đúng là một người mẹ hiền. Thế nhưng tôi đã nhận ra rằng, trong cuộc

đời của anh Mã, chị không thể thay thế La Thục được. Hễ cứ nhắc đến La Thục, là mắt anh lại nhoè những lệ.

Cả nhà anh ở ngay gần trường, tự thuê lấy phòng của một nhà nông, Lúc ấy, ở hậu phương lớn, vận hạn bắt đầu đến với tầng lớp trí thức. Anh Mã chẳng phải là học giả có tiếng, tác phẩm cũng không nhiều, thường ngày nói năng thẳng thắn, hay nêu ra những chuyện để tranh cãi, nên cũng để mất lòng một số người. Trong lòng, anh rất thấy khó chịu. Tuy nhiên, anh vẫn như xưa, luôn giữ nét cười trên mặt, không hề để tâm đến khó khăn, có điều hay nổi nóng hơn lúc trước. Bạn bè quan tâm đến anh, có lúc cũng bàn tán về anh. Thế nhưng ai cũng đều yêu mến anh. Anh đúng như một ngọn lửa, anh đến đâu, phảng phất như mang đến một nguồn hơi nóng, không khí đang lặng lẽ cũng trở nên sôi động hẳn lên. Anh chung sống với các giảng viên, giáo sư không thật chan hoà, nhưng trong giới văn nghệ lại không ít người là bạn tri kỉ với anh. Anh ở Hoàng Giác Thụ nhưng lòng lại để nơi bạn bè ở Trùng Khánh. Bạn bè sum họp, thế nào cũng không vắng anh. Giúp việc gì cho người khác, anh là người nhiệt tình nhất. Sau khi anh đã vào thành và tham gia hoạt động gì rồi, thường quên cả về nhà. Đồng chí Lão Xá biết cái tật ấy của anh nên thường xuyên nhắc anh, giục anh nên về nhà sớm.

Anh có rất nhiều bạn, ăn ở rất chân thành. Ở anh, tôi đã thấy ra được đạo lý khi kết bạn. Tôi nhớ mãi không quên một việc xảy ra năm 1941: Anh có một người bạn tư tưởng tiến bộ, khi gần gũi học sinh, cũng rất được hoan nghênh, nhưng do sức ép của thế lực bên ngoài Nhà trường và sự chèn ép bên trong cho nên bị Nhà trường sa thải, sắp phải đi chỗ khác kiếm việc. Trước khi người bạn ấy ra đi, học sinh họp mặt đưa tiễn. Trong cuộc họp ấy anh Mã đã chẳng kiêng dè gì nói hết lên suy nghĩ của mình. Trước đó, một vị giáo sư khác có quen biết anh, đã đến thăm nhà anh, nói đến người bạn bị sa thải, vị giáo sư đó đã nói xấu nhiều điều. Anh càng nghe càng thấy khó chịu, cuối cùng nổi nóng lên mắng: "Anh bôi nhọ bạn tôi tức là bôi nhọ tôi,

tôi không thềm nghe nữa, ra ngay, ra ngay cho", anh đã đuổi vị giáo sư ấy ra. Vì bạn bè, anh chẳng sợ mất lòng ai. Thật không ngờ sau năm sau, ở Thượng Hải, anh cũng bị Nhà trường này (lúc đó đã chuyển về Thượng Hải) sa thải, đành phải đưa cả nhà vượt biển, ra Đài Loan. Khi học sinh Thượng Hải mở cuộc vận động chống đối, vậy mà người lãnh đạo Nhà trường lại cho phép quân cảnh trong vùng ủa vào sân trường bắt bớ học sinh. Anh Mã rất bất mãn đối với cách làm này. Trong cuộc họp giáo vụ của nhà trường, anh đã đứng dậy khẳng khái và thẳng thắn, đập bàn mắng nhiếc. Đó chính là bản sắc của anh. Anh thường nói, để bảo vệ chân lý thì không thể nghĩ đến an nguy cho cá nhân.

Lần đầu tiên tôi về tới Tứ Xuyên, đầu năm 1941 qua Thành Đô thăm nhà, không lâu sau anh cũng đến Thành Đô tảo mộ La Thục. Chúng tôi cùng đến nghĩa trang. Chỉ có ở đây, anh mới lại trở nên đau buồn, hàng ngày gặp bạn bè anh thường luôn cười nói vui vẻ. Một hàng rào được ken bằng giống cây thấp bao lấy phần mộ đài, vô cùng yên tĩnh. Trước mộ có bia đá, cạnh mộ có trồng cây, trồng hoa, tôi mơ hồ như thấy mình đến nhà người bạn đã xa nhau bốn năm. Lòng tôi bình tĩnh hẳn lại, có cảm giác như người chết chỉ như đang nghỉ ở nhà trong, còn chúng tôi đang chờ đợi ở hành lang. Tôi khẽ vỗ về anh Mã: "Thật là một nơi rất đẹp đấy! Thế Mỹ yên nghỉ ở đây tốt biết bao!". Anh lắc đầu chua xót nói: "Tôi không thể nào quên được cô ấy!", anh vỗ vỗ vào vai tôi, bàn tay anh vẫn còn đầy sức mạnh. Tôi đề nghị với anh, sẽ trồng ở đây những loài hoa quý hiếm và có tiếng, đặt một ít bàn đá, ghế đá để nay mai bạn bè có đến đây tảo mộ, có thể ngồi lại chuyện trò, phảng phất như người đã khuất vẫn ở giữa chúng ta. Anh luôn mồm bảo đúng. Tôi cũng đem ý nghĩ đó của tôi nói lại với bạn bè khác, chờ sau khi kháng chiến thắng lợi, sẽ thực hiện kế hoạch đó. Lúc ấy ai cũng không muốn nói suông. Thế nhưng cục diện sau ngày kháng chiến thắng lợi ép cho người ta đến nỗi thở không ra hơi. Tôi chưa thể về lại Thành Đô, anh Mã cũng buộc phải đi Đài Bắc xa xôi. Sau giải phóng, tôi

hai lần về Thành Đô, đều không tìm thấy mộ của La Thục. Năm nay con trai chị cũng đến tìm, mới biết đã tan nát không còn một mảnh.

Đến Đài Bắc, anh ở đó chừng một năm rưỡi, có viết về mấy lá thư bảo tôi đi. Anh ở bên đó sống ổn định, bài vở không nhiều. Thế nhưng anh không quen với không khí oi ả ở đó. Bạn bè mới không nhiều; anh rất quan tâm tình hình đấu tranh ở Thượng Hải, nhưng lại không trở về tham gia được. Đây một bụng phẫn uất không có nơi thổ lộ nên đành mượn rượu giải sầu.

Sau khi một người bạn là Hứa Thọ Đường, chủ nhiệm khoa Trung văn trường Đại học Đài Bắc (là bạn thân của Lỗ Tấn) đang ở trong nhà mình, nửa đêm bị giết hại, sự buồn khổ về mặt tinh thần của anh càng tăng lên. Anh đi xem "hành quyết" kẻ gọi là hung thủ trở về, nỗi buồn bức càng sâu hơn, thường xuyên cùng với một người bạn tốt (giáo sư Kiều Đại Tráng) vừa uống rượu, vừa bàn luận. Rượu uống ngày một nhiều, sức khỏe ngày một kém đi. Sau khi anh ốm nằm xuống rồi, còn đòi về Thượng Hải. Tôi gửi thư khuyên anh nên ở lại Đài Loan chữa bệnh. Thế nhưng anh bảo anh "đồng ý chết ở Thượng Hải". Nhờ sự giúp đỡ của bạn bè, cuối cùng anh đã trở về. Như con gái anh từng nói: "Người đã mang theo tôi và em trai 10 tuổi của tôi, nằm trên băng ca để người ta khiêng lên chiếc tàu hàng của hãng Dân Sinh đi chuyển cuối cùng từ Long Cơ về Thượng Hải. Thượng Hải lúc đó loạn lạc tới bời, chúng tôi chỉ có thể ở trong trạm liên lạc của Ban liên lạc Giáo sư đại học."⁴⁶

Những người bạn ở Đại học Phúc Đán chịu trách nhiệm săn sóc anh. Có con anh cùng ở với anh. Tôi tới thăm anh, anh đang nằm trên giường, toàn thân anh phù nề, nhưng anh vẫn tươi cười. Anh chìa bàn tay to lớn của anh ra nắm lấy tay tôi, hạ thấp giọng nói: "Tôi nhìn thấy anh rồi! Anh không trách tôi chứ? Không nghe lời anh, lại trở về đây". Tôi chỉ nói lấp lửng: "Anh về được đây là tốt rồi". Khó khăn lắm tôi mới ngăn được dòng

nước mắt. Tôi không ngờ anh lại ốm đến mức này. Lửa đang từ từ tắt, nằm trước mặt tôi đây không phải là đứa "trẻ con mới lớn" mà là một ông già nhu mì. Lúc ấy lòng tôi cũng vô cùng phức tạp, tôi thấy ra: chuyển đi dài ngày này không có lợi cho bệnh của anh, nhưng nếu có giữ lại ở Đài Bắc thì liệu có thể yên tâm chữa bệnh" được không?

Sau đó, tôi luôn luôn đến thăm anh, tuy nhiên đối với việc điều trị cho anh thì tôi lại chẳng có ích gì, mà cũng chưa thật là tận lực. Anh cứ nằm như thế mãi, tôi và Tiêu San đến thăm anh, anh vẫn cười vẫn nói. Tôi thăm lo cho anh, nhưng không ngờ kết cục lại đến với anh nhanh như thế. Về những giây phút cuối của anh, con gái anh viết: "Cha không được chữa trị và chăm sóc chu đáo, trước ngày giải phóng Thượng Hải một tháng, đã tui hận qua đời. Giờ phút hấp hối, vì ban đêm giới nghiêm, ngay đến việc đưa đến viện cấp cứu còn không làm nổi. Dưới ánh đèn mờ nhạt, chỉ có hai đứa con cô chịu bó tay mà nhìn cha tắt thở".⁴⁷

Khuya hôm ấy, tôi nhận được điện thoại của người bạn Phó Đán ở Trạm liên lạc báo tin cho tôi "anh Mã mất rồi". Trời sáng, tôi mới đến Trạm liên lạc. Các cháu khóc lên nho nhỏ, người chết nằm im trên giường, mọi người đang chờ xe của nhà quan, chỉ loáng thoáng có vài người bạn đến vĩnh biệt thi hài.

Thế nhưng khi làm lễ viếng ở nhà quan, người đến trước linh cữu cúi chào lại khá đông, người chết vốn hiếm khách không thấy lẻ loi. Bên mình anh không có một khoản tiền gửi nào, từ Đài Bắc chỉ mang về mấy hòm sách. Có người đề nghị quyên tiền chi phí giáo đục cho các cháu, đã thảo thông báo và in ra rồi, nhưng không lâu sau chiến tranh áp sát đến Thượng Hải, rồi cũng chẳng có ai nhắc đến việc này. Sau khi nghi thức hoàn tất, thi hài do Hiệp hội Hồi giáo mai táng tại nghĩa trang Hồi giáo. Lúc đầu, các cháu không bằng lòng, nhưng qua thuyết phục, mọi việc đều giải quyết suôn sẻ. Tôi cũng tham gia nghi thức công táng, sau này tôi cũng từng đến

nghĩa trang. Nghĩa trang ở Từ Gia Hội, cũng không rộng lắm. Hai cháu đã khoẻ mạnh và lớn lên, sách vở toàn bộ quyên tặng cho Nhà trường. Năm 1972 con trai anh có việc đến Thượng Hải, đi lại tảo mộ cha mình, nhưng tìm không thấy mộ ở đâu.

Về anh Mã Tôn Dung, tôi còn có thể nói nhiều chuyện, nhưng với bạn đọc, tôi nghĩ không cần phải nói thêm. Chúng ta có một thói quen, viết bài để kỷ niệm cứ thích ca ngợi công đức, làm như người ta hễ chết là trở thành Thánh nhân, cảm tình riêng thường thường che mắt mắt người đọc. Lại còn có người lấy văn chương làm món quà để thù tạc hoặc lấy sự huyền diệu kỳ xảo của văn học, mà viết ra, có thể ít xuýt ra nhiều, chuyển dữ hóa lành, khoe khoang người chết, cũng tự khoe mình. Cho nên có rất nhiều người và việc đáng ra "đậy nắp quan tài mới luận định" đều không thể "đậy nắp luận định", trong xã hội còn lưu truyền đủ kiểu tin tức via hè.

Vậy mà với anh Mã Tôn Dung, đại khái có thể đậy nắp quan tài và luận định được rồi đấy. Ba mươi ba năm nay, trong nhiều cuộc vận động, chưa thấy có người nào vạch tội anh, mà cũng chưa họp một buổi phê phán nào. Anh tuy đã chết, nhưng sau khi chết vẫn chưa trở thành Thánh nhân, cũng chưa thấy có bài văn nào ca ngợi anh. Chúng ta hầu như bỏ quên anh. Thế nhưng tôi thì làm thế nào có thể quên anh được? Anh là một người bạn rất tốt của tôi, anh rất tin tôi. Nếu như thấy có ai nói xấu về tôi, anh cũng có thể đánh nhau với họ, ở đây tôi không muốn nói nhiều về cảm tình của cá nhân. Tôi xưa nay chưa bao giờ coi anh là Thánh nhân. Khi anh còn sống, tôi thường phê bình anh làm được ít quá, chưa từng cống hiến hết tài trí của mình. Anh chỉ để lại một cuốn tạp văn rất mỏng là "Lượm lặt" và cuốn "Lịch sử cách mạng Pháp" viết bằng văn ngôn (cũng là một tập mỏng tè); còn hai cuốn tiểu thuyết dịch: "Xuân triều" của Tuốcghêniép, và "Chàng trai trong nhà kho" của Miéc-bô⁴⁸, số chữ không nhiều lắm. Tôi biết anh có nhiều thiếu sót, nhưng anh lại có mặt trội, cái mặt trội này có thể che lấp mọi thiếu sót.

Anh từng nói: Để bảo vệ chân lý, không nghĩ được tới an nguy của cá nhân. Bản thân anh đã làm được như thế. Tôi đã nhìn thấy chính khí của tầng lớp trí thức Trung Quốc ở trên mình anh long lanh tỏa sáng, thế nhưng tôi lại chẳng học được gì ở mặt trời của anh, mà cũng chưa chịu học cho tử tế. Trước đây có những thời kỳ, tôi thường coi lời của quan trên là chân lý, lại có một thời kỳ tôi làm theo lời cổ xưa là "hiếu rõ để giữ mình" (minh triết bảo thân), ngày nay nghĩ lại thật là thẹn với người bạn quá cố. Đó mới là khoản lớn nhất trong món nợ của tôi.

Bây giờ đã là lúc trả nợ rồi. Tôi làm sao trả sạch đây? Anh ấy lo thay cho tôi. Tôi đã rõ rồi. Ngọn lửa ấy chưa hề tắt, lửa vẫn còn đang cháy mà còn cháy mãi không thôi.

Ngày 29-1 viết xong.

VỀ NÓI THẬT, BÀI THỨ BA

Hôm qua, tôi vừa đọc xong truyện vừa "Thật thật giả giả" của Thạm Dung. Đọc một vài đoạn trong đó, tôi phá lên cười ha hả. Đó là điều hiếm thấy gần mười năm. "Thật thật giả giả" là một tác phẩm nghiêm túc. Câu chuyện phản ánh một cuộc hội nghị học tập, phê phán kéo dài ba ngày. Chỗ nực cười là ở những lời mọi người phát biểu. Lời phát biểu ở Hội nghị này và lời phát biểu ở bất cứ một cuộc hội nghị nào mà người khác kể lại.

Cười chán rồi, tôi lại cảm thấy khó chịu y như đụng phải một cục gỗ gì đó, thấy đau. Đúng vậy, tôi đã liên hệ đến mình, liên hệ đến những điều mình nếm trải. Tôi chưa từng làm công việc điều tra nghiên cứu về những hội nghị học tập, phê phán, nhưng tôi cũng đã hơn ba mươi năm kinh nghiệm. Tôi không nói rõ được những Hội nghị tôi tham gia mấy năm đầu là nội dung gì, nhưng không phải là để tỏ thái độ, không phải là để chinh ai mà cũng không phải mình bị ai chinh. Thế nhưng trong các hội nghị lớn hội nghị nhỏ tham gia sau này, việc chinh người hay bị người khác chinh là việc khó tránh. Vả lại có một điều có thể xác định được, đấy là sau mình nói theo người ta, sau nữa là mình cùng nói với người ta. Mới đầu tự mình còn nghi ngờ cái này có thể là nói dối, cái kia có thể là do nói lầm, có thể không phù hợp sự thực v.v. và v.v... Lúc đầu tôi nghe người khác nói dối, tôi còn thấy không hài lòng, không chịu tỏ thái độ. Thế nhưng hết cuộc họp này đến cuộc họp khác, họp mãi, họp mãi, cuối cùng tôi cảm thấy cần phải vứt bỏ cái gánh nặng "suy nghĩ độc lập" đi, mới có thể "nhẹ bớt hành trang" mà tiến lên. Tôi cũng vô hình trung bị cải tạo mất rồi. Thế là bảo tôi tỏ thái độ thì tôi tỏ thái độ. Trước hết là nói suông, sau đó là nói dối, nghĩa là mọi người nói như nhau nghĩa là có thể lặp lại theo báo chí, lặp lại theo văn bản. Họp hành mấy chục năm, cho đến nay, tôi vẫn còn sợ họp. Tôi có một cảm giác, một cách nghĩ, trước đến giờ chưa từng nói: Trước cuộc họp, trong hội trường, tôi luôn luôn cảm thấy thời gian mang theo tiếng thở dài lướt qua

ngoài cửa sổ. Tôi không thể níu kéo được thời gian, đành chỉ ngồi nghe những lời nói dối liên hồi kỳ trận mà thấy phiền lòng. Tôi chỉ nói sự nể mặt của mình, tôi đã phí phạm hết bao nhiêu thời gian có ích. Không chỉ một mình tôi, cùng với tôi lúc đó còn có bao nhiêu người khác nữa!

“Mọi người đều phí phạm thời gian”, nói như thế có thể có người không đồng ý. Bọn người này trên Hội nghị có thể ba hoa xích đế, mặc sức lái xe điện không ray; cũng có thể đó là theo ý lãnh đạo, xem chiều gió lúc bấy giờ mà phát ra lời lẽ. Mỗi lần học tập là để có thể đạt tới mức “muốn sao được vậy”, để giành lấy hiệu quả như mong muốn. Mọi người đều “nhận thức được bài học rất sâu sắc, nâng cao được một bước về nhận thức”. Có người bảo Hội nghị học tập phê phán là “pháp bảo tối cao”. Thế nhưng theo kinh nghiệm của tôi, thu hoạch của tôi thì như “mức nước bằng rỗ”, chẳng ăn thua gì, có chăng là chỉ để cho qua ngày. Dù sao tôi cũng học được cách nói suông, nói dối. Có lúc tôi cũng biết đỏ mặt vì những câu nói dối của mình, có điều tôi không bận tâm mấy bởi vì tôi biết chẳng có ai tin những lời dối trá đó. Còn như nói suông, mọi người đều coi như một thứ bùa hộ mệnh. Trong cuộc sống hàng ngày thì dùng nó để lau bàn, để chùi cửa sổ. Người ta nghĩ rằng dùng để tổng vệ sinh cho sạch sẽ, thì sẽ không sợ ông thần “vận động” đến kiểm tra vệ sinh.

Đối với các cuộc vận động, mọi người cũng có cách nhìn của mình. Không ít người đã lãnh đủ mọi nỗi khổ đau của vận động. Người thích vận động, có thể vẫn còn, song chắc cũng không nhiều. Theo như tôi nhớ lại, vận động thế nào cũng bắt đầu từ chuyện học tập và phê phán. Qui mô của cuộc vận động càng lớn, thì trong Hội nghị học tập, càng thể hiện sát khí đả đả.

Cho nên tôi chẳng những sợ vận động, mà còn sợ cả học tập, phê phán (ở đây nói là phê phán người khác). So với những cuộc họp như thế, thì các cuộc họp trong truyện còn nhẹ nhàng hơn nhiều.

Còn nhớ quý Tư năm 1965, tôi mới từ Hà Nội trở về; ra nước ngoài hơn ba tháng nên tôi đã thấy hơi xa lạ với một số tình hình trong nước. Sau đó không lâu, tôi được gọi đi tham gia Hội nghị học tập "Phê bình vở kịch lịch sử" viết lại "Hải Thụy bãi quan" mà chẳng hiểu mô tê gì cả. Tại làm sao có một bài viết của Diêu Văn Nguyên mà bắt mọi người học tập dài dài như thế? Chiều thứ bảy nào, tôi cũng phải đến hội trường Hội Văn nghệ để học tập một buổi. Người dự họp khá đông, có nhiều người tranh lên phát biểu trước, nên không đến lượt tôi. Qua hai ba tuần, tôi mới thấy, chúng tôi đều ở trong lưới, có điều lưới thì lớn, nên chúng tôi ở trong lưới còn có chỗ để vùng vẫy. Có phải họ định bắt gọn một mẻ hay không, lúc đó còn chưa thể khẳng định. Bản thân tôi có lúc cũng muốn thoát ra khỏi lưới. Nhưng trong một thời gian dài, tôi lại an ủi mình thế này: "Thôi thì hãy cứ theo số trời, chứ có là Tôn Ngộ Không cũng không thể thoát ra khỏi lòng bàn tay Phật Như Lai".

Nghĩ lại những ngày ấy, những Hội nghị học tập ấy, cho đến giờ, tôi vẫn rung mình rợn gáy. Tôi cảm thấy rành rành rằng: tấm lưới xung quanh tôi càng ngày càng hẹp lại, càng thít lại, mỗi tuần lễ một ghê gớm hơn. Một mặt, nghĩ đến tai nạn sắp đến gần, mặt khác lại vẫn giữ tâm lý ăn may, bề ngoài làm ra vẻ hết sức bình tĩnh, cứ y như mình không lo, thực ra thì trong lòng rất trống rỗng, thậm chí còn rất sợ. Lúc vắng mặt người khác, tôi đứng ngồi không yên, hồi hận, đã viết ra nhiều tác phẩm như thế, e rằng rồi liên lụy cả đến những người trong gia đình. Và cuối cùng, trên Hội nghị tôi đã chủ động kiểm điểm những sai lầm trong bài nói chuyện ở hai lần Đại hội Văn nghệ ở Thượng Hải năm 1962. Tôi còn nói, tôi chỉ muốn đốt quách toàn bộ tác phẩm của tôi đi. Sau khi nói được như thế, thấy tương đối yên lòng, vì tôi cho rằng mình đã nhận sai lầm rồi, hoặc giả còn có thể "sạch tay". Ai ngờ lần này đúng là tóm gọn một mẻ, chạy trời không khỏi nắng. Diêu Văn Nguyên đã vung cái gọi là "kim côn" và giáng xuống. Tôi tham gia Hội nghị khẩn cấp các nhà văn Á Phi, sau khi tiễn khách nước ngoài rồi, tham gia Hội nghị học tập của Hội Nhà văn, mấy tờ báo chữ to đã định tội

cho tôi, chẳng có căn cứ gì, đã khám nhà tôi. Bất kể người nào cũng có thể đến nhà tôi để huấn thị. Nực cười là tôi lại tin rằng mình mắc tội tày trời, rồi lại còn cung kính tự báo tội trước mọi người. Nực cười là tôi cũng cho rằng “nhân quyền” là thứ của giai cấp Tư sản, còn hạng “yêu ma quỷ quái” như chúng tôi, không có tư cách hưởng những thứ ấy. Lúc đó sống một ngày dài bằng cả năm, còn bụng dạ nào mà cười? Trong khoảng thời gian ấy, tôi thường xuyên mất ngủ với những cơn ác mộng, những chuyện mộng du xuống địa ngục. Ở trong “chuồng bò”, bước chân đi không dám ngẩng đầu, cả ngày ngậm đắng nuốt cay, luôn tự chửi mình.

Trong vòng mười năm, tình hình có ít nhiều thay đổi, đời sống của tôi cũng có thay đổi, lúc lật đi, lúc lật lại, khi lỏng khi chặt. Nhưng hội họp để học tập và phê phán thì không hề thiếu. Lại còn có kiểu “đấu đạo” nữa. Rất nhiều người đã được ném thử loại hình đặc biệt này, tôi là một trong những số đó. Lúc ấy, chỉ cần đơn vị chúng tôi gặt đầu, là đơn vị khác cũng có thể lôi chúng tôi đi phê đấu. Lúc đầu tôi rất sợ bị lôi đến đơn vị mới, dưới cổ đeo cái bảng “tiếp thu phê đấu”, tôi không muốn giở điếu bộ ra trước mặt người lạ. Thế nhưng qua một buổi họp, những điều tôi nghe thấy đều là lời nói suông, nói dối, tôi bỗng tự nhiên bạo dạn lên, tôi nhận ra rằng ngay đến người nói cũng không tin ở lời chính họ nói, huống chi người khác? Về sau tôi cũng không sợ nữa. Dùng hình thức họp hội nghị để mở rộng việc nói dối, không thể làm ai xấu thêm, mà chỉ là mở rộng phạm vi nói suông, nói dối, khích lệ mọi người lừa bịp lẫn nhau. Giống như một nhà tuyên truyền nào đó ở phương Tây nói lời nói dối mà nói nhiều lần, sẽ trở nên lời nói thực”. Lại căn cứ vào truyền thuyết thời xưa của nước ta “Tăng Sâm giết người”, nghe thấy người thứ ba đến báo tin, ngay đến mẹ ông ta cũng tin lời bịa đặt. Có người tùy ý bịa đặt ra tin đồn, cho lan truyền đi, sau truyền đến tai mình, người ấy bỗng tin là có thật!

Tôi không muốn nói nhiều đến chuyện mười năm đại hoạ, thế nhưng trong thời kỳ đen tối ấy, chúng ta đã tiêm nhiễm khá nhiều thói xấu; “không

nói thật" là một trong những thói xấu đó. Ở vào lúc ấy ai dám bảo đó là "thói xấu"? Người ta còn ngang nhiên mang chiêu bài "bảo vệ chân lý" ra bán rao lời nói dối. Tôi thường có cảm giác như thế này: Ở đơn vị, ở trong Hội trường, mọi người đều đeo mặt nạ, tôi cũng thế.

Đến sau ngày "Lũ bốn tên" sụp đổ, quả thực tôi không nhịn nổi, đã la lớn lên trong "Tuỳ tưởng lục" rằng: "Con người ta chỉ nói thật, mới có thể sống được tử tế".

Tôi gào lên như thế, rồi tôi lại viết hai bài bàn về "nói thật". Bạn bè khích lệ tôi "nói thật". Chỉ có từ đây về sau tôi mới có thể nhìn ra: nói thật không phải dễ, không nói dối lại càng khó. Tôi luôn luôn vì vậy mà cảm thấy đau lòng. Có một người bạn, một nhà tạp văn nổi tiếng, viết thư cho tôi nói:

"Đối với những lời nói dối mà trước đây bản thân mình tin là thật, tôi không bằng lòng nhận là nợ, tôi khuyên anh cũng đừng vì thế mà giày vò mình. Còn như một số lời bàn ngược với lòng mình, khi mình viết cũng thấy rất buồn lòng... Tôi đang hồi tưởng, chỉ trách tôi lúc đó không có dũng khí, nên mới tự vạch mặt... Từ nay về sau, ai dám bảo đảm, tôi thôi không viết những loại văn này nữa... Tôi không dám cắt séc chi tiêu"...

Chưa được ông đồng ý, tôi đã trích dẫn thư của ông, nên xin được tha thứ. Thế nhưng tôi muốn nói, tự phanh phui mình một cách thẳng thắn như ông là rất đáng để cho tôi học tập. Tôi cũng thế, "lúc ấy không có dũng khí", thì từ nay về sau liệu có dũng khí hay không? Ông đã nói toạc ra: "Không dám cắt séc chi tiêu". Lẽ nào tôi lại dám làm việc đó? Lẽ nào nói ra lời nói thật đó, là đã có thể không phải giày vò mình? Tôi làm không nổi, tôi nghĩ ông cũng không làm nổi!

Bất kể việc gì cũng đều có đầu có cuối: lẩn tránh cũng thế, kéo dài cũng thế, lẩn khân cũng thế, thế nào rồi cũng phải có lúc kết thúc. Nói suông cũng thế, nói dối cũng thế, thế nào cũng có ngày phải bị bóc trần. Vậy thì phải bắt đầu từ bản thân mình. Giày vò, đối với mình, hãy đòi hỏi chặt chẽ một chút sẽ không bao giờ có hại. Tôi nghĩ tới bút tích của Ngô Thiên Tương. Ngô Thiên Tương là Trưởng phòng nghiên cứu Văn học Nước ngoài trong truyện của Thâm Dung, một người phái hữu cải lương, ông là người duy nhất nói thật ở trong xã hội. Trước hôm ông phát biểu, ông đã viết hai dòng sau đây lên giấy Xuyến chỉ⁴⁹ để răn mình:

Nguyện nghe lời trái tai,

Không làm theo lời trái lòng.

Đây là một câu rất xưa mà cũng rất thông thường. Lấy chúng để làm mục tiêu phấn đấu của chúng ta, có phải là đòi hỏi quá cao không? Tôi tin rằng người bạn cũ chuyên viết tạp văn sẽ trả lời tôi: Không cao! Không cao! "Thật thật giả giả" là một tác phẩm tốt khác của tác giả "Người đến tuổi trung niên". Bà có dũng khí nói thật. Trong truyện của bà, tôi gặp được khá nhiều người quen, và cũng gặp chính mình. Đọc xong truyện, tôi không thể không gấp sách lại mà suy nghĩ. Đó không phải là tác phẩm, không phải là văn chương, mà là cuộc đời. Tôi đang nghĩ quá khứ, hiện tại và tương lai của chúng ta. Tôi "nghĩ tới nghĩ lui, mà không sao xa rời được hai câu vừa nói ở trên".

Lẽ nào tôi lại không dám cắt séc chi tiêu? Tôi thật muốn đánh cuộc với nhà tạp văn như vậy.

Ngày 20 tháng 3.

TUỞNG NHỚ ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG MÃN ĐÀO

Có một người bạn (ông làm công tác bình luận văn học) sau khi đọc tập "Tìm tòi" viết thư tôi nói: "Tôi cảm thấy ông ước thúc mình hình như quá nghiêm khắc, thời nào có điều kiện lịch sử của thời ấy, nhiều việc không phải cá nhân có thể chịu trách nhiệm được".

Trong lời lẽ của ông, có chỗ còn phải bàn thêm, Trước hết, tôi không thấy có gì nghiêm khắc với mình, nếu như nghiêm khắc, thì tôi đã không sống được từ lâu rồi. Cho nên, tôi cứ luôn luôn xong việc rồi mới lấy sự hối hận để tự giày vò mình. Nói đến trách nhiệm, tôi nghĩ, nếu như chúng ta có thể vứt bỏ bài học "sáng suốt giữ mình" cổ xưa, đối nhân xử thế bằng thái độ chịu trách nhiệm nghiêm túc, thì nhiều việc sẽ không xảy ra, nhiều việc có thể thay đổi khác đi...

Tôi nghĩ tới một việc, một con người. Người ấy là đồng chí Trương Mãn Đào.

Giữa tôi với đồng chí Mãn Đào không hề có sự đi lại riêng tư. Mọi việc về ông, tôi biết rất ít. Năm 1940, tôi ở Thượng Hải để viết quyển "*Thú*" và kiêm làm công tác biên tập cho Nhà xuất bản Đời sống Văn hóa. Trong một tủ sách mà tôi biên tập, có một bản dịch của Mãn Đào, tức là vở kịch bốn màn "Vườn Anh đào" của Sê-khốp do anh Lý Kiện giới thiệu. Tôi chỉ biết người dịch biết tiếng Nga, yêu Sê-khốp, cho nên dịch rất hay. Mãi đến giải phóng, tôi mới gặp đồng chí Mãn Đào, số lần gặp không nhiều, phần lớn đều ở các Hội nghị học tập, tháng hoặc gặp ở sân chơi. Gặp nhau, chúng tôi chỉ bắt tay, gật đầu, nhiều lắm chẳng qua là hàn huyên dăm ba câu.

Trong tập tài liệu thứ hai "Về vấn đề Hồ Phong" công bố năm 1955, có mấy câu trong thư gửi Mãn Đào, nói đến "nguyên tắc tổ chức" gì đó, tôi cũng không rõ nữa, nhưng không khỏi lo thay cho anh. Thế nhưng rồi ngoài ý nghĩ của tôi, anh hình như chỉ được nếm mùi đau khổ rất ít. Một thời gian sau, lại thấy anh xuất đầu lộ diện, vẫn là ủy viên Ủy ban Chính trị Hiệp thương thành phố, những sách anh dịch lại vẫn xuất bản. Anh rất thích xem Xuyên hí⁵⁰; đoàn Xuyên kịch đến Thượng Hải biểu diễn, thế nào tôi cũng có dịp gặp anh ở nhà hát.

Thế là ập đến cái gọi là "mười năm đại họa". Sau này tôi viết thư cho bạn nói: "Mười năm chỉ là một nháy mắt". Kỳ thực ngày tháng Mười năm ấy thật là dài quá! Trong thời gian đó, tôi đã nghe được không ít tin tức vĩa hẻ về những người quen. Tôi cũng từng nghĩ tới Mãn Đào, sau này tôi được biết anh làm phiên dịch ở Trường cải tạo cán bộ, sau nữa nghe nói anh không được khỏe, đồng thời, tôi còn được xem cuốn tiểu thuyết do anh và người khác cùng dịch. Mọi người nói, anh công tác rất tích cực.

Mùa thu năm 1975, phân hội Thượng Hải của Hội Nhà văn đã bị đập nát dưới nanh vuốt của "lũ bốn tên", tôi được "phân phối" đến phòng Biên dịch, chuyên dịch sách cho Nhà xuất bản Nhân dân Thượng Hải, bất kể bản thân tôi có bằng lòng hay không. Thêm nữa, lại vẫn "sử dụng khống chế" như cũ. Đây đúng là sự trừng phạt với người không thừa nhận "nhân quyền" như tôi. Tôi lấy cớ người không được khỏe, một tuần lễ chỉ đến hai buổi để tham gia học tập chính trị. Lần đầu tiên đi dự Hội nghị Toàn thể truyền đạt văn kiện gì đó, đi vào trong ngõ một loáng thì gặp Mãn Đào. Anh cũng nhìn thấy tôi, rất mừng, bèn đến bên cạnh tôi, tỏ lòng hoan nghênh, vừa đi vừa nói, vừa nói vừa cười. Những cuộc gặp gỡ chuyện trò như thế, giữa chúng tôi cũng có được mấy lần. Tôi mới đến phòng Biên dịch, rất ít người quen. Lời nói vui của Mãn Đào quả thật có đem lại cho tôi sự ấm áp. Tôi nghe người ta nói anh không được khỏe lắm, có lần ngã xỉu ngay trên đường đi, lại nghe nói anh làm việc tích cực, luôn chỉ muốn tranh thủ làm được nhiều.

Tôi bèn khuyên anh nên chú ý giữ sức khỏe. Anh cười cười nói: "Không sao cả!"

Lại qua một thời gian nữa, tôi không nhớ đúng thời gian nào nữa. Đại khái là vào tháng Bảy tháng, Tám năm 1976 gì đó, tóm lại là thời mà "lũ bốn tên" đang hoạt động điên cuồng. Một hôm, tôi đang học tập ở lầu bốn của phòng Biên dịch. Mở đầu, tổ trưởng học tập nói mấy việc, một việc trong đó là về Mãn Đào. Mãn Đào vốn thuộc loại được coi là "phần tử Hồ Phong" phải buộc lao động quản thúc. Lúc đó do sơ suất không chấp hành đúng. Nhưng hai chục năm nay, anh biểu hiện tốt, bởi vậy cũng không cần lao động quản thúc nữa. Thế nhưng theo một cơ quan nào đó nói, thì các mũ "phản cách mạng" do tổ mười người dưới sự lãnh đạo của Trường Xuân Kiều đội lên cho, không thể thay đổi được, nên coi anh như một phần tử "phản cách mạng", tước bỏ quyền lợi chính trị của anh. Đây quả là một tiếng sét ngang tai, tôi chột ngẩn người ra. Đâu lại có cái lý như vậy, biểu hiện tốt trong 20 năm đổi lấy cái mũ "phản cách mạng", chỉ bởi vì ban đầu, nhóm của Trường Xuân Kiều định cho là "phần tử Hồ Phong". Tôi lại nghĩ "Mãn Đào làm sao mà chịu đựng nổi?!" Vậy mà chẳng có ai đứng ra phát biểu ý kiến, Tôi lúc đó vẫn còn là một tên "phản cách mạng" không đội mũ, tuy đã có cách nhìn nhận của mình, nhưng trong Hội nghị học tập tôi luôn thấp tha thấp thỏm, đứng ngồi không yên, chỉ nghĩ làm sao giữ được mình, không dám nói thật lấy một câu. Và lại tôi biết cách suy nghĩ của người tổ trưởng học tập của tôi cũng không khác mấy so với tôi. Ngay như anh, anh cũng chẳng dám công khai nghi ngờ.

Sau đó, tôi không gặp lại Mãn Đào nữa, chỉ có một lần, học tập xong, tôi từ trên gác xuống, gặp anh ngay ở chân cầu thang. Tôi định chào anh, anh cúi đầu đi chỗ khác. Tôi quả thực không hiểu tại làm sao bỗng nhiên anh bị gọi là "phần tử phản cách mạng" mà cũng không có cách nào hỏi thăm người khác được. Sau này, tôi vô tình nghe nói, người phụ trách ở đây thấy Mãn Đào có thái độ tốt, công tác tích cực, muốn bỏ cho anh cái mũ

"phần tử Hồ Phong" nên đã báo cáo lên cấp trên và cơ quan nào đó để thỉnh thị. Thật không thể nào ngờ, lại được sự trả lời như vậy. Có thể do một sự lầm lẫn nào chăng? Thế nhưng người lãnh đạo ở đây cũng không dám báo cáo lại với cấp trên để nói rõ ý ban đầu hoặc là yêu cầu khoan hồng. Thế là mọi người lấy cái sai để làm sai, trong một đêm vô cớ tước đoạt quyền lợi chính trị của Mãn Đào.

Tôi chẳng nói chẳng rằng, lại nửa lạ nửa không. Bây giờ, tôi đang dịch cuốn "Hồi ký" của A.Ghécxen, trong sách cũng có những đoạn ghi lại tương tự như thế, mới hay "lũ bốn tên" đã làm những việc mà Sa hoàng vốn quen làm. Thế nhưng trong đó có cả tôi, không có ai dám ra phát biểu ý kiến trái ngược lại, nói cho ra lẽ. Hình như mọi người đã mất hết cả lý trí.

Tuy nhiên, sự việc vẫn chưa kết thúc. Không lâu sau Mao Chủ Tịch qua đời, chúng tôi đều đến Hội trường của Nhà xuất bản tham gia lễ viếng, Qua ba bốn hôm, trong buổi học tập của chúng tôi, tổ trưởng tuyên bố trong phòng phải mở Hội nghị nhỏ phê phán Mãn Đào "lật án", mỗi tổ cử hai đại biểu tham gia. Về việc giải thích sự "lật án", nghe nói trong khi chúng tôi đi tham gia lễ viếng, Mãn Đào được gọi lên phòng Biên dịch để một lão sư phụ trong đội Tuyên truyền Công nhân đang đóng chốt tại đơn vị quản thúc huấn thị. Mãn Đào liền nói anh "không phải là phần tử phản cách mạng, không biết làm ầu làm bừa". Thế là cấu thành cái tội "lật án" của anh. Một cái lô-gic hoang đường như thế, một thứ pháp luật kỳ cục như thế, tôi quen thuộc quá mất rồi! "Phái tạo phản" đã cho tôi một kinh nghiệm quá đủ. Đương nhiên tôi không dễ gì tin họ, thế nhưng tôi vẫn chẳng nói câu nào, cúi đầu làm ra vẻ không hề hay biết. Trên thực tế, tôi đã ngấm đem hết sức mình để nén nổi bất bình ở trong lòng xuống, sự tự bộc lộ mình ra, sẽ tự châm lửa đốt mình. Tôi chỉ biết giữ mình rất cẩn thận, không thể hiện được một chút nhỏ nào trách nhiệm mà một nhà văn, một con người bình thường cần phải thể hiện. May sao một tháng sau đó, "lũ bốn tên" đã bị đập tan, nếu không, ai biết được sẽ còn xảy ra những chuyện gì.

Tóm lại là Mãn Đào đã được bảo toàn. Cả về thể lực và tinh thần, anh đều bị mất mát nhiều. Có một thời kỳ, người ta quên cả mình oan cho những người bị oan, chữa trị vết thương cho người bị hại. Nhưng những cái đó không hề làm giảm tính tích cực trong công tác của Mãn Đào. Dù nhóm từ “tính tích cực” thì không thể nói rõ tâm tình và sở nguyện của anh một cách xác đáng. Một con người ham muốn được làm nhiều việc, muốn làm mà lại làm được. Gôgôn, Biêlinski đang đợi anh. Anh đã phí phạm mất bao nhiêu thời gian rồi! Lẽ ra anh có thể dịch được rất nhiều sách nữa. Nhưng mà thời gian dành cho anh còn ít quá. Chỉ còn có hai năm ngắn ngủi. Anh mất tháng 12-1978. Tôi đã đến nghĩa trang Long Hoa dự lễ truy điệu anh, gặp khá nhiều người quen. Buổi lễ truy điệu cũng là một cuộc sửa sai, nỗi oan khuất của người chết cuối cùng đã được minh oan. Trong và ngoài phòng lễ, tôi chẳng nói câu nào. Khi đứng trước linh cữu để mặc niệm, tôi phảng phất như thấy hình ảnh đồng chí Mãn Đào tươi cười đón nhận. Nhìn lên chân dung của đồng chí, tôi bỗng thấy hổ thẹn. Tôi nghĩ người ta thế nào rồi cũng phải chết, điều không may lớn nhất của một con người là lúc sống không thể làm được nhiều hơn những việc mình muốn làm. Khi đồng chí Mãn Đào gặp bước không may, tôi không ủng hộ anh, không đứng ra mà nói một lời công bằng, chỉ đứng bên lạnh lẽo bàng quan. Đối với những điều không may của anh, tôi không thể nói là người không hề chịu trách nhiệm.

Ngày 25 tháng 3

NÓI THẬT, BÀI THỨ TƯ

Về nói thật, mỗi người có cách nhìn riêng của mình. Có người bảo hiện nay đúng là cần phải nói thật, cũng có người cho rằng hiện nay làm gì còn có chuyện nói thật. Tôi tuy mấy lần khẩn thiết kêu gào, nhưng ý kiến của tôi chẳng qua chỉ là ý kiến của một người, tôi cũng coi việc nói thật là mục tiêu phấn đấu những năm cuối đời mình.

Nói thật không phải là chuyện khó khăn gì. Cái gọi là nói thật, nói ở đây không phải là chân lý, cũng không phải là chỉ những lời nói chính xác. Tự mình nghĩ thế nào thì nói thế ấy, tức là nói thật. Anh nghĩ như thế nào, có ý kiến gì, nói ra để cho mọi người hiểu anh. Nếu ý kiến giống nhau thì cùng nhau nghiên cứu thêm. Ý kiến khác nhau, thì thảo luận một cách thận trọng, để tìm ra điều phải trái. Làm như thế có gì là không tốt.

Có thể nhiều người đã làm như thế, cũng có thể nhiều người chưa làm được như thế. Tôi chỉ có thể nói bản thân tôi. Khi tôi biết được rằng lời nói, có thật, có dối. Tôi đã không nói thật với thầy giáo trường tư, với cha mẹ tôi. Với cha mẹ, tôi không nói dối nhiều lắm, bởi vì cha mẹ tôi không hay để ý tới tôi, càng ít đánh tôi. Cha tôi chưa bao giờ đánh tôi, cho nên tôi thường nói cha mẹ "không làm gì mà phải trị tôi". Cha mẹ tôi rất gần gũi, quan tâm và tín nhiệm tôi. Cho đến nay, tôi còn nhớ có một năm, trước Tết không lâu, tôi và mấy người anh em họ xin thầy giáo cho nghỉ học trước hai ngày, thầy giáo đã nói với cha tôi việc này. Cha tôi nói với mẹ tôi, mẹ tôi liền bảo: "Thằng Tư không thể ở trong số đó". Tôi vừa bước vào nhà, nghe thấy nói thế liền quay ra đi thẳng. Mẹ tôi qua đời lúc tôi chưa đến mười tuổi, đó là chuyện trước năm tôi lên mười. Mấy chục năm nay, tôi luôn nghĩ đến Người, đó là sự giáo dục tốt nhất đối với tôi, còn mạnh hơn roi vọt rất

nhiều: Không được phụ lòng tin của người khác. Trong mười năm đại họa, điều tôi cảm thấy đau khổ nhất là, mình đã phụ lòng tin của người đọc.

Đối với thầy giáo dạy tư, tôi rất ít nói thật. Bởi vì, một là các ông hay dùng roi, dùng thước đánh học trò. Hai là, các ông chỉ cần nghe những lời các ông thích nghe. Thầy thích nghe thế nào, chúng tôi nói thế ấy. Phịa ra lời nói dối thì dễ được thầy yêu, mà được lòng thầy thì dễ được khen. Đối với trẻ con chưa hiểu biết, láu lỉnh như vậy tương đối nhẹ nhàng, thoải mái. Tôi không ngừng tìm hiểu nguồn gốc của những lời nói dối. Theo kinh nghiệm của tôi, lời nói dối sinh ra từ tay thước, ngọn roi.

Mấy năm gần đây, trên màn ảnh nhỏ, tôi đã được xem những vở kịch địa phương mặc trang phục cổ, trong kịch thường có vai quan huyện xử án, "đồ tra tấn đã chờ sẵn", không khai là đánh, thậm chí còn dùng cả nhục hình, về chuyện này, tôi cũng có những điều tai nghe mắt thấy. Năm tôi sáu bảy tuổi, cha tôi làm quan huyện Quảng Nguyên, ông xử án ở công đường, tôi được rồi thường chạy ra "nghe lỏm". Tôi không đứng ở nơi lộ liễu, ông cũng chẳng can thiệp. Ông cũng giống như ông quan ở trong kịch "phạm nhân", không chịu nhận tội, liền hô "đánh". Có lúc vừa bị đánh, "phạm nhân" đã khai liền, có lúc chưa đánh, "phạm nhân" đã vội kêu là "oan uổng". Tay thước có hai loại rộng và hẹp, gọi là "thước lớn" và "thước nhỏ". Ngoài ra, cha tôi còn dùng một loại hình phạt, gọi là "quỳ vào khay", bắt "phạm nhân" quỳ vào cái khay, dưới gối đặt một vòng xích sắt, hai tay dang thẳng, thò vào hai cái lỗ thường ngày vẫn để đôn khiêng. Loại hình phạt này ghê gớm hơn tay thước nhỏ, "phạm nhân" quỳ liền kêu la như lợn bị chọc tiết. Tôi chưa từng thấy cha tôi xử vụ án nào lớn, bởi vậy, ông dùng hình phạt cũng không nhiều. Cha tôi chỉ làm quan huyện có hai năm, nhưng kinh nghiệm hai năm đó khiến tôi suốt đời ghê tởm những hình phạt thể xác. Chẳng những thế, đối với tất cả mọi hình thức áp bức tôi đều cảm thấy ghê tởm. Người xưa nói già đòn thì non nhẽ, với hình phạt có oan uổng, vậy thì với áp bức lấy đâu ra lời nói thật!

Điều rất lạ là có một số người lại cứ thích tin rằng sức ép, thậm chí sức ép tinh thần có thể sinh ra lời nói thật, đến mức không ngừng dùng sức ép đi tìm kiếm lời nói thật. Quả đúng là có người như thế, đã vậy số lượng lại không phải ít. Cái gọi là "phái tạo phản" mà tôi gặp trong 10 năm đại họa, phần lớn đều như thế. Biện pháp có thể nói là cao siêu hơn bọn quan lại thời Mãn Thanh một chút. Cho nên nhớ lại cả cuộc đời tôi, trong 10 năm đó, tôi nói dối nhiều nhất. Nói dối là điều xấu hổ nhất của tôi, ngay cả những khi nói dối trở thành một thói quen. Bản thân tôi cũng không thoát khỏi sai lầm. "Phái tạo phản" đã ép người ta phải nói dối là những người chịu trách nhiệm nhiều hơn. Trong óc tôi, đến bây giờ vẫn còn in rất đậm mấy khuôn mặt của "phái tạo phản", lúc bấy giờ nhìn thấy họ là cảm thấy một "sự tởm lợm về sinh lý" (lúc bấy giờ, tôi đã mấy lần nói với Tiêu San vợ tôi như thế) cho đến bây giờ tôi vẫn còn thấy lợm giọng. Tôi không rõ tại sao trong con người của họ lại có nhiều mùi vị phong kiến quan liêu đến như thế?! Họ làm bộ làm tịch, vờ phô trương thanh thế, vì sợ làm bộ không được, kỳ thực thì họ đã sớm đạt tới mức "quá mù ra mưa"! Quan liêu phong kiến mới chỉ dùng sức ép, dùng hình phạt thể xác để có lời nói dối. "Phái tạo phản" mà dùng đến hình phạt quả đúng có cái gọi là "tinh thần tạo phản". Có điều, tôi cần phải nói một câu công bằng, trong mười năm đó, chưa có ai dùng hình phạt thể xác với tôi. Tôi cũng chưa từng bị bạt tai hay bị đấm đá, nhưng những chuyện người khác bị hình phạt, bị làm nhục thì tôi thấy khá nhiều. Sau chuyện đó, tôi thường thường nghĩ lại chuyện ngày xưa nhìn trộm quan huyện xử án, nhưng tôi không còn là thằng trẻ con sáu bảy tuổi ngày xưa nữa. Vậy mà ngày ngày bị ép phải nói dối, không ngừng bị sỉ nhục, bị giày vò, thì làm sao mà có thể ung dung mà "ôn cố tri tân" nữa!

Trong những ngày như thế, tôi đã quên khuấy nói thật, điều tôi nghĩ chỉ là làm thế nào để sống được, thế là hạ quyết tâm, dày mặt lên để nói dối. Có lúc tôi đã hầm hầm tức giận nói trong lòng: "Các người hãy nuốt hết đi, các người cần bao nhiêu điều nói dối, ta sẽ cho các người bấy nhiêu". Có lúc tôi đã bị lương tâm cắn rứt, cảm thấy xấu hổ về việc làm và lời nói của mình.

Có lúc tôi lại tha thứ cho mình để tránh tấn thảm kịch "người chết của hết" xảy ra. Kết quả là Tiêu San chịu đủ điều bức hại, chịu nhục mà chết. Người muốn quanh co để cầu toàn sẽ không bao giờ được báo đáp, gieo gió thì gặt lấy bão! Tôi không thể lừa dối lớp người sau của tôi. Tôi vừa sống vừa suy nghĩ, dần dần nhìn rõ con đường mình đi, cũng dần dần nhận rõ bộ mặt thật của “phái tạo phản”. Trước ngày đi lao động ở Trường cải tạo cán bộ 5-7 của Bộ Văn hóa ở Phụng Hiền, tôi tìm thấy trong đồng sách cũ ở ngoài hành lang cuốn chú giải của G. Campi về "Bên bờ địa ngục" trong "Thần khúc", cứ y như phát hiện ra một báu vật. Sách đầy quá, tôi dùng cuốn vở học trò mỏng manh chép "khúc thứ nhất" mang theo bên mình. Khi lao động ngoài đồng ruộng khi bị phê đấu trên Hội trường, tôi ngẫm đọc những câu thơ của Đặng-tơ, tôi cho rằng mình đang ở dưới địa ngục để chịu thử thách. Thơ của Đặng-tơ đã mang lại cho tôi một dũng khí lớn lao. Đọc "Bên bờ địa ngục", nghĩ về “phái tạo phản”, tôi cảm thấy cuộc đời dễ sống hơn.

Tôi cứ chép từng quyển từng quyển một, còn chưa chép xong quyển thứ 9 thì đã phải rời Trường cải tạo cán bộ, bởi vì Tiêu San ở nhà đang ốm nặng.

"Lũ bốn tên" rốt cuộc đã bị sụp. Họ sụp đổ nhanh đến thế, tôi không thể ngờ tới. Đây là một bài học rất tốt. Lâu đài xây dựng trên cát thì không bền vững, quyền thế xây dựng trên những lời nói dối nói khoác cũng không lâu dài được. Những người thích nghe và thích nói dối đều bị trừng phạt. Tôi cũng không thoát.

Ngày 2 tháng 4

TỰ MỔ XÉ

Bài thứ 71 trong tập *"Tuỳ trường"* ra mắt khá lâu rồi, về sau báo chí Bắc Kinh lại đăng lần nữa. Mấy hôm trước, có người bạn đến thăm, ngồi chuyện phiếm một hồi, chợt ông nhắc đến bài viết đó của tôi, nói rằng: hôm ấy, ông phê đấu tôi là vì bất đắc dĩ, bản nháp của bài nói ấy là do ba người thảo luận rồi cùng viết ra, hai người kia không chịu nói, buộc ông phải lên bục. Còn nói rằng: lúc đó thấy tôi chảy nước mắt, ông cũng thấy rất buồn. Ông bạn này là một người thật thà, vẻ thư sinh; khi tôi lao động ở Trường cải tạo cán bộ, thường nghe thấy bọn “tạo phản” bàn tán sau lưng ông, nhại lại ông dùng tiếng nước ngoài để nói chuyện. Trong trường đại học, ông là một nhà thơ, sau khi đi học ở Âu châu về; viết một ít bài bình luận văn học. Trong "Đại Cách mạng Văn hóa", địa vị của ông thật bấp bênh; có lúc tôi thấy ông "liên quan", có lúc ông được "giải phóng" hoặc "nửa giải phóng", có lúc lại nghe nói ông được ở trong "bộ máy lãnh đạo". Tóm lại là biến động liên tục, khiến người ta không biết đâu mà lần. Đến nay, sự việc đã qua đi từ lâu, ông không thay đổi nhiều nữa. Trước mắt tôi, ông vẫn là một người tốt quen biết cũ mang đậm nét thư sinh.

Những điều ông vừa nói, tôi hoàn toàn không ngờ tới. Tôi nhớ rõ trong bài *"Tuỳ trường"* ấy có nhắc đến cuộc Đại hội phê đấu ở rạp xiếc Thượng Hải tháng 10 năm 1967, nhưng cũng chỉ có một câu ngắn ngủi, chứ không hề tả tình hình diễn biến của cuộc Đại hội ấy, càng không nói ai đã lên bục phát biểu, ai dẫn đầu hô khẩu hiệu. Thêm nữa, không những trước đây; ngay lúc này ngồi trước mặt người bạn, tôi cũng không hề nghĩ đến việc ông đã từng phê đấu tôi, không có một chút ấn tượng gì. Tôi đã thành thật bảo ông: "Không cần phải băn khoăn về việc đó". Tôi còn nói, tôi lúc đó tuy hết sức khốn đốn, nói ấp úng không ra câu, nhưng chưa hề chảy nước mắt,

Ông trẻ hơn tôi, trí nhớ cũng tốt hơn tôi, rất có thể ông không tin lời tôi nói, bởi vậy ông còn giải thích một thôi một hồi. Tôi rất thông cảm với ông.

Để cho ông yên lòng, tôi đã nói khá nhiều chuyện, cố làm sao hồi tưởng lại tình hình lúc đó. Tôi tới rạp xiếc Thượng Hải tham gia phê đấu khá nhiều lần, trong đó có hai lần tôi là đối tượng chính, một lần là Đại hội phê đấu có tính toàn thành phố lần thứ nhất, một lần là Đại hội có thu hình, tất cả các đơn vị liên quan đều xem cùng một lúc, những đối tượng "liên quan" bị phạt đứng ở hai bên máy thu hình. Người bạn ấy đã phát biểu ở buổi họp nào, cho đến nay, tôi cũng không nhớ, điều ấy chứng tỏ lúc ấy tôi không hề để ý. Tôi là một thứ "ma quỷ" phải qua hàng trăm phen phê đấu. Ai cũng có quyền lôi tôi ra để phê đấu. Tôi cũng không có cách nào nhớ hết được những lời "huấn thị" của mỗi buổi đấu, mỗi người. Thế nhưng hai buổi Đại hội ấy thì tôi chưa thể dễ dàng quên đi, bởi vì với tôi đó là những lần đầu, tôi chưa hề có kinh nghiệm, hết sức căng thẳng.

Rạp xiếc hình tròn, người đứng ở đó mà chịu đấu thì cảm thấy hầu như những nắm tay từ ba bề bốn bên đều nhắm vào anh, anh sẽ không tìm ra chỗ mà ẩn náu, rất sợ. Trước mỗi lần tôi bị đưa ra đấu, người chủ trì tuyên bố Đại hội bắt đầu, trong rạp bỗng nổi dậy bài nhạc "Đông phương hồng". Bản nhạc ấy tôi nghe quen rồi, mà tôi còn thích nữa, nhưng những lúc đó, mỗi lần nghe nó là tôi lại rợn người lên. Cữ xong bản nhạc, thế nào tôi cũng bị mấy gã lôi ra trước chỗ họp, mấy năm liền đều như thế. Lần đầu bị đấu, tôi vừa căng thẳng vừa rất cẩn thận, mang cả bút bi và sổ tay lên bục, tuy cúi đầu khom lưng, nhưng vẫn không hề quên ghi những điểm chủ yếu của từng người phát biểu, chuẩn bị để "tiếp thu phê phán, sửa chữa sai lầm". Người chủ trì cuộc phê đấu lần ấy thấy tôi có lúc dừng bút không viết, đã huấn thị rằng: "Tại sao anh không ghi tiếp nữa?" Thế là tôi lại cầm bút ghi tiếp. Tôi trích lục những lời phát biểu trong khi phê phán như thế không chỉ một lần, thế nhưng chưa đầy một năm, bọn "tạo phản" lòng sục "chuồng bò", tịch thu những cuốn sổ ghi chép đó. Ngoài ra căn cứ vào sự phê đấu của họ, một lần nào đó, tôi chuẩn bị "phản công, nói ngược lại", lúc ấy, tôi đã bị nâng lên thành "kẻ tử thù của Chuyên chính Vô sản".

Khi tôi lần đầu tiên tiếp thu phê đấu của “quần chúng cách mạng” toàn thành phố, hai sinh viên Đại học Phúc Đán trong tổ chuyên án về vụ án của tôi, đã áp giải tôi từ Giang Loan (lúc ấy tôi bị lôi tới Đại học Phúc Đán) tới trường đấu. Trước khi vào trường đấu, một trong hai người ấy cảnh cáo đi cảnh cáo lại rằng: tôi không được biện hộ cho mình ở trên chỗ phê đấu, mà phải thừa nhận bất kể tội danh gì được người ta gán cho. Tôi vốn đã rất căng thẳng, bây giờ lại phải đeo thêm cái khối nặng này nữa, chỉ muốn mình biểu hiện cho tốt hơn, nhưng lại sợ nhận những tội ấy, sau này sẽ rửa không sạch. Cúi đầu để người ta lôi vào trường đấu, tôi vánh đầu hoa mắt, ý nghĩ rối loạn, Cả một rừng tiếng hô "đã đảo Ba Kim" khiến người ta hồn xiêu phách lạc. Tôi đứng đấy, nghĩ bụng rằng hai ba tiếng đồng hồ này thật khó mà chịu đựng nổi, nhưng tôi hạ quyết tâm sẽ "làm lại cuộc đời", căn cứ vào những luận điểm người ta phê phán tôi để cải tạo mình.

Hai cuộc Đại hội ở rạp xiếc đã để lại trong lòng tôi một dấu ấn sâu sắc. Khi triệu tập Đại hội phê đấu để thu hình, để tạo dư luận, gây thanh thế, dọc đường từ Phân hội Nhà văn Thượng Hải đến rạp xiếc, đã dán rất nhiều biểu ngữ chữ to. Nhìn thấy nhiều chữ "đã đảo" như thế, tôi lạnh toát cả người. Nếu như không phải vì Tiêu San, vì các con tôi, tôi e rằng không dễ gì chống đỡ nổi. Trong hai lần phê đấu đó, tôi phải đứng mà chịu đấu từ đầu đến cuối. Tôi còn nhớ cuộc đấu để thu hình, khi phê đấu kết thúc, người chủ trì ra lệnh giải tôi đi, tôi bỗng không nhấc nổi chân. Bọn “tạo phản” chửi tôi "giả vờ". Sau này trong các cuộc phê đấu, hễ trên bục đấu có ghế băng, thế nào tôi cũng tranh thủ ngồi, tôi đã dần dần trở nên quen, và cũng rút ra được một ít kinh nghiệm. Tôi bắt đầu nhận ra rằng cái thứ "cải tạo" mà tôi hằng trông đợi đó, không hề tồn tại'.

Lời của ông bạn đã động viên tôi làm một cuộc du lịch dài. Tôi đã đi từ cuộc phê đấu này tới cuộc phê đấu khác, đi hết các hội trường khác nhau không đếm xuể, Tôi không hề gặp một khuôn mặt nào quen thuộc. Không phải nói, không có một người quen nào lên sân phát biểu, tôi muốn nói rằng

những lời phát biểu ấy chưa hề mang lại tổn hại gì cho tôi, lúc ấy tôi không hề ghi nhớ họ trong lòng, chuyện qua rồi, tôi cũng quên sạch sành sanh.

Nghĩ lại: trước đây, tôi thấy mình làm như thế cũng hợp tình hợp lý. Bụng dạ tôi liệu to được đến đâu? Làm sao mà tôi chứa hết được những mối tư thù nhỏ như hạt cám ấy. Ở thời kỳ ấy, tôi chưa từng được lên bục phê phán người khác, chỉ là vì tôi không có dịp. Giả như tôi được lên bục mà khoe mẽ, tôi sẽ cho là may mắn quá chừng. Tôi thường nghĩ, và cũng thường nói thế này: Chẳng may đúng vào cái thời "sớm thình thịch, chiều báo cáo" hăng hái nhất, tôi lại được giải phóng và trọng dụng, thì tôi cũng sẽ làm vô khối việc ngu xuẩn, thậm chí xấu xa nữa. Lúc ấy, mọi người đều lấy sự "theo sát" làm vinh dự. Tôi vì không có tư cách "tập trung", tham gia cuộc vận động này không lâu liền bị gạt ra diện "liên quan", thế nên mới dễ giữ được sự trong sạch cho cá nhân. Điều khiến tôi sợ là trạng thái tinh thần và tình hình tư tưởng của mình lúc đó, chưa bị rơi xuống hố sâu, quả thật là vô cùng may mắn. Đêm khuya tự hỏi lòng, còn thấy rợn tóc gáy.

Thói quen tự mổ xẻ, là thu hoạch của tôi qua nhiều lần phê đấu. Hiểu được mình thì sẽ dễ dàng hiểu được người khác. Đòi hỏi người khác không nên nghiêm khắc bằng đòi hỏi chính mình. Nghe câu "chỉ thị tối cao" và "một câu chọi với một câu" của người cầm cờ đỏ truyền xuống, ai có thể giữ được đầu óc tỉnh táo? Ai có thể chịu được thử thách? Làm một Gia Cát Lượng vượt đuôi cũng đã muộn rồi! Nhưng cũng còn may là tôi đã tìm lại được sự "suy nghĩ độc lập" mất đi nhiều năm nay. Có nó, tôi sẽ không phải đi lại con đường cũ trước đây đã đi, cũng không phải chịu đựng tất cả những gì những năm ấy từng phải chịu đựng. Cơn ác mộng mười năm đã tỉnh lại, nó đem đi bao nhiêu ân oán cá nhân nói không hết, đếm không xuể, nó bảo với chúng ta những chuyện trước đây quyết không thể tái diễn.

"Cái cần quên thì hãy quên phắt đi, đừng nên lấy những chuyện vặt vãnh ấy ra tự giã vặt mình, tương lai của chúng ta vẫn ở trong tay chúng

ta". Tôi nắm chặt tay người khách, tiễn ông ra cửa.

24 tháng 4 - Viết trong ngày ốm ở Hàng Châu

"LỜI NGƯỜI ĐÁNG SỢ"

Một năm trở lại đây, mấy lần tiếp các bạn nước ngoài sang thăm ngay tại nhà, nhân bàn đến hiện trạng của giới văn học nước ta, tôi nói, mấy năm nay phát triển nhanh, thành tích không phải nhỏ, xuất hiện nhiều tác phẩm tốt, nổi lên một lớp nhà văn trung niên và trẻ tài hoa, hiểu biết, có dũng khí, trong đó số nhà văn nữ cũng không ít.

Bạn nước ngoài đồng ý với cách nhìn của tôi. Một nhà thơ Thụy Điển mới sang thăm gần đây nói với tôi rằng ông đã gặp mặt mấy nhà văn nữ, còn đọc qua cả tập truyện vừa "Người đến tuổi trung niên".

Tôi nói là nói thật, và đã nghĩ như thế. Bình luận một truyện ngắn, mỗi người có một thước đo riêng. Tôi nói một tác phẩm viết tốt vì nó chân thực phản ánh đời sống của thời đại chúng ta, vì nó đã động vào cõi lòng tôi, khiến tôi cảm thấy một cách sâu sắc mối quan hệ khăng khít, máu thịt, giữa tôi với đồng bào của tôi, khiến tôi càng thêm yêu mến đất nước nhiều tai lầm nạn này và những người dân hiền lành, cần lao. Đọc xong một tác phẩm tốt, là y như thấy trong mình có thêm một luồng hơi ấm và một thứ sức mạnh, niềm khát vọng muốn làm thêm cho người khác một việc gì đó. Tác phẩm tốt đã dùng con tim trong sáng của tác giả, dẫn dắt mọi người đến một lý tưởng cao quý. Cho nên khi nói đến những tác phẩm và tác giả ấy, thế nào tôi cũng để lộ ra mối cảm kích của mình.

Một năm nay, tôi ở nhà dưỡng bệnh, đôi khi cũng ra ngoài, đi họp hành và gặp gỡ mấy nhà văn nữ có thành tựu. Nói thành tựu đương nhiên là có lớn, có nhỏ, mà thành tựu, tôi nói đây, chẳng qua là chỉ mỗi cảm kích có được trong tôi khi đọc tác phẩm của họ mà thôi. Họ không phải là mấy người cùng một lúc tìm đến tôi, có những người tôi đã gặp gỡ bất ngờ, nói

chuyện với họ, họ đều nêu ra một vấn đề: "Trước đây bác làm nhà văn, có phải cũng gặp nhiều trở ngại như thế này không, có nhiều khó khăn thế này không?"

Người hỏi chuyện không phải đang làm cuộc "điều tra về đời sống nhà văn", cũng không phải thu thập tài liệu để thâm nhập cuộc sống. Họ hỏi với giọng điệu đau khổ thực sự. Tôi có cảm tưởng hình như họ đang gắng hết sức mình để bật ra khỏi tầng tầng lớp lớp vòng vây. Tôi biết sự thể còn nghiêm trọng hơn tôi tưởng tượng nhiều, nhưng tôi nghĩ cũng không có việc gì ghê gớm lắm, tôi chỉ đơn giản an ủi họ rằng: "Không sao cả, tôi nghe chửi cả một đời, mà vẫn sống được đến bây giờ". Tôi đã lần lượt trả lời hai người như thế. Lúc đó, tôi cứ cho rằng mình trả lời như thế là đúng. Thế nhưng sau đó không lâu, tôi bình tĩnh lại, nghĩ kỹ hơn, mới rõ rằng mình nhìn vấn đề quá đơn giản. Thế là trước mắt tôi chợt xuất hiện những gương mặt nữ, trầm lặng và đầy ưu sầu. Tôi nhớ, một nhà văn hai lần đến tìm tôi để nói chuyện, tôi hẹn thời gian, thế nhưng trong phòng tôi chật ních toàn những khách không mời. Chị ta chẳng nói câu gì. Sau này tôi mới biết chị đang ở trong cảnh khó khăn, muốn được tôi khích lệ và ủng hộ, nhưng tôi lại đẩy chị đi mất bằng mấy câu nói suông.

Tôi trách tôi không giúp đỡ gì cho người cần giúp đỡ, không hề có một cố gắng nào để giúp chị thoát ra khỏi hoàn cảnh khó khăn. Tôi ngây thơ quá. Tôi cho rằng một nhà văn có tài hoa, có hiểu biết, có thành tựu như chị, nhất định sẽ được xã hội yêu mến. Thế nhưng, trong mấy tháng liền, những lời đồn đại thế này thế khác, hết lần này đến lần khác truyền đến tai tôi, như một cục đá rập mài vào thần kinh tôi. Tôi mới lý giải được vấn đề mà nhà văn nữ ấy đã nêu ra. "Chi chi cha cha" nhiều như thế! lắm bà lắm bầm nhiều như thế, đến như tôi là con người luôn quan tâm đến văn nghệ mà còn không chịu nổi, huống hồ những người trong cuộc.

Trong những ngày tôi chỉ có thể dựa vào sự phấn đấu của cá nhân và sự giúp đỡ của bạn bè mà sống nổi, hồi những năm ba mươi, một ngôi sao màn bạc, một nữ diễn viên tài hoa, có thành tựu, chỉ vì "lời người đáng sợ" mà đã tự sát. Thế nhưng ngày nay, khi sự phấn đấu cá nhân bị phê phán một cách phổ biến, tại sao vẫn còn nhiều "lời người" đến thế? Mà "lời người" sao mà "đáng sợ" đến thế?

Xã hội văn minh nên yêu quý nhân tài, nên yêu các nhà văn. Nếu như không có sự tích lũy văn hóa phong phú, nếu như không lấy đâu ra tác phẩm văn nghệ hiện đại ưu tú, chỉ dựa riêng vào những văn vật khai quật được, cũng không thể nói lên nền văn minh tinh thần của chúng ta. Xây dựng nền văn minh tinh thần Xã hội Chủ nghĩa, cần phải vạch rõ giới hạn với những gì mang tính phong kiến. Vậy thì đối với những "lời người" không có ngọn, không có rễ kia, cho dù nó có thể rất mạnh cũng có thể áp dụng thái độ coi khinh, không đếm xỉa gì đến nó nữa. Năm sáu chục năm nay, tôi đã ứng xử với quá khứ như thế đấy. Thậm chí cả sau khi "lũ bốn tên" bị sụp đổ, tôi vẫn còn là cái bia hứng đạn của "lời người". Đầu tiên là nói tôi làm lễ cưới mở tiệc lớn mời khách, truyền đi gần hai năm, gần đây lại nói tôi "ốm sắp chết", khổ đến nỗi cả một người bạn cũ đến Thượng Hải rồi còn nghe ngóng xem ở nhà tôi có "cái gì khác" không? Tôi thế nào rồi cũng "ốm sắp chết", có điều bây giờ còn chưa đến lúc, bên tay tôi còn rất nhiều việc chưa làm xong.

Tôi thấy tiếc là tôi không thể thuyết phục được nhà văn nữ đó, để chị tiếp nhận lời khuyên của tôi. Chị mang một cái gánh tinh thần khá nặng nề xuống phía Nam để điều dưỡng. Nghe đâu ở đó, chị đã ốm thực sự.

Tôi không biết gì về tình hình của chị, tôi còn trách lầm chị là không đủ cứng rắn. Gần đây đọc tiểu thuyết "Chiếc thuyền vuông" của chị, tôi mới hiểu được khá sâu sắc hoàn cảnh của chị. Có người nói: "Xã hội chúng ta lẽ nào lại như thế hay sao?" Thế nhưng cái xã hội phức tạp mà tôi từng sống,

quả đúng là có rất nhiều thứ mang tính phong kiến. Tôi có thể nêu ra rất nhiều sự thực chứng minh cho sự thực để một câu nói trong phần kết của cuốn tiểu thuyết: "Làm một người con gái, khó thật đấy!".

Tình hình ấy tuyệt nhiên không thể tồn tại lâu dài. Vấn đề nam nữ bình đẳng thực sự mà tác giả "Chiếc thuyền vuông" mong đợi, nhất định sẽ thành hiện thực. Tôi chúc chị sớm hồi phục sức khỏe, dũng khí lớn lao hơn, chị viết cho người đọc những tác phẩm tốt hơn.

Ngày 16 tháng 5

TÀNG LỚP TRÍ THỨC

Cuối năm ngoái, tôi đã viết lời tựa cho bản dịch tiếng Na-uy của cuốn "*Đêm lạnh*" như sau:

"Tôi biết cuốn tiểu thuyết "*Đêm lạnh*" của tôi đã được dịch ra tiếng Na-uy. Bạn tôi là Diệp Quân Kiện hỏi tôi có bằng lòng viết tựa cho bản dịch mới này không. Đương nhiên là tôi bằng lòng".

"*Đêm lạnh*" viết xong vào ngày cuối cùng năm 1946. Mùa đông năm 1960, khi ở Thành Đô, đọc lại "*Văn tập*" của mình, tôi đã sửa chữa lại toàn cuốn sách một lần nữa. Hơn một tháng trước đây, khi biên tập "*Tuyển tập*" của mình (hơn 10 tập), tôi lại đọc toàn văn một lần nữa, và vẫn thấy xúc động như ba mươi lăm năm trước. Tôi không thể không nhớ lại một câu tôi thường nói: "Tôi viết văn cũng như tôi sống". Tôi mơ hồ như trở lại với "Trùng Khánh năm 1945".

Lúc đó, tôi đang sống ở nơi mà nhân vật chính Uông Văn Tuyên ở một "đại lâu" sửa chữa lại sau khi bị bắn phá còn rất đổ nát ở trên đường Dân Quốc. Nhà cửa, đường phố, người và tiếng nói ở xung quanh tôi đều giống như trong tiểu thuyết. Những năm ấy, tôi thường kiêm công tác hiệu đính, thế nhưng tôi sống bằng tiền nhuận bút, cho nên khá hơn một chút so với tình hình của Uông Văn Tuyên. Trong con người của Uông Văn Tuyên có hình bóng của tôi. Khi viết về Uông Văn Tuyên, tôi cũng gửi gắm một tí gì đó của mình. Ba bốn năm gần đây, có mấy lần tôi nói với người khác: nếu như tôi không bước vào con đường văn học (tôi trở thành nhà văn do một dịp ngẫu nhiên), tôi rất có thể sẽ có kết cục như Uông Văn Tuyên. Một người anh và mấy người bạn của tôi đã chết vì bệnh lao, không ít người quen của tôi đều có cuộc sống khá bi thảm. Ở Trùng Khánh và những nơi

gọi là "hậu phương lớn" trong thời kỳ chiến tranh, đời sống của tầng lớp trí thức vô cùng gian khổ. Những điều miêu tả trong tiểu thuyết không hề phóng đại chút nào. Tôi muốn viết chân thực và cũng chỉ có thể viết chân thực. Trong lòng tôi chứa đầy bi phẫn, tôi muốn làm tăng thêm niềm vinh dự cho mình, tôi muốn kêu oan cho những người bị nạn. Tôi nói, tôi phải tố cáo. Đúng vậy, tôi đã lên tiếng tố cáo (J'accuse) những chế độ xã hội bất hợp lý.

Không phải tôi đánh vào những con người có học hành, nhẩn nhục, chịu đựng, mà tôi tố cáo cái chế độ ngày càng nát rữa khiến mọi người chịu khổ, cái xã hội "tư văn quét rác" ấy. Viết xong *"Đêm lạnh"*, tôi có một cảm giác nhẹ nhàng, tôi đã phủ định triệt để sự thống trị của Quốc dân đảng và Tưởng Giới Thạch.

Về *"Đêm lạnh"* trước đây có hai cách đánh giá: Một thì bảo là cuốn sách bi quan, tuyệt vọng; một thì bảo là một cuốn sách tràn đầy hy vọng, bởi vì cái cũ bị diệt vong, cái mới sẽ ra đời, đen tối sẽ qua đi, ánh bình minh sẽ tới. Cuối cùng như thế nào, người đọc Na Uy sẽ tự phán đoán...

Tôi hết sức vui mừng thấy qua cuốn tiểu thuyết của tôi, người đọc Na Uy tiếp xúc được với tâm linh hiền lành, thẳng thắn của tầng lớp trí thức cũ Trung Quốc, tìm hiểu cuộc sống gian khổ và con đường khúc khuỷu gian nan mà họ phải đi qua trước đây. Hiểu biết lẫn nhau là cách tốt nhất để tăng thêm tình hữu nghị giữa con người. Giả sử như cuốn tiểu thuyết của tôi có tác dụng chút ít về mặt này, điều đó làm cho tôi hết sức hài lòng"

Ngày 30-12-1981.

Lời tựa viết đến đây là hết, điều định nói vốn rất nhiều, nhưng trong một bài tựa cũng không cần phải nói hết, để lại một chút cho người đọc suy nghĩ, kể cũng hay.

Nhưng năm đó, tôi đã không chỉ một lần nói thay cho tầng lớp trí thức. Trong phần ba của *"Lửa"* viết năm 1943, tôi đã giải nổi bất bằng cho các vị giáo sư đại học. Trong tiểu thuyết có một đoạn nói như thế này: "Bây giờ làm một giáo sư đại học cũng thật khổ, dựa vào ít tiền lương đó để nuôi cả nhà, đến cơm còn không đủ ăn, lấy đâu ra tinh thần để tính chuyện học vấn. Chúng ta vừa gặp Cao Quan Doãn xách làn đi chợ mua rau, mặt võ, mình gầy, lại thêm bộ quần áo Tây cũ, giống hệt một gã du đãng của Thượng Hải. Sinh viên ở Côn Minh đã bàn tán sau lưng thầy giáo, bởi họ biết chạy vạy, buôn bán, biết tích trữ đầu cơ, biết hốt bạc, thầy giáo chỉ là con một sách, không biết làm gì hơn. Trong cái xã hội đó, trí thức vô dụng, tiền bạc là vạn năng, khối kẻ ôm giấc mộng phát tài, người có tâm địa hiền lành không dễ gì được no ấm. Tiền có thể lại kiếm ra nhiều tiền hơn, sách thường chỉ đem lại cho người ta sự bất hạnh, Trong *"Đêm lạnh"* tôi đã viết về Trùng Khánh nửa trước những năm bốn mươi. Lúc đó, ngay như một quan văn làng nhàng, nếu không có thực quyền, chỉ sống bằng thu nhập chính đáng, cũng không thể nói đến cuộc sống dễ chịu. Tôi có mấy người bạn làm tham sự ở Viện Hành chính Quốc dân đảng hoặc có chức vụ hay danh nghĩa gì tương tự ở các cơ quan khác, mấy người chung nhau thuê một căn nhà đồ, phía trước bị bom đạn phá mất, còn lại một căn gác ở phía sau. Tôi ở ngoại thành, có lúc vào ngủ trong thành phố, tôi đã ở đấy với họ, tầng trệt của căn nhà cũng bị bom đạn làm hư hại, họ ở hết trên gác. Tôi đã ăn một bữa cơm ở đấy. Thứ gạo xoàng họ ăn, mua bằng tiền nhuận bút, giá tuy rẻ, nhưng sạn khá nhiều, không sao nuốt nổi. Những trí thức giá rẻ, hạng quan văn dùng để trang trí mặt tiền này, không thể so bì với hạng quan nắm bóng súng, càng không thể so với hạng quan to nắm thực quyền. Họ cũng chỉ sống cầm hơi, chịu đói chịu rét mà thôi.

Mấy năm đó, ở hậu phương lớn của cuộc kháng chiến, những gì tôi nhìn thấy hoặc cảm nhận thấy đều như thế này: Tầng lớp trí thức chịu khổ, bị coi rẻ. Người nào càng hiền lành, càng bị bắt nạt, và cuộc sống càng khổ. Người nào có kiến thức, có quan niệm đúng đắn, không chịu mạnh bên nào ôm áo bên ấy, thì ở đâu cũng bị phân biệt đối xử. Hay nói thật, thường bị coi là thích gây sự, càng dễ bị chèn ép, bị lạnh nhạt. Trong xã hội như thế mà tôi sống được, vì một là, tôi chỉ cảm cú viết chết thôi, hai là, bốn mươi tuổi tôi mới lấy vợ, không bị gia đình níu kéo. Khi lấy nhau, chúng tôi chẳng làm một mâm tiệc nào, cũng chẳng mua thêm một thứ đồ dùng gì, lấy nhau xong, cũng chỉ ở nhờ nhà bạn, ăn cơm ở Nhà xuất bản. Không ai cười chúng tôi nghèo túng. Có điều xã hội coi khinh chúng tôi, để chúng tôi tự sinh ra lại tự chết đi, cứ y như là nó không cần chúng tôi vậy. Cũng may mà tôi không coi nhẹ mình, tôi kiên trì phấn đấu. Tôi cũng không coi nhẹ trí thức, tôi không ngừng tích lũy hiểu biết, dùng sự hiểu biết làm vũ khí để đấu tranh trong xã hội cũ. Có một thời gian dài, số mệnh giống như Ưng Văn Tuyên, giống như có một bóng đen lơ lửng trên đầu tôi. Tôi không ngã gục. Tôi viết "*Đêm lạnh*" cũng là đấu tranh, tôi vật lộn cho sự sống còn của mình. Tôi chưa nắm chắc được thắng lợi, thế nhưng tôi biết rằng chỉ cần buông lỏng đấu tranh, tôi sẽ rơi vào hố sâu ngay. Nói thật lòng, viết được cuốn tiểu thuyết này, trước hết tôi đã cứu được mình. Xã hội cũ coi nhẹ văn hóa, coi nhẹ trí thức, cuối cùng đã kết thúc, tôi lại được sống đến ngày nay, được nhìn thấy ánh sáng.

Những năm Ba mươi, tôi cũng từng viết những truyện ngắn về những cảnh ngộ không may của trí thức Trung Quốc, như "*Cây thánh giá yêu*", "*Mưa xuân*"... Nhưng tôi cũng viết những truyện ngắn phê phán, thức tỉnh trí thức như "*Giai cấp trí thức*", "*Chìm đắm*", hai truyện này, mục tiêu đều nhằm đúng vào một số nhỏ giáo sư ở Bắc Bình chuẩn bị ra làm quan. Tôi viết "*Chìm đắm*" vào năm 1943, sau khi đưa bản thảo cho Hà Thanh (tức Hoàng Nguyên, người giúp Trịnh Chấn Đạc và Phó Đông Hoa biên tập nguyệt san "*Văn Học*"). Tôi đi Nhật Bản. Một người bạn thân của tôi đọc

xong truyện ngắn ấy rất tức giận, từ Bắc Bình gửi thư đến phê bình tôi. Anh đã nghiêm khắc hỏi tôi: "Viết văn lẽ nào chỉ để cho hả (hả nôi tức giận)?!". Tôi đã trả lại cho anh nguyên văn lời khuyến cáo đó, và ở Hoàn Tân tôi đã viết một bài tân văn trả lời anh, đầu đề bài tân văn cũng là "*Chìm đắm*". Trong bài đó, tôi nói: cái mà tôi "công kích là một thứ khuynh hướng, một loại mô-típ". Cái kiểu mô-típ và khuynh hướng đó chính là một trong những "cố gắng đẩy dân tộc chúng ta xuống vực thẳm". Nhưng tôi chưa từng nói rõ, vị giáo sư trong tiểu thuyết đó là có ý ám chỉ vào đâu cũng là chỉ vào một "nhân vật lãnh tụ" của giới trí thức ở Bắc Bình lúc đó. Tôi không hề vạch ra những "riêng tư bí ẩn" của ông ta, trong tiểu thuyết cũng không có tình tiết gì là "bóng gió". Tôi chỉ coi ông ta như một nhân vật đại biểu cho "một thứ khuynh hướng, một loại mô-típ" để phê phán một lời khuyên bảo. Bản thân ông ta đương nhiên sẽ nghe không lọt tai lời khuyên bảo của tôi. Người bạn tốt đó, tôi cũng không thuyết phục nổi. Tôi còn nhớ, chúng tôi còn tranh luận với nhau qua những bức thư dài, chẳng ai chịu thua ai. Có điều tranh luận mà không hề thương tổn đến tình bạn. Sau này, tiểu thuyết của tôi được đưa vào tuyển tập và tiếp tục lưu truyền trong bạn đọc; bạn bè cũng có thái độ khoan dung đối với tôi. Còn nhân vật chính trong câu chuyện, hắn vẫn tiếp tục "chìm đắm" mãi, chỉ mấy năm sau hắn đã trở thành Hán gian. Mấy năm sau nữa, hắn bị xử tội và ngồi tù. Tôi đã từng yêu thích những bài tân văn của hắn, thu thập khá nhiều tuyển tập của hắn, trong đó có một số vẫn còn được lưu giữ trong tủ sách của tôi. Nhưng đối với tôi, hắn chỉ là một hồn ma trong cái vực sâu tăm tối. Tôi thường nghĩ rằng: Con người tại sao lại cứ chà đạp mình như thế?! Nhưng số bị chìm đắm rồi cuộc cũng chỉ là số ít.

Con đường "Chìm đắm" đó đương nhiên không phải là con đường của tầng lớp trí thức Trung Quốc! Qua tám năm kháng chiến, chúng ta có thể nói: tầng lớp trí thức Trung Quốc có thể chịu đựng nổi sự thử thách của máu và lửa. Ngay như nhân vật nhỏ đáng thương, Ông Văn Tuyên, cũng

đã chịu đủ mọi nỗi đau khổ, khó có thể chịu nổi, nhưng không hề bán rẻ linh hồn.

Đối với tầng lớp trí thức Trung Quốc, sau này có dịp tôi sẽ nói thêm, bây giờ chẳng cần nói nhiều nữa.

Nhân dân Trung Quốc mãi mãi không quên được giáo sư Văn Nhất Đa.

Ngày 5 tháng 6

NHẬT KÝ CỦA TÔI

Gần đây, tôi có đọc một đoạn nhật ký "Chuyện nhà, chuyện nước trong mười năm mưa gió" của Dương Mạt⁵¹ trên tạp chí "Hoa Thành". Đó mới chỉ là đoạn đầu, ngày 23 tháng 8 năm 1966, tôi run cả người, giống như tác giả lấy búa đánh, đóng từng chữ, từng chữ vào linh hồn tôi. Trong hai trang ngắn gọn, tác giả ghi lại tình hình thực tế của các nhà văn tiếng tăm, Lão Xá, Tiêu Quân, Lạc Tần Cơ... Họ bị phê đấu, bị đánh đập như thế nào. Chính lần phê đấu, đánh đập ấy đã khiến cho đồng chí Lão Xá tử vong. Đồng chí Dương Mạt thành thực nói rằng: "Ngày 23 tháng Tám ấy, cả đêm lẫn ngày... tôi nhớ đời". Tôi hiểu tâm tình của bà.

Nhiều người trong chúng ta đều có ngày 23 tháng Tám của mình, nếm những nỗi đau đớn thâm, máu chảy ròng ròng, suốt đời không quên. Không ít người chịu oan khuất mà chết. Không ít người mang thương tật trên thân thể và cả trong lòng, ngậm hờn cho đến ngày từ già cõi trần. Số người ốm, tủi nhục mà sống cho đến ngày nay, càng nhiều hơn. Ghi lại tình cảnh đương thời vào nhật ký, lưu giữ, đăng lên báo, thì tựa hồ đồng chí Dương Mạt là người đầu tiên. Tôi thật khâm phục lòng dũng cảm của bà. Đây là bước mở đầu không tầm thường chút nào. Và bước đầu này, có thể có người có ý kiến khác. Người cho rằng: "cửa nhà rác bẩn, không nên phơi bày ra, trên thân thể có, thì nên che giấu đi". Có người lại nói: "Cái gì đã qua rồi thì hãy cho qua đi, nhắc lại mà làm gì". Nhưng vết thương của nhiều người đến nay còn chảy máu. Mười năm "Văn cách" không phải là một cơn ác mộng. Cái bình đựng tro của Tiêu San để đấy, trên tủ cạnh giường tôi, còn rên rỉ khóc than. Tôi làm sao quên được những ngày người không ra người, thú không ra thú ấy. Tôi bị phạt làm bò, làm ngựa, tự mình cũng cam tâm ngủ trong chuồng bò. "Phái tạo phản", phái "Văn cách" chẳng khác gì sài lang, hổ báo, khi thú tính nổi lên thì còn hung ác hơn cả sài lang hổ báo nữa. Ngay bọn thanh niên nam nữ mười chín hai mươi cũng lấy việc giày

vò người khác làm vui, tự ý tàn hại người khác. Tôi thấy quá nhiều rồi. Tôi thường suy nghĩ để tìm hiểu làm sao mà người lại biến thành thú được? Bản thân tôi làm sao lại biến thành ngựa, thành bò, điều này thì tôi đã có ít nhiều thể nghiệm. Còn như phái "Văn cách", chúng biến thành sài lang, hổ báo như thế nào, thì cho đến nay, tôi vẫn nghĩ chưa ra. Nhưng vấn đề bây giờ tất phải làm cho rõ, bằng không vạn nhất sau này có ai đó đứng ra hô hào, cổ động, thế là chỉ cần một đêm là sài lang, hổ báo lại xuất hiện. Chỉ cần một đao "sắc lệnh" là chúng ta đi đứt hết! Tôi không trách tôi "trong lòng mình còn thấy xấu hổ. Tôi cứ suy nghĩ cho ra, thấy cho rõ, bằng cách nào con người lại biến thành thú vật được, để khỏi phải tự mình chui vào chuồng bò một lần nữa. Chỉ có ghi nhớ vào lòng cái "ngày 23 tháng 8" của chính mình, thì mới có thể không để cho những "ngày 23 tháng 8" xuất hiện nhiều hơn nữa. Để bảo vệ mình, để bảo vệ thế hệ sau, tôi thấy đồng chí Dương Mạt đi bước đầu như thế là rất phải.

Khen người khác rồi, ngoảnh lại nhìn mình. Tôi chẳng giữ được cái gì lại cả. Tháng Chín năm 1966, nhà tôi bị lục soát, sau đó, hơn nửa năm, tôi không cầm đến bút. Tháng Bảy năm sau, tôi mới lại bắt đầu ghi nhật ký. Bây giờ, tôi đang đi học tập. Tôi đã ở trong "chuồng bò" của Phân hội Liên hiệp, phần lớn thời gian, phải gọi đi lao động. Lao động không ngoài làm những việc moi cống ngầm, nhổ cỏ dại trong vườn hoa, nhặt rau, rửa bát, lau bàn ghế trong nhà bếp. Lúc bấy giờ, tôi có viết tập "*Nhật ký lao động*" đưa cho tổ giám đốc treo ở hành lang, hai ngày sau, không thấy đâu nữa. Lại viết, lại treo, lại bị người ta lấy đi. Ba bốn lần như thế, rồi không viết nữa. Trong những trang "*Nhật ký lao động*" ấy, ngoài những việc lao động mỗi ngày, còn ghi đơn giản về việc tự phê bình và tư tưởng của mình chuyển biến ra sao. Lúc viết tôi đều nói "chân thành hối cải". Bây giờ phân tích sâu sắc, chẳng qua đó là những lời giả dối lừa người để tranh thủ được khoan hồng. Sau đó, tôi lại viết nhật ký trong một cuốn sổ tay, hàng ngày không phải đưa cho người thẩm tra, nhưng khi cầm bút viết, cũng cảm thấy phái "Văn cách" đang ngồi trước mặt mình, nên chủ động viết những lời

nhận tội để lấy lòng bọn chúng. Tất nhiên, trong đó tôi cũng có ghi lại những chuyện to tát xảy ra lúc bấy giờ bằng những câu ngắn gọn. Tôi nghĩ bụng vài năm sau mình đọc lại, cũng thấy được con đường cải tạo, quanh co gian khổ chừng nào! Nói chung là bấy giờ tôi nhìn tôi bằng con mắt bi quan. Tôi không có được cách suy nghĩ của đồng chí Dương Mạt, còn nói gì đến dũng khí. Nhưng dù tôi viết nhật ký như thế, mà cũng không viết tiếp được. Cuối tháng Tám năm ấy, mấy ông sinh viên Đại học Phúc Đán tham gia "tổ chuyên án" của tôi lệnh cho tôi ra ngủ ở hành lang gác ba Phân hội Liên hiệp. Ngủ ở đây hai tuần, các ông ấy lại lôi tôi đến trường Đại học Phúc Đán ở Giang Loan phê đấu, bắt tôi ở trong Ký túc xá của sinh viên gần một tháng, mới thả cho về nhà.

Năm 1968, tôi bảo Tiêu San đưa cho tôi một quyển sổ tay học tập, lại bắt đầu viết nhật ký. Dụng ý của tôi không phải là nói thật để được khoan dung như trước nữa. Tôi đã đi guốc trong bụng “phái tạo phản” rồi: chúng muốn chinh anh, thì anh có nịnh chúng cũng vô ích mà thôi. Tôi chỉ muốn ghi lại những cái tôi đã nếm trải, có điều, để tự bảo vệ, tôi tiếp tục "ca công tụng đức". Nhất trong “chuồng bò”, mỗi ngày tôi viết điều cấm đoán, tôi cũng không dám mang về nhà. Trong khoảng thời gian ấy, bất cứ ai, già trẻ, lớn bé, nam hay nữ, tự xưng là “phái tạo phản”, đều có thể xông vào nhà tôi, lấy thư từ, bản thảo và những đồ vật khác của tôi mang đi. Tôi nghĩ bụng để nhật ký lại "chuồng bò", bỏ trong ngăn kéo, khóa lại là an toàn hơn cả. Thật không ngờ chưa đầy hai tháng, “phái tạo phản”, tổ giám đốc, bỗng tiến hành "hành động cách mạng", lục soát "chuồng bò", ra lệnh mở ngăn kéo, tịch thu hết nhật ký và các bản thu hoạch "báo cáo về tình hình tư tưởng" của tôi, các sổ tay học tập. Từ ấy, tôi không viết nhật ký nữa. Tôi không đấu tranh, không phản kháng. Cái gì tôi cũng nuốt vào bụng hết. Ngày 23 tháng Tám của tôi, tôi cũng nuốt vào bụng. Tôi cảm thấy sâu sắc rằng tôi đau từ trong bụng đau ra.

Ngày 2 tháng 1 năm 84.

NHÀ BẢO TÀNG “VĂN CÁCH”

Trước đây, trong một bài "*Tùy tưởng*", tôi có ghi lại cuộc nói chuyện với một số bạn bè. Tôi nói: "Hay nhất là xây dựng một nhà bảo tàng "Văn cách". Tôi không vạch ra một kế hoạch hoàn bị, cũng chưa suy nghĩ chu đáo, nhưng tôi tin tưởng, không hề lay chuyển, rằng đó là một việc nên làm. Xây dựng nhà Bảo tàng "Văn cách" là trách nhiệm của mỗi một người Trung Quốc.

Tôi chỉ nói như thế, và đợi những người khác nói thêm. Tôi tin rằng những ai đã tìm được tôi luyện trong máu và lửa của "Văn cách", sẽ không thể làm thình. Mỗi người có kinh nghiệm riêng của mình, nhưng không ai có thể miêu tả "chuồng bò" thành "thiên đường" được, không ai có thể cho cuộc thảm sát vô nhân đạo ấy là "Đại Cách mạng của giai cấp Vô sản" được. Chúng ta có thể mỗi người nghĩ một cách, nhưng chúng ta có một quyết tâm chung: tuyệt đối không để cuộc "Văn cách" lại xảy ra lần nữa ở nước chúng ta, bởi vì một tai họa thứ hai như thế sẽ làm cho dân tộc chúng ta bị huỷ diệt hoàn toàn.

Không phải tôi nói những điều ghê sợ ấy để hù dọa. Chuyện hai mươi năm trước còn hiện lên rõ mồn một trước mắt tôi. Bao nhiêu ngày khổ sở không bao giờ quên được, mọi cách giày vò, vũ nhục tổn hại đến thiên lý, đối với đồng bào ruột thịt, phải trái đảo điên, trắng đen hỗn loạn, ai gian tà, ai trung thực, không rõ ràng; cái gì thật, cái gì giả không phân biệt, lại còn những vụ án oan, những mối hận thù, kể không xiết. Lẽ nào chúng ta nên quên hết, đừng cho ai nhắc đến nữa, để rồi hai mươi năm sau, lại phát động một "Văn cách" khác, cho đó là sự việc mới, mà làm náo loạn Trung Hoa chẳng! Tôi xin hỏi: "Làm sao lại không thể được?" Mấy năm nay, tôi cứ suy đi nghĩ lại về chuyện ấy, mong tìm ra một câu trả lời rõ ràng: "Có thể, hay

là không có thể?". Như vậy, đêm đến tôi mới không thấy những cơn ác mộng. Nhưng ai bảo đảm với tôi rằng: những chuyện hai mươi năm trước lại không thể xảy ra một lần nữa? Làm thế nào tôi có thể tin mình được ngủ ngon lành, trong mộng khỏi phải hươ hươ tay lăn từ trên giường xuống đất?

Chẳng phải là tôi không muốn quên, mà là những hình ảnh ma quái, máu chảy rùng rùng cứ bám riết lấy tôi, không cho tôi quên. Tôi hoàn toàn bị tước vũ khí, tai họa giáng xuống đầu như thế nào, bị kích phát sinh ra làm sao, tôi đóng vai trò giận hờn mình, ghét bỏ mình như thế nào, để rồi từng bước đi xuống hố sâu! Tất cả những chuyện đó như vừa mới xảy ra hôm qua. Tôi không chết, nhưng cơ hồ bị giày xéo, giẫm đạp đến nỗi thành phế vật. Biết bao tài hoa đang độ toả sáng bị diệt vong trước mắt tôi. Biết bao sinh mạng thân yêu ngã xuống bên cạnh tôi. "Không thể lại có những chuyện như thế nữa, hãy lau khô nước mắt mà nhìn về phía trước". Bạn bè an ủi tôi, cổ vũ tôi như thế. Tôi vừa tin vừa ngờ, bụng nghĩ: "Cứ chờ xem", cho đến lúc nghe người ta tuyên truyền "thanh trừ ô nhiễm tinh thần".

Bây giờ tôi vừa vào bệnh viện. Ấy là lần vào thứ hai. Tôi bị bệnh Parkinson, là bệnh nhân khoa thần kinh. Năm trước ngã gãy chân trái, đã khỏi nhưng ngắn mất 3 centimét, đã thoát khỏi cái giá gỗ kẹp ở chân. Tôi chống gậy, gắng gượng mở đài nghe tin tức, tối thì ra Hội trường ngồi xem ti vi, từ 3 giờ chiều người quen vào thăm thường cho biết một vài tin không chính thức rất lạ lung. Tôi vào nằm viện chưa mấy ngày mà không khí đã rất căng thẳng. Hàng ngày đài đưa tin cán bộ lãnh đạo tỉnh nọ, thị trấn kia phát biểu về vấn đề "thanh trừ ô nhiễm tinh thần". Một số các nhà văn, nghệ sĩ thay nhau tỏ quyết tâm "thanh trừ ô nhiễm". Nghe nói trong Quân đội đòi chiến sĩ phải nộp hết những tấm ảnh chụp chung với các nữ đồng chí, bất cứ là bạn bè hay thân thuộc. Lại nghe nói ở Thủ đô, cơ quan nọ sắm sẵn một lô dây da bò để ở phòng thường trực, đưa cho các cô để tóc xoa phải buộc lại hằn hoi mới cho vào cổng. Bề ngoài, tôi trấn tĩnh được, nhưng tối đến đi vào phòng bệnh nhớ đến một số tình huống hồi phát động "Văn cách" năm

1966, tôi không thể không cảm thấy phong ba bão táp sắp tới gần. Tai họa lớn lại sắp xảy ra. Tôi không sợ hãi, tôi chẳng lưu luyến cái thân tàn này chút nào cả. Nhưng tôi nghĩ mãi không ra: "lẽ nào nhất định phải làm một lần "Văn cách" nữa, để xô đẩy dân tộc Trung Hoa xuống vực sâu, vạn kiếp cũng không ra khỏi nữa", vẫn chẳng ai trả lời tôi rõ ràng cả. Những tin không chính thức ấy, càng ngày càng nhiều. Tôi phảng phất thấy trước mắt có một cái chổi to đang quét, quét. Tôi vừa ngồi đếm: một ngày, hai ngày, ba ngày vừa chờ đợi. Thời gian mới dài làm sao! Chờ đợi mới khổ làm sao? Tôi chú ý đến đám mây đen trên đầu càng lâu dày, bốn phía tiếng trống càng lâu càng mạnh. Có điều đầu óc tôi còn tỉnh táo, tôi vẫn có thể đem những sự việc phát sinh lúc này đối chiếu với quá trình tiến triển "Văn cách" lần trước. Tôi không nghe hô khẩu hiệu "Vạn tuế", người ta không tỏ thái độ, cũng không bỏ khí giới đầu hàng. Mọi cái cứ tiếp tục như thế. Tiếng sấm từ đằng xa đưa lại, những giọt mưa bắt đầu rơi xuống. Nhưng không đầy một tháng, có người diễn thuyết, nói quét mà vẫn không quét hết "bụi bặm". Mây đen cũng không biết bị thổi tan đi đâu. Bọn đánh trống thôi kèn đánh phải im hơi, biệt tăm biệt tích. Lúc đó, chúng ta mới tránh khỏi tai họa.

Tháng Năm 1984, Hội Văn bút Quốc tế họp lần thứ 47 ở Đông Kinh, Nhật Bản. Tôi được mời sang tham dự. Bài nói chuyện của tôi được thảo trong bệnh viện, Tôi yên tĩnh nằm lại đó đến nửa năm sau mới ra. Người đến thăm không ngớt. Tin tức không chính thức vẫn chưa hết. Thật hay giả, tôi đành phải phân tích theo đầu óc mình. Ở trong phòng bệnh tôi không bị quấy rầy. Phải cảm ơn những người còn nhớ đến "Văn cách", họ không thể để cho kẻ khác lại lấy máu họ mà tưới tắm cho hoa "Văn cách". Hoa mà tưới, tắm bằng máu người, thì tưới tắm đấy, nhưng có chất độc, giá để thứ hoa đó lại nở thì dù chỉ là một bông tôi cũng bị lôi ra khỏi bệnh viện, không được nằm lại điều trị.

Qua nửa năm suy nghĩ và phân tích, tôi hoàn toàn rõ ra rằng: nếu phát sinh một cuộc "Văn cách" lần thứ hai, thì không phải là không có đất, không có thời tiết, trái lại, hình như mọi cái đều được sẵn sàng, nếu như "thời gian không đầy một tháng" nói ở trên kéo dài, thì chỉ cần một chút nữa là cục diện sẽ rắc rối to. Bởi vì những kẻ nhờ "Văn cách" mà kiếm chác được đều đang sống cả...

Tôi không cần phải nói thêm. Không ít thư từ của bạn bè và độc giả gửi tôi; những bài tán đồng trên báo chí nói sâu sắc và toàn diện hơn, kiên quyết hơn. Họ cảm nhận thấm thía, họ cũng đã gặp những cảnh ngộ đau đớn. "Nhất định không để lịch sử xấu xa ấy tái diễn, dù chỉ là mây may!". Họ đều nói như thế cả.

Xây dựng nhà bảo tàng "Văn cách", không phải là việc của cá nhân người nào. Chúng ta cũng có trách nhiệm làm cho con cháu chúng ta đời đời ghi nhớ bài học thảm khốc của mười năm ấy. "Không để cho lịch sử tái diễn", không nên làm cho lời nói trống rỗng. Muốn cho mọi người nhìn được rõ, nhớ được kỹ, thì hay nhất là xây dựng một nhà bảo tàng "Văn cách", đưa ra những chứng cứ cụ thể có thực, nêu lên những tình cảnh chân thực rung động lòng người, mà thuyết minh những sự việc xảy ra trên đất Trung Quốc này mười năm trước. Để cho mọi người nhìn thấy toàn bộ quá trình, tưởng tượng lại những việc mỗi cá nhân làm trong mười năm ấy, bỏ mặt nạ ra, moi hết lương tâm ra, để lộ bộ mặt thật của mình, trả hết những món nợ, to hay nhỏ, trong quá khứ. Không có tư tâm mới không sợ bị lừa, dám nói thật mới không nhẹ dạ nghe nói láo. Chỉ có ghi nhớ "Văn cách" nhập tâm mới có thể ngăn cho lịch sử không để tái diễn "Văn cách" quay trở lại.

Xây dựng nhà bảo tàng "Văn cách" là một việc tất yếu; không quên "quá khứ" mới có thể làm chủ tương lai được.

Ngày 15 tháng 6 năm 1986.

NHỚ ANH CỐ QUÂN CHÍNH

Trước kia, bạn bè thường khen tôi "trí nhớ tốt", bây giờ thì sống như trong giấc mơ, nhiều chuyện hai ba năm lại đây trong đầu óc tôi là một đám mây mù trắng xóa, nói ra e người ta không tin. Hồi anh Cố Quân Chính từ trần, nhận được giấy cáo phó từ Bắc Kinh gửi về và bức thư của Tiểu Thuyên, con gái anh, tôi buồn lắm. Nhớ lại bao nhiêu chuyện, tôi định bụng sẽ ghi hết. Cũng là việc tôi thường làm. Ấy vậy mà tôi chưa viết được gì. Lần nữa mấy năm, nay cầm bút định ghi lại ít nhiều về người bạn quá cố, thì ngay chuyện anh mất tháng nào, năm nào cũng quên mất.

Vậy thì tôi sẽ bắt đầu từ đâu?

Những năm Bốn mươi, tôi ở Thượng Hải, cùng một ngõ với anh Quân Chính (phường Hà Phi, nay là đường Hoài Hải).

Sau giải phóng đầu những năm Năm mươi, cả gia đình anh dời lên Bắc Kinh, còn tôi vẫn ở lại Thượng Hải. Mỗi lần lên Bắc Kinh dự các cuộc Hội nghị, tôi thường đến ngõ Tây Đường Tử thăm vợ chồng anh, được anh chị tiếp đón thân tình. Như thế đã thành lệ, không đến được thì như đánh mất một cái gì.

Tôi đi tham quan nước ngoài, áo quần, đồ đạc dùng ở Bắc Kinh tôi gửi lại nhà anh chị. Rồi khi trở về nước, ở khách sạn, tôi lại đến ngõ Tây Đường Tử lấy va-li. Tháng 10 năm 1952, tôi đi Triều Tiên về, Tiêu San cùng đưa con gái chúng tôi đến ở nhà anh chị chờ đón tôi. Chúng tôi ở lại nhà anh chị ngót tuần lễ. Tôi thường nghe đứa con gái tôi nói: "Bác gái tốt lắm, ba ạ!". Tháng 10 năm 1965, tôi ở Việt Nam về, Tiêu San lên Bắc Kinh đưa áo quần cho tôi, chúng tôi cũng đến ngõ Tây Đường Tử, anh Quân Chính và chị

Quốc Hoa làm một bữa cơm thịnh soạn đãi vợ chồng chúng tôi. Khi ra về từ biệt, chị Quốc Hoa nắm tay Tiêu San cảm ơn mãi... Tiêu San cười nói: "Như thế này, thì chúng tôi nhất định lại sẽ đến quấy rầy anh chị". Lời cảm ơn của anh chị không phải là câu nói khách sáo, mà từ lòng hiếu khách khiêm nhường thốt ra... Tiêu San đâu có ngờ được rằng lần ấy là lần cuối cùng cô ta lên Bắc Kinh và cũng là lần cuối cùng gặp mặt anh chị Quân Chính.

Đầu tháng sáu năm sau, tôi lại lên Bắc Kinh dự hội nghị các nhà văn Á Phi họp bất thường, "Văn cách" đã bắt đầu. Một đồng chí trong Đoàn đại biểu Trung Quốc chúng tôi, đưa tôi từ sân bay về Chiêu đãi sở; lúc chia tay, đồng chí rỉ tai tôi nói: "Anh chớ tùy tiện đi thăm bạn bè, một số có vấn đề đấy, chưa biết rõ những ai". Tôi giật mình đánh thót. Hai ba tháng trước, tôi có nhận được thư của anh Quân Chính cho biết là anh chị đã dời nhà rồi, địa chỉ mới ở thôn Hạnh Phúc. Tôi cầm lá thư theo. Tôi tin rằng một nhà trí thức trung hậu, hiền lành như anh Quân Chính thì không thể có vấn đề, nhưng Hội nghị họp gấp, tôi cũng không tiện "đi thăm bạn bè". Sáng ngày mùng 10 tháng Bảy, hội nghị tạm nghỉ, tôi đến Đại lễ đường Nhân dân, tham gia Đại hội Nhân dân Trung Quốc viện trợ cho nhân dân Việt Nam đấu tranh chống Mỹ. Tại phòng nghỉ, không ngờ gặp anh Quân Chính và đồng chí Lão Xá. Ai nấy đều vui mừng, trước khi vào họp, cùng ngồi chuyện gẫu, nhưng tôi có cảm tưởng như được gặp nhau sau một kiếp! Hội nghị kết thúc, chúng tôi từ trên Chủ tịch đài đi xuống, cầm tay nhau từ biệt. Anh Quân Chính, với nụ cười hiền lành trên môi, mời tôi đến nhà mới, gọi là "Tiểu tự", chơi. Tôi gửi lời hỏi thăm chị Quốc Hoa. Tôi nói tôi bận tiếp khách nước ngoài, không có thời gian đến thôn Hạnh Phúc được. Anh nói: "Thế thì lần sau vậy, nhất định nhé!". Tôi nói: "Nhất định!".

Thật không ngờ từ biệt nhau đến mười hai năm. Tiếng cười của Tiêu San lần đầu tiên chúng tôi đến thôn Hạnh Phúc còn như đang phảng phất

bên tai. Nhưng nay chỉ có Tiểu Lâm, con gái tôi dẫn tôi lên lầu bệnh viện mà thôi.

Di chứng thời kỳ "Văn cách" để lại cuối cùng đã phát ra. Tôi nằm bệnh suốt hai năm, không lên Bắc Kinh. Năm 1982, lúc đầu tôi đi lại khó khăn, tay run viết không ra chữ, rồi trên người mọc nốt, lại ngã gãy chân trái, phải vào bệnh viện. Nửa năm, đi cà nhắc về nhà. Gần đây mắc bệnh Parkinson, lần thứ hai lại phải vào bệnh viện chữa trị. Lần này bệnh nhân ít, phòng rất yên tĩnh. Tôi thường ngồi nghỉ trên ghế xô-pha hồi tưởng chuyện quá khứ, nghĩ mãi cũng không sao nhớ được mình đã quen anh Cố Quân Chính từ hồi nào. Chắc là do Sách Phi giới thiệu. Anh ở trong Ban biên tập Nhà xuất bản Khai Minh cùng với Sách Phi. Buổi đầu, chúng tôi ít khi tiếp xúc với nhau, tôi ít nói, anh cũng thế. Tôi chỉ biết anh làm việc cẩn trọng, lại cũng biết anh đông con, gánh gia đình khá nặng. Anh từng dịch truyện nhi đồng phương Tây, viết một số sách kiến thức khoa học phổ thông, ngày đi làm, tối về nhà viết lách rất chăm chỉ. Bạn bè nói về anh, ai cũng khen anh chính trực, hiền lành. Anh cùng ở một ngõ hẻm với Sách Phi, đường Điuây (nay là đường Lật Dương). Tôi đến ở nhà Sách Phi một thời gian có dịp gặp anh nhiều lần nên mới quen nhau. Đó là chuyện những năm Ba mươi. Sau đó, nhà anh chị cùng ở phường Hà Phi. Lúc đầu, tôi sống một mình tại nhà Sách Phi, mỗi lần ra vào ngõ đều qua cửa sau nhà anh chị; bọn trẻ thấy tôi thì chào hỏi thân mật. Về sau, tôi sang Hương Cảng, rồi vào nội địa, lại trở về "cô đảo" Thượng Hải. Còn gia đình anh chị vẫn bình yên và nghèo khổ như trước. Anh và Sách Phi cùng một người bạn nữa, cho ra những tập sách "Khoa học giải trí". Anh đăng nhiều bài bình luận ngắn về khoa học và viết cả tiểu thuyết khoa học viễn tưởng nữa. Dù dài hay ngắn, anh đều tỏ ra nghiêm túc, cẩn thận. Sau khi Nhật đầu hàng, tôi và Tiêu San bế cháu Tiểu Lâm mới lên một trở về, Sách Phi đã rời khỏi Thượng Hải, tôi và gia đình anh Quân Chính đi lại càng mật thiết. Khi có việc giao thiệp với Nhà xuất bản Khai Minh, tôi thường nhờ anh nói lại. Chúng tôi thường gặp nhau, nhưng ít khi chuyện trò lâu. Anh rất bận, lúc này anh đang soạn sách

giáo khoa cho nhà Khai Minh. Vì nhà đông người, chen chúc nhau, rất bất tiện, anh đành phải đi ngủ sớm, đến khuya mới thức dậy làm việc. Biết làm thế nào được? Cả nhà đều nhờ vào việc viết lách của anh mà sống. Xưa nay, anh không hề than phiền, chỉ ham làm việc vui đầu mà viết. Mỗi lần đến tìm anh, lúc nào cũng thấy anh tươi cười. Tôi nghĩ rằng anh cần cù lao động nửa đời người không đáng phải sống gian khổ như thế. Tôi bất bình thay cho anh. Nhưng anh thì lại cười nói: "Sau này sẽ khá hơn!".

Anh tin tưởng vào tương lai là có căn cứ. Kỳ thực, cuộc sống của anh cũng không khá hơn, chẳng qua nhà tôi chỉ có ba miệng ăn, chi tiêu ít. Trước nay, tôi sống bằng tiền nhuận bút, lúc bấy giờ, tiền của chính quyền Tưởng cứ mất giá liên tục, bị chiết khấu hàng ngày, trên thị trường, hàng hoá mua được càng ít đi. Tiền gửi ngân hàng hay cất ở nhà, chỉ vài ngày là mất giá. Lúc đầu, tôi và Tiêu San cứ bình tĩnh nhìn tờ giấy bạc mất giá, về sau, học được cách đến đường Lâm Sâm (nay là đường Hoài Hải) mua "đại đầu", đem bạc giấy đổi ra bạc thật, khi muốn cái gì, thì lại đổi bạc thật ra bạc giấy mua. Mỗi lần đi ra phố là tôi chú ý ngay đến bảng giá đổi tiền treo trước cửa hiệu bán thuốc lá. Ngày ấy, muốn sống cho ra hồn rõ ràng không phải là chuyện dễ. Vợ chồng anh Quân Chính rất lo cho gia đình chúng tôi, chị Quốc Hoa thường chú ý giúp đỡ Tiêu San sắp xếp việc nội trợ. Không bao lâu, quân Giải phóng vượt Trường Giang, Nam Kinh giải phóng, tình hình Thượng Hải hết sức căng thẳng, không còn nguồn để có tiền nhuận bút nữa. Tôi không có thu nhập, lại không dành dụm được gì, chẳng biết sống bằng cách nào. Tôi và Tiêu San đang buồn phiền, lo lắng, thì vợ chồng anh Quân Chính đến tin cho chúng tôi biết là Nhà xuất bản Khai Minh đưa cho anh tiền "ứng trước", cứ mười ngày lĩnh một lần mười đồng bạc, anh đã giao thiệp với Nhà xuất bản thay tôi chi trước tiền bản quyền. Tất nhiên là tôi đồng ý. Ngay hôm sau, anh đưa đến cho tôi mười đồng bạc "đại dương", nói là cách chi cũng giống như đối với anh. Tôi cảm tạ anh vô cùng. Thế là khó khăn đã giải quyết được rồi. Đại khái tôi đã lĩnh hai lần tiền chi "bản quyền", thì Thượng Hải giải phóng. Chúng tôi đã có đường sống.

Anh vẫn làm việc ở Nhà xuất bản Khai Minh, còn tôi thì thường đi dự các cuộc Hội nghị. Năm sau, anh theo Nhà xuất bản dời lên Bắc Kinh rồi sống miết ở Thủ đô, đời sống tất nhiên khá hơn. Sau đó, Khai Minh nhập vào Nhà xuất bản Thanh niên Trung Quốc, anh cũng sang làm việc ở Nhà xuất bản Thanh niên. Anh vào Đảng Dân chủ, hoạt động rất tích cực. Mỗi năm tôi thường đến chơi nhà anh vài ba bận, gặp mặt nhau, không chuyện gì không nói, nhưng cũng lại chẳng nói được chuyện gì ra trò, chỉ nhìn nhau tỏ lòng quan tâm nhau mà thôi.

Tôi chợt nhớ ra một chuyện sau năm 1954, anh từ Bắc Kinh gửi thư về nói rằng muốn đem tập truyện nhi đồng *"Tháp trường sinh"* của tôi giới thiệu với Nhà xuất bản. Tôi gửi bản thảo đi. Sau một thời gian, anh trả về, trong thư nói anh đọc thấy khó hiểu quá, đưa cho trẻ con xem, thấy nó cũng khó hiểu, như văn chương Hiện đại Chủ nghĩa phương Tây. Tôi đoán, anh hăng hái giới thiệu truyện nhi đồng của tôi, nhưng Nhà xuất bản từ chối, anh đành tự đổ lỗi cho mình anh mà thôi. Tôi hiểu ý anh nên sau đó gặp anh, tôi cũng không nhắc đến tập *"Tháp trường sinh"* nữa.

Tiêu San chưa đến thôn Hạnh Phúc, cũng không được chứng kiến Đại Cách mạng Văn hoá sụp đổ, nàng đã phải từ bỏ cõi trần quá sớm. Cháu Tiểu Lâm thì đến thôn Hạnh Phúc trước tôi. Khoảng cuối 1966, tôi trở về Thượng Hải để chịu sự thẩm tra ở Chi Hội liên hiệp thì Tiểu Lâm cùng các bạn thường xuyên lên Bắc Kinh, cháu có đến nhà hai bác Quân Chính thăm. Bác gái có cho cháu biết có mấy ông trong “phái tạo phản” của Chi hội liên hiệp lên Bắc Kinh, đến nhà hai bác “điều tra ngoài”, muốn biết “những lời nói và những hành động chống Chủ nghĩa Xã hội” của tôi. Bác Quốc Hoa bức bối trả lời: “Không có gì mà các đồng chí phải sợ, ông ấy chẳng nói câu gì, chẳng có hành động gì chống Chủ nghĩa Xã hội cả đâu mà!”. Bọn tạo phản giận dữ bỏ đi, chẳng moi được gì cả. Chị Quốc Hoa đâu có biết rằng bọn chúng lấy cớ đi điều tra ngoài, chỉ là viện cớ lấy tiền đi chơi một chuyến dài ngày mà thôi, chứ không có lời nói, hành động nào cả, thì bọn

tạo phản có thể bịa đặt ra mà gán cho. Vẫn cái kiểu "không cần chứng cứ" cũng định được tội, ngày xưa đã có rồi mà. Tội trạng của tôi càng ngày càng chồng chất, càng nặng nề. Không lâu, tôi vào "chuồng bò" cách tuyệt với đời. Tiêu San và cháu Tiểu Lâm thì vì tôi mà bị phê phán và bạc đãi. Tuyệt nhiên chúng tôi chẳng nhận được tin gì về gia đình anh Quân Chính nữa. Tôi lo hai anh chị cũng đã gặp vận rủi chẳng. Nhưng thời kỳ mất tư cách làm người, phải cúi đầu khom lưng, không biết sống chết lúc nào, tôi đâu dám hỏi thăm tình hình của bè bạn nữa. Tiêu San nhuộm bệnh, không được chữa trị đến nơi đến chốn, nằm trên giường cho qua ngày đoạn tháng, nhớ tưởng thời quá khứ, bạn bè cũ. Cuối cùng trước khi vào bệnh viện, bỗng nhận được thư của Thẩm Tùng Văn từ Bắc Kinh gửi đến. Bức thư rất dài. Nàng xem đi xem lại mấy lần, nước mắt ràn rụa, lẩm bẩm nói để một mình mình nghe: "Còn có người nhớ đến chúng tôi ư?". Tôi cảm ơn biết bao ông bạn cũ Ba mươi ấy. Qua một người bà con ở "trường cán bộ" chúng tôi, anh biết được tôi vẫn còn ở chỗ cũ, bèn gửi thư cho tôi. Mấy tháng sau, một người con của anh Quân Chính có việc xuống Thượng Hải, tìm đến nhà tôi, cho chúng tôi biết bao nhiêu tin tức về bạn bè mà tôi hằng mong mỏi. Nhà anh chị, vẫn bình yên vô sự, trừ người con gái đầu bất hạnh chết. Tiếc là Tiêu San không được gặp cô ấy.

Từ đó trở đi mỗi lần bọn con anh chị xuống Thượng Hải công tác đều ghé qua nhà tôi. Nhìn mặt các cháu, tôi cứ phảng phất thấy nụ cười hiền lành của anh Quân Chính và sự tiếp đãi nhiệt tình của chị Quốc Hoa.

Sau khi "lũ bốn tên" sụp đổ, năm 1978, tôi lên Bắc Kinh dự Đại hội đại biểu Nhân dân Toàn quốc. Hội nghị xong, tôi lưu lại gặp bạn bè. Cháu Tiểu Lâm cũng cũng đến Bắc Kinh. Tôi xa Bắc Kinh những mười hai năm, nay trở lại cái gì cũng lạ hoắc, từ đường phố, ngõ hẻm đến xe cộ đi lại, ở khách sạn mỗi lần đi đâu đều do Tiểu Lâm dẫn dắt, mấy lần đến thôn Hạnh Phúc cũng đều có Tiểu Lâm theo. Lần thứ nhất anh Quân Chính không có nhà, chị Quốc Hoa cho biết anh ấy đi dự Hội nghị Dân chủ khẩn cấp, không về

nhà ăn trưa, bèn bảo cháu Thuyên nói điện thoại tin cho anh biết. Một lát anh trở về mừng rỡ. Xa nhau lâu ngày, nay gặp lại, ai nấy đều cảm thấy thân thiết, ấm cúng, tưởng có thể nói chuyện được với nhau rất nhiều, nhưng không biết bắt đầu từ đâu, thành ra chỉ nói cho nhau nghe tin tức về mình mà thôi. Hình như anh chị cũng không thay đổi nhiều, hồi "Văn cách", có thể anh không đến nỗi chịu khổ nhục như tôi. Rất đáng mừng, nhưng khi chuyện trò chúng tôi đều giữ gìn ý tứ, không muốn đụng chạm vào vết thương của nhau. Anh chị mất cô con gái đầu, tôi thì mất Tiêu San. Chúng tôi bình tĩnh nhìn nhau cười nhạt, chỉ hỏi thăm sức khoẻ của nhau. Ngồi cạnh anh chị trong căn nhà nhỏ thôn Hạnh Phúc, tôi cảm thấy yên ổn, thư thái. Lần đầu tiên tôi thăm thía câu "quân tử chi giao đạm nhược thủy". Tôi ngồi như thế ba tiếng đồng hồ, còn ở lại ăn cơm trưa nữa. Buổi chiều, cháu Tiểu Lâm dẫn tôi đến thăm các nhà ông bạn khác. Tôi chưa muốn chia tay với anh chị nhưng rồi cũng đành cáo từ.

Năm sau tôi đi thăm quan nước ngoài, lên đường từ Bắc Kinh. Khi ở Thượng Hải, tôi có được tin anh Quân Chính nhuộm bệnh, nói là "gai xương sống", sau lại nói là "ung thư". Cháu Tiểu Lâm đưa tôi đến bệnh viện Bắc Kinh thăm. Trong gian phòng tầng trệt, thiết bị sơ sài, anh Quân Chính nằm nghiêng người trên giường rên rỉ, chị Quốc Hoa ngồi săn sóc bên cạnh. Tôi bước tới chào anh, anh nhìn tôi mỉm cười, nhưng tôi thì lại nhìn thấy đó là biểu hiện sự đau khổ. Tôi chẳng có cách nào làm cho anh bớt đau, cũng không tìm được lời nào thích đáng để an ủi anh. Tôi lặng lẽ nhìn khuôn mặt quen thuộc, ngồi lại không đến nửa giờ thì đi ra.

Tôi rất bận, làm những việc vặt vãnh, đầu óc đầy ắp chữ nghĩa, âm thanh, hình ảnh, chúng chen lấn nhau, không lúc nào yên tĩnh một chút. Hàng ngày, từ sáng sớm dậy đã cảm thấy mệt mỏi, nói chuyện với khách khứa, lúc lúc lại phải cố sức giương to mắt lên.

Tôi không đủ tinh lực để ứng phó với mọi chuyện bất ngờ đến quấy rầy, cũng không có cách nào giữ cho thể lực và ký ức khỏi suy thoái. Nhưng tôi cũng không quên được anh Quân Chính, vẻ mặt hiền lành và nụ cười đau khổ của anh thường bị một người khách lạ đánh sầm vào làm nhoà đi. Từ khi anh nằm bệnh, tôi đến thăm anh cả thấy ba lần, một lần ở bệnh viện, còn hai lần nữa ở nhà anh, thôn Hạnh Phúc. Lần thứ hai, tôi thấy anh ngồi trên chiếc ghế mây, không ra vẻ đang mang bệnh trong người. Chúng tôi nói chuyện với nhau không lâu, nhưng tôi không hề thấy anh tỏ ra đau khổ. Tôi yên tâm. Lần thứ ba gặp lại anh, thấy anh nằm nghiêng trên giường, rõ ràng bệnh đã trở nên trầm trọng. Lần này, tôi không tìm ra được lời để nói và tôi cũng không muốn để cho ấn tượng anh chịu đau khổ in sâu trong trí óc. Tôi chỉ ở lại một khoảnh khắc, nhưng cũng không hề nghĩ rằng lần ấy là chúng tôi gặp nhau lần cuối cùng.

Sau đó, thì giấy cáo phó và thư của Tiểu Thuyên từ Bắc Kinh gửi đến, tin cho biết bạn tôi, một nhà trí thức cần cù làm việc suốt đời, không còn nữa. Tôi sẽ không còn được nhìn nét mặt hiền lành, đôn hậu của anh một lần nữa; dù là nụ cười đau khổ cuối cùng của anh, tôi cũng không được trông thấy.

Anh hiền lành lắm, tôi chưa từng nghe anh nói xấu ai bao giờ, cũng không hề oán giận cuộc đời. Tôi thấy anh nằm trên giường gắng gượng chịu đau nhưng vẫn rất bình tĩnh. Anh lặng lẽ ra đi không tiếc nuối điều gì, anh cũng không lãng phí thời gian. Anh làm việc hết sức nhiệt tình và hết khả năng của anh. Anh không phải là người tự tư tự lợi.

Tôi không lên Bắc Kinh dự lễ truy điệu anh, cúi mình trước linh cữu anh. Là một người bạn lâu năm của anh, tôi cảm thấy tôi đã phụ lòng anh. Tôi kính trọng anh, nhưng không học tập được anh. Tôi không thể âm thầm chịu đau khổ được như anh. Lần tôi đến thôn Hạnh Phúc gần đây nhất, là cách đây hai năm. Tháng 10 năm 1981, chuyển đi tham quan Pari lần thứ ba

trở về, vẫn là gặp một mình chị Quốc Hoa. Hôm trước đó, cháu Tiểu Thuyền đã đi Thiên Tân công tác vắng. Chị Quốc Hoa mừng lắm, lấy hết thức ăn này thức ăn kia ra mời và nhiệt tình như ngày trước. Rất yên tĩnh, sắp đặt gọn gàng đâu vào đấy, chị Quốc Hoa vui vẻ và nói nhiều. Ngồi trong gian phòng nhỏ hẹp, tôi vẫn cảm thấy ấm cúng như ngày nào, với tình bạn "đam nhược thủy" của anh. Tôi có cảm tưởng như anh không hề xa rời chúng tôi, y như hồi anh làm việc ở Nhà xuất bản hoặc đến dự cuộc Hội nghị nào đó.

Ngày 13 tháng 12 năm 1989

THƯƠNG NHỚ HỒ PHONG

1

Mới đây, tôi có đọc một đoạn văn ngắn kể chuyện "Hồ Phong mất tiền, Ba Kim bỏ tiền túi ra giúp", đó là căn cứ vào hồi ức, đồng chí Hồ Phong viết trước kia. Mấy năm trước, đồng chí Mai Chí đưa cho tôi xem, tôi có ghi bên cạnh một câu chú thích nói rõ sự thực như thế nào. Hồ Phong từ trần đã nửa năm nay, nhưng trong trí óc tôi còn in rõ hình ảnh rất sinh động về nhà chiến sĩ văn nghệ ấy. Đã mấy năm rồi, tôi định viết một chút về ông, nhưng hình như trong lòng tôi có cái gì đó chẹn lại, khắc không ra, cứ làm cho tôi tắc thờ. Cầm bút viết, không biết bắt đầu từ đâu. Sức nhớ đến chuyện ấy xảy ra năm mươi năm về trước, thế là tôi bắt đầu từ đó. Trước hết, cho tôi bổ sung một chút về câu chú thích ngắn ngủi kia đã.

Hôm ấy, chúng tôi đến dự đám tang Lỗ Tấn tiên sinh ở nghĩa trang Vạn Quốc. Một vòng người đứng xung quanh huyệt, tôi đứng đối diện Hồ Phong. Cử chỉ của ông thế nào, tôi thấy rất rõ. Giữa lúc lễ đang cử hành, tôi thấy có người nào đó đến mượn ông tiền, ông móc ví ra, rồi lại bỏ vào túi áo. Người đứng quanh ông rất đông, tôi lo thay cho ông, nhưng chẳng có cách nào đi tới nhắc ông cảnh giác được. Xong nghi thức, linh cữu phủ lá cờ "Hồn dân tộc" đưa xuống huyệt rồi, đám người tản ra như nước triều xuống, tôi lại trông thấy Hồ Phong, ông có vẻ sốt ruột, lặng lẽ tìm vật gì đó. Quả nhiên cái ví của ông bị ai rút mất rồi. Ông không ngờ lời mượn tôi tiền. Sau khi biết tình huống kia, tôi nói ngay với Ngô Lăng Tây rằng: "Hồ Phong đánh mất tiền do mọi người góp để lo việc chung, mọi người nên giúp đỡ ông ta". Ngô Lăng Tây đồng ý, hôm sau đưa tiền đến cho ông xem như là tiền nhuận bút ứng trước của Nhà xuất bản Văn hoá sinh hoạt.

Tôi nói "mọi người", bởi vì lúc bấy giờ, chúng tôi đều lo tang lễ của Lỗ Tấn tiên sinh cả. Hồ Phong là một thành viên của Ban tổ chức, gồm 13 người, trong đó có Thái Nguyên Bồi, bà Tống Khánh Linh... Tôi và Cận Dĩ, Hoàng Nguyên, Tiêu Quân, Lê Liệt, vẫn đều ở trong nhóm chạy việc, gồm 28, 29 anh, có điều phân công không đều. Tôi và Cận Dĩ, Hoàng Nguyên, Tiêu Quân, mấy người, ngày 19 tháng Mười, theo di thể Lỗ Tấn tiên sinh đến Tần Nghi quán ở đường Giao Châu, cho đến buổi chiều ngày 22 đưa linh cữu tiên sinh ra ở nghĩa địa Vạn Quốc. Suốt ba ngày chúng tôi đều ở lại Tần Nghi quán, lo các việc từ sáng đến tối, có việc gì làm việc nấy. Hồ Phong là đại biểu của Ban tổ chức tang lễ, do đó ông lãnh đạo chúng tôi. Ban tang lễ xếp đặt như thế nào, quyết định những gì đều do ông truyền đạt lại cả. Có điều lúc bấy giờ, không phải ông bảo gì chúng tôi cũng nghe theo. Chúng tôi đến đây gánh lấy việc là do lòng kính trọng, mến mộ Lỗ Tấn tiên sinh. Chúng tôi chẳng liên quan gì với tổ chức nào hết. Chúng tôi, mỗi anh có cách nghĩ riêng của mình. Có một vài việc sắp đặt, chúng tôi không tán thành lắm, nhưng chúng tôi lại chẳng gặp những thành viên khác trong Ban tổ chức, đành phải thắc mắc với Hồ Phong. Chúng tôi cũng hiểu tình thế của ông, một đảng thì phải theo quyết định của Ban tổ chức, một đảng phải thuyết phục chúng tôi, là những người lo việc lâm thời. Thật ra, bọn chúng tôi cũng chẳng có ý kiến gì nhiều lắm. Thứ hai, việc tôi kể sau đây: một là, chi phí đám tang, hai là trật tự lúc đưa tang. Tôi không nhớ tỉ mỉ như thế nào, bởi vì sau đó, chúng tôi hiểu rõ, nên chẳng ai nói gì nữa cả. Có điều, về chuyện thứ hai, tôi còn giữ lại một ấn tượng. Lúc bấy giờ, xe đưa linh cữu đi vào khu vực "Tô giới công cộng", hai bên đường, cảnh sát kị mã Ấn Độ và cảnh sát đi bộ đeo súng. Xe linh cữu đến đường Hồng Kiều thì cảnh sát Trung Quốc, mặc áo đen, quần xà cạp trắng, bọn này đưa nào cũng cầm súng cầm lưỡi lê. Tình thế hơi căng, chúng tôi sợ có người phá đám, gây lộn, bèn chủ trương hô khẩu hiệu và rải truyền đơn, phải coi chừng không Hồ Phong phản đối. Tôi nhớ trước ngày 22, xe linh cữu xuất phát ông ta đứng ở hành lang nói chuyện với người nào đó; tôi đi tới, ông nói với tôi là phải chú ý trật tự, đừng để ai rải truyền đơn lung tung. Hồ Tử Anh nghe được câu đó, có lẽ lúc bấy giờ có mặt ở đấy, về sau, trong cuộc

họp tổng kết, chị ta phê bình Hồ Phong nói rằng: "Không tin tưởng quần chúng". Ban tổ chức tang lễ họp tổng kết ở Trụ sở Hội thanh niên Bát tiên kiều. Người đến rất đông, tôi không đến lượt được phát biểu. Hồ Phong cũng không tự bào chữa, dù sao thì lễ an táng tiên sinh cũng kết thúc trang nghiêm, ổn thoả rồi. Qua lần công tác ấy, ông để lại cho tôi ấn tượng như thế này: không sợ nặng nhọc, không sợ oán trách, chỉ lo đại cuộc mà thôi!

Đó là chuyện năm 1936. Tôi quen biết Hồ Phong ước khoảng năm ấy, hoặc cuối năm ấy. Một hôm, vào buổi chiều, tôi đến đường Hoàn Long (tức đường Nam Xương), tìm Hoàng Nguyên. Anh không ở nhà. Hồ Phong cũng đến tìm Hoàng Nguyên, chúng tôi gặp nhau ở cổng, liền bắt chuyện. Hồ Phong bảo tôi đến một cửa hàng nhỏ gần đó uống cà phê. Chúng tôi ngồi một lúc, nói chuyện những gì chẳng nhớ nữa, cũng không ngoài tình hình Văn học Thế giới, chẳng nói gì về Lý luận Văn nghệ, Phê bình Văn nghệ, bởi vì trước nay tôi ít chú ý những vấn đề ấy. Nói thật tình, văn chương của Hồ Phong, tôi đọc rất ít, hình như chỉ đọc bài "Bàn về nhà văn" của ông đăng trên tạp chí "Văn học". Ngoài ra có đọc mấy bài phê bình của ông, ký tên Cốc Phi, về mấy thiên truyện trên tờ nguyệt san "Hiện đại", bài ấy có đề cập đến truyện vừa "*Giấc mộng dưới đáy biển*" của tôi. Tôi có viết bài trả lời, nhưng cũng là để nói rõ tôi không thuộc hạng "người thứ ba" mà ông nói. Tôi có cách nhìn của tôi. Tôi không có ác cảm với ông. Năm 1925, ông để lại cho tôi một ấn tượng rất tốt. Ông cùng học với tôi ở trường Trung học phụ thuộc⁵² cùng ngồi một phòng nghe ông thầy giáo nọ giảng Lịch sử Thế giới. Trong trường, ông là một học sinh thích hoạt động, thường viết bài đăng trên tờ báo của trường, có chút ít tiếng tăm, cho nên tôi nhớ được ông tên thật là Trương Quang Nhân. Nhưng chúng tôi ít chơi với nhau, thậm chí ông cũng chẳng biết tên thật của tôi là gì nữa. Năm 1925, trước ngày tôi tốt nghiệp rời khỏi trường, ở Thượng Hải nổi lên vụ Ngũ tạp, tôi tham gia phong trào cứu nước của học sinh Nam Kinh thời đó, có điều tôi không phải là phần tử hăng hái, tôi chỉ ghi lại trong thiên truyện vừa "*Mặt trời đã chết*" những điều tôi trải qua. Nhưng Hồ Phong là một phần tử tích cực, ông tham gia "Hội hậu viện ngoại gian dân". Nhân vật Phương Quốc Lượng tả ở

chương Mười một truyện ấy chính là ông. Mặc dù chỉ phác qua vài nét, nhưng bây giờ đọc lại đoạn dưới đây, tôi vẫn phảng phất thấy ông trên diễn đàn hiên ngang nói:

"Phượng Quốc Lượng khóc rưng rức, nước mắt chảy đầm đìa, báo cáo tình hình công việc mấy hôm nay. Anh kích động đến mức đứng chồm lên nói như gào thét rằng bọn anh mỗi ngày chỉ ngủ được có ba tiếng đồng hồ, hết hơi hết sức, thế mà mọi người cứ dần dần rút lui đâu hết. Những lời anh nói đó cũng có chút hiệu quả, sau khi Hội nghị giải tán lại có nhiều học sinh tụ tập, kéo nhau đốt tàu hỏa đi về phía Hạ quan".

Tôi không hề kể cho ông biết rằng hôm ấy sau khi nghe ông nói, tôi cũng đáp tàu hỏa đến Hà Quang ghi tên vào làm ở công trường. Không bao lâu, tôi tốt nghiệp, rời Nam Kinh. Sau đó, nghe người ta nói Trương Quang Nhân sang Nhật, hình như tôi còn được đọc văn của ông.

Mùa thu năm 1935, tôi ở Nhật về, vì "Dịch văn", vì "Tùng thư", vì Hoàng Nguyên, vì Lỗ Tấn tiên sinh (chúng tôi đều xem tiên sinh là bậc thầy). Tôi với Hồ Phong dần dần thân thiết với nhau. Tôi rất trọng ông, nhưng ít đọc văn ông, không những bài ông viết, mà bài người khác viết, tôi cũng không đọc, dù cố gắng đọc, cũng không nhớ được, đọc đoạn sau quên đoạn trước. Xưa nay, tôi vẫn nghĩ như thế này: Tôi sáng tác theo ý nghĩ của tôi, theo cuộc sống của tôi. Tôi viết những cái tôi trải qua, người ta nói gì mặc họ. Bây giờ, ông với đồng chí Chu Dương đang bút chiến với nhau về tính Điển hình, về Văn học Quốc phòng, và về những cái khác nữa. Văn chương hai bên, tôi đều không đọc; không những tôi, mà các bạn ông không làm lý luận cũng thế cả. Chúng tôi chỉ đọc bài Lỗ Tấn tiên sinh trả lời, tiên sinh chọn khẩu hiệu nào, chúng tôi tán thành khẩu hiệu ấy. Có điều trước nay tôi viết văn không theo khẩu hiệu, không có khẩu hiệu, tôi cũng cứ viết được tiểu thuyết.

Hồ Phong thường đến nhà Lỗ Tấn tiên sinh, Hoàng Nguyên và Liệt Văn cũng hay đến. Liệt Văn là bạn tiên sinh. Nói về sự quan tâm của tiên sinh đối với Hồ Phong, tôi cảm thấy có lúc tiên sinh quá nhiệt tình lại dễ kích động. Hoàn cảnh Hồ Phong có hơi khó khăn. Ông chăm lo cho tờ "Hải Yến" mà ông chủ trương. Đó là một tờ Tạp chí Văn nghệ không định kỳ, mới ra được hai ba số. Tôi nhớ truyện "Xuất quan" của Lỗ Tấn tiên sinh đăng trang đầu tạp chí ấy, được đọc giả rất xem trọng. Hồi đó, Tạp chí văn nghệ xuất bản ở Thượng Hải không phải nhiều lắm. Ngoài tờ "Văn học" của hiệu sách Quang Minh, "Dịch văn" của hiệu sách Sinh hoạt, còn có tờ "Tác giả" của Mạnh Thập Hoàn, "Văn quý nguyệt san" của Cao Cận Dĩ, "Trung lưu, bán nguyệt san" của Lê Liệt Văn. Tờ "Dịch văn" của Hoàng Nguyên, sau khi đình bản mấy tháng, lại do Công ty Báo chí Thượng Hải phát hành. Còn có những tờ khác nữa. Tùy từng tờ, có tờ bán chạy, có tờ bán không chạy lắm. Mỗi tờ có đặc sắc riêng. Mỗi tờ hội tụ được một số nhà văn. Ai cũng vui vẻ viết cho tờ tạp chí mình quen biết. Những tờ này không nhất định là tạp chí của những người cùng theo đuổi một lý tưởng. Nhưng chúng tôi có một điểm tương đồng là ai cũng kính trọng, mến mộ Lỗ Tấn tiên sinh cả. Mọi người đều chủ động đoàn kết xung quanh tiên sinh, không muốn phụ lòng tiên sinh quan tâm đến chúng tôi.

Liệt Văn cùng tôi đã thảo bức tuyên ngôn về công tác văn nghệ, nói rõ chủ trương của chúng tôi là "kháng Nhật cứu vong". Liệt Văn mang tới nhà Lỗ Tấn tiên sinh, xin tiên sinh sửa chữa và ký tên, rồi sao ra nhiều bản giao cho người quen đi lấy chữ ký của nhiều người khác, kịp đưa cho tạp chí của mình và của người quen đăng. Chúng tôi lúc đó chưa tham gia Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật đương thời, tiên sinh thì nằm bệnh, cũng chưa tỏ rõ thái độ, cho nên chúng tôi xin tiên sinh đứng đầu đưa ra một lời thanh minh như thế. Trước đó, cũng như sau đó, không hề mở Hội thảo, cũng không hề bàn bạc với Hồ Phong. Hồ Phong cũng cầm một tập đi lấy chữ ký của người quen. Những tạp chí đăng lời tuyên ngôn ấy không nhiều, chỉ có "Tác giả", "Dịch văn", "Văn quý nguyệt san", độ năm sáu tờ. Hơn ba tháng sau,

Lỗ Tấn tiên sinh từ trần. Lại hai tháng nữa, cuối năm ấy, nhà đương cục Quốc dân đảng cùng một lần đóng cửa 13 tờ tạp chí trong đó có "Tác giả" và "Văn quỹ nguyệt san", không nói lý do, chỉ ra lệnh.

Từ ngày tôi quen biết Hồ Phong đến khi "Ba tập tài liệu"⁵³, có khoảng hai mươi năm. Trong hai mươi năm ấy, chúng tôi gặp nhau nhiều lần, cũng chuyện trò với nhau nhiều lần. Trong thời kỳ chống Hồ Phong, tôi có nhớ lại tỉ mỉ những việc trước kia. Thật là kỳ quái, chúng tôi rất ít nói đến văn nghệ. Tôi rất ít đọc văn của ông, điều ấy đối với tôi là chuyện thường. Tôi rất ít khi bàn bất cứ với ai về vấn đề văn nghệ một cách nghiêm túc. Tôi chưa từng nghiên cứu gì về văn học, nghệ thuật, và cũng chẳng có kiến giải gì đặc biệt. Cho nên đến nay, tôi vẫn cho rằng tôi không phải là nhà văn học. Tôi viết văn chẳng qua là nói ra những điều mình muốn nói. Tôi biên tập "Tùng thư" chỉ là đem giới thiệu với độc giả những cuốn sách hay. Sống trong cái xã hội này thì phải phục vụ nó. Tôi theo ý nghĩ của tôi mà làm việc cho nó. Từ trước đến nay các nhà lý luận nói những gì, tôi mặc kệ họ. Chính vì vậy mà tôi có thì giờ sáng tác đến mấy trăm vạn chữ, biên tập bao nhiêu tùng thư. Nhưng tôi phải thừa nhận rằng tôi làm việc không nghiêm túc được như Hồ Phong. Tôi cũng không có khả năng tập hợp được nhiều nhà văn, nhà thơ tài hoa xung quanh mình. Tôi khâm phục ông, có điều không muốn học tập ông. Tôi thích sáng tác, càng thích dịch, còn như biên tập chẳng qua người khác không chịu làm thì tôi làm vậy. Không như Hồ Phong, ông bồi dưỡng nhân tài, cho đó là trách nhiệm của mình. Tôi nói ông là người "ái tài", tôi thấy ông càng thích tiếp xúc với những người có chủ trương và có sở thích giống ông. Đó cũng là chuyện bình thường. Nhưng ông không hề nghĩ rằng đến thời kiến quốc, sẽ có phong trào "chống Hồ Phong". Lòng "ái tài" của ông trở thành "tội phản cách mạng". Nói thật tình, đối với tôi, phong trào ấy là một tiếng sét giữa trời trong. Trước nay, tôi vẫn cho ông là một nhà văn tiến bộ, chí ít cũng tiến bộ hơn tôi. Cận Dĩ có dịp tiếp xúc với ông nhiều. Hai người gặp nhau là thích nói đùa với nhau. Cận Dĩ cũng ít đọc văn của Hồ Phong, nhưng Cận Dĩ cho rằng Hồ Phong gần với Đảng. Đó là thời ở Trùng Khánh, về sau Hội liên hiệp Văn

học ra tờ Tạp chí "Nhà văn Trung Quốc" ở Thượng Hải, cả hai người đều ở trong Ban biên tập. Tôi ít đọc sách Hồ Phong viết, cũng không biết rõ quan niệm của ông về văn nghệ như thế nào. Nhớ một lần, ông tặng tôi một cuốn. Chúng tôi nói chuyện mấy câu, tôi hỏi ông: "Vì sao người ta có ý kiến với ông thế?". Ông trả lời qua loa: "Vì tôi nói thay cho phần tử trí thức mấy lời thôi mà", Ấy đại khái là năm 1948. Sau đó, ông đến Hương Cảng để ra vùng giải phóng, Tôi có đọc những bài ông viết khi ở Hương Cảng. Nhớ đến một chuyện cũ: Mùa xuân năm 1941, tôi từ Thành Đô về Trùng Khánh, ấy là sau sự biến Hoài Nam, nhiều nhà văn hóa chạy sang Hương Cảng. Lão Xá vẫn ở lại Trùng Khánh chủ trì Hội liên hiệp Văn học kháng chiến. Ông dặn tôi: "Ông có đi thì nói cho tôi biết nhé". Lúc Hồ Phong đi, có tìm tôi nói chuyện rất lâu. Hồ Phong còn có bài ngũ ngôn luật thi đăng trên "Tân Thực báo", ở Trùng Khánh, bài thơ ấy gửi từ Hương Cảng, nay tôi còn nhớ bốn câu đầu:

Phá hiệu hoành giang độ,

Sơn thành cụ chính nông.

Bất đàn du tử lệ,

*Do bão trực thần trung...*⁵⁴

Nói lên tình cảnh và tâm tình lúc sáng sớm, vượt sông Trường Giang sang Hải Đường Khê bên bờ nam ra đi. Tôi nhớ lại đời sống ở Trùng Khánh đương thời. Mùa thu năm 1942, tôi cũng đến Hải Đường Khê, đáp xe hơi, có điều tôi lên Quế Lâm. Không đầy hai năm, tôi lại về Trùng Khánh vẫn qua Hải Đường Khê, sau đó thì ở lại Trùng Khánh. Hồ Phong đã trở về Trùng Khánh trước rồi. Ông bỏ Hương Cảng ra đi lúc quân Nhật tấn công chiếm Hương Cảng, đến ở trong thôn ngoài thành Trùng Khánh. Mỗi lần

Ban chấp hành Hội liên hiệp Văn nghệ kháng chiến họp, tôi thường thấy ông ở vườn hoa nhà họ Trương. Có lúc tôi tham gia Hội nghị khác hoặc các hoạt động xã hội khác đều thấy ông có mặt. Một hôm, vào buổi chiều, tôi dự lễ kỷ niệm lần thứ tám, ngày Lỗ Tấn tiên sinh mất, do Hội liên hiệp Văn hóa Trung-Xô tổ chức. Hội trường gần Nhà xuất bản Văn hóa sinh hoạt ở đường Quốc Dân. Có Tổng Khánh Linh, Trương Tây Mạn, người phụ trách Hội liên hiệp Văn hóa Trung-Xô cũng đến, có cả Tuyết Phong, Hồ Phong. Hội nghị tiến hành thuận lợi đúng theo chương trình dự định. Hết nửa chừng, Tổng Khánh Linh có việc phải về trước. Bà về rồi, Hội trường liền mất trật tự, rối loạn hẳn. Đặc vụ Quốc dân đảng bắt đầu công kích Hồ Phong. Lại có ảnh phỉ báng bà Hứa Quảng Bình đang ở Thượng Hải. Tuyết Phong đứng ra biện hộ cho bà. Bọn người đến phá đám làm ồn lên, Trương Tây Mạn lên phát biểu, bọn đặc vụ không nghe mà trái lại lên mặt dạy ông ta. Hội trường bị bọn ấy chiếm lĩnh. Hội nghị đành phải kết thúc qua quýt. Chúng tôi mấy người lục tục đi ra, đều đến chỗ Tuyết Phong. Ông ở trong Nhà sách Tác giả, xế trước mặt Nhà xuất bản Văn hóa sinh hoạt. Chúng tôi đưa ra một vài thắc mắc, Tuyết Phong phát cáu, Hồ Phong hình như cũng đang nghĩ gì, vẻ mặt đành lại. Tôi khuyên ông nên cẩn thận, xem chừng bọn đặc vụ có thể có âm mưu gì không. Những chuyện như thế còn nhiều lắm, nhưng hồi bấy giờ, không ghi lại, dần dần trong trí nhớ của tôi cũng phai nhạt đi. Tôi định ghi lại một đôi lời chúng tôi nói với nhau trong khi chúng tôi quen nhau, cũng không nhớ ra.

2

Đầu giải phóng, tôi và Hồ Phong thường gặp mặt nhau. Hội nghị Đại biểu các Nhà văn Toàn quốc lần thứ nhất, chúng tôi không cùng một đoàn. Ông đến Bắc Bình trước, trong đoàn I, Phương Nam. Tháng Chín, dự Hội nghị liên hiệp Chính trị lần thứ hai khóa đầu, chúng tôi ngồi cùng xe từ Thượng Hải lên Bắc Kinh, và ở hai phòng kề nhau trong Trường Hoa văn.

Tôi thường đi tìm bạn bè, còn ông thì ở lại Chiêu đãi sở tiếp khách. Chúng tôi thường cùng dự Hội nghị với nhau, nhưng rất ít khi nói chuyện lâu. Tháng 7 năm 1953, tôi sang Triều Tiên lần thứ hai, ông đã dời lên Bắc Kinh ở Từ Quán. Ông hẹn với tôi cùng lên đường, sau vì phải chữa một bài viết cho tờ "Nhân dân văn học" nên ở lại. Nhờ bài ấy, đầu đề là "Thân tàn mà chí không tàn", một thiên phóng sự về thương binh của Chí Nguyễn Quân. Hồ Phong cùng mấy nhà văn nữa sẽ đến sinh hoạt trong bệnh viện nọ ở Đông Bắc. Hai hôm trước ngày lên đường, tôi còn đến nhà ông hỏi có quyết định đi hay không. Lúc tôi đến họ đang ăn cơm tối, nhà có khách, tôi không quen mà ông cũng không giới thiệu. Tôi nói cho anh biết ngày tôi lên đường rồi cáo từ. Tôi đã ăn cơm rồi, mang một bó sách to tướng, cái xe ba bánh thuê còn đợi ngoài kia.

Không bao lâu sau, Hội nghị Đại biểu các Nhà văn lần thứ Hai triệu tập ở Bắc Kinh, tôi đang ở Triều Tiên, không tiện về dự, xin vắng mặt. Năm tháng sau, tôi mới về nước. Mùa thu năm 1954, tôi cùng Hồ Phong dự Đại hội đại biểu Nhân dân Toàn quốc khóa thứ Nhất. Chúng tôi đều là đại biểu tỉnh Tứ Xuyên, thường họp với nhau, gặp mặt nhau, cảm thấy thân thiết, nhưng trước sau vẫn ít nói chuyện với nhau. Tôi tuy đã học tập một số văn kiện trên báo chí, cũng có không ít bài bàn về văn nghệ, có điều tôi cứ mù mờ. Tôi rất muốn học tập nghiêm túc, tự cải tạo, bỏ quách cái cũ, trang bị cái mới để cho bộ máy của mình chạy nhanh lên, viết được chút gì. Tôi sợ họp, nhưng lại không dám không đi họp, mà tìm cách trốn một số cuộc, kết quả thường là có đến dự mà tâm trí để ở đâu, luôn luôn kiểm thảo hoặc chuẩn bị kiểm thảo, bỏ phí mất hai, ba mươi năm trời. Tôi càng cố gắng, càng viết không được tác phẩm nào. Vả lại càng đội mũ nhà văn vào càng thiếu thời gian sáng tác. Trong những ngày hôm nay, do bệnh khó chữa, tôi chuẩn bị gác bút, lại định tính sổ, tổng kết đời sáng tác của mình, sức nhớ đến ba phong trào lớn bất giác run lên, mồ hôi toát đầm người. Tôi không bị ném vào vực thẳm "Tập đoàn Hồ Phong", "Đấu tranh chống Hữu", "Đại Cách mạng Văn hóa" đó là vận may. Nhưng đối với bạn bè khi nuốt hận mà chết, tôi làm thế nào mà giải thích với mình đây?

Ngày 26 tháng Ba năm ngoái, nhà Bảo tàng Văn học hiện đại Trung Quốc chính thức khai trương. Tôi đến đọc lời chúc mừng. Hai năm rưỡi nay, tôi không lên Bắc Kinh, được gặp những bạn cũ tôi rất phấn khởi, nhưng tôi đi lại khó khăn, đành để bạn bè tới hỏi thăm. Đồng chí Mai Chí cùng Hồ Phong đi tới, bà chỉ Hồ Phong hỏi tôi. Ông còn nhận ra ông này không? Tôi ngẩn người một lúc. Đáng lẽ tôi phải nhận ra Hồ Phong. Đây là lần đầu tiên tôi gặp lại ông từ sau năm 1955. Ông thay đổi nhiều quá. Nhìn kỹ thì biết ông đang là một người bệnh, ông không biểu lộ tình cảm gì ra ngoài mặt, cũng không nói năng gì. Tôi nói: "Thấy ông như thế này, tôi ân hận lắm!". Xuýt nữa thì tôi chảy nước mắt, đó là vì trước kia khi ông ở Thượng Hải nằm viện, tôi không đến thăm ông, cũng vì chưa thanh toán nợ với ông, tôi cảm thấy xấu hổ. Tâm tình tôi như thế nào chỉ một mình tôi biết. Có lúc ngồi tôi cũng muốn nói nhưng không nói cho rõ ràng được. Hình như là vào buổi chiều. Hội liên hiệp các Nhà văn mở rộng, Hồ Phong đến có cô con gái dịu, ông ngồi cạnh cái bàn đối diện. Tôi luôn luôn chăm chú nhìn ông. Tôi không nhận ra nét nào quen thuộc của Hồ Phong cả. Ông ngồi thừ ra đấy, không động đậy, cũng không hề nói gì với cô con gái. Tôi định vào giờ nghỉ sẽ đến chào hỏi ông, nói chuyện vài câu. Nhưng đến khi Hội nghị sắp giải lao thì cha con ông đã đứng dậy ra về. Tôi đứng nhìn theo. Tôi có nhiều điều muốn nói với ông lắm. Tôi như đang giương mắt nhìn lại những năm tháng xa xôi, mấy mươi năm đã trôi qua, không thể nào níu lại được. Tôi nghĩ đến câu tục ngữ: "Gặp một lần là bớt đi một lần" nhưng không nghĩ rằng lần này là lần cuối cùng tôi gặp mặt ông.

Sau đó, tôi ở Thượng Hải, nhận được tin ông mất. Tôi đánh điện nhờ người mang vòng hoa đến viếng ông. Tôi không nói được gì. Bây giờ thì nói gì, muộn quá rồi. Thế là cuối cùng tôi không có cơ hội thanh toán món nợ với ông được.

Nhưng mắc nợ thì phải trả, không được cù nhầy. Giá sử không trả được hết, hoặc để quá hạn, thì cũng phải làm sao cho người sau biết là quả tình tôi đã cố gắng, hy vọng có thể bù đắp được những tổn thất mà người bạn quá cố đã phải chịu.

Bản án oan của Hồ Phong đã được xóa rồi. Tôi đọc "Truyện Hồ Phong" của đồng chí Mai Chi, vợ ông, rất cảm động, mà cũng hết sức buồn. Ông bị người ta đối xử bất công quá. Hồi đó, ông từng nói "tâm an mà lý không thông". Ngày nay, đại khái ông cũng chưa phải là tâm an mà lý đã thông. Nguyên do vì toàn bộ quá trình cái án oan đó chưa hề được công bố. Tôi cũng chưa có dũng khí nhìn thẳng vào sự thực, chưa biết thật rõ đầu đuôi ra sao. Vợ chồng ông đã vào Tứ Xuyên, nghe nói thời kỳ "Văn cách", Hồ Phong lại ngồi tù, sau cùng bị đầy không kỳ hạn. Sức khỏe của ông suy sụp hẳn. Phần cuối sách của bà Mai Chi đăng trên "Văn hóa nguyệt báo", tôi chưa được đọc, nhưng tôi nghĩ bà cũng không nói hết sự việc ra đầy đủ, mà tôi cũng không thể tìm hiểu hết những cái tôi muốn biết. Tôi chỉ còn sống được vài ba năm nữa là cùng.

4

Vẫn nói về cuộc "đấu tranh" chống "Tập đoàn Hồ Phong".

Trong cuộc đấu tranh ấy, cuối cùng tôi đã làm những gì? Tôi nhớ, ở Thượng Hải, tôi có viết ba bài và chủ trì mấy cuộc Hội nghị Phê phán. Hội nghị họp rồi thì quên hết, ai hơi sức đâu mà nghĩ đến nữa, còn các bài phát biểu thì còn được giữ lại ít nhất là ở thư viện và phòng lưu trữ. Kỳ thực, thì chúng cũng đã bị bỏ quên rồi. Chỉ khi tôi tổng kết quá khứ thì chúng mới hiện lên trong tâm trí tôi với những dấu ấn như nung bằng lửa. Có một âm thanh thường vang vọng bên tai tôi: "Anh không được quyền".

Tôi lại nhớ đến năm 1955.

Phong trào bắt đầu. Người ta khuyên tôi viết bài phê phán, tỏ thái độ. Tôi không muốn viết, cũng không thể viết, thật sự là viết không ra. Có người đến thôi thúc, thái độ rất hách, tôi nói dần dần tôi sẽ viết bài về truyện "Chiến dịch đầm lầy" của Lộ Linh, nhưng vài ngày sau, phóng viên "Nhân dân nhật báo" từ Bắc Kinh xuống đặt bài. Tôi đang dự họp Phân hội liên hiệp các Nhà văn, thảo luận vấn đề Hồ Phong. Đến lúc cần phải tỏ rõ thái độ rồi, không thoái thác được nữa thì tôi viết một bài đề là "*Tội của họ cần phải trừng trị*", một bài văn ngắn nói lại những điều người khác đã nói. Tỏ rõ thái độ, cái cửa ải đầu tiên ấy coi như đã vượt qua rồi.

Bài thứ hai là "*Hai việc về Hồ phong*", đăng trên "Văn nghệ nguyệt báo" ở Thượng Hải. Cũng là một bài văn ngắn. Hai việc đó đều là sự thực. Nhưng khi nhắc lại lời Lỗ Tấn nói rõ ràng tiên sinh không tin Hồ Phong là đặc vụ, tôi lại giải thích là tiên sinh bị lừa. Tháng 2 năm 1955, tôi lên Bắc Kinh nghe Chu Tổng Lý báo cáo. Tôi gặp Hồ Phong, ông nói với tôi: "Lần này tôi mắc sai lầm nghiêm trọng, xin ông góp ý kiến cho". Nhưng tôi lại phê bình ông, nói là "kẻ gian thì lòng khiếp sợ". Tôi không đưa ra được một chứng cứ nào cả. Để qua cửa ải thứ hai, tôi đành đưa ra cái lý như vậy. Viết bài thứ ba, tôi vốn cho rằng tôi có thể tìm lối thoát cho mình thông minh hơn, nhưng kết quả là chữa lợn lành thành lợn què, mang lấy vào thân một gánh nặng tinh thần khá trầm trọng. Sự việc xảy ra như thế nào, tôi không thể nhớ sai. Tôi sang Triều Tiên lần thứ hai về, ở lại Bắc Kinh mấy ngày, truyện ngắn "*Tuyết đầu mùa*" của Lộ Linh vừa đăng trên "Nhân dân Văn học", đồng chí Thuyên Lâm khen với tôi, tôi đọc cũng thấy hay, lại đi nói với người khác.

Về sau "Chiến dịch đầm lầy", đăng lên, phản ứng rất tốt, tôi cũng thích thú. Tôi biết rõ Chí nguyện quân và các cô gái Triều Tiên không được nói chuyện yêu đương với nhau, có điều Lộ Linh viết theo lý tưởng, không phải

là ước muốn có thể thực hiện được, có vấn đề gì đâu? Khi phê phán "Tập đoàn Hồ Phong", tôi bị ép tham gia đấu tranh, thực tế để viết thành bài, bèn lấy truyện "Chiến dịch đầm lầy" làm bia, phê bình anh Chí nguyện quân nọ không được yêu cô gái địa phương kia, đó là lệnh cấm. Bài viết xong, gửi "Nhân dân Văn học", tôi cảm thấy nhẹ cả người. Tình thế đang thay đổi, phong trào mở rộng, bài của tôi đăng lên tựa hồ khác hẳn. Tôi thấy trong bài có một số thuật ngữ chính trị tôi không hề nghĩ tới, càng không biết mình đâu có quyền tùy tiện chụp cho người ta cái mũ "phản cách mạng". Có thể thấy một số câu người nào vội vội vàng vàng thêm vào. Tóm lại, đọc lần đầu, tôi không bằng lòng, nhưng đêm sau, có ông bạn đến tìm tôi, nói về bài ấy thì tôi bình tâm, không thắc mắc nữa. Bài tôi viết là phê phán tư tưởng, nhưng bây giờ trở thành bài nói hòa vào lúc người ta đang đánh "trận đòn phản cách mạng". Giá thử bài ấy không ai thêm bớt, cứ đăng nguyên xi thì tôi sẽ trở thành đối tượng phê phán, có ý giải thoát cho "tập đoàn phản cách mạng". Người biên tập "Nhân dân Văn học" chữa bài của tôi, đã giúp đỡ tôi, nếu không tôi đã gặp chuyện lồi thối rồi. Cũng năm ấy, tờ "Văn nghệ nguyệt báo" đăng bài "kiểm thảo" của nhà soạn nhạc nổi tiếng nọ, ông ta "triệt để vạch trần Hồ Phong", sau khi "tập tài liệu thứ hai" được công bố. Nhưng đến khi tờ nguyệt san đưa bán ngoài hiệu sách thì "tập tài liệu thứ ba" xuất hiện, tính chất của "tập đoàn Hồ Phong" lại tăng lên. Thế là độc giả liên tiếp gửi thư về khiển trách ông ta, ông đành phải "kiểm thảo" công khai. Kết quả thực tế là ông ta đã yểm hộ cho lũ đen Hồ Phong. Ngay ban biên tập "nguyệt san" cũng không thể không thừa nhận là đối với sai lầm này... "Phải chịu trách nhiệm chủ yếu". Cái không khí ấy, hoàn cảnh ấy, cách làm ấy... dùng lực lượng toàn quốc ra để đối phó với một "nhóm nhỏ" nhà văn, cuối cùng là vì sao? Thế thì cái tập đoàn ấy thật sự có âm mưu gì xấu xa? Dù sao thì tôi cũng chỉ có một con đường, xô đổ được thì xô đổ, không xô đổ được thì tìm cách ứng phó, và tôi dựa vào câu nói: "Thiên vương thánh minh", hồi đó quả thật tôi đang mang cái sùng bái cá nhân trên lưng. Tư tưởng tôi không thông thì tôi không suy nghĩ nữa, tôi không có thì giờ mà phải khổ sở suy nghĩ.

Cuộc đấu đá Hồ Phong ồn ào lên một lúc, sau đó thì dần dần lắng xuống. Bản thân tôi cũng như bạn bè của ông trong cuộc đấu cái gọi là "phần tử Hồ Phong" đều không ai ra mặt cả. Sau đó, thì đã chìm xuống biển cả, không ai nhắc tới họ nữa. Thỉnh thoảng gặp người quen, tôi hỏi thăm Hồ Phong, họ nói: "Anh hỏi làm gì?". Tôi nghĩ đến "Văn tự ngục" đời Thanh mà rùng mình, không dám nói nữa. Bạn bè nước ngoài hỏi tôi về tình cảnh Hồ Phong gần đây, tôi ậm ừ nói không ra lời. Và lại, những ngày ấy, năm tháng ấy, phong trào này tiếp phong trào khác, đại hội rồi tiểu hội không ngớt, ai ai cũng muốn vượt cho qua cửa ải, ai ai cũng lo lấy thân mình, làm gì có thì giờ, có dũng khí để đi hỏi những việc không nên hỏi. Chỉ đến thời "Văn cách", không nhớ đọc được ở đâu một tài liệu hay đọc trên một tờ báo nào, nói Hồ Phong đang ở Tứ Xuyên. Ngoài ra, tôi không biết gì nữa cả. Cho đến khi "Văn cách" kết thúc, nhào qua nhào lại một hồi, người bị chôn sống được trở lại nhân gian, nhưng không còn là Hồ Phong trước kia nữa.

Một nhà thơ vui tính, sinh lực dồi dào, biến thành một con người dờ dẩn, một bệnh nhân không còn chút sinh khí. Ông đã bị người ta giày vò, bức hại quá đáng, không thể tiếp tục làm việc được nữa. Còn gì khổ hơn. Về ông, tôi biết rất ít và hiểu cũng không sâu. Tôi đọc "Bức thư ba mươi vạn từ" của ông thì quên ngay, nhưng nghĩ lại cũng chẳng có gì sai trái. Để viết bài "Thương nhớ" này, tôi giở lại "Văn nghệ nguyệt báo" thời bấy giờ xem, thấy lời Ban biên tập thừa nhận họ sai. Tôi như bị đánh một gậy vào đầu. In trên giấy trắng mực đen thì vĩnh viễn không thể xóa được. Con cháu đời sau là những vị quan tòa chân chính phán xét chúng ta. Cuối cùng chúng ta phải chịu trách nhiệm về sai lầm gì, chúng nó biết cả, chúng nó sẽ không tha thứ cho chúng ta đâu. Những năm Năm mươi, tôi thường nghĩ đến những cuộc đấu tranh kia, những phong trào kia, tôi cảm thấy buồn nôn, cảm thấy xấu hổ về cách mình đóng trò (dù là bất đắc dĩ mà làm). Ngày nay, xem những lời viết 30 năm trước, tôi không thể tha thứ cho tôi mà cũng không xin người đời sau tha thứ. Tôi nghĩ Hồ Phong là một người làm công tác văn nghệ, nếu như không bị oan khuất, không bị bức hại, nếu

như không bị ngồi tù một thời gian dài, ông không những sẽ còn sống đến hôm nay, mà nhất định đã có nhiều thành tựu. Nhưng bây giờ thì chẳng có gì cả. Tôi còn biết nói gì nữa đây.

Tôi là một bệnh nhân già yếu bạc nhược, suy nghĩ chậm chạp, viết bài này rất đổi khó khăn, từ khi bắt đầu đến nay sắp hết một năm, có lúc mỗi ngày chỉ viết được hơn năm chục chữ. Tôi muốn nói những lời thực lòng và cũng muốn nghe người khác nói những lời thực lòng. Nhưng cầm bút lên hoặc mở miệng ra, hoặc lắng tai nghe, mới biết nói được những lời thực lòng không phải là dễ dàng. Đoạn cuối "truyện Hồ Phong" đăng trên "Văn hồi nguyệt san", tôi đã được đọc rồi. Viết chưa hết thời gian họ sống ở Tứ Xuyên như thế nào không thấy nói đến. Tôi xin đồng chí Mai Chí viết tiếp cho. Đồng chí nói trong văn chương của đồng chí rằng: "Chuyện quá khứ như là mây khói". Tôi nói: "Quá khứ không hề tiêu tan". Những hồi ức như thế kia, tập trung lại sẽ đúc thành một cái chuông đồng đánh lên cảnh tỉnh mọi người. Chúng ta phải ghi vào lòng lời giáo huấn thảm khốc này.

Tôi muốn nói lên ở đây lời xin lỗi đồng chí Lộ Linh. Tôi không quen biết ông, chỉ gặp ông mấy lần ở Hội nghị đại biểu các Nhà văn lần thứ Nhất. Bây giờ ông còn trẻ, là một nhà văn có tài. Tiếc rằng, người ta không để cho ngồi bút ông phát huy hết tài hoa. Hồi bấy giờ tôi phê bình truyện "Chiến dịch đầm lầy" của ông, không có ý làm thương tổn đến tác giả. Nhưng khi phong trào thăng cấp thì bài của tôi cũng thăng cấp, trở thành nghiêm trọng. Tôi không biết tình cảnh hiện nay của ông ra sao, chỉ nghe nói ông mất hết tinh lực, và mất cả sức khỏe, về những điều bất hạnh ông gặp phải về cái án oan của ông, về bệnh hoạn của ông, tôi biết nói thế nào với hậu thế đây? Lẽ nào công tác văn nghệ của chúng ta ngày ấy không mắc sai lầm hay sao? Mà tôi là kẻ đã ném đá xuống giếng, lẽ nào tôi không chịu một phần trách nhiệm? Lịch sử không để cho ai tùy ý biên soạn. Im lặng không thể trở ngại đến những lời nói thật được lưu truyền. Hắt nước bắn vào người ông một

cách bất công cũng chẳng có tác dụng gì. Có điều tuyệt đối tôi không thể
tha thứ cho tôi những lời nói trái với lòng kia mà thôi.

20 tháng 8 năm 1984.

NĂM BỆNH

Suốt bảy tháng trời tôi không ngồi vào bàn viết giờ khắc nào hết. Xa bạn đọc lâu ngày, tôi cảm thấy buồn. Số là ngày mùng Bảy tháng Mười một năm ngoái, tôi đi trong nhà ngã gãy chân trái, phải vào bệnh viện. Tôi sinh hoạt liền hai tháng với cái giá gỗ mà bác sĩ đóng cho, ngày này sang đêm khác dài dằng dặc. Tôi bị hồi ức và những cơn ác mộng giày vò hết nỗi và luôn luôn gây phiền hà, lo lắng cho những người thân vào săn sóc tôi (con gái, con rể, con trai, cháu gái và mấy người thân thích ít tuổi, họ thay nhau vào ở trong bệnh viện, thường bị tôi làm cho hoảng sợ, không ngủ được). Tôi thường nói mê, lẫn lộn cảnh thực và cảnh mộng. Có lần, anh con rể nghe tôi nằm trên giường nói một mình: "Một tấn bi kịch kết thúc rồi..."⁵⁵ làm anh ta hãi quá. Lúc đầu óc tỉnh táo, đặc biệt những đêm dài không ngủ được, tôi cứ trần trọc tìm trả lời câu hỏi: "Ta kết thúc đời ta ở đây ư? Ta không chịu như thế, ta còn mắc nợ nhiều, không thể phui tay mà đi như thế này!". Tự hỏi rồi tự trả lời, ngày này qua ngày khác, cứ như thế, rồi tình hình tựa hồ khá dần. Cuối cùng, tôi xuống giường bắt đầu tập đi. Nửa năm trôi qua.

Tôi ra viện. Nhưng còn lâu mới gọi là "bình phục", thậm chí tôi mang những cơn ác mộng về nhà. Ngủ không yên giấc, đêm khuya thì gào lên hoặc nói lảm nhảm mấy câu một cách nghiêm túc. Các thứ di chứng làm khổ tôi, tinh thần tôi không thể nào bình tĩnh được. Ban ngày không thoải mái, ăn không ngon miệng, người gầy xẹp. Tôi vẫn tiếp tục tập đi, nhưng không có kế hoạch, mà cũng không tin tưởng. Mấy hôm trước, tôi rất sợ bóng tối, sợ ngủ. Đêm nằm trên giường, đầu óc cứ như bị con quái vật nào giày vò. Người ta lo cho tôi, tôi cũng không thể không hoài nghi: "Đã gần lúc kết thúc rồi chẳng?", Nhưng tôi vẫn chưa nản lòng. Tôi cứ đinh ninh rằng tôi phải sống. Tôi không tin những cơn ác mộng có thể thắng nổi tôi. Hai đêm qua, tôi ngủ được yên giấc, không nằm mộng, cũng không bị quấy

nhiều. Anh con rể đem một cái quạt máy đặt bên người, chẳng biết có phải vì nó có tác dụng hay không. Tóm lại là tôi không sợ ngủ nữa.

Trong khi nằm bệnh, tôi nhận được bao nhiêu thư của bạn bè và độc giả gửi tới. Nhiều người quen thuộc và cũng nhiều người chưa từng gặp mặt. Ngoài những lời động viên hoặc hỏi thăm, còn có cả kinh nghiệm chữa trị, phương thuốc gia truyền, các thứ thuốc quý v.v... Ba tháng đầu, tôi nằm trên giường không cử động được, chỉ đọc cho nghe mà thôi. Thân thiết bao nhiêu. Nước mắt tôi ràn rụa như con trẻ. Tôi không có cách nào trả lời, và lại, những cơn ác mộng cứ giày vò không ngớt. Tôi cũng không nhớ được những lời đầy thiện ý kia. Thư cứ gửi đến liên tiếp, từng tập từng tập, chất trong ngăn kéo bên giường bệnh, lại bảo mấy đứa con cháu cất đi. Tôi cũng không nhớ ai gửi. Nhưng những bức thư của bạn bè (kể cả của độc giả) ấy đều cũng chẳng phải như những hòn đá chìm ngấm xuống đáy biển, mà chúng đã đem lại cho con bệnh là tôi lòng can đảm muốn sống. Giả sử không có những bức thư kia, e rằng hôm nay, tôi chưa rời khỏi bệnh viện.

Tin tôi ra viện đăng trên tờ "Đại công báo", bạn bè người Nhật cũng gửi thư đến chúc mừng, ở bệnh viện, quả thực tôi được ưu đãi, mấy lần tiếp khách nước ngoài trong phòng, lại còn được dẫn ra gặp Tổng thống Pháp. Mấy người trong tổ quay phim "*Đêm lạnh*" (Hàn dạ, 1940) đến tìm tôi hỏi kinh nghiệm xây dựng nhận vật và cách nhìn của tôi ngày nay. Lại có người vào bệnh viện xin nặn tượng hoặc chụp ảnh. Làm tôi cảm động nhất là ngày xuân, các cháu Cung thiếu nhi vào múa hát úy lạo bệnh nhân, có một tập diễn viên trẻ vào phòng tôi biểu diễn cho "Cụ Ba Kim" thưởng thức. Một cô nhanh nhẹn, ngâm thơ đi tới gần tôi, ghé vào tai tôi báo cáo tiết mục, lại giải thích thêm. Các cô múa hát thật hay, thật đẹp. Khi các cô cáo từ đi ra, tôi chảy nước mắt.

Tôi ăn tết trong bệnh viện. Chiều Ba mươi, đứa con gái thừa với tôi rằng: chúng rất muốn tổ chức một bữa cơm đoàn tụ cùng tôi. Lúc đầu tôi

không đồng ý. Tôi nghĩ rằng mình gây ra tai họa thì mình phải gắng chịu lấy, vả lại tôi đã sống trong bệnh viện quen rồi. Nhưng chúng nó nhất định không nghe, kéo nhau vào cả. Mọi người ngồi xung quanh một chiếc bàn nhỏ, ăn xì xụp, nhưng không khí không lấy gì làm vui. Tôi ăn vài miếng, nhưng trong bụng chan chứa tình cảm. Ăn xong bữa cơm đoàn tụ, chúng nó đi dọn bát đĩa rửa soạn về nhà. (Đêm đó, chú em tôi trực thay). Vợ chồng Tào Ngu đến, nói rằng đón giao thừa với tôi, lại hẹn cả vợ chồng ông La Tốn cùng đến. Bọn con về rồi, vợ chồng Tào Ngu ngồi lại đến tám giờ. Họ ở khách sạn An Tân, đi lại thuận tiện. Cuộc sống lạnh lẽo của tôi làm cho vợ chồng họ cảm động. Tào Ngu lại là người bạn cũ rất quan tâm đến tôi. Lần này ra Thượng Hải, gần như ngày nào cũng vào thăm. Anh vốn thích vui nhộn, nên không muốn tôi cô đơn. Tôi và chú em nói mãi mới thuyết phục được vợ chồng họ khoác áo ra về.

Chú em săn sóc cho tôi nằm ngủ, được một lát thì vợ chồng La Tốn vào. Họ bận chút việc, nên đến chậm, nói là để chờ giao thừa với tôi. Nhưng Tào Ngu nói tôi đã đi nằm đang mơ màng, nên họ ngồi nói chuyện với chú em tôi một chốc rồi buồn bã cáo lui.

Tôi nghĩ bây giờ tôi sẽ ngủ được một giấc ngon lành, không ngờ đêm hôm đó, tôi không chợp mắt được mấy. Tình bạn đã làm cho cõi lòng tôi xao động. Trước đây tôi đã nói tôi sống nhờ vào tình bạn. Tôi rất vui mừng được chuyện trò với người quen, cùng nhau uống một chén trà, một cốc bia, có thể ngồi nói chuyện với nhau thâu đêm. Nhưng nằm trong bệnh viện tiếp đãi bạn bè, nói nhiều một chút, ngồi lâu một chút, tôi cảm thấy không thể yên tâm, không còn hơi sức nữa. Lẽ nào tôi thay đổi rồi chăng? Tôi không trả lời được, mồ hôi toát đầm người.

"Hãy tìm lại cái tôi ngày trước". Bỗng nhiên tôi thốt ra như thế. Không phải tôi chỉ nói trong những đêm u tịch, mà suốt thời gian nằm bệnh, tôi hay nghĩ đến câu ấy. Nhưng cũng biết không thể nào tìm lại được "cái tôi ngày

trước". Tinh lực của tôi đã cạn kiệt rồi. Mười năm "Văn cách" quyết không phải là một cơn ác mộng. Hậu quả tai hại của nó còn lưu lại trong tôi. Hôm nay, nó còn đục khoét máu thịt tôi từng miếng, từng miếng như tằm ăn dâu. Không thời khắc nào, tôi không phải vật lộn với nó, cho sự sinh tồn của thế hệ sau. Tôi đau khổ nhận thấy trên người con tôi, cháu tôi, những vết thương mang từ nông thôn về khó lòng hàn gắn được... Tôi lại nhớ lời tôi nói trong mộng. Dù đã đến lúc kết thúc, cũng chưa phải là "một tấn bi kịch", dù tôi có quên bạn bè trong quá khứ, tôi nghĩ rằng tôi cũng được tha thứ, nếu tôi không để lãng phí chút tinh lực cuối cùng còn lại của tôi.

Phòng tôi nằm ngoảnh về hướng Nam, phía dưới ban công là vườn hoa, cạnh bãi cỏ là một bể nước. Lần này tôi nằm ở tầng thứ ba. Tháng 7 năm 1980, tôi nằm ở tầng hai thường ra đứng tựa lan can nhìn xung quanh, sáng nào cũng thấy một người rất quen đi đi lại lại cạnh bể nước. Đó là anh Triệu Đan. Bây giờ, anh chưa biết anh bị ung thư, tôi cũng biết ba tháng sau đó là phải vĩnh biệt ông bạn diễn viên tài hoa ấy, Ba năm đã trôi qua, lần này vào viện, tôi đi lại khó khăn, nhưng thỉnh thoảng cũng ra lan can đứng tựa một lúc. Cũng lại trông thấy có người đi quanh quần bên bể nước, có người thì ngồi nghỉ chân. Thấy bệnh nhân khoác áo trắng, tôi phảng phất như thấy anh Triệu Đan, nhưng còn tìm đâu ra giọng hát âm vang của anh nữa?

Đứng trước lan can, tôi thấy đồng chí Hoàng Tá Lâm đi tản bộ trên bãi cỏ. Anh được ra viện trước tôi. Anh là một diễn viên kịch nổi tiếng, nằm ở phòng cạnh phòng tôi. Sáng sớm ngày mùng Một Tết, anh sang chúc tết tôi. Cùng đến có cả đồng chí Trần Tây Hòa, biên đạo phim "*Gia đình*". Anh Tây Hòa ngồi trên ghế lắn, chờ người đẩy vào. Anh là bệnh nhân nằm lâu nhất ở tầng hai, người vắn yếu lắm, nói được rất ít nhưng gặp người quen, cũng cười, cũng nói. Vài tháng sau, trước khi ra viện, tôi có xuống tầng hai thăm Tây Hòa hai lần. Vợ anh ngồi cạnh săn sóc. Anh luôn miệng than thở: "Không ra cuộc sống của con người". Tôi không nói được câu nào an ủi anh. Tôi nhớ những năm 40, ngày chúng tôi tụ họp ở phường Hà Phi, nhớ

đến lần diễn xuất vở kịch "Trăm duyên" của anh. Tôi cũng không quên được phong cách sinh động của anh khi diễn vở kịch nổi tiếng "Đó chẳng qua là ngày xuân" của Lý Kiện Ngô, Tôi nuốt nước mắt lặng lẽ đi ra. Bao nhiêu lời định nói, tôi đành để bụng. Tôi hy vọng anh sống biết bao nhiêu! Không ngờ sau khi tôi ra viện không đầy 50 ngày, thì nhận được giấy cáo phó của anh. Nói gì cũng là thừa, anh không còn nghe nữa!

Mồng 5 tháng 7 năm 1984

Nằm trong phòng bệnh, tôi sợ nhất ban đêm: một là sợ ác mộng, hai là sợ mất ngủ. Thời gian đầu, tôi thường hay thấy những giấc mơ kỳ quặc, cho cái giá gỗ là ma quái hoá thân, gọi con cái, anh con rể hoặc người thân đến trực, tỉnh dậy, bảo chúng tháo ra huỷ đi hoặc đưa đi chỗ khác. Tôi không còn đủ sức "cầm trường mâu" mà đấu với nó, đành phải nhờ chúng nó giúp một tay. Giấc mơ kỳ quặc không có tác dụng gì, tôi để yên cho người ta cột chặt tôi vào giá gỗ suốt hai tháng tròn.

Sau đó, thì cái giá này được tháo ra, cũng ít mộng, nhưng lại nghĩ nhiều. Con người tôi cũng hơi kỳ, khi chân trái gãy bị cột vào giá gỗ, mặc dù nằm mộng chỉ muốn đánh nhau với cái "giá gỗ" ấy, nhưng tôi lại hy vọng và tin tưởng vào cái cách chữa trị hết sức "bảo thủ" và "cực kỳ bảo hiểm" kia. Tôi rất lạc quan, chờ cho đến lúc cái giá gỗ được tháo ra, bọn con mua bánh ga-tô về chúc mừng tôi, bấy giờ từ hy vọng, tôi đâm ra nghi hoặc. Tôi bắt đầu nghĩ lung tung, càng nghĩ càng thêm phức tạp, càng rối loạn, tự mình giải thích tính bảo hiểm của nó; khi nào đoạn xương gãy liền lại là có thể sống tiếp năm tháng cuối cùng của cuộc đời, dù phải nằm trên giường, hay phải ngồi trên xe lăn mà hoạt động, thế cũng là "tốt đẹp" lắm rồi, "hạnh phúc" lắm rồi. Cách giải thích ấy làm cho tôi đau khổ. Tôi âm thầm tự biện luận, lại âm thầm tự bác đi. Cuối cùng, tôi cảm thấy mệt mỏi, giường mắt nằm nhìn trần trần lên trần. Trong phòng có một ngọn đèn để sáng suốt đêm. Hai tháng sống với cái "giá gỗ", kết quả là đầu óc tôi cơ hồ không chuyển động được nữa, nằm nghỉ trên giường cứ theo thói quen nhìn vào một điểm nhất định.

Tôi nằm mong trời sáng. Sau sáu giờ, bệnh viện mới bắt đầu hoạt động trở lại. Bọn con trực đêm lo bữa ăn sáng cho tôi, cho tôi uống thuốc. Tự nhiên mắt tôi nhắm lại. Suốt đêm, tôi động cân não, bây giờ tinh lực cạn kiệt rồi, vả lại bóng đêm đã tiêu tan thì tôi cũng được yên tâm.

Ngủ khò khò một lúc, lại giương mắt ra, người trực đã đến. Tôi mới biết được một ít chuyện ở nhà, có thể hỏi chuyện, bảo đọc các bức thư gửi đến cho tôi nghe. Trục buổi chiều là con gái tôi và đứa cháu gái. Sau khi chị y tá rời khỏi phòng bệnh lúc hai giờ chiều, mẹ con chúng nó lau người cho tôi, đỡ tôi xuống giường, viết thư thay tôi, giúp tôi tiếp khách, khi nói năng khó khăn thì thay tôi trả lời, đưa bản thảo và tiền những người đến phỏng vấn hoặc xin đề chữ. Hai mẹ con lại chuẩn bị bữa tối cho tôi, đỡ tôi lên giường, chờ người trực đêm đến mới ra về. Không hiểu làm sao, thấy mẹ con chúng nó rời khỏi phòng, tôi cảm thấy quyến luyến, không muốn rời. Có lẽ vì tôi sợ đêm tối lại đến.

Sau khi giá gỗ ở chân tháo ra, một ngày sinh hoạt của tôi ở bệnh viện diễn ra như thế này. Đương nhiên hàng ngày cô y tá đến trải nệm, đưa thuốc, bác sĩ đến kiểm tra, khuyến khích tôi tập đi. Vì tôi đã gần 80 tuổi rồi, bác sĩ cũng không yêu cầu nghiêm khắc, còn tối lại lười, cứ muốn tự do theo ý mình, nên kết quả không được bao nhiêu. Bác sĩ lại bàn, thấy tôi không tập đi, cũng ít kiểm tra nên đứa con trai tôi cho là tôi đã ra viện được rồi.

Lúc này tôi không còn mất ngủ nhiều nữa. Tối nào tôi cũng uống hai viên "an thần", có thể ngủ được ba, bốn tiếng đồng hồ. Ý nghĩ của đứa con trai tôi càng làm tôi yên tâm: đã ra được tức là không có gì nghiêm trọng nữa. Tình hình lại khá dần, có điều thỉnh thoảng lại có nghi ngờ một chút: ra viện như thế này thì sinh hoạt làm sao, hoạt động làm sao đây? Nhưng bạn bè cứ an ủi tôi, bác sĩ cũng an ủi tôi: "Ông tiến bộ nhanh lắm rồi". Cách nghĩ ấy không khỏi có chút tự ti.

Được vài ngày, cô Duy Am, người con gái lớn của Kiến Ngô đến Thượng Hải công tác, vào bệnh viện thăm tôi. May năm trước, khi tôi còn là "phần tử phản cách mạng" chưa bị đội mũ, cô ấy cũng từng đến Thượng Hải công tác, đến nhà tôi đem thư và tiền, đã đưa cho tôi năm trăm đồng, đó là tiền của Nhữ Long.

Sau đó Nhữ Long gửi thư nói là làm theo ý kiến của Kiến Ngô. Không bao lâu, con gái thứ hai của Kiến Ngô cũng đến Thượng Hải công tác, đưa cho tôi ba trăm đồng tặng tôi. Lúc tôi khó khăn, khổ đốn, bạn bè tham gia

giúp đỡ. Gặp lại cô Duy Am trong bệnh viện, tôi nước mắt lưng tròng, nói lắp bắp. Tình bạn của bố cô quả như là "đưa than đến cho người nằm trong tuyết", cảm động lắm. Tào Ngu cũng có mặt ở đó, anh không hiểu tâm trạng của tôi, lại lo cho sức khỏe của tôi. Anh con rể của tôi cũng vậy. Cô Duy Am cho biết tình hình của bố cô gần đây nhất, tôi mới hay anh thường ngồi trên ghế xô-pha nghỉ ngơi, cứ nhắm nghiền mắt lại, tựa hồ không đau khổ chút nào. Kỳ thực, hai ba hôm trước lúc mất, anh cảm thấy trong người khó chịu. Cô Duy Am bằng con đường cửa sau đưa bố đến hai bệnh viện, nhờ bác sĩ chuyên khoa kiểm tra, đều nói qua loa rằng lực phủ ngũ tạng chẳng sao cả, bệnh nhân cũng chẳng biết nói gì thêm, về đến nhà được một ngày thì vĩnh biệt người thân. Cô Duy Am đau khổ kể lại, tôi ngồi nghe cũng đau khổ, nhưng tôi còn muốn biết nhiều hơn về anh. Tào Ngu sợ tôi xúc động quá, sẽ xảy ra chuyện gì chẳng. Anh con rể đến trực cũng lo tôi chịu đựng không nổi, anh ta nghe nói cô Duy Am còn phải đến thăm người bạn khác của bố là Trần Tây Hoà (nằm ở tầng hai, khoa nội) bèn lấy cớ là sắp hết giờ thăm bệnh nhân, giục cô đi xuống nhanh đi. Cô Duy Am không kịp kể hết thì vội vội vàng vàng đi ra. Tào Ngu cũng yên tâm mà ra về.

Cả đêm tôi cứ nghĩ đến tình cảnh của Kiến Ngô mãi. Lúc đầu tôi mừng gặp Duy Am, không để cô ấy hỏi hết những điều cô muốn hỏi. Tôi nhớ nhiều chuyện về Kiến Ngô, đối với tôi, anh không hề có chút tư tâm nào, quả thực anh đối đãi tôi như một người bạn trung thực, dù phải nằm ngửa trên giường bệnh, viết run tay, xem báo khó khăn. Tôi có thể viết gì về anh đây? Hơn năm mươi năm làm việc tích lũy được nhiều, thành tích văn học của anh mọi người đều nhìn thấy cả. Lần cuối cùng tôi gặp anh là tại nhà anh. Anh muốn tôi viết mấy chữ ngoài bìa "Tuyển tập kịch" của anh. Tôi nói chữ tôi xấu, từ chối, anh nhất định yêu cầu tôi, tôi kiên quyết không nhận. Anh nói: "Tại sao lúc đầu anh đưa ra giới thiệu với bạn đọc". Hai chúng tôi chẳng ai nói gì nữa. Cuối cùng tôi nhượng bộ, làm theo lời anh, anh mới vui vẻ lên. Bây giờ nhớ lại, tôi hối hận bao nhiêu. Tại sao chuyện nhỏ như thế mà phải tranh luận với anh?

Tôi nhớ đến bức thư của Nhữ Long. Đó là một bức thư trong ít bức thư tôi đọc đi đọc lại mấy lần khi nằm bệnh viện. Trong thư có đoạn người ta

không thể quên được: "Đại Cách mạng Văn hoá" vừa bắt đầu, những nhà ở cạnh chúng tôi, bên phải, bên trái, ngày nào cũng bị lục soát. Không khí thật căng thẳng quá chừng. Không ngờ một hôm anh ấy đến. Lúc đó, cả nhà đang bị dồn vào hai gian phòng bé tí, rất chật chội. Anh ấy rút trong cặp ra một phong bì nhỏ nói: Đây là hai trăm đồng, anh cầm lấy mà sống. Tôi cho rằng tôi có tội thì phải chịu khổ, không lấy. Anh lặng lẽ ra về. Hồi đó, bạn bè tôi đều chẳng ai lai vãng, mà cảnh ngộ của anh một sớm một chiều sẽ nguy đến nơi, nhưng anh không sợ bóng sợ gió, cứ đến tìm tôi giúp đỡ".

Tiếp theo, Nhữ Long than thở nói: "Thật là một tấm lòng vàng! Không phải dễ dàng mà làm được như thế". Nằm trong phòng bệnh, tôi nghĩ đến chuyện cũ của Kiến Ngô không thể quên được hai câu ấy của Nhữ Long. Đó là lời diễn từ thích đáng đối với Kiến Ngô. Tấm lòng vàng ấy không thể tiêu trầm trong cõi nhân gian này. Nằm không ngủ được, tôi cứ lẩm nhẩm tên anh "Kiến Ngô, Kiến Ngô". Thật đáng kính trọng biết bao nhiêu.

19 tháng 7 năm 1989

Người ta cho rằng nằm bệnh thì có thể được nghỉ ngơi. Kỳ thực không phải.

Tôi nằm bệnh mà phải suy nghĩ nhiều quá, nghĩ bất cứ chuyện gì, và thường xoay quanh một chuyện, không dứt ra được, tựa hồ như không nghĩ cho đến cùng cực, thì chưa thôi. Thật ra, nghĩ lung tung như thế thì chẳng đi đến đâu. Thí dụ, chuyện sống chết là chuyện tôi nghĩ nhiều nhất. Tôi rất muốn biết tôi còn lại bao nhiêu thời gian nữa, nên sắp xếp như thế nào đây? Mà tôi thì cứ nằm ngửa trên giường bệnh, không cử động được, nhìn thấy thời gian đi vùn vụt, chẳng níu lại được một phút một giây nào. Càng nghĩ càng sốt ruột. Tôi không quên được những ngày ghê sợ ấy. Cùng ở địa phương này, cũng vào cỡ tháng này, chuyện xảy ra hoàn toàn khác. Trong mấy năm ấy, tôi không dám đi bệnh viện khám, vì sợ hai việc, một là, trên sổ khám, họ sẽ phê thêm cụm từ: "phản động quyền uy" hoặc là "phản cộng lão thủ", hai là nếu đến ghi tên ở chỗ đăng ký của bệnh viện quần chúng chuyên chính, thì phải tỏ ra mình đã nhận tội. Chúng tôi đi khám bệnh, phải xin phép tổ giám đốc cơ quan mình, họ tùy ý phê vào sổ khám của mình. Không cần nói cũng rõ, cách làm ấy đã bị thủ tiêu cùng một lần với "lũ bốn tên" rồi. Lần này, tôi nằm ở bệnh viện nghe từ miệng người bạn đã quá cố Tây Hòa nói câu "cuộc sống không phải của con người". Câu ấy, anh nói về nỗi đau khổ bệnh tật của bản thân anh. Thật ra, nằm ngửa trên giường bệnh, nhớ lại cuộc sống thời "Văn cách", tôi cũng mấy lần thốt ra câu ấy "Cuộc sống không phải của con người". Thời kỳ ấy, chúng tôi đâu có được đối đãi như con người?! Bao nhiêu kẻ phải trải qua cuộc sống "không phải của con người". Bao nhiêu kẻ đã phát huy thú tính mà đối đãi với đồng bào ruột thịt!

Tôi xúc động, mồ hôi chảy ròng ròng, người run cầm cập. "Cuộc sống không phải của con người" ấy từ đâu mà ra? Nó có thể trở lại nữa không? Tôi không biết chắc chắn. Nghĩ đến cùng, nghĩ liên tiếp mấy đêm liền, kết quả là lần này lượt khác tôi nằm mộng thấy mình đấu tranh với thú. Tôi không sốt cao, nhưng cứ nói lung tung, thậm chí cảnh tượng thấy trong mộng kể lại với người trước mặt, (lúc bấy giờ cũng nghĩ là mình đang nằm

mộng, nhưng lại không cách nào làm cho cảnh tượng thấy trong mộng tan biến được). Bọn con cái, chúng nó cười tôi, khuyên tôi, muốn thuyết phục tôi đừng nói lung tung nữa. Chúng nó nói, xưa nay cảnh thấy trong mộng đều là hoang đường, không nên nhọc lòng nghĩ ngợi. Chúng nó không thuyết phục được tôi, tôi lại tự thuyết phục mình. Tôi nghĩ ra rồi: Mười năm "chuồng bò" đã trừng phạt tôi, làm tôi mê muội, tin rằng đó là sự thật.

Nhớ lại đầu những năm Bảy mươi, lúc ở Trường Cán bộ 7-5 Phụng Hiền, có tên cầm đầu tổ đánh "Ba Kim" (tổ chuyên án về tôi) có đăng một bài báo đề là "Ghi chép về chăn bò", hẳn đặc ý chế nhạo thái độ xấu xa của "đàn bò". Nghe người ta kể lại nội dung thiên văn chương ấy, tôi buồn vô cùng, coi con người như thú vật là bực lộ thú tính của mình, thật là bôi tro trát trấu vào mặt cái nước văn minh lâu đời chúng ta.

Nằm trên giường bệnh, tôi nghĩ đi nghĩ lại về "cuộc sống không phải của con người" trong mười năm ấy. Chỉ vì sùng bái mù quáng mới có thể biến người thành bò, trách nhiệm chủ yếu vẫn là tự mình tôi. Không cần nói, ngày nay vẫn có người muốn làm kẻ chăn bò, nhưng tôi thì tuyệt đối không làm bò nữa! Món nợ "chuồng bò" mười năm ấy, xin để các sử gia thế hệ sau tính giùm cho. Ngày thời kỳ đen tối Trung cổ ở Châu Âu, cũng có khá nhiều chuyện như thế, lịch sử đã ghi chép lại, huống hồ là "Văn cách" mười năm, khẩu hiệu hô rầm trời, biểu ngữ giăng đầy đất.

Tôi đã nói về chuyện con cái bịt tin tức khi tôi nằm trong bệnh viện. Chúng nó không cho tôi biết chút gì về ông bạn tốt của tôi. Những người ở trong bệnh viện thường có dịp tiếp xúc với cái chết. Tôi vào nằm khoảng bốn mươi ngày, đạo diễn trứ danh Ngô Vĩnh Cương cũng ngã bị thương, vào viện. Anh nằm phòng kế bên phòng tôi, khi vào viện đã hôn mê. Nghe nói anh đang thảo luận với người nào đấy về một kịch bản mới, rất hăng, khi ngoảnh lại khạc đờm vào ống nhổ thì ngã gục, nói là đứt mạch máu não, lại nói là não bị thương tổn. Nghe nói nhà không có ai, chỉ có người con dâu đến săn sóc. Điều là những chuyện nghe nói lại. Tôi nằm ngửa trên giường bệnh, ngay trần thiết trong phòng, cũng không nhìn được rõ, huống là chuyện ở ngoài, bên hàng xóm.

Tôi và đồng chí Ngô vĩnh Cường không quen nhau lắm. Hai ba năm trước, có một lần cùng bạn bè đi xem phim "Đêm mưa ở núi Ba Sơn", gặp anh. Xem xong, anh đưa tôi về một quãng đường, vừa đi vừa giải thích cấu tứ của anh khi đạo diễn phim ấy. Cuốn phim và những lời anh nói làm tôi cảm động, từ đáy lòng tôi rất cảm ơn anh. Tôi cũng cảm thông với anh về chuyện anh gặp phải hơn hai mươi năm ấy. Về sau, phim "Đêm mưa ở núi Ba Sơn" được giải thưởng. Tôi mừng cho người đạo diễn kỳ cựu ấy được gặp lại ánh sáng, mong mỗi anh làm được nhiều cuốn phim hay hơn nữa. Tựa hồ anh cũng rất tin tưởng. Thật không ngờ anh đang cấu tứ, sáng tạo thì bị bệnh. Lúc đầu, đưa đi một bệnh viện khác, hôm sau chuyển đến bệnh viện này. Từ chủ nhật đến sáng thứ năm, anh bất tỉnh, các y tá thay phiên nhau trông nom anh. Qua câu chuyện của các con tôi nói với nhau, tôi cũng biết được chút ít tình hình của anh. Đưa con gái tôi thay tôi sang thăm anh. Nghe nói trên chiếc bàn đặt ngoài phòng có để sẵn bút giấy để những người đến thăm ghi tên. Tôi bảo anh con rể tôi, thay tôi sang ghi tên tỏ lòng kính trọng cuối cùng của tôi đối với đồng chí Ngô Vĩnh Cường.

Ngày 18 tháng Mười hai, sáng sớm tôi bỗng nghe có tiếng khóc, liền nói với anh con rể trực hôm ấy rằng: "Nhất định là đồng chí Vĩnh Cường đi rồi". Buổi sáng, di thể của anh do mấy người phụ trách trong giới điện ảnh đưa xuống tầng dưới. Tôi bảo mở cửa phòng tôi, nằm ngửa trên giường, thấy một đám người đi qua. Sau đó thì hành lang lại vắng ngắt.

Đó là lần đầu tôi nằm bệnh, tiếp xúc với cái chết. Đồng chí Vĩnh Cường mất đi, nhưng mấy nhân vật trong cuốn phim "Đêm mưa ở núi Ba Sơn" vẫn sống trong lòng tôi, thậm chí họ thường xuất hiện trước mắt tôi khi tôi nằm trên giường bệnh. Vì những con người ấy, tôi cần phải sống.

Mồng 3 tháng 8 năm 1989

Trung tuần tháng năm, tôi về nhà sau khi nằm viện sáu tháng mấy ngày. Đi cà nhắc về, tôi mới phát hiện thấy chân bị gãy, ngắn mất 3 centimet.

Khi ở trong bệnh viện, hầu như tất cả mọi người (kể cả bạn bè đến thăm hỏi) đều nói với tôi: "Anh như thế là lành nhanh đấy, bây giờ cần phải tập đi lại". Về nhà, tôi cũng nói với những người đến thăm hỏi: "Tôi cần phải tập luyện nhiều". Nhưng tôi không đặt phương án, không có kế hoạch; người này nói nên làm như thế này thì tôi làm như thế này, người kia nói nên làm như thế kia thì tôi làm như thế kia. Không có sức, tôi đi đi, lại lại ba bốn lần trước thềm tầng một là đã mệt nhoài. Có khi nhờ người dìu xuống tam cấp, đi một vòng từ sân trước ra sân sau, cố gắng lắm mới được. Định đi vài vòng, nhưng đành chịu. Nói "đi" ở đây là nói chống gậy mà bước. Người nhà không cho tôi bước xuống tam cấp, mà tôi cũng không dám mạo hiểm.

Tôi ngủ trên tầng hai, ăn cơm, hoạt động, xem truyền hình đều ở tầng dưới cả. Đi lên đi xuống cũng là một cách luyện tập. Mỗi ngày lên xuống cầu thang hai lần, có thể dựa vào lan can không phải chống gậy... Lúc đầu rất mệt, lên xuống nhiều lại sợ ngã, mỗi ngày chỉ lên xuống hai lần. Buổi sáng dậy đi xuống, ăn cơm trưa xong, đi lên, sau giấc ngủ trưa, lại đi xuống, tám chín giờ tối, lại đi lên. Có thể nói hoạt động ở tầng dưới nhiều hơn.

Lúc vừa về nhà, tôi rất chịu tập luyện, sáng sớm, chiều tối, ở tầng trên, tôi tập trên tấm thảm, đủ thứ, rồi lăn qua lăn lại trên phản gỗ, người nhể nhại mồ hôi, thấy có tiến bộ ít nhiều, mình cũng bằng lòng với mình. Nhưng được mười ngày, lại nghe người ta nói: "nên tập vừa phải thôi, không nên quá mức. Mình cũng thấy vất vả quá, không chịu đựng được, bèn tập không căng thẳng như trước. Sau, bị cảm, tinh thần sút xuống, có một thời gian ngắn, thậm chí tôi bỏ không tập tành gì cả. Nhưng cũng không thể nói là bỏ hoàn toàn. Tôi thường đi bách bộ. Cứ ngồi một tiếng đồng hồ thì tôi lại thấy nhức nhối bên chân trái là chân bị gãy. Mà ngồi hai ba tiếng đồng hồ liền thì sốt ruột như ngồi trên một tấm thảm cằm kim. May

mà tôi không ngừng việc đi bách bộ, nếu không thì giờ đây có chống gậy cũng không đi nổi.

Ngoài việc tập luyện, tôi còn nhờ một ông thầy thuốc chuyên về chữa thương tật, mỗi ngày đến hai lần xoa bóp, trị liệu cho. Ông ta gợi ý cho tôi nên uống thuốc gì, tiêm thuốc gì. Chính là nghe theo lời ông mà tôi đi khám lần thứ hai ở khoa thần kinh. Cuối cùng, lại vào viện chữa bệnh "Pac-kin-son". Rất có hiệu quả. Tôi phải cảm ơn ông ta. Bài tùy tưởng trong tập "*Nằm bệnh*" là viết trong thời gian ấy.

Tôi lại cầm bút tiếp tục viết "*Tùy tưởng*", sau khi về nhà khoảng nửa tháng. Tôi ở tầng trệt suốt cả ngày, phần lớn ngồi ở phòng sưởi nắng. Chỗ này trước kia là hành lang, thời gian tôi gãy chân nằm viện thì lắp cửa sổ kính vào, thành phòng sưởi nắng. Chương trình hoạt động của tôi hàng ngày là đi đi lại lại, tiếp bạn bè đến thăm, xem báo. Tôi thường ngồi trên ghế mây, không chống tay thì không đứng dậy được. Phòng ấy, sát cửa sổ có đặt cái bàn máy may, không có bàn, tôi ngồi đó viết cũng xong, về sau, người khỏe hơn, tôi thấy tay cũng cử động được, viết cũng là một cách luyện tập, bèn lấy trên gác một xấp giấy, kê một chiếc bàn gỗ vuông nhỏ, cạnh bàn máy may gần cửa sổ, ngồi xuống, bắt đầu sáng tác. Lúc đầu dùng bút bi hay bút máy, thấy nặng nghìn cân, viết được một chữ cũng hết cả hơi, mỗi ngày gắng cũng chỉ viết được khoảng trăm chữ, về sau tiêm thuốc đặc trị, tiêm chưa hết liều, tinh thần đã khá hơn hẳn, mỗi lần ngồi viết có thể viết hai ba tiếng đồng hồ. Lúc đầu, tôi định viết một ngày một trăm chữ, tôi từng nét là để luyện tập cho tay đỡ run, tự cho là yên trí mình đã tìm ra cách luyện tập. Không ngờ một người bạn cũ xem chữ tôi viết xấu hơn chữ đứa cháu ngoại tôi, nhiều lần ông bạn khuyên tôi dùng máy ghi âm hoặc giả nhờ người nào viết giùm cho. Tôi không thể nói thế nào để ông bạn hiểu tâm tình của tôi, tôi đành cứ theo cách của tôi tôi làm. Bài đầu tiên, tôi viết sau khi về nhà được hình thành như vậy đấy. Đó là bài "*Xin trở lại làm đất bụi*". Vì sao mà viết bài này? Bởi vì trước khi gãy chân, tôi đã viết ba đoạn mở đầu rồi, tám tháng sau tôi mới viết tiếp đoạn bỏ dở, cũng không khó khăn gì, cứ theo mạch suy nghĩ ấy mà làm. Tình cảm tôi vẫn nhất trí, không hề thay đổi. Trong lúc nằm bệnh, tôi vẫn nghĩ nhiều nhất đến gia

đình, quê hương và nhân dân. Trong mấy mươi năm tình cảm của tôi thay đổi, tôi muốn làm cho rõ sự thay đổi ấy. Tuổi già, nằm bệnh lâu, hay nghĩ đến cái chết. Sau khi trở về nhà, rồi nhổ mất mấy cái răng hàm dưới, chỉ có thể ăn chút ít cháo, ăn uống không ngon miệng, sức lực yếu dần, tập luyện mãi cũng không đi đến đâu. Có lẽ đó cũng là một nguyên nhân chẳng? Nghĩ đến cái chết, tôi không sợ hãi, trong bụng chỉ thấy lưu luyến mà thôi. Đời con người, thì ai cũng phải đến ngày tận số. Tôi chỉ muốn biết là tôi còn sống được bao lâu nữa, làm việc được bao lâu nữa mà thôi. Tôi trình bày tình cảm của tôi ra đây để người đời sau nhận xét, lật đi lật lại xem lời tôi nói có thành thực hay không. Tổ điều mình ước mong trong lòng, chưa đủ, mà chỉ có nói thay lòng mình, thì xương cốt của tôi mới trở thành đất thành bụi, lưu lại dấu chân ấm nóng của người đi trước, ấm nóng là vì trong đó có lửa.

Trong những ngày ấy, nghĩ đến cái chết, tôi bị những cơn ác mộng giày vò, tôi muốn viết một bài nữa về những cơn ác mộng của tôi. Có lúc cùng con cái nhắc lại tình cảnh hồi bấy giờ, trời không lạnh mà người tôi cứ run lên, Tôi đã qua những đêm hãi hùng đó như thế nào, tôi diễn tả không hết. Dù sao đi nữa thì cũng qua khỏi rồi, sức khỏe của tôi đã dần hồi phục, tuy còn rất chậm, nhưng cuối cùng thân thể tôi đã khá hơn.

Ngày 20 tháng 12 năm 1983.

Lần thứ hai, tôi vào nằm viện chữa mất ba tháng. Lúc vào cứ tưởng không đến một tháng là có thể về nhà. Mấy hôm trước đó, con gái tôi đến gặp bác sĩ chữa cho tôi lần trước, ông ta nghe nói tôi lại vào viện chữa bệnh Parkinson, liền nói một câu: "Phải đưa cụ vào". Xem chừng tôi phải nằm lâu. Tôi cũng không bi quan, đã vào thì yên trí mà nằm. Tôi đã nằm bệnh viện quen rồi.

Hai tháng qua cũng không đến nỗi uống phí. Tôi không thể quên được rằng, hôm mới vào, leo lên giường nằm, không trở mình được, đi tản bộ ngoài hành lang còn phải chống gậy. Ngồi trên chiếc xô-pha nhỏ trong phòng, đứng dậy còn thấy khó khăn, ăn cơm gấp thức ăn, cầm đũa tay còn run. Không cần phải nói, mặc áo, cởi áo, cài nút, cởi nút. Tôi cảm thấy rõ bệnh tình tôi mỗi ngày một khá hơn, lúc nhanh, lúc chậm, nhưng có thay đổi. Gần đây, tôi phát hiện thấy tôi dùng kéo cắt móng tay, có thể mặc chiếc áo khoác vừa dầy vừa nặng v.v... mừng quá, bởi vì tôi đã có thể tự mình phục vụ được phần nào trong sinh hoạt. Tôi gửi thư cho một ông bạn ở Bắc Kinh, nói rằng tình hình chưa đến nỗi nào, có thể nói ngày một khá hơn. (Tất nhiên là chậm chậm). Thực sự là như thế. Hôm nay, nhìn lại hôm qua, hôm sau nhìn lại hôm trước thấy không thay đổi gì, nhưng so với ngày vào viện thì khác nhiều.

Lần này, tôi cũng nằm ở bệnh viện trước, nhưng ở nhà khác, phòng tôi nằm cao nhất toà nhà lớn. Nhà ấy chỉ có mấy phòng, ở đây bệnh nhân ít, bệnh nhân nằm lâu, không mấy ai. Tôi là người nằm lâu nhất. Điều làm tôi mừng nhất là buổi tối ngồi xem vô tuyến ở phòng họp, người cùng ngồi xem cạnh tôi thường thay đổi, người vừa mới quen đã được ra viện rồi. Ngồi xem ti vi, tôi cảm thấy buồn buồn.

Lúc đầu, tôi chỉ xem mục thời sự, vì ngồi lâu thấy đau bên chân trái, rồi thắt lưng, lưng thấy mỏi, phải đứng lên đi đi lại lại vài bước, về sau, đỡ hơn có thể ngồi lâu lâu một chút, có thể ngồi xem hai, ba tiếng đồng hồ, xem kịch ti vi. Tôi rất thích xem kịch ti vi, với người già đi lại khó khăn như tôi,

xem kịch ti vi là cơ hội tiếp xúc với cuộc sống ở các địa phương. Kịch ti vi cũng có cuộc sống, cũng có sáng tạo, có phim phản ánh cuộc sống nhiều, có phim ít hơn. Những phim về thời cũ, xã hội cũ, kém hơn, hình như người đạo diễn và diễn viên không biết người và việc thời quá khứ bao nhiêu. Bọn con, chúng nó cười tôi, phim kịch nào cũng xem, xem hết mới thôi. Thật ra, không phải như thế. Có vở người ta đã biết câu chuyện sẽ phát triển ra sao, kết cục như thế nào, tôi cũng chẳng buồn xem tiếp. Có vở có cuộc sống, có nhân vật, vận mệnh của nhân vật lôi cuốn người xem làm cho người xem xúc động. Nhưng kịch tivi có đặc điểm là tiết tấu rất chậm, chờ cho đến kết thúc, tôi không thể không chuyển người luôn trên ghế. Tôi thường nói thầm trong bụng: xin nhanh lên cho. Thời gian quý lắm. Tôi không thể nhẫn nại ngồi xem đến hết, mà thờ dài, đứng dậy, mỏi mệt, chống gậy đi lảo đảo về phòng. Có lúc, tiếc đã để mất hơn tiếng đồng hồ. Nhưng lần sau có tiết mục kịch, nếu trụ được, tôi vẫn ngồi xem hết. Có điều rút cục tôi là bệnh nhân, tiết mục ấy mà sắp xếp vào lúc chín mười giờ, sau đó lại kéo dài thì tôi không trụ nổi nữa. về phòng, tôi nghĩ: người già cả ít xem ti vi càng hay, để giữ gìn sức khỏe. Những bạn nằm bệnh viện nói chuyện với nhau, họ cũng đều nói tiết mục ấy không phong phú, nhưng nếu không có thì tôi làm thế nào chịu nổi những đêm nằm ở bệnh viện?

Thuốc hiệu nghiệm, bệnh lành dần, có lúc như ngưng lại, kéo dài miên man. Để tập luyện, cứ mỗi ngày sau ba bữa cơm, tôi thường đi đi lại lại trên hành lang, ba vòng cộng cả thấy sáu trăm bước. Hai tháng đầu chống gậy, tháng thứ ba thì không dùng gậy. Lúc đầu đến vòng thứ hai đã thấy mệt, về sau hết ba vòng mới muốn nghỉ, nhưng về sau nữa, chưa đi hết vòng thứ ba đã cảm thấy mệt rồi. Để tập luyện, mỗi ngày tôi vẫn viết một hai trăm chữ, rồi dùng loại giấy kẻ ô ba trăm hoặc hai trăm bốn mươi ô. Hai ba năm trước, lúc ngã gãy chân, tôi thường than vãn mình viết càng lâu càng nhỏ dần. Ra viện lần thứ nhất, sau một thời gian tập luyện, viết đầy trang giấy thì trong một trăm chữ có đến bảy, tám mươi chữ viết được đúng trong ô vuông, bây giờ thì hầu như chữ nào cũng ở trong ô vuông, và to nhỏ đều nhau. Nhưng phải viết từng nét một và rất chậm. Có lúc, viết một bức thư

ngăn ngăn cũng mất cả buổi sáng, mà lại rất mệt nữa. Tôi lại sốt ruột, lẽ nào bệnh chỉ lành được đến thế này thôi ư? Hình như đúng như vậy.

Trên kia, tôi có nói không bi quan, cứ yên trí. Kỳ thực, thỉnh thoảng cũng có bi quan không yên trí được. Những lúc đó, tôi không ngủ được, sốt ruột, nằm trằn trọc, trở đi trở lại trên giường, ngày hôm sau, tinh thần không sáng khoái. Nghe bạn bè đến hỏi thăm, nói: "Ông lành nhanh đấy", tôi cảm thấy khó chịu. Tất nhiên, đấu tranh tư tưởng mãi, tôi cũng đỡ bi quan, đỡ sốt ruột hơn. Nếu không như thế thì tôi khó lòng trụ đến ngày hôm nay.

Nằm bệnh, nghe tin bạn bè mất, tôi cũng thương cảm. Lần này tôi ở nhà phía bắc đi sang nhà phía nam hơi bất tiện, lại phải qua hành lang nối hai nhà. Tôi không thể đi một quãng dài được. Nhưng thỉnh thoảng có một vài người bạn ở nhà phía nam sang thăm tôi, như các ông Sư Đào và Lâm Phóng, chuyện trò, tôi mới biết mọi tin tức bên ấy. Nghe nói ông Kim Diêm cũng ở bên ấy. Hồi tôi nằm ở nhà phía bắc, ông Kim Diêm chưa vào. Nhiều năm nay, tôi không gặp mặt ông, sau "Văn cách" có một lần gặp ông trên tàu điện, trông ông gầy quá thế. Tôi biết, trước kia, vào khoảng những năm Sáu mươi, ông mổ dạ dày, cắt đi một phần, không phục hồi được sức khỏe. Gần đây, ông vào viện chữa trị, chắc là sợ tuổi già lại mang bệnh không chịu nổi khí hậu mùa đông. Không ngờ vào được mấy ngày, một ông bạn đến thăm cho tôi biết tin là ông Kim Diêm đã qua đời rồi. Cũng chẳng phải là chuyện bất ngờ, nhưng tôi vẫn giật mình, nghĩ đến khí hậu mùa đông, cũng tức là nghĩ đến bản thân tôi. Muộn rồi, ông chết ở nhà phía nam, nhưng tôi không biết gì cả, không cùng ông cáo biệt trước thi hài ông, tôi nhờ người mang vòng hoa đặt trước linh cữu.

Tôi là khán giả của ông những năm Ba mươi, Bốn mươi. Những năm Năm mươi chúng tôi cùng dự Hội nghị với nhau, nhìn mặt quen lắm, nhưng Hội nghị về cũng ít lui tới. Năm 1950, Ngô Sở Phàm mang cuốn phim "*Hàn dạ*"⁵⁶ nói tiếng Quảng Đông đến Thượng Hải cùng Kim Diêm đến nhà tôi. Và chúng tôi nói chuyện hợp ý nhau lắm, vui vẻ lắm rồi cùng nhau đi xem phim *Hàn dạ*. Ngô Sở Phàm, vừa đi lĩnh giải "Điện ảnh đại chúng" về, ông ta diễn được đông đảo khán giả tán thưởng. Trước kia, Kim Diêm là ông vua điện ảnh nói tiếng phổ thông, Ngô Sở Phàm là vua điện ảnh nói tiếng

Quảng Đông. Phim Ngô đóng vai chính ngày càng nhiều, còn phim Kim Diêm đóng vai chính ngày càng thưa thớt. Sau lần chúng tôi gặp mặt nhau ấy, ông lên Tây Bắc thâm nhập thực tế, nghe nói định biên đạo hoặc đóng vai chính trong một bộ phim phản ánh cuộc sống mới của "Tây Bắc". Kịch bản soạn chưa xong, ông đã ngã bệnh. Sau lại nghe nói ông mổ dạ dày, rồi sau một thời gian dài, không muốn ăn cái gì cả. Mùa thu 1961, tôi điều dưỡng ở Hoàng Sơn, ông cũng đến dự, người không được khỏe, không đóng được phim, ông thích làm đồ gỗ nghiệp dư. Trước "Văn cách", tôi có gặp ông khoảng hai ba lần, nếu không có ai nhắc đến ông, có lẽ tôi cũng như khán giả nói chung, đã không nhớ ông nữa. Vì sao tin ông chết làm tôi giật thót, làm tôi đau khổ?

Tôi nằm không ngủ suốt đêm, tôi đã nghĩ ra rồi: mọi người bỏ lâu ngày không sáng tác đều gặp một tình cảnh không gì buồn hơn thế. Chỉ sau hai năm bị bệnh tật giày vò, tôi mới thấu tâm tình ông bạn bất hạnh ấy. *Viết xong ngày 30 tháng 1 năm 1984*

CHUÔNG BÒ

Người ta nói tôi kiên cường, kỳ thực tôi yếu đuối, hoặc giả có thể đôi khi tôi cũng rất yếu đuối. Lấy một chuyện làm ví dụ: dạo mùa xuân, các tiết mục trên vô tuyến truyền hình ngày này sang ngày khác nghe bài hát "Dạng thức hí"⁵⁷. Nghe vài đoạn tôi vào giường nằm ngủ, mơ thấy hồi "Văn cách". Tôi và nhiều người quen đều bị nhốt vào "chuông bò" để trao đổi tội trạng của mình. Mở mắt dậy, tim đập thình thịch, tôi vội vàng đọc thuộc lòng "Chỉ thị tối cao", nhưng mới đọc câu đầu tiên, đã tỉnh hẳn, thở phào, biết là thời đại hát "dạng thức hí" đã qua rồi, "chuông bò" cũng đã tháo dỡ rồi, tôi mừng rỡ trở dậy thay quần áo.

Hôm sau, một ông bạn đến nhà chơi, tôi kể lại giấc mơ. Ông ta cười rồi nói: "Anh vẫn là một phần tử trí thức". Cảnh ngộ của ông ta cũng không hơn gì tôi bao nhiêu! Nhưng ông ta cười làm tôi buồn lắm hỏi lại: "Lẽ nào anh hết sợ rồi chăng?".

Ông ta xịu mặt lại, không cười nữa, một lúc sau mới nói: "Năm 1950, tôi không hề nghĩ rằng lại xảy ra vụ "Đại Cách mạng Văn hoá". Từ nay về sau, tôi có thể bảo đảm với anh cái gì nào. Chỉ có thể nói nhất định tôi không vào chuông bò nữa!".

"- Thế là anh định chống lại bằng cách tiêu cực hay sao?"

Ông bạn trả lời, lý lẽ vững vàng, giọng nói mạnh mẽ.

"- Giá thử không có "bò", thì cần gì phải có những ông thiên tướng để quét sạch "quỷ bò thần răn" nữa".

Chúng tôi lại nói chuyện mấy vị "nha nội"⁵⁸, lúc ấy, các vị còn chưa bị xử quyết, nhưng về các cách phán xử ngoài xã hội, người ta truyền đi nhiều tin. Ông bạn, một trong hai vị không quen, nói:

"- Anh này cũng là một nạn nhân chẳng?".

Tôi hỏi: "- Nạn nhân của cách sống hủ bại của giai cấp Tư sản chứ gì"?

"- Không! Cũng là một kẻ bị "Đại cách mạng văn hoá" làm hại, có thể nói được như thế không nhỉ?"

"- Vì sao?"

"- Là vì những năm ấy, họ bị cái gọi là "Đại Cách mạng" nắm tay, đẩy tới đẩy lui, đưa lên rồi hạ xuống, hạ xuống rồi lại đưa lên. Họ cho rằng họ bị đối xử không công bằng, không cam tâm. Nó định bụng trả thù, chuyên cán phá."

"- Không! Tôi không đồng ý. Chẳng phải anh với tôi cũng bị đối xử không công bằng đấy sao?".

"- Anh với tôi khác. Anh với tôi là phần tử trí thức có đuôi. Còn họ xuất thân trong một gia đình, cha mẹ có công với nhân dân".

"- Như thế thì phải chẳng anh với tôi, chúng ta lại phải vào chuồng bò mà cắt đuôi đi hay sao?"

Ông ta làm thinh. Tựa hồ ông ta không tìm ra câu trả lời.

Khách cáo từ ra về, tôi ngồi yên trên ghế nghĩ ngợi lung tung. "Lẽ nào tôi còn phải chuẩn bị vào chuồng bò lần nữa hay sao?". Càng nghĩ càng hồ đồ.

Ngày 25 tháng 2 năm 1985

ĐỒNG CHÍ TRIỆU ĐAN

Hôm qua, lúc gần tối, xem vô tuyến thấy báo tin "Ông Triệu Đan mất hời sáng".

Hơn tháng nay, bạn bè đến gặp tôi nói chuyện về Triệu Đan khá đông. Mọi người quan tâm đến bệnh tình của ông, mắt nhìn thấy một nghệ sĩ lớn chết dần mà không cách nào giữ lại được, cũng không cách nào giúp ông lưu lại cho nhân dân thêm chút gì nữa. Một ông bạn nói: "Ông ta hỏi bác sĩ, có thể để ông ta đóng một vài cuốn phim thật hay nữa rồi chết, có được không? Mấy năm gần đây, ông mong mỗi điều ấy biết bao nhiêu!. Nhưng bệnh ung thư không cho ông có thì giờ. Tôi nghĩ lúc sắp nhắm mắt, chắc ông đau khổ lắm?"

Nhưng cuối cùng Triệu Đan vẫn là Triệu Đan, ông chết một cách âm thầm. Hai hôm trước khi nhắm mắt, "Nhân dân nhật báo" đăng bài ông viết trên giường bệnh: "Quản lý quá cụ thể thì văn nghệ hết hy vọng". Cuối bài có câu: "Với tôi bây giờ không còn gì đáng sợ nữa!". Ông nói thật thà, đơn giản rõ ràng biết bao nhiêu. Đó chính là điều tôi nhận thức được ở Triệu Đan, chỉ có ông mới nói được như thế: "Tôi sắp rời cõi người, tôi không sợ bất cứ ai bức hại tôi nữa". Hai câu nói ấy ông đã thổ lộ điều bao nhiêu năm ông tự kiềm chế, cứ nén giữ trong lòng.

Tôi biết Triệu Đan khá lâu, có thể nói là biết rõ mà cũng có thể nói là chưa rõ. Nghĩ lại, tôi gặp ông lần đầu ở đâu, vào lúc nào, thì không nhớ nữa. Hồi "Văn cách"⁵⁹, không ai tìm tôi hỏi chuyện về ông cả. Khi chúng tôi đi với nhau, cũng chẳng có chuyện gì đáng nói. Nhưng ông để lại trong tôi một ấn tượng rất sâu và có một vài hình ảnh về ông thì tôi không thể nào quên.

Thập kỷ 30, tôi được xem các phim ông đóng vai chính: "Ngã tư", "Thiên Sứ trên đường quan", sau giải phóng thì các phim "Nhiếp Nhĩ"⁶⁰ "Lâm Tắc Từ"⁶¹ nhưng để lại ấn tượng sâu sắc trong tôi là phim "Vũ Huấn ăn xin để mở trường học". Ba mươi năm đã trôi qua mà khuôn mặt người ăn xin già đã trải qua nhiều nhọc nhằn, đầm đìa nước mắt còn hiện lên rõ mồn một

trước mắt tôi. Tôi thấy nghệ thuật diễn xuất của ông thật tuyệt vời. Điện ảnh có vấn đề. Diễn viên cũng bị liên lụy. Tôi không tham gia phong trào ấy, nhưng tâm sự của Triệu Đan lúc bấy giờ như thế nào thì tôi tưởng tượng được.

Khi thảo luận kịch bản điện ảnh "cuộc đời Lỗ Tấn", tôi tự đề xuất ý kiến để Triệu Đan đóng Vai Lỗ Tấn. Tôi biết ông rất muốn đóng vai này, và ông đã dành khá nhiều thì giờ cho việc ấy. Có lúc đã nghe nói phim sắp quay, do ông đóng vai chính. Tôi thấy ông để râu rồi lại cạo đi, cạo rồi lại để, cuối cùng không ai nói đến chuyện quay phim nữa.

Mười năm "hạo kiếp"⁶², kỳ thực không chỉ mười năm. Cuối năm 1964, Đại hội đại biểu các tỉnh, thị Toàn quốc lần thứ Ba, có một số người bị phê phán, nghe nói Triệu Đan là một. Cuốn phim truyện "Sống mãi trong ngọn lửa hồng" vừa quay xong, không được chiếu công khai. Cuộc phê đấu các cuốn phim "Bắc quốc giang nam", "Tháng hai, xuân sớm", "Chị em vũ trường" đã bắt đầu. Mọi người hoảng sợ, thấp hươg cầu thần khẩn phật, phù hộ cho mình. Nhưng trên trời mây đen kéo lên, bên tai tiếng gào thét ầm ầm, một tảng đá nặng chịch đè lên đầu, tôi dự cảm đại họa đến nơi rồi.

Thế là cái gọi là "Văn cách" xuất hiện. Thời gian ấy, Triệu Đan bị "ra rìa" trước tôi. Tháng Chín tôi mới bị khám nhà. Chúng tôi không cùng ngành, không bị nhốt cùng "chuồng bò". Tôi ít có dịp gặp ông. Bây giờ tôi chỉ nhớ có hai chuyện.

Chuyện thứ nhất, ngày 18 tháng 9 năm 1967, tôi bị sinh viên khoa Trung văn trường Đại học Phúc Đán lôi đến Giang Loan, ở gần một tháng trên tầng sáu ký túc xá sinh viên, chuẩn bị ngày 26 mở hội phê đấu. Trước đó hai hôm, sau bữa ăn tối, tôi đi dạo trước cổng trường. Một anh sinh viên đến tìm tôi chuyện gẫu. Anh ta nói anh ta cũng họ Lý, không ở trong tổ chuyên án. Thái độ anh ta hữu nghị. Gần đây, anh ta có dự một cuộc phê đấu, anh ta có nói chuyện với Triệu Đan, Triệu Đan không lưu tâm chút nào, dám phê phán luôn miệng, cứ hút thuốc lá, lại là thứ thuốc dở. Triệu Đan nói: không có tiền, chỉ có thể hút thuốc "Lao động". Anh sinh viên cười nói: "Ông ta vẫn là Triệu Đan".

Chuyện thứ hai. Khoảng hạ tuần tháng Giêng năm 1968, tôi và Ngô Cường bị lôi đến rạp xiếc Thượng Hải dự phê đấu. Chúng tôi chỉ là "bồi đấu"⁶³ đối tượng chính là Trần Phi Hiền và Thạch Tây Đán. Tóm lại người bị đấu không ít, ngồi chật ních một căn nhà nhỏ. Tôi nghe ông hỏi Bạch Dương ở chỗ nào. Tên giám thị "phái tạo phản", ngành điện ảnh, đứng cạnh mắng: "Mày không thật thà, về sẽ cho mày một trận!".

Câu đó hôm nay còn văng vẳng bên tai tôi, bây giờ không có gì đáng sợ nữa.

Đó là một lời tố cáo mạnh mẽ làm sao! Ông có thể nào quên những trận đấu đá kia được? Ông có thể nào quên những lần bị làm nhục đủ kiểu kia được?

Sau này, tháng 9 năm 1977, đoàn ông Trung Đảo Kiện Tàng đến Thượng Hải tham quan, tôi và Triệu Đan tiếp đón họ, Chúng tôi giới thiệu với các bạn bè người Nhật, lâu ngày cách biệt trải nghiệm mười năm của chúng tôi. Trong buổi toạ đàm, Triệu Đan kể về cuộc sống của ông trong nhà tù sau đó nói về tình hình ông rời Giang Tây sau khi "lũ bốn tên" bị lật nhào. Ông nói: "Vì tôi bị bức hại, nên mọi người càng thân thiết, nhiệt tình với tôi hơn".

Quả là như thế. Có lần tôi nghe ông tâm sự: "Để đáp lại, tôi phải đóng vài cuốn phim thật hay mới được". Tôi rất tán thành trạng thái tinh thần của ông. Ông lạc quan, lòng đầy tin tưởng. Nhìn ông, cảm thấy trong người ông có một ngọn lửa, một khí lực rất mạnh. Tôi nghe nói, ông sẽ đóng vai Chu Ân Lai trong phim "Đại hà bồn lưu", lại nghe nói ông sẽ đóng vai trong phim "Bão táp ngày mùng Một tháng Tám". Còn nghe nói ông muốn đóng vai Văn Nhất Đa.⁶⁴ Cuối cùng nghe nói ông sẽ đóng chung với diễn viên người Nhật trong một bộ phim. Tôi cũng tuyên truyền cho ông. Mặc dù những nguyện vọng ấy của ông không hề được thực hiện, nhưng trước sau tôi vẫn tin rằng ông có thể lập được những thành tích mới.

Thật không ngờ, tháng Bảy năm nay tôi lại gặp ông trong bệnh viện Hoa Đông ở Thượng Hải. Tôi đang đi tản bộ trên bãi cỏ thì thấy ông đứng xem hoa. Ông thay đổi hẳn, người tiêu tụy, ngọn lửa trong lòng ông tắt ngấm đâu mất rồi. Ông nói ông ăn không được, đã kiểm tra ở bệnh viện Bắc

Kinh. Nghe người y tá nói chuẩn đoán đã loại trừ bệnh ung thư rồi, nên trong lòng mong mỏi nhanh chóng phục hồi sức khỏe. Tôi nói: "Để cho ông đóng thêm cuốn phim thật hay". Tôi cũng không nhớ câu ấy tôi nói với người nào, chứ quan chức chủ quản ngành điện ảnh, quan chức lãnh đạo văn nghệ chắc không nghe. Cuộc gặp mặt ở trên bãi cỏ bệnh viện Hoa Đông là lần chúng tôi gặp nhau cuối cùng. Tôi đi Bắc Âu về thì nghe nói bệnh ông đã nguy kịch rồi.

Đồng chí Triệu Đan không trở về với chúng ta nữa. Tôi rất thương nhớ ông. Gần đây, khi nói về "nhân tài" Trung Quốc "xuất ngoại" thì có điều lấy làm tiếc. Những điều xảy ra với một diễn viên ưu tú ấy những năm qua, có thể làm cho đầu óc tôi sáng suốt mà suy nghĩ. "Để cho anh sống", cũng không giải quyết được vấn đề nhân tài. Tôi nhắc lại câu tôi nói tháng Chạp năm ngoái.

Xin "hãy quan tâm đến họ hơn nữa, hãy yêu mến họ hơn nữa! Đừng để đến lúc quá chậm.

Đối với đồng chí Triệu Đan thì đã chậm quá rồi. Ông chỉ để lại câu trăng trời này: "Không có gì đáng sợ nữa".

Ngày 11-13 tháng 10 năm 1979.

HOÀI NIỆM LỖ TẤN TIÊN SINH

Bốn mươi lăm năm rồi⁶⁵ mà tiếng nói ấy cứ văng vẳng bên tai tôi: "Quên tôi đi!". Tiếng nói ôn tồn, khẩn thiết, quen thuộc làm sao!.

Một đêm và một buổi sáng mùa thu bốn mươi lăm năm trước, trong linh đường Vạn quốc Tần nghi quán⁶⁶. Tôi lặng lẽ đứng trước linh cữu, nhìn khuôn mặt nhân từ, đôn hậu của tiên sinh qua tấm kính trên nắp quan tài. Mắt tiên sinh nhắm, râu mép còn rất đen: trông như tiên sinh đang an giấc. Xung quanh là những lẵng hoa, vòng hoa còn tươi. Tiên sinh đang ngủ giữa lùm hoa! Tôi chăm chú nhìn bốn năm phút như thế hai lần. Mắt tôi mờ đi. Tôi phảng phất thấy tiên sinh mỉm cười. Tôi nghĩ bụng, giả thử tiên sinh mở mắt ngồi dậy thì sẽ thế nào? Tôi muốn tiên sinh sống lại biết bao!

Sự tình bốn mươi lăm năm trước đã lại xảy ra hôm qua. Tôi có cảm tưởng hình như tiên sinh đã mở mắt ra nhìn tôi. Nhưng tôi nghĩ kỹ những ngày mây đen che kín bầu trời, người và thú sống lẫn lộn⁶⁷, có kẻ tôn vinh tiên sinh là thần linh, đem từng chữ, từng câu của tiên sinh ra làm phù chú. Tác phẩm của tiên sinh, chúng cắt xén, xuyên tạc rồi dùng để đánh người khác. Tên tuổi của tiên sinh bị những "tri kỉ" mới, "chiến hữu" mới⁶⁸ lấy làm đồ trang sức. Đèn nến sáng chường, khói hương nghi ngút, tiếng tụng niệm rì rầm. Tôi đã bị xếp vào hàng "quyền uy phản động", "tử thù" của tiên sinh, quyền kỷ niệm tiên cũng bị tước đoạt nốt. Trước trụ sở Phân hội liên hiệp các Nhà văn⁶⁹ có pho tượng tiên sinh dựng ở vườn hoa. Tôi thường lao động ở đó, nhổ cỏ dại, thông cống ngầm. "Chuồng bò" của chúng tôi là căn nhà nhỏ chứa than xỉ; sáu bảy nhà văn có tên tuổi chen chúc nhau ngồi viết bản "thú nhận". Có lúc tôi không viết được gì cả, bỏ bút xuống, nghĩ lan man. Tôi không được quyền vái lạy thần linh, nhưng tôi vẫn có thể tưởng nhớ tiên sinh mà tôi được tiếp xúc. Chiều thứ năm ấy, tôi cáo biệt tiên sinh. Tôi và bảy, tám nghìn người đưa tiên sinh ra nghĩa trang.

Nắng chiều đã nhạt, tôi đứng nhìn chiếc quan tài phủ lá cờ đề ba chữ "*Dân tộc hồn*" hạ dần xuống huyết.

Tôi lại nhớ những việc trước kia, những việc rất nhỏ thôi.

Hồi đó tôi còn là một nhà văn trẻ. Lần đầu tiên tôi biên tập tủ sách "*Văn học tùng san*", đến gặp tiên sinh đặt bản thảo. Tiên sinh đáp ứng liền. Hai hôm sau cho người mang thư đến bảo là đang biên soạn tập truyện ngắn "*Chuyện cũ viết lại*". Thế là "*Tùng san*" của chúng tôi đã có tập thứ nhất rồi! Nhà xuất bản đăng quảng cáo giới thiệu nội dung, cuối cùng thêm một câu: "*Đầu xuân sẽ có bán*". Tiên sinh vội vàng đưa bản thảo đến. Tiên sinh nói với người khác rằng họ cần tranh thủ thời gian, mình không thể để họ nhờ việc (đại ý). Thật ra, người phụ trách quảng cáo viết không như thế, chứ chính tôi cũng không hề chủ trương. Chuyện ấy chứng tỏ tinh thần trách nhiệm rất cao của tiên sinh, bất cứ làm việc gì, tôi không thể không nghĩ lại mình. Tôi quyết noi gương tiên sinh, và bây giờ mới phát hiện ra rằng, sửa bản in, hay gói sách, duyệt bản thảo, hay là biên soạn in ấn các sách đồ hoạ, việc to việc nhỏ, của mình hay của người khác, tiên sinh đều thận trọng như nhau, không chút cầu thả. In sách, thì tự thiết kế bìa, gửi sách tặng ai thì tự gói lấy, đưa ra bưu điện, việc nào tiên sinh cũng đem tâm huyết ra làm. Tôi lặng lẽ học tiên sinh, càng học càng thấy khó.

Hồi bắt đầu sáng tác, cầm bút viết tôi thấy nhẹ nhàng như không. Tôi viết chỉ là thổ lộ những điều tôi yêu, tôi ghét. Nhưng đảm đương công việc này, dần dần tôi mới biết: dùng bút mà chiến đấu, không phải chuyện đơn giản. Tiên sinh nêu gương cho tôi... Tiên sinh ngưỡng mộ dũng sĩ Đan-cô của Gorki.

Chàng dũng sĩ ấy moi quả tim nóng hổi, đưa đường dẫn lối cho mọi người. Tôi cho đó là lý tưởng cao cả nhất của công việc sáng tác. Đó cũng là điều tiên sinh gợi mở cho tôi. Tôi tự khuyến khích mình hãy nói những điều thật lòng. Rutxô⁷⁰ là ông thầy đầu tiên của tôi, nhưng mấy mươi năm nay, tiên sinh lại là người đem quả tim nóng hổi của tiên sinh soi sáng con đường tôi đi. Tôi thấy rất rõ: đối với tiên sinh, viết và sống là nhất trí, nhân

phẩm và giá trị tác phẩm không tách rời nhau. Tác phẩm của tiên sinh toàn là những lời nói thật lòng. Suốt đời tiên sinh tìm tòi chân lý, truy cầu tiến bộ. Tiên sinh dũng cảm mổ xẻ xã hội, dũng cảm tự mổ xẻ. Tiên sinh không sợ nhận ra sai lầm, càng không sợ sửa chữa sai lầm. Tác phẩm của tiên sinh qua khảo nghiệm của thời gian đều đứng vững. Quả thực tiên sinh đã đem tấm lòng của tiên sinh ra làm việc, tôi không cảm thấy gò bó. Ánh mắt, nụ cười của tiên sinh đều làm cho tôi yên tâm. Người ta nói: ngòi bút của tiên sinh sắc như dao, nhưng với thanh niên thì tiên sinh tốt bụng vô hạn. Tiên sinh giới thiệu các nhà văn trẻ với các nhà xuất bản, lấy tiền nhuận bút của mình in tác phẩm của họ.

"Quên tôi đi!". Tiếng nói quen thuộc ấy lại văng vẳng bên tai tôi, có lúc ôn tồn, có lúc nghiêm khắc. Tôi lại nhớ buổi đêm và sáng sớm hôm ấy năm mươi năm về trước. Bao nhiêu lời tôi nói để biểu thị quyết tâm của tôi: "Tôi không thể quên tiên sinh được!", thực tế thì tôi đã quên sạch từ lâu rồi. Nhưng quyết tâm của tôi trước di hài tiên sinh ở linh đường thì không hề phai nhạt. Có lúc tôi cảm thấy tiếng nói của tiên sinh ôn tồn, phảng phất, tôi như được cổ vũ. Có lúc tôi lại cảm thấy tiếng nói của tiên sinh nghiêm khắc, đó là lúc tôi mượn lưỡi dao của tiên sinh mà mổ xẻ hồn tôi.

"Mười năm hạo kiếp", "phái tạo phản" xem tôi là "bò", tôi cũng tự cho mình là "bò". Trong "chuồng bò", viết kiểm thảo, viết thú nhận đã thành thói quen, lòng yên, lý vững. Chỉ gần hai năm lại đây, nghiêng rằng mà tự mổ xẻ, tôi mới nhớ tiên sinh cũng từng tự ví mình với bò. Có điều tiên sinh "ăn cỏ mà vắt ra sữa". Tâm hồn tiên sinh đẹp để làm sao, lòng dạ tiên sinh rộng rãi làm sao! Còn tôi trong mười năm ấy,⁷¹ tôi chỉ là con "bò", nước mắt lưng tròng, chờ người ta mổ thịt. Thế nhưng con bò chờ người ta mổ thịt, nếu có giầy giụa cho đứt dây trói thì nó cũng có thể chạy thoát được.

Mấy năm nay nghe người ta bàn tán: giả thử Lỗ Tấn tiên sinh còn sống thì... Tất nhiên chúng ta ai cũng muốn tiên sinh sống lại. "Vì chân lý, dám

yêu, dám giận, dám nói, dám làm, dám tìm tòi...".

Nếu tiên sinh sống lại, nhất định tiên sinh sẽ không thể bỏ những điều "vàng không đổi được" ấy. Tiên sinh là một nhà văn, một nhà văn vĩ đại được toàn thể nhân dân ái mộ.

Cuối tháng 7 năm 1982.

KỶ NIỆM PHÙNG TUYẾT PHONG

Gần đây, báo chí Hương Cảng đăng lại tám bài thơ cũ của Tuyết Phong in trên tờ "Thi san", Bắc Kinh, qua đó, tôi thấy độc giả Hương Cảng tưởng nhớ Tuyết Phong, tôi lại nhớ vài chuyện về ông.

Mấy ngày trước khi tôi lên đường đi Pari, tôi ở khách sạn Hòa Bình ở Bắc Kinh. Một hôm gần tối, cô con gái ông đến tìm tôi, tin cho biết đầu tháng Năm, sẽ cử hành lễ truy điệu ông. Tôi nói: "Tôi không có cách nào về kịp để dự được". Tôi định viết một bài về người bạn đã khuất ấy. Cô con gái Tuyết Phong, trước kia hình như tôi chưa hề gặp mặt. Cô trầm tĩnh, ít nói, người chất phác. Ông qua đời không bao lâu thì vợ ông cũng mang bệnh rồi mất, còn lại ba chị em. Tôi cũng không biết rõ tình cảnh họ, nhưng tôi có ấn tượng họ sống kiên cường lắm.

Lễ truy điệu Tuyết Phong đã được cử hành một lần, năm 1976, ở Bát Bảo Sơn. Nghe nói Diêu Văn Nguyên ra chỉ thị không được đọc điệu văn, Diêu Văn Nguyên lúc đó là "trưởng quan", ông ta nói thì phải làm theo. Không còn gì là lễ truy điệu nữa. Nỗi oan chưa được chiêu tuyết, án sai chưa được cải chính, vấn đề tựa hồ đã giải quyết rồi, thế mà lại không được đưa ra thanh thiên bạch nhật. Chỉ có lễ truy điệu sẽ cử hành lần này là lễ truy điệu mà người chết mong đợi dưới cửu tuyền, tỏ bày chính nghĩa, bác bỏ những lời vu cáo, bịa đặt. Tôi nói "sẽ cử hành", vì tháng Năm, lễ truy điệu ấy chưa cử hành, nghe nói có lẽ phải hoãn lại đến ngày Đại hội đại biểu các Nhà văn Toàn quốc lần thứ Tư, bởi vì ngày ấy, bạn bè ông có thể đến dự. Nhiều người vẫn hơn là ít người.

Tôi biết Tuyết Phong tương đối muộn. Cuối năm 1936 tôi mới gặp ông lần đầu. Trước đó, năm 1922, tập thơ "Bên hồ" xuất bản, tôi đọc rất thích.

Cuối năm 1928, tôi ở Pháp về nước, đến Thượng Hải, lại biết ông là đảng viên Cộng sản, từng dịch sách lý luận văn nghệ, quen biết Lỗ Tấn tiên sinh. Năm 1936, tôi ở Thượng Hải, bỗng nghe Hà Thanh (Hoàng Nguyên) nói Tuyết Phong từ Thiểm Bắc đến Thượng Hải. Năm ấy Lỗ Tấn tiên sinh từ trần. Tôi tham gia công việc tang lễ. Tôi không tán thành cách làm của một số uỷ viên Ban tổ chức ấy, thỉnh thoảng nói thắc mắc của mình với Hà Thanh. Hà Thanh nói Tuyết Phong đồng ý làm như thế, ông là đại biểu của Đảng. Tôi chưa hề đọc sách Tuyết Phong dịch nhưng tôi biết Lỗ Tấn tiên sinh tôn trọng Đảng, cũng nghe nói tiên sinh có cảm tình với Tuyết Phong, do đó, tôi không thắc mắc nữa. Sau khi công việc tang lễ kết thúc, một hôm, Lỗ Ngạn bảo tôi đến nhà ông ăn cơm tối và nói có hẹn cả Tuyết Phong đến nhưng ông cho biết bức thư Lỗ Tấn tiên sinh trả lời Từ Mậu Dung⁷², lúc đầu là do Tuyết Phong khởi thảo. Tôi không nghi ngờ gì. Bài của tiên sinh sẽ đăng trên nguyệt san "Tác giả", do Mạnh Thập Hoàn chủ biên. Tôi nghe Mạnh Thập Hoàn nói, liền đến nhà in Khoa học đọc, khi đang sắp chữ. Bài ấy đồng chí Hứa Quảng Bình⁷³ sao chép, trên có bút tích Lỗ Tấn tiên sinh sửa chữa. Như vậy là tiên sinh có bổ sung thêm.

Tôi gặp Tuyết Phong lúc ăn cơm ở nhà Lỗ Ngạn. Chúng tôi chuyện trò rất hợp ý nhau. Điều lạ là ông không tỏ vẻ mình là nhà lý luận, tôi cũng chỉ xem ông như một người bạn bình thường, không tỏ vẻ kính trọng nghiêm trang. Ông có nhắc đến bức thư trả lời Từ Mậu Dung, nói là ông tự động khởi thảo, và lo cho sức khoẻ của tiên sinh, nhưng tiên sinh sửa chữa khá nhiều. Về bức thư đó, ông cũng chỉ nói qua mấy câu. Còn những chuyện khác tôi không nhớ nữa.

Chúng tôi nói chuyện trên trời dưới đất, không gì không nói đến, lần nào gặp cũng như thế, tóm lại không ngoài bốn chữ "Chúng tôi tin nhau". Tôi còn nhớ khoảng năm 1944-1945, tôi ở ngay Nhà xuất bản Văn hoá sinh hoạt, đường Dân Quốc ở Trùng Khánh, Tuyết Phong ở xế phía trước, mặt trong hiệu sách Tác giả. Ông thường sang tìm tôi. Một đêm, Chương Cận Dĩ và Mã Tôn Dung định đáp thuyền về Trường Phúc Đán, Bắc Bội (Tứ Xuyên), sáng hôm sau sẽ lên thuyền, họ ở lại trong phòng tôi, sưởi ấm, uống trà, bày trò đánh "long môn", nói chuyện suốt đêm. Chúng tôi thường

làm như thế. Tuyết Phong qua Nhà xuất bản, tìm tôi, nghe nói chúng tôi sẽ chuyện trò suốt đêm thì ông nán ở lại, cùng với chúng tôi cho đến lúc trời sáng bạch. Cận Dĩ và Tôn Dung lên thuyền. Bây giờ lệnh cho tôi phải "thú nhận" đêm ấy chúng tôi nói những gì thì tôi đành chịu, không nhớ câu nào, nhưng quả thật đêm ấy chúng tôi nói rất hăng.

Gặp lần đầu, tôi nhận ra Tuyết Phong là người ngay thẳng chân thành, hiền hậu, trước sau tôi vẫn kính trọng ông, nhưng có lúc tôi cũng cảm thấy tiếc vì ông thiếu bình tĩnh. Về đời sống, về quan niệm nghệ thuật, chúng tôi không phải có những kiến giải như nhau, nhưng ông cho rằng tôi đang theo đuổi sáng tác thực sự. Còn tôi, tôi cho rằng ông là một đảng viên tốt, bình dị, dễ gần. Năm 1937, tôi nghĩ như thế, năm 1944, tôi nghĩ như thế, năm 1949 tôi cũng nghĩ như thế; năm 1957 tôi cũng nghĩ như thế. Có lần, trong một cuộc họp nhóm, tôi thấy ông kích động quá, có người phản ánh nói thanh niên ngày nay ít đọc văn Lỗ Tấn tiên sinh, cho rằng tiên sinh đã lỗi thời. Vì thế mà ông tỏ vẻ kích động. Tôi hơi lo cho ông. Sau Giải phóng, có một lần ông từ Bắc Kinh xuống, nói đồng chí nọ nhờ cậy ông tìm tôi, giao cho tôi đứng ra làm chủ một Nhà xuất bản mới thành lập. Tôi nói là tôi không làm được, nhờ ông từ tạ thay tôi. Ông thấy tôi tỏ vẻ cương quyết, thì nói nếu tôi không chịu làm thì ông sẽ đứng ra làm, Tôi khuyên ông chớ nhận lời, công việc ấy, khó lắm. Tôi nghĩ ông còn giữ khí khái của một thư sinh cương trực quá, mà lại dễ kích động. Nhưng ông chỉ cười cười, trở lại Bắc Kinh, ông bắt tay vào việc. Ông là đảng viên. Ông không thể bỏ chức trách của mình được. Ông cần mẫn, vất vả mà làm, công việc tiến triển không ngừng, dù có lúc ông cũng bị phê bình, có lúc cũng rất bức bối, nhưng thuỷ chung ông vẫn phụ trách một cách chu đáo. Ông vẫn như thời hoà bình, không làm ra bộ mình là đảng viên, có điều tôi chú ý thấy ông rất quý trọng danh hiệu "đảng viên Cộng sản". Không ai có thể ngờ được rằng, năm 1957, ông bị tước danh hiệu ấy, và cho đến lúc chết, ông không được thấy tâm nguyện của ông trở về với Đảng thành hiện thực.

Sai lầm đã được sửa chữa, oan khuất đã chiêu tuyết, nhưng hai mươi hai năm đã trôi qua, Tuyết Phong không còn biết gì nữa. Nhưng chúng ta còn sống. Tôi rất muốn quên quá khứ nhưng tôi không thể quên được chuyện năm 1957, phong trào chống hữu đã bắt đầu. Hội nghị Đại biểu Nhân dân Toàn quốc vừa kết thúc, trước khi trở về Thượng Hải, một buổi chiều, tôi gọi điện thoại cho Tuyết Phong, nói sẽ đến nhà thăm ông. Bấy giờ, bầu không khí đã bất lợi cho ông rồi, nhưng tôi không biết chút gì hết, vẫn chuyện trò cởi mở với ông, lại còn tỏ ý nghi ngờ phong trào chống hữu. Ông ôn hoà giải thích cho tôi nghe. Ông ân cần giữ tôi lại rồi kéo tôi đi ăn cơm. Chúng tôi ăn ở Đại Đông tửu quán, ở tầng dưới Tân Kiều phạn điểm. Tuyết Phong đứng ra làm chủ mời khách, nhưng tỏ ra lúng túng khi cầm tờ thực đơn trong tay, chứng tỏ ngày thường ông ít đến tiệm. Cách sống khắc khổ, chất phác ấy của ông có từ hồi ông ở Trùng Khánh. Ăn xong, ông còn nhất định kéo tôi cùng vợ chồng ông đi dạo một lúc ở vùng lân cận. Bây giờ, ngồi nhớ lại, có khả năng ông đã thành đối tượng phê phán rồi. Tự ông, ông cảm thấy đại họa sắp giáng xuống đầu rồi chẳng.

Tôi về đến Thượng Hải, hai tháng sau lại lên Bắc Kinh dự Đại hội đảng bộ mở rộng của Liên hiệp Nhà văn Trung Quốc, cũng là lần Đại hội cuối cùng. Tôi còn nhớ đại hội cử hành ở Nhà hát kịch Thủ đô. Hôm ấy, tôi bước chân vào Hội trường thấy bên dưới người ngồi đã chật ních. Tuyết Phong ngồi ở bên cạnh dãy ghế đầu, mặt cúi xuống. Tôi nghĩ không ra làm sao ông lại là phái hữu. Nhưng tôi cũng lên bục phát biểu cùng Cận Dĩ. Hôm ấy, Đại hội phê phán Đinh Linh, Phùng Tuyết Phong và Ngải Thanh... chụp cho họ cái mũ phái hữu. Chúng tôi cũng lặp lại lời của người khác, phê phán "chủ nghĩa một quyển sách" của Đinh Linh, luận điệu "ngồi trên Đảng" của Tuyết Phong, "trên dưới xâu chuỗi nhau" của Ngải Thanh, vân vân và vân vân. Tôi không như một số người khác nói là "nhất quán, chính xác". Tôi chỉ đứng sau lưng người khác mà ném một hòn đá. Tôi tin người khác, đồng thời cũng muốn bảo vệ mình nữa. Năm 1957, trước khi có phong trào chống hữu, tôi có nói rằng: "Ngày nay, kẻ nào bị vạch mặt, kẻ nào bị phê phán thì không ai dám đứng ra, lấy chính nghĩa mà biện hộ thay cho mình được". Giá sử có ai đó phát hiện ra, thì chỉ một câu nói ấy của tôi cũng đủ khép tôi

vào "phái hữu rồi". Hai mươi năm nay, mỗi lần nghĩ đến chuyện của Tuyết Phong, tôi lại nhớ đến câu nói của tôi. Nó như một mũi kim đâm vào lòng tôi, tôi lại trách mình. Tôi đã quen theo con đường "ai nói thế nào mình cứ nói thế ấy". Bỗng nghe một tiếng thét to, ngoảnh đầu lại, thấy bao nhiêu điều oan khuất luẩn quẩn ở phía sau, tôi "thú nhận" với mình như thế nào đây?

Sau đó, tôi còn gặp Tuyết Phong nhiều lần nữa, có điều không có dịp nói chuyện lâu.

Về ngoài, ông không thay đổi gì lắm nhưng ông đã chuyển sang làm việc ở đơn vị khác. Mà cũng dời đi ở chỗ khác rồi. Ông bị chụp mũ, lại được cất mũ. Ông từng đi lao động, lại đang sáng tác. Về sau họa kiếp đến, mọi người biến thành bò. Trong cuộc đấu nào, trên tờ báo nào, ông cũng lại bị chụp mũ "tên phản bội". Còn tôi thì phải tạo phản ở Phân hội liên hiệp Nhà văn Trung Quốc ở Thượng Hải đã in và phát một tờ truyền đơn phong tôi là "kẻ tử thù của chuyên chính vô sản". Và lại, tôi đang nằm trong tay "lũ bốn tên" cách tuyệt với đời. Năm 1973, vợ tôi bị bệnh, lâm nguy, mới được rời Trường cán bộ 5-7⁷⁴ về Thượng Hải. Tháng bảy năm sau, có quyết định của Ban thư ký Thị uỷ Thượng Hải, Vương Hồng Văn, Mã Thiên Thuỷ, Từ Cảnh Hiền, Vương Tú Trân và Thường vụ Phùng Quốc Tâu, Kim Tổ Mẫn, sáu người đưa xuống nói vấn đề của tôi sẽ "xử lý trong nội bộ nhân dân, không chụp mũ phản cách mạng", phát sinh hoạt phí cho. Đó là do "thư ký chi bộ" của tổ chức kia tuyên bố trước quần chúng, không căn cứ vào đâu cả, cũng không nắm được văn kiện nào. Quyết định của sáu người ấy được xem như "sắc lệnh" của Hoàng đế. Bọn chúng nó tưởng nhầm có thể dùng cái quyết định ấy khiến tôi suốt đời không được thấy ánh mặt trời nữa. Bọn bè không dám đến thăm viếng cái thằng tôi là tên "phản cách mạng không đội mũ"? Tôi cũng không muốn gây phiền hà cho ai mà cũng là gây phiền hà cho chính mình. Tôi sợ chúng nó lại có âm mưu gì, định giáng đòn gì nữa đây. Tôi quyết dùng biện pháp tự mình quên mình đi và làm cho kẻ khác quên mình đi. Tôi nghe nói Tuyết Phong trồng rau ở trường cán bộ, lại nghe nói ông đến làm ở phòng biên tập trước tác Lỗ Tấn

của Nhà xuất bản Văn học Nhân dân. Tôi làm thính. Lại nghe nói ông mắc bệnh lao phổi vào bệnh viện phẫu thuật. Tình hình khá lắm, tôi nhờ người khác chuyển lời mừng cho ông. Tôi lại nghe nói đêm trừ tịch ông lại vào viện. Tôi lo cho ông, cuối cùng nghe nói ông mất ở bệnh viện. Một người bạn gửi thư tin cho biết tình cảnh lúc bấy giờ thê lương lắm. Tôi không gửi điện chia buồn.

Về sau lại nghe nói ở Bắc Kinh, lễ truy điệu ông cử hành không có điệu văn. Tôi cũng không gửi vòng hoa đến. Tôi nghĩ rằng tôi đã đi vào "con đường tự tiêu vong rồi", nhưng không hề nghĩ rằng hôm nay còn ở đây khua môi múa mép.

Tôi còn muốn kể lại đây một câu chuyện. Ấy là chuyện tập "Kỷ niệm Lỗ Tấn tiên sinh". Tập sách ấy có lẽ bắt đầu biên soạn và in vào khoảng đầu năm 1933, tình hình như thế nào, tôi không biết rõ lắm. Ngày 13 tháng tám, kháng chiến toàn diện bùng nổ. Thượng Hải thành chiến trường. Công việc của Nhà xuất bản Văn hoá sinh hoạt hoàn toàn đình đốn. Mấy nhân viên công tác dần dần bỏ đi. Có người tìm được bản in thử "Kỷ niệm" ấy, dày hơn 800 trang. Toàn bộ đã chỉnh lý hoàn hảo. Có lẽ đã qua tay Ngô Lãng Tây, nhưng ông ta lưu lạc ở Tứ Xuyên, không về ngay được. Hà Thanh (Hoàng Nguyên) cũng là người biên tập tập "Kỷ niệm" nhưng ông này cũng không biết lúc đầu người ta tính toán như thế nào và làm cách nào để sách ra được. Không thấy ai lo việc này, tôi định cáng đáng lấy, nhưng trong tay tôi không có đồng tiền nào, Nhà xuất bản Văn hoá cũng không có. Làm thế nào đây? Giữa lúc đó, tôi gặp Tuyết Phong. Tôi và ông bàn với nhau. Tôi nói bây giờ đã gần ngày kỷ niệm Lỗ Tấn tiên sinh mất một năm rồi, cho ra trước ngày đó là hay nhất. Ông cổ vũ tôi như thế, lại nói ông có thể giúp một tay, hỏi tôi cần bao nhiêu tiền. Tôi đến Nhà in Khoa học nhận in tập ấy, giao thiệp, nói thật rằng chúng tôi gặp khó khăn. Cuối cùng nhà in đồng ý lấy hai trăm đồng trước, tiền công in, còn bao nhiêu sau sẽ thanh toán. Tôi nói lại với Tuyết Phong, sáng sớm hôm sau, ông đến nhà tôi, đưa hai trăm đồng, nói đó là tiền mượn bà Cảnh Tống.⁷⁵ Thế là tôi kéo Hoàng Nguyên

(Hà Thanh) cùng làm. Hà Thanh viết thêm bài “Hậu ký”, nhưng không kịp chờ sách in xong, thì phụ thân ốm nặng, gọi ông về quê ở Hải Diêm ngay. Buổi chiều ngày 9 tháng Mười, các giới ở Thượng Hải cử hành lễ kỷ niệm một năm Lỗ Tấn tiên sinh từ trần, tại toà nhà Hội đồng hương phố Đông. Tôi từ nhà in mang đến mười bản "Kỷ niệm Lỗ Tấn tiên sinh" vừa in xong, đặt trước chỗ bà Hứa Quảng Bình ngồi. Tuyết Phong cũng cầm một cuốn.

Về Tuyết Phong, còn có nhiều chuyện nói, nhưng tựa hồ ông không thích người khác nói nhiều về mình, cũng không muốn tự tăng bốc. Ông có để lại một kịch bản điện ảnh ở trại tập trung Thượng Nhiêu, về Lỗ Tấn tiên sinh, ông có viết tập "Hồi ức Lỗ Tấn". Trước đây ít lâu báo chí có đăng di tác của Tuyết Phong, tôi tìm xem, té ra là những cái ông viết ra để ” thú nhận". Tôi đọc mà lấy làm buồn, không có chút gì là tôn trọng tác giả. Nhà văn Trần Đăng Khoa đăng bài trên "Quang Minh nhật báo", chủ trương tác giả phải được hưởng bản quyền, tôi tán thành ý kiến của ông, nhưng bài đăng phải được tác giả đồng ý. Không thể nói văn chương khi đã viết ra rồi thì tác giả không có quyền hỏi đến nữa. Trong một thời gian dài, Tuyết Phong bị bức hại, khó viết những cái gì đáng lưu lại. Người ta đã đăng cả những lời ông nói năm 1972 do người khác ghi. Tóm lại, cho đến ngày hôm nay, Tuyết Phong chưa được người ta tôn trọng như ông đáng được tôn trọng.

8 tháng 8 năm 1979

LỜI NÓI SAU

Theo kế hoạch đã định trước, tôi sẽ dồn 30 bài "*Tuỳ tưởng*" đăng nhiều kỳ ở "Đại công báo" Hồng Kông (Từ. bài 31 đến 60) với một bài kèm theo thêm "*Tôi và văn học*" biên tập thành một tập, coi như tập 2 của "*Tuỳ tưởng lục*". Tập mới này tên là: "*Tìm tòi*".

Tôi đặt tên "*Tìm tòi*" cho tập thứ hai, chẳng có thâm ý gì, chẳng qua là trong tập này có tới năm bài "*Tuỳ tưởng*" lấy tên là "*Tìm tòi*". Thực ra thì tất cả những bài "*Tuỳ tưởng*" khác đều là sự "*Tìm tòi*" của tôi.

Mỗi bạn đọc của "*Tuỳ tưởng lục*" đều có quyền nói lên ý kiến của mình. Đương nhiên là tôi cũng có thể giữ vững cách nhìn của tôi. Giá như văn chương của tôi có làm đau ai đó, người ấy cũng có quyền đánh trả. Nếu như vì những roi vọt tới tấp đó, mà tôi có phải "*tự tiêu ma*" cùng với những văn chương lời lẽ đó, thì chỉ có thể trách bản thân tôi thôi. Nhưng nếu như cây gậy không đánh trúng vào chỗ hiểm, tôi vẫn tiếp tục sống ngoan cường, thì "*Tuỳ tưởng*" của tôi cũng quyết không bị "*tiêu ma*", về điểm này, có thể nói dứt khoát được.

Gần đây, có mấy sinh viên ở Hương Cảng đã viết bài trên Tạp chí "Khai quyển", nói lên những ý kiến bất đồng với mấy bài "*Tuỳ tưởng lục*" của tôi, hoặc có thể nói là phê bình nghiêm khắc cũng được. Phủ đầu bằng một gáo nước lạnh "coi nhẹ kỹ xảo văn học", "không lưu loát trong văn pháp" vân vân và vân vân... đối với tôi lại là một việc tốt, nó làm cho đầu óc tôi tỉnh ra. Tôi bình tâm suy nghĩ rất lâu, tôi không hề đỏ mặt trước ba mươi bài "*tuỳ tưởng*" không lưu loát của mình, mà ngược lại, tôi lại vui mừng vì đã viết ra chúng. Từ lúc tôi "*nhảy vào*" văn đàn đến giờ, tôi đã nói đi nói lại nhiều lần rằng mình không phải là nhà văn học, cho mãi đến tháng Tư năm

nay, nói chuyện với các bạn Nhật Bản ở Tôkiô, tôi vẫn nhắc lại giọng điệu cũ đó. Như thế không có nghĩa là tôi thích rang cơm nguội, mà chỉ là để mọi người biết rằng tôi đi bằng một con đường khác. Tôi xưa nay chưa bao giờ nghĩ đến cách trang điểm cho thật khéo để làm vui mắt người khác, cũng không nghĩ đến chuyện dùng lời lẽ bay bướm tạo nên câu chuyện về nỗi đau khổ của người khác và của chính tôi, khiến tôi cầm bút viết liên tục. Tôi yêu Tổ quốc mình, yêu nhân dân mình, nếu rời Tổ quốc và nhân dân, thì tôi không thể sống nổi, càng không thể sáng tác được. Tôi sáng tác là để chiến đấu, là để vạch trần, để tố cáo, để có phần đóng góp với Nhà nước, với nhân dân, nhưng quyết không phải là làm đẹp bản thân mình. Tôi viết truyện, thì người thầy đầu tiên là Rút-xô. Từ tác giả của "Sám hối" tôi học được sự thành thực, không nói dối. Tôi viết "*Gia đình*", cũng chỉ là tố cáo chế độ phong kiến thối nát, kêu oan cho những sinh mệnh trẻ trung bị vùi dập. Tôi không phải là dùng kỹ xảo văn học, mà chỉ là dùng thế giới tinh thần và cảm tình chân thực của tác giả để làm rung động người đọc, khích lệ họ tiến lên. Đỉnh cao sáng tác của tôi, lý tưởng của tôi tuyệt nhiên không phải là kỹ xảo hoàn mỹ, mà là "dũng sĩ Đan Cô" trong câu chuyện huyền thoại của Goóc-ki. "Chàng lấy tay móc vào ngực mình, lấy ra trái tim của mình đưa cao lên đầu". Hơn năm chục năm nay, tôi bị vây hãm nhiều lần, "lũ bốn tên" đốt tác phẩm của tôi, đuổi tôi ra khỏi giới văn nghệ. Nhưng khi họ vừa sụp đổ, bạn đọc lại tìm tôi trở lại. Vậy thì viết cái gì? Lẽ nào ngẫm nghĩ miệt mài, gọt dũa tinh vi để hát đưa ma cho một thời đã chết? Không! Không thể thế được! Tôi không rời con đường cũ, tôi phải moi trái tim nóng bỏng của tôi ra, nói những lời từ trái tim mình.

Tôi phải thực hiện lời hứa của mình, tiếp tục viết "*Tuỳ tưởng lục*", làm một lời "di chúc" của lớp nhà văn chúng tôi, để lại cho người sau. Tôi phải viết ra những gì thu lượm được và những cam go cực khổ trên đường sáng tác mấy chục năm của tôi. Thế nhưng điều quan trọng hơn là làm một bản tổng kết cho 10 năm "đại hoạ". Cả một quá trình 10 năm đại hoạ mà tôi đã trải qua, tôi có trách nhiệm phải nói lại với lớp người sau những cảm thụ của mình. Mấy vị sinh viên ấy trách tôi trong ba mươi bài viết có tới bốn

mười bảy chỗ "Lũ bốn tên", sự ngây thơ của họ đáng để người ta hâm mộ! Khi tôi còn ở trong "chuồng bò", phái tạo phản đã chụp cho tôi cái mũ "quí tộc tinh thần, tôi cũng yên phận với "quý tộc tinh thần". Kỳ thực thì mấy vị sinh viên Hồng Kông này mới thực sự là "quý tộc tinh thần" sung sướng ở tít trên cao.

Đại lục của Trung Quốc bị "Lũ bốn tên" giày xéo 10 năm, hàng ngàn hàng vạn người bị bức hại, kinh tế quốc dân đến chỗ sụp đổ, trên mình của bao lớp người đều mang dấu ấn bạo ngược của "Lũ bốn tên"... Lẽ nào ở Hồng Kông lại không có quan hệ máu thịt với nhân dân Tổ quốc? Thử hỏi rằng nói nhiều đến "Lũ bốn tên" thì có xúc phạm gì đến "kỹ xảo"? Trong những bài "Tuỳ tưởng" từ nay về sau, tôi còn nhắc đến "Lũ bốn tên" nhiều hơn nữa. "Lũ bốn tên" quyết không chỉ là nói "bốn con người", nó phức tạp hơn nhiều, nó cũng không phải đã rõ ngay từ đầu, thậm chí cho đến giờ, tôi vẫn còn đang phải khám phá. Thế nhưng, mắt tôi đã sáng hơn nhiều so với hơn mười năm trước. Mười năm đại hoạ, rốt cuộc mở đầu bằng cái gì? Người biến thành "thú" như thế nào? Thế nào tôi cũng làm rõ ra đôi chút. Mặc dù tôi đi chậm, nhưng tôi luôn luôn bước. Tôi moi vào chỗ đau của người khác, cũng moi cả vào chỗ đau của mình. Một công việc khó khăn biết bao! Có thể moi sâu được không? Có dám moi sâu không? Có kết quả không? Đối với tôi đó cũng là thử thách. Mười năm đã qua thật đáng sợ! Mỗi người chúng ta đều có trách nhiệm không để xảy ra đại hoạ như vậy. Tôi nhắm mắt lại, những con người tàn khốc và sự việc hoang đường lại hiện ra trước mắt. Tôi có một cảm giác thế này: Nếu như chúng ta không quyết tâm, bị kịch 10 năm ấy có thể lại tái diễn. Nếu như mọi người đều ưa thích, không muốn nhìn thấy chữ "Lũ bốn tên", cho rằng cứ ôm lấy cái gọi là "kỹ xảo văn chương" là có thể hoá thành cô gái đẹp, để lên thiên đàng, thế thì bất kể chỗ nào cũng sẽ xuất hiện "chuồng bò", một tờ "lệnh" là có thể cướp đi mọi quyền lợi của con người. Trào lưu tư tưởng cực tả, đến nay người ta vẫn còn chưa biết chúng ta sống qua 10 năm đó như thế nào. Tôi nói với một nhà văn Nhật Bản: "Chúng tôi gặp vận hạn, mới có thể để các bạn nhìn rõ

rốt cuộc là cái gì". Theo tôi biết, chưa hẳn là đã nhìn rõ hẳn, mà chúng ta lại chưa từng giải thích cho họ.

Hai năm trước, các bạn nước ngoài thường hỏi tôi: "Lũ bốn tên" chẳng qua chỉ là bốn con người, tại sao mà nó có sức mạnh đến thế? Tôi ấp a ấp úng, không trả lời thẳng vào vấn đề của họ. Nhưng khi tổng kết kinh nghiệm 10 năm, tôi bình tâm nghĩ lại: Không thể cái gì cũng đổ hết cho "Lũ bốn tên". Tự tôi cũng từng thừa nhận uy quyền của "Lũ bốn tên", cúi đầu quỳ gối, cam chịu để họ hạch sách, chẳng lẽ tôi lại không có trách nhiệm? Lẽ nào còn bao nhiêu người khác cũng không có trách nhiệm. Bất kể thế nào, tôi phải viết ra sự tổng kết của tôi. Tôi chuẩn bị bỏ ra 5 năm, viết xong 5 tập "Tuỳ tưởng lục". Đó là trách nhiệm của tôi, cũng là quyền lợi của tôi.

Ngày 26 tháng 10

H Ế T

* * *

Truyện dài
TUỶ TƯỚNG LỤC
BA KIM

* * *

Biên tập
Lê Thanh Minh
Trình bày, bìa, tạo Ebook
matthoigian2001@

* * *

Copyright © Rạng Đông giữ Bản quyền



Rạng Đông
phát hành

Chú thích

[← 1]

bản trích dịch

[← 2]

**Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin-1998 và Nhà xuất bản Văn
nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tái bản năm 2002**

[← 3]

bản dịch (xem chú thích 2)

[← 4]

Cô Gái Tóc Trắng

[← 5]

từ của Lênin dùng để chỉ xã hội tư bản

[← 6]

Liên minh pháp

[← 7]

Khai Minh, 1929

[← 8]

Nhà xuất bản Lương Hữu 1936

[← 9]

mây mù

[← 10]

mura

[← 11]

chóp giật

[← 12]

Nhà xuất bản Khai Minh

[← 13]

Lời nói thật

[← 14]

Tìm kiếm

[← 15]

Nằm bệnh

[← 16]

Đại cách mạng văn hóa (1966 - 75).

[← 17]

Vợ Ba Kim.

[← 18]

Tiểu thuyết bộ ba trong đó có "Gia".

[← 19]

cùng năm 1966

[← 20]

Nhà văn Nhật Bản ở đây là chỉ nhà viết kịch nổi tiếng, ngoài Mục-Hạ-Thuận-Nhị. Ngày 6-4, ở trên tầng thứ 39, khách sạn Tân Đại cốc ở Tokyo, tôi và ông đã "đối thoại" cả một buổi sáng, bởi ngày 4-4 khi phát biểu ở giảng đường Chiêu Nhật ở Tokyo, trong bài nói chuyện "50 năm đời sống văn học", tôi có nói: tôi có thầy giáo Nhật Bản như Điền Sơn, như Mục Hạ Sóc Thực, như Giới Xuyên Long Chỉ... đặc biệt là Đảo Vũ Lang; tác phẩm của họ tôi đọc không nhiều, nhưng tôi thường đọc đến thuộc truyện ngắn *"Với kẻ ấu thơ"*. Ông ấy mới nêu ra, làm sao có thể cùng một lúc yêu thích tác phẩm văn nghệ các trường phái khác nhau được.

[← 21]
Mỹ

[← 22]

dấu đạo

[← 23]

Nguyên văn bản in của nhà xuất bản là “Tuệ Năng”, chúng tôi biên tập lại cho chuẩn với Danh vị của ngài là Huệ Năng (Lê thanh Minh)

[← 24]

Vỡ ngọc tức là chết, xem bài: "Nhớ đồng chí Lão Xá".

[← 25]

muôn năm, muôn năm

[← 26]

Một tập trong bộ ba “Dòng nước xiết” Gia, Xuân, Thu viết trước kháng chiến chống Nhật.

[← 27]

"Tà thư": là những tác phẩm bị coi là sách độc hại.

[← 28]

Cháu ngoại

Dưới đây xin chép một đoạn nguyên văn của *Tĩnh Thượng (Ngô Thụ Văn dịch)*, "Câu chuyện Lão Xá kể, nội dung như thế này:

Ngày xưa ngày xưa, ở Trung Quốc có một người nhà giàu, đã hỏ công ra thu thập được rất nhiều đồ cổ quý giá. về sau do thất bại trong việc làm ăn, ông đành phải lần lượt bán hết những thứ đồ cổ ấy đi và từ một người giàu có, ông trở nên một gã ăn mày. Thế nhưng cho dù đã trở thành ăn mày, ông vẫn không nỡ rời xa cái ấm trà đó, luôn mang theo bên mình lang thang khắp nơi. Một lão nhà giàu khác biết chuyện này, đã tìm trăm phương ngàn kế để chiếm đoạt chiếc ấm đó. Lão đã trả giá rất cao, tuy đã mấy lần trao đổi nhưng người ăn mày vẫn không chịu nhả ra. Cứ như thế mấy năm trời, người ăn mày đã già lụ khụ, ngay đi lại cũng thấy khó khăn. Lão nhà giàu liền cho người ăn mày nhà ở, cơm ăn, ngầm chờ ông chết đi. Không bao lâu, ông ăn mày già quá, ốm chết. Lão nhà giàu hết sức hí hửng, nghĩ rằng cái ngày trông đợi từ lâu đã tới. Nhưng nào ngờ, trước lúc trút hơi thở cuối cùng, ông lão ăn mày đã ném cái ấm ra sân, vỡ tan ra từng mảnh.

[← 30]

Xem bài đặc biệt "Dị dạng cũng là bình thường", báo "Đại công báo", "Đại công viên"-Hồng Kông 25-1.

[← 31]

**Xem "Đại công báo, Đại công viên" Hồng Kông ngày 4-2.
Nguyên văn là: "Trong vận động chính trị, bản thân mình bị xô
đẩy, chịu đủ mọi sự giầy vò của kẻ khác, song bản thân xin
ngàn lần chớ nên tự giầy vò mình.**

[← 32]

Xem "Thần khúc-Địa ngục", Khúc thứ ba. Acheronte là con sông đầu tiên trong 4 con sông dưới địa ngục. Caron lái thuyền sang, lớn tiếng kêu lên: "Ta dẫn các người sang bờ bên kia, đến nơi đen tối vĩnh hằng..."

[← 33]

gào thét

[← 34]

Ở Trung Quốc, khi khâm liệm người ta dùng mỹ phẩm trang điểm mặt cho người chết (ND.)

[← 35]

Tạp chí "*Khai quyển*" Hồng Kông.

[← 36]

quyển 1

[← 37]

lao động gương mẫu

[← 38]

trâu, bò - N.D

[← 39]

Monster

[← 40]

Nguyên bản in của Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin là Nagadaki (Có sự nhầm lẫn chẳng?!) chúng tôi biên tập đổi lại cho đúng địa danh của Nhật là Nagasaki (Lê Thanh Minh)

[← 41]

Thần trừ ma tà theo truyền thuyết của Trung Quốc.

[← 42]

gào thét

[← 43]

Bạch dê: Con dê đo Bạch Cư Dị đời Đường đắp. Ở Hàng Châu còn có một con dê do Tô Đông Pha đời Tống đắp gọi là Tô dê.

[← 44]

Quách Mạt Nhược.

[← 45]

nguyên tác của Khrôpatkin

[← 46]

Xem "*Những ký ức khó quên*" **Mã Tiểu Mí**-báo *Hương Cảng* buổi chiều ngày **10-2-1981**

[← 47]

Như phần đã dẫn ở trên.

[← 48]

Nhà văn hiện thực Pháp thế kỷ thứ XIX.

[← 49]

Xuyến chỉ là giấy được làm ở Trung Quốc chuyên để dùng cho việc vẽ tranh Thuỷ mặc và viết thư pháp, tựa như giấy Dó của Việt nam (Lê Thanh Minh). Nguyên văn theo sách in của NXB Văn hoá-Thông tin là “Tuyên chỉ” (tối nghĩa, xa sự thực)

[← 50]

Một loại ca kịch địa phương của tỉnh Tứ Xuyên (N-D)

[← 51]

Tác giả mới, tiểu thuyết "Bài ca tuổi trẻ"

[← 52]

Phải chăng là trường Trung học Thuộc địa (?) (L. T. M)

[← 53]

Về Hồ Phong, đã công bố trên tờ *Nhân dân nhật báo*.

[← 54]

Tạm dịch:

Qua sông lúc sáng sớm,

Thành núi còn nồng,

Du tử không gặt lệ,

Còn ôm chút lòng trung

[← 55]

Tác phẩm của Ba Kim

[← 56]

“Hàn dạ” là tên cuốn tiểu thuyết của Ba Kim

[← 57]

Dạng thức hí có lẽ là tên một bài hát phổ biến thời Cách mạng văn hóa.

[← 58]

“Nha nội” chỉ các cậu ấm con của các vị quan to triều Tống (Cao nha nội đây) ám chỉ mấy ông quan cách mạng lộng hành.

[← 59]

Văn cách, chỉ cuộc Đại Cách mạng Văn hoá Trung Quốc

[← 60]

Nhiếp Nhĩ (1912-1955), người sáng tác quốc ca Trung Quốc.

[← 61]

Lâm Tắc Từ (1785-1850) nhân vật kiên quyết chống đế quốc Anh trong cuộc chiến tranh Nha phiến

[← 62]

Hạo kiếp là đại tai nạn, chỉ cuộc đại cách mạng văn hóa.

[← 63]

Bồi đắp là người bị đắp phụ.

[← 64]

Văn Nhất Đa: nhà văn Trung Quốc bị phát xít Nhật giết ở Xingapo (1945)..

[← 65]

Lỗ Tấn mất năm 1936, tính đến khi tác giả viết bài “Hoài niệm” này là 45 năm.

[← 66]

Vạn quốc Tần Nghi quán là tên một viện tổng táng ma chay ở Thượng Hải thời bấy giờ.

[← 67]

Ấm chỉ thời Đại cách mạng văn hoá.

[← 68]

Chỉ các "nhà văn" Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên trong "lũ bốn tên".

[← 69]

Chỉ Phân hội liên hiệp các Nhà văn Thượng Hải

[← 70]

Rutxô, nhà văn Pháp thế kỷ 19, tác giả thiên hồi kí "Những lời thú nhận".

[← 71]

Mười năm là tỉnh từ năm 1966 đến 1976.

[← 72]

Từ Mậu Dung, xem *Tạp văn Lỗ Tấn*, Tập 3

[← 73]

Hứa Quảng Bình: vợ Lỗ Tấn.

[← 74]

Trường cán bộ 5-7, là trại cải tạo cán bộ, trí thức.

[← 75]

Cảnh Tống, là tên hiệu bà, Hứa Quảng Bình, vợ Lỗ Tấn.